

**NGUYỄN TẤN LONG
NGUYỄN HỮU TRỌNG**

VIỆT - NAM

THI - NHÂN TIỀN - CHIẾN

Quyển Thượng



Tên sách : VIỆT-NAM THI-NHÂN TIỀN-CHIẾN
QUYỀN THƯỢNG

Tác giả : NGUYỄN TẤN LONG – NGUYỄN HỮU TRỌNG

Nhà xuất bản : SỐNG MỚI

Năm xuất bản : 1968

Nguồn sách : Thích Đức Châu

Đánh máy : windyclover, huonggiang, ThanhVan, cakeo, Linh_tt,
Searatsuki, Kimduyen, Nhapcua, Songsongsau, Juyci, trung_luoc,
thaytumap, quyche, nhnhien, Uyên Bùi, kvkhuong, mientay2012,
thuhang1319, ZzmarszZ97, satsukiphan, uZumni, lovesnake289, yuubui,
kimtientang, ngotheanh86, thuythaolien, 912209288

Kiểm tra chính tả : vavavoom14, kimngan_810, retsroi, Lười Đọc Sách, Lại
Thị Thu Hà, thaole92, Thiên Vũ, lotus, Hanna Le, Caruri, Trương Thu
Trang, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Tuấn Anh

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 21/03/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỔ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả NGUYỄN TẤN LONG – NGUYỄN HỮU TRỌNG và
nhà xuất bản SỐNG MỚI đã chia sẻ kiến thức đến người đọc.**

MỤC LỤC

QUÁ TRÌNH SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA NỀN THƠ MỚI

TẢN-ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU (1888-1939)

Nhớ mộng

Tống biệt

Vịnh bức dư đồ rách

Thề non nước

Lại say

Còn chơi

Hầu Trời

THI TUYỂN

Hủ nhơ lo việc đời

Lo văn ế

Ngày xuân nhớ xuân

Thăm mã cũ bên đường

Gặp xuân

Khuyên người giúp dân lụt

Say

Thơ đề thay bài tựa

Trần ai tri kỷ

Hài đàm « Thơ Mới »

Phong thi

Thơ rượu

Gió Thu

THƠ DỊCH

Hoàng-hạc lâu

Gác Hoàng-hạc

Tự thuật

Nói về mình

Trì Thương

Trên ao

Dịch-thuỷ tổng biệt

Sông Dịch tiễn biệt

Khuê oán

Nhớ chồng

Oán tình

Buồn vì tình

TƯƠNG-PHỐ NỮ SĨ

Ước chi

Anh hẹn

Xuân lạnh

Mấy độ sen tàn

Mong thư

Từ đây

Nhìn ảnh

THI, VĂN TUYỂN

Giọt lệ thu

Tự tình

Em còn nhớ

[Bước chân ra](#)

[Tái tiểu sầu ngâm](#)

[Khúc thu hận](#)

[Bình Hương lỗi nguyện](#)

[Chia phôi](#)

[Nụ cười dưới trăng](#)

[Ngày giỗ nhớ](#)

[Sương giá lòng em](#)

[Tim em](#)

[Thu tâm sự](#)

[Sau cơn mưa gió](#)

[PHAN KHÔI \(1887-1959\)](#)

[Bài học Phan Khôi](#)

[Độc lịch... giết lầm !](#)

[THI, VĂN TUYẾN](#)

[Trên dòng sông Nhuệ – Tình già](#)

[Hai mươi bốn năm sau](#)

[Chơi thuyền sông Tân-bình](#)

[Cảm đề khi đọc bản dịch Thủy-hử của Á-Nam Trần tuấn Khải](#)

[Thơ Phan Khôi](#)

[Hớt tóc](#)

[Hồng gai](#)

[Nắng chiều](#)

[Các ác ý bởi nghề nghiệp](#)

[« Văn học tiểu thuyết » là cái quái gì](#)

[Ông Năm Chuột](#)

[Bài hát bán tre](#)

[Ông bình vôi](#)

[LƯU TRỌNG LƯ](#)

[Trên đường đời](#)

[Văng khách thơ](#)

[Thơ thách họa các cụ đồ](#)

[Suối mây](#)

[Mưa... mưa mãi](#)

[THI TUYỂN](#)

[Thú đau thương](#)

[Mộng Oanh Oanh](#)

[Nắng mới](#)

[Thơ sầu rụng](#)

[Lại uống](#)

[Hôm qua](#)

[Điều huyền](#)

[Một chút tình](#)

[Gió](#)

[Tiếng thu](#)

[Giang hồ](#)

[Một mùa đông](#)

[Tình điên](#)

[Sứ giả](#)

[Thuyền mộng](#)

Túp lều cũ

Xin rước cô em

Hoàng hôn

Chia ly

Trăng lên

Cảnh thiên đường

Còn chi nữa

Trên bãi biển

Bâng khuâng

Khi thu lá rụng

Mộng chiều về

O tiếp tế

NGUYỄN THỊ MANH-MANH

THI TUYỂN

Viếng phòng vắng

Hai cô thiếu nữ

Bức thư gọi cho tất cả ai ưa hay là ghét lối thơ mới

THẾ LỮ

Truyện lạc

Ác mộng

THI TUYỂN

Nhớ rừng

Cây đàn muôn điệu

Mấy vần ngâm thơ

Tiếng gọi bên sông

Bên sông đưa khách

Tiếng trúc tuyệt vời

Giây phút chạnh lòng

Lựa tiếng đàn

Ý thơ

Lời than thở của nàng mỹ thuật

Tự trào

Vẻ đẹp thoáng qua

Trả lời

Giục hồn thơ

Đêm mưa gió

Ma túy

Trưa

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP (1914-1938)

THI TUYỂN

Sơn-Tinh Thủy-Tinh

Chùa Hương

Một buổi chiều xuân

Tay ngà

Giếng Trọng-Thủy

My-Châu

Đi cống

My-ê

Nguyễn thị Kim khóc Lê Chiêu-Thống

Mây

NGUYỄN BÌNH (1919-1966)

Người hàng xóm

Ghen

Cuộc đời của Nguyễn-Bính đi trong khói lửa chiến chinh

Một giai thoại về Nguyễn-Bính và nhà thơ Kiên-Giang

THI TUYỂN

Lỡ bước sang ngang

Tương tư

Bước đi bước nữa

Xuân về

Cô hái mơ

Cô lái đò

Hà-nội ba mươi sáu phố phường

Vấn vợ

Những bóng người trên sân ga

Lòng người trinh nữ

Thôi nàng ở lại

Dòng dư lệ

Hôn nhau lần cuối

Rượu xuân

Thoi tơ

Khăn hồng

Lòng mẹ

Vâng

Lòng nào dám tưởng

Giọt nển hồng

Dối lòng

My-nương

Áo đẹp

Người con gái ở lầu hoa

Thanh đạm

Cầu nguyện

Một lần

Lòng.yêu đương

Một nghìn cửa sổ

Tĩnh giấc chiêm bao

Tỳ bà truyện

THANH-TỊNH

THI TUYỂN

Tơ trời với tơ lòng

Mòn mỏi

Lời cuối cùng

Et s'il revenait un jour

Nếu chàng trở lại

Hoa giấy và hoa đồng quê

Lời than thở của đồng quê

Cô lán.giềng tôi

Thất vọng trên thất vọng

Tiếng.gọi của « con tim »

Vàng, máu

Vì đàn cầm tiếng

Tình yêu

Về quê

Tiếng gọi của đồng quê

Nắng mai

Tiếng vọng ban đêm

Muôn bến

Chiều về

NGUYỄN VỸ

Tiếng súng đêm xuân

Sương rơi

Hoàng hôn

Tiếng chuông chùa

Mưa rào

THI TUYẾN

Gửi Trương-Tửu

Hương giang dạ khúc

Hai con chó

Trăng, chó, tù...

Cám ơn ngài

Giấc mơ bom nguyên tử

Chim hấp hối

Hoa phượng

Đêm sầu về

Cũng thể thôi

[Sài-gòn đêm khuya](#)

[Đêm trình](#)

[Đêm giao thừa tắm biển](#)

[Hoa lệ](#)

[Phổ Thông mười năm cảm nghĩ](#)

[THƠ TRÀO PHÚNG](#)

[Hoa hồng Việt-nam](#)

[Hài nhi lai Mèo vút trôi sông...](#)

[Diệu-Huyền không hoan nghênh ông Thiệu câu cá](#)

[Dâng đức Khổng-tử](#)

[Bà hoả viếng Bộ Văn hoá Giáo-dục](#)

[Vài nét phác hoạ về Tao-đàn Bạch Nga Của Nguyễn Vỹ](#)

[T.T.KH.](#)

[THI TUYỂN](#)

[Hai sắc hoa ty-gôn](#)

[Bài thơ thứ nhất](#)

[Đan áo cho chồng](#)

[Bài thơ cuối cùng](#)

[Hoa ty-gôn](#)

[Thu ngục thất](#)

[Tan vỡ](#)

[THÂM-TÂM \(1917-1948\)](#)

[THI TUYỂN](#)

[Màu máu ty-gôn](#)

[Gửi T.T.Kh](#)

Dang dở

Tổng biệt hành

Vọng nhân hành

Hoa gạo

Chết

Một mảnh tình (?)

Ngậm ngùi cố sự

Vạn lý trường thành

Chào Hương-sơn

Tráng Ca

Lưu biệt

Ngược gió

Phụ Lục : NGHI ÁN T. T. KH và THÂM TÂM

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Vườn tâm sự

Quên

Chết nửa vời

Đô-thành hoa lệ

Lửa cháy băng tan

Thôi hết bản khoăn

THI TUYỂN

U tình

Hồn giỗi

Tối tân hôn

Mười hai tháng sáu

[Mời say](#)

[Phương xa](#)

[Buồn đêm đông](#)

[Hơi tàn Đông Á](#)

[Bài ca siêu thoát](#)

[Bài ca sông Dịch](#)

[Lá thư ngày trước](#)

[Chậm quá rồi](#)

[Bạc tình](#)

[Lửa từ bi](#)

[Nỗi lửa từ bi](#)

[Người với người](#)

[Bánh xe Diệu Pháp](#)

[Nguyện cầu](#)

[**XUÂN-DIỆU**](#)

[Riêng tây](#)

[Sầu](#)

[Tương tư chiều](#)

[Hoa đêm](#)

[Cuộc đời Xuân Diệu xuyên qua thi ca](#)

[Dại khờ](#)

[Nguyện nhân thành công trong thi ca của Xuân-Diệu](#)

[Hoa nở để mà tàn](#)

[**THI TUYỂN**](#)

[Cảm xúc](#)

[Thời gian](#)

[Yêu](#)

[Hẹn hò](#)

[Vội vàng](#)

[Hư vô](#)

[Tặng thơ](#)

[Kỷ niệm](#)

[Hết ngày hết tháng](#)

[Muộn màng](#)

[Trăng](#)

[Phải nói](#)

[Chỉ ở lòng ta](#)

[Xuân đâu](#)

[Ý thoáng](#)

[Giã từ thân thể](#)

[Xuân rụng](#)

[Nguyệt cầm](#)

[Giục giã](#)

[Đây mùa thu tới](#)

[Lời kỹ nữ](#)

[Chiều đợi chờ](#)

[Nhị hồ](#)

[Viễn khách](#)

[Một tình yêu](#)

[Vì sao](#)

[Vô biên](#)

[Giới thiệu](#)

[Tiếng.gió](#)

[Gửi hương cho gió](#)

[Đẹp](#)

[Thanh niên](#)

[Những kẻ đợi chờ](#)

[Buồn trăng](#)

[Tình trai](#)

[Ý thu](#)

[Lạc quan](#)

[Chiều](#)

[Bài thơ tuổi nhỏ](#)

[Giờ tàn](#)

[Biệt ly êm ái](#)

[Cặp hài vạn dặm](#)

[Bên ấy bên này](#)

[Thở than](#)

[Ca tụng](#)

[Trở về](#)

[TIỂU LUẬN](#)

[Giã từ tuổi nhỏ](#)

[Chú lái khờ \(1939\)](#)

[Lệnh](#)

[Lệnh được vâng](#)

Đóa hồng nhưng

Tâm sự của cái giường hư

Quan niệm văn chương sáng tác của XUÂN DIỆU

BÀNG BÁ LÂN

Quê tôi

Người trâu

Tôi yêu

Đôi lời tâm sự

THI TUYỂN

Tịch mịch

Vườn cũ nào đâu, cô hái dâu ?

Kiếp ve

Trưa hè

Cổng làng

Tiếng mưa đêm

Ngồi trông về Bắc

Mùa gặt

Tiếng võng đưa

Dặn dò

Tình trong mưa

Đêm ở làng

Bốn mùa mưa

Mưa sông

Lạc loài

Mơ về Hà-nội

Xóm chợ chiều đông

Vườn dừa

Giếng làng

Trở lại đồng quê

Đói

ANH-THƠ

Vườn xưa

Trở lại đồng quê

Viếng nhà tổ phụ

THI TUYỂN

Đại hạn

Chiếc nón quai thao

Rằm tháng bảy

Vào hè

Đêm đông tố

Chiều ba mươi tết

Đêm ba mươi tết

Ngày tết

Bến đò ngày phiên chợ

Chợ mùa hè

Chiếc cồng thơ

Đêm trăng xuân

Buổi gặt chiều

Chiều xuân

Bến đò ngày xưa

[Sáng hè](#)

[Trưa hè](#)

[Xuân quê](#)

[Đêm ba mươi tết gửi Ai Mai](#)

[Nàng tiên](#)

[Sớm hè](#)

[Nắng](#)

[Nhớ dài](#)

[NGUYỄN GIANG](#)

[THI TUYỂN](#)

[Con đường nắng](#)

[Mẹ](#)

[Xuân](#)

[Thu ngâm](#)

[Chant d'automne](#)

[PHẠM ĐÌNH TÂN](#)

[THI TUYỂN](#)

[Mẹ và con](#)

[Một phút lành thôi](#)

[Dâng thơ](#)

[Đau đớn](#)

[Trở về](#)

[Tìm bình an](#)

[Phút buồn thương](#)

[Đá vọng.phu](#)

[U trầm](#)

[Thành xưa](#)

[Bãi tha ma](#)

[Ý đêm](#)

[Tổ thông](#)

Thi nhân là kẻ hòa lòng mình vào cảnh vật. Tiếng nói của họ là tiếng nói của sinh hoạt thiên nhiên. Đọc lại thơ của họ là đọc lại hình ảnh của tâm linh và nghệ thuật.

QUÁ TRÌNH SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA NỀN THƠ MỚI

TRÊN lịch sử văn học Việt-nam, phải nói năm 1932 đã xảy ra một sự kiện quan trọng. Có thể coi đó là một biến cố lịch sử, làm đảo lộn cả khuynh hướng tư tưởng, thành hình một hướng đi mới, và mọi ý thức mới về văn nghệ.

Nếu bảo thể hệ văn học 1932 là thời kỳ thoát thai, thì chính sự thụ thai của nó là thời kỳ 1922-1926. Vào lúc đó, chúng ta thấy những thất bại quân sự làm tắt lịm mọi niềm tin, gieo mầm chán nản vào lớp sĩ phu khiến họ không còn nghĩ đến chiến đấu. Những bậc túc nho đi tìm quên lãng trong việc khảo cứu, dịch sách, viết báo ; lớp người trẻ thì say sưa đi tìm những cảm giác mê lương, ốm yếu để rồi tự hủy mình trong tuyệt vọng trước một viễn cảnh tương lai đen tối.

Tình trạng bi quan quá độ đó đã tạo một phản ứng nổi dậy từ cuộc sống bế tắc. Vào đêm mùng 9 tháng 2 năm 1930, dưới sự lãnh đạo của Việt-nam Quốc-dân Đảng, cách mạng bùng nổ ở Yên-bái, báo hiệu sự vùng dậy của toàn dân Việt-nam chống thực dân Pháp.

Tuy thiếu tổ chức, đảng cách mạng thất bại, song cũng gây được ảnh hưởng lớn lao về tinh thần tự cường dân tộc. Cũng trong năm 1930, nhiều đảng phái mới ra đời chứng tỏ một thực trạng bị dồn nén đã đến lúc nổ tung.

Nhận thấy tinh thần quật khởi đang bùng bùng khó lòng dập tắt, nên người Pháp bắt đầu năm 1930 tỏ ra mềm mỏng người Việt-nam, tung ra nhiều hứa hẹn. Đặc biệt vào năm 1932, họ lợi dụng cơ hội vua Bảo-Đại hồi hương gây thành một phong trào cởi mở giả tạo, cốt làm cho các phần tử có tinh

thần quốc gia tin vào vai trò khai hóa của người Pháp sẽ đưa Việt-nam đến một tương lai rực rỡ.

Thật vậy, không những người Pháp tỏ ra hoan hỉ, không những người dân đơn sơ tỏ ra vui mừng vì có được một vị vua đầu tiên văn minh tân tiến, mà cả dư luận báo chí toàn quốc đều hưởng ứng. Các nhật báo, tuần báo, nguyệt báo đều có những bài xã thuyết bàn về việc Bảo-Đại hồi loan coi như một biến cố chính trị quan trọng, hứa hẹn nhiều với quốc dân.

Chủ trương của vua Bảo-Đại cũng như người Pháp lúc ấy là hô hào canh tân, xây dựng một nước Việt-nam mới. Trong bài chỉ dụ canh tân nội các, cũng như bài diễn văn đọc tại điện Cần-chính, vua Bảo-Đại nhấn mạnh đến tính cách đổi mới chế độ :

« Chí tôi muốn từ bỏ những cách chính trị quá cũ, không thích hợp với thời đại này. Tôi muốn nước Việt-nam tiến bộ theo thời, không kém các nước khác trong thiên hạ nữa. Làm thế không phải là bạo động bách biến, mà là tuần tự canh tân. Nước không đổi mới là nước hỏng. Tôi muốn nước này được hoạt động nên đem hết quyền lực giúp cho tiến hóa, văn minh ».

Tách rời vấn đề chính trị và xã hội, văn học Việt-nam lúc bấy giờ là thế hệ lãnh đạo của *Nam-phong* tạp chí. Nhiều người nói :

« Muốn hiểu xã hội Việt-nam chỉ cần nhìn vào triều đình Huế. Muốn hiểu văn học Việt-nam thời ấy, chỉ cần nhìn vào tạp chí Nam phong. Nam phong là linh hồn văn học thế hệ 1913-1932. »

Câu nói trên tưởng không phải quá đáng. Bởi vì từ năm 1932 trở về trước, các nhà văn chúng ta chưa có ý nghĩ viết sách, xuất bản sách, mà chỉ có thói quen viết văn trên báo. Vậy *Nam phong* hầu như cơ quan ngôn luận duy nhất. Nếu đem đốt hết *Nam phong* đi thì văn học Việt-nam thế hệ 1913-1932 sẽ rỗng tuếch, không có gì để nói nữa.

Thật vậy, trong suốt mười chín năm, tạp chí *Nam phong* hầu như giữ vai trò một viện hàn lâm, uy tín *Nam phong* rất to tát. Người ta coi *Nam*

phong như bậc thầy.

Thế mà năm 1932, những gì trước kia được trọng vọng, được tôn sùng, bỗng chốc long lay tận gốc rễ qua cơn bão văn học.

Nếu trên chính trường những Nguyễn hữu Bài, Võ Liêm, Tôn thất Đàn, Phạm Liệu đã phải về hưu, nhường cho những Ngô đình Diệm, Phạm Quỳnh, Bùi bằng Đoàn thì trên văn đàn những Phạm Quỳnh, Đông-Hồ, Hoàng ngọc Phách, Tương-Phổ... cũng rút lui vào bóng tối để nhường trường sở cho những Nhất-Linh, Khái-Hưng, Lưu trọng Lư, Thế-Lữ.

Điều đáng chú ý là cũng trong thời gian này, nhiều báo chí mới ra đời. Tuy nhiên, không giống các báo khác, năm 1932, có thể nói tuần báo *Phong hóa* là tờ báo dẫn đầu cho thế hệ trẻ. Trong lúc các báo chỉ hoan nghênh khi tiếp nhận những thay đổi mới lạ về chính trị, về xã hội... thì báo *Phong hóa* tiến sâu vào địa hạt văn học, dàn thành mặt trận đánh thẳng vào *Nam phong*, đánh thẳng vào người lãnh đạo *Nam phong*, đánh ngay đường lối chủ trương về tư tưởng, nghệ thuật, tức là phá vỡ cái cơ cấu văn học do *Nam phong* đã kiến tạo và được quốc dân sùng mộ trong mười chín năm qua.

Phong hóa là luồng gió mới thổi tung lớp bụi phủ trên lâu đài văn hóa cũ kỹ, mở đầu những hiện tượng văn học dồn dập xảy đến, báo hiệu sự thành hình một khuynh hướng mới, đánh dấu một chuyển hướng sâu xa của nền văn học Việt-nam.

Nhận thấy văn học Việt-nam thế hệ 1932 là một biến cố lịch sử, thì nền thi ca Việt-nam, một bộ môn của văn học, không thể đứng yên.

Lãnh vực thi ca là nơi ký thác tâm hồn, gởi gắm tình cảm, tất nhiên phải chịu một xáo trộn to lớn.

Nếu những văn nhân thế hệ 1932 ra sức đả phá những gì cũ kỹ, phong tục lễ giáo Khổng Mạnh ràng buộc, lập thành mặt trận tấn tiến chống đối cự học, thì ở lãnh vực thi ca, các thi nhân thế hệ trẻ cũng không ngừng đập

đổ những khuôn sáo cũ kỹ của thời xưa, đưa thi ca đến một hình thức mới, hòa hợp với tư tưởng mới, tình cảm mới, nếp sống mới trong thế hệ mới.

Chính vì vậy mà nền thi ca Việt-nam vươn mình đến một cuộc cách mạng, để lại trên lịch sử thi ca những chứng tích giữa cuộc bút chiến thơ cũ và thơ mới.

Đứng về quan điểm văn học nhận xét thì nền thi ca thế hệ 1932 đã thụ thai từ năm 1917 chứ không phải diễn biến một cách đột ngột.

Trên tờ *Nam phong* tạp chí số 5 tháng 11-1917 nơi bài *Bàn về thơ nôm*, chính Phạm-Quỳnh cũng đã nảy ra ý thức cho thơ cũ là phiền phức, luật lệ ràng buộc, khắc nghiệt không khác luật hình. Ông viết :

« *Người nào thuộc luật thì bằng trắc tất không lộn, vần tất áp, luật tất niêm, điệu tất xứng, đối tất chỉnh, sành những khóe thôi xao, giỏi những cảnh xuất sáo, mà gây nên những bức âm thanh tuyệt diệu. Người nào không thuộc luật thì phạm phải tội ghê gớm, đọc đến mà rùng mình ; nào là tội thất niêm, tội thất luật, tội khổ độc, tội cưỡng áp, tội trùng ý, trùng chữ, điệp điệu...*

« *...Người ta thường nói thơ là tiếng kêu tự nhiên của con tâm. Người Tàu định luật nghiêm cho nghề làm thơ thật là muốn chữa lại, sửa lại cái tiếng kêu ấy cho nó hạp hơn, nhưng cũng nhân đó mà làm mất cái giọng thiên nhiên đi vậy. »*

Ý thức của Phạm-Quỳnh là kết quả của sự cảm thông cái huyền diệu của thơ Pháp, không gò bó, nhưng ông chủ trương « dung hợp », chỉ muốn nói rộng phạm vi niêm luật của thơ nhà để thu thập một ít sắc thái của thơ nước ngoài thôi.

Nếu năm 1917, Phạm-Quỳnh đã có ý thức, nhưng chưa dám mạnh dạn chê bai thơ cũ, thì năm 1928, trên *Đông Pháp thời báo*, Phan Khôi đã lớn tiếng đả kích một cách táo bạo, cho luật lệ thơ cũ là trói buộc, hãm đả, thô tục. Ông viết ở *Chương đàm thi thoại*, trang 46 :

« ...Từ ngày đem thất ngôn luật vào khoa cử rồi thì thể ấy trở nên bó buộc quá mà mất cả sinh thú... Ấy chỉ là luật riêng, dạy về lối làm thi trong khoa cử mà thôi, nào có phải cái phép tắc chính truyền của nghề thi như vậy ? Nhưng mà ngày nay người ta cũng tuân theo, không biết cỏi mình ra khỏi trói. Thấy có một vài cuốn sách quốc ngữ tự xưng dạy phép làm thi mà cũng dạy theo lối thi khoa cử ấy, thì thật tức quá. Thi quý nho nhã, mà đã tục tài thì dạy ai ? »

Năm 1929, liên tiếp một loạt bài của ông Trịnh đình Rư bình luận về văn thơ trên *Phụ nữ tân văn*, ông cho rằng thơ là sản phẩm của chế độ xã hội. Mỗi chế độ xã hội có mỗi tình cảm khuynh hướng khác nhau ; cái hay thời xưa không còn là cái hay bây giờ. Và mỗi thời phải có sự đổi mới. Như Phạm Quỳnh và Phan Khôi trước đây, Trịnh đình Rư cũng cảm thấy lối thơ Đường luật gò bó, nên lên tiếng đả kích ở báo *Phụ nữ tân văn* số 29, ngày 21-11-1929 :

« Lối thơ Đường luật bó buộc người làm thơ phải theo khuôn phép tỉ mỉ, mất cả hứng thú tự do, ý tưởng dồi dào. Nếu ngày nay, ta cứ sùng thượng lối thơ ấy mãi thì làng văn nôм ta không có ngày đổi mới được... »

Tuy nhiên, dù bất mãn với lối thơ cũ, khuyên mọi người nên cải tiến, ông Trịnh đình Rư cũng không đề ra được một lối thơ nào mới, mà chỉ đề nghị nên lấy hai lối thơ lục bát và song thất lục bát ; theo ông, hai thể thơ này dễ làm, không bó buộc, lại có tính chất Việt-nam.

Ông Trịnh đình Rư cũng tán thưởng thơ song thất lục bát, cho thể thơ này có tính chất Việt-nam, chẳng những hay hơn thơ Đường luật mà còn hay hơn thơ lục bát nữa vì nó uyển chuyển, tự do hơn.

Ý thức canh tân về thi ca của ông Trịnh đình Rư rất mạnh, nhưng có lẽ ông không tìm ra lối thơ mới nào để thay thế thơ cũ nên phải nghĩ đến thơ lục bát.

Lấy hai thể thơ này làm thơ độc tôn cho Việt-nam, đó là một sự lúng túng của ông Trịnh đình Rư trên địa hạt canh tân. Vì ông thấy ngoài mảnh đất ấy ra không còn biết bám víu vào đâu nữa.

Xem thế, chúng ta thấy trước năm 1932 là một thời kỳ bế tắc về thi ca. Bế tắc ở chỗ cái cũ không còn thích hợp nữa, cái mới chưa tìm ra, tình cảm con người bị cô đọng mà không có lối thoát.

Phải đợi mãi đến ngày 10 tháng 3 năm 1932, *Phụ nữ tân văn* mới cho nổ trái bom cách mạng vào thành trì thơ cũ, làm cho nền móng thơ cũ sụp đổ tan tành, mà người chỉ huy cuộc tấn công này là Phan Khôi. Nếu từ năm 1917 là thời kỳ thai nghén thì năm 1932 là thời kỳ thoát thai của thơ mới. Tiếng khóc chào đời đầu tiên là tiếng khóc « Tình già » của đứa con Phan Khôi. Đứa con « Tình già » ấy phải được coi là tên lính xung phong vào thành trì thơ cũ. Trong bài *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ* viết ở *Phụ nữ tân văn* số 122 (10-3-1932) để phân trần, Phan Khôi đã cho việc khai sinh đứa con « Tình già » của ông là một hành động mạo hiểm. Ông viết :

« Mới đây tôi có gặp ông Phạm Quỳnh... Ông Phạm bảo tôi nên lấy lại cái thái độ ngâm thơ hồi trước. Trong đó tỏ rằng bấy lâu tôi đã bỏ mất hay đã đổi cái thái độ ấy đi, nghĩa là bấy lâu nay tôi không ngâm thơ. Mà quả thế, gần mười năm tôi không có bài thơ nào hết, thơ bằng chữ gì cũng không có.

« Trước kia tôi dẫu không có tên tuổi trong làng thơ như ông Nguyễn khắc Hiếu, ông Trần tuần Khải, song ít ra trong một năm tôi cũng có được năm bảy bài hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ nôm. Mà năm bảy bài của tôi không phải là nói phách, đều là năm bảy bài nghe được. Vậy mà gần mười năm nay, mót lắm chỉ được một vài bài mà thôi, thì kể như là không có.

« Xin thú thật với mấy ông thợ thơ. Không có không phải là tại tôi không muốn làm, hay không thèm làm, nhưng tại tôi làm không được.

« Vậy thì hiện nay đừng nói tôi không chịu nhận lời khuyên của ông Phạm, dầu tôi có nhận lời đi nữa, mà tôi không còn làm thơ được, thì ông mới xử trí cho tôi ra làm sao. Đó, chính là cái vấn đề ở chỗ đó rồi.

« Lâu nay, mỗi khi có hứng, tôi toan giở ra ngâm vịnh thì cái hồn thơ của tôi bị lúng túng. Thơ chữ Hán ư ? Thì ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch, ông Tô choán trong đầu tôi rồi. Thơ nôm ư ? Thì cụ Tiên-Điền, bà Huyện Thanh-quan đè ngang ngực làm cho tôi thở không ra. Cái ý nào mình muốn nói lại không nói ra được nữa, thì đọc đi đọc lại nghe như họ đã nói rồi. Cái ý nào chưa nói, mình muốn nói ra thì lại bị những niêm luật bó buộc mà nói không được. Té ra mình cứ loanh quanh lẫn quẩn trong lòng bàn tay của họ hoài, thật là dễ tức.

« Duy tân đi ! Cải lương đi ! »

Nếu chỉ đả kích và bất mãn lối thơ cũ thì việc đó trước đây Phạm Quỳnh và Trịnh đình Rư đã làm, không có gì đáng nói. Nhưng Phan Khôi sau khi công kích, liền trình làng đứa con *Tình già* của ông (xin xem bài thơ *Tình già* ở phần Phan Khôi).

Một bài thơ mới đầu tiên, mới cả về cách gieo vần lẫn điệu, cách dùng tiếng. Câu thơ dài thướt lướt, ngắn nhất cũng trên mười chữ, dài nhất cũng tới mười sáu, mười bảy chữ, luật bằng trắc bị phá vỡ hoàn toàn. Ông Phan Khôi viết :

« Đó là bài thơ tôi làm trước đây mấy tháng mà tôi kêu là một lối thơ mới đó. Chẳng phải vì tôi hiếu sự, nhưng vì tôi hết chỗ ở trong vòng lãnh đạo của thơ cũ ; tôi phải đi kiếm miếng đất mới, mà miếng đất tôi kiếm được đó chẳng biết có được không, nên mới ra mà trình chánh giữa làng thơ. Chẳng phải tôi là người thứ nhất làm ra việc này. Hơn mười năm trước ở Hà-nội cũng có một vị thanh niên làm việc ấy mà bị thất bại. Tôi lại đại

gì lại đi theo cái dấu xe đã úp ? Nhưng tôi tin rằng cái lối thơ cũ của ta đã hết chỗ hay rồi, chẳng khác một đế đô mà vượng khí đã tiêu trầm, ta phải kiếm nơi khác mà đóng đô. Tôi cảm chắc việc đề xướng của tôi sẽ thất bại lần nữa, nhưng tôi tin rằng sau này có người làm như tôi mà thành công. »

Quả đúng như lời phân trần, việc làm của ông không vì danh vì hiếu sự, mà chính vì tình cảnh thúc bách, ý hướng duy tân, tìm một mảnh đất mới cho thế hệ trẻ.

Chính Phan Khôi đã đau lòng khi xác nhận điều này : *« Thay đổi một chế độ xã hội còn dễ hơn thay đổi một khuynh hướng trong con người »*. Vậy thì thái độ và tình cảm lưu luyến trong bài *Tình già* chính ông Phan Khôi đã bộc lộ sự khó khăn ấy. Tuy nhiên, cuối cùng ông mạnh dạn đoạn tuyệt tình xưa.

Lời tiên tri thứ nhất của Phan Khôi rất đúng. Bài thơ « hỗn loạn » của ông đưa ra liền bị ngay nhiều người chỉ trích. Họ cho là cái quái thai thời đại, một điều sỉ nhục cho văn học. Họ nhìn đứa con đầu lòng của thế hệ thơ trẻ với đôi mắt khắc nghiệt, đầy đe dọa, muốn bóp chết nó ngay khi cất đôi tiếng chào đời.

Nhưng nếu lời tiên tri thứ nhất của ông đúng thì lời tiên tri thứ hai cũng không sai.

Chính Lưu trọng Lư đã theo chân ông mà thành công.

Vào tháng 6 năm 1932, trên *Phụ nữ tân văn* số 153 có đăng một bức thư của Lưu trọng Lư gửi cho Phan Khôi tỏ ý hưởng ứng, trách Phan Khôi đánh trống bỏ dùi, không tiếp tục sứ mệnh khai phá mảnh đất thơ mới.

Bức thư Lưu trọng Lư là lời hưởng ứng đầu tiên, là tiếng nói thiết tha trên thi đàn. Tuy mang tính chất cá nhân, nhưng đại diện cho ước vọng tập thể của thế hệ.

Cái gì có xướng họa tất phải gây phong trào, thì bức thư của Lưu trọng Lư là mồi lửa đầu tiên châm vào làm nổ ngòi tranh luận giữa hai phái thơ cũ, thơ mới.

Người công kích đầu tiên và mạnh mẽ nhất có lẽ là ông Vân-Bằng. Trên *An-nam tạp chí* ra ngày 30-4-1932 số 39, Vân-Bằng viết bài *Tôi thất vọng vì Phan Khôi* lấy cớ Phan Khôi thất lễ với Nguyễn tiến Lãng, chê trách Phan Khôi là con người lập dị, việc gì cũng muốn làm khác người.

Nếu bất mãn vì việc khai sinh một lối thơ mới mà đả kích Phan Khôi, đem ý thức tranh luận thì chẳng nói làm chi. Cái « độc địa » của Vân-Bằng là thấy phong trào thơ mới được số đông hưởng ứng, nên muốn « hạ » ngay người đề xướng bằng cách bôi lọ, phá uy tín Phan Khôi.

Thế là ngòi thuốc súng bùng nổ !

Luồng gió mới thổi đến âm ầm. Báo *Phong hóa* số 14 ngày 22-9-1932 lên tiếng kịch liệt đả kích thơ cũ, hô hào bênh vực thơ mới. *Phong hóa* viết :

« ...*Phong hóa* đã bàn về những chỗ không hay, không hay vì bị bó buộc vào trong khuôn sáo của lối thơ Đường luật.

...*Bỏ luật, niêm, đối, bỏ điển tích, sáo ngữ, nghĩa là tóm tắt, đừng bắt chước cổ nhân một cách nô lệ. Thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng.* »

Nếu trong lãnh vực văn chương trước đây có cuộc tranh luận giữa hai khuynh hướng cũ mới, chỉ dùng báo chí làm chiến trường, dùng bút mực làm vũ khí thì nay trong lãnh vực thi ca, người ta dùng cả hai mặt : khẩu chiến và bút chiến.

Theo lời tường thuật của Hoài-Thanh – Hoài-Chân, bài *Một thời đại thi ca* trong quyển *Thi nhân Việt-nam* viết :

« ...Ngày 26 tháng 7 năm 1933, một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn thị Kiêm, đã lên diễn đàn Hội Khuyến-học Sài-gòn hết sức tán dương thơ

mới. Hội Khuyến-học Sài-gòn thành lập đến bây giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế.

Nổi gót cô Nguyễn thị Kiêm còn nhiều diễn giả cũng theo một mục đích, giành lấy phần thắng lợi cho thơ mới.

Juin 1934 : Ông Lưu trọng Lữ diễn thuyết tại nhà Học-hội Qui-nhơn.

Janvier 1935 : Ông Đỗ đình Vượng diễn thuyết tại Hội Trí-tri Hà-nội.

Janvier 1935 : Cô Nguyễn thị Kiêm lại diễn thuyết tại Hội Khuyến-học Sài-gòn để tranh luận với ông Nguyễn văn Hanh.

Novembre 1935 : Ông Vũ đình Liên diễn thuyết tại Hội Trí-tri Nam-định.

Février 1936 : Ông Trương-Tửu diễn thuyết về thơ Bạch Nga tại Hội Khai-trí Tiến-đức Hà-nội. »

Về phái bênh vực thơ cũ cũng có các cuộc diễn thuyết, Hoài-Thanh viết :

« Août 1933 : Một tuần sau cuộc diễn thuyết thứ nhất của cô Nguyễn thị Kiêm, ông Tân-Việt bình bút báo Công luận¹ bênh vực thơ cũ tại diễn đàn Hội Khuyến-học Sài-gòn.

... ..

9 Janvier 1935 : Ông Nguyễn văn Hanh diễn thuyết tại Hội Khuyến-học Sài-gòn.

9 Janvier 1935 : Ông Nguyễn văn Hanh lại diễn thuyết tại Hội Khuyến-học Sài-gòn cùng một hôm với cô Nguyễn thị Kiêm (diễn thuyết tranh luận).

Août 1937 : Ông Nguyễn văn Hanh diễn thuyết tại Hội Quảng-trị Huế.
» (Hoài-Thanh – Hoài-Chân, Thi nhân Việt-nam)

Về mặt bút chiến lại càng sôi nổi hơn.

Phái bênh vực thơ cũ :

« Octobre 1933 : Văn học tạp chí Hà-nội chê các nhà thơ mới không biết cân nhắc chữ dùng.

Novembre – Décembre 1934 : Tản-Đà nói chuyện thơ mới thơ cũ trên Tiểu thuyết thứ bảy.

Décembre 1934 : Trên Văn học tạp chí, ông Hoàng duy Từ phản đối bài diễn thuyết của ông Lưu trọng Lư tại nhà Học-hội Qui-nhơn.

Avril 1935 : Hai ông Tường-Vân và Phi-Vân xuất bản tập thơ cũ « Những bông hoa trái mùa » ở Vinh.

Juin 1935 : Ông Tùng-Lâm Lê cương Phụng công kích thơ mới trên Văn học tuần san Sài-gòn.

Avril 1936 : Ông Thái-Phi công kích thơ mới trên báo Tin văn Hà-nội.

Juin 1941 : Ông Huỳnh thúc Kháng, sau nhiều lần chỉ trích và mạt sát, cả quyết rằng thơ mới đã đến ngày mạt vận. » (Hoài-Thanh – Hoài-Chân, Thi nhân Việt-nam)

Phái bênh vực thơ mới :

« Tháng 6-1933 : Lưu trọng Lư xuất bản « Người sơn nhân » kịch liệt đả phá thơ cũ và thiết tha với thơ mới.

Tháng 12-1934 : Lưu trọng Lư gửi hai bức thư lên Khê-thượng nói chuyện thơ mới với Tản-Đà đăng ở Tiểu thuyết thứ bảy số 29 và số 34.

Tháng 1-1935 : Ông Lê trảng Kiều viết tám bài đăng ở Văn học tạp chí và Hà-nội báo (1936) để trả lời ông Tùng-Lâm và Thái-Phi, nội dung ca tụng các nhà thơ mới.

Tháng 12-1932 : Phong hóa số 28 bài bác Tản-Đà nơi bài Họa nguyên vận. »

Ngoài ra những đề tài lật vặt có tính cách bênh vực thơ mới rất nhiều.

Nếu ở mặt trận tân học và cựu học chống đối nhau, tân học đưa hai nhân vật điển hình của cựu học là Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh ra để chế diễu, thì ở mặt trận thơ cũ và thơ mới, *Phong hóa* đã lấy Tản-Đà làm điển hình cho thành trì thơ cũ để châm biếm.

Ngược lại, phái thơ cũ cũng không vừa, trên mặt trận khẩu chiến họ chĩa mũi dùi vào cô Nguyễn thị Kiêm bài xích thật độc địa.

Nếu về nữ giới, cô Nguyễn thị Kiêm đã khuấy động mặt trận khẩu chiến, thì bên nam giới, Lưu trọng Lư cũng được mọi người chú ý. Bài diễn thuyết của Lưu trọng Lư có một nội dung hàm súc ý tưởng thiết tha, mới lạ, một cảm quan dị biệt mà thời ấy ít người quan niệm nổi. Tuy không gây được sức phản ứng trực tiếp sôi nổi như cô Nguyễn thị Kiêm, Lưu trọng Lư vẫn được kể vào hàng chiến sĩ trong mặt trận khẩu chiến.

Ở mặt trận bút chiến chúng ta có nhiều tài liệu hơn, tuy nhiên, cũng không thể gộp nhặt đầy đủ những tài liệu bút chiến nầy lửa bị thất lạc.

Nhìn chung, cuộc bút chiến giữa thơ cũ và thơ mới không phải với tính cách cá nhân hay địa phương, trái lại nó đã tạo thành phong trào đối lập từ Nam chí Bắc, chống đối kịch liệt. Các cơ quan ngôn luận hầu hết dùng làm chiến trường cho cuộc bút chiến này.

Về phía thơ cũ có những tờ báo như : *An-nam tạp chí*, *Văn học tạp chí*, *Công luận*, *Tiếng dân*, *Văn học tuần san*, *Tín văn*. Những chiến sĩ nòng cốt của phong trào như : Vân-Băng, Dương tự Quán, Thương-Sơn, Động-Đình, Tùng-Lâm, Thiết-Diện, Đẩu-Tiếp, Tản-Đà, Thái-Phi v.v...

Về phía bênh vực thơ mới có các báo như : *Phong hóa*, *Phụ nữ tân văn*, *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Hà-nội báo*, *Loa*, *Ngày nay*. Những chiến sĩ nòng cốt của phong trào như Lưu trọng Lư, Lê-Ta, Lê tràng Kiêu, Hoài-Thanh, Phan Khôi, Việt-Sinh, v.v...

Ngoài ra, bên nào cũng có một số người không tham gia phong trào, chỉ đứng ngoài ủng hộ.

Duyệt qua mặt trận này, chúng ta ngược lại thời gian từ 1932 trở đi ; trong lúc khắp mặt trận khẩu chiến bùng nổ thì cùng một lúc, cuộc bút chiến trên các báo cũng nổi dậy ứng chiến mãnh liệt.

Mở đầu chiến dịch, báo *Phong hóa* đã kích thơ cũ bằng việc mật sát Tản-Đà trong bài *Họa nguyên vận* (số 28, ngày 30-12-1932) để trả đũa bài *Tửu nhập thi xuất* của Tản-Đà nhằm nhử báo *Phong hóa* ; *Phong hóa* viết :

« Anh lên giọng rượu khuyên Phong-hóa
Sặc sụa hơi men khó người quá
Đã dạy bao lần, tai chẳng nghe,
Hắn còn nhiều phen mồm bị khóa.
Thân mềm chưa chắc đứng ngay đâu,
Lưỡi ngắn thì nên co lại nhé.
Phong-hóa mà không hóa nổi anh,
Túy nhân quả thật là nan hóa. »

Sự thật không phải *Phong hóa* vô tình đưa Tản-Đà ra đả kích, mà họ nhằm vào chủ trương chung tìm mục tiêu để tấn công vào thành trì thơ cũ, vì lúc bấy giờ trên thi đàn, Tản-Đà được coi như tiêu biểu cho khuynh hướng thơ cũ.

Cũng bắt đầu từ đây, ngoài việc viết bài chửi thơ cũ, bên vực thơ mới, *Phong hóa* còn chú trọng nhất về việc đăng tải thơ mới của các bạn thi nhân gởi đến nữa.

Người tham gia phong trào chống thơ cũ hăng say nhất lúc ban đầu chính là Lưu Trọng Lư. Lưu Trọng Lư đã đứng cả về hai mặt khẩu chiến và bút chiến.

Sau khi diễn thuyết ở Học-hội Qui-nhơn, gởi bài đăng ở *Phụ nữ tân văn*, ở *Phong hóa*, Lưu Trọng Lư vẫn chưa lấy làm thỏa mãn, nên tháng 5

năm 1933, khi xuất bản tập tiểu thuyết đầu tiên *Người sơn nhân*, ông còn đính kèm ở phần hai một bài đả kích thơ cũ, ca ngợi thơ mới. Đó là bài *Một cuộc cải cách về thi ca*, nội dung ông ghi nhận là trên thi đàn, khuynh hướng thơ mới đã nảy chồi.

Tiếp đến ngày 20-7-1933, Thạch-Lam đứng trong hàng ngũ mặt trận thơ mới, đưa một vị thanh niên thi sĩ Hồ văn Hảo lên báo *Phụ nữ tân văn* giới thiệu với độc giả bài *Con nhà thất nghiệp*.

Không cần lý thuyết dài dòng, đưa tác phẩm thi ca lên mặt báo phân tích cái hay, cũng là một lối tranh luận rất có hiệu quả.

Ngày 3-8-1933, *Phụ nữ tân văn* số 210 lại giới thiệu thêm bài *Tình thâm* của Hồ văn Hảo, kèm một bài của ông T.L. thuộc phái thơ mới, ông đưa ra lý luận chống lại quan niệm phái thơ cũ đề nghị giữ lại hình thức cũ, chỉ phát huy tư tưởng mới mà thôi.

Bài của T.L. tuy ngắn những biện bạch rất rõ ràng về điểm hình thức và nội dung không thể tách rời.

Thực ra, không thể mặc áo cổ y mà bắn súng. Mỗi thế hệ có một hình thức, một bộ mặt khác nhau. Các cụ thời xưa cũng không thể không thừa nhận như vậy. Tuy nhiên, họ vẫn chống lại quan niệm thơ mới. Đó là vấn đề tâm lý.

Một người cha già nua, đã sống với thế hệ cũ, không muốn đưa con vì đổi mới mà xa lìa mình, hoặc ít ra tạo thành một bức tường ngăn cách giữa tâm hồn già và trẻ. Một dân tộc cũng thế, lớp người lớn không muốn con em mình dựng lên một bức tường chia đôi tư tưởng, từ chối sự trưởng thành trong tình thương của họ.

Khi đã đặt vấn đề cũ, mới tức là đã tạo ý thức chia rẽ giữa hai lớp tuổi tác. Mặt khác lớp người lớn lại thấy con đường giải phóng của thế hệ trẻ chưa có định hướng, chưa có mục tiêu, mà chỉ phá vỡ, đập đổ một ngôi nhà

đang sống, mặc dù xấu xa chật hẹp, để lao mình đến một nơi vô định, chưa biết nguy hiểm hay hạnh phúc ra sao !

Bản chất nghi ngờ và thủ cựu là bản chất của lớp người tuổi tác ; ngược lại tuổi trẻ thì chỉ biết dấn thân vào bánh xe xã hội, nhảy tung vào đà tiến hóa của nhân loại một cách vô tư. Nhân loại bảo họ tiến, luật vũ trụ bảo họ phải nẩy nở để thay thế lớp người sắp tàn. Họ có quyền sống, họ phải được sống, mà họ sống cho họ chứ không phải sống cho những người sắp chết, tại sao buộc họ phải làm một kẻ già nua, cằn cỗi trong lúc nguồn sinh lực của họ nẩy nở dồi dào.

Suốt nửa năm 1933 và 1934, trong lúc cuộc khẩu chiến và bút chiến giữa hai phái thơ cũ mới tranh luận nhau, Tản-Đà hình như tự đặt mình ngoài vòng, mặc dù đã bị báo *Phong hóa* thỉnh thoảng lôi ông ra chế biếm. Tuy nhiên, ngày 30-11-1934, Tản-Đà có viết một loạt bài đăng ở *Tiểu thuyết thứ bảy* nhan đề *Phong trào thơ mới*, ông trình bày với mọi người những bài thơ ông làm cách đây 20 năm ; những bài thơ không theo lối cũ, mà không tự gọi là thơ mới, Tản-Đà dùng lời lẽ ôn hòa cảnh tỉnh lớp người mới, cái mà lớp người trẻ gọi mới, chính Tản-Đà đã trải qua, hay ít nữa đã nếm thử nó. Chỉ có khác ở nội dung, thơ Tản-Đà ý tứ không thiên về lãng mạn như những thơ mới của phái thi nhân trẻ.

Thế thì cái mới của phái trẻ, theo Tản-Đà, chỉ là cái ồ ạt của tâm hồn họ, họ chỉ thấy nội giới tâm hồn mà không thấy ngoại giới vũ trụ. Chỉ trích như vậy, Tản-Đà muốn nói lớp người trẻ chỉ là một động lực hăng say, bông bột và lằm lằm. Vì phần chủ quan quá mạnh, họ có thể tự đánh lừa họ.

Loạt bài của Tản-Đà càng đi sâu vào tính chất tranh luận với những lý lẽ vững chắc và cảm thông.

Sau đây Lưu Trọng Lư liền gửi lên Khê-thượng cho Tản-Đà hai bức thư và được đăng ở *Tiểu thuyết thứ bảy* số 27 (1-12-34) và số 29 (15-12-34). Điều đáng chú ý là khác với thái độ hăng say đả kích lúc ban đầu, lúc này

Lưu trọng Lư nói chuyện với các nhà thơ cũ bằng một tâm hồn cởi mở, một tâm hồn muốn mở ra để đón lấy một tâm hồn.

Phải chăng cuộc bút chiến trong thời gian qua đã gieo vào tâm hồn Lưu trọng Lư một cái gì đau khổ. Đau khổ vì thấy bức tường tư tưởng ngăn cách giữa hai thế hệ, đau khổ vì thấy lớp người sắp bị luật đào thải khỏi xã hội phải ngậm ngùi nhìn con em họ, trước khi họ trở thành người thiên cổ, bàn giao cuộc sống cho thế hệ mai sau.

Cảm thông được lẽ ấy, Lưu trọng Lư đã làm được hai trọng trách trước lịch sử văn học. Thứ nhất, vượt khó khăn, vươn mình tới, dẫn đầu thế hệ trẻ tìm một luồng sinh lực mới cho tâm hồn ; thứ hai là phá hẵn mọi thành kiến, lấy tình cảm làm môi trường hàn gắn những vết thương đã rạn nứt trong cuộc « xung đột » tư tưởng mới cũ.

Rồi vào cuối năm 1934, Hoài-Thanh viết một bài báo đại ý cho rằng không có thơ mới mà cũng không có thơ cũ. Chỉ có thơ mà thôi. Tức là thơ ngày xưa và thơ ngày nay. Theo Hoài-Thanh chỉ có tuyệt tác của thời gian, chứ không có vấn đề cũ mới. Tuy nhiên, Hoài-Thanh nhận rằng có « cái mới » ; ý kiến ấy, phải chăng ông cho rằng không có thơ mới, chỉ có con người mới làm thơ.

Nhận xét của Hoài-Thanh là kết quả sau loạt bài của Tản-Đà. Tản-Đà đưa ra mấy bài thơ theo thể mới mà ông làm từ trước, chính Lưu trọng Lư cũng nhận là mới, nên Hoài-Thanh theo đó phủ nhận sự mới cũ của thơ chẳng.

Hoài-Thanh còn đem ví thi cảm như một dòng sông. Dòng sông bị nước tràn chảy ra ngoài để tạo thêm những dòng sông khác. Tuy ta thấy có nhiều dòng sông, nhưng nước sông chỉ là một ; cũng như ta thấy bề ngoài hình như có thơ cũ và thơ mới, song kỳ thực thơ cũ và thơ mới cũng chỉ là một, chẳng khác những dòng nước chảy thông thương với nhau.

Đầu năm 1935, trên báo *Phong hóa* số 134 (30-1-1935), Tứ-Ly tổng kết phong trào đấu tranh thơ mới trong mục *Thơ mới và quần áo mới*. Dem so sánh thơ mới và quần áo mới, Tứ-Ly đã phản ánh được tâm hồn người Việt-nam lúc bấy giờ. Thơ mới và quần áo mới tuy là hai lãnh vực, nhưng vẫn là một. Nó xuất phát từ ở mỹ cảm, ở khuynh hướng mà ra. Cho nên, khi một tình cảm mới, một tâm hồn mới xâm nhập vào dĩ nhiên hình thức phải đổi khác.

Một chế độ xã hội thay đổi làm cho tâm hồn con người thay đổi, hoặc ngược lại. Vạn vật đều tương quan và sự thay đổi ấy cũng là luật tất nhiên của vũ trụ.

Cuộc bút chiến về thơ mới là một cuộc tranh đấu về ý thức, nó liên hệ đến mỹ cảm, đời sống con người. Cho nên, khi phong trào quần áo tân thời mỗi ngày một thịnh, chúng ta thấy rõ ý thức chuộng mới thắng cuộc, và đó cũng là nguyên nhân đưa phong trào thơ mới đến thắng lợi chung cuộc.

Tuy nhiên, những sự dằng co về ý thức rất phức tạp. Nhất là về mặt tình cảm và phong tục khi đã tiêm nhiễm vào đầu óc con người, thì nhất đán không thể cởi bỏ dứt khoát. Phong trào đổi mới càng mạnh bao nhiêu thì sức phản ứng tăng gia bấy nhiêu. Những bài chỉ trích thơ mới không vì thế mà buông lơ nhịch công kích đều đều của nó.

Ngoài Bắc thì có ông Chắt-Hăng dùng tờ *Văn học tạp chí* làm cơ quan bài bác thơ mới. Trong Nam, ông Tùng-Lâm Lê Cường Phụng dùng tờ *Văn học tuần san* chửi thơ mới quyết liệt.

Theo ông Tùng-Lâm thì lịch sử văn chương từ chỗ phôi thai tiến đến chỗ chặt chẽ, cũng như xã hội loài người, từ chỗ phôi thai tiến đến chỗ có tổ chức trật tự, tạo thành một nếp sống chung. Xã hội loài người từ chỗ rời rạc đi đến chỗ kết đoàn, tổ chức xã hội, đặt ra pháp luật, bảo vệ luật pháp và điều hành cuộc sống.

Còn văn chương từ chỗ phôi thai tiến dần đến chỗ có quy tắc, có luật lệ mỗi ngày một phong phú và chặt chẽ hơn. Như vậy luật lệ trong văn chương là yếu tố minh định sự tiến bộ lọc lừa trải qua thời gian, vượt từng thế hệ. Luật lệ không phải là ràng buộc mà chính là « vật dụng » lọc lừa, đào thải những cái xấu, cái dở, đưa văn chương dần dần đến chỗ tinh vi. Ông còn xác định vị trí thi ca trong lãnh vực nghệ thuật, sánh với điệu đàn, bức họa. Đã là nghệ thuật, dĩ nhiên phải là một công trình đòi hỏi ở công phu, thế thì cái công phu đẽ gọt, tô điểm là việc làm cần thiết của một nghệ sĩ, không thể gọi là gò bó được. Mĩa mai nhất, là ông khinh thường lớp người mới, ông liệt họ vào hạng phàm phu tục tử mà đòi thưởng thức thú tiêu dao. Ông còn chê « bọn thơ mới » là dốt, không hiểu ý vị thơ cũ. Ông đòi « căng nọc » ra đánh như các cụ đồ nho đánh học trò.

Trong cuộc tranh luận, các nhà văn trẻ ranh mãnh, hiểm hóc, thì ông Tùng-Lâm hẳn học một cách đạo mạo của người đàn anh.

Để đương đầu với ông Tùng-Lâm, tờ *Phong hóa* số 148 (10-5-1935) đưa tập thơ *Những bông hoa trái mùa* của hai thi nhân phái cũ lên bàn mổ, Lê-Ta đóng vai bác sĩ mổ xẻ tập thơ này với dụng ý bài kích thơ cũ sáo ngữ. Đây là một « đòn trả » khi ông Tùng-Lâm lên vai ông đồ đòi căng nọc lớp người trẻ ra giảng dạy, chê lớp tân thi nhân là dốt, thì nay Lê-Ta chê lớp người cũ là « nhai lại », chỉ giỏi nghề « xào nấu ».

Đáp lại bài phê bình của Lê-Ta, ông Thiết-Diện lên tiếng bày tỏ thái độ ác cảm trong bài *Quan niệm của tôi đối với thơ mới* ở báo *Văn học tuần san* số 8 (15-8-1935). Thiết-Diện cực lực chê trách thơ mới, coi nó chỉ là thứ đồ rác rưởi, trò múa may quay cuồng của bọn người ngu dốt, có khác nào bọn du đảng ăn mặc rần rì, bọn lăng lơ đi giày cao gót. Theo ông, đã gọi là thơ mới thì phải đổi mới như thơ của Hồ-Thích bên Tàu, chứ chỉ đổi mới bằng cách đem tâm hồn ủy mị, tính chất bạc nhược, tinh thần thua trận, lo cho cá nhân, xa rời đại chúng thì sự đổi mới ấy chẳng ích gì.

Trong lúc phái thơ mới cho thơ cũ là sáo, là « nhai lại », là bắt chước điển tích xưa, thì ông Thiệt-Diện « tổ » ngược lại thơ mới. Trước kia chê rằng thơ cũ mang tính chất thương mây khóc gió, khép mình trong cái bi ai sâu nảo, xem thơ cũ như là chỗ chứa nước mắt, chứa buồn thảm, thì nay, đối với Thiệt-Diện, thơ mới vẫn với giọng điệu ấy, mặc dù không bắt chước tiếng khóc cũ, nhưng lại cũng rên rỉ cho duyên phận, cho ái tình, cho biệt ly, cho đau khổ. Chê người ta than thở, buồn bực, rồi mình lại khóc lóc thảm sầu, theo ông Thiệt-Diện, không có gì mới cả.

Đầu năm 1936, cuộc diện còn trong vòng tranh luận sôi nổi ; với một ngón đòn chiến tranh cân não, ông Lê trảng Kiều kiểm điểm thành tích thơ mới trưởng thành trong phong ba bão táp. Ông ví ba năm va chạm thi ca trong giai đoạn 1932-1936 dài như một thế kỷ. Trên *Hà-nội báo* số 14 (8-4-1936), ông viết bài chúc mừng chiến thắng của thơ mới, ông bảo : « *Từ bao giờ đến bây giờ, người ta đã có mấy lần một tâm hồn hùng tráng như Huy-Thông, dồi dào như Thế-Lữ, huyền diệu như Thái-Can, âm thầm như Đông-Hồ, trong sáng như Nguyễn nhược Pháp, mơ màng như Leiba, buồn nảo như Nguyễn-Vỹ, và, một tâm hồn đầy nhạc, đầy mộng ảnh như Lưu trọng Lư.* »

Rồi ông Lê trảng Kiều trưng ra một loạt thi nhân mới với những sáng tác của họ như những « chiến lợi phẩm ».

Thực ra, ý kiến của Lê trảng Kiều không có gì mới mẻ, cái dí dỏm chỉ ở chỗ ông « dàn trận » theo một phương pháp khác biệt mà thôi.

Theo sau loạt bài của Lê trảng Kiều, phái thơ cũ đưa ra ông Đẩu –Tiếp ứng chiến bằng một loạt bài như muốn kết thúc.

Sau loạt bài của Lê trảng Kiều bênh vực phái thơ mới và Đẩu-Tiếp bênh vực phái thơ cũ, hình như hai bên bắt đầu thu dọn chiến trường. Cuộc bút chiến dịu dần.

*

Xưa nay không cuộc chiến tranh nào không có kết thúc. Nhưng, mọi kết thúc không nhất thiết phải giống nhau. Có những cuộc chiến tranh khi chấm dứt hai bên còn nuôi hận. Có những cuộc chiến tranh tàn phai trong bể bàng, im lặng. Có những cuộc chiến tranh chấm dứt bằng tang tóc đau thương.

Cuộc bút chiến giữa hai nền thơ cũ, mới ở Việt-nam thoát ra ngoài công lệ ấy. Nó kết thúc bằng tình tha thiết của dân tộc, bằng tình thương của lớp người giữa hai thế hệ, bằng nguồn thông cảm của những đứa con cùng chung bầu sữa mẹ.

Hỡi bà Mẹ Việt-nam ! Máu huyết của Mẹ đang chuyển vào động mạch, chảy rần rật trong cơ thể đàn con. Bầu sữa Mẹ đã trút ra rất nhiều, vun quén mầm non đất nước. Dòng máu ấy, giọt sữa ấy là nguồn sinh lực, là động cơ thúc đẩy từng thế hệ đứng lên, chịu trách nhiệm trước lịch sử, vun bồi cho danh dự của non sông, cho uy linh của dân tộc.

Nếu có gì bất bình thoáng qua, chính là cử chỉ vươn lên của lớp người trẻ từ chối nuông chiều, gạt bỏ tình quyến luyến của lớp người già nua để đi tìm nghĩa vụ.

Mọi cuộc phân ly không cuộc phân ly nào khỏi gieo sầu. Nhưng rồi ai cũng phải hài lòng với trách nhiệm. Và khi đã xa cách nhau rồi, tình thương càng nhiều, nhớ mong càng nặng.

Cuộc bút chiến về thơ cũ, thơ mới, chính lớp người trẻ đã thắng cuộc hoàn toàn. Cái lâu đài cổ kính mấy ngàn năm kia lần lần coi như một ngôi cổ mộ, chôn chặt những công trình kiến trúc xa xưa, mà lớp người trẻ nhìn lại với con mắt kính yêu, nhưng không muốn trở về ở đó nữa.

Cái lâu đài cổ kính ấy là nền thi ca cũ vậy.

Nhưng khi đã đi tìm được một mảnh đất mới, dựng một ngôi nhà mới rồi, tự nhiên lớp người trẻ như thấy có cái gì ân hận, nhớ thương. Họ không

còn muốn có sự ngăn cách nữa. Họ không muốn nói đến danh từ thơ mới, thơ cũ nữa, mà chỉ có « thơ » mà thôi.

Nếu từ năm 1933 đến năm 1936 là những năm tranh đấu quyết liệt giữa hai ý thức thơ cũ, thơ mới, thì qua năm 1937 chúng ta không còn thấy một bài tranh luận nào trên báo chí nữa, mà thay vào đó bằng những bài hàn găn tình thương.

Trước tiên, ta đi vào tâm trạng phái cựu học.

Phái cựu học bây giờ đã thấy được đà tiến của bánh xe xã hội, không còn có thể giữ lại được nữa. Nho học phải nhường lại cho Tây-học. Hay nói cách khác, thế hệ già nua phải bàn giao sự nghiệp tinh thần cho thế hệ trẻ. Tuy nhiên, nỗi lòng của phái cựu học băn khoăn không ít. Chính họ thấy trong ngôi nhà cổ kính sắp sụp đổ kia có nhiều ngọc quý, nhiều báu vật, nếu bỏ đi rất uổng. Họ sợ lớp người sau, con em của họ, của thế hệ trẻ, không sao biết đến. Thừa hưởng một gia tài văn học ngàn năm, lúc chết đi có lẽ không có một tờ di chúc ?

Ước vọng của họ là làm sao gởi gắm vào lớp người trẻ tiếng nói cuối cùng của họ, chỉ cho lớp người trẻ biết trong ngôi nhà sắp sụp đổ mà họ đã sống qua có cái gì quý, cái gì xấu, cái gì nên, cái gì hư. Như vậy họ mới tròn trách nhiệm đối với tiền nhân.

Trong số người thiết tha với sự nghiệp Nho học, chúng ta có thể kể như : Phan kế Bính, Nguyễn hữu Tiến, Nguyễn đôn Phục, Huỳnh thúc Kháng, Trần trọng Kim... Nhưng người đã có tiếng nói làm ta cảm động nhất là Trần trọng Kim. Ông đã ký thác lời cuối cùng vào quyển *Nho giáo*. Nó là một « bản di chúc », là một « của tin », là những gì của lớp cựu học muốn gởi lại.

Lời của ông Trần trọng Kim thật thiết tha và đầy tâm huyết ! Tiếng nói cuối cùng của phái cựu học chẳng những chứa đựng một tình thương nồng nàn đối với lớp người trẻ, mà còn tỏ ra những lo lắng cho tiền đồ văn học.

Cái gì sắp mất thì tinh thần lưu luyến càng tăng. Có xa nhau mới thấy cái buồn ly biệt.

Có lẽ sự ưu ái của lớp người cựu học đã gieo vào lớp tân học một vết thương lòng, mà bốn phận họ phải hàn gắn vết thương ấy.

Phải ! Không có gì thiêng liêng bằng tình dân tộc. Xóa bỏ mọi khuôn phép ràng buộc của gia đình, không có nghĩa là bỏ tình ruột thịt. Từ chối một nền văn minh lỗi thời không có nghĩa là tách rời tình dân tộc.

Và lớp người trẻ đã tự nhận trách nhiệm mình như thế.

Việc làm của họ là trở lại tình cảm lúc đầu. Trước kia, phái thơ mới đưa Tản-Đà ra làm tiêu biểu cho phái thơ cũ, đổ xô vào mặt sát, châm biếm, thì từ năm 1938 trở đi, Tản-Đà được coi như vị thánh sống của làng thơ. Họ chia nhau viết về Tản-Đà, ca tụng thơ của Tản-Đà.

Nhóm *Tự lực văn đoàn* :

Văn-Bình viết : *Thi sĩ Tản-Đà (Ngày nay số 147, ngày 29-1-1939)*

Xuân-Diệu viết : *Công của thi sĩ Tản-Đà (Ngày nay, số 166 ngày 17-6-1939)*

Khái-Hưng viết : *Một tháng với Tản-Đà (Ngày nay số 171 ngày 22-7-1939)* và *Cái duyên của Tản-Đà (Ngày nay số 166 ngày 17-6-1939)*.

Báo *Tao đàn* số đặc biệt ra mắt Tản-Đà (số 9 ngày 1-7-1939) gồm có các bài :

- Lưu trọng Lư viết : *Bây giờ đây, khi nắp quan tài đã dậy lại.*
- Trương-Tửu viết : *Sự thai nghén một thiên tài.*
- Nguyễn-Tuân viết : *Chén rượu vĩnh biệt.*
- Nguyễn triệu Luật viết : *Ảnh hưởng Tản-Đà đối với nhà văn lớp sau.*
- Trúc-Khê viết : *Tản-Đà triết học.*

- Xuân Diệu viết : *Một vài kỷ niệm về yêu thơ Tản-Đà.*
- Nguyễn Xuân Huy viết : *Tản-Đà dịch văn.*
- Nguyễn-Tuân viết : *Tản-Đà một kiếm khách.*
- Nguyễn công Hoan viết : *Ông Tản-Đà đi làm việc để tái bản An-nam tạp chí.*
- Ngô tất Tố viết : *Tản-Đà ở Nam-kỳ.*
- Nguyễn Nhất-Lang viết : *Tản-Đà tửu điểm.*
- Nguyễn công Hoan viết : *Ông soát vé xe lửa với thi sĩ Tản-Đà.*
- Lê-Thanh viết : *Mộng và Mộng.*

*

Sau cơn bùng nổ của lớp người trẻ, họ đã dùng mọi biện pháp phũ phàng, cố thực hiện khát vọng của thế hệ đang nẩy mầm, của lòng giục giã đổi mới. Họ đã chà đạp lên tình thương, đập đổ gia sản phụ ấm để tranh đoạt chiến thắng ý thức cho kỳ được. Và ngày nay họ đã thắng. Nhìn lại dấu vết đổ nát hoang tàn của thế hệ cũ đã thảm bại, lòng họ bui ngủi, hối hận ; cái phần thiêng liêng của con người được khơi động. Nó sống sót một cách đáng thương. nó khuyển nhủ, vồ về. Tiếng nói của nó thiết tha, êm đềm, đủ khả năng làm dịu lòng người, chiếm được tình cảm, xóa tan mọi hờn giận oán ghét, hàn gắn cách ngăn, gây lại tình thương yêu dân tộc.

- Nó là gì ?

- Là cái lương tâm thức tỉnh của lớp người trẻ vậy ! ²

TẢN-ĐÀ NGUYỄN KHẮC HIẾU (1888-1939)

TẢN-ĐÀ là biệt hiệu (tên ghép của núi Tản và sông Đà), tên thật là Nguyễn khắc Hiếu, sinh năm 1888 tại làng Khê-thượng, huyện Bất-bạt, tỉnh Sơn-tây (Bắc-phần). Thân phụ là cụ Nguyễn danh Kế, thân mẫu là một ả đào hát hay, thơ giỏi, thường gọi là Phủ Ba.

Tản-Đà là con dòng thứ. Ông có hai người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn tài Tích và Nguyễn Cồn ; ngoài ra, còn người anh cùng mẹ là Nguyễn Mạn.

Thuở nhỏ ông theo học Hán văn, sau nhờ người anh cả là Phó-bảng Nguyễn tài Tích làm Đốc-học, hết lòng chỉ dẫn nên ông nổi tiếng văn hay chữ tốt. Ngay lúc còn học ở trường Quy-thức ông nổi danh với bài Âu Á nhị châu hiện thế, được các báo Trung-hoa ở Hương-cảng đăng trong mục xã thuyết.

Năm 1909, ông bị hỏng ở khoa thi Hương (Kỷ-dậu).

Năm 1912, ông yêu cô gái bán sách họ Đỗ ở phố Hàng Bồ. Tản-Đà chiều theo ý muốn của nàng đã phải dùng bằng Ấm-sinh để thi Hậu-bổ, nhưng bị rớt vấn đáp. Mùa thu năm ấy, ông thi Hương lại hỏng luôn. Mỗi tình vì đó mà tan vỡ ; nàng đi lấy chồng ; Tản-Đà đành ôm khối tình tuyệt vọng từ đây.

Sau khi ông anh cả Nguyễn tài Tích mất, Tản-Đà ra làm báo. Vừa viết cho Đông-dương tạp chí của ông Nguyễn văn Vĩnh (1913), vừa viết cho Nam phong thì bị ông Phạm Quỳnh vì muốn tranh thời danh mà thẳng tay gạt sất quyển Giác mộng con nên không hợp tác được. Ra làm chủ bút tạp chí Hữu thanh (1921) ; nhưng vốn là nhà thơ, không quen nghề làm báo nên không bao lâu Hữu thanh đình bản. Ông lập Tản-Đà thư cục, rồi cho ra An-nam tạp chí (1926) ; nhưng cũng đình bản. Tản-Đà vào Gia-định (Nam-phần) ở tại Xóm Gà viết cho báo Thần chung và Đông Pháp thời báo của

ông Diệp văn Kỳ. Nhưng rồi ông lại ra Bắc tái bản An-nam tạp chí. Tờ báo này lại chết làm tan vỡ cái mộng « bồi lại bức dư đồ » của Tản-Đà. Ông đành quay về dịch thơ Đường cho báo Ngày nay, chú thích truyện Kiều, dịch Liêu trai chí dị cho nhà xuất bản Tân Dân.

Tác phẩm của ông suốt 25 năm trong nghề văn, nghề báo gồm có :

Tiểu thuyết : Thề non nước, Trần ai tri kỷ (truyện ngắn, 1932), Giấc mộng lớn, Giấc mộng con I (1916), Giấc mộng con II (1932).

Luận thuyết : Tản-Đà tụng văn (bản chính, bản phụ), Tản-Đà văn tập (hai quyển gồm những bài viết ở Đông phương tạp chí in thành sách 1932). Tản-Đà xuân sắc (1934), Khỗi tình (1918).

Giáo khoa : Lên sáu, Lên tám, Đài gương truyện, Quốc sử huấn mông, Đàn bà Tàu (trích dịch liệt nữ truyện).

Dịch thuật : Đại học, Đường thi, Liêu trai chí dị (40 truyện).

Tuồng chèo : Tây-Thị, Tỳ-bà hành, Lưu Nguyễn nhập Thiên-thai.

Đến năm 1939, Tản-Đà qua đời tại số 71 Ngã tư Sở, ngày 20 tháng 4 năm Kỷ-mão Âm-lịch, nhằm ngày 7 tháng 5 năm 1939 tại Hà-nội.

*

Đem đặt Tản-Đà lên hàng đầu chiếc chiếu thi đàn Việt-nam ở giai đoạn tiền chiến mở màn cho kỷ nguyên thi ca mới, có lẽ các bạn sẽ gợn lên một thoáng ngạc nhiên, nhưng rồi sự cảm xúc ấy sẽ lắng dịu ngay khi chúng ta hiểu rằng Tản-Đà là một hồn thơ cũ đã sớm cảm thông hồn thơ mới của lớp người trẻ ; thi nhân đã đóng vai trò của nhịp cầu nối liền hai thế hệ tân và cựu.

Sau khi thực dân chiếm xong giải đất này, đặt ngay guồng máy cai trị, nhốt chặt muôn triệu linh hồn Việt-nam, tuy chậm tiến trước sức mạnh vũ bão của cơ giới văn minh, nhưng vẫn là những tâm hồn khao khát cái cao rộng của trời xanh. Tản-Đà tuy không phải là chiến sĩ tích cực giải phóng

lung, nhưng cũng phát lộ được ý chí « bồi lại bức dư đồ », giải tỏ nỗi niềm ưu ái đối với quốc gia, dân tộc.

Tiếp đây là một cuộc tấn công mới của thực dân trên địa hạt văn hóa ; họ đem cái học thuật Tây-phương gieo rắc sự hiểu biết cần thiết của một trách vụ phục dịch để củng cố thể đứng vững chắc trên thực dân địa ; tuy nhiên nó cũng có khả năng tiêu hủy căn bản văn hóa cổ truyền của một dân tộc nhỏ bé. Đó là hồi chuông gióng lên báo hiệu sự bắt đầu suy tàn của nền học cũ. Hồn thể của Tản-Đà đã hấp thụ thâm đậm nền Nho-học Đông-hương, những mong đem sự hiểu biết của mình để thi thố với đời. Nào ngờ, ngọn gió văn minh Tây-phương thổi đùa cái căn bản tri thức của Tản-Đà tan như khói tỏa, cho nên Tản-Đà đã buồn đau khi phải chứng kiến sự thoái vị của nền cựu học.

Như để cứu vãng một thân bị lỡ làng, Tản-Đà đã không bắt chước các cụ thời xưa thường hay rút về an hưởng cảnh nhàn khi chán ngán một thực tế đắng cay, hoặc lấy tay bưng bít việc đời mặc kệ sự giả dối, lật lọng, phản trắc cứ tiếp diễn ; Tản-Đà khác hơn, đã thả hồn mình trong « giấc mộng con », « giấc mộng lớn », làm một cuộc viễn du vòng quanh thế giới như cố tìm hiểu tận cội rễ cái mới mẻ của nền tân học. Sau đây, ta thấy Tản-Đà như làm cuộc cách mạng trong tâm hồn, tư tưởng liên biến đổi, thu được khoảng cách trước bước tiến của lớp trẻ ; tiếng lòng của thi nhân được diễn đạt thành tiếng tơ réo rất giữa cái tân kỳ của lớp người mới mà ta không cảm thấy bị lỗi nhịp hoặc sượng sùng ; vì lúc bấy giờ Tản-Đà đã trang bị cho mình những gì cần thiết trong cuộc hòa nhạc. Cũng có cái lãng mạn của J.Leiba hay Hồ Dzếnh sau khi bị « tiếng sét ái tình » của người con gái họ Đỗ ; cũng có cái mộng mơ hư thực của Lưu Trọng Lư, Thế-Lữ ; cũng có nỗi niềm tha thiết với quê hương trong mấy vần thơ của Thâm-Tâm, Trần huyền Trân ; lại có cả cái say sưa của Vũ hoàng Chương ; Tản-Đà còn vượt bậc hơn thi nhân trẻ ở cái nông. Một cái nông mà Trời còn chạy mặt ; nó

đã trở thành một bản án của vị trich tiên Tản-Đà còn ghi rành rành trong quyển sổ Thiên-tào :

Bấm quả có tên « Nguyễn khắc Hiếu »

Đầy xuống hạ giới về tội ngông.

(Hầu Trời)

Bây giờ ta thử lược qua khái quát những dòng tư tưởng của Tản-Đà.

Trước nhất, hãy nói đến khuynh hướng lãng mạn. Sau khi bị tan vỡ mộng tình cùng nàng Đỗ thị, Tản-Đà đã dành cho tình yêu chiếm một chỗ quan trọng trong thi ca. Từ thuở ban sơ khi tình bắt đầu rung động, thi nhân tự hỏi :

Quái lạ vì sao cứ nhớ nhau ?

Nhớ nhau đặng đặng suốt đêm thâu.

Bốn phương mây nước người đôi ngả,

Hai gánh tương tư một gánh sầu.

Nhịp lòng dậy lên niềm thổn thức khi thần thờ cô độc đứng dưới ánh trăng suông, thảng thốt thi nhân kêu lên như than thở :

Mình ơi có nhớ ta chăng ?

Nhớ mình đứng tựa ánh trăng ta sầu.

Nhớ thì vẫn nhớ đấy, nhưng từ lúc chàng trượt kỳ thi Hậu-bổ, rồi lại thi Hương lần nhì hỏng nốt, con chim hồng của thi nhân vội tung cánh tuyệt mù, để lại một tâm hồn sâu tủi lỡ dở bước đường mây, tan rã giấc mộng tình. Ta hãy nghe thi nhân kêu đau trong những vần thơ nhẹ nhàng, gợi cảm :

Duyên hồ thăm bỗng dưng phai lạt,

Mối tơ vương đứt nát tan tành,

Tấm riêng, riêng những thẹn mình,

Giữa đường buông đứt gánh tình như không !

*Ái ân thôi có ngần này,
Thề nguyện non nước đợi ngày tái sinh...*

Thực tế quá đắng cay, chua chát ! Thi nhân xoay đường tình vào cõi mộng. Một « giấc mộng con » cũng đã làm thỏa mãn yêu đương còn hơn mười năm nuôi dưỡng ái tình cùng người đẹp. Tản-Đà đã đem thực tế và cõi mộng ra so sánh :

Nhớ mộng

*Giấc mộng mười năm đã tỉnh rồi,
Tỉnh rồi lại muốn mộng mà chơi.
Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng,
Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời.
Những lúc canh gà ba cốc rượu,
Vài khi cánh điệp bốn phương trời.
Tìm đâu cho thấy người trong mộng,
Mộng cũ mê đường biết hỏi ai ?
(Giấc mộng con)*

Thất bại đường tình ở hiện thực, thi nhân xây giấc mộng tình cùng người con gái ở tận trời Tây, nàng Chu Kiều-Oanh, – phải chăng là hình ảnh nàng Đỗ thị ? – Ở *Giấc mộng con*, chúng ta còn thấy bóng dáng người con gái mến yêu ; đến bài *Tống biệt*, tình ái của thi nhân lơ mờ trong sương phủ. Hãy đọc :

Tống biệt

*Lá đào rơi rắc lối Thiên-thai,
Suối tiễn oanh đưa những ngậm ngùi.
Nửa năm tiên cảnh,
Một bước trần ai.
Ước cũ duyên thừa, có thể thôi !*

*Đá mòn, rêu nhạt,
Nước chảy, huê trôi,
Cái hạc bay lên vút tận trời !
Trời đất từ nay xa cách mãi.
Cửa động,
Đầu non,
Đường lối cũ,
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi.*

*

Bàn đến tinh thần ái quốc, chúng ta thấy bộc lộ sự bất mãn³ ngay từ khi Tản-Đà va chạm phải cái thối nát của đám quan lại ở chốn trường thi ; chỉ vì tin ở tài bộ có thừa mà không chịu uốn mình theo khuôn phép nên bị đánh hỏng. Đã đau lòng trước cảnh nước nhà gặp bước suy vong lụn bại trong vòng kiềm tỏa, cương thường đạo nghĩa nghìn xưa đảo lộn, lại thêm bọn sâu dân một nước tiếp tay với thực dân đục khoét mảnh giang san ra tơi tả, đau thương, thi nhân đã bày tỏ ý gì trong bài :

Vịnh bức dư đồ rách

*Nọ bức dư đồ thử đứng coi,
Sông sông núi núi khéo bìa cời.
Biết bao lúc mới công vờn vẽ,
Sao đến bây giờ rách tả tơi ?
Ấy trước ông cha mua để lại,
Mà sau con cháu lấy làm chơi !
Thôi thôi có trách chi đàn trẻ,
Thôi để rồi ta sẽ liệu bồi !*

Tình yêu nước của Tản-Đà nhẹ nhàng, loáng thoáng. Sau khi người anh cả chết, ông nhất quyết ra làm báo vì nghĩ rằng đây là phương tiện để

ông dùng ngòi bút – khí giới muôn đời của kẻ sĩ – đóng góp với non sông.
Tản-Đà đã lập chí như thế nào ? Ta hãy nghe :

*Phận nam nhi tang bồng là chí,
Chữ trượng phu ý khí như rồng ai.
Non sông thề với hai vai,
Quyết đem bút sắt mài lòng son.*

Giá lúc bấy giờ lòng ông đen tối, ham chạy theo bả lợi danh, chỉ cần đồng ý với thực dân Vayrac, ra làm quan thì thoát ngay cảnh nghèo khổ như bần. Nhưng không, lòng ông đã nặng thề cùng non nước :

Thề non nước

*Nước non nặng một lời thề,
Nước đi đi mãi không về cùng non.
Nhớ lời « nguyện nước thề non »,
Nước đi chưa lại non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông,
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày.
Xương mai một năm hao gầy,
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương.
Trời Tây ngả bóng tà dương,
Càng phơi vẻ ngọc, nét vàng phai pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non.
Dù cho sông cạn đá mòn,
Còn non, còn nước, hãy còn thề xưa.
Non xanh đã biết hay chưa ?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
Nước non hội ngộ còn luôn,
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.*

*Nước kia dù hãỵ còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non, nước nước không nguôi lời thề.*

*

Say và Ngông của Tản-Đà phải đi đôi. Nó là trạng thái tất nhiên của một tâm hồn kết tụ bởi buồn, chán và bức tức. Buồn cho ái tình dở lỡ, bể bàng ; chán cho tình đời đen bạc, thêm nghĩ mình sinh bất phùng thời, mang một kiếp tài hoa mà chẳng có đất thi thố để cho phường vô tài thiếu đức múa rối trên tấn kịch xã hội. Tản-Đà mới mượn câu thơ chung rượu khóa lấp sâu tư để quên sự đời, quên cái thân hình phù du của con người. Tản-Đà vẫn biết « say sưa là hư đời », nhưng trong cái đau nhừ của thể xác thi nhân đã tìm được đôi khắc sung sướng ở tâm hồn. Nhiệt độ của men rượu quả có năng hiệu đốt cháy mọi phiền não của tâm cơ, nâng đẩy hình hài thoát khỏi thực tại chua chát, hồn phách bỗng trở nhẹ lâng lâng.

Ta hãy đọc những vần dưới đây để biết tại sao Tản-Đà cần phải say :

Lại say

*Say sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thì hư vậy, say thì cứ say.
Đất say đất cũng lặn quay,
Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười ?
Say chẳng biết phen này là mấy,
Nhìn non xanh chẳng thấy lại là say.
Quái ! Say sao ? Say mãi thế này ?
Say suốt cả đêm ngày như bất tỉnh,
Thê ngôn túy tửu chân vô ích.
Ngã dục tiêu sầu thả tự do.*

*Việc trần ai, ai tình, ai lo,
Say lúy túy nhỏ to đều bất kể,
Trời đẩy nhĩ ! Cái say là sướng thế !
Vợ khuyên chồng, ai dễ đã chữa ngay,
Muốn say lại cứ mà say.*

Từ say đến ngông chỉ là một bước lân cận. Nếu tình yêu đã choán nhiều chỗ trong tác phẩm của ông, thì tánh ngông cũng không chịu kém. Có người viết về cái ngông của Tản-Đà như sau :

« Nếu đọc thơ Tản-Đà trên mọi khía cạnh mà không đọc những bài thơ cũng như những đoạn văn về ngông của ông thì thật là một lỗi lầm rất lớn và có thể cho rằng như vậy chính là chưa đọc hết thơ của Tản-Đà ! »

Nếu ở mười tám năm trước đây, một Trần tế Xương suốt đời phải lận đận lao đao vì khoa cử công danh mà nảy ra tư tưởng chán đời đến độ bất cần sự đời, đâm ra lêu lổng ăn chơi, nổi tiếng là :

*« Vị-xuyên có bác Tú Xương,
Quanh năm ăn quýt, chơi lường mà thôi. »*

hay :

*« Một ngọn đèn xanh, một quyển vàng,
Bốn con làm lính, bố làm quan.
Quạt nước chưa xong con nhảy ngược ;
Trống châu chưa dứt, bố leo thang. »*

Thật là ngông không ai hơn.

Thế rồi chẳng bao lâu, nhà thơ Tản-Đà lại tiếp tục sự nghiệp ngông ấy. Cái ngông trong thơ Tản-Đà gần như là một vấn đề phải có đối với ông, vì nó đã phản ánh được cá tính cũng như cuộc sống lúc bấy giờ của tác giả.

Như mọi người đều biết, Tản-Đà làm văn-nghệ nhưng suốt đời vẫn sống trong cảnh túng thiếu, nghèo nàn không thua gì ông tú làng Vị-xuyên,

nghèo đến nước :

« Ôi trời ! ôi đất ! ôi là tết !
Tháng cận năm cùng, gạo cũng hết. »
(Than tết)

hay :

« Tết đến năm nay nghĩ cũng buồn,
Tiền thì không có, nợ đòi luôn. »
(Tết than việc nhà)

Với cảnh nhà cùng quẫn, tiền bạc không có, vay trước trả sau, Tản-Đà quá chán chường cuộc sống, nảy sinh tư tưởng bất cần đời, vì ông tin rằng « bốn ba chẳng qua thời vận » rồi ông đâm ra liều lĩnh, ăn chơi cho thỏa thích, mặc đến đâu thì đến. Làm văn chương chẳng cần mực thước, vui thì làm, buồn thì nghỉ. Những điều vừa nói, ta thấy tâm trạng của thi nhân qua bài *Còn chơi*, tiêu biểu khuynh-hướng ngông của tác giả :

Còn chơi

*Ai đã hay đâu tớ chán đời,
Đời chưa chán tớ, tớ còn chơi.
Chơi cho thật chán, cho đời chán,
Đời chán nhau rồi, tớ sẽ thôi.
Nói thế, can gì tớ đã thôi,
Đời đương có tớ, tớ còn chơi.
Người ta chơi đã già đời cả,
Như tớ năm nay mới nửa đời.
Nửa đời chính độ tớ đương chơi,
Chơi muốn như sao thật sướng đời.
Người đời ai có chơi như tớ,
Chơi cứ bằng văn mãi chưa thôi.*

Chơi văn sướng đến thế thì thôi,
Một mảnh trăng non chiếu cõi đời.
Văn vận nước nhà đương buổi mới,
Như trăng mới mọc, tớ còn chơi.
Làng văn chỉ thiếu khách đua chơi,
Dan díu, ai như tớ với đời.
Tớ đã với đời dan díu mãi,
Muốn thôi, đời cũng chữa cho thôi.
Đời đương dan díu, chữa cho thôi,
Tớ dám xa xôi để phụ đời.
Vắng tớ bấy lâu, đời nhớ tớ,
Nhớ đời, nên tớ vội ra chơi.
Tớ hãy chơi cho quá nửa đời,
Đời chưa quá nửa, tớ chưa thôi.
Tớ thôi, tớ nghĩ buồn cho tớ,
Buồn cả cho đời vắng bạn chơi.
Nào những ai đâu, bạn của đời ?
Sao mà bỏ vắng, ít ra chơi ?
Chớ ai chờ mãi, ai đâu tá ?
Hay ngán cho đời chẳng muốn chơi ?
Nếu tớ như ai : cũng ngán đời,
Đời thêm vắng bạn, lấy ai chơi ?
Cuộc đời tớ nghĩ chưa nên ngán,
Nếu ngán thời xưa tớ đã thôi.
Tớ nhớ năm xưa nửa ngán đời,
Nghĩ đi, nghĩ lại, lại ra chơi.
Mê chơi cho tới thành dan díu,
Đời dẫu cho thôi, tớ chẳng thôi.

*Nghĩ tới bao nhiêu, lại nghĩ đời,
Nghĩ đời như thế, dám nào thôi.
Còn đời, còn tới, còn chơi mãi,
Chơi mãi cho đời có bạn chơi.*

*Tới muốn chơi cho thật mãi đời,
Đời chưa thật mãi ; tới chưa thôi.
Chẳng hay đời tới lâu hay chóng !
Dù chóng hay lâu, tới hãy chơi.*

*Trăm năm, tới độ thế mà thôi,
Ức, triệu, nghìn năm chưa hết đời.
Chắc có một phen đời khóc tới.
Đời chưa khóc tới, tới còn chơi.*

*Trăm năm còn độ bấy nhiêu thôi,
Ngoài cuộc trăm năm, tới dặn đời.
Ức, triệu, nghìn năm đời nhớ tới.
Tới thôi, tới cũng hãy cùng chơi.*

*Bút đã thôi rồi, lại chưa thôi,
Viết thêm câu nữa, hỏi đời chơi :
« Lộng hoàn » này điệu từ đâu trước ?
Họa được hay không ? Tới đổ đời.*

Bất mãn với thời thế, Tản-Đà cũng như bao nhiêu người khác, những lúc quá ê chề chán nản cho cuộc sống hẩm hiu, người ta thường sống trong cõi mộng, nuôi một hy vọng ở tương lai sẽ sáng sủa, thắm tươi hơn, vì tin rằng « hết cơn bão cực đến hồi thái lai » nên thi nhân tự hỏi : « có lẽ ta đâu mãi thế này », bởi thế cho nên Tản-Đà mơ mộng thật nhiều, mơ mộng cuộc sống sẽ huy-hoàng, tên tuổi sẽ sáng chói, những tác phẩm sẽ bán thật nhiều để điểm tô cho cuộc đời thêm khởi sắc, đây ta hãy nghe thi nhân kể lại giấc mơ đó trong bài :

Hầu Trời

Đêm qua chẳng biết có hay không,
Chẳng phải hoảng hốt, không mơ màng.
Thật hồn, thật phách, thật thân thể,
Thật được lên tiên sướng lạ lùng !

Nguyên lúc canh ba năm một mình,
Vất chân dưới bóng ngọn đèn xanh.
Năm buồn ngồi dậy đun nước uống,
Uống xong ấm nước năm ngâm vắn.

Chơi vắn ngâm chán, lại chơi trăng,
Ra sân cùng bóng đi tung tăng.
Trên trời bỗng thấy hai cô xuống,
Miệng cười mủm mỉm cùng nói rằng :

« Trời nghe hạ giới ai ngâm nga,
Tiếng ngâm vang cả sông Ngân-hà.
Làm Trời mất ngủ, Trời đương mắng
Có hay lên đọc, Trời nghe qua. »

Ước mãi bây giờ mới gặp Tiên !
Người Tiên nghe tiếng lại như quen
Vắn chương nào có hay cho lắm,
Trời đã sai gọi thời phải lên.

Theo hai cô Tiên lên đường mây,
Vù vù không cánh mà như bay.
Cửa son đỏ chói oai rực rỡ !
Thiên môn Đế-khuyết như là đây ?

Vào trong thấy Trời, sụp xuống lạy,
Trời sai Tiên-nữ dắt lôi dậy,

Ghế bành như tuyết, vân như mây,
Truyền cho văn sĩ ngồi chơi đây.

Tiên đồng pha nước, uống vừa xong,
Bỗng thấy chư Tiên đến thật đông,
Chung quanh bày ghế ngồi la liệt,
Tiên bà, Tiên cô, cùng Tiên ông.

Chư tiên ngồi quanh đã tỉnh tức,
Trời sai pha nước để nhấp giọng.
Truyền cho văn sĩ đọc văn nghe,
« Dạ, bẩm lạy Trời, con xin đọc. »

Đọc hết văn-vần, sang văn xuôi,
Hết văn thuyết-lý, lại văn chơi.
Đương cơn đắc ý đọc đã thích,
Chè trời nhấp giọng càng tốt hơi !

Văn dài, hơi tốt ran cung mây,
Trời nghe Trời cũng lấy làm hay.
Tâm như nở dạ, Cơ lè lưỡi,
Hằng-Nga, Chức-nữ chau đôi mày.

Song-Thành Tiểu-Ngọc lắng tai đứng
Đọc xong mỗi bài, cùng vỗ tay.

« Bẩm con không dám man cửa Trời,
Những các văn, con in cả rồi :
Hai quyển « Khối tình » văn thuyết-lý ;
Hai « Khối tình con » là văn chơi ;
« Thần tiên », « Giấc mộng », văn tiểu thuyết ;
Đài gương », « Lên sáu » văn vị đời ;
Quyển « Đàn bà Tàu » lối văn dịch ;
Đến quyển « Lên Tám » nay là mười,

Nhờ Trời vãn con mà bán được
Chửa biết con in ra mấy mươi ! »

Vãn đã giàu thay, lại lắm lỗi,
Trời nghe Trời cũng bật buồn cười.
Chư tiên ao ước, tranh nhau dẫn
« Anh gánh lên đây bán chợ trời. »

Trời lại phê cho : « Vãn thật tuyệt ! »
« Vãn trần được thế chắc có ít ?
Lời vãn chuốt đẹp như sao băng !
Khí vãn hùng mạnh như mây chuyển !
Êm như gió thoảng, tinh như sương !
Đầm như mưa sa, lạnh như tuyết !
Chẳng hay vãn sĩ tên họ gì ?
Người ở phương nao ? Ta chửa biết ! »

- « Dạ, bẩm lạy Trời, con xin thưa :
Con tên « Khắc Hiếu » họ là « Nguyễn »
Quê ở Á-châu về Địa-cầu.
Sông Đà, núi Tản, nước Nam-Việt. »

Nghe xong, Trời ngợ một lúc lâu,
Sai bảo Thiên Tào lấy sổ xét.
Thiên-Tào tra sổ xét vừa xong,
Đệ sổ lên trình Thượng-đế trông :

« Bẩm quả có tên « Nguyễn khắc Hiếu »
Đày xuống hạ giới về tội ngông ».
Trời rằng : « Không phải là trời đày,
Trời định sai con một việc này :
Là việc « thiên lương của nhân loại »
Cho con xuống thuật cùng đời hay. »

- « Bẩm trời, cảnh con thật nghèo khó,
Trần gian thước đất cũng không có.
Nhờ trời năm xưa học ít nhiều,
Vốn liếng còn một bụng văn đố.
Giấy người, mực người, thuê người in,
Mướn cửa hàng người bán phường phố.
Văn chương hạ giới rẻ như bèo !
Kiếm được đồng lãi thật rất khó !.
Kiếm được có ít, tiêu phải nhiều,
Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.
Lo ăn, lo mặc suốt ngày tháng,
Học ngày một kém, tuổi ngày cao !
Sức trong non yếu, ngoài chen rấp,
Một cây che chống bốn năm chiều.
Trời lại sai con việc nặng quá,
Biết làm có nổi, mà dám theo ? »

Rằng : « Con không nói, Trời đã biết,
Trời dẫu ngồi cao, Trời thấu hết.
Cho con cứ về mà làm ăn,
Lòng thông chớ ngại chi sương tuyết.
Cố xong công việc của Trời sai,
Trời sẽ cho con về Đẽ-khuyết. »

Vâng lời Trời dạy, lại xin ra,
Trời sai Khiên-Ngưu đóng xe tiễn.
Xe trời đã chực ngoài Thiên-môn,
Chư tiên theo ra cùng tiễn biệt.

Hai hàng lụy biệt giọt sương rơi,
Trông xuống trần gian vạn dặm khơi.
Thiên tiên ở lại, Trích-tiên xuống,

Theo đường không khí về trần ai.
Đêm khuya khí thanh, sao thưa vắng,
Trăng tà đưa lối về non Đoài.
Non Đoài đã tới quê trần giới,
Trông lên chư tiên không còn ai !
Tiếng gà xao xác, tiếng người dậy,
Giữa sân còn đứng riêng ngậm ngùi.
Một năm ba trăm sáu mươi đêm,
Sao được đêm đêm lên hầu trời.

Đọc qua ta thấy cái ngông của Tản-Đà nhẹ nhàng, ý nhị, không quá trắng trợn như cái ngông của ông Tú Vị-xuyên Trần tế Xương :

Vị-xuyên có bác Tú-Xương,
Quanh năm ăn quýt chơi lường mà thôi.

Hay là :

Ông trông lên bảng thấy tên ông,
Ông tốp rượu vào, ông nói ngông,
Cụ Sứ có cô con gái đẹp,
Lăm le xui bố cưới làm chồng.

Trình bày cái ngông của mình, trước mặt Trời thi nhân kể lẽ tâm sự một khách văn-chương như ông, văn rất hay nhưng khổ nỗi « văn chương hạ giới rẻ như bèo », bởi thế cho nên :

Kiểm được đồng lãi thật rất khó !

nhưng :

Kiểm được có ít, tiêu phải nhiều.

Chính vì thế mà :

Làm mãi quanh năm chẳng đủ tiêu.

Lo ăn, lo mặc, suốt ngày tháng.

Trong khi đó thì :

Sức trong non yếu, ngoài chen rấp,

Một cây che chống bốn năm chiều.

Chính vì những ý nghĩ đó mà Tản-Đà ngông và muốn :

« Tớ muốn chơi cho thật mãi đời,

Đời chưa thật mãi, tớ chưa thôi.

Chẳng hay đời tớ lâu hay chóng ?

Dù chóng hay lâu tớ hãy chơi. »

Tình và ý thơ của Tản-Đà còn bàng bạc trong các tác phẩm. Một phần nhỏ mọn của quyển sách này không làm sao luận cặn. Từ cái hướng nhắm của hai tác phẩm *Lên sáu* và *Lên tám*, tác giả đã lấy sự giáo dục làm lợi khí trong việc tạo tinh thần đoàn kết và lòng thương nước thương nòi của trẻ con ; qua *Đài gương truyện* và *Đàn bà Tàu* đã nói nhiều về trách vụ người phụ nữ ; đến lòng ái quốc của tiên sinh được bộc lộ rải rác trong những văn thi phẩm mà chúng tôi đã luận qua khái quát ở phần trên.

Riêng phương diện tình ái, ta thấy tình yêu của Tản-Đà tuy nhẹ nhàng nhưng không kém đậm đà, tha thiết. Ngọn lửa yêu đương đã thành hình và bốc cháy trong tâm can cũng như đã trải ra trên trang thơ nét chữ là thứ tình yêu mang màu sắc của người phương Đông ; mặc dù yêu nhau nặng, tình cảm đã trào dâng nhưng không dám thổ lộ quá cởi mở như người phương Tây.

Nói đến cái ngông. Từ khi Tản-Đà lỡ bước đường mây, thua thiệt trong tình ái, lại thấy trên sân khấu đời nhớn như phường bất tài bất trí, rồi nghĩ lại mình, thương cho một thân chứa đựng tài hoa mà đành khoanh tay chịu cảnh nghèo, nhìn mọi diễn biến chán ghét trong vở bi hài kịch xã hội ; ngần ấy bất mãn đã nung sôi lòng bức tức, ông đâm ra ngông ngênh, nói theo danh từ thời đại nó là cái bốc đồng nhất thời vậy. Ngông là cái thói khinh

đời, ngạo thế. Nó là trạng thái khi cái tri thức bị rượt đuổi đến bước đường cùng. Bị uất ần mà không làm sao giải tỏa ; ước định lo cho đời mà đời chẳng cho lo ; những tâm hồn bị đè nén đâm ra tư tưởng cóc cần đời. Vì thế, Tản-Đà quyết định : vậy thì cứ ăn chơi cho thỏa thích, chơi đến đời chán mới thôi ; nhưng như vậy là đã thiên về vật chất ; cái tình vị tha vị xã trước kia nay bị co rút vào tháp ngà của cuộc sống hiện hữu được gói ghém kỹ trong một cá thể.

Nói chung, cái nông này, Tản-Đà quyết định mang đến kỳ cùng hơi thở. Nó là một hình thức chống đối thời thế đã không chiều lòng người, mà còn hất hủi xô đẩy Tản-Đà trở thành một con người bất đắc chí vì chưa thỏa mãn được sứ mạng thi hành cái « thiên lương⁴ » mà Trời đã giao phó.

THI TUYỂN

Hủ nho lo việc đời

Đáng nức cười cho bác Hủ-nho !

Việc đời ai khiến gánh mà lo,

Lo to, lo nhỏ, lo nào xiết.

Lo thế mà ai có biết cho.

Lo vì công việc báo « An-nam »,

Đã trót đã mang cứ phải làm.

Bốn bề phen này không trắng nợ,

Tuyệt sương âu hăn bạc đầu thêm.

Lo vì tin nước đã lưng sông,

Đâu đó đề điều có vững không ?

Con cháu Rồng tiên đương đói dở,

Không hay Hà-bá có thương cùng ?

Lo vì xã hội thiếu tiền tiêu,

Một kẻ phong lưu chín kẻ nghèo.

Cái nổi sinh nhai mà khốn khó,

Con đường tiến hóa cố mà theo.

Lo vì phong hóa mỗi ngày suy,

Thánh giáo không ai kẻ hộ trì.

Hằng sản cũng không, tâm cũng mất,

Sĩ còn chưa trách, trách dân chi !

Lo vì thế cục nát như tương,

Cái ruột tằm ai rồi vấn vương.

Nhọn chẳng ăn ai, ngòi bút sắt,

Cùng ai lo tính lúc đêm trường.
Đáng nức cười cho cái sự lo,
Lo quanh, lo quần chẳng ra trò.
Việc đời ai có lo chẳng tá ?
Ai có lo cùng bác hủ nho ?

Lo văn ế

Như tổ xưa nay vốn vẫn nghèo,
Bán văn buôn chữ kiếm tiền tiêu.
Quanh năm luống vẫn lo văn ế,
Thân thế xem thua chú hát chèo.
Hát chèo lắm lúc nghĩ mà ngoan,
Vẽ mặt pha trò với thế gian.
Cưới vợ đêm nay, mai lại cưới,
Đêm đêm cưới vợ lại làm quan.
Làm quan ví có dễ như chèo,
Tổ đến năm nay đã chẳng nghèo.
Bởi bước công danh trèo cũng khó,
Trèo leo chẳng được phải nằm meo !
Nằm meo cho tổ nghĩ ra văn,
In bán ra đời cách kiếm ăn.
Vô sự ăn xong nằm lại nghĩ,
Con tằm rút ruột lá dâu xanh.
Dâu xanh rút giả sợi tơ vàng,
Thân thế con tằm những vấn vương.
Tổ nghĩ thân tằm như tổ nhĩ,
Tơ tằm đòi đoạn mối văn chương.
Văn chương nào dám nói hơn ai,

Nghề nghiệp làm ăn phải thế thôi.

In hết quyển này ra quyển khác,

Có văn có ích, có văn chơi.

Văn chơi in bán để chơi chung,

Dẫu được lời riêng có mấy đồng.

Buôn chữ gặp ngay hồi giấy đắt,

Người mua ai có biết cho không ?

Cho không ai biết đấy là đâu,

« Bán nói » khi đâu dám đặt điều.

Tốn kém vì văn chưa tính đến,

Nhưng tiền giấy mực những bao nhiêu.

Bao nhiêu củi nước mới thành văn.

Được bán văn ra chết mấy lần.

Ông chủ nhà in, in đã đắt !

Lại ông hàng sách mấy mươi phân ! !

Mười phân gửi bán lấy tiền sau.

Bán hết thu tiền nghĩ cũng lâu.

Lắm lúc túng tiền mang bán rẻ.

Trừ đầu, trừ cuối, nghĩ càng đau.

Càng đau mà vẫn phải càng theo,

Theo mãi cho nên cứ vẫn nghèo.

Nghèo chỉ có văn, văn lại ế !

Ế văn cho tới hết tiền tiêu.

Tiền tiêu không có những bản khoản,

Vay ngược vay xuôi thực khó khăn.

Công nợ nhà in còn chất đống,

Còn đâu gan ruột nghĩ ra văn.

Ra văn mà bán chẳng ra tiền,

*Cái nghiệp văn chương nghĩ thật phiền.
Văn ế bao giờ cho bán hết ?
Phen này có nhẽ gánh lên tiên.*

Ngày xuân nhớ xuân

*Bính-tý sang, mà Ất-hợi qua,
Đổi thay cũ mới khắp gần xa.
Vui xuân thiên hạ bao nhiêu kẻ,
Ngồi nhớ xuân xưa họa có ta.*

*Xuân xưa nhớ lúc ta lên năm,
Vỡ lòng đi học, phố thành Nam.
Học sách ba chữ, thơ năm chữ,
Đến sách Dương-Tiết vừa hết năm.*

*Xuân xưa đến lúc ta lên sáu,
Học sách Luận-ngữ đọc lâu tấu.
Ở nhà Hà-nội, phố hàng Bông,
Bốn tám, đến nay còn nhớ số.*

*Cuối năm lên sáu, ta về Khê,
Đà-giang, Tản-lĩnh, nước non quê.
Sách nho học Truyện, lại học Sử,
Quốc-ngữ cũng mới lâu A, B.*

*Xuân xưa bảy, tám, chín, mười tuổi,
Văn chương ta mới làm câu đối.
Đến xuân mười một, học làm thơ,
Xuân mười bốn tuổi, văn đủ lối.*

*Đà-giang nước chảy, Tản mây bay,
Mười bốn xuân qua trải tháng ngày.
Hết xuân mười bốn từ Khê-thượng,*

Về học phủ Quảng, gần Sơn-tây.
Quảng-oai vừa trải bốn xuân dư,
Xuân, mỗi ngày cao, học cũng như.
Cuối xuân mười chín, ra Hà-nội,
Học trường Quy-thức, đường Gia-ngư.
Hà-thành qua trải một đôi xuân,
Học chẳng cao thêm cũng rộng dần.
Mới học Pháp văn từ lúc ấy,
Ấy năm Thành-Thái sang Duy-Tân.
Xuân xưa đến tuổi ta hai mươi,
Phủ Vĩnh cầm thư quấy gánh chơi.
Hán học, Pháp văn, kiêm giảng tụng,
Ba gian nhà cỏ bóng trắng soi.
Sang xuân hăm một học đi thi
Thi tại trường Nam, lọt một kỳ.
Kỳ luận hồng vì vua Hạ-võ !
Hồng thi càng học để đi thi !
Xuân hăm bốn tuổi thi Ấm-sinh,
Tên đồ thứ ba đăng nhật trình,
Hậu-bổ thi luôn, hồng vấn đáp,
Chữ Pháp thất bại đường công danh.
Xuân qua thu lại, lại đi thi,
Nam-định bay luôn đệ nhất kỳ.
Càng học để thi, càng cứ hồng ;
Thi tàn, học cũng tàn theo thi !
Ngày xuân thấm thoát nghĩ như thoi,
Cái học năm xưa đã cũ rồi.
Học cũ đi mà xuân lại mới,

Thơ xuân nhớ lại viết mà chơi.

Thăm mả cũ bên đường

*Chơi lâu, nhớ quê về thăm nhà,
Đường xa, người vắng, bóng chiều tà.
Một dãy lau cao làn gió chạy,
Mấy cây thừa lá sắc vàng pha.*

*Ngoài xe trơ một đồng đất đỏ,
Hang hốc đùn trên đám cỏ gà
Người nằm dưới mả ai ai đó,
Biết có quê đây hay vùng xa ?*

*Hay là thuở trước kẻ cung đao,
Hám đạn, liều tên, quyết mũi dao ?
Cửa nhà xa cách, vợ con khuất,
Da ngựa gói bỏ lâu ngày cao.*

*Hay là thuở trước kẻ văn chương.
Chen hội công danh, nhờ lạc đường.
Tài cao, phận thấp, chí khí uất,
Giang-hồ mê chơi quên quê hương ?*

*Hay là thuở trước khách hồng nhan,
Sắc xảo khôn ngoan trời đất ghen.
Phong trần xui gặp bước lưu lạc,
Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn ?*

*Hay là thuở trước khách phong lưu.
Vợ con, đàn hạc đề huề theo.
Quan san xa lạ đường lối khó,
Ma thiêng, nước độc phong sương nhiều ?*

Hay là thuở trước bậc tài danh,

Đôi đôi, lúa lúa cũng linh tinh.
Giận duyên, tủi phận, hờn ân ái,
Đất khách nhờ chôn một khối tình ?
Suối vàng sâu thăm biết là ai ?
Mả cũ không ai kẻ đoái hoài.
Trải bao ngày tháng trơ trơ đó,
Mưa dầu, nắng dãi, trăng mờ soi !
Ấy thực quê hương con người ta,
Dặn bảo trên đường những khách qua.
Có tiếng khóc oe thời có thể,
Trăm năm ai lại biết ai mà !

Gặp xuân

MƯỜI : Gặp xuân ta giữ xuân chơi,
Câu thơ chén rượu là nơi đi về.
Hết xuân cạn chén xuân về.
Nghìn thu nét mực thơ đề vẫn xuân !
NÓI : Xuân ơi, xuân hỡi !
Vắng xuân lâu, ta vẫn đợi, chờ, mong.
Trải bao nhiêu ngày, tháng, hạ, thu, đông,
Ròng rã nỗi nhớ nhung, xuân có biết ?
Khử thế xuân quy, sầu cửu biệt.
Kim niên xuân đáo, khách tương phùng.
Gặp ta nay, xuân chớ lạ lòng,
Tóc có khác, trong lòng ta chẳng khác.
Kể từ thuở biết xuân bốn chín năm về trước.
Vẫn rượu thơ non nước thú làm vui.
Đến xuân nay ta tuổi đã năm mươi ;
Tính trăm tuổi đời người, ta có nửa,

Còn sau nữa, lại bao nhiêu xuân nữa,
Mặc trời cho, ta chữa hời làm chi.
Sẵn rượu đào, xuân uống với ta đi,
Chỗ quen biết, kể gì ai chủ, khách.
Thiên cổ vị văn song Lý Bạch,
Nhất niên hà đắc lưỡng Đông Quân.
Dầu trăm năm gặp gỡ đủ trăm lần,
Thơ với rượu cùng xuân ta cứ thế.
Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần thế,
Xuân nhớ ta chưa dễ biết đâu tìm !
Cùng nhau nay hãy uống thêm.

Khuyên người giúp dân lụt

Này những ai, này những ai,
Ai có nghe rằng việc thủy tai :
Tỉnh Bắc, tỉnh Đông, cùng tỉnh Thái,
Ruộng ngập nhà chìm, thân chết trôi.
Thân chết trôi, trôi thời trôi,
Ai tìm người vớt lúc thiên tai !
Những mạng chết ai đành đã thế,
Người còn sống sót nghĩ thương ôi !
Nghĩ thương ôi ! Ai những người,
Trời làm tai vạ biết kêu ai.
Đói thời chịu đói, rét chịu rét
Đầy vơi mặt nước, lệ đầy vơi.
Lệ đầy vơi, tình chia phôi,
Bồng bế con thơ bán khắp nơi :
Năm hào một đứa trẻ lên sáu,

Cha còn sống đó, con bồ côi.
Con bồ côi, tình thương ôi !
Trời làm tai vạ phải chia phôi,
Sinh con ai nỡ đang lòng bán,
Thương con nào biết lấy gì nuôi.
Lấy gì nuôi, lúc thiên tai,
Chẳng có ngô mà chẳng có khoai,
Miếng ăn chẳng có, con nhìn bố,
Nông nổi như kia, đáng ngậm ngùi !
Đáng ngậm ngùi, ai hỏi ai !
Ăn sung mặc sướng ngồi thanh thơi.
Nghĩ kẻ cơ hàn nơi nước lụt,
Như ai khi cũng dạ đầy vơi.
Dạ đầy vơi, thương cùng ai,
Thương người khổ hại lúc thiên tai.
Hai chữ « đồng bào » ân nghĩa nặng,
Đùm nhau lành rách, hỏi ai ơi !
Hỏi ai ơi ! Là những người,
Ông trên mạn ngược, bà vùng xuôi,
Có nhiều cho nhiều, ít cho ít,
Cứu kẻ bần dân lúc thủy tai.
Lúc thủy tai, này ai ơi !
Quý tiếc yêu thương lấy giống nòi.
Con cháu Rồng, Tiên khi đã bĩ,
Đừng nên rẻ rúng bỏ nhau hoài !

Say

MƯỠU : Đêm xuân một trận nô cười

Dưới đèn chẳng biết rằng người hay hoa.
Khi vui quên cả cái già,
Khi say chẳng rốc giang hà cũng say.
NÓI : Kim tịch thị hà tịch ?
Mảng gương nga đã tếch lối non đoài.
Đó kìa ai ba bốn, bốn năm người.
Người đâu tá còn chơi trong mộng thế ?
Nhãn ngoại trần ai không nhất thế,
Hung trung khối lũy thuộc tiền sinh.
Kiếp say sưa đã chấm số thiên đình.
Càng đắm sắc mê tình càng mãi miết.
Say lắm vẻ : say mệt, say mê, say nhừ, say tí ;
Trong làng say ai biết nhất ai say ?
Mảnh hình hài quen giả trá xưa nay,
Chúng sinh tướng lúc này coi mới hiện.
Thôi xếp cả nguyệt hoa, hoa nguyệt,
Cảnh bỗng lai trái biết gọi làm duyên.
Tửu trung ưng thị thần tiên.

Thơ đề thay bài tựa

(Đài-gương truyện 1919)

Phàm dân trong một nước,
Một nửa là đàn bà.
Kể từ con gái bé,
Cho đến bà cụ già.
Đều là người của nước,
Mà lo việc trong nhà.
Nhà nào đàn bà hay,
Thịnh vượng và vui hòa ;

Nhà nào đàn bà hư,
Lụn bại và xấu xa !
Đây là truyện nước Tàu.
Dịch ra chữ nước ta.
Trên từ vợ vua quan,
Dưới đến nhà dân gia.
Mẹ hiền dạy con cái,
Con hiếu với mẹ cha.
Vợ càng hay lắm vẻ,
Đạo tam tông hòa ba.
Ngoài ba đạo chính ấy,
Nhiều truyện còn thiết tha.
Tư tính sao cao minh,
Thật tự trời sinh ra.
Hãy xem cách ăn ở,
Vững vững như gương nga.
Lại những lời ăn nói,
Như gấm càng thêu hoa.
Ấy các vị thánh hiền,
Cùng trong làng quần thoa.
Đất nước dầu Nam, Bắc,
Đạo lý không quan hà.
Phòng văn lúc nhàn rồi,
Lời quê diễn nôm ra,
Mong chờ cơn gió thanh,
Hương thơm đưa gần xa.

Trần ai tri kỷ

Luân thường đồ nát, phong hóa suy.

Tiết nghĩa rẻ rúng, ân tình ly.
Vợ chồng kết tóc chưa khăng khít,
Nhân tình, nhân nghĩa còn kể chi.
Trần ai tri kỷ ai với ai ?
Chẳng là bác Cả với chị Hai.
Nào ai khuê tú, ai tài tuấn,
Lầu xanh gặp gỡ người làng chơi.
Nửa gian nhà cỏ ngọn đèn xanh,
Mấy dịp cầu ao, một gánh tình.
Bể khổ đã qua cơn sóng gió,
Giàu sang mây chó kiếp phù sinh.
Cái nợ phong lưu trả đã thừa,
Qua trải hồng nhan mấy nắng mưa.
Hương phai, phấn nhạt, duyên càng thắm,
Lòng chàng khi cuối, thiệp khi xưa.
Tri kỷ xưa nay dễ mấy người ?
Trần ai nào đã ai với ai ?
Nhấn khách giai nhân với tài tử :
Ngồi buồn xem « Truyện thế gian » chơi.

Hài đàm « Thơ Mới »

Từ khi Lý-Bạch chết, thiên hạ không chuộng thơ, mà thơ kém hay. Bởi thế mới có Phan tiên sinh ra đời.

Từ khi Bá-Nha chết, thiên hạ không chuộng đờn, mà đờn kém hay. Bởi thế mới có Quách tiên sinh ra đời.

Phan tiên sinh cải lương về nghề thơ, ở đời chưa gặp ai tri kỷ.

Quách tiên sinh cải lương về nghề đờn, ở đời chưa gặp ai tri âm.

Một hôm, kỳ ngộ duyên may, hai tiên sinh gặp gỡ.

Trong một nhà ở phố Khâm-thiên, Phan đương nằm hút ở trên gác, bỗng nghe ở dưới gác có tiếng đàn nẩy, nhận lâu rất thấy khác thường : tiếng đàn thực hay mà như không có cung bậc. Do bụng hoài nghi, Phan tiên sinh bước xuống bậc thang ngó thử coi, thấy người nẩy đàn đó chừng cũng là một du tử, mà coi ra có vẻ cao nhân ; nhân bước luôn xuống thang, làm quen nói chuyện chơi. Người đó là ai ? Tức là Quách vậy. Rồi đó Quách tiên sinh nói chuyện đàn ; Phan tiên sinh nói chuyện thơ.

Rồi Quách đàn một chập, Phan thơ một hồi.

Rồi Quách lại đàn, Phan lại thơ.

Rồi Phan, Quách lại truyện thơ, truyện đàn.

Cái thú gặp tri kỷ, khó bút mực nào vẽ cho hết. Chị chủ đó nguyên là một tay tài tình, văn thơ âm nhạc, đều có hiểu qua ; nhân bàn quanh một cuộc cầm thi, cũng cảm tác một bài « *Thơ mới* » :

Đàn là đàn,

Thơ là thơ ;

Thơ thời có chữ, đàn có tơ.

Nếu không phá cách vứt điệu luật,

Khó cho thiên hạ đến bao giờ !

Bá-Nha xa,

Lý-Bạch khuất,

Thơ có họ Phan, đàn họ Quách,

Thơ có chữ,

Đàn có tơ ?

Đàn thời ngơ ngẩn, thơ vẫn vơ,

Tài tử văn nhân nhường rửa rửa.

Bút huê ngao ngán bận đề thơ.

(Số mùa xuân, Phụ nữ tân văn tháng 2 năm 1934)

Phong thi

Suối tuôn róc rách ngang đèo,
Gió thu bay lá, bóng chiều về tây.
Chung quanh những đá cùng cây,
Biết người tri kỷ đâu đây mà tìm ?
Hỏi thăm những cá cùng chim,
Chim bay xa bóng, cá chìm mất tăm !
Bây giờ vắng mặt tri âm,
Lấy ai là kẻ đồng tâm với mình ?
Nước non vắng khách hữu tình,
Non xanh nước biếc cho mình chờ ai ?
Anh xuôi, em tựa đầu cầu,
Con sông vẫn đó, con tàu đã qua.
Lạy trời gió bão phong ba.
Cho tàu đổ ngược, cho ta thấy mình.
Muốn cho đêm ngắn hơn ngày,
Sớm vỡ ruộng rậm, trưa cày ruộng chiêm.
Muốn cho ngày ngắn hơn đêm,
Đèn khuya chung bóng cho em đỡ sầu.
Mình ơi có nhớ ta chăng ?
Nhớ mình đứng tựa bóng trăng ta sầu.
Trăng kia soi nửa vòng cầu,
Mà ai tìm cái phong hầu thấy chưa ?
Đường đi nhỏ nhỏ,
Bờ cỏ xanh xanh,
Không duyên không nợ, không tình,
Đồng không quăng vắng, sao mình gặp ta ?
Bây giờ trời nắng đường xa,
Rủ nhau vào dưới gốc đa ta ngồi.

Yêu nhau chẳng lọ thề bồi,
Kẻ Nam, người Bắc, ngậm ngùi nhớ thương.
Tơ tằm ai vấn mà vương ?
Đêm qua mất cặp như chơi,
Có chỗ mất vợ, có nơi mất chồng !
Ông tơ nghĩ chẳng thẹn thùng,
Còn đương chấp mối tơ hồng se ai !
Một con sông, ba bảy con sông đào,
Trăm công nghìn nợ trông vào một em
Bao giờ sạch nợ giàu thêm,
Để anh đi kéo gỗ lim làm nhà.
Đôi ta trăm tuổi cùng già,
Con tằm khác kén, cùng là nhộng non.
Chữ đồng tạc núi ghi sông.
Đêm thu gió đập cành cau,
Chồng ai xa vắng ai sầu chẳng ai ?
Đêm thu gió hút ngoài tai,
Gió ơi có biết chẳng ai nơi nào ?
Đêm thu gió lọt song đào,
Chồng ai xa vắng, gió vào chi đây ?
Đêm thu gió lạnh đôi mày,
Gió ơi có biết nỗi này cho chẳng ?
Con sông chạy buột về Hà,
Nhớ ai Hà-nội, trông mà ngùi thương,
Nhớ người cố quận tha hương,
Nhớ ai thời nhớ, nhưng đường thời xa.
Ai xuôi em lấy học trò,
Thấy nghiên, thấy bút những lo mà gầy !
Người ta đi lấy ông Tây,

Có tiền, có bạc cho thầy mẹ tiêu.
Ai đi ! đợi với tôi cùng,
Tôi đi kiếm rượu cho chồng tôi xơi.
Chồng hư mang tiếng mang tai,
Tiếng tai thiếp chịu, hơn ai không chồng.
Cô kia đen thùi đen thùi,
Phấn đổ vô hồi, cái má vẫn đen.
Lắm vàng cho thăm nhân duyên,
Cô kia trắng nõn, không tiền lấy ai.
Trách ai đánh đá nung vôi.
Trách ai ngả gỗ trên đồi đốt than.
Làm cho vôi trắng than đen,
Cho lòng đen bạc, thế gian lắm người !
Bờ hồ những gió cùng trăng,
Những trăng cùng gió lãng nhăng sự đời,
Ai lên nhả trách ông Trời,
Bày chi trăng gió, cho người gió trăng !

Thơ rượu

Người đời như giấc chiêm bao,
Nghìn xưa đã mấy ai nào trăm năm ?
Một đoàn lao lực lao tâm,
Quý chi chữ « thọ » mà lắm sống nhiều ?
Có tiền chưa dễ mà tiêu,
Ham danh lắm kẻ như điều đứt dây.
Thương ai cho bận lòng đây ?
Cho vơi hũ rượu, cho đầy túi thơ !
Cảnh đời gió gió mưa mưa,
Buồn trong, ta phải say sưa đỡ buồn.

Rượu say ta lại khơi nguồn,
Nên thơ, rượu cũng thêm ngon giọng tình.
Rượu thơ mình lại với mình,
Khi say quên cả cái hình phù du
Trăm năm thơ túi rượu vò,
Nghìn năm thi sĩ tửu đồ là ai ?

Gió Thu

Trận gió thu phong rụng lá vàng,
Lá rơi hàng xóm lá bay sang.
Vàng bay mấy lá năm già nữa,
Hờ hững ai xuôi thiệp phụ chàng ?
Trận gió thu phong rụng lá hồng,
Lá bay tường bắc lá sang đông.
Hồng bay mấy lá năm hồ hết,
Thơ thần kì ai vẫn đứng không.

THƠ DỊCH

Hoàng-hạc lâu

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ !
Thử địa không dư Hoàng-lạc lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bách vân thiên tải không du du.
Tinh xuyên lịch lịch Hán-dương thụ,
Phường thảo thê thê Anh-vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu
(Nguyên tác của Thôi-Hiệu)

Gác Hoàng-hạc

Hạc vàng ai cưỡi đâu ?
Mà đây Hoàng-hạc riêng lâu còn trơ !
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay.
Hán-dương sông tạnh, cây bầy,
Bãi xa Anh-vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai ?

Tự thuật

Thế sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai, đồ diếu thành công dị ;

Sự khứ, anh hùng ấm hận đa.
Tri chúa hữu hoài phù địa trực
Tẩy binh vô lộ văn thiên hà.
Quốc thù vị phục, đầu tiên bạch,
Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma.
(Nguyên tác của Đặng Dung)

Nói về mình

Việc đời man mác, tuổi già thôi !
Đất rộng trời cao chén ngậm ngùi.
Gặp gỡ thời cơ may những kẻ,
Tan tành sự thế luống cay ai !
Phò vua bụng những mong xoay đất,
Gột giáp sông kia khó vạch trời.
Đầu bạc giang san thù chữa trả,
Long-tuyền mấy độ bóng trắng soi.

Trì Thượng

Tiểu nhai sanh tiểu đỉnh
Thâu thái bạch liên hồi.
Bất giải tàng tung tích,
Phù bình nhất đạo khai.
(Nguyên tác của Bạch Cư-Dị)

Trên ao

Người xinh bơi chiếc thúng xinh,
Bông sen trắng nõn trắng tinh hái về.
Hớ hênh dấu vết không che,
Trên ao để một luồng chia mặt bèo...

Dịch-thủy tổng biệt

*Thử địa biệt Yên-Đan,
Tráng sĩ phát xung quan.
Tích thời nhân dĩ một,
Kim nhật thủy do hàn...
(Nguyên tác của Lạc Tân Vương)*

Sông Dịch tiền biệt

*Đất này biệt chú Yên-Đan,
Tóc anh tráng sĩ tức gan dựng đầu.
Người xưa nay đã đi đâu !
Lạnh lòng sông nước cơn sầu chưa tan...*

Khuê oán

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương (?) Thúy-lâu.
Hốt kiến mạch đầu, dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.
(Nguyên tác của Vương Xương Linh)*

Nhớ chồng

*Trẻ trung nàng biết đâu sầu,
Buồng xuân trang điểm, lên lầu ngắm gương.
Nhác trông vẻ liễu bên đường,
« Phong hầu » nghĩ đại, xui chàng kiếm chi !*

Oán tình

Mỹ nhân quyến châu liêm.

*Thâm tọa Tần nga my
Đã kiến lệ ngân thấp,
Bất tri tâm hận thù.
(Nguyên tác của Lý Bạch)*

Buồn vì tình

*Người xinh cuốn bức rèm châu,
Ngồi im thăm thăm nhãn chau đôi mày.
Chỉ nhay giọt lệ đầy vơi,
Đố ai biết được lòng này giận ai !*

TƯƠNG-PHỐ NỮ SĨ

NỮ SĨ TƯƠNG PHỐ tên thật là Đỗ Thị Đàm, quê quán ở Khoái-châu, tỉnh Hưng-yên, sinh năm 1900 tại Thất-khê, tỉnh Lạng-sơn, Thượng-du Bắc-phần.

Bà chính thức bước vào làng văn từ năm 1928 trên tạp chí Nam phong của nhóm Phạm Quỳnh. Giọng văn thơ thâm nảo của bà là hiện tượng tất nhiên của một cõi lòng tan nát khi duyên tình đứt đoạn. Bà có chồng, rồi chồng bà phải lên đường sang Pháp du học ; nhưng chỉ mấy tháng sau, vì không chịu được thời tiết giá lạnh, bệnh phổi bạo phát nên thổ huyết, phải về nước rồi mất ở quê nhà (Huế). Tính từ ngày ly cách, chỉ trong thời gian ba năm, đôi vợ chồng trẻ đã làm một cuộc tạm biệt (năm Tương-Phố 18 tuổi), rồi vĩnh biệt nhau (21 tuổi).

Đau khổ với cảnh đời, bà đem nỗi niềm bi thương của mình trải trên những dòng thơ và tạo thành áng văn trác tuyệt về tình. Bà đã nổi tiếng một thời về loại thơ tình cảm. Bà làm thơ để khóc than, thương tiếc người yêu nay không còn nữa. Vì tình yêu chân thật, thơ của bà là những tiếng lòng thống thiết chân thành. Giọng thơ nghe thâm nảo ; nó là tiếng nấc nghẹn ngào, là những giọt lệ đầy vơi của người vợ khóc chồng, là tiếng kêu đau thương của kẻ ở người đi, một người đi vào cõi chết, là tiếng nói của một tâm hồn đau khổ vì tình yêu tan vỡ, tiếng lòng của một góa phụ khi phải vĩnh viễn xa chồng. Chính vì những lẽ đó mà người ta thích đọc thơ bà để hiểu thế nào là sự cùng tột của đau thương, thế nào là niềm xót xa của cõi lòng đang thổn thức. Hầu hết tác phẩm của bà chỉ nói đến tâm sự mình, và chính mình là vai chính trong câu chuyện.

Văn thơ, Tương-Phố có những tác phẩm sau đây :

- Giọt lệ thu (khóc chồng vào mùa thu 1920 ; viết từ năm 1923 cho đến mùa thu 1928 mới đăng trên báo Nam-Phong số 131 tháng 7 năm 1928 ;

đến năm 1952 nhà Ngày nay Hà-Nội xuất bản, và 1967 được Nam chi tùng thư tái bản tại Sài-gòn, chính tác phẩm này đã đưa tên nữ sĩ sáng chói trên văn, thi đàn.

- Mưa gió sông Tương do nhà Bốn phương xuất bản ở Sài-gòn năm 1960 gồm những thi bản từ năm 1915 đến 1949.

Theo ông Vũ Ngọc Phan trong Nhà văn hiện đại, thơ của Tương-Phổ đáng kể là tuyệt xướng có hai bài :

- Tái tiểu sầu ngâm (Nam-phong số 147, tháng 02-1930).

- Khúc thu hận (Nam-phong số 164, tháng 7-1931).

Ngoài thơ, bà còn viết ký sự đăng trên báo Nam phong như : Một giấc mộng, Nỗi thương tâm người đàn bà, Tặng bạn chán đời, Bức thư rơi, v.v...

Hiện nay (1968), nữ sĩ Tương-phổ đang sống tại Nha-trang với cuộc đời bình dị. Bà là nhà thơ phái nữ kỳ cựu nhất trong những thi sĩ tiền chiến đang ở miền Nam này.

Nữ sĩ Tương-Phổ bước vào làng văn Việt-nam qua tác phẩm *Giọt lệ thu* bằng giọng văn thật âm đạm, ngâm ngùi, mang một tâm trạng đau khổ, chán chường, khóc thương cho người đã khuất, nhắc nhở lại bao kỷ niệm vui buồn của những ngày chung chăn gối. *Giọt lệ thu* là một bài văn xuôi, thỉnh thoảng có chen vào mấy câu thơ mang chung nỗi sầu thương man mác. Niềm thương nhớ là nỗi lòng được nhắc nhở suốt trong dòng văn thơ dầm lệ. Tương-Phổ đã khóc, khóc cho chính bản thân, khóc cho cuộc đời ngang trái, khóc cho cảnh vợ chồng đang độ mặn nồng, hương tình ngát đượm bỗng tan rã lứa đôi. Bà đã đem tâm sự của mình ký thác vào những dòng huyết lệ mà chúng tôi sẽ trích sau đây.

Phê bình về Tương-Phổ, ông Bùi xuân Uyên đã viết trong lời Tựa của *Mưa gió sông Tương* như sau :

« Chúng ta đều đã biết Tương-Phổ. Giọt lệ thu năm nào đã thấm trong văn học sử. Cái tên của Tương-Phổ đã đóng dấu một nỗi buồn. Kể ra không lạ gì truyện một trang thiếu phụ, những năm sen ngó đào tơ đã gặp người xứng lứa vừa đôi, yêu nhau lại lấy được người mình yêu. Nhưng thương thay, đoàn tụ để chia lìa, tang chồng đã ám mắt người vợ trẻ tay bông con thơ. Bạn gái trong hoàn cảnh này, ai thì cũng khóc.

Tương-Phổ đã khóc với Giọt lệ thu vào một buổi thu về năm ấy :

Trời thu ảm đảm một màu,
Gió thu hiu hắt thêm dầu lòng em ;
Trăng thu bóng ngả bên thềm,
Tình thu ai để duyên em bẽ bàng.

Ông Bùi xuân Uyên viết tiếp :

Những nỗi buồn nào cũng có thời gian, chứ mỗi thương tâm của người quả phụ là một nỗi buồn âm thầm trọn kiếp. Nên chi, khăn tang rồi đoạn mà chẳng đoạn nỗi lòng. Đường đời mấy khi lại để mình yên với cái tâm sự đã thôi đành chịu nã nề.

Ngày mà người quả thiếu phụ vì hoàn cảnh éo le phải cam lòng đổi áo thay khăn bước đi bước nữa, lại chỉ là thêm một ngày tang tóc, khiến giọt lệ xưa thành mưa thành gió. Gió mưa chẳng ngớt với tháng ngày. Than ôi, trên bến sông Tương hiu quạnh, người vợ trẻ mất chồng một buổi thu xưa, ngồi ngân đây tiếng khóc của mùa thu. Đắng cay chua chát tình đời, giờ đây dưới bóng dương tà, đã nghiêng, nghiêng nửa mái đầu hoa râm, mở cho ta xem trang sử lệ của sông Tương. Chính là Mưa gió sông Tương đấy.

Kẻ viết bài này, có cái may mắn và cái vinh dự là người thứ nhất và người độc nhất được đọc Mưa gió sông Tương từ khi còn bản thảo, cho nên trong cảm kích, đã nhất định xin với tác giả cho tác phẩm này ra đời, và cho mình cái vui đề tựa.

Tác giả đã từ chối. Viện có tác phẩm thực quá và cổ quá.

Tác giả không muốn nhận rằng chính cái thực ấy đã tạo nên giá trị của Mưa gió sông Tương, và qua cái cổ, tác giả đã đạt được sự sáng tác thuần túy.

Mưa gió sông Tương gồm những bài viết từ năm 1915 đến 1949. Đời một quả phụ từ năm xuân đến buổi bạc đầu, ghi ở đây. Nỗi buồn của một người con sống dưới mái gia đình thanh bạch, mối thương tâm của một người vợ trẻ tang chồng âm thầm với tháng ngày qua, nỗi lo âu của một người mẹ góa áo cơm đèn sách, bao niềm hy vọng trông chờ ở đứa con cô cút, tất cả ghi ở đây, và ở đây, đọng lại giọt máu thiêng liêng của một sự cố gắng, một sự hy sinh không bờ bến, giọt máu của kiếp người, và kiếp người phải nói là quặn đau trong vòng sinh hóa.

Tương-Phổ đã không giấu diếm gì hết, bởi vì phải đâu Tương-Phổ viết cho chúng ta. Dĩ nhiên những bài thơ hoàn toàn từ bốn mươi ba năm trước mà chưa hề đăng, chẳng là những bài thơ để gửi đời. »

Đọc lại lời Tựa trên đây của ông Bùi xuân Uyên, chúng ta nhận thấy rất đúng, bởi vì Tương-Phổ làm thơ không phải để thành thi sĩ, mà cũng không phải là một thợ thơ. Trái lại Tương-Phổ làm thơ để giải bày tâm sự đau thương hầu vơi đi được phần nào nỗi nhớ thương.

Trong bài *Giọt lệ thu* cũng như những bài thơ của bà đã sáng tác, đâu đây người đọc nghe dậy lên tiếng nức nghẹn ngào của một cõi lòng tuyệt vọng.

Để dẫn chứng và cũng để quý vị hiểu phần nào khuynh hướng và tư tưởng của Tương-Phổ trong văn thi phẩm của bà, chúng tôi xin trích một đoạn trong bài văn *Giọt lệ thu*, một áng văn bất hủ của Tương-Phổ và cũng là một ánh đuốc sáng trên văn đàn Việt-nam từ năm 1928 đến 1932.

Đây là đoạn kết của bài *Giọt lệ thu* :

« Nghĩ mà chua xót thương con, nhà không nóc, mưa gió mai ngày, cuộc đời xoay sở biết toan sao ? Đoạn trường em lại biết bao nhiêu giăng

mắc. – Con còn trẻ thơ lo ăn lo mặc, lo học lo hành, con khôn lớn lại phải lo sao cho thành danh phận, để chen vai nối gót với đời. Nghĩ như thân em sức vóc liễu bồ, cánh vây không có, hai bàn tay trắng, đức tài cũng không. Một mình mẹ góa nuôi con, em biết lo liệu thế nào cho tròn phận ấy ?

Anh ơi ! Anh mất đi, anh để lại cho em biết bao nỗi dở dang ở đời ! Dầu em có nghĩ liệu : mặc đời cua máy cáy đào, nỗi dở dang âu đành chẳng bận. Nhưng tình nhớ thương khuây khỏa sao đây ? Ra vào vắng vẻ tháng ngày, khăn áo cũ còn hình dung bóng dáng. Khoảng trời đất non buồn nước lạnh, người đi bấn bặt, kiếp này còn gặp nhau đâu nữa mà mong.

Trên mây kia Ngưu Chức chia phôi cũng đoạn trường, nhưng khóc nhau còn lại có ngày thấy nhau. Em khóc anh mấy thu nay lệ đã thấm lòng, người đành không lại, mộng sao chẳng về ? Nghĩ đau duyên ấy lại hờn với Ngâu :

Thu về đẹp lúa duyên Ngâu,
Năm năm ô thước bắc cầu Ngân-giang ;
Đôi ta ân ái lỡ làng,
Giữa đường sinh tử đoạn đường chia hai ;
Anh vui non nước Tuyền-dài,
Cõi trần hương lửa riêng ai lạnh lùng ;
Nhân gian khuất nẻo non Bồng,
Trăm năm nào thiệp tấm lòng bơ vơ !

Anh ơi, chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu ! Nhưng lòng thu ai hẳn có như em, mà mây chiều vẫn dạ, gió mai lạnh lòng. Như em mỗi hạt sương gieo là một giọt lệ thấm, mỗi làn lá rụng là một mảnh tình sầu. Thu càng thâm, sầu càng nặng.

Anh ơi, em nghĩ đến về với anh mùa thu, mất anh lại cũng mùa thu, cho nên năm năm cứ đến độ thu sang, thì em lại bồi hồi nhớ trước tường

xưa, mà lòng thu một tấm cũng ngây ngất sâu !

Ôi, hồn duyên em lại khóc thu, mà thu kia như cũng vô tình, có đem châu lệ đền bù cho em đâu !.

Cùng buổi thu này, trăng trong gió mát, tao khách thi nhân say tình say cảnh, cùng nhau cất chén hoàng hoa, ngâm thơ Tống-Ngọc, lưng bầu phong nguyệt hẹn hò với thu.

Riêng em trong cảnh phòng không chiếc bóng, luống tủi mình đầu xanh lẻ bạn, giữa đường lạc duyên, cho nên trông trăng những nhớ trăng xưa, thấy thu lại tưởng thu này năm nao, mà rồi châu lệ dạt dào, tắc dạ cũng thê lương, lòng riêng không còn một cảnh vui nào để cho mình ước hẹn với thu. Người buồn lại gặp cảnh thu, sầu riêng trăm mối bao giờ gỡ xong !

Anh ơi, giọt lệ khóc thu, em chỉ vì anh mà năm năm lai láng... Than ôi, thu sang thu nào lòng người biết bao !

Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
Vi lau xan xát, hơi may lạnh lòng :
Ngổn ngang trăm mối bên lòng,
Ai đem thu cảnh họa cùng thu tâm... »

Giọng thơ văn của bà mang một tính chất bi thương vô cùng, điều này đã khiến cho người đọc cảm động, đau đớn, xót xa. Trước cái đêm chia ly để rồi vĩnh biệt, người thiếu phụ đã băn khoăn :

Còn đêm nay nữa sao mà...
Đêm chưa chớp mắt, canh gà đã ran.
Giục người muôn dặm quan san,
Giục người rẽ thúy chia loan nào nùng.

Hình ảnh chia ly sắp báo hiệu. Lời thở than của người vợ trẻ muốn níu chân thời gian chậm lại để kéo dài thêm phút giây lưu luyến bên cạnh người

yêu. Chỉ một đêm nay vợ chồng còn chung chăn gối, để mai này phải xa cách nhau :

*Đường xa xa mấy muôn trùng,
Kẻ đi người ở tấm lòng ngổn ngang.
Ngậm lời ngời ngấn canh tàn,
Nhìn nhau đôi mắt bốn hàng lệ sa.*

Khi giờ phút chia ly đã điểm, chàng sắp sửa lên đường, từ giã vợ con mà lòng muốn đứt ra từng đoạn. Chúng ta hãy nghe Tương-Phổ thuật lại cảnh thương tâm đó, ngày 26-5-1916, chàng đáp xe lửa tại Phan-thiết để vào Sài-gòn chờ tàu thủy sang Pháp :

*Anh ngoảnh lại, hôn con, hôn vợ,
Miệng mỉm cười, lệ ứa khôn ngăn.
Em non nớt, đừng ăn bận nhé !
Ủ cho con, chớ để lạnh lòng ;
Thuốc men, mẹ muốn cần dùng.
Ca-Dê⁵ bác sĩ sẵn sàng giúp em ;
Yêu nhau, hãy tạm quên ly biệt,
Xuân còn dài, đã hết xuân đâu !
Buông lời, siết chặt tay nhau,
Hôn con, anh vội bước mau xuống thêm...*

Bạn hãy đọc đoạn thơ trên, tưởng tượng đến lúc bịn rịn chia tay của đôi vợ chồng trẻ, bạn sẽ cảm thấy lòng bạn nát tan với những lời than bi thiết ấy.

Tưởng đến người yêu nơi nghìn trùng xa cách, một sự trống lạnh xâm chiếm tâm hồn, hình ảnh ấm êm vụt sống lại mãnh liệt nơi lòng người vợ trẻ, một đêm trăng mơ :

*Nhớ xưa, anh cảm chị Hằng,
Đa tình đến nỗi thương trăng lạnh lòng ;*

Rẽ mây nước tới Thiềm-cung,
Nguyệt đem chẵn gối bạn cùng Thường-ngà ;
Vợ gần, cảm bóng trắng xa,
Ghen trắng, vợ hẳn : Hăng-ngà... Nga gì !

Và đây, kỷ niệm êm đềm nhất khi hai mái đầu còn đang đắm mình
trong hạnh phúc ái ân :

Nửa đôi ta, đương vòng tuổi trẻ,
Ái ân còn mới mẻ say sưa ;
Cùng nhau hú hí sớm trưa,
Bữa ăn giấc ngủ, cũng chờ đợi nhau.
Lòng chẳng nở xa đâu nửa bước,
Đương kiếp này, đã ước kiếp sau.
Chỉ vui, vui chẳng biết sầu,
Quanh mình hoa cỏ riêng màu vui tươi.

Ở ký ức, mỗi tình chớm nở như vạt mùa hương ủ trong thưở ban đầu
đã khắc sâu nơi tim lòng, nàng nhớ rõ :

Em mười-tám, anh hai-mười lẻ,
Sóng gương đôi, lứa trẻ như măng !
Có đêm, ngồi mát dưới trăng,
Bảo nhau : yêu quá sợ Hăng-ngà ghen.
Yêu có phút, lặng nhìn chẳng chớp,
Trông nhau cùng muốn nuốt nhau đi !
Ngây thơ một tấm tình si,
Yêu nhau, yêu có nghĩ gì xa xôi.
Vui, có lúc cùng ngồi đánh chắt,
Đùa, có khi bịt mắt bắt dê ;
Khi trước cửa, lúc sau hè,
Sánh vai, ngắm khách đi về đông tây.

*Lòng sung sướng đùa mây rờn gió,
Chuyện băng quơ chẳng có đầu đuôi ;
Câu vui cùng phá lên cười,
Vui tai, hàng xóm cũng cười góp sang.*

Khi quá thương nhau, người ta thường mơ ước. Ta hãy nghe niềm ước mơ của Tương-Phổ :

Ước chi

*Ước chi em hóa kiếp chim,
Trời Tây muôn dặm bay tìm gặp anh.
Véo von nháy, hót bên mình,
Vì anh khuây khỏa mối tình gia hương
(Thất-khê 1916)*

Và càng mơ ước bao nhiêu lại càng thương mến bấy nhiêu ; ước mơ thì nhiều nhưng không mấy may thành tựu, vì vậy nữ-sĩ đành trở lại với kiếp chờ mong, càng mong chờ càng nôn nả, lòng nhớ nhung càng se thắt con tim, Tương-Phổ nhớ lại lời ước hẹn khi xưa của người yêu lúc sắp ra đi trong bài...

Anh hẹn

Anh ơi ! anh hẹn anh đi sáu tháng về, mà nay, cúc thu tàn tạ, đông về đã qua. Tin xuân điểm, đào hoa mai nụ, trượng phu còn lẫn lửa góc trời Âu.

Anh ơi ! đã hay tang bồng là kiếp mây râu, chinh phu muôn dặm sa đầu lạnh lùng. Nhưng ngày xanh kia chẳng đợi má hồng, nỡ để ai chỉ kim khâu mãi tấm lòng tương tư !

(Thất-khê, 1917)

Niềm nhớ nhung đã chín nừ trong tâm tưởng của người thiếu phụ khiến bật lên thành tiếng kêu bi thương gọi cảm. Xuân đi, xuân lại, thiếu

phụ chờ mong với nỗi lòng trống lạnh cô đơn :

Xuân lạnh

*Xuân lạnh anh ơi, em nhớ anh,
Đường xa bao nả bấy nhiêu tình ;
Tương tư trăn trọc năm canh lệ,
Gối chiếc chăn đơn mộng chẳng thành
(Thất-khê, Xuân 1917)*

Ngày tháng nặng nề trôi. Mùa sen đã tàn, Đỗ quyên kêu lên những tiếng náo nùng của khúc nhạc buồn thương :

Mấy độ sen tàn

*Mùa sen năm ấy anh đi,
Quyên ca, ca khúc biệt ly náo nùng ;
Sen tàn mấy độ điểm hồng,
Nào đâu người khách tang bồng năm xưa ?
(Thất-khê, mùa sen năm 1918)*

Những phút sốt ruột cháy lòng là những lúc chờ đợi. Nàng đã mong chàng từng ngày, trông đợi từng cánh thư trao :

Mong thư

*Trạm đưa thư, những thư ai,
Thư mình hoặc chậm, ngày mai đưa vào ;
Mai qua, nào thấy âm hao,
Ngày nào cũng bằng như ngày nào thôi !
(Tại trường Nữ Sư-phạm Hà-nội, 1919)*

Niềm hy vọng thật bao la, nhưng rồi, bỗng một ngày vạn vật phủ màu thê lương, chàng lìa bỏ cuộc đời, cách xa trần thế (ngày 25-7-1920) đúng 30

tuổi. Nàng nghe tin chẳng lành như cả đất trời long lở, thế là bao nhiêu niềm ước mơ bỗng tan thành mây khói :

Từ đây

*Từ đây, non nước vắng anh,
Từ đây, muôn dặm một mình em đi.
Chợ đời họp mặt vui gì,
Người đi đôi lứa em thì lẻ loi !
(1921)*

Nàng không bao giờ ngờ được phút đau thương này :

*Mất anh, là sự không ngờ,
Lòng em năm tháng vẫn chờ đợi anh !*

Mới năm nào mất mẹ, khăn tang còn đó ; thời gian chưa hàn kín vết thương đau, ngọn trào lòng chưa kịp vơi theo ngày tháng. Đến thu này mái đầu xanh lại chít thêm một vành khăn trắng, vết thương xưa lại vỡ toang, thần và thể cũng muốn theo dòng máu mà tan chảy. Ta hãy lắng tai nghe nguồn lệ của người thiếu phụ âm thầm rơi giữa đêm khuya :

*Canh khuya, tỉnh giấc hai hàng lệ,
Vừa năm kia, mất Mẹ chưa khuây ;
Áo khăn tang tóc còn đây,
Chưa xong tang Mẹ, lại ngay tang chồng.*

Niềm đớn đau tràn ngập tâm tư như muốn chà đạp linh hồn mảnh yếu ;
Tương-Phổ khóc thương, gào thét, kêu than oán trách cơ trời :

*Nỗi đau đớn riêng lòng này biết,
Khóc lên cho thảm thiết vang trời ;
Trời làm chi hỡi, trời ơi !
Nỡ đem sinh tử nã người thế gian.
Chết, âu cũng muôn vàn lẽ chết.*

Nỡ lòng nào vội giết tuổi xanh ?

Thôi, thế là hết, thế là tan, những ước vọng ngày nào nay chỉ còn là mộng ảo ; kẻ ở người đi, tình kia lai láng, những kỷ niệm ấm êm xưa thoi từ đây chôn sâu vào lòng dĩ vãng ; mọi ân tình, mọi chuyện yêu đương đành gác lại kiếp mai sau, vợ chồng từ đây vĩnh quyết ; một ra đi, người yêu ngàn năm không bao giờ còn gặp lại. Nàng khóc than bi thiết, nước mắt đã mấy lượt đầy vơi mà tình kia không khuây trong dạ, niềm thương nỗi nhớ càng thêm bồi đoạn xót xa. Tháng năm qua là chuỗi ngày ảm đạm thê lương giết chết lần mòn đời người cô phụ khi độ nửa chừng xuân.

Lời than khóc của Tương-Phổ tưởng chừng như không bao giờ ngớt, nàng đã khóc thật nhiều, khóc cho cảnh đời góa bụa, khóc cho mình phận bạc mong manh, và khóc cho con từ đây cam chịu cảnh đời cô cút, nàng trút sự đau thương trong những dòng bi thiết :

*Con ơi, biết tìm cha đâu nữa,
Khoảng đất trời con ở, cha đi.
Từ đây thôi nói năng gì,
Non buồn, nước lạnh, người đi không về !*

Như thế là cái gì trân trọng quý báu nhất trong đời tình ái của Tương-Phổ đành chôn vùi trong lòng đất. Giờ có gặp nhau chẳng chỉ còn trong giấc mộng hồn, hoặc những khi lấy hình ảnh ra, nhìn lại nét tình anh, tình tứ để sống lại những cảm giác yêu đương rộn nhói trong tim rồi theo dây thần kinh tản dần trong từng đường gân thớ thịt. Tương-Phổ đã tận hưởng phút giây say lạ ấy :

Nhìn ảnh

*Nhớ anh, giờ ảnh ra nhìn,
Người trong bức ảnh, muôn nghìn tình anh.
Say sưa lạ, vẫn tình tứ thế.*

*Nét thông minh lộ vẻ cao siêu,
Lặng nhìn, càng ngắm, càng yêu.
Vẻ xuân phơi phới riêng chiều phong lưu.
Đương trẻ thế, ngờ đâu anh mất,
Anh ơi anh, sự thật không ngờ ;
Nhìn nhau lệ ứa, mắt mờ,
Mất người trong ảnh, bây giờ tìm đâu !*

*

Trong đời tôi từng làm chứng nhân trước cảnh não lòng của những người vợ tuổi còn mơn mớn xinh tươi đã vội trùm lên đầu xanh vành khăn trắng, vật mình giữa trong tuyệt vọng đau thương trước cái chết của người chồng son trẻ mà thời chiến này đã gây ra bao cảnh bi đát đoạn trường. Đôi khi tôi thầm tự hỏi : rồi đây đời thiếu phụ sẽ ra sao ? Giàu sang phú quý có đánh đổi được cái trống lạnh của tâm hồn ? Có xóa nổi vết thương tình vỡ toang vì sự gãy đổ lứa đôi mà trọn kiếp người chỉ qua được một lần – tôi muốn nói đến những chân tình. Đối với kẻ nghèo lại càng thảm não hơn, họ phải hứng chịu bội phần sự thống khổ. Tương-Phổ là điển hình cho sự khổ đau cùng tột ấy nên đã bật lên thành tiếng khóc bi thiết trong những dòng thơ như những dòng máu thấm trào tuôn từ con tim tan vỡ mộng ái ân.

Sự thống thiết còn tàn nhẫn chà đạp lên trái tim khô héo của cha già ; thương con thương cháu trong cảnh túng cùng của hoàn cảnh mới ; ông đã không ngăn được những giọt nước mắt như chảy ép từ đáy lòng già khi phải chia xẻ nỗi đau thương.

*Hồn duyên, em lại nhìn cha khóc,
Ứa lệ, cha em ngoảnh mặt đi.
Ngày tháng trôi qua.
Thời gian quả là liều thuốc màu nhiệm.*

Niềm đau đớn nào cũng có lúc phai nhạt, trong tình yêu cũng thế.

Rồi như muốn xoay lại cảnh đời, sưởi ấm lại lòng đứa con đã chịu góa bụa bấy lâu ; với tấm lòng của một người cha thương con, không muốn con mình sống trong cảnh lỡ làng khi thuyền yêu bị gãy đổ trong phong ba, ông muốn tìm chỗ cho con nổi lại duyên tơ để nương tựa lúc tuổi già ⁶ . Ông đã có những lý luận như sau :

*Cha đâu đội đá ở đời,
Thân con âu cũng liệu nơi nương nhờ ;
Trẻ trung được lúc bây giờ,
Cảnh chiều mưa gió, con nhờ cậy ai ?*

và :

*Ba đời nuôi cháu ngoại rồi
Chén trà trưa sớm, ông ngồi thở than ;
Tóc râu phơ, giọt lệ tràn,
Tình con cảnh cháu, chẳng an bụng già.*

Sự kiện đã đưa đẩy người thiếu phụ Trương-Phổ vào một cuộc xung đột dữ dội ở nội tâm. Tình yêu và lẽ sống đang dằng co, trì kéo, dẫn vật tâm tư, hồn thể bấy như trong hai lẽ. Rốt cuộc nàng phải chọn giải pháp thực tiễn hơn, khi hiểu rằng : chết là hết. Nàng thuận để tình cảm bị lý trí lấn át vì phải sống cho những người còn đang sống. Trương-Phổ đã vén màn lên cho ta thấy sự phản ảnh đảo ngược của nội tâm và ngoại diện :

*Từ đây thương cha, em nín khóc,
Cha em thường thấy mặt em vui.
Người đời cũng ngốt em sung sướng,
Em biết tim em đã nát rồi.
Em cười phong kín hai hàng lệ,
Lệ ứa thương em lỡ cuộc đời ;
Thốn thức canh dài em dẫu khóc,*

*Nhưng mai, son phấn lại tươi rồi !
Vì đứa con cô, em phải sống,
Nuôi con giỏ lệ máu chan hoà,
Muôn ngàn hạnh phúc hy sinh hết,
Tìm nát, thời gian lặng lẽ qua !...*

Tuân lệnh cha già ra đi làm lại cuộc đời mà tâm tư tan nát, Tương-Phố đã diễn tả hết sức cảm động, bằng những lời chân thành nhưng thảm não vô cùng :

« Thôi thì, một liều ba bảy cũng liều. Đành vâng lời cha, em bước chân ra. Bước chân ra, cho yên bụng cha già. Bước chân ra, cho khỏi lụy gia đình. Nhưng anh ơi ! một vâng lời, chết mấy tầng ruột gan. »

hoặc :

« Anh ơi ! Ngoảnh mặt về Nam, em xin từ đây bái biệt anh. »

« Thôi ! em vì cảnh ngộ, vạn bất đắc dĩ phải bước chân ra. Anh có linh thiêng xin biết cho nhau, và phù hộ cho đứa con cô vất vả của chúng ta. Cố giúp cho con nên người anh nhé ! »

và nhất là những câu kết thúc bài thơ :

*Thắp nén hương này, khóc biệt anh
Thề duyên ước cũ tũn ba sinh ;
Thuyền ai một bước, hai hàng lệ,
Ngoảnh lại con cô dạ chẳng đành.*

để rồi em xin đành vĩnh biệt anh :

*Chan hòa lệ rõ, trước ban này,
Hương nến lu mờ, khói tỏa bay ;
Bốn lạy già từ, muôn kiếp hận,
Bước ra, một bước, một chầu mây !...*

Thật là những vần thơ đắm lệ, biểu hiện một tác lòng kính mến tình xưa khi phải tiếp nối duyên tơ. Giọng thơ của Tương-Phổ càng đọc càng cảm động, xót xa ; lời thơ dạt dào tình cảm. Đọc Tương-Phổ, dù cho người khó tính thế mấy cũng không phàn nàn vào đâu được nữa. Từ lối dùng chữ đến cách gieo vần là cả nghệ thuật tinh vi. Không sáo, không kiểu cách, trái lại bà thường dùng những chữ thông thường nhưng không phải vì thế mà làm cho bài thơ kém hẳn ý tứ hay bị lạt lẽo, vô vị...

Bốn mươi năm trôi qua, kể từ khi Tương-Phổ góp tiếng lòng qua *Giọt lệ thu* đăng trên *Nam-phong*, tên tuổi của nữ sĩ họ Đỗ vẫn còn sống mãi với thời gian và tiếng thơ vẫn còn rung động mãi trong lòng người ái mộ.

Tóm lại, tiếng thơ của nữ sĩ Tương-Phổ là tiếng lòng của nữ sĩ ; nó cấu tạo bằng tim, máu và nước mắt do một tâm sự riêng của chính mình, không hề vay mượn của ai, nó không gò bó, gượng ép hay giả tạo như một số thi nhân khác đã thường sáng tạo thơ văn mình do óc tưởng tượng nhiều hơn thực tế.

Đó là nét độc đáo có một không hai mà Tương-Phổ đã thành công và chiếm được một chỗ ngồi vững chắc trên thi-đàn Việt-Nam.

THI, VĂN TUYẾN

Giọt lệ thu

Trời thu ảm đạm một màu.

Gió thu hiu hắt thêm rầu lòng em,

Trăng thu bóng ngả bên thềm

Tình thu ai để duyên em bẽ bàng !

Anh ơi, thu về như gọi mỗi thương tâm. Mỗi độ thu sang em lại vò lòng than khóc. Nghĩ năm có một lần thu, nhưng thu năm nay đi, năm sau còn trở lại. Hỏi ba sinh hương lửa thời ái ân kia để mấy kiếp hẹn hò nhau ? Chẳng hay cơ trời dâu bể vì đâu, xui nên chẵn gối vừa êm, lửa hương mới bén, sắt cầm đứt dây ngón đàn, bỗng ai xô lộn bình tan gương vỡ cho người dở duyên !

Than ôi, minh dương đôi ngả, gió mây hội ấy, anh đi đi mãi, năm tháng thường về, người không dấu vết. Em muốn tìm anh tìm chẳng thấy, hôm sớm băng khuâng buồn lại nhớ, thương nhau gầy gò khóc vì nhau.

Anh vui non nước bấy lâu, bụi hồng khuất nẻo dứt đường cá chim, trông bốn phương trời mây buồn vơ vẩn, em còn biết đâu là lối phượng bay mà tìm. Chốn phòng loan từ thuở vắng anh, lệch lán chẵn gối đượm sầu, giường xưa chiếu cũ nghiêng xiêu, thu đông đến chẳng cùng em ân ái nữa. Giấc cô miên trần trọc suốt canh dài mắt muốn nhắm đi, lòng nào có ngủ, đường kia nổi nọ, trăm năm tâm sự, khôn đem hồn mộng gọi chiêm bao !

Ngày tới đêm lui, hôm mai lần lửa, những ngậm ngùi than thở xót cho thân. Than ôi, lênh đênh sóng nước một con thuyền, phong ba cuộc thế mấy phen dập vùi. Nghĩ như cánh buồm bọc gió, bể hận không bờ, con chèo tuyệt vọng khôn dò bến, em nay còn biết buông theo ngả nào ! Trên cầu

đoạn trường, sâu đường bể, khắc như năm, võ gày thấm thiết thương anh, trăm mối tơ lòng không tung mà rối.

Xuân qua hạ lại, cảnh tình đã chẳng khác chi đông ; thu sang tâm sự lại dạt dào, thương tâm gió buổi mây chiều, lòng em lai láng biết bao sầu tình !

Anh ơi, phòng thu vò võ một mình, mỗi khi nhớ anh, em lại ngừng tay kim chỉ, cuốn bức châu lim xa trông non nước, và hồi tưởng những đường xưa lối trước đi về có nhau, thì muôn nghìn tâm sự bấy giờ lại như xô lùi em về cảnh đời dĩ vãng, mà rồi ngọn trào trong dạ cũng menh mang con sóng lệ. Em nhiều khi cũng nghĩ thương nước mắt, muốn thôi đi không khóc nữa, nhưng hai hàng châu lệ vẫn cứ chan hòa như mưa !

*Nước non ngao ngán tình xưa,
Trăm năm bạn cũ bây giờ xa đâu ?
Để riêng ai
Bức khăn hồng tằm tã giọt châu
Gối chăn còn ngấn lệ sầu đến nay !*

Anh ơi, nước non còn đó mà anh vội đi đâu ? Ngày xanh sao chẳng ở cùng nhau, duyên thắm nở nào chia rẽ lữa. Ngoài nội uyên kia cùng chấp cánh, trên nương én nọ chẳng lìa đôi, tung mây kết bạn ngang trời, nghĩ chim ríu rít túi người lẻ loi.

Ôi ! Chim có đôi, người sao lẻ bạn, chẵn đờn gối chiếc em biết cùng ai than thở chuyện trăm năm. Đành đem phận mỏng cánh chuồn, tóc tơ ngắn ngủi cùng anh không có phúc nối duyên lâu dài. Nhưng gieo chanh rắc ớt, chua cay lòng trẻ, để đến duyên này chéch mác dở dang, cũng bởi tại khuôn xanh kia đã quá tay lửa lọc. Trời ơi, ba sinh hương lửa, đã cho duyên kiếp ái ân bạn đời, ví dầu chẳng để trăm năm nữa, cũng cho xuân thu đắp đổi độ vài mươi năm, cho cam tẩm lòng trẻ thơ khăn túi. Nở nào chặt chiu én mới một xuân qua, đã đem sinh ly tử biệt chia phôi bước đường.

Con còn trong cũi chưa se rốn, vợ qua bể cạn chữa hoàn hồn, anh đã vội vàng vút áo ra đi. Ôi, ra đi nào phải đi gần, dặm đường Âu Mỹ ngàn trùng nước non. Buổi tiễn đưa nhìn anh thôi lại nhìn con, giọt hồng lã chã, chén quan hà những uống lệ mà say !...

Anh sang Tây, em cũng tính ngày về Bắc, con vừa đầy tháng em đã bước lên đường.

Nghĩ vợ chồng lấy nhau mùa thu, biệt nhau chưa kịp qua thu, đất khách quê người, gánh tình xẻ nửa dặm sâu chia hai, mà nay em ra về, nước non như vẽ cảnh đoạn trường !

Thôi, từ đây cảnh trời Phan-thiết rẽ hai thâm tình ! Than ôi, cùng nhau đương hợp mà tan, nghĩ nguồn cơn ấy thì thà rằng đôi lứa như chim, lại không biết có cái thảm những ngày gió mưa chia rẽ.

*Gió mưa chim chẳng lìa đôi,
Giữa đường ân ái nào người lẻ duyên ;
Lai sinh nguyện chấp cánh uyên ;
Cao bay chẳng để khuôn thiêng lọc lừa.*

Anh ơi, một năm hoa mấy thời xuân, bốn mùa trăng dễ mấy rằm trung thu. Trăng đẹp khi tà, hoa thơm khi úa, đời xuân xanh ai trẻ mãi ru mà. Người yêu hoa đem lòng luyến ái, khách say trăng chén rượu vui mời, những than ba vạn sáu ngàn ngày, sinh thú cõi trần ai không hơn gì mộng cảnh. Cho nên thương hoa xuân tạ, cảm trăng thu tàn. Đã mang tắc dạ yêu say, khách chung tình không nỡ để vì mình mà trăng sầu hoa tủi. – Em nay vì anh đến nỗi chừng xuân tơ liễu còn xanh, mà nửa làn tâm sự đã sang thu rồi ! Than ôi, anh đi chẳng lại đã đành rằng duyên kia dang dở, nhưng ngày xanh quăng vắng em chờ đợi ai !

*Ngày xuân luống tiếc xuân dài,
Oanh đưa liễu đón duyên ai đi về.
Vui xuân đối lứa đề huề,*

Sầu xuân say tỉnh tê mê một người.

Xuân xanh duyên đã phai rồi,

Đời xuân thôi cũng là đời bỏ đi !

Anh ơi, hồn xuân em lại giận trời, trời đã đoan phụ phàng con trẻ, nỗi dở dang này em biết than thở với ai đây ? Theo duyên những ước duyên may, em có ngờ đâu giữa đường đứt gánh chung tình, anh đi để lại cho em những ngày mưa sầu gió thảm !

Con anh măng sữa, em còn thơ ngây, cuộc đời trăm đắng nghìn cay, trông vào ai, cậy vào ai ? Đường gian nan chân chồn bước ngại, tới lui đã dở, nắng mưa dễ biết lánh vào đâu !

Đường mây vỗ cánh, lựa chiều bóng mát cây cao, chim kia còn hơn em có tổ hôm mai đi về.

Buông con mắt trông bốn phương trời, em chỉ ngậm ngùi rừng rừng nước mắt, mà không còn biết đâu là nơi hy vọng được những tháng ngày ấm no.

Trông vời đỉnh Dĩ mây che khuất, bơ vơ thân gái côi phong trần, dở duyên em đành lại phải ôm con thơ quanh về nương tựa gối cha già. Than ôi, Cha già nhà túng trông lên luống nãi tấm lòng thần hôn. Tóc da mười chín năm trời, kính ngọt dâng bụi, đèn ơn trả nghĩa chưa mấy may nào. Nay tơ duyên đứt mối, giữa dòng chiếc bách lên đênh, mình chẳng yên được phận mình, lại còn đem tấm thân trôi nổi dạt vào lòng cha. Nhưng để lụy đến cha già cũng là một điều vạn bất đắc dĩ, chứ lòng em có muốn thế đâu. Nghĩ cha em nửa đời gà trống nuôi con, cảnh ngày đã xế về hôm, mà vẫn còn đeo lo đeo nghĩ chưa được yên bụng già, thì em lại ngậm ngùi tắc dạ làm con, hai chữ thần hôn luống tủi lòng khuya sớm.

Thần hôn đã lỗi đạo thường,

Con côi mẹ góa lại nương cha già.

Muối dưa đắp đổi ngày qua,

Phơ phơ tóc bạc cũng sa giọt sầu !

Anh ơi, quán nước làng mây chia rẽ lối, anh đi năm ấy buổi thu sơ, tính đến thu này đã bao lần khóm cúc nảy chồi, giò sen rũ lá, lòng em vật vờ bấy lâu, đem thu mà ước cũng mấy tao đoạn trường ! Nhưng mưa Ngâu lằm đật khi còn tạnh, gió vàng rụng lá buổi còn im, mùa thu có hẹn, ngày thu có chừng. Đến như một mối thương tâm đòi đoạn lòng người, thì còn có năm có tháng có ngày nào đâu ! Tắm thân góa bụa, chợ trần ai vắng vẻ bạn thân tình, em dẫu ước đem nghìn vàng đánh đổi một ngày vui xưa, cũng không bao giờ còn có nữa.

Ngày vui xưa đã không trở lại, phong vũ đoạn trường lại cứ năm năm mưa gió cùng về với thu, khiến cho em mỗi trận gió vàng lại một phen vật vờ. Ôi, thu xưa lệ rõ, thu này châu sa, mỗi độ thu về mất bao nhiêu nước mắt !... Nhưng sao em khóc đã nhiều mà hồ lệ bên lòng vẫn không vơi được cái tâm sự đắng cay lại cứ càng ngày càng thêm cay đắng.

Thu thường lại, ngày vui chẳng lại, thu thường đi, lòng hận chẳng đi ; thương không có hạn, giận không có kỳ, người đi đi mãi, kẻ khóc khóc hoài. – Chao ôi, Anh có biết đâu một sớm anh chơi mây, để lại tháng ngày em lẻ bạn !

*Thu có hạn sầu dài, không hạn,
Cầm thu sang, nhớ bạn lứa đôi.
Đoạn trường biết mấy tao nôi,
Khóc rồi lại khóc, hờn thôi lại hờn.
Khúc duyên dọ dây đàn ai đứt,
Dao sầu kia cắt đứt lòng son.
Trăm năm lỡ cuộc vuông tròn,
Hờn duyên tui phận lệ còn chứa chan !*

Anh ơi, gái Thiên-tôn than thở khóc sinh ly, năm năm còn được thấy Ngưu Lang trở lại, cầm sắc với dao cầm, dây đàn kia lại cùng nhau so

phiếm cũ. Em nay đau lòng tử biệt. Những ngậm ngùi kẻ khuất người còn, miền dị lộ nước mây thăm thăm cách, non Bồng nước Nhược, với trông anh bóng hạc biết về đâu ! Cõi trần ai quanh năm uống lệ lại nuôi sầu, đoạn trường ấy anh biết cho nhau chẳng nhẽ ?

Năm theo anh mười bảy thơ ngây, đào tơ sen ngó, ái ân thừa đó, đem ngày xanh hẹn buổi bạc đầu. Em những chắc cùng nhau đôi lứa thiếu niên, Bắc Nam dù cách trở, hương lửa vẫn nồng nàn, thì nay dẫu xa xôi, mai rồi lại gặp gỡ, và nước non còn đó, đâu hết cơ duyên. Nên chi con thơ mắng sửa em chăm chút, chẳng phiền cha mẹ, chẳng phiền anh, rắp mong để yên lòng khoa danh gặp hội anh đưa bước. Một mai nam nhi toại chí, dưới bóng tùng quân em cũng được nở nang mày mặt.

Than ôi, những cây mình tuổi trẻ khinh ly biệt, em nào có học đến chữ ngờ, mà biết trước sinh ly tử biệt đoạn trường dồn nhau ! Sự duyên càng nói càng đau...

Nghĩ lại Âu du bước ấy có may gì ! Quê người dầu dãi tuyết sương, mấy năm trời lao tâm khổ tứ, thang mây thăng một bậc, tuổi thọ giáng bao nhiêu !

Ngót ba thu lần lửa đất Mạc-xây, nghĩ luống thương anh yếu đau sấn sóc cho người, môn Biển-Thước thêm được bức văn bằng Thuộc-địa Y-khoa, lúc trở về đã hai làn phổi nát ! Thảm thiết thay, anh mang trọng bệnh lên đường vinh qui, trước khi bảng vàng ghi chép cái danh hảo huyền kia, hẳn cũng không ngờ đâu ba chữ tên mình sắp đến ngày mờ xóa trong sổ nhân loại thế gian !

Tin về đưa đến, Bắc Nam đôi ngả xa vời, chén tẩy trần, em những ngậm ngùi ngoài thiên lý, cuộc trùng hoan nào được thấy nhau. Nhưng cũng tưởng đầu xanh tuổi trẻ, ái ân còn dài, thì rồi đây vui xum họp âu sẽ có ngày cùng nhau hàn huyên, kể lẽ giải sầu chia phôi. Nào hay đâu ông Tạo-hóa cơ

cầu, xui nên vật đổi sao dời trong phút chốc. Đường đau xa nhau, bỗng lại khóc mất nhau !

Ôi, tin đâu xé ruột xé lòng !... Mảnh giấy xanh đưa đến tận nơi : ngày hai mươi năm tháng bảy năm Canh thân là ngày anh tạ đất tạ trời, cướp công cha mẹ, dứt tình vợ con, lìa rẽ anh em, chia đường kim cổ. Một gánh nợ đời trút cả cho người còn ở lại !

Chao ôi, lưng trời sét đánh, em thật đã chết cả đời người.

Thôi thế là thôi ! Một dải khăn ngang, năm thân gấu xố, trăm năm tâm sự còn nói năng gì !

Con anh nào đã biết mặt cha, thân côی cút trái đào ba tuổi, từ đây em dạy em nuôi, khoảng trời đất không mong gì còn có bố !

Nghĩ mà chua xót thương con, nhà không nóc, mưa gió mai ngày, cuộc đời xoay xở biết toan sao ? Đoạn trường em lại biết bao nhiêu giăng mắc. – Con còn trẻ thơ lo ăn lo mặc, lo học lo hành, con khôn lớn lại phải lo sao cho thành danh phận, để chen vai nối gót với đời. Nghĩ như thân em sức vóc liễu bồ, cánh vây không có, hai bàn tay trắng, đức tài cũng không. Một mình mẹ góa nuôi con, em biết lo liệu thế nào cho tròn phận ấy ?

Anh ơi, anh mất đi, anh để lại cho em biết bao nhiêu nỗi dờ dang ở đời ! Dầu em có nghĩ liệu : mặc đời cua máy cáy đào, nỗi dờ dang âu đành chẳng bận. Nhưng tình nhớ thương khuây khỏa sao đây ! Ra vào vắng vẻ tháng ngày, khăn áo cũ còn hình dung bóng dáng. Khoảng trời đất non buồn nước lạnh, người đi bấn bật, kiếp này còn gặp nhau đâu nữa mà mong !

Trên mây kia Ngưu Chức chia phôi cũng đoạn trường, nhưng khóc nhau còn lại có ngày thấy nhau. Em khóc anh mấy thu nay lệ đã thấm lòng, người đành không lại, mộng sa chẳng về ? Nghĩ đau duyên ấy lại hờn với Ngâu :

Thu về đẹp lúa duyên Ngâu,

*Năm năm ô thước bắc cầu Ngân-giang ;
Đôi ta ân ái lỡ làng,
Giữa đường sinh tử đoạn trường chia hai ;
Anh vui non nước Tuyền-đài,
Cõi trần hương lửa riêng ai lạnh lòng ;
Nhân gian khuất nẻo non Bồng,
Trăm năm nào thiệp tấm lòng bơ vơ !*

Anh ơi, chung cảnh thu này, đông tây nam bắc biết bao người cảm thu. Nhưng lòng thu ai hẳn có như em, mà mây chiều vẫn dạ, gió mai lạnh lòng. Như em mỗi hạt sương gieo là một giọt lệ thấm, mỗi làn lá rụng là một mảnh tình sầu. Thu càng thâm, sầu càng nặng.

Anh ơi, em nghĩ đến về với anh mùa thu, mất anh lại cũng mùa thu, cho nên năm năm cứ đến độ thu sang, thì em lại bồi hồi nhớ trước tưởng xưa, mà lòng thu một tấm cũng ngây ngất sầu !

Ôi, hờn duyên, em lại khóc thu, mà thu kia như cũng vô tình, có đem châu lệ đền bù cho em đâu !

Cùng buổi thu này, trăng trong gió mát, tao khách thi nhân say tình say cảnh, cùng nhau cất chén hoàng hoa, ngâm thơ Tống-Ngọc, lưng bầu phong nguyệt hẹn hò với thu.

Riêng em trong cảnh phòng không chiếc bóng, luống túi mình đầu xanh lẻ bạn, giữa đường lạc duyên, cho nên trông trăng những nhớ trăng xưa, thấy thu lại tưởng thu này năm nao, mà rồi châu lệ dạt dào, tắc dạ cũng thê lương, lòng riêng không còn một cảnh vui nào để cho mình ước hẹn với thu. Người buồn lại gặp cảnh thu, sầu riêng trăm mối bao giờ gỡ xong.

Anh ơi, giọt lệ khóc thu, em chỉ vì anh mà năm năm lai láng... Than ôi, thu sang thu nào lòng người biết bao !

*Sầu thu nặng, lệ thu đầy,
Vĩ lau xan xát, hơi may lạnh lòng ;*

*Ngón ngang trăm mối bên lòng,
Ai đem thu cảnh họa cùng thu tâm...
(Viết ở sông Thương mùa Thu năm Quý-hợi 1923)*

Tự tình

*Canh khuya, tỉnh giấc hai hàng lệ,
Vừa năm kia, mất Mẹ chưa khuây ;
Áo khăn tang tóc còn đây,
Chưa xong tang Mẹ, lại ngay tang chồng !

Nỗi đau đớn, riêng lòng này biết,
Khóc lên cho thảm thiết vang trời ;
Trời làm chi hỡi trời ơi !
Nỡ đem sinh tử nã người thế gian.
Chết, âu cũng muôn vàn lẽ chết,
Nỡ lòng nào vội giết tuổi xanh ?
Ôi ! trang trẻ đẹp, thông minh,
Chết con người một tấm tình chứa chan !
Chết hỡi chết ! sao tàn nhẫn thế ?
Dở dang người vợ trẻ còn thơ ;
Từ đây biết lại bao giờ
Đốt lò hương ấy, so tơ phím này !
Áo xanh⁷ thấm ố đầy ngấn lệ,
Mối sầu này ai để cho nhau !
Già nua kia, bạc mái đầu,
Kẻ còn người khuất, cũng đau đớn lòng.
Nửa đời ta, đương vòng tuổi trẻ,
Ái ân còn mới mẽ say sưa ;
Cùng nhau hú hí sớm trưa,
Bữa ăn giấc ngủ, cũng chờ đợi nhau.*

Lòng chẳng nở xa đâu nửa bước,
Đương kiếp này, đã ước kiếp sau.
Chỉ vui, vui chẳng biết sầu,
Quanh mình, hoa cỏ riêng màu vui tươi.
Em mười-tám, anh hai-mười lẻ ;
Sóng gương đôi, lứa trẻ như măng !
Có đêm ngồi mát dưới trăng,
Bảo nhau : yêu quá sợ Hằng-nga ghen.
Yêu có phút, lặng nhìn chẳng chớp,
Trông nhau cùng muốn nuốt nhau đi !
Ngây thơ một tấm tình si.
Yêu nhau, yêu có nghĩ gì xa xôi.
Vui, có lúc cùng ngồi đánh chắt,
Đùa, có khi bịt mắt bắt dê ;
Khi trước cửa, lúc bên hè ;
Sánh vai, ngắm khách đi về đông tây.
Lòng sung sướng đùa mây rờn gió,
Chuyện băng quơ chẳng có đầu đuôi ;
Câu vui cùng phá lên cười,
Vui tai, hàng xóm cũng cười góp sang.
Nhắc chuyện cũ, lòng càng thêm nhớ...
Ôi ! trăm năm, mấy thuở vui vầy :
Phút rồi kẻ Bắc, người Tây,
Sinh ly những ước lại ngày đoàn viên.
Anh rong ruổi theo miền tên đạn,⁸
Em trở về vui bạn bút nghiên
Lòng son để chớm lửa phiền,
Giọt hồng lã chã để hoen má hồng.
Góc trời Âu, tấm lòng mong mãi,

Nay tin đi, mai hỏi tin về ;
Xa xôi còn bóng trăng thề,
Bao phen dưới bóng trăng khuya ngậm ngùi.
Trông trăng, chạnh nhớ người chung bóng,
Bóng bên Đông, nhớ bóng bên Tây.
Rượu sầu chẳng nhấp mà say,
Lòng sầu gặng gượng càng ngây ngất sầu !
Ly hận nổi càng lâu càng khổ,
Tương tư thêm mấy độ tương tư ;
Nay mong thư, mai đợi thư,
Ba thu đất khách bấy giờ là đây :
Anh lâm bệnh, phương Tây về nước,
Chứng nan y Biển-Thước cùng hàng !
Nghe tin, thương xót muôn vàn,
Lặng ngời lặng nghĩ, hai hàng lệ tuôn...
Bệnh hồi bệnh, sao buồn đến thế !
Bệnh oái ăm, bệnh để giết ai ?
Rắp mong, ngày một, ngày hai,
Thuốc tiên bệnh quỉ, có tài cũng qua.
Riêng ngán nỗi, đường xa dặm thẳng,
Ước đoàn viên, nguyện chẳng như nguyên.
Trăm điều ngang ngửa vì duyên,
Bắc Nam tuy vẫn nặng nguyên ước xưa.
Êm đềm tay dắt con thơ,
Bước trăm năm, vẫn đợi chờ gặp nhau.
Tin vụt đến, ngỡ đâu sét đánh,
Mảnh giấy xanh là mảnh báo tang !
Tin đâu tin xé can tràng,
Tin đâu tin để hai hàng lệ sa !

Khóc lại khóc chan hòa nước mắt,
Thở than thôi lời thật không lời ;
Anh còn trẻ quá, anh ơi !
Mới ba-mươi, cũng một đời thông minh.
Anh mất, cảnh gia đình thảm thiết,
Cha mẹ già lòng biết bao khuây !
Con thơ, vợ đại từ đây,
Kiếp trần mưa gió, nào ngày vắng anh.
Ai đền nhau mỗi tình lỡ dở ?
Duyên kiếp này, có dở dang không !
Muối chanh, ôi xót xa lòng !
Ngày xanh, chi để má hồng phôi pha.
Con ơi, biết tìm cha đâu nữa !
Khoảng đất trời con ở, cha đi ;
Từ đây thôi nói năng gì,
Non buồn nước lạnh, người đi không về,
Sức nhớ nhau, canh khuya lại khóc,
Nghĩ thương con nay cóc man tường ;⁹
Biết bao nhiêu nỗi đoạn trường,
Niêm phong khôn gửi tuổi vàng cho nhau !
Anh trẻ tuổi, về đâu vội thế ?
Cõi trần ai, nở để riêng ai ;
Dưới trăng, giọt lệ canh dài,
Dở dang tâm sự, ngậm ngùi tuổi xanh.
Duyên một năm tơ tình muôn kiếp,
Ruột gan này nát hết vì nhau !
Đêm khuya trăng dãi bên lầu,
Bóng trăng kia biết dạ sầu đêm nay !
(Một đêm về cuối thu ở trường

Nữ Sư-phạm Hà-thành, năm 1920)

Em còn nhớ

*Em còn nhớ buổi trưa hôm ấy
Anh soạn rương, sắp giấy ra đi ;
Chiếc rương với chiếc va-li,
Hành trang sẵn cả, em thì bỗng con.
Anh ngoảnh lại, hôn con, hôn vợ,
Miệng mỉm cười, lệ ứa khôn ngăn :
Em non nớt, đừng ăn bận nhé !
Ủ cho con chớ để lạnh lòng ;
Thuốc men, em muốn cần dùng,
Ca-Đê bác sĩ sẵn lòng giúp em.
Yêu nhau, hãy tạm quên ly biệt,
Xuân còn dài đã hết xuân đâu !
Buông lời, siết chặt tay nhau,
Hôn con, anh vội bước mau xuống thềm.
Em ngồi ngẩn, như điên như dại,
Trông theo anh, trông mãi đến giờ !...
Mất anh, là chuyện không ngờ,
Lòng em năm tháng vẫn chờ đợi anh !
(1922)*

Bước chân ra

*Mấy hàng lệ ký gửi bạn ba sinh chốn Dạ-đài.
Thay khăn đổi áo bước ra,
Hai hàng nước mắt chan hòa như mưa !
Đau lòng duyên mới, tình xưa,
Yêu nhau chi để bây giờ phụ nhau !*

*Chăn đơn gối chiếc bấy lâu,
Giấc cô miên ấy đã hầu ấm êm.
Tình xưa, xưa vẫn êm đêm,
Duyên xưa, chưa dứt mối duyên những ngày.*

Anh ơi ! duyên xưa chưa dứt mối duyên những ngày, mà hôm nay đây, đổi áo thay khăn, gạt nước mắt bước chân ra, em đã cam phụ anh rồi ! Phụ cả đứa con thơ dại của đôi ta !

*Con không cha, từ đây vắng mẹ,
Nghĩ ai tình con trẻ biết bao !
Bước ra những chốn quanh vào,
Trăm phần, nào có phần nào phần khuây.
Thân này, đến dở dang nay,
Lòng này, ôi hết chua cay nỗi lòng !*

Buồn quá anh ơi ! Giữa đường kẻ khuất người còn, em mất anh đã mấy thu qua, nay lại cam lòng rũ tình duyên cũ, ôm cầm thuyền ai, nghĩ đối với nhau còn gì đâu nữa. Đã mất nhau rồi, lại mất nhau, duyên kia dù nổi, dạt sầu bao khuây !

Tình cảnh này, tâm sự này, chốn Dạ-đài khôn gửi lệ châu, ai còn biết cho nhau nỗi lòng tan nát ấy !

Trước cảnh nhà thanh bạch, thương con đầu xanh góa sớm, cha em phơi phơi mái tóc, ngày đêm lo buồn, những mong thầm cho con có chốn yên thân.

*Cha đâu đội đá ở đời,
Thân con âu cũng liệu nơi nương nhờ ;
Trẻ trung được lúc bây giờ,
Cảnh chiều mưa gió, con nhờ cậy ai ?*

Như em, trẻ trung nào đã biết lo gì, không ngờ, trong khoảng tháng ngày vô tư lự ấy, em đã để bận lòng cha già không biết bao nhiêu. Lo con

trẻ dại, sợ con hư, thương con hiu quạnh sớm trưa một mình. Chẳng những thương con, lại còn đưa cháu mồ côỉ nữa.

*Ba đời nuôi cháu ngoại rồi !
Chén trà trưa sớm, Ông ngồi thở than ;
Tóc râu phơ, giọt lệ tràn,
Tình con, cảnh cháu, chẳng an bụng già.*

Con góa trẻ, cháu mồ côỉ, cảnh nhà neo túng biết ai đỡ đần ? Cho nên, cha em lựa chọn mỗi duyên sau này, những ước cho em thành đôi lứa tốt.

Ôi ! Cha thương con vẫn là trung hậu, nhưng cha em đâu biết lòng em khổ.

Thương tâm đã lắm, em nay chỉ mong tim gan lành lặn hơn lành áo khăn, mà còn tìm đâu thuốc chữa đoạn trường này đây !

*Tim đã nứt, bao giờ lành nữa !
Khóc vô duyên, than thở ích gì ?
Người đời đau khổ thiếu chi,
Khô gan, héo ruột, riêng gì một ta.*

Biết khóc vô duyên, than thở chẳng ích gì, mà em vẫn tủi thân cứ khóc. Tưởng như muôn vàn cay đắng, họa chẳng chỉ còn giọt lệ âm thầm lai láng cảm thương em.

Anh ơi ! vì đâu nên nỗi dở dang này ? Em nên bước đi ? Hay nên ở lại ?

Ở đã dở, bước đi càng dở, nỗi lòng kia ai ở trong lòng !

Dầu sao nữa, dừng chân đứng lại, đành lòng em, chẳng đành được cảnh nhà.

*Nỡ nào để lụy cha già,
Nỡ nào để một cảnh nhà dở dang ;
Con thuyền bắt lái sang ngang,*

Trông vời sông nước mà ngang ngựa lòng !

Thôi thì, một liều ba bảy cũng liều. Đành vâng lời cha, em bước chân ra. Bước chân ra, cho yên bụng cha già. Bước chân ra, cho khỏi lụy gia đình. Nhưng anh ơi ! một vâng lời, chết mấy tầng ruột gan.

Em đã mất anh, còn mong gì gây lại tương lai êm đềm, và còn tìm đâu hạnh phúc chốn nhân gian này ? Đi đâu cho thấy vui ? Làm gì cho quên nhau được ? Chẳng qua chỉ tại tấm lòng hiu quạnh năm càng quạnh hiu.

Ôi ! tình xưa đâu biết dở dang này, ngày xuân tơ liễu buông manh, con oanh còn học nói, mà tuổi xanh đã chau mày vì duyên. Anh ơi !

*Mất anh để lòng em vắng vẻ,
Năm lại năm, sông tẻ buồn tênh !
Tìm đâu lạc thú gia đình ?
Tìm đâu thấy bạn thâm tình buổi xưa ?
Mất anh biết bao giờ khuây được,
Mộng lừa lòng, vẫn ước gặp anh ;
Kiếp này đã dở dang tình,
Thương nhau nguyện kiếp lai sinh lại tìm.*

Một bước chân ra, mấy lần gạt lệ. Làng mây quán nước, anh thấu chẳng tình. Từ đây mà đi, cuộc đời em sắp sửa đổi thay, tâm sự lại phân mang bao ngả. Mà rồi, chim xa tổ cũ, lá lìa rừng xưa, giang sơn một gánh nhà ai, kiếp trần mưa gió ai người thương em ? Anh ơi ! nghĩ nguồn cơn ấy, em luống lại đau lòng tiếc cảnh chăn đơn gối chiếc, tiếc con thuyền gỗ bách lênh dênh.

Thà rằng, ở lại khóc nhau, còn hơn bước ra đi, để mất nhau thứ nữa.

*Đã mất nhau rồi, lại mất nhau,
Ngậm ngùi chi biết nỗi thương đau !
Áo khăn thay đổi, lòng không đổi,
Ghi sổ ba sinh, hẹn kiếp sau...*

Than ôi ! kiếp sau nào biết có hay không, nhưng kiếp sau cầm trước để an ủi lòng.

Chẳng hay, những trang quả phụ ở đời này, có ai cùng chung số phận, cũng năm này, cũng tháng này, cũng ngày này, cùng đau đớn cảnh, cùng cảm nỗi buồn tái giá, như lòng này không ?

Anh ơi ! Ngoảnh mặt về Nam, em xin từ đây bái biệt anh.

Thôi ! em vì cảnh ngộ, vạn bất đắc dĩ phải bước chân ra. Anh có linh thiêng xin biết cho nhau, và phù hộ cho đứa con cô vất vả của chúng ta. Cố giúp cho con nên người anh nhé !

*Thắp nén hương này, khóc biệt anh,
Thề duyên ước cũ tũn ba sinh ;
Thuyền ai một bước, hai hàng lệ,
Ngoảnh lại con cô, dạ chẳng đành.
Chẳng đành, đành cũng bước chân ra,
Tâm sự phân mang nỗi cửa nhà ;
Con dại, cha già, tình cảnh ấy,
Anh ơi, em nữ, nữ đâu mà...
Nữ đâu để mãi bận lòng thầy,
Mệt dạ, vì em, tháng lại ngày ;
Dang dở chữ tình, tròn chữ hiếu,
Tình kia, hiếu nọ, để ai hay !
Ai hay duyên đẹp, lứa đôi ta,
Một buổi thu về để xót xa ;
Kẻ khuất, người còn, tình lỡ dở,
Áo khăn thay đổi lệ chan hoà.
Chan hòa lệ rõ, trước ban này,
Hương nến lu mờ, khói tỏa bay ;
Bốn lạy già từ, muôn kiếp hận,*

Bước ra, một bước, một chau mày !...
(1925)

Tái tiểu sầu ngâm

*Đàn xưa, ai dứt dây đàn ?
Đứt dây từ đấy, chứa chan mạch sầu !
Ngày xanh chi dở dang nhau,
Tuổi xanh nghĩ buổi bạc đầu mà thương ;
Vóc mai gãy gở tuyết sương,
Mấy thu chiếc bách cánh buồm bơ vơ ;
E dè buổi gió chiều mưa,
Con cô, mẹ góa, dễ nhờ nương đâu ?
Bước đi, âu cũng thương nhau,
Dừng chân đứng lại, cơ màu dở dang ;
Dây loan chấp nối đoạn trường,
Ngâm câu tái tiểu hai hàng lệ sa !
Dễ âu duyên mới du mà,
Còn tình chẳng nữa, cũng là lụy thôi.
Trăm năm danh tiết lỡ rồi,
Dấu thân chung đỉnh cũng đời bỏ đi.
Đào tơ sen ngó từ khi,
Ngây thơ đối lúa ngò chi nổi này ;
Uyên ương chia rẽ bấy nay,
Lạc bầy chấp cánh, thẹn ngày giao hoan ;
Tình xưa lai láng khôn hàn,
Bến xưa ngoảnh lại muôn vàn thương tâm !
Thuyền ai, nào khách ôm cầm,
Dây tơ diu dặt, âm thầm tiếng tơ ;
Khúc thành, lệ ứa như mưa,*

Cảm xoang điệu cũ bao giờ cho thôi.
Thân này, đôi dẫu đủ đôi,
Lòng này, riêng vẫn lẻ loi tấm lòng !
Theo duyên ân ái đèo bông,
Trăm năm vẫn một khúc lòng bi thương.

Trông về lối cũ Bình Hương,¹⁰
Sông quanh chín khúc đoạn trường quặn đau !
Non cao, thăm ngất non sâu,
Cảnh xưa ai vẽ nên màu thê lương.
Tình xưa càng nghĩ càng thương,
Biết bao khoảng vắng đêm trường khóc nhau.
Gối nghiêng tâm tã tuôn châu,
Màn hoa chẵn gấm giọt sầu chứa chan.
Cửa hâu, gửi ánh xuân tàn,
Chén vinh hoa, nhấp muôn ngàn đắng cay.
Nỗi lòng chua xót ai hay,
Tấm thân bồ liễu võ gầy riêng thương.
Vì chàng tâm sự dở dang,
Vì con, thôi mấy đoạn trường cũng cam,
Nghĩ vui đuốc tuệ hoa đàm,
Cha già, con dại, dễ làm sao đây ?
Chàng từ cười hạc chơi mây,
Bụi hồng, nào biết những ngày gió mưa.
Đau lòng thiệp, nỗi sau xưa,
Cửa nhà, non nước như tơ rối bời.
Lòng nào lòng tưởng vui cười,
Cũng thân nghiêng ngửa với trời đa đoan.
Nỗi đời nếm hết tân toan,
Khôn ngoan chi mấy mà oan trái nhiều !

Nước non duyên nợ nghĩ chiều,
Cầm như con trẻ chơi diều đã xong.
Nỗi riêng lệ ứa đôi dòng,
Trăm năm để một tấm lòng từ đây !
(1925)

Khúc thu hận

Chàng đi buổi thu sơ năm ấy,
Thu năm về, nào thấy chàng về ;
Chàng đi, đi chẳng trở về,
Thu về, thiếp những tê mê dạ sầu.
Làng mây nước biết đâu nhắn gửi,
Khoảng đất trời để mãi nhớ thương ;
Vì chàng, chín khúc đoạn trường,
Vì chàng, trăm mối sầu vương tháng ngày.
Thu xưa khóc, thu này lại khóc.
Năm năm thu, mảnh khóc mà già ;
Người xưa khuất, cảnh cũ qua,
Non buồn, nước lạnh, cỏ hoa tiêu điều.
Nỗi ly hận mây chiều gió sớm,
Tình tương tư khoảng vắng đêm trường ;
Gió mưa tâm sự thê lương,
Chỉ kim ai vá đoạn trường nhau đây !
Sầu ngây ngất những ngày thu lại,
Giọt ngâu tuôn lệ lại chan hoà...
Ngàn xanh sắc úa vàng pha,
Bông lau lả lướt là đà ngọn may.
Non nước cỏ cây hiu hắt,
Khói mây tuôn, mặt đất chân trời ;

Vời trông muôn dặm đường đời,
Bước trăm năm, luống ngậm ngùi cho thân.
Kể từ độ phong trần lạc bước,
Mười lăm năm mặt nước cánh bèo ;
Gieo lòng theo ngọn thủy triều,
Lênh đênh trôi cũng mặc chiều nước sa !
Con măng sữa nay đà mười sáu,
Chốn hầu môn nường nấu đức dầy ;
Sách đèn cơm áo bấy nay,
Vì con, nuốt hết chua cay nỗi đời.
Phong lưu để ngậm ngùi tắc dạ,
Chén vinh hoa, lã chã giọt hồng !
Khóc than khôn xiết sự lòng,
Bèo xuôi sóng ngược cho lòng xót xa.
Khăn lệ cũ, chan hòa lệ mới,
Mối sầu xưa, chắp nối sầu nay ;
Tân sầu cựu hận bao khuây,
Nắng sương, một vóc mai gầy thảm thương.
Thu năm về, thê lương dạ cũ,
Nước dòng thu khôn rũ tâm sầu ;
Bi ca một khúc bên lầu,
Trăng thu dải bóng, gió thu lạnh lòng.
(Lầu Cao, Bình-viện Nam-thành mùa thu năm 1931)

Bình Hương lỗi nguyện

Non xanh biếc, nước trong xanh,
Bình Hương non nước hữu tình mấy mươi.
Non nước hỡi ! đâu người năm trước ?

Người cùng ta hẹn ước ba sinh ;
Nước non thề thốt bao tình,
Sông Hương còn đó, non Bình còn kia.
Trở lòng sông, cùng thề với nước,
Chỉ đầu non, cùng ước với trăng :
« Thề duyên bao nỗi bất bằng,
Cũng tình trong đẹp như trăng nước này.
Trăng nước có vui đầy tròn khuyết,
Tình đôi ta chỉ biết thủy chung ! »
Ngàn thông dưới bóng trăng lồng,
Thông reo, trăng rọi, tấm lòng Bắc Nam.
Bỗng một phút bình tan, gương vỡ,
Để tình này dang dở, dở dang ;
Thề duyên thôi đã phụ phàng,
Non sông trăng nước bể bàng vì ai !
Nay trở lại ngậm ngùi cảnh cũ ;
Người xưa say giấc ngủ ngàn năm !
Tử sinh xé giải đồng tâm,
Trước mờ, lẽ chã khôn cầm hàng châu.
Khóc nhau dễ gặp nhau đâu nữa,
Tìm nhau đành tìm ở chốn này ;
Tro vàng lẫn khói hương bay,
Tro tàn, khói tỏa bao khuây hận tình !
(Huế, năm 1939, Sau một buổi chiều đi thăm mộ Anh)

Chia phôi

Còn đêm nay nữa, sao mà...
Đêm chưa chợ mắt, canh gà đã ran.
Giục người muôn dặm quan san,

Giục người rẽ thúy chia loan não nùng.
Đường xa, xa mấy muôn trùng,
Kẻ đi người ở, tấm lòng ngổn ngang.
Ngậm lời, ngồi ngẩn canh tàn,
Nhìn nhau đôi mắt, bốn hàng lệ sa !
(1961)

Nụ cười dưới trăng

Nhớ xưa, anh cảm chị Hằng,
Đa tình đến nỗi thương trăng lạnh lùng.
Rẽ mây ước tới Thiềm-cung,
Nguyện đem chăn gối bạn cùng Thường-Nga.
Vợ gần, cảm bóng trăng xa,
Ghen trăng, vợ bản : « Hằng-Nga... Nga gì ! »
Phá cười, tiếng Cự hường Chi :
- « Trời ơi, trời hỡi, ghen gì với trăng ! »
Nhân gian lắm nỗi bất bằng,
Thà như cung Quảng ả Hằng, anh ơi !
Yêu anh, em ước lên trời,
Trên mây kết bạn muôn đời cùng trăng ;
Để mai đây, dưới cung Hằng,
Yêu trăng, anh lại nhìn trăng mỉm cười...
(1919)

Ngày giỗ nhớ

Hai năm tháng bảy, nhớ hôm nay,
Thảm, khóc, thương đau rắp một ngày.
Hạc đón mây đưa, chàng rẽ lối.
Trời nghiêng đất lở, thiếp chau mày.

Hương xông khói toả, sầu man mác.
Vàng hóa tro tàn, dạ ngẩn ngây ;
Phảng phất còn ngỡ trong giấc mộng
Ra, vào, đi, đứng, tưởng đâu đây !
(1921)

Sương giá lòng em

Sương giá lòng em bao ấm nữa !
Anh đi, đi để lửa hương tàn.
Trời đông lạnh lẽo muôn vàn,
Lòng em, so tiết đông hàn, giá hơn !
(Nghiêm-đông, năm 1923)

Tim em

Tim em tan nát từ năm ấy
Những vết thương đau, mãi chẳng lành,
Tuổi trẻ dễ tin, em những chắc,
Duyên sau chấp lại mối tơ lành.
Hạnh phúc đời em, ai cướp cả ?
Em theo ân ái chẳng may gì.
Hờn duyên, em lại nhìn cha khóc,
Ưa lệ, cha em ngoảnh mặt đi !
Từ đây thương cha, em nín khóc,
Cha em thường thấy mặt em vui.
Người đời cũng ngốt em sung sướng.
Em biết tim em đã nát rồi !
Em cười phong kín hai hàng lệ,
Lệ ưa thương em lỡ cuộc đời ;

*Thôn thức canh dài em dẫu khóc,
Nhưng mai, son phấn lại tươi rồi !
Vì đứa con cô, em phải sống,
Nuôi con rõ lệ máu tim hoà,
Muôn vàn hạnh phúc hy sinh hết,
Tìm nát, thời gian lặng lẽ qua !...
(1933)*

Thu tâm sự

*Thu tâm sự đầy vơi nước mắt,
Dồn trăm năm này tập văn này !
Thời gian qua, hận chẳng khuây,
Lửa đôi vẫn nhớ bạn ngày tuổi xanh.
Đời trống trải, buồn tênh mọi nỗi,
Năm lại năm, thôi nói năng chi ;
Cõi trần kẻ ở, người đi.
Thế gian phong vị còn gì là vui !
Tử sinh để ngậm ngùi một kiếp,
Nỗi quạnh hiu lòng biết với lòng ;
Có đêm trước án đèn chong,
Mỗi câu, mỗi chữ, mỗi dòng châu sa.
Khoảng trời đất, bao la man mác,
Mỗi sâu riêng ký thác văn chương ;
Mực hoa ghi sử đoạn trường,
Lệ Thu lai láng, Sông Tương dạt dào.
Kiếp này biệt, kiếp nào gặp nữa ?
Những âm thầm nghĩ nhớ thương nhau ;
Hoa râm chớm điểm mái đầu,
Lòng son khôn gột, dạ sầu khôn nguôi.*

*Đời hiu quạnh, năm trôi lặng lẽ,
Bóng tà dương ai vẽ cảnh chiều ;
Duyên xưa dang dở đã nhiều,
Tình xưa còn lệ bấy nhiêu là tình !*
(1943)

Sau cơn mưa gió

*Vũ sơ tình hê, phong khởi sầu.
Ba sinh lỡ dở mối duyên đầu,
Chiếc bách lênh đênh nước thăm sâu.
Yên trí sang ngang gây lại phúc ;
Đau lòng dẫn bước vướng thêm sầu.
Má hồng phận mỏng cay son phấn ;
Nước loạn canh tàn khóc bể dâu
Mưa gió Sông Tương thơ đắm lệ,
Đoạn trường ai cảm khách qua cầu ?*
(Tương-Phổ tự bạt)

PHAN KHÔI (1887-1959)

PHAN KHÔI sinh năm 1887, tại làng Bảo-an, huyện Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam (Trung-phần).

Cụ xuất thân từ một gia đình vọng tộc, thân sinh cụ là Phan Trần. Trước làm Tri-phủ Điện-bàn sau đó từ quan về quê dạy học. Thân mẫu cụ là con của Tổng-đốc Hà-nội Hoàng-Diệu. Cụ Hoàng-Diệu là một anh hùng dân tộc, đã anh dũng tuần tiết khi thành Hà-nội thất thủ vào tay Henri Rivière năm 1882.

Cụ Phan Khôi là một nhà nho học, giỏi Hán văn, lên 18 tuổi (1905) cụ đỗ tú tài Hán học, nhưng không lấy làm mãn ý vì nhận thấy không còn thích hợp với hoàn cảnh nữa, nên cụ bắt đầu học chữ quốc ngữ.

Trong khoảng thời gian này, đất nước đang ở trong tình trạng chống Pháp, cụ may mắn gặp được hai nhà cách mạng tiền phong nổi tiếng là Phan bội Châu và Phan chu Trinh, tiêm nhiễm được tinh thần ái quốc nên cụ bắt đầu có tư tưởng cách mạng từ đó.

Đến năm 1907, Phan Khôi chính thức tham gia phong trào Đông-kinh Nghĩa-thục tại Hà-nội, và viết cho tờ Đăng cổ tùng báo do phong trào này chủ trương và xuất bản. Nhưng chẳng bao lâu, phong trào Đông-kinh Nghĩa-thục bị khủng bố, tạp chí Đăng cổ tùng báo bị đóng cửa, tất cả nhân viên trong phong trào và cộng sự viên của báo này bị đàn áp thẳng tay. Phan Khôi phải về Nam-định rồi về Hải-phòng để tránh tầm lưới truy nã gắt gao của bọn công an Pháp đang bủa vây. Ở Hải-phòng chỉ mấy tháng, cụ tìm về quê nội ở Quảng-nam. Về đây, cụ chính thức tham gia phong-trào Văn-thân Cứu-quốc do nhà chí sĩ Huỳnh thúc Kháng khởi xướng.

Cuối năm 1907, trong vụ biểu tình của Phong-trào Văn-thân Cứu-quốc chống đối chính quyền thực-dân Pháp, đòi giảm thuế cho dân chúng, cụ bị bắt và cầm tù tại nhà lao Quảng-nam.

Đến năm 1914, thế chiến thứ nhất bùng nổ, quân Pháp và Đức đánh nhau dữ dội. Để lấy lòng dân chúng bản xứ, toàn quyền Pháp tại Đông-dương lúc bấy giờ là Albert Sarraut ân xá một số thường phạm và chính trị phạm, trong đó có cả Phan Khôi.

Ra khỏi nhà tù, Phan Khôi viết cho tạp chí Nam phong của Phạm Quỳnh, nhưng không được bao lâu vì bất đồng ý kiến, cụ bỏ vào Sài-gòn viết cho tờ Lục tỉnh tân văn.

Năm 1920, Phan Khôi trở ra Hà-nội viết trên Thực nghiệp dân báo và tạp chí Hữu thanh. Trong khi cộng tác với hai báo này, cụ bút chiến với Hải-Triều, một nhà văn có khuynh hướng cộng sản về vấn đề duy tâm và duy vật. Cuộc bút chiến đã gây xôn xao dư luận trong nước. Sau đó, hai tạp chí này bị đình-bản, cụ lại vào Sài-gòn viết cho tờ Thần Chung và tạp chí Phụ nữ tân văn. Chính khoảng thời gian này (1920) cụ dịch quyển Kinh Thánh Tin Lành và tác phẩm đầu tiên của cụ chính thức chào đời mang tên Nam âm thi thoại.

Năm 1931, cụ lại cộng tác với Phụ nữ thời đàm tại Hà-nội.

Năm 1936, Phan Khôi viết cho báo Trường an và năm này chính cụ cho xuất-bản tờ báo Sông Hương và tái bản quyển Nam âm thi thoại, lần này cụ đổi tên lại là Chương dân thi thoại. Vì Chương-Dân là bút hiệu của cụ.

Năm 1937, tờ báo Sông Hương bị đình bản, cụ lại vào Sài-gòn viết báo và trong năm này cụ cho ra đời quyển tiểu-thuyết phong tục Trở vỏ lừa ra.

Giữa năm 1945, khi Sài-gòn đang trong tình trạng chiến tranh, Nhật đảo chính Pháp và sau những lần bị oanh tạc tàn khốc, cụ trở về quê nhà lánh nạn, cho đến ngày chính quyền lọt vào tay Việt-minh.

Đến năm 1954, sau hiệp định Genève ký kết phân chia lãnh thổ, cụ sống với chế độ miền Bắc và tỏ ra luôn luôn chống đối.

Năm 1956, trong phong trào chống đối của các văn thi sĩ miền Bắc, cụ chính thức tham gia và gây thành vụ án Nhân văn giai phẩm. Cụ đã kích dũ đội, lên án gắt gao chính quyền miền Bắc bằng cách cho đăng nhiều bài báo mà điển hình là truyện ngắn Ông Năm Chuột, Ông Bình Vôì (chúng tôi trích ở sau) đăng trong báo Văn số 36, ngày 10 tháng 1 năm 1958, chính vì những bài báo này cụ bị thanh trừng và báo Văn bị đóng cửa.

Cụ mất vào ngày 16 tháng 1 năm 1959, hưởng thọ 72 tuổi.

Các bạn vừa đọc qua phần tiểu sử của Phan Khôi, chúng tôi thiết nghĩ cũng không phải thừa thãi khi ghi lại đôi nét về cá tính độc đáo của con người đã táo bạo làm một cuộc cách mạng thi ca. Dưới đây là tài liệu của Ông X X (Thiếu-Sơn) đăng trên nhật báo *Thần chung* số 316, ngày 23, 24-7-1967 dưới tựa đề :

Bài học Phan Khôi

« Ông Phan Khôi với bút hiệu *Chương-Dân* và nhiều bút hiệu khác nữa có một địa vị đặc biệt trong làng báo và làng văn hồi tiền chiến.

« Trong *Thi tù tùng thoại* cụ Huỳnh thúc Kháng đã phải hạ bút khen ông khi ông còn thanh niên cùng ở tù chung với các cụ tại đề lao Faifo. Hồi đó, vào năm 1908, các cụ bị tập trung ở khám Faifo để rồi sẽ bị phân tán đi các nơi khác. Hôm sau có một số người bị đày ra Côn-đảo thì hôm trước các cụ tổ chức một bữa tiệc trong tù để cùng nhau xướng họa với đề tài kẻ ở, người đi. Cụ Huỳnh đã viết : « Trong khi các bạn tiền, có mấy bài tứ tuyệt của ông Tú Phan Khôi là xuất sắc hơn cả. »

« Xướng họa với những ông cử, ông nghề bằng chữ Hán mà được chính một ông nghề khen là xuất sắc hơn cả đủ thấy cái giá trị của Tú Khôi ngay từ ngày ông chưa có chỗ ngồi ở làng văn, làng báo.

« Ông đã viết cho những tờ *Đăng cổ tùng báo*, *Nam phong*, *Hữu thanh*, *Thực nghiệp dân báo*, *Lục tỉnh tân văn*, v.v... Ông đã làm thư ký cho công

ty Bạch Thái Bưởi, dịch Thánh-kinh cho đạo Tin Lành. Nhưng người ta chỉ bắt đầu biết tới ông khi ông viết cho *Đông Pháp thời báo*, *Thần chung* và nhất là *Phụ nữ tân văn*.

« Ông Diệp văn Kỳ là con người sành điệu đã để ý tới ông, mời ông hợp tác, nhưng lúc đó nhiều ngôi sao sáng đã gặp nhau ở một chỗ nên Phan Khôi chưa nổi bật.

« Ông chỉ nổi bật khi ông được mời viết cho *Phụ nữ tân văn* của ông bà Nguyễn đức Nhuận. Hồi đó, vào khoảng 1930, một bài văn được trả 5 đồng tiền nhuận bút là hậu lắm rồi.

« Vậy mà *Phụ nữ tân văn* dám trả 25 đồng một bài cho ông Phan. Một tháng bốn bài 100 đồng tức là hơn lương công chức ngạch cao cấp cỡ Huyện, Phủ. Như vậy thì đâu phải văn chương hạ giới rẻ như bèo. Phải nói là mắc như vàng mới đúng. Nhưng cũng phải nói thêm là chỉ văn chương của Phan Khôi mới được giá đến thế và chỉ có ông bà Nguyễn đức Nhuận mới dám trả tới giá đó mà thôi. Trả như vậy mà tôi còn cho rằng chưa tới mức vì hầu hết độc giả bỏ 15 xu ra mua *Phụ nữ tân văn* đều chỉ muốn được coi bài của Phan Khôi hay Chương-Dân, những bài gãy gọn, sáng sủa, đánh thép với những đề tài mới mẻ, những lý luận thần tình làm cho người đọc say mê mà thống khoái. Cái đặc biệt ở Phan Khôi là chống công thức (non conformiste).

« Những cái gì người ta cho là phải, là đúng thì ông đưa ra những lý luận, trưng ra những bằng chứng để đi tới kết luận là trái là sai. Võ-hậu là một con dâm phụ chuyên quyền, ông Phan Khôi dẫn chứng ở sách vở ra để chứng minh rằng bà ta là một người đàn bà vượt khuôn khổ, một bộ óc thông minh tuyệt vời, một phụ nữ phi thường.

« Cố nhiên là nhiều khi ông ngụy biện nhưng ngụy biện một cách rất tài tình và ngay trong khi ngụy biện ông cũng dẫn chứng được phần nào

những ưu điểm của một nhân vật mà thành kiến chỉ cho thấy khuyết điểm mà thôi.

« Đạo Nho người ta cho là khuôn vàng, thước ngọc, là xương tủy của đạo lý dân tộc. Ông Phan Khôi, một nhà Nho chánh thống lại viết cả loạt bài để đả phá đạo Nho cho là một đạo bảo thủ phản tiến hoá.

« Thú vị nhất là khi ông đóng vai tuồng ngự sử trên văn đàn để bắt « phốt » (faute) những nhà văn có tên tuổi vào hạng tiền bối hay đàn anh. Cả tới cái tên của người ta ông cũng không tha. Ông bắt lỗi cụ Nguyễn chánh Sắt sao lại viết *Sắt*, phải viết *Sắc* mới đúng theo chánh tả, một nhà Nho không có thể có tên *Sắt* (sắt thép) mà phải có tên *Sắc* (hương sắc, sắc không), vả lại theo chữ Nho thì đích thị là chữ *Sắc*. Ông bắt lỗi cụ Đặng thúc Liêng sao lại để dư một chữ *g* ? *Liên* là hoa sen mới đúng. Còn *Liêng* là vô nghĩa.

« Ông bút chiến toàn những « tay tổ » với ông Phạm Quỳnh, ông gia cho chữ học phiệt.

« Với ông Trần trọng Kim, ông phê bình gắt gao bộ *Nho giáo* với những kiến thức sâu rộng và những lý luận đanh thép của ông. Nhưng ông cũng có những sơ hở để đối phương đập lại ông. Ông mời ông Trần về với Mr. Logique.

« Ông Trần nhắc chừng cho ông nhớ *Logique* thuộc về giống cái thì phải gọi là Cô chứ sao gọi là Me-sử.

« Những giai thoại về Phan Khôi nhiều lắm, nói không hết. Nhưng có điều nên biết là ông cố ý chơi ngông để được tiếng là ngông.

« Ông muốn làm hề để chọc cười thiên hạ. Ông thật tình muốn phục vụ chân lý và lẽ phải, thấy bậy thì nói, thấy sai thì sửa.

« Đã có lần ông sửa cả văn chương chữ Hán của những bậc đại nho. Ông nói : Không phải tôi chê các cụ viết sai, nhưng tôi chê các cụ chưa viết

đúng theo lẽ lối và tinh thần của người Tàu. Nên nhớ chữ Nho là chữ Tàu. Cũng như chữ Tây viết đúng mẹo luật mà chưa đúng theo lẽ lối của Tây thì Pas français, chữ Hán cũng vậy, viết theo lẽ lối Việt-nam thì cũng Pas chinois.

« Phải nhìn nhận rằng ông Phan Khôi là một người thông minh, học rộng, biết nhiều, chịu khó suy nghĩ, có óc nhận xét tinh tế, cốt cách tánh tình, tác phong đều đặn hoàng nghiêm cẩn, nhưng cố tình vươn mình để tiến xa hơn những nhà nho khác mà ông cho là cố chấp, bảo thủ, lạc hậu. Ông tự học để đọc được sách Pháp. Ông dịch Thánh kinh cho đạo Tin Lành chính là để đọc thêm chữ Pháp.

« Ông sở đắc khá nhiều về học thuật, tư tưởng của Pháp. Nhưng ông cũng có tật là được mới nới cũ. Cái học cũ là cái học căn bản của ông.

« Nhờ cái học mới mà ông thấy được những nhược điểm và khuyết điểm của cái học cũ. Nhưng người như ông làm sao thoát ly khỏi cái học căn bản nó đã đi sâu vào máu huyết của ông, xây dựng nên con người ông.

« Do đó mà ông không thể đi xa được trên con đường tân học. Ông có cái hăng say của kẻ nhập môn nên chưa có cái chín chắn của người thuần thục.

« Ông Phan văn Hùm đã chê ông chỉ mới hiểu được cái luận lý hình thức (logique formelle) nên nhiều khi có phiến diện. Ông cũng Pas français nhưng thật ra ta có cần gì français hay Pas français.

« Ta chỉ cần đi xa hơn cái học tư sản mà người ta thường lấy nó làm khí giới và đồ trang sức để phát triển những khả năng tiểu xảo của mình.

« Có như thế ta mới đi tới cái học nhân bản hiểu mình, hiểu người, hiểu đời, để tổng hợp thành cái vốn tinh thần cho ta thấy những liên quan mật thiết với dân tộc, với nhân loại.

« Có như thế ta mới từ bỏ được lối chơi cá nhân để hòa mình vào tập thể. Ông Phan Khôi mới có lối chơi cá nhân và chưa có lối chơi tập thể.

*

« Như trên, tôi đã nói nhờ căn bản nho học và những gì ông đã sở đắc về học thuật Tây-phương, ông Phan Khôi đã có lối chơi cá nhân rất vững vàng và ngoạn mục tạo cho ông một địa vị đặc biệt trong làng văn.

« Ông không a dua theo thời thượng, chống công thức gắt gao, không để một thế lực nào chi phối nên nhất thiết những gì ông nói ra, viết ra đều do ông suy nghĩ theo đầu óc của ông. Mà đầu óc ông như ta đã biết là một thứ đầu óc thông minh, phong phú, chịu suy nghĩ, độc lập, bướng bỉnh nên nói khác với mọi người. Hồi đó dường như ông đã dịch chữ original là « cổ quái » nhưng có lẽ nên dịch là « độc đáo ».

« Tôi muốn gọi ông là độc đáo chứ không nỡ cho ông là cổ quái. Đã có lần ông bút chiến với cụ Huỳnh thúc kháng. Cụ Huỳnh nói tới tuổi tác của cụ, ông trả lời là đừng nêu vấn đề tuổi tác ra, cãi nhau là để làm sáng tỏ chân lý, ai đuối lý là thua, không cần biết người đó lớn hay nhỏ, trẻ hay già. Ở trên mặt báo thì ngáo ngổ như thế, nhưng kỳ thật trong thâm tâm ông vẫn kính phục cụ Huỳnh cũng như ông vẫn có cảm tình với tất cả những người sạch sẽ, lương thiện, có tư cách và tiết tháo. Còn những kẻ thiếu căn bản, thiếu giáo dục, đê hèn, bần tiện, ông khinh ra mặt và chẳng muốn làm quen.

« Ông Bùi thế Mỹ đã nói đúng khi ông nói : Ông Phan « bất cận nhân tình » nhưng thực ra ông chỉ bất cận với những kẻ mà ông không muốn gần chứ khi ông thấy có điểm nào chơi được thì ông cũng « chịu chơi ».

« Có điều là chính ông mới là con người khó chơi vì ông thẳng thắn, phân minh, trực ngôn và không hay nhân nhượng.

« Ông không bao giờ lợi dụng ai, nhưng ông không để cho ai lợi dụng mình.

« Một tờ báo nào mời ông viết thì trước hết ông hỏi giá cả đàn hoàng, làm giao kèo kỹ lưỡng, phải nghiêm chỉnh tôn trọng giao kèo. Phần ông không bao giờ ông bội ước với ai nhưng ông không bằng lòng cho người ta bội ước với ông. Nhưng ở đời đâu phải chỉ có những con đường thẳng, tới những khúc quanh co thì ông không đi được. Do đó mà có chuyện. Có rất lắm chuyện về ông.

« Tú Mỡ » làm thơ chọc ông, ông phản công lại và ký bằng bút hiệu « Tú Sơn », *Sơn* ngày không phải là núi. *Sơn* này là *Seul*. « Tú Sơn » tức là *Tout seul* nghĩa là « chỉ có một mình ». Độc lập cũng được, cô độc cũng được.

« Nhưng miễn là ông không lệ thuộc ai, không ai chi phối ông được. Ông hoàn toàn tự chủ, triệt để tự do. Ông tài cao, học rộng nên có lối chơi cá nhân rất đẹp. Nhưng thời cuộc biến chuyển bắt buộc mọi người phải hòa mình vào tập thể. Người ta làm được mà ông không làm được. »

X X

*

Dưới đây là một trong những nét bút sắc bén điển hình cho lối châm biếm, chế giễu bọn quan lại dốt nát chỉ vì hiểu sai sách vở đã gây oan ức cho dân lành vô tội. Chúng tôi thuật lại theo trí nhớ ý nghĩa một bài báo của Phan Khôi đã đăng trên *Phụ nữ tân văn* vào khoảng năm 1930.

Độc lịch... giết lầm !

Thừa đêm mưa gió, một tên đạo chích lén trộm chiếc chuông của chùa làng và bị bắt được. Nội vụ giải đến Huyện-quan. Ai ai cũng tưởng tên trộm sẽ bị tù. Nào ngờ quan Huyện tha ngay hẳn về.

Không bao lâu, làng lại bắt được một tên ăn trộm chiếu và cũng giải nạp lên huyện đường. Nhưng lạ thay, quan Huyện dạy đem chém đầu tên trộm chiếu.

Hội đồng làng chẳng hiểu ra sao cả, trộm chuông là trọng tội mà được tha, còn trộm chiếu coi như cắp vật mà bị giết. Thế là cả hội đồng làng kéo nhau lên tận huyện đường để nhờ quan trên chỉ dạy.

Huyện quan tỏ ra là bậc « dân chi phụ mẫu », dạy rằng : « Các người làm sao hiểu thấu cách thức chăn dân trị nước của bậc Thánh hiền. Ta đây xét xử mọi việc đều theo sách vở nghìn xưa để lại ; bởi câu : *Phu tử chi đạo kỳ chung thứ giả*, nghĩa là *Phu tử dạy, trộm chuông thì hãy tha*. Lại có câu : *Triều văn đạo tịch tử khả hỉ*, nghĩa là *Triều đình truyền, ăn trộm chiếu thì phải tội chết*. Bởi lẽ các người còn tối sách vở Thánh hiền thì làm sao thấu đáo nghĩa lý. »

Hội đồng làng đầu gật gù, tỏ vẻ khâm phục, xá dài nói : « Bẩm quan Ngài, Ngài quả là người thông đạt thiên kinh vạn sử, lũ chúng con sao sánh bằng. »

Vì bị chết oan, hồn tên trộm vất vưởng xuống Diêm-đình đầu cáo. Diêm-vương cho quỷ sứ lên bắt hồn quan Huyện xuống đối chất.

Diêm-vương hỏi Huyện-quan : « Nhà người xét xử thế nào mà tên này xuống đây kêu oan ? »

Huyện-quan thưa : « Bẩm Diêm-chúa, chúng con đứng ra chăn dân, cầm cân nảy mực lẽ nào không thông hiểu lời Thánh hiền dạy.

Sách có câu : *Phu tử chi đạo kỳ chung thứ giả* và *Triều văn đạo tịch tử khả hỉ*. Con đã theo đúng sách vở mà tha cho tên trộm chuông và giết tên trộm chiếu để răn dạy kẻ khác. »

Nghe xong, Diêm-vương vỗ án : « Thôi rồi ! Nhà người làm đến chức Huyện-quan mà hiểu sai bét cả sách vở Thánh nhân thì sao không giết oan uống mạng người. Câu : *Phu tử chi đạo kỳ chung thứ giả* (không phải chung) thứ giả, nghĩa là *Đạo của Phu tử là đạo trung thứ*. Chữ *trung* là *trung dung*, tức cái đạo đức không thiên về mặt nào mà mi đọc lệch *chung* là cái chuông. Còn câu kia : *Triều* (không phải *triều*, là chữ đồng tự dị âm) *văn đạo tịch tử*

khả hi, nguyên là câu của ông Nhan-Hồi, học trò đức Khổng Tử viết để tỏ nhiệt tình với đạo của Thầy, có nghĩa : *Sáng mà nghe được mùi đạo trung thứ, chiều chết cũng cam*. « *Triều* » mà mi đọc lệch *triều* là « triều đình », còn *tịch* là « buổi chiều » mà mi hiểu là « chiếu » để rồi giết oan một mạng người, lẽ ra tội nó chỉ phạt tù hay phạt vạ thôi. Cái dốt của nhà người sẽ còn gây thêm nhiều oan khổ cho dân gian. Vậy ta bắt nhà người đầu thai làm chó để đền bù tội lỗi. »

Quan Huyện sợ hãi khúm núm van xin : « Thưa Ngài, Ngài có cho con đầu thai làm chó xin Ngài thương tình cho con làm chó nái. »

Diêm-vương ngạc nhiên trước lời cầu xin lạ lùng của Huyện-quan ; Ngài trừng mắt hỏi : « Chó thì đực hay cái cũng đều là kiếp chó. Tại sao nhà người xin đầu thai làm chó nái ? »

« Bẩm Ngài. Sách có chữ : *Lâm tài mẫu cầu đắc, lâm nạn mẫu cầu miễn*, con muốn đầu thai làm chó nái để : *Gặp tiền thì chó mẹ được hưởng, gặp nạn thì chó mẹ được miễn*. Xin Diêm-chúa Ngài cho con làm chó nái. »

Diêm-vương lắc đầu, chán nản : « Thôi ! Lại là một cái dốt đặc cán mai của nhà người nữa. *Lâm tài mẫu cầu đắc, lâm nạn mẫu cầu miễn* nghĩa là : *Gặp tiền tài không nên lấy bừa bãi, gặp tai nạn không nên bỏ qua*. Thế mà nhà người lại hiểu ra. *Chó nái để được tiền và tránh được tai nạn*. Thôi, ta không cho nhà người đầu thai làm chó mà phải chôn sống nhà người tại âm phủ. »

Huyện-quan khóc lóc, kêu thương : « Con đập đầu trăm lạy nghìn lạy Ngài, nếu Ngài chôn sống con xin Ngài rộng lượng cho chôn từ cổ trở xuống. »

« - Chừa đầu cho mi... thở à ? »

« - Thưa, sách có câu : *Thiên niên mai cốt bất mai tu* ¹¹. Dạ Ngàn năm chôn xác (xương) chẳng chôn râu. Con khẩn cầu Diêm-chúa Ngài ban ân

huệ cuối cùng cho con. Tội nghiệp con. »

Tháng 3 năm 1932, khi mà các thi sĩ trên giải đất này vẫn còn làm thơ theo những vần điệu xưa cũ. Bỗng một sự kiện đột khởi trên thi đàn Việt-nam, một nhà văn đứng lên hô hào cho lối thơ phá thể, nói phá thể nghĩa là làm thơ ngoài lề lối xưa, thoát khỏi cái vỏ cũ kỹ nghìn đời, người đó là ông Tú Phan Khôi.

Phan Khôi đã đem đến làng thơ Việt-nam bầu không khí khác lạ, một thể thơ mới hoàn toàn từ hình thức đến nội dung. Nó đã phá vỡ cái cổ lệ để chính thức cho chào đời một lối thơ mới, mở màn cuộc thay đổi quan trọng của nền thi ca dân tộc.

Cuối xuân năm 1932 (*năm Nhâm-thân*), trên tạp chí *Phụ nữ tân văn* số 122 ngày 10-3-1932 xuất bản tại Sài-gòn, có đăng một bài thơ nhan đề : *Tình già*, tác giả là ông Phan Khôi. Bài thơ được tung ra với lời giới thiệu : « *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ* » đã làm kinh ngạc mọi người và tạo thành luồng dư luận xôn xao không ít. Có người lạc quan cho đó là sự thành hình của nền học thuật mới. Kẻ khác lại cho rằng sự xuất hiện của bài thơ *Tình già* là một cơn sốt văn-học, là cái quái thai của một thời đại thi-ca. Cả hai luồng dư luận khắp ba miền Nam, Trung, Bắc đều bàn tán dữ dội. Một số người đả kích nghiệt ngã, quả quyết nền thơ mới không thể tồn tại được và nếu nó sống còn thì đó là một điều sỉ nhục cho học thuật nước nhà, bởi thế họ chủ trương cần phải tiêu trừ nó ngay với bất cứ phương pháp nào. Ngược lại số người trẻ cho rằng bài thơ *Tình già* của Phan Khôi chào đời trong lúc này (1932) là một sự cần thiết, vì chính nó sẽ thay thế nền thi ca cổ xưa mà hiện tại không còn giá trị thực tiễn nữa. Cuối cùng giới này kết luận là ủng hộ lập trường thơ mới và nên vun quén cho nền thi ca mới được sống mạnh.

Lúc đầu công cuộc chống đối giữa hai phái cũ và mới còn ít, sau gây thành những vụ tranh luận sôi nổi. Lực lượng chống đối và ủng hộ của hai

phái đều mạnh. Sau đó ít lâu, phái cũ tỏ vẻ yếu dần và bắt đầu nhường bước cho phái trẻ, tức phái ủng hộ thơ mới. Hòa nhịp phong trào này, từ Lưu Trọng Lư, Thế Lữ đến Xuân-Diệu, Huy-Cận, Huy-Thông, Vũ hoàng Chương, Chế Lan-Viên, Thái-Can, Đông-Hồ, Nguyễn Vỹ, Tế-Hanh, Thanh-Tĩnh, v.v... đã lần lượt góp tiếng lòng của mình bằng những sáng tác vững chắc, và cũng từ đó thi ca Việt-nam chính thức khai sinh thêm một môn phái mới, và tìm được đất sống mạnh trong nền văn học nước nhà.

Bây giờ chúng ta thử tìm hiểu người tiên phong của nền thơ mới và những nét độc đáo của bài thơ đầu tiên, một bài thơ đã đảo lộn một thế hệ thi ca đất nước, một bài thơ đã thay đổi cuộc diện hiện hữu trên thi đàn Việt-nam.

Phan Khôi, người cha đẻ bài thơ mới đầu tiên *Tình già* là một nhà văn kiêm nhà báo được kể là lão luyện và xuất sắc trong phái nho học.

Trên phương diện thi ca, Phan Khôi không làm thơ nhiều, chỉ thỉnh thoảng người yêu thơ mới bắt gặp một vài bài thơ của ông, còn lại hầu hết là những chuyện ngắn và ký sự. Đã thế, trong thi phẩm của Phan Khôi, thơ dịch lại chiếm phần lớn. Ông thường dịch thơ Tàu ra thơ Việt nhiều hơn là loại thơ trước tác. Tiếng thơ Phan Khôi vì thế không được nhiều người biết đến.

Vũ ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại*, khi phê bình về Phan Khôi cũng phải nhận :

« Phan Khôi là một trong những nhà văn xuất sắc nhất trong phái nho học. Ở một nhà cựu học như ông, người ta đã thấy nhiều cái rất mới, nhiều cái mà nhiều nhà tân học cũng cho là « mới quá ». Đó thật là một bất ngờ.

« Văn phẩm của ông phần nhiều là những bài luận-thuyết hoặc phê bình, hoặc khảo cứu đăng trong các tạp chí, các báo như Lục tỉnh tân văn, Đông Pháp thời báo, Thần chung, Phụ nữ tân văn, Trung lập (xuất bản tại

Sài-gòn), Thực nghiệp dân báo, Nam phong, Phụ nữ thời đàm (xuất bản ở Hà-nội), Tràng an, Sông Hương (xuất bản ở Huế).

« Quyển sách đầu tiên của ông là quyển Chương dân thi thoại (xuất bản năm 1936 và in tại nhà Đắc Lập, Huế) quyển này thuộc loại biên khảo có xen phần phê bình.

« Tôi đã nghiệm những khi nói chuyện về thơ trong các báo, cái lối văn của Phan Khôi có một sức cảm dỗ lạ thường. Ông không cần nói nhiều. Trích một bài thơ, ông chỉ dùng vài ba câu phê bình là người đọc thấy hết những chỗ hay của nó. Nói kiểu một họa sĩ, cái lối ấy có thể là lối « chấm phá ».

« Trong khi phê bình thơ, Phan Khôi thường hay nói bạo, nhưng chính cái chỗ thường hay nói bạo lại là những chỗ có duyên nhất. Thường thường ngoài những cái hay mà ta đã thấy trong một bài thơ, nhờ một tia sáng của ông, người ta lại thấy mấy cái hay khác nữa.

« Hãy xem cái lối phê bình ích lợi của Phan Khôi về bài Tổng biệt của một thi sĩ ở Bình-thuận :

Trái mù u trên núi
Chảy xuống cửa Phan-rang.
Ông đi về ngoài nó
Trong lòng tôi chẳng an
Bao giờ ông trở vô,
Gặp tôi ở giữa đàng,
Năm tay nói chuyện chơi,
Uống rượu cười nghênh ngang !

« Ông phê bình như sau này : « Hai câu đầu là thể hứng mà cái ý hứng rất kỳ, câu thứ sáu trông lại gặp nhau mà ba chữ « ở giữ đàng » thì lại có cái « biệt thú ». Toàn bài nhất khí quán hạ, thật cũng cái cảnh tượng « trái mù u trên núi chảy xuống cửa Phan-rang ! »

« Về hai câu vịnh Hòn Vay Hòn Trá :

Hẹn hò ngày tháng chim năn nỉ,

Tờ khế năm mùa lá đổi thay. »

« Ông phê bình : « Hai câu thơ đó đáng gọi là « công thiếp » nghĩa là dùng lời khéo léo mà ý sát với đề, nhưng dù vậy cũng không thoát khuôn sáo cũ tử. »

« Về phép làm thơ Phan Khôi nói rất phân minh, nào từ pháp, nào cú pháp, nào chương pháp, nào thiên pháp. Sau khi đã nói vắn tắt mà rõ ràng về từ pháp, cú pháp và chương pháp, ông viết về thiên pháp như sau này :

« Nói về thiên pháp, tôi không có sẵn ở đây để đem ra làm ví dụ. Song tôi còn nhớ đại lược mười bài liên hoàn của bà phi vợ đức Thành-Thái, mẹ đức Duy Tân, mười bài ấy kể cú pháp và chương pháp đều được cả nhưng thiên pháp thì chưa được vì còn hơi lộn xộn và trùng điệp, trùng điệp cả chữ lẫn ý. Như một bài trước đã có câu : « Mộng điệp khéo vì ai lẽo đẽo ? »

Trong khi một bài sau có câu : « Chiêm bao lẽo đẽo theo hồn bướm » thì thật là khó nghe !

« Thì quả như thế, mười bài thơ ấy hay thì hay thực, nhưng ý và chữ trùng điệp quá. Cách đây mười năm tôi đã có lần định dịch ra tiếng Pháp và đăng trong Revue Franco-Annamite xuất bản ở Hà-nội nhưng chỉ dịch được ba bài đầu theo từng chữ, từng câu, còn bảy bài sau đành phải tóm tắt lại, loại bớt những ý điệp đi vì tiếng Pháp là một thứ tiếng rất sáng suốt không bao giờ chịu dùng được những ý điệp như thế. »

« Rồi Phan Khôi kết luận theo lối Tản-Đà :

« Thì cũng như đồ nhắm rượu, người ta quý cái ngon không ai quý cái nhiều. Gặp một đầu đề nào mà mình có ý dồi dào lắm mới nên làm hai bài trở lên còn không thì thôi, không nên rán sức làm cho nhiều mà chi. »

Và cuối cùng Vũ ngọc Phan kết luận về Phan Khôi như sau :

« Phan Khôi không phải là tay thợ thợ, chỉ có lúc hứng ông mới làm, nên thơ ông không nhiều, nhưng làm bài nào tư tưởng đều thành thật, ý tứ dồi dào, dễ cảm người ta. Về thơ cũ, mấy bài chứng tỏ cho ông là một thi sĩ có tài năng vững chãi, ngày nay đã tỏ ra rất hiếm trong làng ngâm vịnh. Còn về thơ mới lại chính ông là người khởi xướng trước nhất. »

Đọc lại những lời phê bình trên, chúng ta thấy Vũ ngọc Phan đã nói đúng phần nào về Phan Khôi : Phan Khôi không phải là một thi sĩ chuyên làm thơ, mà chỉ làm thơ khi hứng mà thôi.

Trong thơ của Phan Khôi, ông thường dùng lời nói bạo để diễn tả những cái cần nói, mà không cần gìn giữ, e ngại, hay nói một cách vu vơ nửa đùa nửa thực. Phan Khôi muốn nói toạc lên tất cả sự thật dù cho sự thật đó có thể quá phũ phàng cũng vậy. Đó là khía cạnh độc đáo của nhà thơ làng Bảo-an.

Bài *Tình già* là một bằng chứng cụ thể, nó đã nói lên được phần nào tính khí con người họ Phan. Đọc hết bài thơ người ta thấy Phan Khôi không dùng sáo ngữ, cũng không dùng những danh từ huê mỹ, xa vời mà ông chỉ nói thẳng.

Nội dung của bài *Tình già* là câu chuyện tình của đôi trai gái đã trót yêu nhau nhưng tình không trọn vẹn vì tôn giáo và khuôn phép gia đình. Cuộc đời tưởng đâu dừng lại ở đó. Thời gian qua nhanh, thấm thoát cả hai đều già. Tình cờ gặp nhau, mối tình xa xưa ấy bỗng sống trở lại trong tiềm thức. (xin xem phần thi văn tuyển, bài của VT-TK).

Bài thơ này chỉ có thể, nhưng đã gây xôn xao dư luận chỉ vì Phan Khôi làm thơ theo một lối mới, không cần giới hạn số câu, số chữ và ý tứ quá lãng mạn.

Đây, ta hãy nghe Phan Khôi kể :

« Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa.

Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh kề nhau than thở :

- Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hăn đà không đặng ;

Để đến nỗi, tình trước phụ sau, chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau ».

Một mối tình của hai kẻ yêu nhau « thì vẫn nặng » nhưng « lấy nhau hăn đà không đặng », và như thế, theo chàng thì chẳng có cách nào hay hơn là « chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau ».

Nhưng nàng lại đưa ra ý kiến :

Buông nhau làm sao cho nữ ?

Thương nhau chừng nào hay chừng nấy.

bởi vì :

Đôi ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ chồng.

Thế thì cần gì :

Mà tính việc thủy chung ?

Chỉ mới có mấy câu mà chúng ta thấy Phan Khôi đã dám nói tất cả nỗi lòng thầm kín uẩn khúc của đôi tình nhân ; cả hai không ai còn sợ tai tiếng gì nữa cả, bởi vì « ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng mà tính việc thủy chung ». Tư tưởng đó thật bất kể dư luận, chỉ có Phan Khôi mới dám nói trắng trợn như thế. Thời gian qua, hai mươi bốn năm sau, họ gặp lại nhau, cả hai thay đổi khá nhiều, nhưng :

Nếu chẳng quen lung đố có nhìn ra được.

Rồi tình cũ nghĩa xưa bỗng sống lại trong tim của hai người :

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi, con mắt còn có đuôi.

Thật là lãng mạn và tình tứ vô cùng, so với thời Phan Khôi đang sống (1932), những tư tưởng như thế thật là mới và táo bạo. Chính vì vậy, Phan Khôi bị đả kích nặng nề ; có người cho đó là điều ô nhục của thời đại văn học đất nước.

Đó là ở lãnh vực thi ca, về văn phẩm, Phan Khôi có cái tính khí mà ít người có, điển hình sau này là truyện *Ông Năm Chuột*, *Ông Bình Vôì*, đã đưa Phan Khôi tới chỗ « chống chế độ ».

*

Để kết luận, có thể nói rằng chúng ta lấy làm hãnh diện có một Phan Khôi, một con người chứa đựng nhiều tư tưởng mới lạ và táo bạo. Chính ông là người đầu tiên đã dám làm cuộc cách mạng lớn lao trong thi ca để khai sinh một môn phái mới, mở đường cho nền thi ca huy hoàng của dân tộc.

(Ấn bản kỳ nhì, 3-1968)

THI, VĂN TUYỂN

LNS : Luận về câu chuyện tình trong bài *Tình già* của Phan Khôi, hai tác giả VT-TK viết trong *Hà-nội báo* số 14 ngày 8-4-1936 như sau :

Trên dòng sông Nhuệ – Tình già

Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,

Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh kề nhau than thở ;

*

- « Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hăn đà khôngặng :

Để đến nỗi tình trước phụ sau, chỉ cho bằng sớm liệu mà buông nhau !
»

- « Hay nói mới bạc làm sao chớ ! Buông nhau làm sao cho nỡ ?

Thương được chừng nào hay chừng ấy, chẳng qua Ông Trời bắt đôi ta phải vậy !

Ta là nhân ngãi, đâu phải vợ chồng mà tính việc thủy chung ! »

...Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau :

Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung, đổ có nhìn ra được ?

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi, con mắt còn có đuôi.

(Phan Khôi)

Hai mươi bốn năm xưa !... Trên dòng sông Nhuệ, một con thuyền lơ lửng trôi đi, làn gió thổi đám mây bay, chị Hằng khi mờ khi tỏ, lẳng lơ soi

mình xuống mặt nước trong ! Chừ xa xa vài tiếng chó sủa trắng, và mấy hồi chuông chùa văng lên khoảng không vô hạn, bốn bề đều im lặng như tờ...

Trên dòng sông Nhuệ, con thuyền vẫn lơ lửng trôi đi ! Bên mạn thuyền, một đôi trai gái tựa mình, ngồi ngắm dòng nước bạc. Thiếu nữ ngồi nhìn bóng mà ngẩn ngơ, tiếc cho tấm thân liễu yếu đào tơ, mắc vào vòng tình lụy, biết bao giờ gỡ thoát được ra ? Đời là đời, mà tình là tình, cái sự thật nó vẫn khác xa, nó vẫn đau đớn hơn vòng mộng ảo !

Thiếu niên nhìn bóng mình rồi lại nhìn bóng bạn, chốc chốc lại thở dài, giơ tay lên vuốt ngực như trong lòng có uất ức điều gì ! Thiếu nữ cau mày, hai hàng lụy ứa ; giọt lệ từ từ chảy qua gò má phấn rồi rơi xuống nước, hợp với bóng giọt lệ dưới sông làm một.

Thiếu niên, bỗng ngẩng lên, vỗ vào vai thiếu nữ :

- Thôi, khóc làm gì em ? Vô ích ! khi chúng ta mới yêu nhau, cũng đã biết ngay rằng sẽ khổ ! Nhưng anh cũng như em ; chúng ta nào có chủ được quả tim, nên biết mà vẫn đem lòng dan díu... Có người bảo : « hãy làm việc đi để giúp ích cho người ; giúp ích cho người để người yêu mến, được người yêu mến, thế là hưởng hạnh phúc ở đời »¹². Chúng ta yêu nhau, thế mà sao phải khổ, hạnh phúc ở đời này thực chẳng có sao ? Thôi, chúng mình đã phải thế thì thôi đành chịu thế !

- Nói thì dễ lắm anh ạ ! Anh làm sao không biết, chớ em thì khó biết được chữ « quên ». Ai cũng nói : « Muốn khỏi khổ hãy cứ quên đi » nhưng muốn quên đi, phải làm thế nào, em không thấy ai dạy đến ! Có nhẽ em là đàn bà, ý chí yếu ớt nên thế, còn Anh...

- Còn anh, anh cũng vậy thôi, em ạ ! Đứng trước thần tình, hỏi ai dám nói rằng còn có sức mạnh ? Nhưng mà vì tôn giáo, vì khuôn phép gia đình, chúng ta không thể lấy được nhau, thì việc gì mà cứ ôm lấy khổ ? « *Hãy chịu và nhịn* », chúng ta chỉ có thể thế được thôi ! Và lại, em dù bây giờ lấy người khác...

- Lạy anh, anh đừng nói đến việc ấy nữa. Em đã khổ lắm rồi !

- Dù không nói, cũng đã khổ rồi, chi bằng ta quay lại đối đầu ngay với sự khổ, mà suy tính việc sau... Anh nói nốt, dù em bây giờ lấy người khác, người ấy vẫn không có thể cấm lòng em vẫn yêu anh ! Mà có nhẽ như thế lại hơn. Nghĩ cho kỹ, ở đời này, chúng mình có mong cái gì hơn là « vẫn cứ yêu nhau » đâu ? Cuộc hôn nhân ép uống kia không có thể đánh đổ được cái ái tình cao thượng của chúng mình nào ! Rồi đây đôi ta xa nhau, dù ở đâu nữa, cái lời thề trên giải Nhuệ giang này bao giờ trước cũng như sau !

- Thế anh rồi cũng lấy vợ chứ ?

- Cố nhiên ! anh đã nói rằng dù không ở liền bên nhau, ta cũng vẫn có thể yêu nhau mà ! Nếu cứ phải trông thấy nhau, nói với nhau luôn luôn mới yêu nhau được, thì cái tình chúng mình nó nhạt nhẽo đến thế ư ? Vậy cho nên, anh khuyên em cứ nghe lời thầy mẹ, yên việc hôn nhân, rồi chúng ta quên nhau được thì quên, không thì cứ mặc cho thời gian xóa dần việc trước, mà trong khi ấy ta tránh nhau mà vẫn cứ yêu nhau...

Hai mươi bốn năm sau

Hai mươi bốn năm sau ! Cũng trên dòng sông Nhuệ, bóng ả Hằng vẫn lẳng lơ trôi !... Tiếng ai đương hát ở đằng xa đưa lại, trước nhỏ sau to dần :

*« Đêm thu trăng gió một trời,
Một mình ngồi tưởng sự đời nghĩ quanh
Nghĩ cho muôn vật hóa sinh,
Ở trong vũ trụ cái hình ra chi !
Trăng kia tròn được mấy khi,
Hoa kia nở được mấy thì hồi hoa !
Gái tơ quá lứa đã già.
Con tầm rút ruột lại là rộng non !
Khúc sông bồi lấp nên cồn,*

*Dâu xanh, bãi bể, đá mòn nước khe
Đồng không con đóm lập loè,
Khách trần lối ấy đi về những ai ?
Hình kia đúc tự thợ trời,
Tình kia họa mới ra ngoài khuôn xanh,
Vương chi một mối tơ manh,
Tình chung khối ấy dễ đành đã tan,
Cho hay những khách trần hoàn,
Nghìn thu ở lại thế gian mấy mà !
Tưởng người lại ngẫm đến ta,
Trăm năm rồi nữa biết là làm sao !
Bây giờ hoa nở trắng cao,
Trắng tàn hoa tạ, lúc nào biết đâu
Một mình tính trước lo sau !... »*

Một con thuyền con ở đằng xa trôi lại, đứng trên, một người vào trạc trung niên đương cất tiếng hát vang...

Bỗng hẵn kìm thuyền, lắng tai nghe như có ai đương gọi dò ở bên bờ sông nọ. Áp thuyền vào bờ, một người sư nữ trạc độ tứ tuần bước xuống ! Ả Hằng vừa chui khỏi đám mây đen, chiếu ra muôn ánh hòa quang, sáng mát ! Bà sư nữ và lão lái dò tỏ mặt nhau, bỗng cùng chung kêu lên một tiếng :

- Kìa anh !

- Kìa em !

Rồi cả đôi ôm nhau mà nước nở !

- Sao ? Sao em lại gửi mình vào chốn am mây ? Việc hôn nhân ngày trước rồi ra sao ?

- Thôi, chuyện ấy kể chi, anh ! Nhưng, còn anh thì sao ? Chị ấy đâu ? Được mấy cháu rồi ?

- Khốn nạn, anh đã lấy ai đâu !

- Anh, anh cũng « ở vậy » ư ? Thế mà...

*

...Thế mà, hai mươi bốn năm xưa ! Trên dòng sông Nhuệ, một con thuyền lơ lửng trôi đi. Làn gió thổi, đám mây bay, chị Hằng khi mờ khi tỏ, lẳng lơ soi mình xuống mặt nước trong ! Chừ xa xa vài tiếng chó sủa trắng, và mấy hồi chuông chùa văng lên khoảng không vô hạn, bốn bề im lặng như tờ !...

Trên dòng sông Nhuệ, con thuyền vẫn lơ lửng trôi đi ! Bên mạn thuyền, một đôi trai gái tựa mình, ngồi ngắm dòng nước bạc. Thiếu nữ ngồi nhìn bóng mà ngẩn ngơ, tiếc cho tấm thân liễu yếu đào tơ mắc vào vòng tình lụy biết bao giờ gỡ thoát được ra ?

Đời là đời, mà tình là tình, cái sự thật nó vẫn khác xa, nó vẫn tục tằn đau đớn hơn vòng mộng ảo !

VT-TK

Chơi thuyền sông Tân-bình ¹³

*Eo đất vắt rừng già ra nước
Thành con sông xanh biếc dài ghê !
Khi ho cò gáy tư bề
Ta đem thân đến chốn này làm chi !
Nhớ từ trẻ gian nguy từng trải
Bước giang hồ bước mãi chưa thôi
Mảnh thân còn chọi với đời
Hiếm nghèo là bạn, chơi vui là nhà
Cảnh hiu quạnh, có ta có chủ
Bằng không ta chẳng phụ Hoá-công*

Vẽ ra cái cảnh lạ lùng,
Làm cho cộp biển, cá đồng hay sao ?
Xuồng ba lá đâu nào chàng Thổ
Rượu để mang theo mỡ lưng bầu.
Mũi chèo trước, lái ta sau
Mái chèo khoan nhặt con trào ngược xuôi
Bóng chiều nhuộm lau mùi vàng úa,
Khói, nước, trắng, mây bủa lưng chừng.
Vạch lau rẽ khói tung tăng,
Trên trời, dưới nước bên rừng giữa ta.
Lô túp lá xà xà trong ngút,
Chợt thuyền con vùn vụt ngang dòng
Nguồn đào có phải đây không ?
Vũng Lương-sơn phẳng phất cùng là đây.
Vùng ác lặn chòm cây đen sậm
Vào càng sâu càng lăm vể u
Rặng dừa lướt gió vi vu
Chim về ổ thốt, vượn ru con chuyền
Bỗng cái sạt, mái thuyền hùm vọt
Sáng lập loè ngọn đuốc ma trôi
Ó vùng dậy, khi reo cười
Trăm yêu ngàn quái nhè người mà trêu.
Sạt đằng mũi, mái chèo toan đánh
Lái phất ngang, đường tránh cơn nan
Ủy kìa, rần hổ phùng mang
Vượt sông, rẽ sóng băng ngàn như tên
Vụt đáy nước trông lên cây trụ
Hằng đây rồi cá sấu quách đuôi
Trăm cái sợ, cướp cái vui

Tối đành chẳng tiện muốn lui chĩn khôn
Sờn tóc gáy, bồn chồn tắc dạ,
Vững tay chèo nấn ná hồi lâu
Vững trắng như hẹn hò nhau
Trời lên mặt biển dọi vào gằm hang
Gợn mát bóng cá vàng giỡn nước
Lá lật sương chim bạc đeo cành
Xa trông rừng thẳm khung xanh
Sông phơi giải lụa trắng tinh một màu
Rõ muôn tượng như chào lạy khách
Lặng một chiều đường trách lấy nhau
Cảnh sao biến đổi quá mau
Rõ hai thế giới trước sau nửa giờ
Cảnh đổi cảnh những ngờ mộng mị
Hoặc là do tâm lý mà ra
Tầm u bước đã quá xa
Canh khuya trắng lặn liệu mà về đi
Xoàng hơi cúc khì khì cười mãi
... ..
Người như rõ biết ý ta.
Thì nâng chén rượu mà ca khúc này.

Cảm đề khi đọc bản dịch Thủy-hử của Á-Nam Trần tuần Khải

Đời loạn vua hèn quan giết dân,
Ông thần pháp luật đứng bằng chân.
Trời sinh theo sắt tuôn ra máu,
Đổ lại trên đầu lũ bất nhân.
Trăm tám người linh, một vẻ hào.

Nằm trên rượu thịt gối thương đao.
Xưa nay nổi việc phường này cả,
Tú-Sĩ Vương-Luân có kẻ nào ?
Khăn áo hương hoa lạy Võ-Tòng
Giết người như bác mới anh hùng :
Một đêm đi đứt mười lăm mạng,
Hàng máu trên tường nhỏ giọt hồng !
Võ nghệ tuy thường, lượng khác thường,
Gần xa suy phục Hắc-Tam-Lang.
Cho hay trong cuộc phong vân đó,
Ai lượng hơn người, ấy chủ trương.
Này vùng Lương-sơn nay ở đâu ?
Xa trông che khuất mấy ngàn lau !
Hát anh bài hát sau bìa sách,
Cảm khái riêng ta với Á-đầu...
(Trích tập thơ Bút quan hoài của Á-Nam)

Thơ Phan Khôi

(Trong những ngày tàn ở Bắc Việt)
Ngừng tim bật óc lặng dòng tình
Tai mắt như không phải của mình
Thấy dưới ánh trăng muôn khúc nhạc
Nghe trong tiếng ếch một màu xanh
Suối tiên mát mẻ bao cho chán
Giấc mộng vờn mơn vẫn chẳng thành
Cái thú vui xưa nào thấy nữa
Ngủ say thức tỉnh dậy buồn tênh.

Hốt tóc¹⁴

*Tuổi già thêm bệnh hoạn
Kháng chiến thấy thừa ta
Mỗi sần như tóc bạc
Cứ cắt lại dài ra.*
(1952)

Hồng gai¹⁵

*Hồng nào hồng chẳng có gai
Miễn đừng là thứ hồng rày không hoa
Là hồng thì phải có hoa
Không hoa chỉ có gai mà ai chơi ?
Ta yêu hồng lắm hồng ơi !
Có gai mà cũng có mùi hương thơm.*
(1951)

Nắng chiều¹⁶

*Nắng chiều đẹp có đẹp
Tiếc tài gần chạng vạng
Mặc dù gần chạng vạng
Nắng được thì cứ nắng*
(1956)

Các ác ý bởi nghề nghiệp

Nói « ác » với nói « ác ý » khác nhau. Người ta làm ra một điều ác có thể bởi vô ý. Nhưng đến nói « ác ý » thì cái ấy rõ ràng bởi người ta hữu ý mà làm hay thậm chí cố ý mà làm.

Trong các nghề nghiệp, nhất là nghề buôn, thường hay có sự ác ý.

Có câu chuyện một hiệu thuốc lá toan chuyện cạnh tranh với một bạn đồng nghiệp mình mà giờ đến cái thủ đoạn tàn khốc, thật không ai nghĩ đến.

Số là hiệu X, thuốc lá ngon có tiếng, vẫn bán chạy lâu nay. Ra để tranh với hiệu X, hiệu Y bèn dùng một kế rất hiểm độc.

Hiệu y bỏ vốn ra hàng vạn mua lấy thật nhiều thuốc lá của hiệu X rồi dìm lại một vài năm mới bí mật đem ra bán. Trong lúc ấy, hiệu Y cố làm cho thuốc lá của mình ngon lên và quảng cáo thật riết. Tự nhiên công chúng thấy thuốc X quá dở – thuốc để đến hàng năm tài gì chả dở ? – rồi đổ xô nhau mua thuốc lá Y mà hút nên nó bán rất chạy. Hiệu X sau cũng biết mình bị thiệt hại vì hiệu Y, nhưng không kiện được, bởi không đủ tang chứng.

Lại chuyện hai hãng tàu thủy tranh nhau nữa. Hãng Giáp cố cướp quyền lợi của hãng Ất, bèn quyết kế đục cho chìm tàu hãng Ất trong khi hai chiếc gặp nhau. Vả tàu này đục chìm tàu kia là một sự có tội trước pháp luật. Nhưng hãng Giáp không kể điều ấy, tính rằng dù có kiện nhau cho ra lẽ cũng phải mất một vài năm mới xong, bây giờ cứ hăng triệt nó đi để chuyển cái lợi chạy tàu con đường ấy về phần mình.

Quả nhiên sau đó vụ kiện cứ dây dưa hoài cho đến ba bốn năm mới xong. Hãng Giáp có bị bồi thường cho hãng Ất ít nhiều, nhưng nhờ sự độc quyền trong bấy nhiêu năm, nó vẫn còn lời chán.

Ấy là tôi cử ra một vài thí dụ để chỉ rõ cái ác ý bởi nghề nghiệp.

Đối với những cái ác ý ấy, pháp luật vẫn không bao giờ dung thứ. Nhưng tại lòng dạ con người quỷ quái đến điều thành thử pháp luật cũng phải có chỗ cùng.

Làm báo cũng là một nghề nghiệp. Một nửa nghề làm báo hàm có những cái tính chất văn học, xã hội, v.v... nhưng một nửa là buôn bán.

Có người lại nói rằng làm báo chỉ có độc một tính chất buôn bán cũng như các nghề nghiệp buôn bán khác. Bởi vì theo thương luật, hễ việc gì đem tiền ra kinh doanh tức là việc buôn bán. Thế thì làm báo cũng kinh doanh bằng tiền nên nó cũng là việc buôn bán.

Người ta đã coi nghề làm báo là việc buôn bán thì tất nhiên người ta cũng dùng ác ý để đối phó với nhau, và cái ý ấy người ta cũng cho là cái ác ý bởi nghề nghiệp.

Ngày nay, sự giành nhau mà sống phải coi là sự nghiêm trọng giữa loài người. Đã thế thì những cái thuyết đạo đức vu vơ không còn là thế lực để địch với những cái quan niệm về quyền lợi hiện tại. Biết vậy nên tôi cũng phải nhận cho làm báo là một nghề nghiệp buôn bán và trong đó ai không giữ sự thật thà mà dùng đến ác ý thì dùng.

Tuy vậy, theo lẽ thường việc gì cũng có giới hạn mới được.

Giữa làng báo Sài-gòn, có lần tôi đã thấy báo này dùng chước quyến rũ, cướp chủ báo của báo kia. Lại có lần, hai báo cùng ra số Tết, mà báo này lập thế làm cho báo kia trục trặc để mình ra trước.

Những việc như thế kể cũng đều là ác ý cả. Nhưng lạ sao, khi nghe những câu chuyện ấy, ai nấy chẳng lấy làm đáng phi nghị cho lắm ; mà có kẻ lại cho là ngộ nghĩnh, buồn cười ?

Thì ra, nghề làm báo có cho dứt đi việc buôn bán nữa, cũng chỉ một phần về ty quản lý mà thôi. Những việc trên đó là việc thuộc về ty quản lý, nên dù nó đeo cái tính chất lém lỉnh xỏ xiên của nghề buôn bán, chúng ta cũng còn bỏ qua được. Trong tiếng Việt-nam chưa ai xóa bỏ được bốn chữ « thương nhân đa trá » thì con nhà buôn cứ trở ra các thứ mảnh khoé sau lưng pháp luật.

Tôi chỉ muốn nhắc người ta nhớ rằng trong nghề làm báo còn một phần nữa về tòa soạn, phần này thì quả không dính dấp gì với việc buôn bán, cho nên nó chẳng dung được cái ác ý nào cả.

Ai có ác ý trong việc biên tập như đặt điều nói xấu cho kẻ khác, thì có thể bị tòa án truy tố mà mắc vào tội phỉ báng. Còn ai không làm hại đến kẻ khác, chỉ lấy phải làm trái, lấy đen làm trắng, dù pháp luật không có quyền hỏi đến chớ cũng bị dư luận khinh rẻ hay là hình phạt bởi lương tâm.

Như thế thì về việc biên tập, chúng ta nên không hề có ác ý mới phải. Cớ sao trên báo lại thấy có sự ấy hoài ?

Việc rất nhỏ nhặt « hột đậu nhọn » hay « chữa văn », cũng thường hay làm cho kẻ khác thấy cái ác ý của mình, là làm chi vậy ?

Đại khái như một bài ở tờ báo này trước đây có câu « Bà ấy quên hết ít nhiều tiếng ta », vốn là câu chúng ta có thể nói được « hết ít hay hết nhiều » sao lại chẳng được ? Thế mà cũng có người cãi, bảo rằng đã « hết » sao còn « ít nhiều » gì ? Rõ thật cãi bướng chỉ có cái ác ý muốn dìm ếm nhau thì mới cãi như thế mà thôi.

Nay đến cuộc chữa văn cũng chỉ thấy cái ác ý người này muốn mặt sát người kia mà bày ra, chứ không có chút thực tình nào về văn cả.

Thế chẳng biết tại người ta tin sự dìm ếm mặt sát ấy là có lợi cho mình nên mới làm như thế, hay là không tin, nhưng cứ nghĩ cho cái ác ý ấy bởi nghề nghiệp, làm như thế không hại chi nên cứ làm.

Nếu nghĩ cho đó là cái ác ý bởi nghề nghiệp thì lắm lắm, vì trong việc đó không còn phải là nghề nghiệp nữa.

Ít nào người ta cũng phải có một chút lòng tôn trọng chân lý thì mới đứng ra làm một cái nghề như nghề báo.

PHAN KHÔI

(Hà-nội báo, số 23, 10-6-1936)

*

« Văn học tiểu thuyết » là cái quái gì

Trong một số báo *Khuyến học* gần đây có bắt đầu đăng một cái tiểu thuyết mà nêu lên là « văn học tiểu thuyết ».

Tôi thấy mà lấy làm lạ, không biết sao người ta lại cả gan mà dám đặt ra cái danh từ bất thông như thế.

Hẳn người đặt ra cái danh từ ấy đã thấy có những cái danh từ « triết học tiểu thuyết » và « khoa học tiểu thuyết » nên yên trí mà cho rằng « văn học tiểu thuyết » cũng có thể nói được đó chi. Nhưng khốn nỗi « triết học tiểu thuyết » nói được, « khoa học tiểu thuyết » nói được mà « văn học tiểu thuyết » lại không nói được, cái chỗ bí hiểm ấy, người kia không nghĩ đến.

Muốn rõ được sự phân biệt ấy trước hết phải hiểu thấu cái quan niệm về tiểu thuyết của học giới phương Tây.

Phương Đông ta từ xưa, người Tàu vậy mà người Nam ta cũng vậy, coi tiểu thuyết là thứ chuyện đầu đường xó chợ, không được sắp hàng vào văn học. Nhưng trái lại, người phương Tây lại không thế ; trong văn học, chẳng những họ không khinh rẻ tiểu thuyết mà họ còn coi tiểu thuyết làm đầu.

Bởi cái quan niệm ấy, tiểu thuyết đối với văn học thành ra có quan hệ rất mật thiết, hầu như người ta thường nói, một mà hai, hai mà một. Nói thế, nghĩa là nói tiểu thuyết đối với người phương Tây có thể đại biểu cho văn học tuy chưa nói hẳn được rằng tiểu thuyết tức là văn học.

Bởi đó, tiểu thuyết nào cũng hầu hết hàm có cái tính chất văn học rồi sau mới tùy cái cốt chuyện của nó mà chia ra từng thứ.

Cái cốt chuyện thần bí thì gọi là thần bí tiểu tuyền, cái cốt chuyện ái tình thì gọi là ái tình tiểu thuyết, cái cốt chuyện xã hội thì gọi là xã hội tiểu thuyết, v.v... Có những tên khác nhau ấy là tùy theo cốt chuyện.

Cốt chuyện dù khác nhau mặc lòng, tiểu thuyết nào cũng hàm có tính chất văn học, cũng đại biểu cho văn học.

Như thế đã hơi thấy đã không thể nào nói « văn học tiểu thuyết » được rồi, vì một bản tiểu thuyết, có cái tính chất đã là văn học rồi thì không có lẽ còn có cái cốt chuyện gì là văn học nữa.

Không phân bì với « triết học tiểu thuyết » và « khoa học tiểu thuyết » được. Hai thứ tiểu thuyết này, cái cốt chuyện của nó đã là triết học và khoa học thì cố nhiên là nó không chồng lấp với văn học là cái tính chất của tiểu thuyết.

Gần nay tiểu thuyết đã thịnh hành giữa văn học giới của Tàu và của ta. Thế là cái quan niệm về văn học của người phương Đông chúng ta cũng đã thay đổi mà theo phương Tây rồi. Đã theo họ mà trong đó còn bày ra một điều gì ngang ngạnh, trái với họ, thế là tự ta làm điều vô nghĩa.

Trong văn học Pháp có triết học tiểu thuyết, có khoa học tiểu thuyết mà không hề có « văn học tiểu thuyết ». Không có, không phải là thiếu, không phải là người Pháp không đủ trí khôn mà đặt ra ; nhưng là tại cái lẽ rất rõ ràng trên đó không cho đặt ra.

Ông định đặt ra cái danh từ mới là « văn học tiểu thuyết » như thế để tỏ rằng ta đây cũng có trí phát minh, có quyền sáng tạo hay sao ? Không được ! Cái việc ông làm đó là cái việc lỗ lã, vô nghĩa ! « văn học tiểu thuyết » là cái quái gì ? Xin báo *Khuyến học* xóa bỏ bốn chữ tiêu đề ấy đi. Đừng tưởng rằng sự lầm lỗi của một mình mà nó không lây đến kẻ khác.

Nói « văn học tiểu thuyết » thì cũng gần như nói « văn học văn học » chẳng có nghĩa gì hết. Tôi sợ người ta không tin tôi, nên tôi phải nói lên thêm câu ấy.

PHAN KHÔI

(*Hà-nội báo*, số 21, ngày 27-5-1936)

Ông Năm Chuột

Chính vì bài này mà tờ báo Văn bị đóng cửa ngay tức khắc. Cộng-sản đã tinh ý nhận ngay ra thâm ý của tác giả. Với một câu truyện vu vơ, cụ Phan muốn nói : Giai-cấp thống trị ở bất cứ thời đại nào cũng thối nát mà vẫn cứ cố che đậy. Mặc dù che đậy, trong dân gian vẫn có người thấy rõ. (H.V.C. Trăm hoa đua nở trên đất Bắc)

Hồi tôi mới mười bốn, mười lăm tuổi, thì đã nghe người làng nói nhiều về cái tên Năm Chuột. Về gốc gác của hăn, chỉ thấy nói là người làng Kỳ-lam, cái làng ở phía bắc làng tôi cách một con sông, về sau có cái ga xe lửa gọi là ga Kỳ-lam, còn mọi sự khác không biết rõ. Hình như hăn không có nhà cửa, cha mẹ, vợ con gì ở làng. Hăn làm thợ bạc, quanh năm đi làm nghề ở các nơi, nhất là các nơi đô hội, như Huế, Đà-nẵng, Hội-an.

Họ nói Năm Chuột làm thợ bạc khéo nhất đời, ở Huế có nhiều thợ bạc danh tiếng cũng phải chịu thua. Nhưng lại nói hăn tổ làm đồ vàng giả, mỗi khi được gọi đến nhà làm đồ nữ trang cho người ta, nhà chủ ngồi cạnh một bên, hăn cũng tráo bạc, tráo đồng vào lấy vàng ra, không làm sao biết được. Bởi vậy cả vùng quê chúng tôi, những nhà giàu có vốn biết Năm Chuột là thợ khéo, nhưng không ai dám thuê hăn làm việc gì về cái nghề của hăn cả. Nhiều người còn nói Năm Chuột đúc súng, đúc bạc giả được. Mỗi khi nói điều ấy, họ làm ra vẻ bí mật, hình như họ có ý ngờ cho Năm Chuột định làm một việc gì lớn, « làm giặc » chẳng hạn.

Nhưng không biết thế nào, người ta lại cho Năm Chuột là kẻ nói láo nói phét, vào cái hạng « mười voi không được bát xáo » tức là mắng người nói láo nói phét rồi, có khi lại dùng độc một chữ : *chuột quá* tức là láo quá.

Lúc bấy giờ tôi đang đi học ở những nơi cách xa làng, mỗi khi về làng lại thỉnh thoảng nghe người ta nói chuyện về Năm Chuột như thế, như thế tôi cũng chỉ nghe vào tai mà thôi, không để ý mấy. Mà hăn thế, cậu cả con quan phủ, học giỏi có tiếng, đang lo xôi kinh nấu sủi để khoa tới đây đỗ thủ

khoa, không thì cũng cử nhân năm tên trở lên, việc gì mà phải để ý đến một anh thợ bạc.

Năm hai mươi tuổi, tôi thi đỗ tú tài – quái lạ, sao lại đỗ tú tài ? – về nhà cách mấy hôm thì tôi đi về làng Xuân-đài thăm bà ngoại tôi và cậu tôi. Ở ăn một bữa cơm trưa, đến xế chiều, tôi cáo về thì có một người đến. Người trạc dưới bốn mươi tuổi, mặt tẻt, nước da xanh xám, mắt sáng, miệng rộng, hai môi trề ra, hàm và cằm thấp lăm, đầu trọc, quần cái khăn vải đen, áo cộc cúc giữa, quần đến đầu gối, chân mang dép da sống. Người ấy lúc vào đến cửa, hai tay cắp cái nón lá ngang ngực cúi chào cậu tôi, khi bỏ nón ra mới thấy trong tay còn cầm một cái nữa mà sau này tôi mới biết đó là cái dọc tấu. Nó là cái ống tròn mà dài, thấy thoáng như có khảm xà cừ và bịt bạc, bịt vàng gì đó. Cậu tôi như chào như không phải chào :

- Anh Năm phải ?

- Dạ, lâu lắm, có thể quan lớn quên tôi.

Tôi nguyên đã cáo về rồi, cho nên dù gặp một người khách mới vào hơi lạ như thế cũng cứ việc ra về. Không ngờ khi tôi ra khỏi cổng, lên đường về mới một chặng, nghe có người chạy theo đằng sau gọi tôi đứng lại, thì ra là người thấy lúc nãy. Anh ta tự giới thiệu :

- Tôi là Năm Chuột đây.

Rồi đột ngột hỏi tôi :

- Nghe nói cậu đậu tú tài mà cậu khóc, có phải không ? Giả sử cậu được đậu thủ khoa thì cậu làm nên cái trò trống gì ?

Một gáo nước lạnh xối vào xương sống ! Tôi bẽn lễn, ấp úng, cười hì hì không trả lời được. Bởi vì cái lẽ anh ta nói đó tôi cũng có nghĩ tới, nhưng không đi thi thì thôi, đã đi thi thì lại muốn đậu to. Thế rồi Năm Chuột đi cùng đường với tôi, vừa đi vừa nói chuyện.

Anh ta đưa cái dọc tấu lên, nói với tôi :

- Ông cậu của cậu thật là keo quá, cái dọc tầu như thế này mà cầm trả có năm đồng bạc.

- Hoặc giả cậu tôi không có nhiều tiền chẳng.

Tôi nói cho có nói, chứ không có ý gì cả. Nhưng anh ta cãi phăng :

- Quan lớn hồi xưa, (chỉ ông ngoại tôi) làm đến Tổng-đốc Hà-nội vừa chi, mà không có tiền lợp nôi cái nhà của ông bà để lại đã tróc ngói ; còn ông phủ (chỉ cậu tôi) mới làm Tri-phủ có ba năm về « chung đường », mua được những mười mẫu ruộng, tôi biết là hạng đất tốt nhất, thế sao nói không có nhiều tiền ?

Tôi thấy điều anh ta nói đó hình như đúng, tôi làm thinh. Bỗng dưng anh ta cất tiếng cười một cách xỏ lá, rồi nói tiếp :

- Ai có đời, cha chết vì đánh Tây mà con trở đi làm quan với Tây !

Nghe câu này, tôi cảm động quá. Tôi không dám chống lại ý anh ta, chỉ nói như vớt vát một ít :

- Thấy bà ngoại tôi kể chuyện, lúc ông ngoại tôi mất rồi thì cảnh nhà sa sút quá đỗi, nếu cậu tôi không làm như thế thì đến lụn bại mất.

Anh ta bĩu môi, cái môi đã trề rồi còn bĩu nữa, rất khó coi :

- Ra chỉ có làm quan mới cứu vãn được nghiệp nhà. Thế thì bao nhiêu người không làm quan, họ đều đi ăn mày hết.

Tôi lại làm thinh. Ngừng một lúc, anh ta nói tiếp :

- Hèn chi quan lớn chết ở Hà-nội năm Ngọ, năm Dậu thất thủ kinh đô, Nghĩa-hội nổi lên đánh Tây, năm Hợi, Tây kéo quân đóng đồn ở chùa Phi-phú, thì ông cậu của cậu đã làm bang-tá trong cái đồn ấy. Để làm gì ? Cậu có biết không ? Để đàn áp Nghĩa-hội.

Những chuyện ấy, thầy mẹ tôi có kể cho tôi nghe hồi còn nhỏ tôi biết cả, nhưng tảng lờ nói :

- *Tháng tám năm Hợi, mẹ tôi đẻ tôi ra, tôi làm gì biết được những chuyện ấy ?*

Anh ta lại cười, nhưng không xỏ lá, nhìn vào mặt tôi :

- *Thấy người ta nói cậu thông minh, nói chuyện với cậu, tôi cũng thấy cậu thông minh thật.*

Thình lình anh ta nhảy mũi dấp hai ba cái, lấy khăn lau nước mũi cả nước mắt nữa, rồi nói thêm :

- *Như tôi, (anh ta lấy tay phải ấn vào ngực) ghiền thuốc phiện cho đáng, chứ ông cậu của cậu mà hút thì hết thấy những người nghiện chúng tôi đều phải lấy làm lạ.*

- Sao vậy ?

- Quan lớn hồi xưa có cùng mấy ông em lập một bản « gia ước » trong đó có điều cấm con cháu hút thuốc phiện, nếu phạm thì trừng trị bằng những cách nào đó. Thế mà dám phạm. Đủ biết con người của ông cậu của cậu là vậy đó : cái gì cũng làm nghịch lại với cha.

Cái « gia ước » mà anh ta nói đây, tôi không hề biết, vì không hề nghe ai nói tới. Nhưng tôi nghĩ, nếu đúng như thế, thì anh ta nói cũng có lý. Tôi lại làm thinh.

Đây đã đến chỗ con đường rẽ vào nhà tôi, tôi đứng lại, nói mấy lời từ biệt. Năm Chuột nắm tay tôi và nói :

- *Tôi nói này giờ có làm mếch lòng cậu không ? Ở đời có thiếu gì chuyện nói, hà tất tôi gặp cậu lần đầu phải nói để làm mếch lòng cậu, nhưng tình cờ gặp câu chuyện đáng nói thì cứ nói.*

Rồi anh ta tỏ ý mong gặp tôi lần khác.

Tôi vừa đi về nhà vừa nghĩ : « à ra Năm Chuột là con người như thế đấy ». Là một anh thợ bạc, sao lại nói được những điều như thế, tôi lấy làm

lạ.

Tối hôm ấy tôi đem câu chuyện Năm Chuột nói với tôi kể lại cho thầy tôi nghe. Thầy tôi bảo :

- Cái thằng lão đến thế là cùng !

- Nhưng những điều hăn nói, con thấy như cũng có cái đúng. Tôi rón rén thưa lại.

- Đúng kia à ? Mặc dù đúng chẳng nữa cái hạng thằng Năm Chuột mà lại được nói thế à ?

Thấy thầy tôi hơi xãng, tôi làm thinh. Một chập tôi mới dịu giọng hỏi :

- Cái « gia ước » ông ngoại lập ra mà Năm Chuột nói đó, thầy có biết không ?

- Tao không biết. Thấy nói sự cấm hút ấy ở nhà Đông-bàn (nhà quan thượng Phạm phú Thứ) thì có, còn nhà Xuân tài, tao không nghe.

Đến lúc tắt đèn đi ngủ rồi, thầy tôi còn nói một mình :

- *Cái thằng lão quá !*

Đó về sau hơn mười năm, tôi không gặp lại Năm Chuột lần nào. Chừng vào khoảng 1920, một lần tôi ở Hà-nội về nhà thấy người ta nói Năm Chuột bây giờ lập gia đình ngụ tại làng tôi, tôi bỗng có cảm giác như một vật gì tôi đã bỏ quên đi mà bây giờ thấy lại.

Làng tôi có một chỗ gọi là Cồn Mũi Gươm, có một vạt đất gọi là đất Chó Ỉa, theo lời thì Năm Chuột đã xin làng làm cái túp tranh trên vạt đất ấy, và cưới vợ là con gái quá lứa của một nhà có môn bài bán rượu và thuốc phiện cũng ở làng tôi. Hăn vẫn làm thợ bạc.

Một hôm tôi đến thăm thấy trong nhà chỉ có một căn ván nhỏ, trên đặt cái bàn đèn, một cái buồng che phen tre, ngoài ra là cái lò bể bạc để ngay chỗ cửa ra vào. Bấy giờ gần Tết, trời hơi lạnh, hăn ở trần, ngồi cạnh cái lò

bể đang hơ cả người trên lửa. Hấn xin lỗi tôi và nói : « Người ta tắm bằng nước, nhưng tôi quanh năm tắm bằng lửa. Hơ thế này cho đỡ mồ hôi ra, kỳ sạch ghét, thì cũng chẳng khác tắm bằng nước ». Hấn mời tôi ngồi trên, tôi không ngồi, ngồi trên cái đòn kê đặt ở chỗ gần lò bể, chỗ sắm cho bạn hàng ngồi xem hấn làm việc.

Anh ta không tắm nữa, mặc áo vào, cho than thêm vào lò bể, bắc ấm nước lên rồi gọi vợ súc cái bình tích trà hãm đi cho trà khác vào, pha nước mời tôi uống và sưởi lửa, cũng nói chuyện. Lần này anh ta gọi tôi bằng ông, nói rằng :

- Mười năm về trước tôi mong lại gặp ông mà không được gặp, lần này gặp, tôi không có chuyện nói.

- Ông mà thiếu gì chuyện, như chuyện nói với tôi năm nọ khi đi đường từ Xuân-đài đến Bảo-an.

Anh ta đưa tay lên khoát khoát, nói thật nhanh :

- *Thôi thôi, đã lâu nay tôi không còn nói những chuyện như thế nữa. Nói không có người nghe mà còn có hại. Giá tôi còn cứ nói cái lối đó thì không thể nào lấy vợ và lập gia cư ở làng ông được.*

Tôi nói :

- *Đã thế thì đến phiên tôi. Trước kia ông không sợ mếch lòng tôi, thì bây giờ tôi cũng không sợ mếch lòng ông mà hỏi ông một vài điều.*

Anh ta cười một cách thẳng thắn.

- *Được lắm, những nhà giàu làng tôi họ đều nói ông hay ăn cắp vàng nên họ không dám thuê ông làm cái gì hết, bây giờ ông vác lò bể đến đây làm gì ?*

Anh ta lại cười, nói dần từng tiếng :

- Sở dĩ tôi ở đây là vì có thể chữa đồng hồ, xe đạp, bút máy, khóa tây, nội những việc đó đủ cho tôi làm hàng ngày rồi, còn sự làm đồ vàng bạc thì chỉ thỉnh thoảng mới có.

- Nhưng tôi muốn biết ông quả có ăn cắp vàng không ? Và ăn cắp như thế nào ?

Anh ta lại cười một cách xỏ lá :

- Thứ ăn cắp mà kể gì ? Có những kẻ ăn cướp thì không ai nói đến. Tôi có ăn cắp vàng thật đấy, nhưng cũng tùy chỗ tùy người, ở làng Bảo-an đây thì tôi không thèm.

Rồi anh thuật lại một chuyện ăn cắp vàng cho tôi nghe :

- Năm Thành-Thái thập nhị, ông Nguyễn hữu Thăng làm Tổng-đốc tỉnh ta, cô hầu ông ấy gọi là cô Hoá-mộc, tuy cô hầu mà oai quyền như bà lớn. Một hôm, tôi được trát đòi đến, lính bẩm báo rồi dắt vào nhà trong. Cô ta muốn tôi ở lại đây làm cho cô một đôi vòng chạm y như đôi cô có sẵn, và hỏi tôi có thể làm được không. Tôi nói « được », và xin cho xem đôi vòng chạm sẵn có của cô. Cô ta mở tủ lấy ra, toan trao cho tôi. Tôi có một vuông lụa trắng tinh khiết bỏ sẵn trong túi, bèn lấy lót trên bàn tay, rồi mới nhận lấy đôi vòng tự tay cô đặt lên vuông lụa. Tôi đem ra chỗ sáng, cô đi theo. Tôi nhắc xem thử đôi vòng nặng bao nhiêu, và cầm tuổi vàng cho thật đúng, ngắm xem những nét chạm cho thật đâu ra đó, còn vặn chỗ cái cổ ra coi thử có chữ hay dấu hiệu gì không. Xong rồi tôi trả đôi vòng lại và nói : « Bẩm bà lớn, đôi vòng này khéo lắm, chỗ cổ vặn ra vặn vào của nó có khắc cái chữ, bà lớn có để ý không ? » Cô ta nói : « Tôi biết, nó là chữ « ngọc ». Tôi nói : « Con có thể làm đúng y như thế, nhưng hôm nay con có việc riêng, không ở lại được, mười ngày nữa con xin đến làm hầu bà lớn, không dám sai hẹn ». Cô ta đồng ý.

Nói đến đó, anh ta nổi ngáp một ngoi đôi ba cái, rồi xin lỗi tôi cho lên ván đốt đèn hút mấy điếu, và mời tôi nằm đối diện nghe nói tiếp :

- Tôi về nhà, cày cục làm mất sáu bảy ngày mới xong một đôi vòng cốt giả mạ vàng. Đáng lẽ làm đồng thì được lợi nhiều hơn nhưng vì có chạm phải làm bằng bạc. Thành khi rồi, xem tuổi vàng nét chạm, cho đến cái chữ ở trong, đều y hệt như đôi vòng của cô Hoá-mộc, đem mà đánh tráo, có thánh cũng không biết...

Tôi ngắt :

- Đành rằng ông làm một cái rất giống, còn như đồng cân của đôi vòng, tức là sức nặng của nó, ông biết là bao nhiêu mà làm cho đúng được ?

- Ấy thế mới là tài. Anh ta cười híp mắt mà không ra tiếng. Chính ăn người là ở chỗ đó. Bất kỳ thứ kim khí gì, tôi nhắc nhắc trên tay khắc biết đồng cân của nó đúng không sai. Chẳng tin, ông tháo cái dây chuyền đồng hồ đưa đây xem.

Tôi tháo ngay cái dây chuyền để trước mặt anh ta. Kéo xong điều thuốc, anh ta đăng hăng một cái, ngồi dậy, cầm dây chuyền trên tay nhắc nhắc một cái, rồi đứng dậy đi lấy cái cân tiểu-ly đưa cho tôi, nói quả quyết :

- Ông biết mặt cân chứ ? Cân xem. Cái dây chuyền này nếu nó là vàng thì nó nặng hơn, nhưng nó là đồng mạ vàng cho nên nó chỉ có ba chỉ tám.

Tôi cân, quả thật, ba chỉ tám hơi yếu một chút, song đem vào chỗ ba chỉ thì hơi vát. Tôi kêu lên :

- Thế thì tài thật, xin chịu.

Anh ta lại nói :

- Còn một chỗ bí quyết nữa. Ông biết, vàng nặng hơn các thứ kim khí khác, nghĩa là vàng, bạc, đồng, chì cùng một thể tích thì trọng lượng của vàng phải nhiều hơn. Vậy thì mình muốn cho đồng cân của đôi vòng giả bằng đôi vòng thật, mà cái vóc của nó cũng chỉ bằng đôi vòng thật, không

to hơn, thế mới là khó. Nhưng cái đó có thực hành mới cắt nghĩa được, nói miệng sơ ông cũng không hiểu.

Nghỉ một lát anh ta kể tiếp đến cuộc đánh tráo :

- Đúng mười ngày tôi lại đến. Hai bên thoả thuận với nhau về điều kiện làm việc rồi, cô ta mở tủ lấy đôi vòng và vàng điệp ra đặt trên sạp, rồi gọi tôi đến đứng bên cạnh cô xem cô cân. Cân đôi vòng nặng một lạng hai – tôi chắc dạ lắm, vì đôi vòng giả của tôi cũng đúng một lạng hai – cho nhích một chút, định giao cả cho tôi. Tôi chưa nhận, xin cho xem đôi vòng đã. Cô ta đứng dậy cầm bó vàng điệp cả chỗ một lạng hai cất vào tủ. Trong lúc đó tôi lấy đôi vòng giả ra đặt trên bàn tay trái, đẩy vuông lụa trắng lên trên. Khi cô ta quay ra đưa đôi vòng cho tôi, tôi chìa bàn tay có vuông lụa trắng ra nhận lấy cũng như lần trước. Tôi đi ra chỗ sáng ngồi xuống làm bộ xem lại đôi vòng, cô ta cũng đi theo. Xem xong tôi đứng lên. Cô ta sắp lưng đi về chỗ sạp. Tôi đi sau, lật cả vòng và vuông lụa từ bàn tay trái qua bàn tay phải, thành ra đôi vòng giả nằm trên, cứ thế mà trả lại cô ta, và tôi gấp nhanh vuông lụa có đôi vòng thật ở trong mà bỏ vào túi. Cô ta hỏi : « Chứ chú thợ không giữ lấy để làm mẫu à ? » Tôi nói : « Bẩm bà lớn, con xem hai lần như thế đủ rồi, xin đảm bảo làm thật đúng. » Cô ta khen : « Hèn chi mà nổi tiếng là thợ khéo. Tôi nhờ ông Phủ Điện viết trát đòi chú là vì có bà Phủ mách miệng. » Bấy giờ chừng mười giờ sáng tôi xin đi ra mua thuốc phiện rồi trở lại nhận vàng điệp bắt đầu làm. Ra đến chợ Vĩnh-diện, tôi đem đôi vòng chạm vàng mười chính hiệu của « bà lớn » gửi cho một người anh em « đồng đạo ». Tôi không quên câu tục ngữ : « Có gian phải có ngoan ».

- Ông ăn cắp chỉ có thể, hay là lúc trở lại làm còn ăn cắp nữa ? Tôi hỏi.

- Không, tôi dại gì mà ăn cắp nữa. Trong những ngày làm, cô ta ngồi giữ một bên, không phải vì thế mà tôi không ăn cắp được, có điều tôi đã định bụng không ăn cắp. Khi làm xong, tôi hỏi muốn khắc chữ gì ? Cô ta ngẫm nghĩ rồi bảo : « Tôi là người Hoá-mộc, khắc chữ « mộc » cho tôi ».

Tôi khôn ở chỗ đó. Bởi vì hai đôi vòng giống nhau như hệt, có khắc chữ khác nhau để làm dấu thì mai sau đôi giả có xì ra, hăn mới không có thể ngờ được là do đôi tay tôi làm. Cho đến bây giờ tôi cũng còn ân hận là, như thế, sẽ làm cho ông bạn đồng nghiệp nào của tôi, đã làm cho hăn đôi vòng thật đó hóa ra là người thợ bất lương thiện, nhưng ông tính, đã giết người ai còn gớm chấy máu !

- Ông làm cái việc như thế có nhiều lần không ?

- Kể ra cũng không ít. Nhưng tôi đều ăn cắp ở bọn ăn cướp như Tổng-đốc, Bô-chánh, Án-sát, Phủ, Huyện, chính cái bà Phủ nói lúc nãy đã mất với tôi mấy lạng vàng mà không biết, đi « mách miệng » cho kẻ khác. Những việc như thế tôi cũng chẳng giấu, cứ hay đem nói với người khác cũng như nói với ông đây, cho nên mang tiếng, chứ thuở nay đã có ai bắt được tôi ăn cắp đâu ?

Hỏi đến sự đúc súng, làm bạc giả, anh ta bảo :

- Tôi có nấu sắt được đâu mà đúc súng ? Nhưng chữa súng thì có. Hồi tôi ở Đà-nẵng, các thứ súng liệt máy của Tây thường đem thuê tôi sửa. Bạc giả thì tôi có làm, nhưng tính ra không có lợi gì mấy, về sau tôi không làm nữa.

Năm Chuột còn nói cho tôi nghe về tính chất của các thứ loài kim và phép hợp kim, như đồng và kẽm mỗi thứ bao nhiêu, hợp nhau thành ra thứ gì, đồng và thiếc bao nhiêu, hợp nhau thành ra thứ gì, nghe ra thông thạo như người có học chuyên môn. Tôi lấy làm lạ bèn hỏi :

- Ông có học với thầy nào mà biết được những điều ấy là những điều mà các thợ bạc khác hầu như không biết ?

Anh ta vùng ngồi dậy, cười, ra chiều đắc ý, vỗ vào đùi tôi :

- Xưa nay mới có một người hỏi tôi câu ấy, là ông ! Tôi chẳng học với thầy nào hết, tôi chỉ có đọc một cuốn sách là Kim thạch chí biệt.

Tôi sửng sốt, nghĩ bụng : té ra anh này còn biết chữ nữa kia. Cái tên sách ấy tôi chưa hề nghe, cũng không dám ngờ là anh ta bịa đặt. Một hôm khác, tôi hỏi thầy tôi có biết cuốn Kim-thạch chí biệt không, thầy tôi cũng chịu không biết, và hỏi tôi nghe ở đâu, tôi kiếm đường nói trở chữ không dám nói nghe ở Năm Chuột. Cho mãi đến gần nay, đọc Lỗ Tấn toàn tập, tôi mới thấy trong đó có nhắc đến tên cuốn sách ấy. Tôi nghĩ mà lấy làm thẹn, sao mình đã không biết mà lúc bấy giờ không hỏi ngay anh ta, chỉ vì nghĩ mình là người học thức, viết báo viết biếc, mà tỏ cái dốt trước mặt một anh thợ bạc thì ê quá.

Đó về sau mấy năm, mỗi năm tôi ở Hà-nội hoặc Sài-gòn về thăm nhà, đều có đến với anh ta. Anh ta còn in trong đầu tôi mấy câu chuyện lý thú và bất ngờ nữa.

*

Năm Chuột từng nói với tôi rằng từ rày anh ta không nói những chuyện như đã phê bình cậu tôi một cách không nể nang, nhưng rồi lại chứng nào tật ấy, vẫn không cải nết.

Một lần, phê bình nhân vật làng tôi, anh ta chê ông Tú nọ dốt, ông Bá kia keo kiệt, cuối cùng anh ta nói : « Tôi chỉ phục có hai người một là ông Biện Chín, hai là ông Tám Thứ ».

Ông Tám Thứ, người Minh-hương, ở ngụ làng tôi, nghèo, chuyên nghề làm thuốc, ít hay giao du với ai, tôi không biết ông ta cho lắm. Còn ông Biện Chín, tên thật là Phan Định, chú ruột tôi, cha của Phan Thanh, Phan Bôi.

Chú tôi là dân trảng, nghèo, cố gắng lắm mới cho con đi học được, nhưng đúng là người « cần kiệm liêm chính », lại khẳng khái nữa, chính tôi cũng phục chú tôi mà sợ thầy tôi. Tôi không tham gia ý kiến gì, chứ ngấm ngầm chịu anh ta là biết người, phê bình đúng. Nhưng, trước mặt tôi mà nói như thế, tôi ngờ anh ta có ngụ một thâm ý là anh ta không phục thầy tôi.

Thầy tôi đã đỗ đại khoa, làm quan, bỏ quan về làng, cầm cân nảy mực cho cả làng, cả tổng, không có mang tai tiếng gì, nếu anh ta không lấy làm đáng phục, chắc anh ta thấy về khía cạnh nào đó. Từ đó tôi đâm ra áy náy, hoặc giả cha mình cũng có khuyết điểm gì như cậu mình, làm cho người ngoài phi nghị mà mình không biết chằng. Tôi có đem hỏi chú tôi và thuật lại lời Năm Chuột khen phục chú, thì chú tôi trách tôi sao lại đi nghe chuyện của Năm Chuột. Thì ra chú tôi cũng có thành kiến đối với Năm Chuột như thầy tôi, như những người làng.

Lần khác, bỗng dưng anh ta hỏi tôi :

- *Quan lớn nhà ta (chỉ thầy tôi) sao lại không làm quan nữa ? Ông có nhớ lúc ngài bỏ quan mà về là bao nhiêu tuổi không ?*

Tôi lấy làm lạ sao hăn lại hỏi mình điều ấy. Song cũng cứ theo mình biết mà trả lời :

- Thầy tôi tuổi Tuất, cái năm cáo bệnh mà về là năm Kỷ-hợi, mới có ba mươi tám tuổi. Sở dĩ không làm quan nữa, có lẽ là tại không chịu làm với Tây.

Cho đến lúc tôi ngoài hai mươi tuổi, thầy tôi vẫn coi tôi như trẻ con, những việc như thế chưa hề đem nói với tôi. Có điều một đôi khi tôi thoáng qua dư luận bên ngoài, nhất là lúc ở Hải-phòng gặp Lê bá Cử, ông ấy có kể cho tôi nghe khi ông làm phán sự tòa sứ Nha-trang, thầy tôi làm Tri-phủ, có lần cãi nhau kịch liệt với viên công sứ, chính ông đứng ra làm thông ngôn, thì tóm tắt mà trả lời như vậy. Nhưng Năm Chuột hỏi vặn tôi một câu rất oái oăm :

- Ở làng này còn có hai ông nữa đều làm đến tri huyện, đều bỏ quan mà về trước tuổi hữu trí, vậy thì ông cũng cho rằng hai ông ấy cũng không chịu làm quan với Tây hay sao ?

« Thằng cha khó chịu thật » tôi nghĩ bụng. Không biết đối đáp thế nào với hăn, tôi phải nói một câu mà tự mình cũng thấy là non nớt quá :

- Việc hai ông ấy thì tôi không biết.

Anh ta vẫn cười cái lối xỏ lá rất khả ố. Ngọt cơn cười mới bình tĩnh nói :

- Tôi cũng có nghe và biết về chánh tích và nhân phẩm của quan lớn nhà ta, nhưng tôi lại có một sở kiến khác, nói ra, ông đừng tưởng tôi cố ý làm đôi vòng thật thành ra đôi vòng giả thì tôi mới nói.

- Thì ông cứ nói đi.

- Làng Bảo-an, người ta nói, không có đất phát quan lớn, mà kinh nghiệm xưa nay rành rành như thế. Từ trước bao nhiêu ông làm đến tứ phẩm trở lên đều bị cách tuột hết. Cho nên từ Đồng-Khánh, Thành-Thái đến giờ ông nào cũng làm đến phủ huyện rồi kiếm cách từ chức mà về. Nếu nói không chịu làm quan với Tây thì không làm từ đầu, chứ không có lẽ lúc mới ra làm, không biết rằng mình sẽ làm với Tây. Hai ông huyện kia cây cụt mãi đến ngoài bốn năm mươi tuổi mới về, còn quan lớn nhà ta về sớm là vì mới ba mươi tám tuổi đã làm Tri-phủ.

Tôi làm như không để ý gật gật nhìn anh ta kỳ thực tôi cho là cái sở kiến của anh ta đó, không biết chừng là độc đáo. Làng tôi, tây giáp làng Đông-mỹ, đông giáp làng Xuân-đài, hai làng này đều có Tổng-đốc, mà làng tôi, thi đỗ thì đông, đại khoa cũng có, nhưng không có quan to. Thuở Tự-Đức, ông Nguyễn duy Tự làm đến phủ doãn Thừa-thiên, ông nội tôi làm đến Án-sát Khánh-hoà, cũng đều bị cách. Tôi không tin phong thủy, nhưng đó là sự thực. Hoặc giả các ông quan làng tôi, trong đó có thầy tôi, thấy thế mà sợ, làm đến phủ huyện lo rút lui cũng nên. Huống chi cái luận chứng của Năm Chuột rõ ràng mà đánh thép lăm, tôi bấy lâu trau dồi cái đức tính ngay thực của người viết báo, tôi không thể cãi chày cãi cối được.

Tôi thấy chắc chắn lắm, vì tôi biết chịu chuyện cho nên anh ta thích nói chuyện với tôi, còn anh ta, hay nói cái lối móc ruột móc gan người ta như thế, cho nên họ mắng anh ta là nói láo nói phét.

Có một sự rất lạ. Một lần tôi đến chơi, vẫn ngồi trên đòn kê xem anh ta làm việc, liếc thấy trong cái thùng đựng đồ nghề có quyển sách, tôi thò tay lấy xem, thì là một cuốn *Thương-Sơn thi tập* không có bìa, đã xé mất nhiều trang. Tôi hỏi :

- Ông cũng có sách này à ? Nó là một bộ mười cuốn sao ở đây chỉ có một cuốn ?

- Tôi có mà tôi xé để quần thuốc lá hết, chỉ còn một cuốn, bởi vì in bằng giấy quyển, quần thuốc tốt lắm.

- Ông có xem qua chứ ?

- Thơ của ông Hoàng mình xem thế nào được ? Tôi chỉ xem được một bài *Mại trúc diêu*.

Tôi phát lạnh người. Tôi có đọc thơ *Thương-Sơn* rồi, tôi cũng không thích, nhưng cái bài *Mại trúc diêu* là bài thế nào, tôi có biết đâu ? Chỉ vì giấu dốt, tôi lại cứ làm thinh, không hỏi anh ta.

Về nhà, tối hôm ấy, tôi lật bộ thơ *Thương-Sơn* ra tìm, tìm được bài *Mại trúc diêu*. Về sau, tôi dịch ra đăng báo *Phụ nữ tân văn* sau nữa, đem in trong *Chương-Dân thi thoại*. Lục ra đây để bạn đọc thưởng thức cái mức thưởng thức văn học của anh thợ bạc :

Bài hát bán tre

*Ngày đốn hai cây trúc,
Bán đi để dẫn bụng,
Trong cửa tre đầy kho.
Ngoài cửa tiền chẳng cho.
Không nói thì cũng khổ,
Nói thì roi dài sẽ quật chú.
Rày về sau đừng đốn tre nữa,
Đói nằm trong tre chết cũng đủ !*

Từ khi biết Năm Chuột có biết chữ Hán nhiều, xem sách xem thơ được rồi, tôi có lúc đem văn học nói với anh ta, anh ta chỉ nghe và hỏi chứ không tỏ ý kiến. Tôi có ý trách. Anh ta giải thích thế này : « *Người ta, cái gì biết ít thì chỉ nên nghe chứ không nên nói, tôi không nói chuyện văn chương chữ nghĩa với ông, cũng như ông không dạy nghề thợ bạc cho tôi.* »

Anh làm thợ bạc, nhưng cũng kiêm thợ rèn nữa mà là thợ rèn rất khéo. Những dụng cụ của anh ta như cái kìm, cái búa, cái kéo, anh ta đều đi đến lò bể rèn ngồi tự đánh lấy. Cái đó thì ở làng tôi có nhiều người biết, cái kìm của anh ta đánh, ai cũng chịu là không kém của Tây.

Năm 1944, tôi ở Hà-nội, về nhà được mấy hôm thì thầy tôi mất. Làm đám xong, tôi ở luôn trong nhà ba bốn tháng không ra khỏi cổng. Buồn quá, một hôm tôi đi tìm anh ta. Đến nơi, cái túp tranh không có nữa. Hỏi thì người ta nói Năm Chuột dọn đi đâu đã lâu rồi. Từ đó tôi mất Năm Chuột của tôi.

Một lần, trước mặt ông Tú già, anh Giáp, trong làng gọi Năm Chuột bằng ông, ông Tú đập bàn quả : « *Mày gọi thẳng Năm Chuột bằng ông, thì gọi tao bằng gì ?* » Tôi nghe mà tức mình, cho nên bài này, tôi nêu đầu đề là *Ông Năm Chuột*.

PHAN KHÔI

(*Trích báo Văn, số 36 ra ngày 10-1-1958*)

Ông bình vôi

Khắp nước Việt-nam có tục ăn trầu, cho nên ở đâu cũng có bình vôi.

Theo như tôi biết, ở vùng quê chúng tôi, có hai thứ bình vôi. Đầu bằng đất nung cả, mà một thứ giống như cái hũ nhỏ, duy cổ eo, miệng loa, cho nhà trung thường dùng ; một thứ bình tròn mà dẹt bằng, trên có quai xách, miệng ở về một bên, toàn thân tô màu lục hoặc màu vàng, cho nhà sang

dùng. Cả hai đều để đựng vôi trong lòng nó. Nhưng mỗi khi cho vôi vào, người ta lại cũng dùng vôi đắp cái miệng nó cho cao lên.

Nhà tôi, hồi bà nội tôi còn sống ; có cái bình vôi hạng sang ấy. Mỗi khi mua vôi ở chợ về, bà tôi ngồi tỉ mỉ lấy cái chìa quẹt vôi nhét vào miệng nó, gọi là « cho Ông Bình ăn ». Và lâu lâu lại tắp thêm cái miệng nó một lần, hóa nên cái miệng càng ngày càng chêu vêu ra.

Thứ bình vôi thường, dùng chìa bằng tre, những thứ bình vôi sang, bao giờ cũng dùng chìa bằng sắt, ở thân cái chìa đôi khi lại có đeo một lưỡi dao để rọc trâu.

Nhà khác thế nào tôi không biết, còn nhà tôi, tối lại, bà tôi cứ rút cái chìa ra để ra một nơi khác. Làm như thế, bà tôi cắt nghĩa rằng « Ông Bình » linh lắm, đêm hôm có kẻ trộm, kẻ đạo « Ông » sẽ mách cho mình, mà nếu để cái chìa lấp cái miệng thì không mách được.

Tôi nói, « nhà tôi có một cái bình vôi » không đúng. Nói đúng là từ hồi nhỏ cho đến năm tôi hai mươi lăm tuổi, bà tôi chết, nhà tôi có ba bình vôi kế vị nhau. Bởi vì dùng lâu ngày, trong lòng nó đầy vôi khô cứng, miệng nó vì cứ đắp nên tum húm lại, không dùng được nữa, phải mua cái khác.

Lúc đó nhà tôi có một cái trang thờ Tam vị ; ở giữa là Phúc đức chính thần, hai bên là Thổ công và Táo công. Hễ cái bình vôi nào bị thải ra thì bà tôi bảo đem đặt trên cái trang ấy, thờ nhân thế.

Sự thờ phượng như thế, không phải chỉ riêng một nhà tôi đâu. Cả làng, nhà nào có bình vôi thải ra, cũng đều đem đặt trên các tường thành đình hoặc chùa ; như thế, người ta cho rằng thờ « Ông Bình » đó.

Cái bình vôi, tại sao lại gọi bằng « Ông » ? Đọc từ đầu đến đây, bạn đọc đã biết. Ở vùng quê chúng tôi, mà có lẽ cả nước Việt-nam cũng vậy, vật gì nó có thể làm hại mình được thì gọi bằng « ông », vật gì nó to hay sống lâu năm thì cũng gọi bằng « ông ».

Con cạp ăn thịt mình được, gọi bằng « Ông cạp », con khỉ phá hoa màu mình được, gọi bằng « Ông trưởng », con chuột, cắn quần áo của mình được, gọi bằng « Ông tí ». Cái đầu rau, dùng năm mười năm mới thay cái khác, gọi bằng « Ông núc », cái che, to, đường kính của nó có khi gần đến một mét, gọi bằng « Ông che ». Người Việt-nam về sau thế nào chưa biết, chứ về trước, hễ vật gì làm hại được hoặc lớn hơn hoặc nhỏ, vật gì sống lâu và to xác thì gọi bằng « Ông » để tỏ lòng tôn kính, sùng bái.

Tôi có phạm một cái tội hồi mười tám tuổi, bây giờ tôi xin kiểm thảo và thú nhận.

Năm tôi mười tám tuổi, tôi không tin nữa. Một đêm mùa hè, gió Nam như bão, sáng trắng mờ mờ, tôi rủ mấy thằng bạn lứa tuổi với tôi đi chơi dọc đường cái làng, đi qua đình và chùa, bao nhiêu « Ông bình vôi » thờ trên tường thành chúng tôi đều hất một loạt xuống đất cả. Sao lại làm như thế ? Chúng tôi cứ làm như thế, không cần có lý luận. Nhưng, vài hôm sau, trở lại xem, không biết là do tay ai, thấy đều đặt lại tề chỉnh trên tường thành.

Tuy vậy, đó không phải cái tội riêng một mình tôi. Bây giờ bọn thiếu niên chúng tôi hầu như đứa nào cũng có thể làm như thế được cả. Nếu ngày tôi phải tự kiểm thảo, thì lũ thiếu niên ấy, bạc đầu rồi, cũng phải tự kiểm thảo như tôi.

Tóm lại, cái bình vôi, vì nó sống lâu ngày, lòng nó đặc cứng, miệng nó bít lại, ngồi cú rữ trên trang hoặc trên tường thành, cũng như pho tượng đất hoặc trên tường thành, cũng như pho tượng đất hoặc gỗ không nói năng, không nhúc nhích, thì người ta tôn thờ sùng bái mà gọi bằng « Ông ».

Tôi viết cái bài khảo cứu nhỏ này cốt để cắt nghĩa mấy câu thơ của Lê-Đạt :

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi

Y như một cái bình vôi

*Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại*

PHAN KHÔI
(*Trích Giai phẩm mùa Thu, tập I*)

LƯU TRỌNG LƯ

LƯU TRỌNG LƯ sinh năm 1912 tại làng Cao-lao hạ, huyện BỐ-trạch, thuộc tỉnh Quảng-bình (Trung-phần). Học trường Quốc-học Huế đến năm thứ ba, ra Hà-nội học tư rồi đi làm báo. Hiện còn sống ở Hà-nội.

Lưu trọng Lư là một nhà thơ thuộc phái mới và có nhiều tư tưởng lãng mạng trong làng thơ tiền chiến. Lưu trọng Lư chính thức bước vào làng thơ từ năm 1932 ; chủ trương Ngân sơn tùng thư, Huế (1933-1934). Mãi đến năm 1939 ông cho xuất bản tập thơ Tiếng thu do Nhà xuất bản Hà-nội ấn hành. Ngoài tập Tiếng thu, người ta không thấy tập thơ nào khác của Lưu nữa cả. Thơ của ông thường thấy đăng trong báo nhiều hơn là xuất bản thành sách. Ông đã viết giúp cho các báo : Phụ nữ tân văn, Phụ nữ thời đàm, Tiến hoá, Hà-nội báo, Tân thiếu niên, Tao đàn, Phổ thông bán nguyệt san.

Ngoài thơ ra, Lưu trọng Lư, còn viết cả tiểu thuyết như :

- Con đười ươi (Phổ-thông bán nguyệt san xuất bản tại Hà-nội)
- Từ thiên đàng đến địa ngục (P.T.B.N.S. xuất bản)
- Nàng công chúa Huế (P.T.B.N.S. xuất bản)
- Cô Nguyệt (P.T.B.N.S. xuất bản)
- Một người đau khổ (P.T.B.N.S. xuất bản)
- Cô gái tân thời (P.T.B.N.S. xuất bản)
- Cô nhung (P.T.B.N.S. xuất bản)
- Người Sơn-nhân, truyện ngắn do Ngân-sơn xuất bản tại Huế năm 1933
- Huyền-không động Hồi ký xuất bản tại Nam-định năm 1935
- Chạy loạn do Librairie Centrale Hà-nội xuất bản năm 1939
- Một tháng với ma do nhà Lê Cường xuất bản tại Hà-nội 1940
- Chiếc cáng xanh do nhà Tân Dân xuất bản tại Hà-nội 1941

Năm 1945, trong giai đoạn chiến tranh, Lưu trọng Lư cũng như bao thanh niên khác gia nhập phong trào kháng chiến chống Pháp. Sau khi chiến tranh chấm dứt năm 1954, ông ở lại Hà-nội cùng chung số phận với một số văn, nghệ sĩ khác, sống trong vùng kiểm soát của chính quyền Bắc-Việt. Chính vì thế, nền thi ca Việt-nam đành coi như Lưu trọng Lư đã chết hẳn trong tâm tưởng mọi người yêu thơ mà lý do là hoàn cảnh hiện tại khiến Lưu trọng Lư không còn bản chất của một con người nghệ sĩ như ngày nào. Hình ảnh hiền lành của « con nai vàng » – danh hiệu mà những thi nhân thời ấy đã đặt cho Lư – đã phai dần trong lòng khách yêu thơ, và hiện nay có nhắc đến tên cũng chỉ là một Lưu trọng Lư trong những ngày tiền thế chiến.

Sau phát súng cách mạng của Phan Khôi mở màn kỷ nguyên mới nền thi ca đất nước, người hưởng ứng trước tiên là Lưu trọng Lư ; hưởng ứng một cách cụ thể bằng hai sáng tác gởi đăng ngay trên báo *Phụ nữ tân văn*, bài thơ mới *Trên đường đời* ký Lưu trọng Lư và một bài nữa ký Thanh-Tâm nhan đề *Văng khách thơ*¹⁷. Chúng tôi sưu tầm để cống hiến quý bạn đọc :

Trên đường đời

*Lần bước tiếng gieo thăm, bóng kia ai lủi thủi ?
Lẳng lẳng với sương gieo, im lìm cùng gió thổi,
Không tiếng, không tăm, không thừa, không hỏi
Không hát, không cười, không than, không tủi.
Lặn đận với năm canh, bóng kia ai lủi thủi,
(Lưu trọng Lư)*

Văng khách thơ

*Năm vừa rồi
Chàng cùng tôi
Nơi vùng giáp Mộ*

*Trong gian nhà cỏ
Tôi quay tơ.
Chàng ngâm thơ.
Vườn sau oanh giục già,
Nhìn ra hoa đua nở,
Dừng tay tôi kêu chàng :
« Nay, này ! bạn ! xuân sang. »
Chàng nhìn xuân mặt hớn hờ
Tôi nhìn chàng lòng vồn vã...
Rồi ngày lại ngày
Sắc màu : phai
Lá cành : rụng
Ba gian : trống
Xuân đi
Chàng cũng đi.
Người xưa không thấy tới.
(Thanh-Tâm tức Lưu Trọng Lư – LNS)*

Như thế cho phép ta xếp theo thứ tự sự xuất hiện đầu tiên của những bài thơ mới như sau : thứ nhất : *Tình già* ; thứ nhì : *Trên đường đời* ; thứ ba : *Văng khách thơ*. Kế tiếp là những thi bản của Nguyễn thị Manh-Manh, Hồ văn Hảo và một dòng thi nhân đồng kiến tạo một thế vững chắc cho nền thơ mới vừa khai sinh.

Lưu trọng Lư là một chiến sĩ hăng say đã giành phần thắng và quyết tâm tìm một chỗ đứng cho thơ mới trên thi đàn Việt-nam. Ông đã viết nhiều bài báo bênh vực, cổ vũ thơ mới, đăng đàn diễn thuyết tại nhà Học-hội Qui-nhơn. Ông còn gởi hai bức thư lên Khê-thượng đòi thảo luận về thơ mới với Tản-Đà ¹⁸ .

Chẳng những là một chiến sĩ tiên phong hăng say trong việc bảo vệ nền thơ mới, Lưu trọng Lư còn có một nhãn quang bén nhạy, cảm nhận

trước tiên mọi trạng thái biến chuyển từng giai đoạn, trong lãnh vực thi ca ông luôn luôn hướng dẫn tư tưởng của thế hệ thanh niên lúc bấy giờ.

Đây, ta hãy nghe những vần thơ Lưu trọng Lư thách thức các cụ làng nho :

Thơ thách họa các cụ đồ

(Liên hệ với phong trào thơ mới)

*Đôi lời nhả nhủ bạn làng Nho
Thơ thần thần thơ khéo thần thờ
Con cóc Nghè Huỳnh đuôi cộc lóc
Nàng thơ Ấm Hiếu mũi thò lò
Chai to chai nhỏ con cầy béo
Câu thánh câu thần đĩa mực khô
Nắn nét miễn sao nên bốn vế
Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ¹⁹ .*

Ý tưởng mới mẻ của Lưu trọng Lư còn bộc lộ qua bài diễn thuyết tại Học-hội Qui-nhơn (16-2-1934) mà thời bấy giờ các thanh niên tân tiến vẫn chưa ai có đủ can đảm nhìn nhận trạng thái tâm hồn của thế hệ mình. Lưu trọng Lư nói :

« ...Các cụ chỉ thích cái bóng trắng vàng giọi lên mặt nước, chúng ta lại chỉ thích cái ánh mặt trời buổi sáng lấp lánh, vui vẻ ở trên đầu ngọn tre xanh. Các cụ ưa màu đỏ choét, chúng ta lại ưa màu xanh nhạt. Một dòng máu chảy làm cho các cụ rùng mình, còn chúng ta, chỉ một chiếc quan tài phát giấy đỏ lững lững đi dưới bóng mặt trời ban trưa lại làm cho ta rờn ớn. Các cụ bang khuâng vì tiếng trùng kêu đêm, chúng ta lại nao nao vì tiếng gà gáy đúng Ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn ngây thơ, các cụ cho là điều tội lỗi, chúng ta cho là mát mẻ, như đứng trước một cánh đồng xanh ngắt... Đối với chúng ta thì tình cảm có thiên hình vạn trạng, cái tình say

đắm, cái tình thoáng qua, cái tình thân thiết, cái tình ảo mộng, cái tình ngây thơ, cái tình già giận, cái tình trong giây phút, cái tình nghìn thu... »

Thay mặt lớp người trẻ, sẵn chứa trong người nguồn sống dồi dào, Lưu Trọng Lư dám nhìn thẳng vào thế hệ già nua, can cổ và hét lên : « ...*Chúng tôi là lớp người trẻ, là lớp người đang sống. Chúng tôi có quyền sống, và sống cho chúng tôi. Hỡi già nua, chết chóc, đừng bắt chúng tôi phải phụng sự cái thế giới ma quái của các người.* »

Nhưng... tiếng thét gào ấy chưa tan luồng âm hưởng, Lưu Trọng Lư đã nhận thức được ngay bộ mặt thực của vũ trụ. Cái gì cũng : có để mà không, trẻ để rồi già, thực để rồi mộng... và những gì mà lớp trẻ cho là quyền sống của họ chỉ là một khoảng không gian hư ảo...

Thơ Lưu Trọng Lư đi từ câu kết đến tan vỡ, từ thực đến mộng. Với một nhân sinh quan vừa vỡ lẽ, tiếng thơ của Lưu Trọng Lư hàm súc tiếng thở dài, nỗi ghen ngào, niềm đau thương. Trạng thái tâm hồn khắc khoải, băng khuâng ấy được cô đọng thành « *Tiếng thu* », trong đó hình ảnh con nai vàng ngơ ngác, giẫm lên những chiếc lá vàng kêu xào xạc... vẫn mãi mãi làm rung động cõi lòng người đọc như gợi một niềm luyến tiếc xa xôi.

Trong hồi chập chững của nền thơ mới, ta không còn lý lẽ nào để phủ nhận sự góp công quan trọng của Lưu Trọng Lư bằng những vần thơ trong sáng, đượm buồn, bằng một nhạc điệu vấn vương, êm đềm.

Cho ra đời thi phẩm *Tiếng thu*, Lưu Trọng Lư đã chiếm trọn vẹn cảm tình nồng nhiệt và lòng ngưỡng mộ của khách yêu thơ, và củng cố ngôi vị của mình trên thi đàn Việt-nam từ ngót 30 năm nay.

Từ đó về sau, tuy Lưu Trọng Lư có lần lượt sáng tác nhiều bài thơ khác, nhưng không làm sao người ta quên được *Tiếng thu*.

Người ta đã không lầm khi nhận định tiếng thơ của Lưu Trọng Lư là tiếng nói xa xôi, nửa hư nửa thực. Hồn thơ của Lư là những gì mờ ảo, huyền hoặc, xa xăm. Lưu Trọng Lư có những cái nhìn mông lung, những

tiếng thở dài không trọn vẹn ; tư tưởng của nhà thơ đất Quảng là những gì mờ ảo, lúc ẩn, lúc hiện, có rồi không, không rồi có. Đôi khi đọc thơ của Lữ ta thấy gần như thoát trần, qua những phút giây đó, Lưu trọng Lữ đã đưa người xem vào thế giới xa lạ : thế giới của mộng, của mơ, của nhớ thương.

Tiếng thơ của Lưu trọng Lữ gợi cảm là ở chỗ đó, và người yêu thơ cũng thích thơ của Lưu trọng Lữ là ở đó.

Như đa số thi nhân khác, Lưu trọng Lữ cũng chịu ảnh hưởng nhiều trong vấn đề tình ái, những bài thơ tình của họ Lưu sáng tác chiếm hầu hết tập thơ của thi nhân. Tiếng thơ của Lưu trọng Lữ thật êm đềm, nhưng cũng có vẻ đau đớn, xót xa. Nổi tiếng nhất là những bài *Tiếng thu*, *Mộng Oanh Oanh* và *Một mùa đông*.

Đây ta hãy nghe Lưu trọng Lữ tâm sự :
Đêm qua nằm mộng thấy Oanh Oanh,
Bừng sáng trong gương bóng hiện người.
Bẽ bàng không biết quen hay lạ,
Bỗng rộn phòng tây một mái cười.

Vào ngay đầu bài thơ, Lưu trọng Lữ đã giới thiệu giấc mộng đẹp của mình, trong đêm, thi sĩ đã có điểm phúc được biết tên người con gái trong mộng là Oanh Oanh ; nhưng biết, chưa hẳn là đủ, thi nhân ngỡ ngàng không hiểu nàng đã gặp mình ở đâu và cũng không biết đó là người quen hay lạ, chỉ biết rằng trước mặt thi sĩ, nàng là một thiếu nữ duyên dáng, dịu dàng đã đến với mình trong một giấc mơ, tiếng cười còn vang động đâu đây, và người trong mộng thoáng hiện rồi ra đi, để lại cho thi nhân nỗi buồn thương tiếc nhớ. Hình ảnh thiếu nữ yêu kiều nào đó đã làm cho lòng thi nhân ngây ngất, đắm say, chừng khi tỉnh mộng thi nhân cảm thấy mình đã mất mát ít nhiều di sản của tình yêu :

Cõi trần mừng tượng bóng tiên nga,
Không biết còn đây hay đã xa.

*Dáng hiện trong gương rồi vụt biến,
Gối chăn còn kể mộng đêm qua...*

Khi cuộc giao tình ngắn ngủi ấy đến với thi nhân, Lưu Trọng Lư không từ chối, không che đậy giấu diếm những sự thực của một khách tình si dù chỉ là trong mộng, thi nhân đã nhớ kỹ :

*Nàng đến cùng ta trong một hôm,
Cây đàn Quân Thụy gửi ta ôm,
Khi mơ không biết người thiên cổ,
Duyên chỉ cùng mình có một hôm.*

Mặc dù một đêm nhưng lại là một đêm mang nhiều kỷ niệm nhất trong đời, nên thi nhân không tiếc gì đã phung phí tất cả, chỉ vì tình yêu :

*Một đêm hoang phí biết bao nhiêu,
Man mác hương hoa ngọc cũng nhiều.
Nến đốt cũng tràn, trầm cũng ngát,
Phí bao tươi thắm, bao tình yêu...*

Rồi cứ đêm đêm, thi nhân vẫn ngồi chờ mong, thương tưởng đến hình bóng giai nhân, nhưng chờ mãi mà người yêu không đến, thi nhân ngạc nhiên tự hỏi :

*Chẳng có hôm nào như hôm nay,
Đến giờ hoa chẳng được hương bay.
Người ngàn năm cũ bao giờ nữa ?
Pháo rượu đầy nhà chẳng hứng say...*

Qua những đoạn thơ trên, chúng ta thấy Lưu Trọng Lư là người sống nhiều với nội tâm hơn ngoại giới.

Tình yêu trong thơ của Lưu Trọng Lư là một tình yêu thầm kín, mơ mộng, yêu thương nhưng không bao giờ dám thổ lộ để rồi vì một lẽ này hay một lý do khác, người yêu xa vắng, thi nhân thở than, hối tiếc ngàn đời :

*Yêu hết một mùa đông,
Không một lần đã nói.
Nhìn nhau buồn vời vời,
Có nói cũng không cùng.*

để rồi tình yêu như con tàu tách bến :

*Em ngồi bên song cửa
Anh đứng tựa tường hoa,
Nhìn nhau mà lệ ứa
Một ngày một cách xa...*

Người yêu xa rồi, trong phút giây, bản năng bảo tồn tình ái bùng sống, thi nhân chột thốt lên thành lời ước nguyện như cố níu đôi chút hy vọng mong manh :

*Em là giải Ngân-hà,
Anh là chim ô thước,
Sẽ bắc cầu nguyện ước,
Một năm một lần qua.*

Với những khổ đau tuyệt vọng, Lưu trọng Lữ tự ví mình là loài chim ô thước, nguyện bắc nhịp cầu yêu đương nối lại bến bờ ngăn cách như câu chuyện Ngưu-lang Chức-nữ trong huyền thoại Trung-hoa mà chính tác giả là chàng mục đồng xấu số. Và khi tình yêu không trọn vẹn, thi nhân chỉ còn mong người yêu là cô em gái để an ủi cõi lòng :

*Em chỉ là người em gái mà thôi,
Người em sâu mộng của muôn đời.
Tình em như tuyết giăng đầu núi.
Văng vặc muôn thu nét tuyệt vời.*

Tuy nói thế nhưng thi nhân vẫn âm thầm đau khổ với chính mình, nỗi buồn ở nội tâm dần vạt, khi phải nhớ lại những kỷ niệm xưa :

*Ngày một, ngày hai cách biệt nhau,
Chẳng được cùng em kê gối sầu.
Khóc chuyện thế gian cười ngặt nghèo.
Cùng cười những chuyện thế gian đau.*

Nhớ hôm nào chia tay :

*Nhớ hôm tiễn biệt buồn say đắm
Em vẫn đùa nô uống rượu say.
Em có biết đâu trời vắng lạnh,
Lạnh buồn như ngọn gió heo may.*

Nhớ đến ngày đi, nhớ đến chung rượu buồn khi tiễn biệt :

*Tuy môi em uống lòng anh say,
Lời em càng nói càng chua cay.
Anh muốn van em đừng nói nữa,
Lệ buồn sẽ nhỏ trong đêm nay.*

và khi định mệnh đã cách ngăn, thi nhân không muốn thề thốt với nhau để làm gì, thôi thì đành phó mặc cho đời :

*Hãy xếp lại muôn vàn ân ái,
Đừng trách nhau, đừng ái ngại nhau,
Thuyền yêu không ghé bến sầu,
Như đêm thiếu phụ bên lầu không trăng.*

và tình yêu đã thế, thôi thì cứ buông trôi :

*Hãy như chiếc sao băng, băng mãi,
Để lòng buồn buồn mãi không thôi.*

Những mảnh tình vu vơ, mơ hồ, mộng ảo, có rồi không, không rồi có, nó chập chờn như hình ảnh mỹ nhân trong chuyện Liêu-trai, vậy mà mỗi lần nó đến gõ cửa tim, thi nhân liền đáp ứng ngay không một đắn đo. Trường

hợp điển hình như thế, tưởng không thiếu trong thơ của Lữ, chúng tôi xin đơn cử vài thí dụ :

Suối mây

*Mời em lên ngựa với anh,
Nường theo bãi sậy qua ghềnh suối mây.
Em ăn hộ quả sim này,
Năm sau sim chín nhớ ngày lại lên.
Nói đi
Nói đi em mãi làm duyên,
Quê em ở Xá ? Tên em là gì !
Mời em xuống tắm suối mây,
Em phơi áo lụa trên cây sim này.
Ừa ! sao má đỏ hây hây ?
Ái ân đã đến tự ngày nào em ?*

Chỉ gặp một nàng con gái bên bờ suối, chưa biết tên tuổi là gì, quê quán ở đâu, thế mà Lữ đã nói chuyện yêu thương và mời người đẹp đến với mình thì thật là thi sĩ họ Lữ nhiều tình cảm và nhiều mơ mộng :

*Không biết tên nàng, biết tuổi nàng,
Mà sao trong dạ cứ mang mang !*

Mơ nhiều là đặc tính của họ Lữ. Nhưng mơ ắt hẳn là không thực, mà thực là không phải mơ, nên đã khiến tâm hồn thi nhân buồn vui lẫn lộn. Ta hãy nghe Lữ giải bày tâm sự :

*Chuyện ân ái dành khi nhàn rồi,
Cười cũng hay mà khóc cũng hay.
Không vui ta cũng cùng vui gượng,
Và không buồn ta, cũng bị buồn lây.*

Chờn vờn mãi theo bóng dáng tình yêu để rồi phải bị khước từ, khiến thi nhân đắm ra buồn đời, bất mãn với người, với hoàn cảnh ; đâu đâu Lưu trọng Lư cũng chỉ thấy toàn là một màu đen tối, đầy giả dối, nên không còn thiết nghĩ gì đến cuộc đời của chính mình với chuỗi ngày buồn lê thê, nên thi nhân mới mượn chung rượu mong nhờ cái vị đắng cay của men để đổi lấy những phút giây say sưa, chuyển choáng và cái tình trắng gió mung lung, hầu lãng quên và dứt khoát với dĩ vãng khổ đau. Ta hãy nghe Lưu trọng Lư than thở :

*Mời anh cạn hết chén này,
Trăng vàng ở cuối non tây ngậm buồn.
Tiếng gà đã rộn trong thôn
Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay ;
Để lòng với rượu cùng say,
Chừ đây lời nói chua cay lạ thường.*

hay :

*Ồ, sao rượu chẳng kể môi ?
Lời đâu kiều diễm cho nguôi lòng chàng ?
Tay em nâng chén hoàng hoa,
Sá gì hớp rượu, vì ta bận lòng.*

Đã say hơi men lại còn muốn say cả hương tình nữa :

*Hãy gượng lắng nghe dòng sông chảy,
Gió đưa trăng trên bãi lạnh lùng.
Sá chi hớp rượu, bận lòng,
Đợi gì mới nhấp rượu nồng mới say ?
Hãy nhích lại đưa tay ta nắm,
Hãy buông ra đắm thắm nhìn nhau.
Rồi trong những phút giây lâu,
Mắt sầu gợn sóng, lòng đau rộn tình.*

(Giang hồ)

Mãi miết tìm lãng quên trong chén rượu thâm đêm, thi nhân đã không làm tròn bốn phận gia đình, và chính Lưu trọng Lư tự thú :

*Tiếng gà đã gáy mau trong xóm,
Bình minh đã rạng khóm tre còn.
Trông nàng môi nhạt màu son,
Giật mình ta nhớ vợ con ở nhà.*

nên thi nhân tủi thẹn và tỏ ra hối hận, Lưu thầm nhủ như lời tự nguyện :

*Từ đây chẳng bao giờ phiêu lãng,
Niềm thê nhi ngày tháng quen dần.
Đòi phen nhớ cảnh phong trần,
Bóng người ẩn hiện xa gần đâu đây.
Tưởng nghe tiếng gọi nơi hồ hải,
Mắt lệ mờ ta mãi trông theo.
Trong buồng bỗng tiếng con reo,
Vội vàng khép cửa gió heo lạnh lòng.*

Cứ mãi vẫn vương những bóng sắc hảo huyền mà không bao giờ được thoả nguyện, thi nhân mới quay về thực tại, yên sống trong niềm vui gia đình để xóa nhòa dĩ vãng đau thương, nhưng chính những lúc cố tìm quên lãng lại là những lúc thi nhân thường hay bắt gặp những hình ảnh của quá khứ chập chờn, ẩn hiện như cố tình trêu ghẹo. Đây ta hãy nghe Lưu trọng Lư nước nở :

Mưa... mưa mãi

*Mưa mãi, mưa hoài !
Lòng biết thương ai !
Trăng lạnh về non không trở lại...*

*Mưa chi mưa mãi !
Lòng nhớ nhung hoài !
Nào biết nhớ nhung ai !

Mưa chi mưa mãi !
Buồn hết nửa đời xuân !
Mộng vàng không kịp hái.

Mưa mãi mưa hoài !
Nào biết trách ai !
Phí hoang thời trẻ dại.

Mưa hoài mưa mãi !
Lòng biết tìm ai !
Cảnh, tường đầy nơi quan tái.*

Thi nhân than thở khi niềm thương nỗi nhớ dày xéo tâm tư. Một chuỗi buồn gần như bất tận cứ ám ảnh mãi thi nhân trong những chiều mưa buồn rả rích.

*

Tóm lại, Lưu Trọng Lư là thi nhân có một tâm hồn buồn thương man mác, những vần thơ của Lưu Trọng Lư thường ghi dấu những nỗi khắc khoải của tâm tư, những tiếng thở than cho tình duyên, cho cuộc đời ngang trái. Thơ của Lưu Trọng Lư là tiếng nói của những người sống nặng về nội tâm mà nhẹ về ngoại giới... Tiếng thơ có tác dụng mãnh liệt khiến người đọc bị lôi cuốn vào thế giới đầy mơ và mộng, gần như thoát tục.

Ngày nay cuộc đời Lưu Trọng Lư đã rẽ sang lối khác. Tiếng tơ lòng của thi nhân không còn phản ánh được những gì thi nhân muốn nói, muốn mơ, muốn mộng. Ta còn đâu nghe tiếng lá rừng thu kêu xào xạc dưới bước chân con nai vàng, và thấy dáng điệu ngơ ngác khi nó dừng lại nhìn lên bầu trời cao rộng pha màu mờ nhạt của trăng thu.

THI TUYỂN²⁰

Thú đau thương

*Tình đã len trong màu nắng mới,
Lòng anh buồn vời vợi, em ơi !
Niềm yêu rung động đôi môi,
Tình đầy khôn lựa được lời thắm tươi.*

*Đã héo lăm nụ cười trong mộng,
Đã mờ mờ lăm bóng thân yêu,
Đã làm tím cả cảnh chiều,
Trong hồn lặng đã hiu hiu mộng tàn.*

*Để chẵn gổn yên nằm chỗ cũ,
Hãy lịm người trong thú đau thương.
Giờ đây ta đốt nén hương,
Trên tay ta buộc giải tang cho tình.*

Mộng Oanh Oanh

*Đêm qua nằm mộng thấy Oanh Oanh,
Bừng sáng trong gương bóng hiện người.
Bẽ bàng không biết quen hay lạ,
Bỗng rộn phòng tây một mái cười.*

*Cõi trần mừng tượng bóng tiên nga,
Không biết còn đây hay đã xa.
Dáng hiện trong gương rồi vụt biến,
Gổn chẵn còn để mộng đêm qua.*

Nàng đến cùng ta trong một hôm,

Cây đàn Quân Thụy gửi ta ôm.
Khi mơ không biết người thiên cổ,
Duyên chỉ cùng mình chỉ một hôm.
Một hôm hoang phí biết bao nhiêu,
Man mác hương hoa ngọc cũng nhiều,
Nến đốt cũng tràn, trầm cũng ngát,
Phí bao tươi thắm bao tình yêu.

Khi mơ không có sầu ly biệt,
Khi tình không còn lúc biệt ly.
Khi yêu không biết đây là mộng,
Lúc tỉnh ra thì mộng đã đi.

Chẳng có hôm nào như hôm nay,
Đến giờ hoa chẳng được hương bay.
Người ngàn năm cũ bao giờ nữa ?
Pháo rệu đầy nhà chẳng hứng say.

Dầu có trắng về ở trước sân,
Giấc mộng người hoa chỉ một lần,
Dầu mộng có mời người chẳng đến,
Cung đàn thêm nặng tiếng tơ ngân.

Nắng mới

Tặng hương hồn Thầy Me
Mỗi lần nắng mới hắt bên song,
Xao xác gà trưa gáy náo nùng,
Lòng rười buồn theo thời dĩ vãng,
Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ Me tôi thuở thiếu thời,
Lúc Người còn sống, tôi lên mười ;

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,
Áo đỏ Người đưa trước dậu phơi.
Hình dáng Me tôi chữa xóa mờ,
Hãy còn mường tượng bóng vào ra :
Nét cười đen nhánh sau tay áo,
Trong ánh trưa hè trước giậu thưa.

Thơ sầu rụng

(Tặng Hoài-Thanh, người bạn đầu tiên đã đưa lại cho ta cái hương vị
say nồng của cuộc đời và của văn chương)

Vầng trăng từ độ lên ngôi,
Năm năm bến cũ em ngồi quay tơ.
Để tóc vương vần thơ sầu rụng,
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo.
Năm năm tiếng lụa xe đều...
Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây.
Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay
Mùi hương hàng xóm bay đầy mái đông.
Nghiêng nghiêng mái tóc hương nồng,
Thời gian lặng rớt một dòng buồn tênh.

Lại uống

(Gửi P. H)

Anh đã dặn em đừng uống nữa
Vì đâu anh đã lại say rồi !
Hãy cho anh trái lời em dặn
Một lần và lần nữa mà thôi.
Những từ xưa không hề nhấp rượu

Hiền vui như gió lướt bên cầu,
Anh chỉ say sưa màu tuyết diệu
Thơ dầu ra, rượu chứa lúc vào.

Nhưng hôm nay em ạ ! hôm nay
Anh thấy em buồn, buồn đắm say
Không hỏi – có bao giờ anh hỏi
Anh chỉ nhìn mà lòng ngất ngây.

Ai chặt hộ mình những chốn song,
Cho vai kề vai, lòng bên lòng,
Cho lệ em rơi, khăn anh ướt
Cho mắt đẹp nữa lúc mơ mòng.

Lời thêm một nút, thắt một nút
Một bước xa ra một bước gần
Đã biết không mong còn mãi đợi
Như người thiếu nữ bên sông Ngân.

Chuyện ái ân dành khi nhàn rồi
Cười cũng hay mà khóc cũng hay,
Không vui ta cũng cùng vui gượng,
Và không buồn, cũng bị buồn lây.

Chỉ một lần và lần nữa thôi
Và ly này, và ly nữa với,
Cho anh trái nửa lời em dặn
« Vì em chỉ là em gái thôi »

Hôm qua

Hôm qua bạn ạ ! Ta chiêm bao :
Gò ngựa bên sông, dưới gốc đào
Sớm ấy, đông qua đào chín ửng

Ta trèo vịn hái trên cành cao.

Đàng xa bỗng thấy dò em lại
Sông lặng em bơi nhẹ mái chèo,
Lộng lẫy trong màu xiêm áo biếc
Như nàng tiên nữ động Quỳnh-diêu.

Em ca theo điệu người sơn nữ
Cắt cỏ bên đồi, giọng líu lo
Vùn vụt gió lên, tà áo nháy
Sóng xô, vỗ nhẹ dưới khoang dò.

Thấy ta ngừng hát, em cười lả
Ta thưởng vật em một quả đào
Ta ngỏ nhờ em đưa qua bến
Em cười, ta vội xuống cây mau.

Than ôi ! ngoảnh lại, biển đâu rồi !
Còn vắng bên đồi giọng hát thôi
Sao chẳng, em ôi ! chậm chậm lại
Cho duyên tình ấy gửi đôi lời...

Giật mình ta thấy bờ hơi lạnh :
Mộng đẹp bên chẵn đã biến rồi !
Muốn gọi tên nàng nhưng ái ngại
Ngoài thềm lác đác bóng hoa rơi.

Nàng còn lưu lại chút hương xa
Tạ lòng ta tặng mấy vần thơ.
Thơ ta cũng giống tình nàng vậy
Mộng, mộng mà thôi ! mộng hão hờ.

Điệu huyền

Những điệu huyền bay, lạc khắp thôn

Từng nhà, đây đó hẹn nhau buồn,
Có cô dâu mới nhìn sông nước
Sức nhớ quê nhà giọt lệ tuôn.

Một chút tình

Chưa biết tên nàng, biết tuổi nàng,
Mà sâu trong dạ đã mang mang.
Tình yêu như bóng trắng hiu quạnh,
Lạnh lẽo đêm trường, giải gió sương.

Ta chỉ xin em một chút tình,
Cho lòng thắm lại với ngày xanh.
Sao em quên cả khi chào đón,
Tình ái, chiều Xuân, đến trước màn ?

Rộn rã cười vang một góc lầu,
Ngây thơ em đã biết gì đâu !
Đêm khuya trăng động trong cây lá,
Vò vò ta se mấy đoạn sầu.

Lác đác ngày xuân rụng trước thềm,
Lạnh lùng ta dỗi bước chân em,
Âm thầm ấp mối xa xa... vọng,
Đường thế đâu tìm bóng áo xiêm ?

Đợi đến luân hồi sẽ gặp nhau,
Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau,
Chờ anh dưới gốc sim già nhé !
Em hái đưa anh đoá mộng đầu.

Gió

(Le vent se lève, il faut tenter de vivre, P.VALÉRY)

*Gió lộng bốn phương
Giang hồ rượu ngấm
Xa vời bể thăm
Một kiếp mênh mông
Ba mươi sáu bến bênh bồng !
Thuyền ơ neo chưa buồn cắm
Mang mang nỗi buồn nghìn dặm.*

Tiếng thu

(Tặng bạn Văn)

*Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thốn thức ?
Em không nghe rạo rức
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ ?

Em không nghe rừng thu,
Lá thu kêu xào xạc,
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô ?*

Giang hồ

(Tặng Nguyễn và Hoàng
hai vị anh hùng của một ngày mưa gió)
*Mời anh cạn hết chén này,
Trăng vàng ở cuối non tây ngậm buồn.
Tiếng gà đã rộn trong thôn
Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay ;
Để lòng với rượu cùng say,*

Chừ đây lời nói chua cay lạ thường !
Chừ đây đêm hầy đầy sương,
Con thuyền còn buộc, trắng buông lạnh lùng !
Chừ đây trắng nước nảo nùng,
Chừ đây hoa cỏ bên sông rữ buồn.
Tiếng gà lại rộn trong thôn...
Khoan đừng tơ tưởng vợ con chuyện nhà.
Giờ đây còn của đôi ta,
Giang hồ rượu ấy còn pha lệ người.
Ồ sao rượu chẳng kể môi,
Lời đâu kiêu diễm cho nguôi lòng chàng ?
Tay em nâng chén hoàng hoa,
Sá gì hớp rượu vì ta bận lòng.
Hãy gượng lắng nghe dòng sông chảy,
Gió đùa trắng trên bãi lạnh lùng.
Sá gì hớp rượu bận lòng
Đợi gì môi nhấp rượu nồng mới say ?
Hãy nhích lại đưa tay ta nắm
Hãy buông ra đắm thăm nhìn nhau.
Rồi trong những phút giây lâu,
Mắt sâu gợn sóng, lòng đau rộn tình.
Phút giây ấy, ta mình ngây ngất,
Bỗng con thuyền buộc chặt, rời cây.
Cho ta khát chén rượu này,
Vì ta em hãy lựa dây đoạn trường.
Khoan để đốt chút hương trầm đã !
Đợi trầm bay rộn rãi lời ca...
Nghe xong ta ngắm trời xa,
Dòng sông Ngân đã nhạt màu từ lâu.

Tiếng gà đã gáy mau trong xóm,
Bình minh đã rạng khóm tre cồn.
Trông nàng môi nhạt màu son,
Giật mình ta nhớ vợ con ở nhà,
Từ đây chẳng bao giờ phiêu lãng.
Niềm thê nhi ngày tháng quen dần
Đòi phen nhớ cảnh phong trần :
Bóng nàng ẩn hiện xa gần đâu đây.
Tưởng nghe tiếng gọi nơi hồ hải,
Mắt lệ mờ ta mãi trông theo,
Trong buồng bỗng tiếng con reo
Vội vàng khép cửa gió heo lạnh lòng.

Đêm ấy rượu nàng ta không uống,
Từ sau thề không uống rượu ai.
Đòi phen ngồi ngóng chân trời
Chẳng bao giờ nghĩ đến đời phiêu lưu
Ngoan ngoãn như con cừ non dại,
Cỏ quanh vườn cần mãi còn ngon.
Sau lưng nghe tiếng cười giòn,
Vội vàng ngoảnh lại... thằng con vẫn cười.
Nó đưa ra một chai rượu bé,
Bảo rằng : « Đây, rượu mẹ dâng cha »
Giật mình ta mới nhớ ra :
Là ngày Sinh-nhật vợ ta đó mà !
Ta uống chẳng hóa ra lỗi hẹn,
Mà từ nan đâu vẹn đạo chồng !
Than ôi ! trời giá đêm đông,
Máu du tử thực bên lòng hết sôi ?
Chén lại chén kề môi thủ thủ,

Càng vơi càng túy lúy càng đầy !
Lúc tỉnh rượu lặng ngồi bên án,
Trông vào gương, lẫn trán có vôi,
Vợ con khúc khích đứng cười,
Còn ta vô ý lệ rơi xuống bàn.
Hết say vẫn bàng hoàng trong mộng,
Xót xa thay cái giống giang hồ !
Ngón đàn thêm một đường tơ,
Mà người sương gió nghìn thu nhọc nhằn.
Thôi rồi ra chốn nước non,
Lòng son lại để số con chim trời.
Thú hồ bể quyến mời du tử.
Niềm thê nhi khôn giữ được người,
Biết sao trái ngược tính trời,
Giang hồ cốt ấy, trọn đời phiêu linh...

.....

Hôm nay ngồi rũ canh trường,
Nơi thuyền trọ, rượu quỳnh tương ai mời
Người dưng rượu xa nơi trần giới,
Lạnh lòng thay gió thổi đêm đông !
Tuy người đã khuất non sông,
Mặt hoa lãnh đãng như lông dưới trăng.
Mường tượng thấy tung tăng cười nói,
Như tưởng chừng người mới hôm qua !
Nào hay nghìn cổ cách xa.
Tài tình đến thế mà ra hảo huyền !
Họa còn chút : trong thuyền dấu cũ,
Cây đàn tranh mốc ủ trên phen,
Phím long, dây đã rỉ rên,

Còn nguyên trên gỗ ghi tên họ người.
Nàng xưa vốn một loài trắng gió
Cũng vì vương víu nợ cầm ca.
Một đi lìa cửa lìa nhà,
Năm xương tàn lạnh phương xa gửi nhờ.
Đêm nay họa có mình ta,
Đốt hương trầm cũ chờ ma dạo đàn.

Một mùa đông

I

Đôi mắt em lặng buồn,
Nhìn thôi mà chẳng nói
Tình đôi ta vời vợi
Có nói cũng không cùng.

Yêu hết một mùa đông
Không một lần đã nói
Nhìn nhau buồn vời vợi
Có nói cũng không cùng.

Trời hết một mùa đông
Gió bên thềm thổi mãi
Qua rồi mùa ân ái :
Đàn sếu đã sang sông.

Em ngồi trong song cửa
Anh đứng dựa tường hoa
Nhìn nhau mà lệ ứa
Một ngày một cách xa.

Đây là giải Ngân-hà
Anh là chim ô thước

Sẽ bắc cầu nguyện ước
Một đêm một lần qua.
Để mặc anh đau khổ
Ái ân giờ tận số
Khép chặt đôi cánh song !
Khép cả một tấm lòng

II

(Tặng Đ. C.)

Em là gái trong khung cửa
Anh là mây bốn phương trời
Anh theo cánh gió chơi vơi
Em vẫn nằm trong nhung lụa.
Em chỉ là người em gái thôi
Người em sầu mộng của muôn đời
Tình em như tuyết giăng đầu núi
Văng vặc muôn thu nét tuyết vời.

Ai bảo em là giai nhân
Cho đời anh đau khổ ?
Ai bảo em ngồi bên cửa sổ
Cho vương vếu nợ thi nhân.

Ai bảo em là giai nhân
Cho lệ tràn đêm xuân ?
Cho tình tràn trước ngõ,
Cho mộng tràn gối chăn ?

III

Ngày một ngày hai cách biệt nhau
Chẳng được cùng em kê gối sầu,
Khóc chuyện thế gian cười ngặt nghẽo,

Cùng cười những chuyện thế gian đau.

Ngày hôm tiễn biệt buồn say đắm

Em vẫn đùa nô uống rượu say.

Em có biết đâu đời vắng lạnh,

Lạnh buồn như ngọn gió heo may.

Môi em đượm sắc mùi nho tươi

Đôi má em hồng chứa nụ cười

Đôi mắt em say màu xán lạn,

Trán em để lỏng làn tóc rơi.

Tuy môi em uống lòng anh say

Lời em càng nói càng chua cay

Anh muốn van em đừng nói nữa

Lệ buồn sẽ nhỏ trong đêm nay.

IV

Hãy xếp lại muôn vàn ân ái

Đừng trách nhau, đừng ái ngại nhau,

Thuyền yêu không ghé bến sầu

Như đêm thiếu phụ bên lầu không trăng,

Hãy như chiếc sao băng, băng mãi

Để lòng buồn, buồn mãi không thôi.

Tình điền

(Tặng các bạn cũ và những ngày qua)

Mười bảy xuân em chưa biết sầu

Mối tình đưa lại tự đâu đâu...

Em xinh, em đẹp, lòng anh trẻ

Dan díu cùng nhau giấc mộng đầu.

Tình trong như nước biển trong xanh,

Huyền ảo như trăng lọt kẽ màn,
Phơi phới như hoa đùa nắng sớm,
Rạt rào như sóng vỗ đêm thanh...

Hôm ấy trăng thu rụng dưới cầu,
Em cười, em nói suốt canh thâu
Yêu nhau những tưởng yêu nhau mãi
Tình đến muôn năm chữa bạc đầu...
Ngày tháng trôi xuôi với ái ân...
Bên cầu lá rụng đã bao lần !

.....

Tình ái hay đâu mộng cuối trời...
Nhầm nhau giây lát hận muôn đời.
Kẻ ra non nước, người thành thị
Đôi ngã tình đi, người mỗi nơi.

Hôm nay ngồi ngắm ở bên sông
Ta được tin ai mới lấy chồng
Cười chữa dứt câu, tình đã vội...
Nàng điên « trên gối mộng » người thương.

Ta mơ trong đời hay trong mộng ?
Vùng cúc bên ngoài, động dưới sương
Ta dí đôi tay vào miếng kính,
Giật mình quên hết nỗi đau thương...

Ta hát dăm câu vô nghĩa lý :
Lá vàng bay lá vào buồng ta.
Ta viết dăm câu vô nghĩa lý,
Người điên xem đến hiểu lòng ta.

Sứ giả

(Tặng một họa sĩ giang hồ)

Một đêm mưa gió rộn ràng,
Vô tình ta đã bên giường Quý-phi
Phi chợt tỉnh : « Đi từ đâu lại ?
Mới ở đây hoặc tới từ lâu ? »
Rằng đi từ độ vào thu,
Gió thu về chậm, cuộc du trẽ tràng
Em : « sứ giả Minh-Hoàng người cũ,
Chốn ngọc cung mái phủ sâu che,
Tình đi : ngấn để lựa the,
Tình đi, đi mãi mộng về tình không. »
Nghe ta nói động lòng sùi sụt,
Nửa vạt sâu che vội mặt hoa.
Thần thờ Phi ngắm rừng xa
Mà khi ngoảnh lại thì ta không còn.
Là chim sứ giả,
Em bay từ bể cả đến ngàn sâu,
Bay cùng sáu đảo ba châu,
Tìm hoa cho gió, đón sâu cho thơ.
Tiếng cánh vỗ trong giờ ly biệt.
Nghe vội vàng bi thiết bao nhiêu
Lang thang núi bạc mây chiều...

Thuyền mộng

(Tặng H.)

Dưới chân không nghe chèo vỗ sóng
Thuyền bơi trong cõi mơ lồng lộng
Muốn ca, nàng chỉ lặng thầm ca,

*Ngại ngùng sợ gió chim xao động.
Thuyền bơi trong quăng trời xanh ngắt,
Thăm xa, xa thăm một màu lơ
Nhìn cây thăm trời xa chóng mặt
Van nàng cầm lại chiếc thuyền mơ.
Ta hỏi nàng còn bơi chẳng nữa ?
Khẽ nghiêng đầu nàng rĩ tai ta :
« Còn bơi, bơi nữa, bơi xa nữa
Lúc khắp trời phủ ánh sao sa... »
Bập bênh vẫn trôi trên mây bạc,
Thuyền trôi đã quá giải Ngân-hà,
Giật mình nàng nhìn ta ngỡ ngác :
Không biết còn trôi bến nào xa ?
Quanh ta vẫn xanh màu gợn sóng
Quanh ta thăm thăm một màu xanh
Buông chèo nàng cùng ta tha thiết
Nhìn lại nhìn nhau bờ ngỡ tình.*

Túp lều cũ

(Tặng Thanh-Thủy)

*Từ buổi Thạch-Sùng sạch hết khổ
Thế gian còn ai khoe giàu có.
Hôm nay họa có vợ chồng tôi
Cùng bảo : ta giàu một túp cỏ.
Buổi mai kia một cặp uyên ương
Nhắm bến Ngân-sơn ghé con thuyền
Ai cũng bảo là khách du ngoạn
Như con bướm bướm tiết đầu thiên,*

Thấy non sông đẹp, dừng một phút
Xem mỗi mắt rồi lại đi liền.
Nào hay đã nặng tình với bến,
Ngày một ngày hai, thuyền đậu yên.
Lận đận mấy thu mưa lẫn gió
Đã thấy đầu non một cảnh tiên
Nhà cỏ ba gian, vườn một khoảnh
Có hồng, có táo, có đào tiên
Lủi thủi tháng ngày hai chiếc bóng
Ra vào may có gió trăng quen.
Cũng có lúc giờ chồng sách cũ
Kể vai nhau hầu chuyện Thánh hiền
Cũng có lúc xem tờ nhật báo
Đọc chuyện năm châu cười ngả nghiêng.
Một buổi trung thu chồng thử vợ :
Đôi ta sớm nặng thú thiên nhiên,
Hãy đợi lúc răng long đầu bạc
Về đây ngồi ngắm bóng trăng lên
Danh lợi chờ ta nơi thềm ngọc
Cỏ cây bịn rịn ấy sao nên
Một khoảng vườn con trao thú giữ,
Ba gian nhà cỏ mặt rêu in...
Nghe chồng nói, vợ cười khanh khách :
À anh còn lắm nợ trần duyên !
Anh trẻ anh về nơi gió bụi
Em già em ở lại non tiên,
Tuổi em non mà lòng chẳng trẻ
Sự đời như đã trải bao niên
Về đi tuổi trẻ còn hăng hái :

Có danh, có giá, có bạc tiền
Về đi tuổi trẻ còn hăng hái :
Có chị phù dung, cuộc đỏ đen...
Giữa nơi cát bụi anh lăn lộn,
Ở non cao, em phóng mắt nhìn,
Thôi ân ái đành khi tái ngộ !
Tình em đã nguyện với chim quyên.

Xin rước cô em

Xin rước cô em bước xuống thuyền !
Thuyền tôi sắp trẩy bến thần tiên.
Cùng nhau ta phiêu dạt
Nơi nghìn trùng man mác,
Theo gió theo mù
Gửi kiếp phù du.
Lặng soi mình trên bể thẳm
Ta tuôn dòng lệ thắm.
Trên muôn dặm, dưới muôn trùng
Lòng ta phiêu diêu mung lung
Như hai làn mây biếc
Cùng tan nơi mờ mịt.

Hoàng hôn

Bên thành con chim con
Hót nỉ non
Giục lòng em bồn chồn
Buổi hoàng hôn
Em trách gì con chim con
Em oán gì con chim con ?

*Em chỉ hận :
Sao em ngỡ ngần
Để tình lang em lặn đận
Chốn xa xôi
Nơi tuyệt vời,
Trong lúc con chim trời
Bên em nó hát những lời...
...nước non.*

Chia ly

*Những ngày mưa lạnh gió lê thê
Ta muốn trần gian ngớt tiếng đi,
Ta muốn ngựa xe dừng rộn nữa
Âm thầm trong những buổi chia ly.*

Trăng lên

*Vầng trăng lên mái tóc mây,
Một hôm hồn lạnh, mơ say hương nồng.
Mắt em là một dòng sông,
Thuyền ta bơi lặng trong vòng mắt em.*

Cảnh thiên đường

(Tặng K.)

*Nhờ em chỉ hộ cảnh thiên đường
Ở tận miền âm hay cõi dương ?
Hay ở trong lòng người thiếu nữ,
Một chiều nhuộm đỏ ráng yêu đương ?*

Còn chi nữa

(Tặng ba nhà thi sĩ trẻ tuổi...)

Giờ đây hoa hương đại
Bên sông, rụng tươi bời
Đã qua rồi cơn mộng
Đừng vỗ nữa tình ôi !

Lòng anh đã rời rụng
Trên sông ngày tàn rơi.
Tình anh đã xế bóng,
Còn chi nữa em ơi ?

Còn đâu ánh trăng vàng
Mơ trên làn tóc rối ?
Chân nàng trên đường sỏi
Sương lá đổ rộn ràng.

Trăng nội vẫn mơ màng
Trên những vòng tóc rối ?
Đêm ấy xuân vừa sang
Em vừa hai mươi tuổi.

Còn đâu những giờ nhung lụa :
Mộng trùm trên bông
Tình ấp trong gối
Rượu tân hôn không uống cũng say nồng ?

Còn đâu mùi cỏ lạ
Ướt trong mớ tóc mây ?
Một chút tình thơ ngây
Không còn trên đôi má.

Trên bãi biển

Thừa lương khách đã vắng,

Trời nước mênh mông,
Duy còn bốn mặt nhìn nhau : lặng
Trên cát vô tình vạch chữ « Vân »
Tay vạch vừa xong sóng xóa dần.
Mim cười Vân sẽ nói :
« Người yêu Vân hỡi !
Sao người lại quá điên ?
Thân này cũng diệt, nữa là tên ? »
Tưởng được nhìn thu nhờ bãi cát,
Tan tác nào hay vì sóng bạc,
Cuộc trăm năm đừng có đa mang :
Tình nhân chung kiếp dạ tràng.

Bâng khuâng

Ta còn thấy bóng kẻ thơ ngây,
Xe chồn gối mỏi trở về đây,
Trên đường hiu quạnh khách đau khổ
Chán nản hung hăng nện gót giày
Ngàn liễu xanh xanh con cò trắng,
Lạnh lẽo xa vời ử rữ bay.

Ta còn thấy bóng kẻ thơ ngây,
Bể rau rạch suối tới am mây
Nắng trần chan chất, lòng tràn héo
Mịt mù dặm cát một chòm cây,
Dừng lại đây bóng im cửa Phật,
Dừng lại trong làn khói biếc bay
Dừng lại đây là nơi hiu quạnh
Là nơi nghe thấy tiếng cỏ cây
Là nơi quên những mùi trần sự

Là nơi quên những nỗi chua cay,
Nghe thấy tiếng ngọt ngào cõi Phật,
Rũ bụi trần, chàng dừng lại ngay
Trước Phật Đài, chàng lâm râm nguyện
« Tình xưa theo gửi, nước, mây trời ».

Một hôm thuyền định dưới gốc mai
Cảm thấy lòng vui chốc lại đầy,
Thần thờ tay lần tràng chuỗi hạt
Mà như lần những hạt chua cay...
Chàng vừa nghe tiếng chuông chùa nện
Lạnh lùng từng tiếng náo bên tai,
Lạnh lùng như người trong cung Quảng,
Bâng khuâng chợt nhớ cảnh trần ai.

Khi thu lá rụng

Em có bao giờ nói với anh
Những câu tình tứ thuở ngày xanh,
Khi thu lá rụng bên hè vắng,
Tiếng sao ngân nga vắng trước màn.

Em có bao giờ nghĩ tới anh,
Khi tay vin rủ lá trên cành ?
Cười chim cột gió, nào đâu biết :
Chứa chất lòng anh biết mấy tình ?
Lòng anh như nước hồ thu lạnh,
Quạnh quẽ đêm soi bóng nguyệt tà...
Ngày tháng anh mong chậm chậm lại,
Hững hờ em mặc tháng ngày qua...

Mùa đông đến đón ở bên sông,

Vội vã cô em đã lấy chồng,
Em có nhớ chẳng ngày hạ thăm :
Tình anh lưu luyến một bên lòng ?

Mộng chiều về

(Tặng người bạn cũ họ Phùng)

Một hôm ta đứng bên hồ Kiếm
Quanh ta rộn rịp biết bao người
Mà ta chỉ thấy người hôm ấy
In giữa không gian một nụ cười.

...Dang tay ta đón nàng vào dạ
Giật mình ăm phải cái không gian :
Dưới nước lâu đài tan tác vỡ
Bên bờ trơ lại giấc mơ tàn.

Lòng hồi ! nàng không còn đấy nữa.
Dưới nước sau cây chẳng thấy nàng.
Không biết còn mơ hay đã tỉnh :
Cảnh trời hôm ấy mờ mờ sương.

Nàng với ta chỉ thế thôi,
Theo dõi tơ duyên bốn góc trời...
Lúc mộng nhìn nhau cười ngật nghẻo,
Mộng tàn trên gối lệ hoen rơi.

O tiếp tế²¹

Vừa học u tờ
O đi tiếp tế
Hai mươi xuân trẻ
Chẳng học chi sâu

Nhìn trước nhìn sau
O qua đồn địch
O đi một mạch
Hỏi chị hỏi em
Tầm bước êm êm
Chui qua đường trốn
Lách sang bên đông
O hát O ca
Đồn địch đã xa
O cười O nói
Đường qua mấy đội
O sẽ nghỉ chân
Chẳng quân xa gần
O đi đi nữa
Bóng chiều vừa ngả
O lội sang khe
Quần ướt đầm dề
Bỗng O dừng bước
Mặt soi xuống nước
Cúc áo vội cài
Nhém lại tóc mai
Rồi O chợt thấy
Xuân gầy ba bấy
Da tuyết vàng khè
O sợ chồng chê
Nhưng O vẫn bước
Mình lo việc nước
Chồng chê « Mược » chồng
(1945, Lưu trọng Lư)

NGUYỄN THỊ MANH-MANH

NGUYỄN THỊ MANH-MANH là biệt hiệu, nữ sĩ thường ký tắt là *Manh-Manh*, tên thật là *Nguyễn thị Kiêm*, sinh năm 1914 tại tỉnh Gò-công (Nam-phần). Con của một công chức, tri huyện *Nguyễn đình Trị*, tục danh *Huyện Trị* ; ông cũng là một cây bút trong làng báo lúc bấy giờ.

Thuở nhỏ nữ sĩ *Manh-Manh* học ở trường Áo Tím, tức trường *Gia-long* ngày nay. Sau khi tốt nghiệp bằng *Thành-chung*, gặp ngay lúc những nhát búa đầu tiên của ông *Phan Khôi* khai sơn phá thạch cho nền thơ mới ; lúc bấy giờ nữ sĩ là phóng viên của một tờ báo ở Sài-gòn, một mặt cổ vũ cho thơ mới và sáng tác thơ theo lối phá thế, một mặt gây phong trào *Nữ-lưu* và *Văn-học*, đánh thức giới phụ nữ, khơi động nguồn máu văn học của các bà *Đoàn thị Điểm*, bà *Huyện Thanh Quan*, v.v...

Hòa nhịp, ta phải kể thêm nữ chiến sĩ, bà *Phan văn Gia*, đứng lên đòi giải phóng phụ nữ, đòi nam nữ bình quyền. Lại nữa, có *Bùi thị Út* với thiện chí cải tạo con người phụ nữ từ bấy lâu quan niệm phải éo lá, mảnh mai, cô hô hào phong trào *Phụ-nữ Thế-dục*.

Đây, ta có thể coi như một thời kỳ (từ 1932), những con người từ chốn buồng the đứng ra làm một cuộc cách mạng toàn diện mà nữ sĩ *Nguyễn thị Manh-Manh* đã đóng góp không nhỏ vào văn học nước nhà.

Sau cuộc khởi nghĩa 1945, khoảng 1950, nữ sĩ sang Pháp rồi không nghe thấy tin tức gì cho đến ngày nay.

*

Giữa lúc đô thành Sài-gòn đang sống trong khung cảnh trầm lặng, đột nhiên xuất hiện trên tạp chí *Phụ nữ tân văn* số 122 ngày 10-3-1932, một bài thơ mới đầu tiên mang tên *Tình già* với lời giới thiệu của nhà « sáng tạo » *Phan Khôi* như sau : « Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ ». Lúc bấy

giờ là thời kỳ hưng thịnh của báo *Phụ nữ tân văn* nên sức truyền bá rất rộng rãi. Sau đây, độc giả khắp ba kỳ lại biết thêm bài thơ mới thứ hai *Trên đường đời* (ký Lưu trọng Lữ) và thứ ba là *Văng khách thơ* (ký Thanh-Tâm nhưng cũng là Lưu trọng Lữ).

Sau ba bài thơ mới đầu tiên ra đời, kế tiếp là những thi bản của nữ sĩ Manh-Manh, thi sĩ Hồ văn Hảo v.v...

Lược qua, ta thấy trong hồi dậy men của nền thơ mới, nữ sĩ Manh-Manh là người đàn bà đầu tiên đáp ứng tiếng gọi đàn của nhà tiên phong Phan Khôi. Nữ sĩ hết đăng thơ, viết bài, lại đăng đàn diễn thuyết hô hào phong trào thơ mới. Sự cổ vũ nồng nhiệt của nữ sĩ Manh-Manh, Hoài-Thanh đã không ngần ngại viết :

« Từ hai tháng trước, hôm 26 juillet 1933, một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn thị Kiêm, đã lên diễn đàn Hội Khuyến-học Sài-gòn thành lập đến bấy giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng là lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế ».

Trong cuộc diễn thuyết này Nguyễn thị Manh-Manh có trưng ra làm điển hình bài thơ mới đầu tiên của cô như sau :

Canh tàn

*Em ơi, nghe lóng nghe
Gió đêm thoáng qua cửa...
Lụn tàn một góc lửa,
Lạnh ngắt chốn buồn the.
Gió đêm thoáng qua cửa...
Nào dạ để tử te
Lạnh ngắt chốn buồn the...
Em ơi, kêu chút lửa.
Nào dạ để tử te*

Gió ru ! « ...thiết chi nữa... »

Em ơi, kêu chút lửa

Rồi lại ngồi đây nghe.

Gió ru : « ...thiết chi nữa... »

Sụt sùi mấy cành tre

Em ngồi đây có nghe

Tơ lòng chị đứt nữa.

(Trích trong bài diễn thuyết tại

Hội Khuyến-học Sài-gòn ngày 26-7-1933)

*

Nổi gót là những diễn giả trong nước, các ông Lưu trọng Lư, Đỗ đình Vượng, Vũ đình Liên, Trương-Từu tổ chức những cuộc diễn thuyết với mục đích bênh vực lập trường thơ mới. Người chiến sĩ trẻ tuổi của chúng ta, cô Nguyễn thị Kiêm hay nữ sĩ Manh-Manh còn hăng say trong cuộc diễn thuyết tranh luận với ông Nguyễn văn Hanh (phái thơ cũ) tại Hội Khuyến-học Sài-gòn ngày 9-1-1935.

Thơ mới, chẳng những do cách phá thể đã làm long lở khuôn sáo xưa, mà còn gieo tư tưởng lãng mạn, bộc bạch quá lộ liễu nỗi lòng khao khát yêu đương mà bao thế kỷ nay người ta cố phong nhem trong thi ca. Vì thế, thơ mới vừa tượng hình liền va chạm ngay sức đề kháng mãnh liệt của phái thơ cũ.

Đã phải xốn xang như bị đinh châm chọc vào mắt khi đọc bài *Tình già* của Phan Khôi, lại còn gặp *Viếng phòng vắng* của nữ sĩ Manh-Manh, dưới nhan đề còn chưa thêm trong dấu ngoặc : « *Một lối thơ mới* » (nghĩa là còn hứa hẹn nhiều lối nữa) đã khiến phái thơ cũ lồng lộn điên tiết trước những dòng phá thể của một người con gái :

Gió lọt phòng không

Tạt hơi đông

*Lạnh như đồng
Ngồi mơ tưởng
Ngày xưa phát phưởng
Dấy động tơ lòng...*

... ..

*Gió lọt phòng không
Tạt hơi đông
Lạnh như đồng
Ngồi tơ tưởng
Tình xưa phát phưởng
Ấm dịu cõi lòng...*²²

Cũng như bài *Tình già* của Phan Khôi, *Trên đường đời* của Lưu Trọng Lư, những thi bản « sơ sinh » của nữ sĩ Mạnh Mạnh, ta có thể coi như những phát minh cơ khí hồi thế kỷ XIX. Nền thơ mới cũng đã trải qua bao cuộc chống đối cam go, chẳng khác nào chiếc xe hơi cổ lỗ đầu tiên đã bị xem như một quái vật kinh khủng khiến thiên hạ phải hốt hoảng chạy trốn hoặc như số phận chiếc tàu thủy đã bị những chú lái chèo đò ganh tức vì quyền lợi bị chạm, nên đập phá tan tành một sáng kiến và công trình khoa học. Cái tác dụng của phát minh không phải ở sự hữu dụng cấp thời của nó, mà là sự đặt để viên gạch đầu tiên cho một nền tảng.

Cứ thế, phong trào thơ mới bành trướng nhanh chóng trong toàn quốc, và được các cơ quan ngôn luận nhiệt liệt ủng hộ. Những thi tài mới lạ xuất hiện, cấu tạo những vần thơ theo thể điệu tân kỳ, lời thơ như từ ở một tư thế đang bị nén ép, bỗng vun vút bay tuyệt mù lên trời bao la của những tâm hồn vừa giải thoát. Nó là một khúc quanh bùng chói nhất trong lịch sử văn học nước nhà.

Chúng ta ngày nay nhìn lại việc qua, giữa cái cũ kỹ từ nghìn đời sừng sững như cổ thành kiên cố ; thế mà, bỗng chốc, một Phan Khôi táo bạo nổ

phát súng cách mạng thi ca ; người nữ chiến sĩ tiên phong anh dũng và hăng say hoạt động để bảo vệ và củng cố nền tảng thơ mới bén rễ và sống mạnh, ta phải kể Nguyễn thị Manh-Manh, một tay đã góp công lao không nhỏ cho nền văn học đất nước.²³

(Tháng 4-1968)

THI TUYỂN

Viếng phòng vắng

(Một lối thơ mới)²⁴

Gió lọt phòng không

Tạt hơi đông

Lạnh như đồng

Ngồi mơ tưởng

Ngày xưa phất phưởng

Dấy động tơ lòng...

Trái đã mấy trăng

Hồi nhện giăng

Với rêu lan

Tấm vách cũ

Từ khi người chủ

Một giấc lặng trang.

Tan nát vóc xưa

dưới mờ mưa

sương phủ dập !...

Đến hồn nàng

Thôi cũng bật đàn

Biết sao được gặp !...

Hò hẹn kiếp sau

lại tìm nhau.

Có dạng nào ?

Dẫu có tin

nàng sẽ tái sinh

ở vũ trụ nào ?

Thôi duyên có bấy

nhiều ngàn ấy !...

Hoa để tàn

trong trường sách

hơi lầy lách

Như thắm từ hàng ;

Nàng tựa đóa hoa

mà người ta

là quyển sách

lật nửa chừng

từ mỗi tờ, bưng

hương lên bay tách...

Gió lọt phòng không

tạt hơi đông

lạnh như đồng

Ngồi tơ tưởng

Tình xưa phất phưởng

Ấm dịu cõi lòng...

(Phụ nữ tân văn, số mùa Xuân, 19-1-1933)

Hai cô thiếu nữ

Hai cô thiếu nữ đi ra đồng

(Một cô ở chợ, một cô ở đồng)

Hai cô thiếu nữ đi ra đồng,

Một mảnh lụa hồng, một vốc vải đen.

Hai cô rủ nhau đi xuống đầm

(Cô đi chân không, cô đi dép đầm)

Hai cô rủ nhau đi xuống đầm,
Bóng lưa hồng tách bóng vải thâm.

Mỗi người, tay xách một giỏ mây,
Băng đi tha thướt dưới bóng nhành cây.
Mỗi người, tay xách một giỏ mây,
Cô này bắt cá, cô này hái hoa...

Rồi lại rủ nhau đi về.
Một cô nhẹ nhàng, một cô nặng nề.
Rồi lại rủ nhau đi về.

Giỏ cá cũng gần kề với giỏ bông.
Gặp bà lão khóc dựa bên đường,
Hai cô mới ngừng để hỏi tỏ tường.
Gặp bà lão khóc dựa bên đường,
Nghe tỏ tường cả hai động lòng thương.

Bà kia còn ba mụn cháu thơ,
Mồ côi cha mẹ, cùng bà bơ vơ...
Bà kia còn ba mụn cháu thơ,
Nhà tranh hết gạo biết nhờ cậy ai ?

Cô ở đồng tay đưa giỏ cá :
« Bà ơi, cá ni bán được giá cao. »
Cô ở đồng tay đưa giỏ cá :
« Bà lấy hết đi, bán được khá tiền. »

Lão bà nước mắt đổ chan òa
Thốt ra mấy lời cảm ân thật thà.
Lão bà nước mắt đổ chan òa
Rằng : « Cô thật là tiên xuống cứu tôi. »

Cô ở chợ tay đưa giỏ bông :
« Bà ơi, thứ này bán được tiền không ? »

Cô ở chợ tay đưa giỏ bông :
« Nếu bà muốn bán, cho bông cháu bà. »
Bà lão cười rồi lại nói vầy :
« Ở đồng có ai mua chi thứ này ! »
Bà lão cười rồi lại nói vầy :
« Cháu nhà trồng gạo, bông này quản chi. »
Xong mới từ hai cô mà đi...
Cấp cùm giỏ mây, buổi cơm trẻ nhi.
Xong mới từ hai cô mà đi...
Một cô thì lại nghĩ chi, thở dài...
Hai cô thiếu nữ đi khỏi đồng,
Cô ở đồng bay nhẹ bỗng tấm lòng.
Hai cô thiếu nữ đi khỏi đồng.
Cô áo hồng mang nặng cái giỏ bông...
(Phụ nữ tân văn, 1933)

Bức thư gửi cho tất cả ai ưa hay là ghét lối thơ mới ²⁵

Phải, tôi đấy, Manh-Manh, mấy bạn à !
Lâu quá không làm thơ, mấy bạn cũng « nột dạ »
Phải, tôi đấy Manh-Manh, mấy ông à !
Lâu quá không làm thơ, mấy ông lấy làm lạ ?
Bạn yêu tự hỏi nhỏ : « E ...chỉ sợ ?
Tội nghiệp chớ ! Người thì trẻ nên có hơi khờ... »
Bạn ghét xúm hét to : « Á ! nó sợ ! »
Đáng kiếp chửa ! Người thì dẹt mà muốn vất cờ.
Nghiêng mình thưa : « Hỡi các bạn quý yêu,
Gì mà sợ ? Nghe tôi nói nhỏ : « Manh chưa « xiu »
Khoanh tay gọi : « Hỡi các ông trở trâu,

Khoan vình mặt, đứng ngay cho tôi tỏ mấy điều ».

Thật, lâu nay tôi vắng đến « làng thơ »

Các bạn ơi, không phải phụ ai mà hững hờ.

Ừ, lâu nay tôi không có làm thơ.

Các ông ơi, không phải sợ ai mà lu mờ.

Bị lôi cuốn trong chiến trường hoạt động

Há được ngồi không mà sắp « mấy sợi tơ lòng »

Trước là hành động, thơ không mấy trọng

Suốt đời nào để nghe quả tim con phập phồng.

Tuy vậy, giữa những lúc đi hăm hở

Đôi khi tôi giật mình nhớ đến khách làng thơ

Ừ, mình nín thinh cho họ nhất dở,

Thôi, lấy « túi văn chương » vét một vài bài thơ.

Bấy lâu đành với tình cảm hững hờ

Bây giờ cần tới nó, hồn thơ không tới

Nói chơi, chớ có gì đâu mà chờ,

Đây một bức thơ, thơ mới ! thơ mới ! thơ mới !

...Rồi tôi thấy biết bao người rà tới.

Vừa nghe hô thơ mới của Nguyễn thị Manh-Manh

Người ưa với kẻ ghét lối thơ mới,

Ưa đến nghe, ghét đến « bối » làm tôi tái xanh.

...Rồi tôi nghe tiếng cười rộ lớn thêm,

Vớ được chuyện, họ cầm bút viết thôi kịch liệt

Kẻ nghịch là : « Đả đảo ! chẳng để êm ! »

Bạn thích gật đầu nói : « Cái lối thơ hay thiệt. »

Kết luận chuyện mới gần thành chuyện cũ

Các bạn ơi, cãi nhau thét đã nhàm rồi

Làng thơ, thơ cũ, thơ mới, có đủ :

Thơ kia là đất cũ, thơ nay tĩ đất bồi.

Đất trước để yên, đất sau lo xới

Đất mới thì ít khô khan hơn đất dụng rồi

Rủ nhau khai phá, cất thêm sở mới

Nếu thật tình trồng cây thơm mọc nhánh đâm chồi.

Bây giờ tôi thử khuyên khách làng thơ :

Đổi lại ai ưa thơ mới lo tìm chỗ dờ

Ai ghét, rán tìm cái hay của thơ.

Vậy, chê, khen, có giá trị hoa mới sẽ nở.

(Phụ nữ tân văn số 228, ngày 14-12-1933)

*

Dưới tựa đề : « Cô Nguyễn thị Kiêm nói về vấn đề Nữ-lưu và Văn-học »

Báo *Phụ nữ tân văn* năm thứ tư số 131, ngày 26-5-1932 đăng bài diễn thuyết của nữ sĩ Manh-Manh (biệt hiệu của Nguyễn thị Kiêm) như sau :

Thưa quý ông, quý bà, Thưa các chị em.

Báo *Phụ nữ tân văn* số mùa Xuân có dự tính làm ba việc : 1) Tổ chức công việc Hội Dục-anh. 2) Tổ chức một cuộc Hội-chợ Phụ-nữ. 3) Mở một Nữ-lưu Học-hội.

Trong ba điều dự tính đó, có hai điều đã thiệt hành. Hội-chợ Phụ-nữ nay đã mở cửa. Tiền thân được giúp vào cho sự tiến hành của Hội Dục-anh. Và hồi hôm này, về vấn đề dục anh cũng đã có chị em bạn gái ra diễn thuyết ở đây nữa.

Vậy còn Nữ-lưu Học-hội bao giờ mới ra đời ?

Việc đó cũng như việc trên, không phải riêng của *Phụ nữ tân văn* mà là chung của Nữ-lưu Nam-Việt, thì tưởng cũng nên nhân cơ hội này, đem ra nói chuyện với hết thầy chị em trong nước có mặt ở đây.

Câu chuyện đã khó mà nói ra lại khó hơn. Nói ra ở lúc nào, chỗ nào, còn dễ, mà nói ra ở lúc này, chỗ này, thiệt là khó quá.

Tài sơ, trí thiếu và lời ăn nói vụng về như tôi, thiệt lấy làm e lệ mà bước lên diễn đàn và cũng lấy làm áy náy, sẽ không khỏi để phụ lòng quý ông, quý bà và hết thầy các chị em.

Nói chuyện về Nữ-lưu Học-hội tức là muốn nói chuyện phụ nữ với văn chương. Nếu cho Nữ-lưu Học-hội là cần ích thì cũng phải cho đàn bà là có mật thiết quan hệ đến văn chương nước nhà.

Sự quan hệ đó, tôi muốn nói rõ ở bài này. Tôi lại còn muốn xét ra cái địa vị của đàn bà trong văn học cổ kim, nói về cái công dụng của Nữ-lưu đối với tinh thần trí thức của loài người, giả thuyết như được cùng chị em trong nước đương hội hiệp nhau ở nhà Nữ-lưu Học-hội mà chung vui câu chuyện văn chương.

Phạm văn học nước nào cũng đều có thể chia ra làm hai phần, phần khách quan và phần chủ quan (*littérature objective et littérature subjective.*)

Cái văn học khách quan thường thiên về triết lý với khoa học. Cái văn học chủ quan thường trọng về mỹ thuật với thi ca. Một đàn nhờ cái tư tưởng nhơn sanh mà có, một đàn do ở cái tình cảm nhân loại mà ra.

Theo lẽ sinh lý, thì đàn bà thường nặng về phần hồn và nhẹ về phần trí, cảm tình thì sâu mà tư tưởng thì hẹp nên trong văn học thường sở trường về lối tả cảnh, đạo tình mà ít hay về lối khách quan triết lý.

Đem cặp mắt tinh thần mà thường thức đến những kỳ quan, thắng cảnh của thiên nhiên vũ trụ, đem khối tình thâm thiết mà hòa theo với những nỗi cay, đắng, bi, thương của nhân loại thế gian, đó ai nói được rằng đàn bà phải thua sút đàn ông về chỗ đó.

Đã sẵn có cặp mắt tinh thần ấy, đã có sẵn khối tình thâm thiết ấy, mà lại có văn tài đủ hình dung được những cảnh mình coi, đủ tả diễn được

những tình mình cảm, thì khó gì mà chẳng thành nên được những công trình tuyệt xảo về mỹ thuật, văn chương.

Thử đọc bài thi *Vịnh Đèo Ngang* của bà Huyện Thanh-Quan :

*Qua đỉnh Đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiêu vài chú,
Lác đác bên sông rợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân ngảnh lại trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

thì ta phải công nhận là một bài thi tả cảnh thiệt hay, phải có tinh thần mỹ thuật mới chụp được hết những cái cảnh sắc thiên nhiên, mà lại cũng phải có tâm hồn thi sĩ mới cảm thấy được những mối kỳ tình cao tứ.

Lại thử đọc một đoạn văn sau này trong bài *Giọt lệ thu* của nữ sĩ Tương-Phổ đã thấy đăng trên tạp chí *Nam phong* :

*Thu về đẹp lúa duyên Ngâu,
Năm năm ô thước bắc cầu Ngân-giang
Đôi ta ân ái lỡ làng,
Giữa đường sinh tử đoạn trường chia hai.
Anh vui non nước tuyền đài,
Cõi trần hương lửa thương ai lạnh lòng.
Nhân gian khuất nẻo non bồng,
Trăm năm nào kiếp tấm lòng bơ vơ...*

thì ta sẽ thấy thiệt là tình thâm, giọng thiết, phi ngọn bút đàn bà không lấy đâu được lời văn thống thiết như thế, và nếu không phải là đàn bà về hạng cao đẳng (femme supérieure) thì cũng không lấy đâu được cái tình cảm nặng nề như kia.

Hoặc có kẻ nói : bài văn tả cảnh chỉ là một cái đồ chơi tí ti của khách nhàn cư, mà lời thơ đạo tình nhằm cũng chẳng ích gì cho nhơn tâm thế đạo.

Nói vậy thì những bài thi tả cảnh của Lamartine sau có người dám đem mà so sánh với những bài văn triết lý của Descartes mà những giọt lệ nên thơ của Musset sao có người dám đề trên những thiên hùng văn đại luận của Voltaire ?

Không. Nếu cái óc ta cần phải làm bạn với những cái tư tưởng cao siêu thì cái hồn ta cũng cần phải tiêu dao với những cái công trình mỹ thuật. Nếu cái phần trí thức ta cần phải trau giồi cho được sung túc phong phú, thì cái khối tình cảm ta cũng cần phải bổ dưỡng cho được thâm thiết trứ minh.

Vả, một giọt nước mắt của kẻ đa tình, một tiếng thở dài của người mạng bạc, nếu ta biết nó từ đâu mà có, lại thật rõ trong cái tâm sự của kẻ đoạn trường thì đều có thể bổ ích được như mấy thiên khảo cứu của những nhà triết học vậy.

Nếu văn học khách quan có thể làm cho ta khôn người ra thì cái văn học chủ quan lại khiến ta được biết mình hơn.

Thấy người vui mà xét đến nỗi vui của ta, thấy người buồn mà xét đến nỗi buồn của ta, thấy người xót xa đau khổ mà xét đến những chỗ đau khổ xót xa của ta, thì chẳng những ta được vừa lòng rằng đã có người cùng một tâm sự với ta, mà lại còn thỏa chí vì ta đã nhơn đấy mà tự biết thêm được các bốn ngã của ta nữa.

Một nhà Tây nho có nói : « *Mỗi người ta đều có đem theo một cuốn sách nhơn loại (livre de l'humanité)* ».

Cuốn sách đó ở đàn ông thường vì cái khuynh hướng về khách quan, mà bị bỏ quên hoặc để mất. Song đàn bà vốn nặng về chủ quan, nên không hề chẳng nhận thấy cái kho tàng quý báu ấy của mình.

Những của cải tích trữ ở trong cái kho tàng đó, nếu có thể phân phát ra bằng ngọn bút đường văn, thì cái văn ấy là cái hình ảnh của nỗi lòng, khi thường, khi biến, lúc an, lúc nguy, tùy theo với sự kích thích của ngoại cảnh mà thăng trầm, mà theo với cái ca điệu của thiên nhiên mà họa vận.

Nhưng nếu không có văn tài đủ tả diễn nó ra thì cũng có thể gây lấy ảnh hưởng tới những văn nhơn tao sĩ, mà hoặc truyền thọ cái nguồn thi ca của mình, hoặc phát sanh cái kho tình cảm cho người để gián tiếp giúp vào cho văn học.

Cái công việc trực tiếp của đàn bà, đối với văn học thì từ xưa tới nay ta đã thấy nhiều, thấy bà Thị Diễm, thấy bà Thanh-Quan, thấy bà Sévigné, thấy bà Starl, v.v... mỗi bà đều có thêm chương, thêm tiết vào cho cuốn sách nhơn loại, càng ngày càng được hoàn toàn thêm lên, được phong phú thêm ra, cho cái tâm giới mình mông bát ngát của người đời đã phải theo vết chơn nhà thám hiểm mà lần lần cũng được khám phá như cái thế giới hữu hình của ta vậy.

Còn công việc gián tiếp đàn bà đối với văn học thì trong lịch sử cũng đã từng có nói : nói Pascal đã chịu ảnh hưởng của cô em Jacqueline mà làm ra tập *Tư tưởng* (Les Pensées) ; lại nói Chateaubriand đã chịu ảnh hưởng của bà chị Lucile mà làm ra bộ *Tinh thần đạo Cơ-đốc* (Génie du Christianisme).

Còn nào là nhà bác học Ernest Renan đã nhờ sự un đúc của bà chị Henriette mà làm ra cuốn sách *Đời chúa Giê-su* (Vie de Jésus) là một công trình tuyệt hảo của tư tưởng loài người, cũng là nhà văn hào. Jean Jacques Rousseau đã nhơn sự cảm hóa của Warens phu nhơn mà khai đạo ra cái văn mạch lãng mạn của nước Pháp... kể sao cho xiết.

Ta vẫn thường có câu *Nhi nữ tạo anh hùng*, mà những văn nhơn tao sĩ tức cũng là những anh hùng ở trong tinh thần giới và tư tưởng giới của nhơn loại. Những bậc anh hùng này nguyên bản chất đã có chỗ khác người, mà

chỉ vì trần ai vắng mặt tri kỷ nên thường khi không biết tự mình phát minh được những cái thiên tài của mình.

Ở nước Anh, về thế kỷ thứ 19, có một nhà bác học là Stuart Mill, thông minh sớm, học vấn nhiều. Ba tuổi đã biết tiếng Hy-lạp. Tám tuổi đã thông chữ La-tinh. Mười hai tuổi đã khảo về triết học và kinh tế. Mười lăm tuổi đã lãnh hội được hết thảy những trí thức của nhơn loại cổ kim.

Nhưng tới năm hai mươi tuổi thì điên. Sự điên này, người thì cho là bởi quá dùng sức của tinh thần mà kẻ lại nói bởi thiếu đồ ăn cho tình cảm.

Sau ông gặp một nhà nữ sĩ là Taylor phu nhơn. Ông thương bà, rồi ông cưới bà. Từ đó ông hết điên và làm ra được nhiều sách rất có giá trị tới nay còn nhiều người nói đến.

Sau khi bà Taylor chết, trên bài tựa một cuốn sách của ông, ông có viết mấy hàng để kính tặng cái hương hồn của bà, xin dịch ra sau đây :

« Quyển sách này là để kính tặng cái hương hồn một người vừa dự phần cảm hóa lại vừa giữ việc trứ tác trong những chỗ đặc sắc nhứt ở các công trình văn nghiệp của tôi, tức là cái hương hồn của người vừa là nữ hữu (amie) vừa là hiền thê, mà tôi đã được thừa hưởng, biết bao nhiêu những lời khuyến khích phấn khởi, cùng những ý kiến biểu tình mà tôi đã coi như những phần thưởng đích đáng vậy. Từ mấy năm nay những cái gì tôi đã viết ra, tức vừa là ở công tôi, vừa là ở công nàng.

« Nhưng quyển sách này mà tôi đã xuất bản ra đây, không được nàng coi lại như lòng tôi sở nguyện, thiệt đã khiến cho nhiều chỗ quan trọng cần phải phủ chánh mà không được nàng ở lại để phủ chánh lại cho.

« Nếu tôi chỉ được lấy nửa phần những cái tư tưởng quảng bác, những cái tánh tình cao siêu mà nàng đã đem đi mất, thì thế giới sẽ được hưởng thọ gấp mấy mươi chữ cái tôi viết bây giờ, chỉ riêng một mình độc lực mà không có cái tài trí độc nhứt, vô song của nàng bổ cứu vào cho ».

Coi như vậy thì cái địa vị của đàn bà ở trong văn học cũng không phải là thấp thỏi gì, theo như nhiều người đã tưởng. Và cái ảnh hưởng của đàn bà đối với những bậc văn nhân tao sĩ cũng rất là nặng nề thâm thiết, nhờ đó mà văn học được phát đạt vô cùng.

Tuy nhiên, cái địa vị đó thường vẫn có nhiều người lấy làm bất mãn vì thấy nó cách biệt quá với cái địa vị của nam giới ở trên văn đàn. Và cái ảnh hưởng kia, lại có kẻ coi là không danh giá gì cho phụ nữ ở giữa đời văn minh khoa học.

Bởi vậy mà mới đây có sự cách mạng rất đáng chú ý ở làng văn nữ giới là sự *nam hóa* (la masculinisation) nghĩa là sự đàn bà muốn hóa theo đàn ông. Sự nam hóa này là kết quả dĩ nhiên của cái phong trào nữ quyền ở thế giới.

Quyền lợi trong xã hội đã muốn hưởng ngang nhau thì địa vị trong văn học cũng không được cách vị. Đàn ông chê đàn bà không sở trường về lối khách quan nghị luận, đàn bà phải tỏ ra là có.

Mà đã muốn tỏ ra có tư cách khoa học, có tư tưởng triết học, biết nghị luận khách quan thì cái bốn ngã khác thế nào.

Có người cho sự *nam hóa* này là không có lợi cho văn học, vì nếu đàn bà mà hóa theo đàn ông cả, thì trong tư tưởng giới (monde intellectuel) không biết có thêm được gì không, mà trong tinh thần giới (monde moral) ta đã thấy sự thiệt thòi, cái kho trí thức của nhân loại không biết có tăng lên được bao nhiêu, mà cái nguồn tình cảm của nhân loại ta đành thấy ngưng trệ.

Riêng tôi, thì tôi không hề có bi quan về sự ấy.

Đàn bà muốn nam hóa thì cứ việc nam hóa, mà đâu có nam hóa được hết, và đâu có thể bỏ hẳn được cái bốn sắc của mình.

Nhà nữ khoa học sẽ làm cho khoa học nên thơ. Nhà nữ văn học sẽ làm cho tư tưởng thêm ngộ. Nhà nữ tác giả sẽ làm cho nghĩa lý thêm duyên. Mà rồi mỗi thể trong văn học (genre littéraire) sẽ đều có cái vẻ dịu dàng êm ái, cái vị phong phú, thanh tao của đàn bà có điểm chuyết vào cho.

Thử đọc qua văn học sử nước Pháp ngày nay, ta lại chẳng thấy những nhà nữ sĩ như Arvède Barine, Sévérine, Made de Searcey, v.v... kẻ chuyên về sử học, người viết văn phê bình, kẻ đứng làm chủ báo... phần nhiều đều được hoàn toàn đặc thể cả ư ?

Vả, bây giờ ta mới thấy ở văn học nữ lưu có phong trào nam hóa, mà từ trước đến nay, ở bên nam giới đã có biết bao nhiêu sự nữ hóa về văn chương ?

Ông Lamartine vì thương bạn gái mà làm nên được những bài thi tuyệt diệu, ông Alfred de Musset vì giận tri âm mà có được cái giọng điệu tiêu tao. Ở Hà-tiên có nhà văn sĩ Đông Hồ viết văn đã nhiều mà chỉ có bài văn khóc vợ là hay hơn hết cả. Ở Hà-nội có nhà thi sĩ Tản-Đà, thường phải giả thiết ra một người tình nhân không quen biết để lấy tứ làm thi.

Nay có cái phong trào nam hóa, không biết sự nữ hóa còn được ở trong văn học không. Hai việc đó xét ra không có gì là mâu thuẫn cả.

Đàn bà muốn học cái cứng cỏi của đàn ông cũng chưa bớt cái uyển chuyển của đàn bà. Đàn bà muốn có cái khách quan của đàn ông, thì đàn ông cũng vẫn mượn được cái chủ quan của đàn bà chớ sao ?

Nay xét đến sự nam hóa đó ở trong văn học nước nhà thì ta cũng đã thấy có nhiều cái hiện tượng khả quan.

Thấy các bà chủ thơ quán hô hào việc dân, việc nước, các bà chủ tân văn cổ động bình đẳng, bình quyền, các cô nữ tác giả, nữ trợ bút, kẻ kê cứu học thuật, người nghị luận văn chương, kẻ giữ việc khôi hài trên báo chí, người chuyên bàn đạo lý giữa văn đàn... nhứt nhứt đều nhiệt thành nam hóa, công nhiên phản đối hẳn cái địa vị trước kia đàn bà ở văn học, mà tư

tưởng, học thức, giáo dục, hành động đều muốn như bạn nam nhi để mưu lấy quyền lợi bình đẳng ở xã hội.

Lấy riêng về phương diện văn học mà nói thì cái phong trào này chính là một cái triệu chứng về sự tấn hóa của nữ lưu ở trên đường văn học.

Sự tấn hóa đó ta chưa thấy được mạnh mẽ, vì trong xã hội, ngoài những trường học công, tư, theo chương trình của nhà nước, thì chưa có cái cơ quan văn học nào của nữ lưu.

Đó là một sự thiếu sót mà chúng ta đều lấy làm phàn nàn, và chính cũng là một lẽ khiến cho chúng ta trông đợi có một vài nữ lưu học hỏi mở ra trong xã hội Việt-nam này.

Đã đành, việc văn học không phải là việc chung của hết thảy mọi người, mà hễ có duyên nợ với văn chương thì cũng không cần phải có nữ lưu học hội mà mới phát triển được cái thiên tài thi cảm của mình.

Đối với những cái thiên tài xuất chúng, nữ lưu học hội có thể không là cần thiết ; đối với những kẻ dung tục chí ngu, nữ lưu học hội có thể cho là thừa.

Nhưng đối với những người như chúng tôi đây, ngu mà muốn học cho khôn, dốt mà muốn học cho giỏi, không biết mỹ thuật mà biết yêu mến mỹ thuật, không biết văn chương mà biết cảm mến văn chương, thì nữ lưu học hội thiệt là cần ích cho chúng tôi lắm.

Theo như lời tuyên ngôn trong số mùa Xuân của *Phụ nữ tân văn* thì học hội sẽ do một bọn phụ nữ lập ra và đứng chủ trương. Đại để dạy nhau bằng cách nói chuyện, ai cũng có thể nghe mà hiểu được hết, ấy là học đó. Chỉ cần có căn phố rộng, bàn ghế cho nhiều, tuần lễ mấy lần, mời những tay thông thái đến giảng về những vấn đề cần yếu cho chị em nghe, bất luận sang hèn, ai muốn học đều có thể ghi tên vào mà nghe giảng.

« Ấy chẳng qua là một phương pháp cấp cứu cho nạn đói khó về sự học mà là một phương pháp đã kiến hiệu được ở nhiều nước ».

Ở các nước thì tôi không biết, chớ ở nước Pháp hiện có cái Université des Annales do bà Yvonne Sarcey chủ trương mỗi tuần đều có mời những nhà văn hào thi sĩ, hoặc những vị bác học hàn lâm tới diễn thuyết về văn chương, lịch sử, mỹ thuật, thi ca, hoặc nói chuyện về luân lý, giáo dục, xã hội, kinh tế.

Mỗi lần diễn thuyết, nữ thánh giả đến dự rất đông. Cô học sinh sau khi đã ra khỏi cửa trường, chị thơ ký sau khi đã rời biệt việc sở, bà nội trợ sau khi đã rảnh chuyện gia đình, khách khuê phòng sau khi đã xếp đồ may vá... ai cũng vui lòng đến nghe diễn thuyết để học thêm lấy một vài cái lạ, cái hay mà tu bổ vào cho trí thức cho mình, và để tiếp hưởng lấy một cái cảm giác về mỹ thuật, văn chương đang sống qua một vài chục phút cái đời tinh thần giữa thế tục.

Cái nữ lưu học hội ở nước ta mà *Phụ nữ tân văn* đang được dự tính đây, liệu sẽ có được cái kết quả đó không ?

Lẽ phải thì phải chờ cho nó ra đời, ta mới nên nói tới kết quả.

Nhưng nếu các chị em trong nước đã cùng tôi nhận thấy cái địa vị của mình ở trong văn học thì tất phải muốn cho cái địa vị đó ngày càng cao, cái công dụng đó càng ngày càng lớn mà vui lòng trông cho nó có nữ lưu học hội ra đời.

Kinh Phật có câu : « *Tự giác nhi giác tha* » nghĩa là tự sáng mình để sáng người.

Người đàn bà cũng có cái tinh thần cần phải tự giác để chiếu sáng ra ở chung quanh mình, cho gia đình được êm đềm phong phú, cho xã hội được rực rỡ quang minh.

Cái tình thần đó ta muốn có thì ta lại càng tha thiết mong cho nữ lưu học hội sớm ra đời.

Vậy, tới đây, xin cho chúng tôi được tạm biệt với hết thầy chị em đã hạ cố nghe tôi tự nãy đến giờ, cùng nhau hẹn hò sẽ lại còn được gặp gỡ ở trên ghế nhà học hội.

(Phụ nữ tân văn số 131 ngày 26-5-1932)

THẾ LỮ

THẾ-LỮ tên thật là Nguyễn thứ Lễ, bút hiệu Lê-Ta. Sinh vào tháng 10 năm Đinh-mùi 1907 tại Thái hà ấp, Hà-nội (theo tài liệu văn học của Hoài-Thanh – Hoài-Chân trong Thi-nhân Việt-nam). Nhưng theo Thế-Lữ thì lại cho rằng sinh tại Lạng-sơn, nơi ông đã ở từ tấm bé đến 11 tuổi mới xuống Hải-phòng (tài liệu báo Phong-hóa).

Ông học ban Thành-chung, chỉ được ba năm thì bỏ dở, sang học trường Mỹ-thuật, nhưng lại thôi học liền theo đó và bắt đầu bước vào làng văn.

Ông gia nhập Tự lực văn đoàn với nhóm Nhất-Linh, Khái-Hưng, Thạch-Lam, Hoàng-Đạo, Xuân-Diệu và Tú Mỡ Hồ trọng Hiếu.

Ông từng cộng tác với các báo : Phong hóa, Ngày nay, Tinh hoa.

Về thơ, Thế-Lữ chỉ có thi phẩm độc nhất Mấy vần thơ xuất bản năm 1935, rồi do nhà Đời Nay Hà-nội tái bản dưới tên Mấy vần thơ tập mới năm 1941 ; năm 1962 lại được tái bản kỳ nhì tại Sài-gòn.

Ngoài thơ, ông còn là nhà văn chuyên viết tiểu thuyết đường rừng, trinh thám, quái đản, gồm những tác phẩm sau đây :

Vàng và máu (1934), Bên đường thiên lôi (1936), Mai Hương và Lê Phong (1937), Lê Phong phóng viên (1937), Gói thuốc lá (1940), Gió trắng ngàn (1941), Trại Bồ tùng Linh (1941), Ba hồi kinh dị, Con quỷ truyền kiếp, Đòn hện.

Phê bình về Thế-Lữ, người ta thấy ông Vũ ngọc Phan viết như sau :

« Về thơ, người ta đã thấy rõ cái thi cốt, cái chân tài của Thế-Lữ. Về tiểu thuyết, tuy về loại trinh thám ông chưa thành công, nhưng về những chuyện ghê sợ ông đã tỏ ra một tiểu thuyết gia có biệt tài. »

Sau Hiệp-định Genève, cùng một số văn nghệ sĩ ở lại miền Bắc, ông giữ một vai trò khiêm nhường trong hoạt động văn nghệ.

Kể từ khi phong trào thơ mới bật khởi trên mảnh vườn hoa văn học Việt-nam, nhà văn đầu tiên đã khai sinh phong trào này là Phan Khôi với bài thơ phá thể mang tên *Tình già*.

Hưởng ứng trước tiên ta phải kể Lưu trọng Lư (phái nam), Nguyễn thị Manh-Manh (phái nữ), rồi lần lượt nhiều nhà thơ ra đời, nhưng người đã gây cho nền thơ mới ở lúc giao thời những bước đi vững chắc, đầy tin tưởng bằng những sáng tác vượt bậc lại là Thế-Lữ.

Ở buổi sơ khởi của phong trào, sự ngưỡng mộ của khách yêu thơ mới hẳn là lác đác, bởi lẽ dễ hiểu, từ bao năm qua, những vần điệu, những ý thơ, những khuôn mòn sáo cũ của nền thi ca cổ xưa đã thâm nhiễm, đã khắc sâu trong tâm tưởng mọi người. Nay đột nhiên có cái gì mới lạ, mới từ hình thức đến nội dung, một cái gì thoát sáo quá bạo dạn gần như liều lĩnh, khiến khách yêu thơ bỡ ngỡ, e ngại trong khi những hình ảnh xưa cũ chưa phai mờ trong tâm não mọi người. Cái khó của người đi tiên phong là ở chỗ đó, phải làm thế nào gây một ấn tượng tốt đẹp cho thơ mới để nó có cơ đứng vững và tồn tại.

- Thế Lữ ?

- Phải, Thế-Lữ đã đặt thơ mới một nền móng vững chãi, ông gây được niềm tin mãnh liệt trong lòng khách yêu thơ, những sáng tác của ông vừa xuất hiện là đã khua những tiếng vang sâu rộng ; tựa như tia lửa lóe sáng lên trong màn đêm ; những hồn thơ còn đang mò mẫm, sợ sệt cái táo bạo của thơ mới, bỗng nhiên như bắt được mục tiêu tiến bước. Thi phẩm *Mấy vần thơ* là áng văn thật xuất sắc. Chính nó là nhịp cầu cho những người đi sau tin tưởng và mạnh dạn tiến bước về chân trời mới lạ đầy hãnh diện cho lớp người trẻ.

Với điểm trên, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy các nhà biên khảo thi ca như Hoài-Thanh – Hoài-Chân, Vũ ngọc Phan, Phạm văn Diêu đã khen ngợi sự nghiệp của Thế-Lữ một cách nhiệt thành ; điều đó thật xứng đáng với công trình của kẻ khai sơn phá thạch.

Từ ngày phong trào thơ mới xuất hiện, thắm thoát đã hơn ba mươi năm, vậy mà dư âm của những vần thơ Thế-Lữ vẫn còn đồng vọng trong giới yêu thơ, đủ chứng tỏ, cho dù thời gian có trôi đi, công ơn của người đi trước vẫn còn khắc ghi và còn dành nhiều cảm tình tốt đẹp.

Sự kiện trên cho ta một nhận định, Thế-Lữ là thi nhân có chân tài, có những rung cảm thiết tha, những vần điệu êm đềm, lời thơ như mơ như mộng.

Ngày nay, Thế-Lữ cũng như họ Lưu sống bên kia phần đất mẹ, có khác chăng là Lưu trọng Lữ còn hoạt động cho văn nghệ miền Bắc, còn Thế-Lữ, kể từ khi bó mình trong vai trò khiêm nhượng, tiếng lòng thổn thức của ông không còn rung động nữa, tiếng thơ của họ Nguyễn vắng bật trên tao đàn.

*

Nói về khuynh hướng thi ca, chúng ta nhận thấy hồn thơ của Thế-Lữ là một tâm hồn phóng khoáng, chịu thích ứng với hoàn cảnh thiên nhiên, mẫu đời bình dị, độ sống đơn giản, không kham những ràng buộc phiền toái của cái ăn, cái mặc đua đòi theo vật chất xa hoa. Một bộ áo quần lếch thếch bạc màu, một đôi giày trắng mang từ Hạ sang Đông, một chiếc mũ bắn đội bốn mùa mưa nắng đã đủ bảo vệ cho chiếc thân của con người nghệ sĩ xuôi ngược từ Bắc chí Nam.

Thi nhân chỉ muốn sống như nhà ẩn dật, không phải vì khinh nhân ngạo thế, mà vì muốn giữ lòng thủy chung tinh khiết với Nàng Thơ, một nguồn vui bất tận của thi nhân, một quyền lực có đủ khả năng trục xuất mọi ưu phiền trong tâm não, giữ được lòng lạnh trước quyến rũ của vật chất,

mong đạt được độ tĩnh tâm. Trước cái tình vui hay buồn, tim lòng thi nhân đều rung động theo một nhịp điệu công bằng.

Cái tâm hồn thanh thản tự nhiên của đất trời đang sống yên lành trong thế giới vô tư lự riêng biệt, ngờ đâu một hôm bị lời « đường mật » cám dỗ :

*« Anh đại chi mà lãng phí mất bao ngày ?
Nghe chúng tôi cứ tới ở đây,
Có tài trí thì cùng người thi thố,
Chứ quạnh hiu đời còn đâu là thú ?
Đến ở đây mà vùng vẫy đua ganh,
Mua lấy cho mình đôi chút công danh ».*

Trước lý luận vững chắc đầy quyến rũ, con người của thiên nhiên đã phải đắn đo ; sau ba ngày nghĩ ngợi, chàng ta quyết định :

*« Ô phải đấy ! » rồi ở ngay Hà-nội,
Anh ta vừa hoạt động ; vừa mơ màng ;
Lúng túng như anh Mán học làm sang
Trong một bộ áo quần rất lịch sự.
Học đo dẫn, học dè, học giữ,
Học chen vai thích cánh, – học ra đời !*

Trước khi ra sống ở chỗ phồn hoa đô hội, chàng cũng đã khuyên dỗ Nàng Thơ cùng đi với chàng :

*Tôi khuyên Thơ tìm đến nơi thành thị,
Khuyên chung sống trong cuộc đời mới mẻ.
Nàng ngại ngùng, nhưng bởi đã quen chiều
Bạn tình thơ, nên nàng cũng ửng theo.*

Nhưng tâm trạng Nàng Thơ lúc bấy giờ thật « đi không đành mà ở cũng không đành ». Ta hãy nghe nàng tâm sự :

Rồi bỗng ngày kia em mới hay

Tình quân em đã chán nơi đây.
Chàng đi theo dõi tơ duyên khác.
- Hỡi mộng lòng ơi ! Ôi bóng mây !
Nay biết cùng ai ngỏ nỗi niềm ?
Tình quân không dám ở cùng em,
Yêu nhau, yêu cả trong gian khổ,
Chàng hám vinh hoa mãi miết tìm.
Như nàng Ngọc-nữ ở Thiên-thai,
Tiếc mãi chàng Lưu vẫn luyến đời,
Em đứng bên trường ân ái cũ,
Rồi em than khóc bạn tình ơi !

Sự buồn sầu héo hắt của Nàng Thơ còn lan dần ra cỏ, cây, mây, núi ; cả gió, trăng nữa :

Rồi ánh trăng kia, với gió thổi,
Với gương hồ lạnh, với ngàn lau,
Với bao cảnh đẹp vui khi trước
Ủ rũ vì em nặng khối sầu.

Thế rồi họ đề huề ra thành thị, nhưng chẳng bao lâu Nàng Thơ của chàng tỏ ra chiều không hợp « thủy thổ » :

Nhưng Nàng Thơ tôi là người cả thẹn,
Không quen tiếng còi ô-tô, chuông xe điện.
Không quen màu xán lạn đất vui chơi
Nên từng phen nàng thơ thần ngậm ngùi.

Đây chỉ là Nàng thác cố vậy thôi. Đã nói ra đây rồi thì cũng nên vạch toạc cho kẻ bàng quan biết luôn một thể cái cảnh « lục đục, xào xáo » trong « gia đình » thi nhân đã là nguyên do khiến Nàng Thơ buồn :

Nhưng nàng tiên ấy hay ghen lắm,
Chỉ muốn ta yêu có một mình

*Mà tấm lòng ta thì phóng lãng ;
(Lạ gì cái tuổi của xuân xanh ?)*

Nhưng khi đã bị đắm mình theo sự quyến rũ của bóng sắc vật chất, chàng có đủ lý lẽ để biện bác cho sự sa ngã của chàng :

*Song le ta biết làm sao được ?
Vì ở trần gian vẻ lệ kiều
Của khách giai nhân thường vẫn bảo :
Yêu thơ đâu phải thực là « Yêu » ?*

Vì thế mới xảy ra chuyện hờn giận :

*Vì thế Nàng Thơ đã mấy phen
Trách ta mê đắm mãi trần duyên ;
Mấy phen ta thấy màu châu lệ
Thầm oán hờn ta dưới mắt đen.*

Áng mây sâu che phủ Nàng Thơ, cảnh đời đang xán lạn bỗng chìm ngập trong bóng tối. Không kham nổi sự khắc khoải giày xéo, một ngày kia Nàng Thơ bỏ ra đi, lìa xa cảnh phồn hoa, nơi đã ghi lại trong tâm tư Nàng dấu vết buồn đau của mối tình lạnh nhạt, hững hờ :

*Chẳng bao lâu, người tiên tử, bạn lòng tôi,
Bỏ tôi lại với cảnh đầy gió bụi !
Nàng xa tôi để lánh xa Hà-nội
Để tránh nơi tôi mãi miết đua ganh.*

Mặc dù bấy lâu nay chịu sự lãnh đạm của tình quân, tuy nhiên sự ra đi của Nàng Thơ cũng gieo vào lòng thi nhân niềm trống trải, tiếc thương và hối hận. Càng thấm dần hơn khi người học trò chân ướt chân ráo trên bước đường vào gió bụi kinh thành, ngày càng va chạm phải thực tế chua chát, những ganh đua giành giật bỉ ổi theo vật chất. Đây ta hãy nghe thi nhân vạch trần mặt trái của xã hội :

*Nhưng trong khi phấn đấu đua tranh,
Lòng nhân thế gian ngoan mà lòng tôi ngờ vực.*

... ..

*Là cứ tưởng trần gian ai cũng tốt.
Ở đời này quá thực thà là dốt !
Anh ta nào có biết đâu rằng
Có bao nhiêu đức tính cũng không bằng
Chỉ khôn khéo, gian ngoan là đạt tất !*

Như cùng cảm thông nghĩa sống với Nàng Thơ, là cái xã hội « nhân tạo » này không phải là bến đỗ cho những tâm hồn yêu chuộng thiên nhiên. Rồi một ngày nọ, người ta thấy anh chàng nét mặt rầu rầu, cầm trên tay « cái vỏ » lòe loẹt của xa hoa lộ liễu :

*Bỗng hôm nay, rầu rầu nét mặt,
Vắt trên tay « bộ quần áo văn minh ».*

Người ta đã ngạc nhiên trước thái độ đột ngột của thi nhân. Có người lân la hỏi chuyện và được thi nhân thổ lộ :

*Anh đến bảo tôi rằng : « Cái bước công danh
Thực chẳng có chút nào thi vị cả !
Đừng đón hỏi, đừng dỗ dành tôi nữa,
Để cho tôi yên sống đời riêng tôi.
Cuộc đời lang thang giản dị, nhưng mà vui,
Riêng cùng với Nàng Thơ làm bầu bạn.
Cái sung sướng phồn hoa tôi đã chán. »*

Và người thi nhân của chúng ta còn cho biết thêm nguyên động lực nào thúc đẩy chàng quay về với Nàng Thơ khi nhớ lại mối tình đầu cùng Nàng đắm đuối trong hạnh phúc thiên nhiên, ngày tháng qua đã yên vui cảnh nước mây sông núi. Thi nhân phơi trải tâm hồn mình như giải bày tâm sự :

« Tôi là một kẻ mơ màng,

*Yêu sống trong đời giản dị bình thường.
Cùng với Nàng Thơ thắm năm ca hát,
Chúng tôi quên cảnh mịt mù bát ngát
Của non cao, rừng cả ; cảnh đầu hiu
Chốn đồng xa sương trắng chập chờn gieo,
Hay cảnh rờ ràng, bướm tung, chim vui hót
Tôi nâng đàn, nâng cao lời dịu ngọt,
Trông nước non thanh khiết chốn sơn thôn,
Gửi tiếng tơ lòng và gửi cả tâm hồn,
Cho hoa cỏ, cho gió mây, cho ánh sáng.
Kề vai nhau ở trong trường mộng tưởng,
Cùng tạo nên riêng một cảnh thiên đường,
Đầy hương hoa cùng tình ái du dương. »*

Chàng tiếp :

*« - Bỗng một hôm, từ phương ngoài xa cách
Cơn gió phồn hoa thổi qua đời tịch mịch
Đem tới cho lòng ham muốn tung hoành
Giữa vinh hoa lộc lấy của văn minh. »*

Ồ ! Thì ra vì lẽ đó mà thi nhân khăn gói ra đi, xa lánh cảnh phồn hoa đô hội, trở lại với Nàng Thơ như một tâm hồn vụng dại quay về với lương tri :

*Rồi bỏ quên bao nỗi giận, buồn qua,
Anh ta buông bỏ lối chảnh nên thơ
Và giữ lại chiếc mũ tàng, đôi giày trắng,
Với chiếc áo đã lợt màu vì sương nắng,
Anh ta đi, đi tìm chị Ly Tao
Mà ít lâu không biết trốn nơi nao !*

Nàng Ly Tao ! Phải, chỉ có nàng mới xoa dịu được tâm tư chán chường, cay đắng. Từ ngày chàng theo duyên mới, bỏ lại một thân nàng cô đơn ; nhớ hồi nào sống cùng nhau khăng khít yêu đương như đôi chim trời liền cánh, hoặc những khi êm đềm đứng ngắm hồ xanh núi biếc, tận hưởng cuộc sống thanh nhàn cùng tạo vật. Ôi vui sướng biết bao ! Nhưng than ôi ! Chỉ vì chàng một phút mải mê bả công danh, mồi phú quý, Nàng đã phải đau lòng xa cách.

Đây, ta hãy trông theo một hình bóng thất thểu của thi nhân đi kiếm tìm bạn cũ. Trong phút chốc, đau đớn rã lòng, thi nhân thẳng thốt kêu lên buồn thảm :

*Nàng Thơ ơi ! Nàng Thơ ! – Ta buồn lắm
Đem lại đây ánh hương hoa say đắm,
Đem lại đây làn sương gió mơ màng,
Đem lại đây, cùng với điệu du dương
Những tiếng khóc than hay lời cảm khái
Để lòng ta thôi đừng khô héo mãi !
Để cho ta khi ngắm nắng, trông hoa
Khi đứng bên hồ đón gió đưa qua,
Ta được thấy ánh lòng ta rung động,
Ta được thấy hồn thơ ta gợn sóng,
Thấy miệng cười bạn tiên tử yêu kiều
Và cùng ai chung giấc mộng cao siêu.*

Những tiếng thở than, kêu gọi của thi nhân chỉ rớt vào khoảng không vắng lặng. Mây không buồn bay, gió không buồn thổi, gương hồ phơi mặt nước lạnh lùng như hờn giỗi thi nhân mải mê theo cảnh sắc mới lạ nên bỏ chúng bấy lâu. Trước sự thờ ơ lạnh nhạt của thiên nhiên, thi nhân cảm thân mình lơ lảo, hững hờ ; càng thấm đậm thêm niềm tê tái, cô đơn :

Nàng Thơ ơi ! Nàng Thơ ! – Ta buồn lắm !

Nắng gay gắt trên khóm sen không thắm ;
Gió thờ ơ không động bóng tàn cây ;
Dưới trời xanh, mây quá trắng không bay ;
Hồ không sóng phời mặt gương quá sáng ;
Thời gian đứng ; sắc hình tro trên dáng,
Lòng ta không âu yếm, không vui tươi,
Không nhớ thương, không sôi nổi. – Than ôi !
Cũng không cả nỗi đắng cay tê tái ;
Nàng Thơ ơi, tâm hồn ta trống trải.
Ta đứng đây, lơ lảo, hững hờ trông
Cảnh vô duyên không gợn tiếng tơ lòng ;
Ta đứng đây, thần thờ mơ bóng bạn,
Trông giờ khắc lặng mang niềm ngao ngán,
Ly-Tao ơi, nường tử của lòng ta !

Lê chân đi tìm kiếm khắp nơi ; một ngày kia thi nhân bắt gặp..., không phải Nàng Thơ, mà là một bóng hình thực tế hơn, một nàng thôn nữ đang buồn rầu đứng bên bờ hồ, thi nhân mới...

Tôi ngập ngừng đang rén bước lại gần.
Tôi thần thơ dừng gót đứng tần ngần,
Và hỏi cô rằng : « Bóng chiều gần lặn
Mà có sao cô em còn thơ thần.
Nhớ thương ai hay đứng đợi chờ ai ?
Để cho sương gieo dầm ướt hai vai ? »

Người thôn nữ đưa bàn tay nồn nà gạt những giọt lệ long lanh trên khóe hạnh với dáng điệu chan chứa cảm tình, và trong vẻ sầu bi, nàng gượng nở một nụ cười không kém màu tươi say đắm :

Cô ngảnh nhìn tôi, ngây thơ, yên lặng,
Và thong thả đưa bàn tay mềm trắng

Lên gạt hàng châu lệ long lanh.
Tôi trông cô lòng chan chứa cảm tình,
Những e ấp muốn nhắc lời sẵn hỏi.
Nhưng mắt tôi thay tiếng lòng tôi nói.
Cô âu sầu gượng hé chút môi cười
Mà nỗi chua cay chưa làm kém màu tươi.
Rồi đưa mắt băng khuâng, rồi theo con đường trắng
Dẫn về nẻo thị thành xa vắng.
Rồi như được khơi nguồn tâm sự, cô tiếp :
Cô đem nỗi lòng riêng ngỏ cho tôi nghe :
Ở làng xa, cô là gái thôn quê,
Một bữa qua đây gặp chàng công tử
Đón hỏi cô ra chiều niềm nở.
Giữa cảnh êm đềm hồ nước mênh mang
Nghe tiếng ai tha thiết dịu dàng
Như gió lướt cành hoa, xúc động niềm ân ái,
Cô vui thấy trái tim cô tê tái
Và ngây thơ đón lấy tấm tình yêu.

Như bị ngay tiếng sét ái tình, tâm hồn nàng liền quyến theo hình bóng
tân kỳ của chàng công tử ; nàng bày tỏ :

Cô thường bảo với chàng : « Ngay từ khi gặp gỡ
Em là gái thôn quê, chàng là người xa lạ,
Đôi bên nào có quen nhau ?
Song tấm lòng em, không biết bởi vì đâu,
Nghe tiếng ai như mây theo gió quyến
Đối với ai đã nặng tình lưu luyến. »

Cuộc yêu đương khăng khít ta tưởng đâu bền chặt như đất trời, nào
ngờ dần dần, người tình quân...

Đứng bên cô, tuy chàng nói, chàng cười,
Cô vẫn thấy đôi mắt chàng lơ đãng
Không nhìn cô, chỉ mãi trông mây thoảng...
Rồi một buổi chiều, cô đi mấy dặm đường
Mang lòng vui tìm đến chỗ người thương
Hẹn hò đây. – Nhưng đến khi nắng tắt
Trên cành cao, tiếng một con chim khuất
Đã bơ vơ nhẩn gọi ngày hôm sau,
Mà bóng tình quân cô tìm chẳng thấy đâu.

Rồi từ đấy, người thôn nữ ôm lòng đau khi bị phụ tình ; nguồn đời như đứt đoạn, nàng tuyệt vọng với chuỗi ngày xanh. Chán nản vầy phủ, u ám tâm hồn. Chiều hôm nay nàng đến bên bờ hồ, với ý định mượn dòng nước tắm kết liễu một thân bị lỡ làng để đánh dấu, chính nơi đây đã dậy lên mối tình đầu mà cũng là nơi chôn vùi đời hồng nhan khi tình chết :

Răng từ nay trên bờ hồ ân ái
Không còn đâu cô gái quê chờ đợi.
Rồi ôm lòng đau, em sẽ gieo mình
Xuống nước sâu cùng với khối hận tình.

Đứng trước cảnh thương tâm, người thi nhân của ta khuyên nhủ :

Tôi sẽ nói : - « Cô em ơi, tuổi trẻ
Của cô em là đóa hoa thơm diễm lệ
Mỉm cười đón ánh xuân sang,
Mà bạn tình kia chỉ là khách qua đàng,
Không biết quý, không biết yêu hương sắc,
Chàng chỉ thoáng rồi vội tìm vui thú khác.
Nhưng há vì ai hoa để kém màu tươi,
Há vì ai hoa nở để hương phai ? »

Người thi nhân chúng ta thăm thảo chương trình rồi đề nghị :

Tôi có một gian nhà nhỏ ở gần hồ.
Một lớp thảo trang giữa hoa lá bốn mùa.
Nơi chim gió đưa thăm, với Nàng Thơ yếu điệu.
Vẫn ngày tháng đi về, duy còn thiếu
Chút ánh thiêng liêng của sự yêu đương ;
Nhà tranh tôi còn thiếu trái tim vàng.
Tôi bèn rủ cô về cùng tôi ở đó
Và đem hết nỗi ái ân chan chứa
Dâng cho cô, – đem hết nỗi chân thành
Để yêu cô – để thay kẻ bạc tình.
Nhưng cô vẫn âu sầu, khiến tôi e ngại.

Thi nhân e ngại, rồi lo sợ ; chàng gạn hỏi mãi nguyên nhân, thì ra cô...

Muốn điểm trang, muốn quần áo xa hoa.
Đề cho người tình quân tặc bạc, hững hờ
Biết rằng cô không còn là thôn nữ,
Không còn đáng quê mùa mà chê bỏ nữa.

Rồi cô lại muốn thi nhân gán lên bộ cánh tân kỳ, và đưa ra ý định cùng chàng :

Cô lại muốn tôi ăn mặc âu trang,
Muốn cùng cô sống trong cảnh rộn ràng.
Trong gió bụi kiêu sa nơi thành thị.

nhưng hoàn cảnh sinh hoạt hiện tại không cho phép :

Song tôi chỉ là một chàng thi sĩ
Ở lều tranh, giàu được ít văn thơ.

Vì thế mà :

- Cô thờ ơ bên tấm lòng tôi say đắm.

hay :

*« Ngồi thơ thẩn bên thềm, lòng bát ngát
Cô vô tình đem điệu thơ tôi quen hát
Để ngụ lời than trách bạn tình xa ».*

Không thể chịu mãi cảnh tẻ nhạt ; một buổi thu sang, người thi nhân chúng ta đoạn lòng ra thành thị gạ bán gia sản quý báu của tâm hồn để thực hiện lòng mong ước của thôn nữ. Chàng đã chọn một quyết định trái với lòng mình, nhưng vì yêu mà phải dầy dọ tâm tư :

*Rồi một buổi thu kia, tạm vắng nhà tranh,
Tôi đành bán văn thơ cho khách thị thành
- Những văn thơ mà bấy lâu tôi yêu quý.
Tôi đã rắp không bao giờ nỡ để
Cho người đời mua chuộc ; vì anh ơi !
Văn thơ kia tức là tâm hồn tôi.
Tôi bán đi để mua các đồ tô điểm
Mua y phục tân trang của những trang kiều diễm
Chốn phồn hoa, về tặng người tôi yêu.
Mà tôi đây cũng sẽ bỏ cảnh nghèo
Với non nước nên thơ của Ly Tao Nương-tử.
Tôi đưa cô, sẽ cùng nhau sống giữa
Cảnh ngựa xe náo nhiệt cô mơ màng.*

Trên đường về, chàng hí hứng vui mừng sẽ xây dựng hạnh phúc mới với người yêu ; nhưng khi đến nhà thì cả mộng tình liền tan vỡ :

*Nhưng than ôi ! trong nhà tranh vắng ngắt ;
« Con chim xanh kia đã bay đâu mất ! »*

Đứng trước một thực tế nào nề, lòng thi nhân sôi sục lên niềm chua xót. Dưới đây là những dòng kêu đau của một linh hồn sa ngã trong tình trường :

Bạn ơi, ở đời này còn có vết thương đau

Nào ghê gớm, khắt khe hơn nữa ?

- Tôi như người đã chết đi quá nửa.

- Anh tính xem trong thửa bình sinh,

Lần đầu tiên, tôi mới biết ái tình

Lần đầu tiên đã mang nhiều thất vọng.

Dừng chân bên bờ đau thương hiện tại, chàng ôn lại thuở ban đầu người bạn tình trao yêu :

Em ném cho lòng ta đón lấy,

Bông hoa phong kín ý yêu đương.

Hay đâu hoa giấu mầm gai sắc

Sướt cạnh lòng ta mấy vết thương.

Nhớ đến lúc ái tình chớm dậy :

Yêu em từ đó ta phoir phoir.

Sống ở trong nguồn thú đắm say,

Nhưng cũng sống trong đau khổ nữa

Miệng cười trong lúc nhắm chua cay.

Rồi hồ như thất tình lục đục trong con người đồng khởi động : hờn, giận, sầu, thương kéo đến giày vò tâm tư, cào nát cõi lòng ; bao nguồn nghị lực đều tiêu ma ; máu, lệ cũng nường theo sức tàn phá của cơ thể mà trào tuôn. Dưới đây là hình ảnh đau thương ấy :

Lòng ta hồ vỡ tan tành,

Vì hờn, vì giận, vì tình, vì thương,

Vì cay đắng đủ trăm đường !

Than ôi ! ly rượu mơ màng khi xưa,

Ai đem dốc cạn bao giờ ?

Chẳng cùng chi nữa, chẳng chờ hưởng chung.

Để ta tỉnh mãi mà trông :

Giữa nơi cát bụi mịt mù dần lan

Từ nơi vết nặng không hàn
Một dòng máu, lẫn bao hàng lệ châu.
Phải chẳng đau khổ bấy lâu
Chứa chan nay lúc mạch sầu trào tuôn ?
Không, không. Thuốc độc vẫn còn
Mà nguồn nghị lực đương cuồn cuộn ra
Tình nhân hỡi ! Bạn Mê-Hà !

Chàng những tưởng bàn tay mềm dịu của ái tình sẽ xoa nhẹ tim lòng đê mê như nhung lụa, nào ngờ :

Tưởng tay nường vuốt, không dè
Bóp thêm cho máu dầm dề lại tuôn.

Thế là từ đây người thi nhân của chúng ta đành mang nặng vết thương tình. Vì quá ê chề, đau đớn, chàng mới tìm đến quyền lực nàng Tiên... Nâu mong chờ chất đắng của khói thuốc để làm tê dại giác quan cho vơi niềm sầu khổ :

Khói huyền lên, khói huyền lên...
Mắt say đậu ở ngọn đèn dần lu.
Tưởng bầu mây gió hư vô,
Tưởng vùng trăng lạnh mơ hồ đâu đây.

.....

Ưu tư rời bỏ cõi lòng
Hình hài thoát chốc bình bồng phiêu dao
Dật dờ trí thấp hồn cao
Thoáng qua ngàn cánh áo đào thiên tiên.

Có riêng gì khói thuốc đã trợ giúp khuây sầu, thi nhân còn nghe theo những thú vui tương tự cũng có hiệu năng mãnh liệt. Như một bệnh nhân mang chứng trầm kha được người mách thuốc, thi nhân không ngần ngại đến tìm Nàng...

Truyện lạc

Rượu ân ái đắm ngây lòng chán nản.
Rót tràn đi, rót nữa, tình nhân ơi !
Ta lắng nghe gió thoảng ở bên tai
Có phải chăng ? Vẫn réo lời thống khổ ?
Cứ rót nữa. – Bao giờ mê quá độ
Vơ tóc em lau cặp mắt đời say
Rồi trông ra bầu khói thuốc mù bay,
Ta chỉ thấy những màu tươi sặc sỡ.
Ồ ! những tấm thân nồn nà nghiêng ngửa !
Những trắng cười khoái lạc, giọng giòn tan !
Những điệu lẳng lơ, khiêu khích, nồng nàn
Những khúc hát lả lơi hay ủy mị !
- Hồi gái giang hồ ! bạn tình ô uế !
Biết chăng em ? đó là thú mê tơi
Để cho ta không thiết đến ngày mai
Đời ta nữa. – Ngày mai, là lúc tỉnh.
Cũng như em, tâm hồn ta đã lạnh
Tự lâu rồi ! từ cái thuở xa xăm.
Mà ánh sáng chim ca, mà bóng gió âm thầm,
Hay nét hoa tươi hay màu lá rụng
Cũng đủ khiến cho lòng ta rung động.
- Ta ngây thơ như cô gái đương xuân ;
Nhưng đến nay, cô ấy trái phong trần,
Đã dày dạn, thấy đời thô rõ quá !
Lòng đã tắt không còn tin tưởng nữa,
Thì quên đi ! quên hết để say sưa,
Để mê ly trong thú ái ân vờ,
Để trốn tránh những ngày giờ trống trải ;

*Em ơi, ta không dám để lòng ta nhớ lại.
Vì đôi phen qua những phút điên cuồng,
Mảnh hồn thơ còn thoi thóp giữa đêm sông
Bắt ta tiếc quãng đời trong trắng mãi.*

Nhưng cái tình kỹ nữ phải đâu là nơi ta giao phó tâm hồn. Thi nhân cũng biết những cánh hoa ấy đã bị nhiều con ong hút nhụy ; trong những phút bừng mộng chiếu chấn, người khách tình bỗng sắc ụa lên trong không khí bị đắm mùi tanh hôi nhục dục :

*Ta vừa đắm trong giấc mơ ghê tởm ;
Vừa buông tay ôm ấp gái giang hồ.
Đầy xác thịt, đầy tâm hồn còn lợm
Vị chán chường tràn lấn thú chua cay.*

Lòng đã ê chề, chán ngán, nhưng nỗi buồn đau cứ đeo đẳng không tha. Ta hãy nghe lời kêu thương khẩn thiết :

*Ta ngồi đó ; mắt van lơn tha thiết
Thầm kêu xin Buồn Nản tránh xa đi.*

Tuyệt vọng ! Thi nhân gia tăng thêm một độ thú vui thừa :

*Gọi khiêu khích, chúi vào trong mải miết,
Để cho lòng tìm lại chút mê.*

Nhưng thực tế vẫn là thực tế. Cho dù thi nhân có thả hồn ngụp lặn cuồng mê trong vũng lầy sa ngã, vết thương hồn đâu thể rịt bằng thú vui nhất thời của nhục dục. Rốt cuộc, hồn thể mỗi nười ; trong huyết quản, dòng máu uế oải chảy một cách tắc trách đủ nuôi sống một thể xác rã rời :

*Nhưng đau đớn ! – Tâm hồn ngao ngán quá
Thú vui tàn. – Mà giá ngắt như băng.
Trái tim mỏi, không buồn sôi nổi nữa
- Ngoài đêm khuya mưa gió vẫn không ngừng ;*

Có thể nói, cuộc đời thi nhân đến đây đã quá chán ngán não nề. Bị vật chất phù hoa quyến rũ phải ly dị Nàng Thơ, rồi bị tình phụ, và bao trò đối trá, gian ngoan đầy dẫy trong xã hội đã đúc kết nên giọng oán hờn :

Những vai Ganh Ghét, cùng Gian Trá

Diễn kịch Trần-gian mãi chẳng thôi

Kết toán lại dòng đời, trải qua nhiều khổ đau, chua chát mà niềm sâu thương như dòng máu di truyền cuộn cuộn mãi không thôi :

Quá nửa đời dầu dãi nắng sương.

Các chén chua cay hồ dốc cạn,

Nhọc lòng ôm nặng nỗi bi thương.

Để lấy cạn nghĩa, trong bài *Ác mộng*, thi nhân như cô đọng đường đời của mình qua quan niệm nhân sinh sau đây. Mời bạn đọc tìm hiểu thêm thi sĩ Thế-Lữ :

Ác mộng

Tặng Nguyễn trọng Phấn

Tôi mơ thấy đang nằm trên vũng máu,

Chống tay lên nghe tiếng những hồn kêu.

Khắp bốn phương lòe loẹt lửa trời chiều,

Muôn vật đắm trong một màu đỏ khé.

Tôi chợt hiểu : hình ảnh đời là thế ;

Có phải còn vui đẹp lắm đây chẳng ?

Tôi muốn quên đi trong thú mơ màng,

Và gượng cất tiếng cười che tiếng khóc.

Nhưng Số Mệnh vẫn chưa vừa lòng độc,

Nhất định dùng quyền lực hại tôi chơi.

Bắt tôi hết đau khổ lại ngược xuôi,

Trên hòn đất, than ôi ! Thân kiến muỗi.

*Thắt lại rồi buông, tha ra mà đuổi,
Không sớm cho tan nát hân thân hèn.
Tôi muốn lịm đi một giấc cầu yên,
Thì kéo dậy, lay hồn cho mở mắt !
Trên vực thẳm, một ngón tay khe khẽ,
Khiến tôi nhìn ra khắp cõi mênh mông,
Là chốn nhân gian đang uống máu nồng,
Nuốt một nửa, còn phun nhau một nửa.*

Sự chôn chặt kiếp đời mình trong một xã hội đầy ganh tị, gian trá, chuộng cái áo khoác bên ngoài, lấy cái nhân tạo thay thế thiên tạo một cách sống sượng, tâm hồn bị đọa đầy, thể xác trĩu nặng đang giãy giụa, lỏng thét như cổ vấy vùng khỏi ngục tù vật chất để trở về hòa hợp với thiên nhiên, Thế-Lữ đã ký thác tâm tư của mình trong bài *Nhớ rừng* (xin xem phần thi tuyển).

Một thời bị lạc lõng trên muôn nẻo chợ đời, kịp khi tan vỡ mộng, thi nhân gạt bỏ quặng đời qua ; như để cứu vãng một thân bị lữ làng, thi nhân hướng về khoảng trời cao rộng để tìm Chân-lý của Lẽ-sống. Dưới đây là hình ảnh người bộ hành đơn độc ấy :

*Như một kẻ bộ hành ngơ ngác.
Lạc vào nơi đồng đất hoang vu,
Tôi mang theo một mối hoài u,
Tìm chẳng thấy nhẽ uyên thâm của tạo vật,
Ngừng bước nản tôi trông vời Bí-mật
Trông bầu xanh nét mặt nghiêm trầm.
Trông bốn phương trời nước mịt mù tăm.
Và tôi hỏi : Biết tìm đâu, Chân-lý ?
Cao-thâm hời ! Ôi Vô-cùng Vô-đế !
Mây hằng bay, sóng hằng cuốn, gió không ngừng
Nghe thấy chẳng ? Hay ngờ biết cùng chẳng ?*

Nỗi thao thức một tâm hồn nhỏ bé.

Nhưng biết ở đâu là Chân-lý, là Vô-cùng, Vô-đế ; một lẽ quá thâm sâu mầu nhiệm đối với tâm hồn nhỏ bé của thi nhân. Song, cuối cùng, chàng cũng vạch được hướng đi thích hợp, đó là ý muốn cải thiện xã hội, dẹp mọi bất bình, đem lại đời sống Chân-thật, gần với thiên tính của con người. Đây là nguyên động lực đã thúc đẩy thi nhân bừng dậy chí phấn đấu :

Đang độ nam nhi vui trẻ hoai ;

Sâu tư bi thiết, gác bên tai.

Trái tim chỉ rộn khi căm tức,

Ghét lũ vô nhân, giận nỗi đời.

Và đây là hình ảnh một tâm hồn vừa tìm được Lẽ Sống mới ; chàng không ngần ngại tự giới thiệu mình là một chiến sĩ đang tận tụy theo đuổi mục đích cao đẹp :

Ta là một khách chinh phu,

Dấn bước trên chuyên khắp hải hồ.

Mũ lượt bốn bề sương nắng gội,

Phong trần quen biết mặt âu lo.

Vất vả bao từng, chi sá kể ?

Gian lao như lửa rèn tâm chí,

Bấy lâu non nước mãi xông pha,

Chưa phút dừng chân, chưa lúc nghỉ.

Như ta đã thấy, hình ảnh người chinh phu Thế-Lữ là thoái thân của chàng thi sĩ đa tình, nhiều mộng mơ. Trong những giờ phấn đấu, chàng hay quay về bản ngã. Đây :

Trong khi lạt đật rẻo sông Mê,

Trận gió heo may đuổi nhận về.

Bụi cuốn đường xa, chinh khách mỏi.

Bỗng nghe tiếng hát vắng bên kia.

Chẳng những nghe mà còn mê say đắm đuối là khác :

Tiếng hát trong như nước ngọc tuyền

Êm như hơi gió thoảng cung tiên,

Cao như thông vút buồn như liễu ;

Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên.

Và còn mềm lòng tê tái nữa :

Chinh phu trong dạ nhường tê tái,

Quay gót ta buồn trông trở lại,

Đường còn dài, còn phải đi,

Song le tiếng hát bên sông gọi.

Nhưng cuộc đời chàng từ đây đã gắn liền vào cái gì cao đẹp. Tiếng ái ân càng tha thiết gọi mời ; người chinh phu mấy phen đã rúng động lòng tơ ; ngập ngừng, trì kéo, nhưng rốt cuộc nghĩa vụ chiến thắng tình yêu :

Vì chừng ta cũng biết yêu đương,

Mà cuộc tình duyên gặp giữa đường

Trong lúc non sông mờ cát bụi

Phải đâu là bội kết uyên ương ?

Bởi vì :

Ta đi theo đuổi bước tương lai.

Tất nhiên phải :

Để lại bên sông kẻ ngậm ngùi.

Nhưng một lời đã nguyện với non sông :

Chí nặng bốn phương trời nước rộng.

Thế là phải chịu vương thêm một áng mây buồn :

Từ nay thêm bận nỗi thương ai.

*

Để kết luận, từ buổi sơ khai của nền thơ mới, Thế-Lữ không âm ỉ, gào thét, mà chỉ lặng lẽ một cách thiết thực chứng minh triển vọng tươi sáng của thơ mới bằng những sáng tác vượt bậc. Tiếng thơ Thế-Lữ là kết tinh của một tâm hồn phóng khoáng thích tìm về thiên nhiên, một lòng say mê nghệ thuật đến chỗ siêu thoát, một tình lãng mạn chân thành dễ tin yêu nhưng cũng dễ bị phản trắc, một niềm chán lợm cảnh đua chen, gian trá, ganh tị trong tấn kịch đời ; nó đã cô đọng thành một khối uất hờn và nảy sinh một ít nhiệt lượng hùng khí như để tìm cách giải thoát tâm tư.

(Ấn bản kỷ nhĩ, 4-1968)

THI TUYỂN

Nhớ rừng

(Lời con Hồ ở vườn Bách-thú)

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,
Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.
Khinh lũ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,
Giương mắt bé riều oai linh rừng thẳm,
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở dơi,
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.
Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ
Thuở tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, đông dặc, đường hoàng.
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng.
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc.
Là khiến cho mọi vật đều im hơi,
Ta biết ta chúa tể cả muôn loài
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.
Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,

Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới ?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng ?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật ?
- Than ôi ! thời oanh liệt nay còn đâu ?

Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,
Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,
Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối :
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng cây trồng ;
Giải nước đen giả suối, chẳng thông dòng
Len dưới nách những mô gò thấp kém ;
Dăm vùng lá hiến lành không bí hiểm,
Cũng học đòi bắt chước vẻ hoang vu
Của chốn ngàn năm cao cả, âm u.

Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ !
Là nơi giống hăm thiên ta ngự trị,
Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,
Nơi ta không còn được thấy bao giờ
Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,
Ta đang theo giấc mộng ngàn to lớn
Để hồn ta phảng phất được gần người,
- Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi !
(1936)

Cây đàn muôn điệu

(Gửi cho Tứ-Ly)

Tôi là người bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi
Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian lao, trong giờ sung sướng,
Khi phấn đấu cũng như hồi mơ tưởng.
Tôi yêu đời cùng với cảnh lâm than,
Cảnh thương tâm, ghê gớm, hay dịu dàng.
Cảnh rục rờ, ái ân hay dữ dội.

Anh dù bảo : tính tình tôi thay đổi,
Không chuyên tâm, không chủ nghĩa : nhưng cần chi ?
Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẽ Đẹp có muôn hình, muôn thể
Mượn lấy bút nàng Ly-Tao tôi vẽ,
Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca
Vẽ đẹp u trầm, đăm đuối, hay ngây thơ,
Cũng như vẽ Đẹp cao siêu, hùng tráng
Của non nước, của thi văn, tư tưởng.

Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân ;
Ánh tương bình linh hoạt nắng trời xuân ;
Vẻ sâu muện âm thầm ngày mưa gió ;
Cảnh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ ;
Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay ;
Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn lầy ;
Thú xán lạn mơ hồ trong ảo mộng ;
Chí hăng hái đua ganh đời náo động :
Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.

Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bi,
Và cảm khái bởi những lời hăng hái.
Tôi ngợi ca với tiếng lòng phấn khởi,

Tôi thở than cùng thiếu nữ băng khuâng,
Tôi véo von theo tiếng sáo lưng chừng,
Tôi yên ủi với tiếng chuông huyền diệu,
Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu ;
Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu ;
Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm màu :
Lấy thanh sắc trần gian làm tài liệu.

Mấy vần ngâm thơ

(Tặng Nguyễn lương Ngọc)

TÔI

Suốt đêm thức để trông ai,
Ô kìa ánh lửa đỏ ngời phương đông.
Nhờn như cây núi nhuộm hồng,
Đẹp như cô gái yêu chồng đêm nao ?

CÔ MÁN

Đêm qua trăng khóc trên trời,
Để cho nước mắt nó rơi trên cành,
Giọt châu trắng, lá cây xanh,
Anh kia có biết tâm tình tôi chẳng ?

TÔI

Kìa cô con gái thần thơ,
Đứng trên đỉnh núi trông chờ ai đây ?
Cỏ bay cái váy cũng bay...
Trên không con nhận đón mây chập chờn.

CÔ MÁN

Chập chờn con nhận đón mây,
Cỏ cao đón gió, tôi đây trông chồng

Lòng tôi anh biết cùng không ?
Ngày từng bừng cũng lạnh lùng như đêm.

TÔI

Đêm ngày cô những lạnh lùng,
Bởi chưng cô chưa có chồng, như ai.
Hỡi cô con gái kia ơi !
Thôi đừng khóc nữa, kéo tôi thêm buồn.

CÔ MÁN

Tôi buồn tôi lại buồn thêm
Tôi trông mây nước tôi thêm duyên tơ
Mắt tôi, nước mắt như mưa,
Tôi không muốn gạt, tôi chờ ai lau.

TÔI

Ai lau nước mắt cô mình ?
Dưới đây duy có một mình ta thôi.
Cầm khăn lòng những bồi hồi,
Lệ ta cũng chữa ai người lau cho.

Thân ta lưu lạc giang hồ,
Giận đời muốn khuất những trò đảo điên,
Để lòng theo đám mây huyền,
Mây đưa ta bước tới miền gió trắng.

Ở đây mây núi, cây rừng,
Nước non thanh sạch cách chường phồn hoa.
Chim đèo nhả gió đèo ca,
Du hồn như một giấc mơ không cùng.

Giữa nơi bát ngát mịt mù,
Tấm lòng thơ cũng nặng lòng ái ân.
Thân tuy muốn thoát duyên trần,

Nhưng còn vương mối nợ trần muôn năm.

Đờn lòng ta sắt ta cầm,

Lại dây hòa điệu, hòa âm ; ta cùng.

Du dương chung khúc mơ màng

- Mây cao với núi chập trùng kia ơ !

Tiếng gọi bên sông

(Lời chinh phụ)

Ta là một khách chinh phu,

Dấn bước truân chuyên khắp hải hồ.

Mũ lượt bốn bề sương nắng gọi.

Phong trần quen biết mặt âu lo.

Vất vả bao từng, chi sá kể ?

Gian lao như lửa rèn tâm chí,

Bấy lâu non nước mãi xông pha.

Chưa phút dừng chân, chưa lúc nghỉ.

Trong thuở sinh bình, đôi mắt ta

Không hề cho đắm lệ bao giờ ;

Cười phen thất bại, khinh nguy hiểm,

Nện gót vang đường, nhịp khúc ca.

Đang độ nam nhi vui trẻ hoài :

Sầu tư bi thiết, gác bên tai,

Trái tim chỉ rộn khi căm tức,

Ghét lũ vô nhân, giận nổi đời.

Trong khi lật đật rẻo sông Mê,

Trận gió heo may đuổi nhạn về.

Bụi cuốn đường xa, chinh khách mỏi,

Bỗng nghe tiếng hát văng bên kia.

Tiếng hát trong như nước ngọc tuyền,
Êm như hơi gió thoảng cung tiên,
Cao như thông vút, buồn như liễu :
Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên.

Chinh phu trong dạ nhường tê tái,
Quay gót ta buồn trông trở lại,
Đường vẫn còn xa, còn phải đi,
Song le tiếng hát bên sông gọi :

« Đi đâu vội bấy hỡi ai ơi !
Mà để cho nhau luống ngậm ngùi ?
Em trẻ, em son, em lại đẹp.
Sang đây chung hát khúc ca vui ! »

« Hỡi khách ! Sang đây với bạn tình.
Vui đi ! Đời được mấy xuân xanh ?
Ưu tư chi để sầu mây nước,
Kìa cánh hoa đua rồn trước cành. »

Tiếng ái ân kia réo rắt hoài,
Mà lời mây nước giục bên tai.
Đau lòng rút mối tơ vương vấn,
Nước mắt đầu tiên đã chảy rơi.

Vì chừng ta cũng biết yêu đương,
Mà cuộc tình duyên gặp giữa đường,
Trong lúc non sông mờ cát bụi
Phải đâu là hội kết duyên ương ?

Âm thầm từ giã cô thôn nữ,
Cô đứng bên sông không hát nữa,
Lòng ta thốn thức còn mê mê
Nhịp với lòng ai nhường than thở ?

Âm thầm ta lại bảo cô rằng :
« Mặt đất mênh mang biết mấy chùng,
Em có yêu ta thì gắng đợi,
Đem lòng mà gửi lên cung trăng.
Ở chốn đường khơi ta nhớ em.
Thì lòng ta sẽ hóa ra chim
Bay lên lưu luyến bên cung nguyệt
Sẽ ngỏ cho nhau thấu nỗi niềm. »
Ta đi theo đuổi bước tương lai,
Để lại bên sông kẻ ngậm ngùi.
Chí nặng bốn phương trời nước rộng,
Từ nay thêm bận nỗi thương ai.

Bên sông đưa khách

Tặng tác giả « Đời Mưa Gió »
Lòng em như nước trường-giang ấy,
Sớm tối đưa chàng tới Phúc-châu.
(Lời Kỹ-nữ)

Trời nặng mây mù mấy khóm cây,
Đứng kia không biết tỉnh hay say,
Đỗ bờ sông trắng con thuyền bé,
Cạnh lớp lau già gió lắt lay.

Tôi tiễn đưa anh đến tận thuyền
Để dài thêm hạn cuộc tình duyên ;
Thuyền đi, tôi sẽ rời chân lại.
Tôi nhớ tình ta, anh vội quên.

Thuyền khách đi rồi tôi vẫn cho
Lòng tôi theo lái tới phương mô ?

Bâng khuâng trong cõi sầu vô hạn.
Không khóc, vì chừng mắt đã khô.

Đâu biết rằng anh cũng chỉ là
Khách chơi giây lát ghé chơi qua ;
Rồi thôi níu áo không tình nữa,
Để mặc tình ai khổ, ước mơ.

Tôi chỉ là người mơ ước thôi,
Là người mơ ước hão ! Than ôi !
Bình minh chói lói đâu đâu ấy,
Còn chốn lòng riêng u ám hoài.

Mà biết vô duyên vẫn cứ mong,
Trăm năm ôm mãi mối tình không,
Trọn đời làm kẻ đưa thuyền khách :
Thuyền chày, trơ vơ đứng với sông.
(1937)

Tiếng trúc tuyệt vời

(Tặng Trường-Bách)

Tiếng địch thổi đâu đây,
Cớ sao mà réo rắt ?
Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt,
Mây bay... gió quyến mây bay...
Tiếng vi vút như khuyển van, như diều dặt
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.
Ánh chiều thu
Lướt mặt hồ thu,
Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc,
Rặng lau già xao xác tiếng reo khô.

Như khua động nổi nhớ nhung, thương tiếc
Trong lòng người đứng bên hồ.

Cô em buồn đứng bên hồ
Nghiêng tựa mình cây, dáng thần thơ.
Chừng cô tưởng đến ngày vui sẽ mất,
Mà sắc đẹp rõ ràng rồi sẽ tắt
Như bóng chiều dần khuất
Dưới chân trời.

Cho nên cô nghe tiếng trúc tuyệt vời,
- Thốn thức với lòng cô thốn thức,
Man mác với lòng cô man mác –
Cô để tâm hồn tê tái, băng khuâng.

Ta muốn nâng
Tấm khăn hồng lau mắt lệ cho ai.
Vì ta sợ má đào kia phai,
Cũng như ta đã ca
Khuyên ngày vui trở lại
Cùng với ánh quang minh còn mãi
- Cho người vui cảnh quên già.

Giây phút chạnh lòng

(Tặng tác giả Đoạn-Tuyệt)

Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.
Đã quyết không mong sum họp mãi.
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi ?
« Non nước đang chờ gót lãng du,
Đâu đây vẳng tiếng hát chinh phu,

Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.

« Anh đi vui cảnh lạ, đường xa,
Đem chí bình sinh dãi nắng mưa,
Thân đã hiến cho đời gió bụi,
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ ?

« Rồi có khi nào ngắm bóng mây
Chiều thu đưa lạnh gió heo may
Dừng chân trên bến sông xa vắng,
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây ;

« Xin anh cứ tưởng bạn anh tuy
Giã hãm thân trong cảnh nặng nề,
Vẫn để hồn theo người lận đận ;
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi. »

Lấy câu khăng khái tiễn đưa nhau,
Em muốn cho ta chẳng thấm sầu.
Nhưng chính lòng em còn thốn thức,
Buồn kia em giấu được ta đâu ?

Em đứng nường mình dưới gốc mai,
Vìn nhành sương đọng, lệ hoa rơi,
Cười nâng tà áo đưa lên gió,
Em bảo : hoa kia khóc hộ người.

Rồi bỗng ngừng vui cùng lặng lặng,
Nhìn nhau bình thản lúc ra đi.
Nhưng trong khoảnh khắc ơ thờ ấy,
Thấy cả muôn đời hận biệt ly.

Năm năm theo tiếng gọi lên đường,
Tóc lộng tơ bởi gió bốn phương.

Mấy lúc thần thờ trông trở lại,
Để hồn mơ tới bạn quê hương.

Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng
Gác tình duyên cũ thẳng đường trông.
Song le hương khói yêu đương vẫn
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.

Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan.
Trong lúc gần xa pháo nổ ran,
Rũ áo phong sương trên gác trọ.
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.

Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi,
Trên đường rộn rã tiếng đua cười,
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy.
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.

Lòng ta tha thiết đượm tình yêu,
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
Mắt lệ đẫm trông miền cách biệt,
Phút giây chùng mõi gói phiêu lưu...

Cát bụi tung trời – Đường vất vả
Còn dài – Nhưng hãy tạm dừng chân,
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón gió xuân ?

Lựa tiếng đàn

Gởi cho bạn Mỹ-thuật ở Hà-nội
Trong nhà tranh, một mình tôi than thở,
Với cây đàn, tập giấy. Các anh xa.
Sáng hôm nay, sương biếc tỏa mờ mờ.

Như hương khói đượm đầu cau, mái rạ :
Ánh hồng tía rắc ngọc châu trên lá,
Trời trong xanh chân trời đỏ hây hây.
Tiếng chim xuân nhí nhảnh ở trong cây.
Cảnh vui thế, sao tôi còn buồn nữa ?
Bởi vì gió ở đây trong trẻo quá :
Tiếng đàn tâm réo rắt nẩy càng cao,
Bởi vì đây duy có nàng Ly-Tao.
Với bao nỗi tiếc thương hồi quá vãng,
Vẫn cùng tôi ở chung nhà bầu bạn.
Tôi bùi ngùi âu yếm mỗi bi ai,
Và để sầu tư mơn trớn lòng tôi,
Nên cảnh đẹp lại thêm chiều mai mĩa.
Tôi muốn sống cuộc đời thi sĩ, để
Uống say nồng, nhưng chỉ thấy chua cay,
Tìm mộng vàng trên cảnh lộng trời mây,
Mây thường biến : trời như lòng, tẻ ngắt.
Được lẫn lút mãi trong đời Mỹ-thuật,
Như các anh vui, sướng trẻ trung sao !
Các anh đi len lỏi giữa xôn xao,
Và cười cợt ở trong luồng gió bụi ;
Đập vang gót trên bờ hè Hà-nội,
Rủ nhau xem vẻ đẹp của lằm than,
Thấy hình tiên ngay giữa đám trần gian.
Và bồi đắp lên những màu u ám.
Thôi ! Hãy để giọng buồn thương ta thán,
Cho chúng tôi là một bọn nhạc công,
Trăm ngàn năm nẩy mãi sợi tơ lòng,
Ca những khúc sầu vui, tình thiên hạ.

Chán nản ư ? Các anh đừng than thở,
Cứ im đi, rồi bảo cho tôi hay.
Lựa giọng buồn, tôi sẽ vắn trầm dây,
Và gọi gió, gọi thông, lên tiếng họa.
Nỗi buồn sẽ theo mây mờ mịt toả,
Bạn hữu ơi ! Cất tiếng ta cười chung,
- Để cho tôi được chút vui cùng.

Ý thơ

Bình tĩnh lại, bao nỗi lòng huyền ảo !
Vì giờ đây muôn vật lắng trong đêm ;
Trong gió đứng, thanh âm treo khúc dạo,
Trong sương khuya, ngừng đọng ánh hương chìm ;
Hoặc lặng sống trong đài khoan độ nở,
Cây âm thầm khép lá gượng xôn xao ;
Nường bóng tối muôn loài sâu nín thở ;
- Thời gian qua, nghỉ bước trên tầng cao.
Đây là phút bắn khoan trong ngóng đợi,
Phút anh linh, huyền diệu của tâm tư
Ghi dấu vết giữa tháng năm thay đổi
Để ngàn sau nối lại với ngàn xưa.
Ấy là lúc ý thơ rung ánh ngọc,
Cùng Thi-tiên say giấc khói hương ngà,
Nhà thi sĩ nâng niu bầu cảm xúc
Của trời mây đúc lại mấy lời hoa.

Lời than thở của nàng mỹ thuật

Em đứng em buồn cạnh khóm lau,

Khóm lau than trước gió đêm thâu,
Gió thâu khóc với trăng thâu lạnh.
Ai biết tình quân em ở đâu ?

Than ôi ! Mới được mấy thu nay,
Gặp gỡ tình quân giữa cảnh này
Là chốn em quen cười với gió.
Với trăng, với nước, với mây bay...

Họa sĩ qua chơi lúc bấy giờ,
Lòng em phơi phới trí ngây thơ ;
Em xinh, em đẹp mà không biết,
Không biết vì em ai ngẩn ngơ.

Lân la, người khách lạ nên quen,
Rồi ngón tay tình chấp mỗi duyên.
Cái thừa ban đầu lưu luyến ấy
Ngàn năm chưa dễ đã ai quên.

Em thấy chàng yêu mới nhớ ra
Tên em là Đẹp, bạn em là
Bao nhiêu cảnh tượng, muôn hình sắc :
Ánh sáng, non sông, mây, cỏ, hoa...

Em càng trang điểm để thêm xinh,
Và để màu tươi của Ái-tình
Điểm khắp bầu trời thêm vẻ đẹp,
Hồ kia thêm biếc, núi thêm xanh,

Hay đâu cơn gió lạ đâu đâu
Thổi lại cho em những mối sầu :
Bạn ngọc thừa về, em khắc khoải,
Cười, nhưng phảng phất vẫn lo âu.

Rồi bỗng ngày kia em mới hay

Tình quân em đã chán nơi đây.
Chàng đi theo dõi tơ duyên khác.
- Hỡi mộng lòng ơi ! Ôi bóng mây !

Nay biết cùng ai tỏ nỗi niềm ?
Tình quân không dám ở cùng em,
Yêu nhau, yêu cả trong gian khổ :
Chàng hám vinh hoa mãi miết tìm.

Như nàng Ngọc-nữ ở Thiên-thai,
Tiếc mãi chàng Lưu vẫn luyện đời,
Em đứng bên trường ân ái cũ,
Rồi em than khóc bạn tình ơi !

Rồi ánh trăng kia, với gió thu,
Với gương hồ lạnh, với ngàn lau,
Với bao cảnh đẹp vui khi trước
Ủ rũ vì em nặng khối sầu.

Tự trào

Thế-Lữ là một chàng kỳ khôi :
Sống hôm nay không biết có ngày mai,
Cũng không thiết nhận cảnh đời trước mắt.
Tính giản dị, lại ưa điều bí mật,
Trưa mùa hè đi vẽ cảnh đêm trăng,
Ở Đồ-sơn thuật chuyện trên rừng.
Đến khi lên thượng du, có lẽ
Anh lại nghĩ chuyện vãn vơ dưới bể.
Người vụng về, yên lặng chẳng ai ưa,
Có bao nhiêu vết xấu chẳng thềm chừa,
Ăn mặc thì lôi thôi, lố thốc :

Đến Hà-nội với chiếc quần cộc lốc,
Với đôi giày vải trắng mang từ hạ sang đông ;
Chiếc mũ dạ vàng, dùm dó, bắn vô song
Đội mưa nắng suốt từ Nam ra Bắc.
Đời dị nghị đến thế nào cũng mặc
Đi giữa đường anh cứ ngược trông trời,
Và dương dương vui vẻ như người
Không bao giờ, không đời nào biết khổ.
Các bạn hữu ái ngại dùm, thường dỗ :
- « Anh dại chi mà lãng phí mất bao ngày ?
Nghe chúng tôi, cứ tới ở đây,
Có tài trí thì cùng người thi thố,
Chứ quạnh hiu đời còn đâu là thú ?
Đến ở đây mà vùng vẫy, đua ganh,
Mua lấy cho mình đôi chút công danh ».
Thế-Lữ nghĩ ba hôm mới nói :
« Ô phải đấy ! » Rồi ở ngay Hà-nội,
Anh ta vừa hoạt động, vừa mơ màng ;
Lúng túng như anh mán học làm sang
Trong một bộ áo quần rất lịch sự.
Học đo dẫn, học dè, học giữ,
Học chen vai thích cánh, – học ra đời !
Nhưng chẳng bao giờ bỏ được tính dở hơi :
Là cứ tưởng trần gian, ai cũng tốt.
Ở đời này quá thực thà là dốt !
Anh ta nào có biết đâu rằng
Có bao nhiêu đức tính cũng không bằng
Chỉ khôn khéo, gian ngoan là đạt tất !
Bỗng hôm nay, rầu rầu nét mặt,

Vắt bên tay « bộ quần áo văn minh »
Anh đến bảo tôi rằng : « Cái bước công danh
Thực chẳng có chút nào thi vị cả !
Đừng đón hỏi, đừng dỗi dành tôi nữa,
Để cho tôi riêng sống đời riêng tôi.
Cuộc đời lang thang giản dị, nhưng mà vui,
Riêng cùng với Nàng-Thơ làm bầu bạn.
Cái sung sướng phồn hoa tôi đã chán ! »
Rồi bỏ quên bao nỗi giận, buồn qua,
Anh ta buông bỏ lốt chẳng nên thơ
Và giữ lại chiếc mũ tàng, đôi giày trắng,
Với chiếc áo đã lợt màu vì sương nắng,
Anh ta đi, đi tìm chị Ly-Tao
Mà ít lâu nay không biết trốn nơi nào !

Vẻ đẹp thoáng qua

Hôm qua đi hái mấy vần thơ,
Ở mãi vườn tiên gần Lạc-Hồ :
Cảnh tĩnh trong hoa chim mách lẻo.
- Gió đào mơn trớn liễu buông tơ.
Nước mát hơi thu thấm sắc trời,
Trời xanh, xanh ngắt đượm hồng phai.
Ái ân, bờ cỏ ôm chân trúc,
Sau trúc, ô kìa ! xiêm áo ai ?
Rẽ lá, thi nhân bước lại bên
Mấy vòng sóng gợn mặt hồ yên,
Nhờn như vùng vẫy ba cô tắm
Dưới khóm hoa quỳnh lá biếc xen.

Hồ trong như ngọc tẩm thân ngà,
Lồ lộ da tiên thô sắc hoa,
Mỉm miệng anh đào tan tác rụng,
Tóc buông vờn mặt nước say sưa,
Say sưa, người khách lạ bỗng lai,
Giận lũ chim kia khúc khích hoài.
Van khê gió đừng vì vút nữa.
- Nhưng mà chim, gió có nghe ai ?

Lời oanh trên liễu, yến bên hồng,
Hạc ở trong không, phụng dưới tùng,
Bống chốc cùng nhau cao tiếng họa,
Đàn tiên rộn rã khắp tiên cung...
Hoa lá cùng bay bướm lượn qua,
Người tiên biến mất, – Khách không ra :
Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận.
- Một áng hương tan, khói tỏa mờ.

Trả lời ²⁶

Không ! Thế-Lữ cũng chưa xa Hà-nội,
Vẫn ngược xuôi trên các đường gió bụi
Chốn phồn hoa náo nhiệt dưới ta đây,
Nhưng bởi vì đâu trong ít lâu nay,
Tôi thường thấy anh ta buồn chán lạ.
Bao nhiêu vẻ tươi cười, hớn hờ
Biến nơi nao, để hương khói ưu tư
Vẩn vương hoài trên nét mặt người thơ
Lang thang bước giữa những nơi đông đúc,
Anh quên hẳn bên mình người chen chúc

Đang vội vàng tranh kiếm kế sinh nhai.
Mắt thờ ơ trông phố lại trông trời,
Trông nhà cửa tối tăm hay căn hàng rệu rã,
Trong cảnh kiêu xa cũng như đời lam lũ
Anh đứng đứng nhường chẳng biết chi chi
Thấy lạ lòng tôi đã một đôi khi
Tìm Thế-Lữ hết lời căn vặn hỏi.
Anh chỉ thở dài, mãi sau mới nói :
« Tôi là một kẻ mơ màng,
Yêu sống đời giản dị, bình thường,
Cùng với Nàng Thơ thắm năm ca hát,
Chúng tôi quen cảnh mịt mù bát ngát
Của non cao, rừng cả ; cảnh đìu hiu
Chốn đồng xa sương trắng chập chờn gieo
Hay cảnh rở rạc, bướm tung bay, chim vui hót
Tôi nâng đàn, nâng cao lời dịu ngọt,
Trông nước non thanh khiết chốn sơn thôn
Gửi tiếng tơ lòng và gửi cả tâm hồn,
Cho hoa cỏ, cho gió mây, cho ánh sáng ».
Kề vai nhau ở trong trường mộng tưởng,
Cùng tạo nên riêng một cảnh thiên đường,
Đầy hương hoa cùng tình ái du dương.
- Bỗng một hôm, từ phương ngoài xa cách
Cơn gió phồn hoa thổi qua đời tịch mịch
Đem tới cho lòng ham muốn tung hoành
Giữa vinh hoa lộng lẫy của văn minh.
Tôi khuyên Thơ tìm đến nơi thành thị,
Khuyên chung sống trong cuộc đời mới mẻ.
Nàng ngại ngùng, nhưng bởi đã quen chiều

Bạn tình thơ, nên nàng cũng ứng theo.

Rồi từ đó, trên các đường rộn rã
Người ta thấy đôi thiếu niên bờ ngõ
Dắt tay nhau len lỏi bước đưa chen
Và hiến cho đời đôi khúc đàn tiên
Đã ghi chép nơi gió sương tươi sáng.
Nàng sung sướng vì thấy tôi sung sướng
Buổi đầu tiên chào đón tiếng hoan hô
Của khách giàu sang trong chốn kinh đô.

- Nhưng Nàng Thơ tôi là người cả thẹn,
Không quen tiếng còi ô tô, chuông xe điện,
Không quen màu xán lạn đất vui chơi
Nên từng phen nàng thơ thần ngậm ngùi
Thương tiếc cảnh êm đềm non nước cũ,
Gượng cười nói khi thấy tôi khuyên dỗ,
Gượng vâng theo khi tôi giục hồn thơ
So dây đàn chung họa mấy lời ca
Đem nhau bước vào trường hoạt động
Tôi hăng hái muốn cùng ai vui sống
Mà vẫn đồn thơ mơ tưởng – Nhưng than ôi !
Chẳng bao lâu, người tiên tử bạn lòng tôi,
Bỏ tôi lại với cảnh đầy gió bụi !
Nàng xa tôi để lánh xa Hà-nội,
Để tránh nơi tôi mãi miết đua ganh.
Tiếng ồn ào nhộn nhịp Hà-thành
Đã che át tiếng du dương êm dịu
Của khúc tiên ca xa xăm trong trẻo.
Cho nên tôi chán nản bấy lâu nay
Chiếc đòn lòng hờ hững bỏ trùng dây

Và để mặc tơ nhện sầu chẳng phiếm.
Tôi muốn tránh cảnh phồn hoa đã chiếm
Mất lòng tôi, tìm cho thấy bạn Ly-Tao
Nhưng non nước muôn trùng, em than khóc ở nơi nao ?
Ta biết hỏi ai ! Hồi tình nhân kiều diễm ?

Giục hồn thơ

Nàng Thơ ơi ! Nàng Thơ ! – Ta buồn lắm !
Nắng gay gắt trên khóm sen không thắm ;
Gió thờ ơ không động bóng tàn cây ;
Dưới trời xanh, mây quá trắng không bay ;
Hồ không sóng phơ mặt gương quá sáng ;
Thời gian đứng : sắc hình tro trên dáng,
Lòng ta không âu yếm, không vui tươi,
Không nhớ thương, không sôi nổi. – Than ôi !
Cũng không cả nổi đắng cay tê tái :
Nàng Thơ ơi, tâm hồn ta trống trải.
Ta đứng đây, lơ lảo, hững hờ trông
Cảnh vô duyên không gợn tiếng tơ lòng ;
Ta đứng đây, thần thờ mơ bóng bạn,
Trông giờ khắc lặng mang niềm ngao ngán,
Ly-Tao ơi, nương tử của lòng ta !
Nỡ lòng du, sơ lãng mối tình thơ ?
Tìm đâu thấy những phút giây êm ái.
Những phút giây xán lạn ánh thiêng liêng
Ta cùng ai để tâm hồn mê mãi
Tung ngọc châu gieo những khúc thần tiên ?
Đâu những buổi non sông cùng lặng lẽ
Đợi tay ta dịu dặt ngón tay ai.

Tạo nên bức tranh tuyệt trần hoàn mỹ
Lên không gian, thâu góp muôn màu tươi ?
Vì bạn ơi ! những khúc đờn réo ngọc
Với bức tranh châu chuốt nét thanh cao
Là những bài thơ, nỗi tình cảm xúc
Của lòng ta và của bạn Ly-Tao.
Nàng thơ ơi ! Nàng thơ ! – Ta buồn lắm !
Đem lại đây ánh hương hoa say đắm,
Đem lại đây làn sương gió mơ màng,
Đem lại đây, cùng với điệu du dương,
Những tiếng khóc than hay lời cảm khái
Để lòng ta thôi đừng khô héo mãi !
Để cho ta khi ngắm nắng, trông hoa.
Khi đứng bên hồ đón gió đưa qua,
Ta được thấy ánh lòng ta rung động.
Ta được thấy hồn thơ ta gợn sóng,
Thấy miệng cười bạn tiên tử yêu kiều
Và cùng ai chung giấc mộng cao siêu.

Đêm mưa gió

(Tặng Đỗ đức Thu)

Ta vừa đắm trong giấc mơ ghê tởm :
Vừa buông tay ôm ấp gái giang hồ.
Đầy xác thịt, đầy tâm hồn còn lợm
Vị chán chường tràn lấn thú cay chua.
Mặc tấm thân lỏa lồ say mệt ngủ,
Ta ngồi, đắm nghe ngóng tiếng đêm sâu ;
Trên mái ngói cả một trời mưa gió
Vẫn sụi sùi dai dẳng suốt canh thâu.

Suốt canh thâu, đồng hồ treo bức vách
Thong thả đưa, thong thả đếm từng giây,
Rành rọt điểm trong lòng ta tịch mịch
- Trong lòng ta u tối gió mưa bay.

Ta ngồi đó ; mắt van lơn tha thiết
Thầm kêu xin Buồn Nản tránh xa đi ;
Gọi khiêu khích, chúi vào trong mải miết,
Để cho lòng tìm lại chút đê mê.

Nhưng đau đớn ! – Tâm hồn ngao ngán quá
Thú vui tàn. – Mà giá ngắt như băng,
Trái tim mỗi, không buồn sôi nổi nữa.
- Ngoài đêm khuya mưa gió vẫn không ngừng...

Ma túy

Khói huyền lên, khói huyền lên...
Mắt say đậu ở ngọn đèn dần lu.
Tưởng bầu mây gió hư vô,
Tưởng vùng trăng lạnh mơ hồ đâu đây.
Ở đâu ta ở chốn này,
Năm trong Hờ hững gởi tay Vô-tình.
Nhỏ to bạn hữu quanh mình,
Trông ra vẫn có mà hình như không.
Ưu tư rời bỏ cõi lòng,
Hình hài thoát chốc bình bồng phiêu dao.
Dật dờ trí thấp hồn cao,
Thoáng qua ngàn cánh áo đào thiên tiên.
Khói huyền lên... khói huyền lên...
Mộng pha hơi tía hơi huyền trong mây.
Bầu trời nồng ngát hương ngây,

Kìa trông trong đắm trong say muôn hình.
Lung linh vàng dọi cung Quỳnh,
Nhịp nhàng biến hiện những hình Tiên nga.
Chập chờn gần tưởng như xa,
Ngọc reo muôn khúc đàn ca muôn lìm.
Hàng châu lặng lẽ rơi chìm,
Dưới hồ trong vắt, bên thềm đắm đắm.

Hai cô lả lướt nghiêng năm
Hai cô đứng thấp hương trầm hai bên
Khói huyền lên... khói huyền lên
Thuyền trôi lững thững : Đào nguyên đâu rồi ?

Trưa

Đường nắng. Trong dâu tiếng nói cười.
Bay ra, ròn rã ghẹo bên tai
Ngừng chân, rẽ lá tìm. Im phắc :
Vàng rọi lửa thừa, chẳng thấy người.
(Thế-Lữ)

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP (1914-1938)

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP sinh ngày 12-12-1914, tại Hà-nội (Bắc-phần). Ông là con trai của học giả tên tuổi : Nguyễn văn Vĩnh, người có công rất nhiều đối với nền văn học đất nước trong giai đoạn chuyển mình giữa cũ và mới, và là người chủ trương nhóm Đông-dương tạp chí.

Ông đã từng theo học tại trường Trung-học Pháp Albert Sarraut Hà-nội ở Ban Trung học, sau khi đỗ bằng Tú tài Pháp, Nguyễn nhược Pháp theo ban Luật-khoa tại trường Cao đẳng Hà-nội.

Nguyễn nhược Pháp bước vào làng thơ tiền chiến từ năm 1932 với tác phẩm đầu tiên Ngày xưa, xuất bản năm 1935 tại Hà-nội. Ngoài ra ông còn viết truyện ngắn, phóng sự, khảo luận và sáng tác kịch nữa. Năm 1936, Nguyễn nhược Pháp có cho xuất bản vở kịch mang tên Người học vẽ.

Nhờ ảnh hưởng ở thân phụ, Nguyễn nhược Pháp sớm tham gia làng báo nước nhà từ khoảng năm 1933 ; ông cộng tác với nhiều tờ báo cả Việt lẫn Pháp ngữ, như : Hà-nội báo, Đông-dương tạp chí (bộ mới), Tinh hoa, L'Annam nouveau.

Mặc dù Nguyễn nhược Pháp góp mặt vào làng thơ chỉ vỏn vẹn một tác phẩm duy nhất Ngày xưa, nhưng tác phẩm ấy đã gây được tiếng vang tốt đẹp trong lãnh vực thi ca tiền chiến. Ngày xưa của Nguyễn nhược Pháp đã tự tạo một sắc thái riêng biệt và đánh dấu một đường hướng mới lạ trong thời đại thơ mới, mà tiêu biểu nhất là hai bài được khách yêu thơ mến chuộng : Sơn-tinh Thủy-tinh và Chùa Hương.

Hai bài thơ này, Nguyễn nhược Pháp đã cho mọi người thấy ở ông có một nét độc đáo, đó là cái nhìn sâu rộng, một sức tưởng tượng phong phú, và tài thi-vị-hóa của ông ; thêm vào đó, đọc thơ Nguyễn nhược Pháp người ta thấy đâu đây có những nụ cười tế nhị, duyên dáng, dí dỏm, những hình dáng ngộ nghĩnh, những màu sắc vui tươi. Có thể nói trong các thi nhân

tiền chiến, Nguyễn Nhược Pháp là một nhà thơ có cái cười ý nhị và tao nhã nhất.

Nhờ hấp thụ nhiều ảnh hưởng tốt đẹp ở phụ thân, học giả Nguyễn văn Vĩnh, nên Nguyễn Nhược Pháp tỏ ra vô cùng xuất sắc trong lãnh vực văn chương ; từ viết báo, viết truyện ngắn, đến làm thơ, viết kịch, nhưng thơ là bộ môn ông thích nhất và cũng chính ở môn này đã tạo cho Nguyễn Nhược Pháp một ngôi vị đáng kể trong lịch sử văn học đất nước.

Ngày 19 tháng 11 năm 1938, Nguyễn Nhược Pháp qua đời sau bao ngày đau yếu tại bệnh viện Lanessan ở Hà-nội. Ông mất, thi đàn Việt-nam đành mất một thi tài đang hồi phát triển, tựa hồ trong đêm tối trời, bỗng lóe lên một mảnh sao băng mang thứ ánh sáng đẹp đẽ, rực rỡ vẽ lên nền trời rồi vụt tắt.

Người ta tin tưởng nếu Nguyễn Nhược Pháp không vắng số, với lứa tuổi trẻ đang lên, tài năng đang hồi nảy nở, chắc hẳn thi đàn đất nước còn đón tiếp thêm nhiều tác phẩm trác tuyệt và giá trị khác của ông.

*

MÙA xuân năm 1935, làng thơ tiền chiến tiếp nhận một thi phẩm mang tên Ngày xưa. Tác giả là một thi nhân trẻ có cái tên xa lạ : Nguyễn Nhược Pháp.

Nguyễn Nhược Pháp đến làng thơ hồi ấy như một làn gió mang hương vị vui tươi, cởi mở ; tạo một đường hướng riêng cho mình. Với những vần thơ nhẹ nhàng, dễ mến, ý vị khiến người đọc cảm thấy thoải mái, vui tươi. Nguyễn Nhược Pháp luôn cho ta nụ cười dí dỏm, nhưng sâu sắc và tế nhị.

Trong Thi nhân Việt-nam, Hoài-Thanh Hoài-Chân, khi nói về Nguyễn Nhược Pháp hai nhà phê bình đã viết như sau : « Đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp, lúc nào hình như cũng thoáng thấy bóng một người đương khúc khích cười. Nhưng, cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu của các ông Tú, từ Tú-Xuất, Tú-Xương, đến Tú-Mỡ. Nó

hiền lành và thanh tao. Nội chừng ấy có lẽ cũng đủ cho nó có một địa vị trên thi đàn. Nhưng còn một điều này nữa mới thật đáng quý : với Nguyễn nhữc Pháp nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng ».

Trong thi phẩm *Ngày xưa* Nguyễn nhữc Pháp còn cho in mấy bức họa của thi sĩ kiêm họa sĩ Nguyễn Giang – anh ruột của ông – đi đôi với hai bài thơ mà người ta cho là hay nhất, đó là bài : *Chùa Hương* và *Sơn-Tĩnh Thủy-Tĩnh*, một làm theo lối ngũ ngôn và một, thất ngôn.

Khởi đầu bài thơ, Nguyễn nhữc Pháp giới thiệu cái không khí ngày xưa của đất nước thanh bình trong thời vua Hùng-Vương :

*Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng-vương thứ mười tám,
Mỹ-nường xinh như tiên trên trần...*

Chỉ bốn câu đầu, tác giả đã hội tụ đủ yếu tố thời gian, không gian và những nhân vật muốn nói trong thơ. Đó là một điểm rất hay, nó không làm rườm rà câu chuyện. Sau khi giới thiệu bối cảnh, Nguyễn nhữc Pháp tả vẻ đẹp của Mỹ-nường như sau :

*Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
Miệng nàng bé thắm như san hô,
Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ.*

Với vẻ đẹp như thế cho nên nhiều người rắp ranh bắt sẻ, nhà vua cũng vì yêu con quá nên mong sao có được một chàng trai văn võ song toàn để chọn ngôi phò-mã :

*Hùng-vương thường nhìn con yêu quá,
Chắp tay ngẩng lên trời tạ ân ;
Rồi cười bảo xứng ngôi phò-mã,
Trừ có ai ngang vị thần nhân.*

đó chỉ là điều mơ ước, nhưng :

Hay đâu thần tiên đi lấy vợ !

Những thần ấy chính là Sơn-Tinh và Thủy-Tinh. Hai vị thần này chỉ là những nhân vật tưởng tượng theo truyền thuyết có tính cách thần thoại, không ai biết hình dáng như thế nào cả, Nguyễn Nhược Pháp cho ta thấy như sau :

*Sơn-Tinh có một mắt ở trán,
Thủy-Tinh râu ria quăn xanh rì.*

Thật nhà thơ có khác, ông đã mô tả hình dáng người hùng cách độc đáo, một người có một mắt ở trán và một thì râu ria quăn xanh rì, thật uy nghi, đường bệ, không ai kém ai. Nguyễn Nhược Pháp đã khéo cấu tạo nhân vật và mô tả sống thực khiến người đọc có cảm giác như chính tác-giả đã thấy được Sơn-Tinh, Thủy-Tinh và tả lại làm cho câu chuyện trở nên có hồn và lý thú.

Hai thần nhân đã có dị tướng ắt phải có dị tài, nên Hùng-vương phân vân không biết kén chọn ai ở ngôi phò-mã, tác giả có những câu dí-dỏm như :

*Nhưng có một nàng mà hai rế,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !*

nên khiến :

Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước.

Đến phương cách di chuyển của hai vị thần cũng tỏ ra vẻ oai vệ :

*Một thần phi bạch hổ trên cạn,
Một thần cười lưng rồng uy nghi.*

Đã đến một cách bệ-vệ, oai nghi như thế, thì ít ra các thần cũng phải có một cái gì chớ, thì đây :

*Thủy-Tinh khoe thần có phép lạ,
Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bắt quyết hò mây to nước cả,
Dậm chân rung khắp làng gần quanh.
Ào ào mưa đổ xuống như thác,
Cây xiêu, cầu gãy, nước hò reo.
Lăn, cuốn, găm, lay, tung sóng bạc,
Bò, lợn, và cột nhà trôi theo.*

Khi thần nhân đã yêu thì cũng biết khoe tài và làm dáng, cốt để lấy oai cùng người đẹp, khiến giai nhân phải :

My-nương ôm Hùng-vương kinh hãi.

nhưng :

Sơn-Tinh cười, xin nàng đừng lo.

rồi như để trấn an người đẹp cùng đức vua cha, Sơn-Tinh vội :

Vung tay niệm chú : Núi từng dải,

Nhà lớn, đôi con lồm ngồm bò.

Thật là khôi hài, trào phúng không sao nín cười được ; nhưng cũng đáng buồn phiền thay, chỉ vì một tí điệu võ dương oai của các thần mà đến nỗi « bò, lợn, và cột nhà trôi theo ».

Tuy nhiên bù lại được chứng kiến một đám cưới kỳ lạ chưa từng có trong 17 đời vua trước. Lễ vật quá trọng hậu, mà chàng rể thì...

*Sơn-Tinh ngồi bạch hổ đi đầu,
Mình phủ áo bào hồng ngọc dát,
Tay ghì cương hổ, tay cầm lau.
Theo sau năm chục con voi xám
Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều,
Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh,*

Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.

và lại càng không thể không ngợp mắt trước anh chàng rể hệt Thủy-Tinh dẫn cả một đoàn quân đi cưới vợ :

*Thủy-Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,
Yên gấm tung dài bay đỏ chót.
Mình khoác bào xanh da trời quang,
Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai.
Khập khiễng bò lê trên đất lạ,
Trước thành tập tễnh đi hàng hai.*

Hình ảnh một đám cưới kỳ quái, Nguyễn nhữc Pháp tạo ra cái cười lý thú.

Khi tả cuộc tranh hùng của hai đoàn quân, tác giả đã dàn trận phía « thủy quân » (Thủy-Tinh) :

*Sóng cả gầm reo lẫn như chớp,
Thủy-Tinh cưỡi lưng rồng hung hăng.
Cá voi quất mõm to muốn đớp,
Cá mập quẫy đuôi cuồn cuộn nhe răng,
Càng cua lờm chờm giơ như mào ;
Tôm kèn chạy quặp đuôi xông xao.*

và phía « lục quân » (Sơn-Tinh) cũng vội :

.....

*Hoa tay thần vẫy hùm, voi, báo
Đuôi quặp, nhe nanh, giơ vuốt đồng,
Đạp long đất núi, gầm xông xáo,
Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.
Mây đen hăm hờ bay mù mịt,
Sấm rạn, sét động nổ lòe xanh*

Trình bày hai thế trận trên, tác giả cho ta thấy ngay sự kém thế của Thủy-Tinh :

Tôm kèn chạy quắp đuôi xôn xao.

chứng tỏ sự dao động tinh thần của binh tôm. Rồi đến khi tướng cá thấy « *mây đen hăm hở bay mù mịt ; sấm ran, sét động nổ lòe xanh* » khiến binh tướng đều kinh hãi :

Tôm cá xưa nay im thin thít

Mở quát mồm to kêu thất thanh.

Tuy nhiên, phải kể đây là một mặt trận khó đánh, vì chiến địa đã tước đoạt hết những gì sở trường của binh tướng. Như ta đã thấy, thủy binh mà lên cạn thì nó vụng về làm sao :

Theo sau cua đỏ và tôm cá

.....

Khập khiễng bò lê trên đất lạ.

Trước thành tập tễnh đi hàng hai.

Rồi chúng ta nghĩ đến cái luộm thuộm của « *bộ binh* » hổ, beo v.v... khi phải giáp trận thủy chiến.

Bởi thế, câu chuyện tình của hai vị thần nhân này cứ dần co mãi mà không giải quyết được, cho nên :

Thủy-Tinh năm năm dăng nước bể,

Đục núi hò reo đòi My nương,

Trần gian đâu có người dai thế,

Cũng bởi thần yêu nên khác thường.

Ngoài những đoạn thơ mang nụ cười tình nghịch, hóm hỉnh như vừa nêu, thỉnh thoảng tác giả đệm vào vài câu diễn tả tình cảm lâm ly của một My-nương còn bịn rịn với cha già trước cảnh chia ly :

Thương người, thương cảnh, xót lòng đau.

*Nhìn quanh, khói tỏa buồn man mác,
Nàng kêu : « Phụ vương ôi ! Phong-châu ! »*

Đúng là ba tuyệt cú, nó như ba viên ngọc tỏa ra một thứ ánh sáng huyền diệu... đã khiến chúng tôi nhớ đến Lưu-trọng-Lư, cũng một người con gái ra đi lấy chồng, xúc động khi nhìn sông bỗng nhớ bến nước xưa :

*Có cô dâu mới nhìn sông nước
Sực nhớ quê nhà giọt lệ tuôn.
(Diệu huyền – Thế-Lữ)*

rồi đến cảnh cha thương con khi con đã đi rồi :

*Hùng-vương mờ vịn tay bờ thành
Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắc,
Mắt nhòa, lệ ngọc ngấn đầm quanh.*

hoặc, như khi Sơn-Tinh đã rước Mỹ-nương, Thủy-Tinh uất hận :

*Chân trời còn phảng bóng người yêu,
Thủy-Tinh thúc rống đau kêu rú,
Vừa uất vì thương, vừa bởi kiêu.
Co hết gân nghiến răng, thần quát :
- « Giết ! Giết Sơn-Tinh hả hồn ta ! »*

Với bài thơ *Sơn-Tinh Thủy-Tinh*, Nguyễn nhөрc Pháp đã thành công mỹ mãn trong lãnh vực thi ca thuộc khuynh hướng trào phúng, mà ý vị vô cùng.

Trong *Thi-nhân Việt-nam*, Hoài-Thanh đã xếp Nguyễn nhөрc Pháp vào khuynh hướng trào lộng, đồng thời cũng kể là nhà thơ trào phúng độc nhất trong tác phẩm phê bình văn học này. Điều đó không lạ và cũng không có gì quá đáng.

Ngoài nụ cười hóm hỉnh, Nguyễn nhөрc Pháp chứng tỏ là một nhà thơ tình cảm có chân tài, trong các bài như *Một buổi chiều xuân* và *Chùa*

Hương.

Trong loại thơ tả tình, tả cảnh, Nguyễn nhữc Pháp dùng chữ thật nhẹ, không rườm rà, tránh sáo ngữ, dễ hiểu nhưng không phải vì đó mà lời văn trở nên nhạt, ngược lại ở các bài thơ tả tình, tả cảnh, ông diễn tả một cách tự nhiên, đượm một tình cảm chân thành.

Đây, hãy nghe Nguyễn nhữc Pháp tả một buổi chiều xuân :

*Hôm đó buổi chiều xuân,
Trông mây hồng bay vân,
Liên gập pho kinh sử,
Lững thững khỏi lâu văn.*

*Đường leo, nhà lom khom,
Mái xanh, tường rêu mòn.
Ta nhìn ngâm nga đọc,
Câu đối cửa màu son*

.....

*Ô, vườn bao nhiêu hồng !
Hương nghi ngút đầu bông.
Lầu xa tô mái đỏ,
Uốn éo hai con rồng.*

và đây cảnh con đường mòn lên Chùa Hương :

*Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.
cảnh một ngày hội Chùa :
Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khí ngòi,
Tới núi con Voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi.*

*Chùa lấp sau rừng cây,
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.*

rồi đến hình dáng một người con gái đang độ trưởng thành :

*Khăn nhỏ đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào.
Quần lĩnh áo the mới :
Tay cầm nón quai thao.*

với lứa tuổi đôi mươi, tình xuân phơi phới, người con gái bao giờ cũng nuôi nhiều giấc mơ :

*Mơ xa, lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm ?*

và rồi người mà nàng mơ ước đã đến :

*Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.*

*Người đâu thanh lạ thường !
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương ?*

Người mộng đã đến đây rồi, lòng người con gái bắt đầu xao xuyến chuyện yêu thương ; rồi nàng cảm thấy thẹn thùng, làm dáng :

*Thuyền đi. Bến Đục qua
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói :
« Nam mô A-Di-Đà ! »*

và khi đã biết then thùng, làm dáng, người con gái đâm ra lo sợ người trai trẻ ấy chê khen, nên mọi cử chỉ đều được kiểm điểm :

*Em đi, chàng theo sau,
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp.
Số gian nan không giàu.*

Nguyễn Nhược Pháp tỏ ra rất sành tâm lý nên cấu tạo nhân vật chặt chẽ, từ những hành vi nhỏ nhất của người con gái cũng như chàng trai, ông đều khai thác đúng mức :

Từ giấc mơ của người con gái :

*Em mơ, em yêu đời,
Mơ nhiều... viết thể thôi,
Kẻo mà ai xem thấy,
Nhìn em đến nực cười !*

đến nỗi vui mừng của nàng khi gặp người thích hợp :

*Em ư ? em không cầu
Đường vẫn thấy đi mau,
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm đầu)*

rồi nàng lại lo sợ ngày vui sắp tàn :

*Mẹ vui mừng hả hê :
« Tặc ! con đường mà ghê !
Thầy kêu : « Mau lên nhé !
Chiều hôm nay ta về. »*

*Em nghe bỗng rụng rời !
Nhìn ai luống ghen lời.
Giờ vui, đời có vậy,*

Thoảng ngày vui qua rồi !

nên vội vã nàng tìm một cái gì để lưu niệm :

Em tìm hơi chàng thở,

Chàng ơi ! chàng có hay ?

và quyết gắn bó :

Yêu nhau, yêu nhau mãi !

Đi, ta đi, chàng ôi !

Ngun ngút khói hương vàng !

Say trong giấc mơ màng,

Em cầu xin Trời, Phật

Sao cho em lấy chàng.

Để kết luận, chúng tôi có thể nói, bây giờ nếu cho rằng Nguyễn Nhược Pháp là một nhà thơ độc đáo nhất hay bất tử thì cũng có thể quá sớm. Nhưng thời gian sẽ chứng minh điều đó, bởi vì ngoài Nguyễn Nhược Pháp, có lẽ thi đàn Việt-nam khó tìm gặp nụ cười duyên dáng, hiền lành và ngộ nghĩnh như thế.

(Ấn bản kỳ nhì 25-4-1968)

THI TUYỂN

Sơn-Tinh Thủy-Tinh

Ngày xưa, khi rừng mây u ám,
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng-vương thứ mười tám,
Mỹ-nương xinh như tiên trên trần...
Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
Miệng nàng bé thắm như san hô,
Tay ngà trắng nõn, hai chân nhỏ :
Mê nàng, bao nhiêu người làm thơ.
Hùng-vương thường nhìn con yêu quá,
Chắp tay ngẩng lên trời tạ ân ;
Rồi cười bảo xứng ngôi phò mã
Trừ có ai ngang vị thần nhân.
Hay đâu thần tiên đi lấy vợ !
Sơn-Tinh Thủy-Tinh lòng tơ vương,
Không quản rừng cao sông cách trở,
Cùng đến Phong-châu xin Mỹ-nương.
Sơn-Tinh có một mắt ở trán,
Thủy-Tinh râu ria quăn xanh rì.
Một thần phi bạch hổ trên cạn,
Một thần cười lưng rồng uy nghi.
Hai thần bên cửa thành thi lễ,
Hùng-vương âu yếm nhìn con yêu.
Nhưng có một nàng mà hai rể,
Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều !
Thủy-Tinh khoe thần có phép lạ.

Dứt lời, tay hất chòm râu xanh,
Bắt quyết hò mây to nước cả,
Dậm chân rung khắp làng gần quanh.
Ào ào mưa đổ xuống như thác,
Cây xiêu, cầu gãy, nước hò reo,
Lăn, cuốn, găm, lay, tung sóng bạc,
Bò, lộn, và cột nhà trôi theo.
My-nương ôm Hùng-vương kinh hãi,
Sơn-Tinh cười, xin nàng đừng lo !
Vung tay niệm chú : Núi từng dải,
Nhà lớn, đôi con lồm ngồm bò.
Chạy mưa. Vua tùy con kén chọn.
My-nương khép nép như cành hoa :
« Con đây phận đào tơ bé mọn,
Nhân duyên cúi để quyền mẹ cha. »
Vua nghĩ lâu hơn bàn việc nước,
Rồi bảo mai lửa hồng nhuộm sương,
Lễ vật thần nào mang đến trước,
Vui lòng vua gả nàng My-nương.
Bình minh má ửng đào phơn phớt,
Ngọc đỏ rung trên đầu lá xanh.
Ngọn liễu chim vàng ca thánh thót,
Ngự giá Hùng-vương lên mặt thành.
My-nương bên lầu son tựa cửa,
Rèm ngọc lơ thơ phủ áo hồng.
Cánh nhạn long lanh vờn ánh lửa,
Mê nàng, chim ngẩn lừng trời đông,
Rừng xanh thả mây đào man mác,
Sơn-Tinh ngồi bạch hổ đi đầu.

Mình phủ áo bào hồng ngọc dát,
Tay ghì cương hổ, tay cầm lau.
Theo sau năm chục con voi xám
Hục hặc, lưng cong phủ gấm điều,
Tải bạc, kim cương, vàng lấp lánh,
Sừng tê, ngà voi và sừng hươu.
Hùng-vương trên mặt thành liễu rủ,
Hớn hờ thần trông, thoáng nụ cười,
Thần suốt đêm sao dài không ngủ,
Mây ngải, mắt phượng vẫn còn tươi.
Sơn-Tinh đến lạy chào bên cửa,
Vua thân ngự đón nàng My-nương.
Lầu son nàng ngoạn trông lần lửa,
Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.
Quỳ lạy cha già lên kiệu bạc,
Thương người, thương cảnh xót lòng đau.
Nhìn quanh, khói tỏa buồn man mác,
Nàng kêu : « Phụ-vương ôi ! Phong-châu ! »
Kiệu nhỏ đưa nàng đi thoan thoắt,
Hùng-vương mờ vịn tay bờ thành,
Trông bụi hồng tuôn xa, xa lắt,
Mắt nhòa lệ ngọc ngấn đầm quanh...
Thoảng gió vù vù như gió bể,
Thủy-Tinh ngồi trên lưng rồng vàng,
Yên gấm tung dài bay đỏ chót,
Mình khoác bào xanh da trời quang.
Theo sau cua đỏ và tôm cá,
Chia đội năm mươi hòm ngọc trai.
Khập khiễng bò lê trên đất lạ,

Trước thành tập tễnh đi hàng hai.
Hùng-vương mặt rỗng chau ủ rũ,
Chân trời còn phảng bóng người yêu,
Thủy-Tinh thúc rỗng đau kêu rú,
Vừa uất vì thương, vừa bởi kiêu.
Co hết gân nghiêng răng, thần quát :
- « Giết ! Giết Sơn-Tinh hả hồn ta ! »
Tức thời nước sủi reo như thác,
Tôm cá quăng ngọc trai mà hoa.
Sơn-Tinh đang kèm theo sau kiêu,
Áo bào phơ phất nụ cười bay
(Vui chỉ mê ai xinh mới hiểu)
Thần trông kiêu nhỏ hồn thêm say.
Choàng nghe sóng vỗ reo như sấm,
Bạch hổ dừng chân, lùi, vánh tai.
Mỵ-nương tung bức rèm đỏ thắm,
Sơn-Tinh trông thấy càng dương oai
Sóng cả gầm reo lẫn như chớp,
Thủy-Tinh cười lưng rỗng hung hăng,
Cá voi quác mồm to muốn đớp,
Cá mập quẫy đuôi cuồng nhe răng,
Càng cua lờm chờm giơ như mác,
Tôm kèn chạy quắp đuôi xông xáo.
Sơn-Tinh hiểu thần ghen, tức khắc
Niệm chú, đất nẩy vù lên cao.
Hoa tay thần vẩy hùm, voi, báo.
Đuôi quắp, nhe nanh, giơ vuốt đồng,
Đạp long đất núi, gầm xông xáo,
Máu vọt phì reo muôn ngấn hồng.

Mây đen hăm hở bay mù mịt,
Sấm ran, sét động nổ lòe xanh.
Tôm cá xưa nay im thín thít,
Mở quác mồm to kêu thất thanh.
My-nương kinh hãi ngồi trong kiệu,
Bỗng chợt nàng kêu, mắt lệ nhòa.
(Giọng kiêu hay buồn không ai hiểu,
Nhưng thật dễ thương.) : « Ôi ! vì ta ! »
Thủy-Tinh năm năm dâng nước bể,
Đục núi hò reo đòi My-nương.
Trần gian đâu có người dai thế,
Cũng bởi thần yêu nên khác thường !
(4-1933, tập thơ Ngày xưa)

Chùa Hương

(Thiên ký sự của một cô bé)

Hôm nay đi Chùa Hương,
Hoa cỏ mờ hơi sương.
Cùng thầy me em dậy,
Em vẫn đầu soi gương.
Khăn nhỏ, đuôi gà cao,
Em đeo giải yếm đào ;
Quần lĩnh áo the mới,
Tay cầm nón quai thao.
Me cười : « Thầy nó trông !
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá !
Bao giờ cô lấy chồng ? »

Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm,
Nhờ mỗi mai đưa tiếng,
Khen tươi như trăng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,
Vì thầy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm !
(Ý đợi người tài trai)

Em đi cùng với mẹ.
Mẹ em ngồi cáng tre,
Thầy theo sau cưỡi ngựa,
Thắt lưng dài đỏ hoe.

Thầy mẹ ra đi dò,
Thuyền mấp mênh bên bờ :
Em nhìn sông nước chảy,
Đưa cánh buồm lô nhô.

Mơ xa lại nghĩ gần,
Đời mấy kẻ tri âm ?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân.

Người đâu thanh lạ thường !
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương ?

Chàng ngồi bên mẹ em,
Mẹ hỏi chuyện làm quen :
« Thừa thầy đi chùa ạ ?
Thuyền đông, trời ôi, chen ! »

Chàng thưa : « Vâng, thuyền đông ! »

Rồi ngắm trời mênh mông,

Xa xa mờ núi biếc,

Phơn phớt áng mây hồng.

Dòng sông nước đục lờ.

Ngâm nga chàng đọc thơ.

Thầy khen : « Hay ! Hay quá ! »

Em nghe rồi ngẩn ngơ.

Thuyền đi. Bến Đục qua,

Mỗi lúc gặp người ra,

Thẹn thùng em không nói :

« Nam vô A-Di-Đà » !

Réo rắt suối đưa quanh.

Ven bờ, ngọn núi xanh.

Nhịp cầu xa nho nhỏ.

Cảnh đẹp gần như tranh.

Sau núi Oản, Gà, Xôi,

Bao nhiêu là khí ngời.

Tới núi con Voi phục,

Có đủ cả đầu đuôi.

Chùa lấp sau rừng cây,

(Thuyền ta đi một ngày)

Lên cửa chùa em thấy,

Hơn một trăm ăn mày.

Em đi, chàng theo sau,

Em không dám đi mau,

Ngại chàng chê hấp tấp,

Số gian nan không giàu.

Thầy me đến điện thờ,
Trầm hương khói tỏa mờ.
Hương như là sao lạc,
Lớp sóng người lơ nhô.
Chen vào thật lắm công.
Thầy me em lễ xong,
Quay về nhà ngang bảo :
« Mai mới vào chùa trong. »
Chàng hai má đỏ hồng.
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu :
« Mai ta vào chùa trong ! »
Đêm hôm ấy em mừng.
Mùi trầm hương bay lừng.
Em nằm nghe tiếng mõ,
Rồi chim kêu trong rừng.
Em mơ, em yêu đời !
Mơ nhiều... Viết thể thôi !
Kẻo ai mà xem thấy,
Nhìn em đến nực cười !
Em chưa tỉnh giấc nồng,
Mây núi đã pha hồng.
Thầy me em sắp sửa
Vàng hương vào chùa trong.
Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo.
Vì thương me quá mệt,
Săn sóc chàng đi theo.

Me bảo : « Đường còn lâu,
Cứ vừa đi vừa cầu
Quan-Thế-Âm Bồ-Tát
Là tha hồ đi mau ! »

Em ư ? Em không cầu,
Đường vẫn thấy đi mau.
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm đầu)

Khi qua chùa Giải oan,
Trông thấy bức tường ngang,
Chàng đưa tay lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.

Tấm tắc thầy khen : « Hay !
Chữ đẹp như rồng bay. »
(Bài thơ này em nhớ,
Nên chả chép vào đây)

Ô ! Chùa trong đây rồi !
Động thăm bóng xanh ngời.
Gấm thêu trần thạch nhũ,
Ngọc nhuộm hương trầm rơi.

Me vui mừng hả hê :
« Tặc ! Con đường mà ghê ! »
Thầy kêu : « Mau lên nhé !
Chiều hôm nay ta về. »

Em nghe bỗng rụng rời
Nhìn ai luống ghen lời !
Giờ vui đời có vậy,
Thoảng ngày vui qua rồi !

Làn gió thổi hây hây,
Em nghe tà áo bay,
Em tìm hơi chàng thở.
Chàng ôi, chàng có hay ?
Đường đây kia lên trời,
Ta bước tựa vai cười.
Yêu nhau, yêu nhau mãi !
Đi, ta đi, chàng ôi !

Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng,
Em cầu xin Trời, Phật
Sao cho em lấy chàng.

(Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rồi hai người lấy nhau, vì không lấy được nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau rồi là hết chuyện. Trích tập thơ Ngày xưa)

Một buổi chiều xuân

Hôm đó buổi chiều xuân,
Trông mây hồng bay vân,
Liền gập pho kinh sử,
Lững thững khỏi lâu văn.
Đường leo, nhà lom khom,
Mái xanh, tường rêu mòn.
Ta nhìn, ngâm nga đọc
Câu đối cửa màu son.
Phu khiêng kiệu ngấn ngơ
Thầy lại và thầy thơ
Ngồi xôm cười bên lọng

Trước cửa tòa dinh cơ.
Cường da buộc thân cây,
Vài con ngựa lắt dây,
Nghênh đầu lên gập lá,
Đập chân nghiêng mình xoay.

Đi vui rồi vẫn vợ,
Hay đâu thức còn mơ.
Lạc vào trong vườn rộng,
Mồm vẫn còn ngâm thơ !

Ô ! Vườn bao nhiêu hồng !
Hương nghi ngút đầu bông.
Lầu xa tô mái đỏ,
Uốn éo hai con rồng.

Thoảng tiếng vàng thanh tao,
Bên giàn lý bờ ao,
Một nàng xinh như liễu
Ngồi ngắm bông hoa đào.

Tay cầm bút đề thơ,
Tì má hờn vẫn vợ,
Nàng ngâm lời thánh thót.
Ai không người ngẩn ngơ !

Ta lặng nhìn hơi lâu
- Nhưng thì giờ đi mau-
Đứng ngay gần non bộ,
Có ông lão ngồi câu.

Nàng chợt nghiêng thân ngà ;
Thoáng bóng người xa xa,
Reo kinh hoàng, e lệ,

Đưa rơi cành bút hoa.

Ta mơ chưa lại hồn,

Nàng lệ gót lầu son.

Vừa toan nhìn nét phượng,

Giấy thẹn bay thu tròn...

(Thiên ký sự của một thư sinh đời trước,

6-5-1933, Nguyễn Nhược Pháp)

Tay ngà

Đêm nay chờ trăng mọc,

Ngồi thẩn thơ trong vườn.

Quanh hoa lá róc rách,

Như đua bắt làn hương.

Ta ngồi bên tảng đá,

Mơ lều chiếu ngày xưa,

Mơ quan Nghè, quan Thám

Đi có cờ lọng đưa.

Rồi bao nàng yếu điệu

Ngấp nghé bay trên lầu,

Vừa leng keng tiếng ngựa,

Lệ gót tiên gieo cầu.

Tay vơ cầu ngũ sắc,

Má quan Nghè hây hây.

Quân hầu reo chuyển đất,

Tung cán lọng vừa quay.

Trên lầu mấy thị nữ

Cùng nhau khúc khích cười :

« Thưa cô đừng thẹn nữa,

Quan Nghè trông lên rồi ! »

*Cúi đầu nàng tha thướt,
Yêu kiều như mây qua
Mắt xanh nhìn man mác,
Mím cười về cảnh hoa.*

*Ta còn đang luyến mộng,
Yêu bóng người vẫn vơ ;
Tay ngà ai phủ trán ?
Hiu hắt ánh trăng mờ...
(2-5-1934, tập thơ Ngày xưa)*

Giếng Trọng-Thủy

*Đêm khuya, gió lốc, mây đen vần,
Cỏ lứt gieo mình vực giếng thâm ;
Trọng-Thủy nằm trên làn nước sủi.
Tiếng mõ cầm canh xa âm thầm.*

*Phơn phớt hồn ma đóm lập lòe.
Cú rúc. Đàn dơi bay tứ bề.
Răng rắc kêu như tiếng xương đập,
Gió rền, quỷ khóc, lay cành tre.*

*Nhấp nhoáng tiên trời chớp tóe xanh,
Gầm ran sấm chuyển, mây bùng phanh.
Mưa đập. Tù và rên vắng vắng,
Hiệu lính tuần kêu trên mặt thành.
(1-1993, tập thơ Ngày xưa)*

My-Châu

Lấy thần chàng đổi móng

Lông ngỗng thiệp đưa đường.
(Nguyễn khắc-Hiếu)

I

*Đêm hôm gió khóc thổi ru cành :
Núi bạc âm thầm, bể uốn xanh.
Hiu hắt My-Châu nằm trắng phủ.
Ầm ầm sóng thảm vỗ vờn quanh.*

*Cát vàng le lói muôn hàng châu :
Long lanh trai tuyết nhìn canh thâu.
Thương ai sao biết thăm gieo lệ,
Sương mờ bay tỏa bạc ngàn lau.*

*Chân nàng hoa lả nhuốm màu sương
Vùng trắng lạnh lẽo, chim kêu buồn.
Thân ngà tóc rủ vờn man mác,
Thiếp thiệp em chờ ai bên đường.*

II

*Bơ vơ Trọng-Thủy lạc rừng hoang,
Vời theo lông ngỗng rơi bên đàng ;
Đau lòng mắt nặng rùng đêm lạnh
Thoảng tiếng trắng thừa chen lá vàng.*

*Lấy thần trao móng, chàng đi xa.
Yêu nhau sao nỡ bạc nhau mà ?
Chàng đi – cho bao giờ gặp gỡ ! –
Phiên-ngung nước cũ lệ chan hòa.*

*Nào lúc con thuyền sóng vỗ quanh,
Hiu hiu mây thoảng da trời xanh,
Xiêm bay theo gió, hồn vơ vẩn.
Gương biếc nàng xưa êm tô hình.*

Nào lúc chiều hôm vang lửa hồng,
Chim bay tan tác, trời mênh mông.
Lẹ gót hài tiên nàng yếu điệu,
Bên lầu tựa cửa cuốn rèm trông.

Nào lúc đêm thanh mờ bóng trăng,
Nhìn mây nàng gọi tiếng dương cầm.
Tóc liễu đưa bay vờn má ngọc,
Lời ca thánh thót, chàng quên chẳng ?

Bơ vơ ngày cũ tưởng càng đau,
Tìm trông phương nào, hỡi My-Châu ?
Lông ngỗng cầm tay nhòa ánh lệ,
Chàng đi man mác buồn, đêm sâu.

III

Thiêm thiệp ai bên đường, hỡi ôi !
Chàng ôm khóc nghẹn chẳng ra lời,
- Đầu non mây bạc êm đêm phủ,
Phơn phớt hồn em bay, ngậm cười...
(1-1933, tập thơ Ngày xưa)

Đi cống

Lệ cống thì phải chọn nho sĩ, thầy thuốc, thầy bói, thầy toán số và thợ thuyền mỗi hạng ba người, cùng các đồ sản vật như là sừng tê, ngà voi, đồi mồi, châu báu và các vật lạ. (Trần trọng Kim)

Núi cao, lửa hồng reo chói lọi,
Đỏ vàng cây cối um tùm xanh
Khi lòe nắng lóa khi thâm tối,
Sườn non con đường mềm uốn quanh.

Hiu hắt cờ bay tua phơ phất,

Binh lính hò reo gầm bốn phương.
Nón đỏ, bao vàng, chân dậm đất,
Một toán đập rừng um dẫn đường.
Mặc áo bào xanh, ngồi ngựa trắng,
Sứ nghe nhạc lăc vang bên rừng.
Hai bên hai lọng vàng che nắng.
Trời, mây, trông non nước muôn trùng !
Mười xe bịt đồng, trâu mập kéo,
Bánh sắt khi kê lên sườn non,
Đá đổ ầm ầm như sấm réo,
Gầm nháy xuống vực sâu kêu ròn.
Trên xe nào mâm vàng dát ngọc,
Châu báu, sừng tê và ngà voi ;
Hai pho tượng vàng đỏ đồng đọc ;
Bào nạm kim cương, đai đồi mồi.
Binh lính hò quanh hoa giáo mác
- Võ tướng khoa đao to lăm lăm-
Hễ thấy đường chênh kề miệng thác,
Bỏ giáo lên xe xoay bánh, vùn.
Thầy nho, thầy thuốc bên thầy bói,
Thợ thêu, thợ chạm cùng thợ nề,
Mỗi người đeo một cái khăn gói
Đỏ, bông cương ngựa theo gần xe.
Lúc ấy trời xanh không u ám,
Đầu non không tờ mờ bóng sương,
Làm sao họ âu sầu thảm đạm ?
Buồn thay ! người cố quận tha hương.
Xe đi mỗi lúc một thêm khó.

*Hang sâu hổ đói rên vang lừng ;
Những con trăn xám vắng như gió,
Quạt đuôi đề gãy bẹ cây rừng.
Sứ bỗng nhìn quanh buồn ủ rũ ;
Xa xa ngọn cờ vàng phất phơ !
Vợ con ở chân trời mây phủ,
Hắn đang nhìn bóng nhận mong chờ...
Hỡi ai đi thẩn thơ miền núi !
Nhìn ngọn cây xanh gió thổi ào,
Tưởng lại cờ xưa vàng chói lọi,
Nên yêu người cũ hồn trên cao.
(10-3-1933, tập thơ Ngày xưa)*

My-ê

*Buồn nhô rẽ sóng, My mơ màng,
Tay cuốn mền hoa, khóc gọi chàng.
Thân liễu gieo đưa chìm vực biếc,
Lời thương bay lạnh động rừng vang.
Hoa trôi. Thành cũ vườn mây lửa,
Lau gợn. Chùa cao giỏ tiếng vàng
Ủ lệ, tay ngà ôm ngực huyết,
My vờn theo sóng dạt bờ hoang.
(5-1933, tập thơ Ngày xưa)*

Nguyễn thị Kim khóc Lê Chiêu-Thống

*Triều Lê-quí có nàng tiết liệt
Nhà tan, nước mất, chàng đi thôi.
Thiếp nén lòng đau khóc nghẹn lời,
Chậm bước đành nương mình bóng Phật ;*

Màng tin trông ngóng nhận chân trời.
Chuông đồng cảnh vắng, hồn mơ sáng,
Trăng lạnh, đêm sâu, cú đỗ hồi.
Thê thảm, chàng đi, về có vậy !
Thiếp chờ ai nữa ? Hỡi chàng ôi !
(30-12-1932, tập thơ Ngày xưa)

Mây

Người xưa mơ, nhìn mây
Đen, đỏ, vàng đua bay,
Khi thấy nhiều ma quỷ,
Lời than trời lung lay ;

Khi thấy hồn người thân,
- Nhìn mây lệ khôn cầm ! -
Trên bầy xe tứ mã,
Tiếng bánh lăn âm thầm ;

Khi thấy muôn nàng tiên
- Lòng lộng màu thanh thiên ! -
Véo von trầm tiếng địch,
Lửa hồng vờn áo xiêm.

Ngày nay ta nhìn mây,
Mây đen luồng gió lay,
Hồn xưa tìm chẳng thấy
Tóc theo luồng gió bay...
(25-1-1934, tập thơ Ngày xưa)

NGUYỄN BÌNH (1919-1966)

NGUYỄN-BÌNH tên thật là Nguyễn bình Thuyết, sinh năm 1919 tại làng Thiện-vĩnh, huyện Vụ-bản, tỉnh Nam-định (Bắc-phần).

Thuở nhỏ ông không học ở trường, chỉ học ở nhà với cha và cậu.

Ông bước chân vào thi đàn Việt-nam khoảng năm 1935-1936.

Năm 1937, Nguyễn-Bính được tặng Giải Khuyến-khích về thơ của Tự lực văn đoàn.

Nguyễn-Bính làm thơ từ 13 tuổi ; đến năm 22 tuổi đã làm được trước sau gần một ngàn bài.

Các thi phẩm được xuất bản gồm có :

- Lỡ bước sang ngang (Lê Cường Hà-nội, 1940)
- Tâm hồn tôi (Lê Cường Hà-nội, 1940)
- Hương cố nhân (Á-châu Hà-nội, 1941, tập thơ đề ghi lại kỷ niệm giữa Nguyễn-Bính và cô Anh-Thơ tên thật là Hương)
- Bóng giai nhân (kịch thơ)

Ngoài ra, tác phẩm Một ngàn cửa sổ và Mây Tần chưa xuất bản.

Nguyễn-Bính còn một tập truyện dài bằng thơ lục bát, – ông cho rằng sẽ dài hơn Truyện Kiều – mang tên Thạch xương bồ, ông thích ba chữ đó vì khi thấy nữ sĩ Mộng-Tuyệt nấu nước lá thạch xương bồ để tắm gội vào tiết Đoan-ngọ, theo tục lệ ở Hà-tiên. Tác phẩm Thạch xương bồ khi viết được khoảng ba trăm trang, Nguyễn-Bính nổi khí giang hồ, lìa bỏ Nam-phong tiêu các của thi sĩ Đông-Hồ ở Hà-tiên, tác phẩm vì thế mà dở dang.

Thời tiền chiến, Nguyễn-Bính được kể là một trong những nhà thơ lớn, chiếm ngôi vị vững chắc trong làng thơ mới.

Thơ Nguyễn-Bính cho ta thấy sắc thái mang nặng một nỗi buồn gần như bất tận. Hầu hết thi phẩm của Nguyễn-Bính đều có âm điệu trầm buồn, nhẹ nhàng, man mác, như thương tiếc xa xôi ; những hình ảnh đau thương, hồi tiếc, phân ly v.v... Tất cả tâm trạng của con người và mọi khía cạnh của cuộc đời đều được Nguyễn-Bính đề cập và thi vị hóa một cách tài tình. Có người coi thơ Nguyễn-Bính là « điển hình của một chàng trai quê mùa (thơ rất gần với ca dao), một gã si tình lãng mạn, một tay phóng đảng giang hồ, một chiến sĩ, một người bị vỡ mộng khi thấy lý tưởng mà mình theo đuổi trong nhiều năm bị phản bội phũ phàng. »

Thơ của ông rất hay, được đại chúng biết nhiều nhất, nhưng có lẽ tài bất thắng thời nên cuộc đời Nguyễn-Bính lận đận, lao đao, trôi nổi rày đây mai đó trên kiếp giang hồ.

Nguyễn-Bính sinh trưởng ở miền Bắc, nhưng lại sống rất nhiều năm tại miền Nam ; và miền Nam đã tạo cho Nguyễn-Bính những hình ảnh đẹp, những kỷ niệm khó phai. Ông đã từng sống ở Kiên giang (Rạch-giá cũ) với thi sĩ Kiên-giang Hà huy Hà ; trong khoảng thời gian này đã tạo ra những « giai thoại thi ca ».²⁷

Nguyễn-Bính là một nhà thơ yêu nước. Ông gia nhập phong trào chống Pháp vào khoảng năm 1946-1947. Ông khởi xướng việc thành lập Đoàn Văn hóa cứu quốc tỉnh Rạch-giá, và cho ra mắt Tập thơ yêu nước sau khi vào chiến khu chừng vài tháng. Những bài thơ loại yêu nước chúng tôi trích ở phần sau đều ghi theo trí nhớ của nhà văn Sơn-Nam, bạn của Nguyễn-Bính. Tuy nhiên, loại thơ chiến đấu đối với Nguyễn-Bính dường như là món ăn không « hấp khẩu », nên sáng tác của ông không làm sao người ta quên những hồn thơ cùng loại, của Hoàng-Cầm, Hữu-Loan, Quang-Dũng... Nói chung Nguyễn-Bính không thành công ở khía cạnh này vì hoàn cảnh đã giết chết hồn thơ.

Thời kỳ kháng chiến, Nguyễn-Bính bị quân Pháp bắt giam cầm khá lâu. Đến khi ký kết Hiệp-định đình chiến, với phong trào tập kết ra Bắc, Nguyễn-Bính cũng không tránh khỏi. Sau vụ án Nhân văn giai phẩm, ông bị loại ra khỏi thành phần văn nhân miền Bắc và bị xem như kẻ có tội.

Cuối cùng, Nguyễn-Bính sống lây lất trong niềm tủi nhục và qua đời vào ngày 20 tháng 1 năm 1966 sau cơn bạo bệnh.

Nguyễn-Bính mất vừa đúng 47 tuổi ; thế là từ đây trên thi đàn đất nước vĩnh viễn mất Bính – mất một nhà thơ lỗi lạc của đau thương, của thế giới u buồn.

Cuộc đời của Nguyễn-Bính đã đi đúng như thơ của ông :

*Bao nhiêu đau khổ ngần này tuổi
Chết cũng không oan, yếu nổi gì.*

*

Trong những năm từ 1934 đến 1937, thời kỳ cực thịnh của nền thi ca tiền chiến, nếu nói đến những nhà thơ xuất sắc của thế hệ này, người ta nghĩ ngay đến Nguyễn-Bính.

Thật vậy, Nguyễn-Bính đã tìm cho mình một hướng đi dị biệt, tạo cho mình một địa vị vững chắc, một chỗ đứng có hạng trên thi đàn. Ngôi sao của Nguyễn-Bính vừa mọc là sức sáng chói chang cả khung trời nghệ thuật.

Khác với Xuân-Diệu, Huy-Cận hay Hồ-Dzếnh bộc lộ tâm tình quá tự nhiên như người Tây-phương, ca tụng, mời mọc tình yêu, cổ vũ sự khao khát ái tình, đề cao yêu thương thêm muốn, lãng mạn đến một cao độ. Nguyễn-Bính cũng không giống một Lưu Trọng Lư mơ tình trong cõi mộng, huy hoàng, diễm ảo thì có, nhưng nó xa vắng, mông lung, tình yêu chập chờn hư hư thực thực trong thơ. Ngược lại Nguyễn-Bính đã dành hết tâm tình mình cho những cõi lòng của các cô gái mộc mạc trong nếp sống cổ xưa, bối rối, băng khuâng trước tình yêu tha thiết mà không dám cưỡng

mệnh hoặc phá vỡ nề nếp cũ ; rứt rề, e ngại trước bức tường đạo lý để rồi tình duyên lỡ nhịp, chỉ còn biết thở than, rên rỉ. Nguyễn-Bính cảm thông được nỗi niềm và đã ký thác vào dòng thơ của mình nỗi buồn thầm kín, vắng vặc, nó không da diết, không quá bi thương, nó là một thứ trầm buồn rười rượi như tiếng chày nện nhịp đều đều trong những đêm khuya.

Từ hình ảnh một cô gái đến tuổi trưởng thành ngày khoác chiếc áo hoa về nhà chồng, nàng đau khổ xót xa, lo lắng cảnh nhà mẹ yếu, cha già, đàn em thơ dại, bỏ lại luống cải, cánh đồng mà nơi đó nàng đã ghi lại bao nhiêu kỷ niệm êm đềm... ; qua những buổi chia ly trên sân ga nào đó, với cảnh vợ tiễn chồng ra miền quan tái, mẹ già gạt nước mắt lừa con ; cho đến hai kẻ yêu nhau nhưng tình không trọn vẹn, cảnh trạng thương tâm của người thiếu phụ lỡ duyên, khóc đời góa bụa, than cảnh lỡ làng, một người yêu không bao giờ dám nói để rồi cuối cùng người mình yêu vĩnh biệt cõi đời, những mối tình tuyệt vọng, dở dang, v.v... là chất liệu của hồn thơ Nguyễn-Bính.

Các tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn-Bính là *Lỡ bước sang ngang*, *Hương cố nhân* và *Một ngàn cửa sổ*.

Thi phẩm *Lỡ bước sang ngang* có chừng 30 bài thơ và thi bản *Lỡ bước sang ngang* lại là tên của bài thơ dài và hay nhất của ông, mang tâm sự của người con gái 17 tuổi trước khi đi lấy chồng, dặn dò em gái ở lại trông nom nhà cửa, mẹ cha. Thế rồi mấy năm sau duyên tình gãy đổ, nàng đành sống cảnh góa bụa khi tuổi mới nửa chừng xuân. Cuộc đời tưởng đâu dừng ở đó, nhưng tình yêu lại đến, nàng tiến thêm bước nữa bên cạnh một chàng trai nghệ sĩ. Nàng đã sống qua những giờ phút thần tiên với người tình mới, nhưng định mệnh khắt khe, chàng cũng ra đi và nàng lại phải trở về khóc cho số phận mình.

Bây giờ chúng tôi xin mời các bạn thử đọc thi phẩm nổi tiếng nhất của Nguyễn-Bính :

*Em ơi ! Em ở lại nhà,
Vườn dâu em hái, mẹ già em thương.
Mẹ già một nắng hai sương.
Chị đi một bước trăm đường xót xa.
Cậy em, em ở lại nhà,
Vườn dâu em hái, mẹ già em thương,
Hôm nay xác pháo đầy đường,
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng.
Chuyến này chị bước sang ngang,
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây...*

Thật là một tâm trạng buồn thương của người chị đi lấy chồng, cậy nhờ em ở lại trông nom cha mẹ, mọi việc trong ngoài, bởi vì :

*Miếu thiêng vụng kén người thờ,
Nhà hương khói lạnh chị nhờ cậy em.*

còn phần chị thì :

*Một vai gánh vác giang san
Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương*

Bởi thế cho nên :

*Mắt quầng tóc rối tơ vương,
Em còn cho chị lược gương làm gì ?*

Thật là trác tuyệt, tác giả đã xử dụng kỹ thuật thơ lục bát đến chỗ tuyệt diệu gây xúc động mạnh khi ta thấy cảnh nước nở, ghen ngào. Người đọc đã phải buồn lây cho số phận của người con gái mang nặng chữ hiếu, với hoàn cảnh đau thương như sống lại đậm nét trong thi ca của Nguyễn-Bính.

Mặt khác, tác giả muốn trình bày tâm sự của bậc cha mẹ thương nhớ con mình sau khi đi làm dâu và càng đau đớn làm sao khi nàng gặp cảnh trái ngang suốt mười năm lận đận.

Đoạn này Nguyễn-Bính tỏ ra vô cùng xuất sắc khi diễn tả nỗi nhớ thương của cha mẹ, nỗi đau khổ của kẻ làm dâu :

*Lần đầu chị bước sang ngang,
Tuổi son, sông nước dò giang chưa từng.
Ở nhà em nhớ, mẹ thương,
Ba gian nhà trống mảnh vườn xác xơ.
Mẹ ngồi bên cửa xe tơ,
Thời thường nhắc : - « Chị mấy giờ ra sao ? »
Chị bây giờ ... nói thế nào... ?
Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang.
Chị từ lầu bước sang ngang,
Trời giông bão, giữa tràng giang lật thuyền.
Xuôi giòng nước chảy liên miên,
Đưa thân thể chị tới miền đau thương.
Mười năm gởi hận bên giường,
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh.
Mười năm đưa đón một mình,
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên.
Mười năm lòng lạnh như tiền,
Tìm đi hết máu ! cái duyên không về...*

Với lối bố cục thật chặt chẽ, trình bày tỉ mỉ và trong sáng, dùng chữ thật nhẹ và nhất là cách gieo vần rất đặc sắc khiến người xem mang chung một tâm sự buồn và cảm thấy xót thương cho số phận hẩm hiu của người con gái trong thơ.

Thật là buồn làm sao, với những chữ « mười năm » được lặp đi lặp lại cho chúng ta thấy thời gian dài đằng đẵng, đầy gian nan cực khổ trong bao đông tố phũ phàng.

Cuối cùng bao nhiêu cảnh đổi thay, nàng cam chịu lỡ làng và gửi lời dặn dò em hãy thay chị phụng sự mẹ cha và cứ coi như mình đã chết :

*Em về thương lấy mẹ già,
Đừng trông ngóng chị nữa mà uống công.
Chị giờ sống cũng như không,
Xem như chị đã sang sông đắm dòng.*

Đọc hết bài thơ, người xem không tránh khỏi bùi ngùi cảm thương cho kiếp hoa thôn dã chỉ biết cam lòng chịu đựng mà không có một phản ứng nào.

Không phải chỉ trong *Lỡ bước sang ngang* Nguyễn-Bính mới có giọng thơ buồn thảm, ngược lại, như chúng tôi đã trình bày ở trên, hầu hết thơ của Nguyễn-Bính đều mang nặng sắc thái u buồn khác biệt.

Đây, các bạn hãy cùng chúng tôi đi tìm những nét buồn khác của tác giả *Lỡ bước sang ngang*.

Trong *Những bóng người trên sân ga* sau đây, những cuộc chia ly đối với Nguyễn-Bính gần như nối tiếp không ngừng ; ngày vui qua mau, chỉ còn một chuỗi ngày thừa thãi và những cuộc từ giã cứ tiếp diễn mãi như cuộc chia tay giữa hai chị em dưới mắt Nguyễn-Bính :

*Có lần tôi thấy hai cô bé,
Sát má vào nhau khóc sục sùi.
Hai bóng chung lưng thành một bóng,
Đường về nhà chị chắc xa xôi.*

và đây hình ảnh giã từ của hai người bạn khi bản đàn tri âm đến hồi chấm dứt :

*Hai chàng tôi thấy tiễn đưa nhau,
Kẻ ở sân ga, kẻ cuối tàu.
Họ giục nhau về ba bốn bận,*

Bóng nhòa trong bóng tối từ lâu.

đến cuộc giã biệt của hai kẻ yêu nhau đang bịn rịn chia tay :

Có lần tôi thấy một người yêu,

Tiền một người yêu, một buổi chiều.

Ở một ga nào xa vắng lắm,

Họ cầm tay họ, bóng xiêu xiêu.

Rồi hình ảnh chia lìa của một đôi vợ chồng càng buồn hơn. Với lòng nghĩ thương chồng ở lại trong cảnh thiếu hụt vì buổi phân ly bất kỳ, người vợ mở khăn trầu lấy một ít tiền dành dụm định gởi lại, nhưng bị chồng cản ngăn và thì thầm đôi câu nói tầm thường nhưng chứa đựng một tình thương chân thật mà ta chỉ bắt gặp ở những tâm hồn mộc mạc ấy. Hãy đọc để nhận thức cái bé mọn của vật chất trước cái giá trị của chân tình :

Có lần tôi thấy vợ chồng ai,

Thẹn thẹn đưa tay bóng chạy dài.

Chị mở khăn trầu anh thắt lại,

Mình về nuôi lấy mẹ mình đi.

Cảnh người mẹ già đưa con ra sân ga, trước phút tiễn con đi tận chốn xa xôi, có thể nơi một miền quan tái, mẹ ở lại nhà với thân già đơn chiếc, thật thảm não vô cùng :

Có lần tôi thấy một bà già,

Đưa tiễn con đi tận chốn xa.

Tàu chạy lâu rồi, bà vẫn đứng,

Lưng còng đổ bóng xuống sân ga.

càng buồn hơn là cảnh một người đi không ai đưa đón :

Có lần tôi thấy một người đi,

Chẳng biết về đâu, nghĩ ngợi gì,

Chân bước hững hờ theo bóng lẻ,

Một mình làm cả cuộc phân ly.

Thật là thâm trầm, đoạn trường với bao nhiêu hình ảnh chia ly dưới ngòi bút của thi sĩ Nguyễn-Bính, chúng ta thấy như hiện ra trước mắt và gợi hồn, gợi cảm làm sao.

Chẳng những Nguyễn-Bính buồn với bao cuộc chia lìa ngăn cách mà ông còn buồn nhiều khía cạnh nữa, buồn vì cuộc đời dẫu bể, buồn cho cảnh vật đổi thay, buồn với tâm sự của chính mình hay đúng ra thi nhân đã buồn, đã khổ đau với tấm tình yêu.

Nhưng ái tình của Nguyễn-Bính, khác hẳn cái nóng nảy như Hồ-Dzếnh ; lãng mạn, say đắm như Xuân-Diệu ; chứa chan và dễ dãi như Huy-Cận, hay trầm buồn như một Vũ hoàng Chương. Ngược lại, tình yêu trong thơ Nguyễn-Bính, là một thứ tình yêu nhẹ nhàng, cảm lặng, những mối tình mộng đẹp ; nó là thứ tình yêu của một Đỗ-Tồn trong *Hoa vông vang*. Yêu thì tha thiết, chân thành, nhưng tâm ý lại rụt rè, nhút nhát :

Nàng đến thăm tôi một buổi chiều.

Những mong chấp nối mộng thương yêu,

Nhưng tôi không dám, tôi không thể,

Chấp nối bao nhiêu khổ bấy nhiêu.

Tuy nói thế nhưng mấy ai quên được kỷ niệm ban đầu, và chàng đau đớn than thở khi chẳng dám cùng ai dệt mộng yêu đương :

Nàng hỡi ! tôi không thể dối nàng,

Dối tôi, mà lại nói yêu thương,

Tôi giờ như một người tang tóc,

Chẳng dám cùng ai dệt mộng vàng.

Đau khổ cho hoàn cảnh trái ngang của mình, Nguyễn-Bính tạo nên những dòng thơ đậm lệ :

Nàng hãy đi xây lại cuộc đời,

*Rồi đây, ai nhắc đến tên tôi,
Và ai có hỏi : « Là ai nhỉ ? »
Nàng đáp lạnh lùng : « Chẳng biết ai ! »*

Độc thơ tình Nguyễn-Bính, mỗi bài có một nội dung khác nhau, song buồn khổ, chia ly vẫn là chủ đề chính.

Thí dụ như bài *Người hàng xóm* sau đây, tác giả cho ta thấy thi nhân yêu một người con gái cùng xóm, nhưng không bao giờ dám nói tiếng yêu để một ngày kia nàng vĩnh biệt cõi đời, Nguyễn-Bính đau khổ, tương tư :

Người hàng xóm

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái giậu mồng tơ xanh rờn
Hai người sống giữa cô đơn,
Nàng như cũng có cái buồn giống tôi ;
Giá đừng có giậu mồng tơ,
Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng,
Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng,
Có con bướm trắng thường sang bên này.
Bướm ơi ! bướm hãy vào đây
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi.
Chẳng bao giờ thấy nàng cười,
Nàng hong tơ ướm ra ngoài mái hiên ;
Mắt nàng say đắm trông lên
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi.
Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi
Tôi buồn tự hỏi : - Hay tôi yêu nàng ?
Không, từ ân ái lỡ làng
Tình tôi than lạnh tro tàn làm sao !
Tơ hồng nàng chẳng cắt vào*

Con bướm bướm trắng đêm nào cũng sang.
Mấy hôm nay chẳng thấy nàng,
Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong.
Cái gì như thế nhớ mong ?
Nhớ nàng ! không ! quyết là không nhớ nàng.
Vâng, từ ân ái lỡ làng,
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng năm xưa
Tầm tầm trời cứ đổ mưa
Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm
Cô đơn buồn lại thấy buồn
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi
Hôm nay mưa đã tạnh rồi.
Tơ không hong nữa, bướm lười thôi sang !
Bên hiên vẫn vắng bóng nàng,
Rưng rưng tôi gục xuống bàn rưng rưng !
Nhớ con bướm trắng lạ lùng,
Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng.
Hỡi ôi ! bướm trắng tơ vàng !
Mau về mà chịu tang nàng đi thôi,
Đêm qua nàng đã chết rồi !
Nghẹn ngào tôi khóc, quả tôi yêu nàng,
Hồn trinh còn ở trần gian,
Nhập vào bướm trắng mà sang bên này...
(Trích tập thơ *Tâm hồn tôi*)

Đọc hết bài thơ, mọi người thấy Nguyễn-Bính đem câu chuyện tình của mình đã yêu một người con gái, nhưng chỉ vì nhút nhát không bao giờ dám ngỏ. Ngày, tháng trôi qua, sự yêu thương càng nhen nhúm trong lòng. Lần nữa mãi rồi một ngày nọ, người con gái ấy chết đi, để lại trong lòng người trai đã thầm thương trộm nhớ một nỗi buồn dằng dặc. Tác giả *Lữ*

bước sang ngang tỏ ra thành thật khi trình bày câu chuyện tình đau thương của mình và đưa ra điểm tâm lý chung của những chàng trai khi tình yêu dậy nở nhưng không bao giờ đủ can đảm nhận rằng mình đã yêu mà cứ chối quanh co mãi. Thật sự thì tình yêu đã chín muồi trong tâm tưởng. Hình ảnh người mình yêu cứ chập chờn mãi mà không bao giờ quên được. Rồi khi đã yêu, sẽ có sự nhớ nhung vu vơ, lo sợ mọi cách ; từ những hình ảnh thông thường đến những hành động dù nhỏ nhặt của người mình yêu đều biến thành quan trọng, và đôi khi còn ghen tức vô lý như ganh ghét với hoa, với bướm, đó là tâm trạng chung của những lòng trai khi mới biết yêu, họ tự thú :

*Mắt nàng say đắm trông lên,
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi.
Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi
Tôi buồn tự hỏi : - Hay tôi yêu nàng ?*

rồi cảm thấy tâm hồn mình xao xuyến khác thường khi nhận thấy có :

Cái gì như thế nhớ mong.

Lòng đã như thế mà mỗi khi có ai hỏi đến chàng lại chối phăng :

Nhớ nàng ! không ! quyết là không nhớ nàng.

Chối thì vẫn chối, nhưng lòng nhớ mong thì vẫn nhớ, nhất là khi vắng bóng người yêu :

*Bên hiên vẫn vắng bóng nàng,
Rừng rưng, tôi gục xuống bàn rưng rưng
Nhớ con bướm trắng lạ lùng*

... ..

Không riêng gì bài *Người hàng xóm*, mà còn nhiều bài khác nữa, Nguyễn-Bính đã tỏ ra sành sỏi tâm lý trong quan niệm ái tình.

Trong tình yêu, thơ của Nguyễn-Bính tỏ ra xuất sắc, cái hay trong thơ tình Nguyễn-Bính là những dòng thơ vừa ngọt ngào vừa êm đềm, nhưng cũng không thiếu đau thương :

*Nắng mưa là bệnh của trời ;
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.*

Một khi đã yêu, nhất định những kẻ yêu nhau thường lo sợ tình yêu tan vỡ, sợ kẻ khác cướp mất người yêu, Nguyễn-Bính cho ta thấy cái sợ, cái lo lắng ấy bằng sự lột trần tâm trạng thầm kín nhất của kẻ đã yêu :

Ghen

*Cô nhân tình bé của tôi ơi !
Tôi muốn môi cô chỉ mỉm cười
Những lúc có tôi và mắt chỉ
Nhìn tôi những lúc tôi xa xôi.*

*Tôi muốn cô đừng nghĩ đến ai,
Đừng hôn, dù thấy đóa hoa tươi,
Đừng ôm gối chiếc đêm nay ngủ,
Đừng tắm chiều nay bể lắm người.*

*Tôi muốn mùi thơm của nước hoa,
Mà cô thường xúc chẳng bay xa,
Chẳng làm ngây ngất người qua lại,
Dẫu chỉ qua đường khách lại qua.*

*Tôi muốn những đêm đông giá lạnh
Chiêm bao đừng lẫn khuất bên cô.
Bằng không tôi muốn cô đừng gặp,
Một trẻ trai nào trong giấc mơ.*

*Tôi muốn làn hơi cô thổi nhẹ,
Đừng làm ấm áo khách chưa quen,*

*Chân cô in vết trên đường bụi,
Chẳng bước chân nào được dẫm lên.*

*Nghĩa là ghen quá đấy mà thôi,
Thế nghĩa là yêu quá mất rồi ;
Và nghĩa là cô là tất cả,
Cô là tất cả của riêng tôi.
(Lỡ bước sang ngang)*

Đây, ghen là như thế. Có lẽ đây là một bài thơ khéo nhất của Nguyễn-Bính cũng nên. Phân tích toàn diện bài thơ từ cách gieo vần, âm điệu đến quy tắc hành văn, văn phạm, cú pháp ta thấy Nguyễn-Bính có tài trong khi diễn tả tâm trạng con người.

Có điểm đặc biệt nhất của Nguyễn-Bính mà ít ai nghĩ đến, hoặc có nhưng không chú ý, đó là văn bình dân.

Thật vậy, thơ Nguyễn-Bính không dùng những chữ cầu kỳ, sáo ngữ người đọc có thể hiểu dễ dàng qua trực cảm, mà không bị ngượng ngập suy tư gì cả, lại còn mang âm hưởng của những câu ca dao, như :

*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.*

hay :

*Lòng em như quán bán hàng
Dừng chân cho khách qua đàng mà thôi.*

và :

*Lòng em như chiếc lá khoai,
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu.*

Về điểm này có hai luồng tư tưởng khác nhau, lớp người cũ cho rằng thơ của Nguyễn-Bính không có gì mới lạ ; lớp người trẻ lại bảo thơ Nguyễn-Bính theo xưa không thích hợp tuổi xanh. Trong *Thi nhân Việt-nam*

của Hoài-Thanh, Hoài-Chân viết : « ...Giữa những bài giống hệt ca dao người bỗng chen vào một đôi lời quá mới. Ta thấy khó chịu như khi vào một ngôi chùa có những ngọn đèn điện trên bàn thờ Phật ». Nhưng chính cái « giống hệt ca-dao » ấy tựa như làn gió phảng phất trong tiếng thơ của Nguyễn-Bính một chút hồn dân tộc.

Hầu hết tác phẩm của ông đều mang những hình ảnh quê hương, giữ được sắc thái luân lý Á-đông từ đời sống vật chất đến tinh thần.

Để kết thúc, Nguyễn-Bính là một nhà thơ rất tế nhị. Đối với thi-nhân, thơ và cuộc đời chỉ là một. Không ca ngợi những vẻ đẹp xa vời, những bóng dáng mỹ lệ, Nguyễn-Bính đã đi sâu vào thế giới tâm tình của những mảnh đời ngang trái, dở dang, phân cách, bẽ bàng. Có thể nói, với ngòi bút của thi nhân, Nguyễn-Bính đã « tả chân » được nỗi u buồn trầm lắng, giải tỏa được tiếng kêu bi thương của những tâm hồn mộc-mạc. Tiếng thơ của Nguyễn-Bính gây được sự rung cảm chân thành ; lời thơ không gò bó, gượng ép hay giả tạo như chính thi nhân đã mang nỗi niềm tâm sự hơn là do tưởng tượng làm ra.

Ngày nay Nguyễn-Bính đã nằm im trong lòng đất mẹ, nhưng những vần thơ của thi nhân sẽ còn mãi mãi gắn liền vào nền thi ca của dân tộc.

(Ấn bản kỷ nhĩ, tháng 4-1967)

*

Trước khi sang phần thi tuyển, để các bạn ý thức được giai đoạn tiếp nối thời tiền chiến, chúng tôi nghĩ không phải là vô bổ khi trình bày đôi nét về con người Nguyễn-Bính trong thời kháng chiến dưới tiêu đề :

Cuộc đời của Nguyễn-Bính đi trong khói lửa chiến chinh

Chúng tôi xin nhường lời nhà văn Sơn-Nam :

Về nếp sống hàng ngày, về sự giao du với bạn bè thì Nguyễn-Bính cũng như trăm ngàn văn nghệ sĩ khác ; anh có vài tật xấu, vài tánh tốt. Sau vài ba ngày tâm sự, đàm đạo về văn chương với bạn, thường thường Nguyễn-Bính nổi cơn giận, tỏ ra chán chê bạn, thế là xa nhau để rồi thỉnh thoảng gặp nhau, quên chuyện cũ, tương thân tương đắc, đậm đà hơn bao giờ hết. Rồi sau vài ngày lại xa nhau.

Một điều rõ rệt mà ai cũng nhìn nhận : Nguyễn-Bính là nhà thơ yêu nước. Yêu nước là đức tính không thể không có ở mỗi người dân bị ngoại xâm. Thời kháng Pháp, tôi đã gặp Nguyễn-Bính, uống rượu, uống trà, trao đổi tâm sự với nhau nhiều lần.

Giờ đây anh đã mất. Tôi cố gắng ghi chép lại những điều đáng ghi chép về đời anh, những điều tai nghe mắt thấy, có thể đem đến ích lợi cho bạn đọc.

Từ chợ Rạch-giá, anh vào chiến khu để tham gia kháng Pháp. Bấy giờ vào khoảng 1946-1947. Thời tiền chiến, người miền Hậu-giang hiếu phong trào thi ca qua sự tuyển chọn và giới thiệu của Hoài-Thanh và Hoài-Chân. Nguyễn-Bính là thi nhân duy nhất có tên trong *Thi nhân Việt-nam* đã tham gia kháng chiến tại miền duyên hải vịnh Xiêm-la.

Anh khởi xướng việc thành lập Đoàn Văn-hóa Cứu-quốc tỉnh Rạch-giá, cho ra mắt *Tập thơ yêu nước* sau khi vào chiến khu một đôi tháng. *Tập thơ yêu nước* gồm chừng mười bài hơi ngắn.

Bài thơ yêu nước của anh – cũng như những bài trích dẫn ở phần sau – được chép lại theo trí nhớ của tôi. Có thể là tôi chép sai chạy đôi ba chữ :

*Những ai xứng đáng là người
Hãy hy sinh hết cho nòi giống ta !
Hãy nên vì nước quên nhà,
Coi thường thân sống mới là trượng phu.*

Bài chót của tập thơ này là *Trận cây bàng*. Tôi còn nhớ anh lặp đi lặp lại câu :

- *Đánh ! Đánh ! Đánh ! Chỗ nào cũng đánh.*

để rồi đến phần kết luận :

Nếu quân thù không đem binh tiếp viện

Thì quân ta tiêu diệt hết quân thù !

Nhưng thắng bại là lẽ thường chinh chiến

« Trận cây bàng » ghi tiếng để muôn thu.

Các bạn yêu văn nghệ đã chê bốn câu trên vì nó quá ngô nghê.

Lúc bấy giờ, Nguyễn-Bính uống rượu li bì, uống rượu đế, nhâm nhi với ít trái ổi, trái xoài, trái khóm. Anh uống công khai, mặt đỏ gay suốt ngày. Anh đã tỏ lời tâm sự với tôi :

- *Hồi tiền chiến, tôi uống rượu và hút thuốc phiện. Bây giờ tôi bỏ thuốc phiện thì tôi uống rượu gấp đôi. Đó là sự tiến bộ.*

Tôi hỏi :

- *Anh cai từ hồi nào ?*

- Từ hồi tiền chiến. Tôi đã lợi dụng chuyến đi Hà-tiên (thăm thi sĩ Đông-Hồ) để xa lánh nàng tiên nâu. Trước khi đến Hà-tiên, tôi ghé vào tiệm Công-yên ở Rạch-giá hút suốt đêm. Trong thời gian ở Hà-tiên, tôi không hút thuốc nào. À ! Tôi viết tập *Bài hát tỳ bà* phỏng theo cốt truyện của *Tỳ bà ký*. Nhưng chuyến về xảy ra chuyện này đáng suy nghĩ. Từ Hà-tiên tôi qua chợ Rạch-giá để chờ xe Rạch-giá đi Sài-gòn. Vừa bước xuống xe, tôi bước thật nhanh, tâm hồn thơ thới mà chẳng biết mình bước về đâu. Đột nhiên, tôi dừng bước trên lề phố. Chừng tôi giật mình, quan sát kỹ thì mới hay rằng cái « tiềm thức » đã điều khiển tôi trở lại tiệm Công-yên hôm nọ. Tôi quay mặt, chạy nhanh.

Vài tháng sau, Nguyễn-Bính lãnh trách nhiệm Phó Chủ-tịch Tỉnh-bộ Việt-minh tỉnh Rạch-giá. Anh ký tên thay mặt ban thường vụ, sao y các công văn. Và kèm theo công văn, đôi khi cấp dưới lại nhận được một đôi bài thơ ký tên Nguyễn-Bính ! Tôi còn nhớ vài câu, trong bài thơ diễn tả nỗi đau buồn của người mẹ chờ con, đứa con ấy đã hy sinh cho tổ quốc :

- *Còn sống ngày nào, còn cứu nước*

Còn đem xương máu để xây thành...

- *Mái tranh từng giọt sương rơi lạnh*

Mẹ nén đau thương mẹ đợi chờ.

- *Đêm đêm mẹ đốt cây hương ngát*

Mẹ khẩn đôi lời con có nghe ?

Vì nước bỏ mình là bất tử

Xưa nay chinh chiến mấy ai về ?

Anh từ bỏ chức vụ sau nhiệm kỳ. Anh tỏ ra sung sướng trong lúc chờ đợi chuyển liên lạc về Đồng-tháp-mười. Anh cho biết : vài người bạn ở Ban Văn-ngệ Khu 8 gửi thư mời anh lên trên đó. Họ bảo đảm mọi mặt, nghĩa là mình được rảnh rang để sáng tác. Mỗi ngày, mỗi tuần mình khỏi tham dự những cuộc hội ý, hội báo, hội nghị kiểm thảo. Sống không cần theo thời dụng biểu. Mỗi người một căn chòi riêng, tha hồ uống rượu, uống trà, bất chấp mọi tiếng dị nghị. Ngoài ra, Ban Văn-ngệ Khu 8 có máy in, in rất đẹp để phổ biến tác phẩm.

Tôi cầu mong anh mạnh khỏe để làm được việc.

Anh hứa gửi tác phẩm mới nhất cho tôi xem.

*

Anh giữ lời hứa. Mỗi bài thơ của anh đều được cắt từ trong bản vở (morasse), gửi cho tôi, như vậy có điều tiện lợi là tôi học sớm, trước khi tờ báo tới tay. Xin trích vài đoạn tiêu biểu, gọi là để làm tài liệu thôi :

Trái vú sữa thẳng căng niềm uất ức
Gai sầu riêng nhọn hoắt ý căm hờn...
Cây cau già, ruột yếu cũng sôi lên :
- « Thân lão đây ! Mau hãy chuốt làm tên ! »
(Đây, Nam bộ)

Lá quốc kỳ đi trước
Đoàn chiến sĩ theo sau
Gió đêm nay lành lạnh
Sương đêm nay phai màu...
Gươm sáng bật gọng thép :
Thù sâu, ôi thù sâu !

... ..

Tổ quốc là mẹ hiền
Bị sài lang cấu xé
Chúng con xách gươm thiêng
Đi trả thù cho mẹ
Áo vải làm anh hùng,
Cơm khô no bụng trẻ !
Vài câu ca dao :
Thấy dừa thì nhớ Bến-tre
Thấy sen lại nhớ đồng quê Tháp-mười
Thấy trăng thì nhớ đến người
Thấy sao, lại nhớ đến lời thề xưa.
Cái bông sen trắng
Cái nụ mướp vàng
Trường quân chính mở
Sao chàng chưa đi ?
Nước ta quý nhất quốc kỳ
Dân ta quý nhất người đi chiến trường !

Bốn trăm ngàn mẫu đất
Sốt chia sáu tỉnh miền Nam
Khẩn khít biên thùỵ Chùa-tháp
Năm bên cánh trái Cửu-long giang.
Đồng-tháp-mười !
Bốn mặt mệnh mang
Cò trắng ngàn năm bay chẳng dứt...
...Nước phèn chua chát
Lắng nổi đau thương !
...Hình thôn đáng xót thương thương
Hoa ô mới nở bốn phương anh đào !
...Hoa sen nở chẳng đợi chi mùa hạ,
Chim hít cô hót cả những chiều mưa.
(Trường ca Đồng-tháp)

Nhưng đẹp đẽ và êm ái nhất là bài *Những người của ngày mai*, những người kháng Pháp vào khoảng 1949.

Ở chòi hẹp nhưng hồn trùm vũ trụ
Trái tim đau nhưng thương cả loài người.
Đã nhiều hôm không thấy bóng mặt trời
Bởi làm việc liên miên và bí mật.
Mắt quầng lại, đêm đêm rờn rã thức
Da xanh xao vì muối thật là nhiều
Này, của riêng soát lại có bao nhiêu :
Chiếc khăn tắm, bộ áo quần trong nóp
Ba năm rồi, không xỏ chân vào guốc
Ăn cơm thiu vì ẩm ướt mưa đêm !
Có những anh xưa bảy nổi ba chìm
Thay tên họ, bôn ba nơi hải ngoại.
Nhớ hận nước, dăm dăm miền viễn tái...

...Quê các anh ở miền Trung đá núi
Bãi cát vàng bờ biển uốn quanh co
Đêm trong xanh, cao vút tiếng ai hò ?
Trên bến vắng một dòng sông nổi bạc
Quê các anh ở miền Nam bát ngát
Trái dừa xiêm nước ngọt buổi trưa nồng
Đôi ba cô gái bán hàng bông
Chèo yếu điệu một xuồng đầy vú sữa
Theo dòng kênh đi sâu vào biển lúa
Quê các anh ở miền Bắc xa xôi
Bước chân đi, không biết mấy năm rồi
Xa cha mẹ anh em, xa tất cả
Nường dâu xanh, chiếc cầu ao, mái rạ
Cô gái làng gội tóc nước hương nhu
- Nhưng tình riêng là những tấm hình lu
...Họ là đất, họ vui lòng làm đất
Để đắp xây nền độc lập lâu dài.
Họ là ai ?
- Là người của ngày mai.

Các bài thơ sáng tác trong thời gian ở Ban Văn-ngệ Khu 8 được gom vào một tập nhan đề *Sóng biển cỏ*. Biển cỏ tức là vùng cỏ bao la Đồng-tháp-mười.

Ngoài ra, Nguyễn-Bính viết thỉnh thoảng đôi bài tùy bút dưới bút hiệu là *Kiều-Mộc*. Văn xuôi của anh chẳng lấy gì làm đặc sắc. Đáng chú ý là bài tùy bút *Sang máu* một quân nhân bị thương, được sang máu để hồi sinh. Người hiến máu là một thiếu nữ tên *Hương*. Sau khi lành bệnh, quân nhân nọ cố gắng làm việc vì nghe được sự sống, dòng máu của *Hương* đang hòa hợp trong tim, trong huyết quản mình. *Hương* đã gởi hy vọng, gởi sự sống vào thể xác và tâm hồn người quân nhân.

Đầu vào khoảng 1952, Nguyễn-Bính trở về rừng U-minh, lần này anh trầm tĩnh hơn, làm việc nhiều hơn. Anh cưới vợ, mở tiệm làm đại lý sách báo, cố gắng làm thơ ca ngợi... Đảng Lao Động ra đời, đời sống công nhân ở Bình-công xưởng. Mấy bài thơ này không được tiếng vang.

*

Nguyễn-Bính thích ăn ngon. Anh chịu khó xào nấu thức ăn, pha trà kỹ lưỡng : thà ăn ít, uống ít nhưng thưởng thức đúng hương vị.

Về những bài thơ do anh sáng tác thời tiền chiến, anh bảo :

- Vài câu thơ... tuyệt diệu, thế thôi. Chẳng có bài nào toàn thích.

- Anh cho thí dụ thử coi !

- Tôi thích nhất hai câu này trong bài *Buồn Ngự-viên* :

*« Sớm đào, trưa lý, đêm hồng phấn
Tuyệt lạnh, sương quỳnh, máu đỏ quỳnh. »*

Làm văn nghệ khó lắm.

- Tại sao khó ?

- Có nhiều ý, nhiều chữ quá tuyệt diệu mà người khác đã cướp mất, trước mình. Mình chỉ nhái lại mà thôi. Đây là những trường hợp đáng sợ, đáng thán phục. Thí dụ như hai tiếng « *đăng đăng* » trong lời nhạc Hội nghị Diên-hồng (*hận thù đăng đăng, sơn hà rung chuyển*). Như chữ « *ghê* » mà Xuân-Diệu đã dùng, diễn tả công phu luyện tập của người chiến sĩ :

Gươm mài nước suối bén ghê da !

Hoặc hình dáng bờ biển miền Trung do Xuân-Diệu :

*Mãi ra đi ai nghĩ đến hồi đau
Mây vờn vũ ám Thăng-long, Gia-định
Lạng-sơn xót với Cà-mau chót đỉnh
Sợi tơ tằm bờ biển luống quanh co !*

Về cách tìm đề tài, về sự làm việc của kẻ sáng tác, Nguyễn-Bính đã nói nhiều lần với tôi, khi trà dư tửu hậu :

- Nhiều khi mình chịu bí đề tài, cạn hứng suốt đôi ba tháng. Thế mới giận ! Nhưng khi viết được đôi ba bài ưng ý rồi thì mình lần lượt viết hàng trăm câu thơ, thấy hàng ngàn đề tài hiện ra... Các cụ ngày xưa bảo rằng : Vào rừng tìm cây quế, cây trầm hương là chuyện khó nhưng rất dễ. Lúc mới vào rừng, người ta thấy chung quanh toàn là gai cỏ, cây cỏ vô giá trị. Nhưng khi « quen mắt quen hơi », ta gặp được một cây trầm cây quế rồi thì lần lượt ta thấy hàng trăm cây khác ở bên cạnh ta, có sẵn tự bao giờ ! Làm văn nghệ là vậy đó... Thế mới giận !

*

Trong số một ngàn cô cậu thanh niên làm thơ, yêu thơ thì chúng ta thấy có đến 990 người chịu bỏ cuộc khi gặp thực tế của cuộc đời. Cuộc đời là một bài thơ lớn, khác hẳn màu sắc bài thơ mà họ mơ ước từ trước.

Trong số mười người còn lại, họa chăng có năm ba người làm thơ giỏi, làm thơ hay : khi đọc qua thơ họ chừng một đôi lần là tự nhiên người ta nhớ vài đoạn, năm ba câu mà chẳng cần nghi chép hoặc cố gắng học thuộc lòng.

Thơ của Nguyễn-Bính đã đạt được trình độ dễ nhớ.

Thơ của anh đáng ca ngợi ở nội dung yêu nước. Làm thơ yêu nước là chuyện khó. Phải phối hợp hình thức với nội dung ; ngôn ngữ kỹ thuật, tâm tình cá nhân với hoàn cảnh chiến đấu của dân tộc. Phải đúc các mâu thuẫn ấy thành một khối cứng rắn, không tì vết, tạo một thứ thép mới. Đúc trong lò lửa yêu nước, một lò lửa có nhiệt độ khá cao.

Nguyễn-Bính đã thành công lớn, trong giai đoạn mà ít ai thành công. Bây giờ, nếu cho rằng Nguyễn-Bính là một thiên tài thì có lẽ hơi sớm. Nhưng hậu thế cho chúng ta thấy rằng thơ của Nguyễn-Bính có nhiều câu trở thành ca dao, vài bài thơ yêu nước của anh rất xứng đáng được trích giảng trong sách giáo khoa Việt văn.

Nguyễn-Bính đã phiêu lưu từ Bắc vào Nam rồi từ Nam ra Bắc, xa cố hương. Thời buổi chiến tranh, con người có thân hình ốm yếu mà sống non năm mười tuổi, nghĩ cũng thọ. Suốt đời Nguyễn-Bính đã lấy việc sáng tác làm ý nghĩa cuộc sống. Anh đã chịu đau khổ, đã hưởng lạc, đã bi quan, đã lạc quan, đã suy tư. Ta đã thấy những trận giặc. Giặc trên mặt đất, giặc ngoài biển, giặc trên trời. Và giặc trong tâm hồn của con người anh nữa...

(Tài liệu tập san Văn số...,
ngày 14-6-1966, Sài-gòn)

Một giai thoại về Nguyễn-Bính và nhà thơ Kiên-Giang

Qua tập thơ *Hoa trắng thổi cài lên áo tím* chúng ta thấy Kiên-giang có đôi bài lục bát phảng phất cái hơi thơ đồng mộc mạc của Nguyễn-Bính. Thật ra Kiên-Giang đã chung sống ở quê một thời gian với tác giả *Lỡ bước sang ngang* tại tỉnh Rạch-giá và không khỏi chịu ít nhiều ảnh hưởng của nhà thơ này. Dưới đây là giai thoại về thời gian hai người chung sống với nhau do chính Kiên-Giang thuật lại.

*

18 năm trước, tại tỉnh lỵ Kiên-Giang tôi tìm gặp Nguyễn-Bính.

- Ngủ núp ở cửa đình cụ Nguyễn Trung-Trực.
- Mướn nhà hoang để làm thư trang.

Năm 1947, một người bạn cho tôi hay Nguyễn-Bính hiện đang tá túc tại nhà của một công chức ở xóm biển của quê hương tôi (Kiên-Giang). Tôi tìm suốt cả tuần mới hay nhà vị công chức đó là nhà thầy L. Tìm tới nhà thì vợ thầy L. chỉ tôi ra phía đình cụ Nguyễn Trung-Trực và nói rằng : « Nhà chật chội quá, ông Bính ra ở ngoài đình ». Một người ở cạnh đình chỉ cho tôi chiếc núp và nói rằng : « Cái ông ưa ngâm thơ ngủ ở đó ».

Tôi đi vòng quanh chiếc nóp hai ba lần nhưng chưa dám đánh thức Bính dậy vì chưa tin là nhà thơ mà tôi mến mộ lại ngủ trong nóp trước cửa đình. Tôi đành đi tới, đi lui trước sân đình đếm lá đa rơi để chờ đợi. Gần 10 giờ, người trong nóp mới chui ra. Tôi bước tới, ấp úng cúi đầu chào.

- Thưa ông, có phải ông là thi sĩ Nguyễn-Bính hay không ? Nghe ông đến đây, tôi đã tìm suốt tuần nay mới gặp.

Nguyễn-Bính gật đầu. Nét vui mừng hiện rõ trên gương mặt hốc hác. Nguyễn-Bính vỗ vai tôi rồi nói :

- *Cậu có ngờ tôi ngủ nóp ngay cửa đình không ? Cậu có khinh rẻ thằng ngủ nóp không ?*

Tôi lắc đầu, cúi mặt xuống, nín lặng rất lâu mới nói nên lời :

- *Tôi gặp ông chỉ mong ông thu nhận làm học trò để học thêm về nghệ thuật thi ca chứ đâu có dám có ý nghĩ gì khác nữa.*

Nguyễn-Bính mỉm cười rồi nói :

- *Cậu có thuốc lá không ?*

Lúc ấy đáng tiếc rằng tôi chưa biết hút thuốc nên không thỏa mãn được nhu cầu cần thiết của nhà thơ lưu lạc đến xứ tôi. Tôi toan chạy đi mua thì Nguyễn-Bính đã nắm tay tôi siết thật mạnh và liền đó, anh rút cây bút trong túi áo tôi đề ngay lên bao thuốc lá Bastos xanh không bốn câu thơ sau đây :

*Có những dòng sông chảy rất mau
Nhớ chi nghĩa bến với duyên cầu
Lá vàng, hoa đỏ trôi không kịp
Lưu lạc ai ngờ lại gặp nhau.*

Trong lúc Bính cuốn nóp, tôi đọc đi, đọc lại nhiều lần bốn câu thơ đó và cảm thấy sung sướng vô cùng. Sau khi gửi nóp cho người giữ đình, Bính đi ra bờ sông, xuống bậc gạch, khoát nước rửa mặt rồi chải đầu bằng ngón tay. Chải đầu xong, Bính vừa giữ áo vừa phúi bụi.

Lần đầu tiên tôi được nói chuyện đời, chuyện thơ với Bính trước ly cà phê bốc khói tại quán cà phê Quảng Phát. Bính uống cà phê còn tôi uống nước đá sữa. Qua câu chuyện hàn huyên tôi biết tại sao Bính phải ra ngủ nóp ở cửa đình.

*

Vợ của ông công chức nơi Bính tá túc lại rất mê thơ Nguyễn-Bính. Nhiều bài thơ trong tập *Lỡ bước sang ngang*, *Hương cố nhân*, *Một nghìn cửa sổ*, *Tâm hồn tôi*, đều được người đàn bà ấy ngâm vang, lúc nằm ghé xích đu và cả trước giờ đi ngủ hay mới thức dậy. Vì thế mà người chồng đâm ghen và hay gấu ó với vợ. Nguyễn-Bính muốn giữ vẹn hạnh phúc gia đình của người nên đành xách nóp ra ngủ ở cửa đình cụ Nguyễn Trung-Trực.

Sau khi biết tình cảnh đó của Bính, tôi bàn cùng Bính nên tìm một nơi nào khác mà ở để còn viết lách. Cả hai đồng ý thuê một ngôi nhà của ông giữ sân banh Rạch-giá. Ngôi nhà này chỉ hơn được cái nóp một chút thôi nghĩa là xiêu vẹo, tiều tụy, như một ngôi nhà hoang. Người ta phải dùng một cây đòn lớn để chống đỡ hàng cột giữa, hàng ba, hàng nhì. Chỉ có ba hàng cột mà hàng nào cũng xiêu cả thì không hiểu có nên gọi cái nhà này là cái nhà không ? Thôi cứ tạm gọi nó là Lều Thơ cũng được.

Một cơn đường đất vào nhà sấn sàng ngập nước sau một trận mưa lớn hay mỗi mùa biến động. Từ lâu, thêm nhà này vắng bước chân người nên đã phủ đậm màu rêu. Bước chân hai thầy trò tôi đã phá trình tẩm tẩm rêu nhà này và để yên những lớp cỏ dại mọc đầy giữ nguyên nét hoang tàn, quái dị. Hai người quyết vào đây trốn những kẻ không thích thi nhân. Bốn hàng cột gạch ở mái hàng ba lở lói như tháp Chàm. Bính tự ví mình là một dân Chàm đang nhốt mình trong cổ mộ nên dán bốn câu thơ sau đây lên hàng cột :

Từ độ về đây sống rất nghèo

*Bạn bè chỉ có gió trắng theo
Những thằng bất nghĩa xin đừng đến
Hãy để thêm ta xanh sắc râu.*

Mỗi câu thơ được viết theo chiều dài của tấm giấy nhựt trình trắng như câu đối. Trong nhà chúng tôi dọn dẹp, mua các thứ nấu bếp và dự trữ lương thực. Má tôi vốn bán thực phẩm ngoài chợ nên tôi đánh cắp một ít gạo một gói mắm giấu vào một chiếc cà ròn. Chỉ cần năm củ rau, vài đồng cá lóc, cá biển là chúng tôi đã có thể có một bữa cơm ê hề. Bữa cơm nào có thêm thịt bò thì thường kéo dài suốt buổi sáng hay suốt buổi chiều.

Bính làm bếp rất khéo. Tôi chụm lửa hơi ầu, cứ việc chế dầu lửa rồi đút củi vào. Bính thường cự nự : « Cậu chụm lửa thiếu nghệ thuật, thiếu vẻ thơ ». Nói rồi, Bính gắp từng que củi, sắp lại theo kiểu đan lồng mốt, lồng hai. Nhà bớt khói, bữa cơm được dọn ra trên bộ ván cũ. Trong bữa ăn, Bính thường kể chuyện đời lưu lạc cho tôi nghe và chỉ cho tôi thêm về kỹ thuật làm thơ. Nhờ hơi men rượu đế, câu chuyện giữa Bính và tôi càng về khuya càng thêm kỳ thú.

Những lúc cao hứng, Bính liền đứng dậy ngay trên phản ngựa, lớn giọng ngâm nga những bài thơ anh mới làm chưa xuất bản hoặc lấy giấy chép thơ dán khắp nhà. Cạnh nhà cũng có một cậu công tử, cũng theo đòi thi phú nhưng không hề biết rằng có Nguyễn-Bính ở bên cạnh mình mặc dù hai nhà cách nhau không quá một thước. Có thể, cậu ta không thích lối sống của hai thằng điên, dở hơi nên không thích làm quen với hai thằng điên giữa thành Rạch giá.

Hai bạn thơ nghèo vẫn không buồn để ý đến nhân tình, cứ thơ và rượu kéo dài ngày tháng trong căn nhà hoang như hai triết nhân. Ở quê tôi trong mùa biển động, hai tôi thường đốt lửa suốt ngày để trấn áp sự trống trải và lạnh lẽo.

Trong mùa mưa bão, khi nào nhà hết rượu và hết gạo, tôi lại đội mưa trở về nhà ăn cắp gạo và mua rượu chịu. Khi trở lại nhà hoang đã nghe giọng Bính ngân vang lên :

Ở đây mưa ngày lại ngày

Nhà không mở ngõ mưa đầy tuần trăng...

(Bài thơ này rất dài. Bính viết trong cơn say để riêng tặng tôi nhưng bài thơ này bị thất lạc).

Có rượu rồi, chúng tôi lại nối tiếp làm thơ và ngâm thơ. Hết dầu lửa, chúng tôi đốt đèn cầy. Hết đèn cầy, chúng tôi đốt lửa. Lửa tắt, chúng tôi mượn tiếng mưa rơi và tiếng sóng biển ì ầm làm nhạc đệm cho những vần thơ cảm khái, ru hồn mộng, quên bóng tối và đêm dài.

Sau đó ít lâu, Nguyễn-Bính bị bắt vì những bài thơ dán trên vách mà người ta cho là dán khẩu hiệu tuyên truyền. Đáng tiếc là khi bị bắt, những bài thơ tuyệt tác của Nguyễn-Bính bị gỡ hết đem về đốt và chắc bây giờ đã hóa thành tro bụi. Bính giam ở bót gần trường học con trai. Tôi chỉ gửi được một gói xôi và một gói thuốc rồi chẳng bao giờ gặp lại Bính nữa. Sau đó tôi hay tin Bính đi kháng chiến.

Năm 1954 Bính tập kết ra Bắc theo nhóm *Đất mới* và *Nhân văn giai phẩm* nổi lên chống lại chế độ đỏ, bị bao vây và cầm tù, bị bắt buộc phải phản tỉnh.

Dầu có ra sao, Nguyễn-Bính không bao giờ quên những ngày tháng sống hẩm hiu trong gian nhà hoang tại Rạch-giá, nơi tôi và anh đã qua những phút rất thần tiên và tự ví mình là hai thằng điên giữa tỉnh thành Rạch-giá.

Nhưng năm rồi, bạn Thanh-Nam cho hay Bính đã chết rồi, tôi khóc Bính trong chương trình thi văn Mây Tần với tấm lòng của một thằng điên.

(Sài-gòn 2-4-68 – Kiên-Giang)

THI TUYỂN

Lỡ bước sang ngang

*Em ơi, em ở lại nhà,
Vườn dâu em hái, mẹ già em thương.
Mẹ già một nắng hai sương,
Chị đi một bước trăm đường xót xa.

Cây em, em ở lại nhà,
Vườn dâu em đốn, mẹ già em thương.
Hôm nay xác pháo đầy đường
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng.
Chuyến này chị bước sang ngang,
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây...*

I

*Rượu hồng em uống cho say,
Vui cùng chị một vài giây cuối cùng.
Rồi đây sóng gió ngang sông,
Đầy thuyền hận, chị lo không tới bờ.
Miếu thiêng vụng kén người thờ.
Nhà hương khói lạnh chị nhờ cây em.
Đêm qua là trắng ba đêm,
Chị thương chị kiếp con chim lửa đàn.
Một vai gánh vác giang san,
Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương.
Mắt quầng, tóc rối tơ vương,
Em còn cho chị lược gương làm gì !...
Một lần sẩy bước ra đi,*

Là không hẹn lại ngày về nữa đâu.
Cách mấy mươi con sông sâu,
Và trăm ngàn vạn nhịp cầu chênh vênh.
Cũng là thôi, cũng là đành !
Sang ngang lỡ bước riêng mình chị sao ?
Tuổi son nhạt thắm, phai đào,
Đầy thuyền hận có biết bao nhiêu người ?
Em đừng khóc nữa, em ơi !
Dẫu sao thì sự đã rồi nghe em.
Một đi bảy nổi ba chìm,
Trăm cay nghìn đắng con tim héo dần.
Dẫu em thương chị mười phần.
Cũng không ngăn nổi một lần chị đi.
Chị tôi nước mắt đầm đìa,
Chào hai họ để đi về nhà ai.
Mẹ trông theo, mẹ thở dài,
Dây pháo đỏ bỗng vang trời nổ ran,
Tôi ra đứng ở đầu làng,
Ngồi trông theo chị khuất ngàn dâu thưa.

II

Trời mưa ướt áo làm gì ?
Năm mươi bảy tuổi, chị đi lấy chồng
Người ta pháo đỏ rượu hồng,
Mà trên hôn chị một vòng hoa tang.
Lần đầu chị bước sang ngang,
Tuổi son sông nước dò giang chưa từng.
Ở nhà mẹ nhớ em thương,
Ba gian nhà trống, mảnh vườn xác xơ.
Mẹ ngồi bên cửa xe tơ,

Thời thường nhắc : « Chị mấy giờ ra sao ? »
Chị bây giờ... nói thế nào... ?
Bướm tiên khi đã lạc vào vườn hoang.
Chị từ lữ bước sang ngang
Trời đông bão, giữa tràng giang lật thuyền.
Xuôi dòng nước chảy liên miên
Đưa thân thể chị tới miền đau thương.
Mười năm gối hận bên giường.
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh.
Mười năm đưa đón một mình,
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên.
Mười năm lòng lạnh như tiền,
Tìm đi hết máu ! cái duyên không về !
Nhưng em ơi ! một đêm hè,
Hoa xoan nở, xác con ve hoàn hồn.
Dừng chân trên bến sông buồn,
Nhà nghệ sĩ tưởng đồ còn chuyển sang :
Đoái thương thân chị lữ làng,
Đoái thương duyên chị dở dang tháng ngày.
Rồi... rồi... chị nói sao đây ?
Em ơi, nói nhỏ câu này với em :
Thế rồi máu chảy về tim,
Duyên làm lành chị, duyên tìm về môi.
Chị tôi lòng ấm lại rồi,
Mối tình chết đã có người hồi sinh.
Chị từ đan díu với tình.
Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng.
Tim ai khắc một chữ « nàng » ?
Mà tim chị một chữ « chàng » khắc theo.

Nhưng yêu chỉ để mà yêu,
Chị còn dám ước một điều gì hơn.
Một lần hai lỡ keo sơn,
Mong gì gắn lại phím đòn ngang cung.
Rồi đêm kia, lệ dòng dòng,
Tiễn đưa người ấy sang sông, chị về.
Tháng ngày qua cửa buồng the,
Chị ngồi nhặt cánh hoa lê cuối mùa.

III

Úp mặt vào hai bàn tay,
Chị tôi khóc suốt một ngày một đêm !
Đã đành máu chảy về tim,
Nhưng không ngăn nổi cánh chim giang hồ,
Người đi xây dựng cơ đồ
Chị về trông cỏ nấm mồ thanh xuân.
Người đi khoác áo phong trần,
Chị về đan áo lịm dần nhớ thương.
Hồn trinh ôm chặt chân giường,
Đã cùng chị khóc đoạn trường thơ ngây.
Năm xưa đêm ấy giường này
Nghiến răng... nhắm mắt... cau mày... cực chưa ?
Thế là tàn một giấc mơ,
Thế là cả một bài thơ nào nùng !
Tuổi son má đỏ, môi hồng,
Bước chân về đến nhà chồng là thôi.
Đêm qua mưa gió đầy trời,
Trong hồn chị có một người đi qua.
Em về thương lấy mẹ già,
Đừng trông ngóng chị nữa mà uống công.

Chị giờ sống cũng bằng không,
Coi như chị đã sang sông đắm dò.
(Lỡ bước sang ngang)

Tương tư

Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của trời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.
Hai thôn chung lại một làng,
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này ?
Ngày qua ngày lại qua ngày,
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.
Bảo rằng cách trở đò giang,
Không sang là chẳng đường sang đã đành.
Nhưng đây cách một đầu đình,
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi...
Tương tư thức mấy đêm rồi,
Biết cho ai biết, ai người biết cho !
Bao giờ bến mới gặp đò ?
Hoa khuê các, bướm giang hồ gặp nhau ?
Nhà em có một giàn trầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông.
Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào ?
(Lỡ bước sang ngang)

Bước đi bước nữa

Xê lại gần đây, xích lại đây !

Lại đây cho mẹ bảo câu này :
Mẹ không muốn thế nhưng mà nghĩ,
Bấy lâu mẹ đã nhiều đắng cay.
Kể con giờ cũng lớn khôn rồi,
Chín tuổi cha con hẳn ngậm cười.
Mẹ muốn bước đi thêm bước nữa,
Còn đàn em nhỏ cậy con nuôi.
Con ơi ! mẹ khóc suốt đêm kia,
Khóc suốt đêm qua nữa chỉ vì...
Con mẹ còn thương đàn con dại,
Thì con gái mẹ nhận lời đi !
Mẹ cũng không mong sướng lấy mình,
Nhưng mà số phận bắt điều linh.
Vả chẳng thiên hạ nào riêng mẹ,
Gái góa qua đò uống tiết trinh.
Mai một con ơi ! mẹ lấy chồng,
Chúng con coi mẹ có như không.
Khuya rồi đấy nhỉ ? Con đi nghỉ ?
Gió bắc đêm nay lạnh ngập phòng ?

Xuân về

Đã thấy xuân về với gió đông,
Với trên màu má gái chưa chồng.
Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm.
Ngước mắt nhìn trời, đôi mắt trong.
Từng đàn con trẻ chạy xun xoe,
Mưa tạnh, trời quang, nắng mới hoe.
Lá nôn, ngành non ai trắng bạc ?

Gió về từng trận, gió bay đi...

*Thong thả nhân gian nghỉ việc đồng,
Lúa thì con gái mượt như nhung,
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng,
Ngào ngạt hương bay bướm vẽ vòng.*

*Trên đường cát mịn, một đôi cô,
Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa.
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc.
Lần lần tràng hạt niệm nam-vô
(Tâm hồn tôi)*

Cô hái mơ

*Thơ thần rừng chiều một khách thơ
Xa nhìn ra rặng núi xanh mờ.
Khí trời êm ả và trong sáng,
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ.*

*Hỡi cô con gái hái mơ già !
Cô chữa về ư đường còn xa
Và bóng tà dương dần sắp tắt
Hay cô ở lại về cùng ta.*

*Nhà ta ở dưới gốc cây dương,
Cách động Hương-sơn nửa dặm đường.
Có suối nước trong tuôn róc rách,
Có hoa bên suối ngát đưa hương.*

*Hỡi cô con gái hái mơ ơi !
Chẳng trả lời tôi lấy một lời,
Cứ lặng mà đi rồi khuất bóng.
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi.*

(Hương cố nhân)

Cô lái đò

*Xuân đã đem mong nhớ trở về,
Lòng cô gái ở bến sông kia.
Cô hồi tưởng lại ba xuân trước,
Trên bến cùng ai đã nặng thề.
Nhưng rồi người khách tình quân ấy.
Đi biệt không về với núi sông.
Đã mấy lần sông trôi, trôi mãi,
Mấy lần cô lái mỗi mòn trông.
Xuân này đến nữa đã ba xuân,
Đóm lửa tình duyên tắt nguội dần,
Chẳng lẽ ôm lòng chờ đợi mãi.
Cô đành lổi ước với tình quân.
Bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng sông,
Cô lái đò kia đi lấy chồng.
Vắng bóng cô em từ dạo ấy,
Để buồn cho những khách sang sông.*

Hà-nội ba mươi sáu phố phường

*Hà-nội ba mươi sáu phố phường,
Lòng chàng có để một tơ vương.
Chàng qua chiều ấy qua chiều khác.
Góp lại đường đi : vạm dậm đường.
Nhà ấy hình như có mặt trời,
Có rừng, có suối, có hoa tươi,
Bao nhiêu chim lạ, bao nhiêu bướm ?*

- Không có gì đâu, có một người.

Chân bước khoan khoan, lòng hỏi lòng :

- Có nên qua đấy nữa hay không ?

Không nên qua đấy ? nên qua đấy ?

Không, nhớ làm sao ! Qua, mất công !

Có một chiều kia anh chàng si,

Đến đầu phố ấy bỗng ngừng đi :

- Hai bên hàng phố hình như họ...

Đi mãi đi hoài có ích chi ?

Đem bao hy vọng lúc ra đi,

Chuốc lấy buồn thương lúc trở về.

Lòng mỗi lần đi, lòng bão táp,

Mỗi lần là mỗi cuộc phân ly.

Chàng đau đớn lắm, môi cắn môi.

Răng cắn vào răng, lời ghen lời :

- Hờ hững làm sao, mê mẩn quá,

Trời ơi, cứu vớt lấy hồn tôi !

Chao ôi ! Yêu có ông trời cứu,

Yêu có ông trời khóa được chân.

Chàng lại đi về qua phố ấy,

Mấy mươi lần nữa và vân vân...

Chàng đi, đi mãi, đi, đi mãi

Đến một chiều kia, đến một chiều.

Phố ấy đỏ bừng lên xác pháo,

Yêu là như thế... Thế là yêu !

Hà-nội ba mươi sáu phố phường,

Lòng chàng đã dứt một tơ vương,

Chàng qua chiều ấy qua chiều khác...

Ô ! Một người đi giữa đám tang.
(Lỡ bước sang ngang)

Văn vơ

Đã quyết không... không... được một ngày,
Rồi yêu, yêu cả buổi chiều nay.
Chiều nay bướm trắng ra nhiều quá,
Không biết là mưa hay nắng đây ?

Lâu nay tôi thấy ở lòng tôi,
Như có tơ vương đến một người
Người ấy... nhưng mà tôi chẳng nói,
Tôi đành ngậm miệng nữa mà thôi.

Tôi quen ngậm miệng với tình xưa,
Tình đã sang sông, đã tới bờ,
Tình đã trao tôi bao oán hận,
Và đem theo cả một thuyền mơ,

Mơ có năm năm đã vội tàn.
Có nàng đan mãi áo len đan,
Có nàng áo đỏ đi qua đấy,
Hương đượm ba ngày, hương chứa tan.

Mà hương đượm mãi ở hồn tôi,
Tôi biết là tôi yêu mất rồi,
Tôi biết rồi đây tôi khổ lắm ;
Chiều nay gió lạnh đấy, nàng ơi !

Tất cả mùa đông đan áo len,
Cho người, cho tất cả người quen.
Còn tôi người lạ, tôi người lạ,
Có cũng nên và không cũng nên.

Oán đã bao la, hận đã nhiều,
Cớ sao tôi vẫn chẳng thôi yêu ?
Tôi đi mãi mãi con đường ấy,
Qua lại hôm nay, sáng lại chiều.
(Lỡ bước sang ngang)

Những bóng người trên sân ga

Những cuộc chia lìa khởi sự đây,
Cây đàn sum họp đứt từng dây.
Những lời bèo bọt thân đơn chiếc,
Lần lượt theo nhau suốt tháng ngày.
Có lần tôi thấy hai cô bé.
Sát má vào nhau khóc sục sùi.
Hai bóng chung lưng thành một bóng,
« Đường về nhà chị chắc xa xôi. »
Có lần tôi thấy một người yêu,
Tiễn một người yêu một buổi chiều,
Ở một ga nào xa vắng lắm.
Họ cầm tay họ, bóng xiêu xiêu.
Hai chàng tôi thấy tiễn đưa nhau,
Kẻ ở sân ga, kẻ cuối tàu.
Họ giục nhau về ba bốn bận,
Bóng nhòa trong bóng tối từ lâu.
Có lần tôi thấy vợ chồng ai,
Thẹn thẹn đưa tay bóng chạy dài.
Chị mở khăn trầu, anh thắt lại,
Mình về nuôi lấy mẹ mình đi.
Có lần tôi thấy một bà già,

Đưa tiễn con đi tận chốn xa,
Tàu chạy lâu rồi, bà vẫn đứng,
Lưng còng đổ xuống bóng sân ga.

Có lần tôi thấy một người đi,
Chẳng biết về đâu nghĩ ngợi gì.
Chân bước hững hờ theo bóng lẻ,
Một mình làm cả cuộc phân ly.

Những chiếc khăn màu thốn thức bay,
Những bàn tay vẫy những bàn tay.
Những đôi mắt ướn nhìn đôi mắt,
Buồn ở đâu hơn ở chốn này ?

Tôi đã từng chờ những chuyến xe,
Đã từng đưa đón kẻ đi về,
Sao nhà ga ấy, sân ga ấy.
Chỉ để cho lòng dấu biệt ly.

Lòng người trinh nữ

Chiều về chậm chậm trong hiu quạnh,
Tơ liễu theo nhau nhảy xuống hồ,
Tôi thấy quanh tôi và tất cả,
Châu thành Hà-nội chút khăn xô.

Nước mắt chảy quanh, tình thắt lại,
Giờ đây, tôi khóc một người về.
Giờ đây, tôi thấy lòng cay đắng,
Như có ai mời chén biệt ly.

Sáng nay vô số lá vàng rơi,
Người gái trinh kia đã chết rồi.
Có một chiếc xe màu trắng đục,

Hai con ngựa trắng bước hàng đôi.
Đem đi một chiếc quan tài trắng
Và những bông hoa trắng lạnh người.
Theo bước, những người khăn áo trắng,
Khóc hồn trinh trắng mãi không thôi.

Để đưa nàng đến nghĩa trang này,
Nàng đến đây rồi, ở lại đây.
Ờ nhỉ ? Hôm nay là mấy nhỉ ?
Suốt đời tôi nhớ mãi đêm nay.

Sáng nay sau một cơn mưa lớn,
Hà-nội bùng lên những nắng vàng.
Có những cô nàng trinh trắng lắm,
Buồn rầu theo vết bánh xe tang.

Từ nay xa cách mãi mà thôi,
Tìm thấy làm sao được bóng người.
Vừa mới hôm nào còn thèn thẹn,
Tay cầm sáp đỏ bỏ lên môi.

Chiếc áo màu xanh tựa nước hồ,
Nàng vừa may áo với mùa thu.
Gió thu còn lại bao nhiêu gió :
Chiếc áo giờ đây ở dưới mồ.

Chắc hẳn những đêm như đêm qua,
Nàng còn say mộng ở chẵn hoa,
Chẵn hoa ướp một trời xuân sắc.
Đến tận tàn canh rộn tiếng gà.

Chắc hẳn những đêm như đêm kia,
Nửa đêm lành lạnh gió thu về.
Nàng còn thao thức ôm cho chặt...

Chiếc gối nhung mềm giữa giấc mê.

Nhưng sáng hôm nay nàng lặng im,

Máu đào ngừng chảy ở nơi tim.

Mẹ già xé vụn khăn tang trắng,

Quấn vụn lên đầu mấy đứa con.

Người mẹ già kia tuổi đã nhiều,

Đã từng đau khổ biết bao nhiêu.

Mà nay lại khóc thêm lần nữa,

Nước mắt còn đâu buổi xế chiều.

Những đứa em kia chưa khóc ai,

Mà nay đã khóc một người rồi,

Mà nay trên những môi son ấy,

Chẳng được bao giờ gọi : chị ơi !

Nàng đã qua đời để tối nay,

Có chàng đi hứng gió heo may.

Bên hồ để mặc mưa rơi ướt,

Đếm mãi băng quơ những gót giày.

Người ấy hình như có biết nàng,

Có lần toan tính chuyện sang ngang.

Nhưng hồn nàng tựa con thuyền bé,

Đã đắm ngàn thu ở tuổi vàng.

Có gì vừa mất ở đâu đây ?

Lòng thấy mềm như rượu quá say.

Hốt hoảng chàng tìm trong bóng tối,

Bàn tay lại nắm phải bàn tay.

Chỉ có vài hôm nữa, thế rồi,

(Người ta thương nhớ có ngần thôi !)

Người ta nhắc đến tên nàng để

Kể chuyện nàng như kể chuyện vui.
Tôi với nàng tuy không biết nhau,
Mà tôi thương tiếc bởi vì đâu ?
« Mỹ nhân tự cổ như danh tướng,
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu. »
(Lỡ bước sang ngang)

Thôi nàng ở lại

Hoa đào từng cánh rơi như tuyết
Xuống mặt sân rêu những mắt buồn.
Như những tâm tình tan vỡ ấy,
Nhện già giăng mắc sợi tơ đơn.
Nàng đến thăm tôi một buổi chiều,
Những mong chắp nối lại thương yêu.
Nhưng tôi không dám, tôi không thể,
Chắp nối bao nhiêu khổ bấy nhiêu.
Nàng hỡi ! tôi không thể dối nàng,
Dối tôi, mà lại nói yêu thương,
Tôi giờ như một người tang tóc
Chẳng dám cùng ai dệt mộng vàng.
Nàng hãy vì tôi đoạn một lời :
« Từ nay nàng đã hết yêu tôi,
Từ nay ta sẽ xa nhau mãi,
Ta sẽ quên nhau đến trọn đời. »
Nàng hãy đi xây lại cuộc đời,
Rồi đây ai nhắc đến tên tôi.
Và ai nếu hỏi : « Là ai nhỉ ? »
Nàng đáp lạnh lùng : « Chẳng biết ai ! »

Tôi sẽ đi đây. Tôi sẽ quên,
Trọn đời làm một kẻ vô duyên,
Trọn đời làm một thân cô lữ.
Ở mọi miền xa, ở mọi miền.

Ai đi chấp lại cánh hoa rơi,
Bắt bóng chim xa tận cuối trời.
Có lẽ ngày mai đò ngược sớm,
Thôi nàng ở lại để... quên tôi.
(Lữ bước sang ngang)

Dòng dư lệ

(Tặng T.T.Kh.)

Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Rỏ xuống thành thơ khóc chút duyên.
(T.T.Kh)

Gió đưa xác lá về đường,
Thu sang nhuộm cả sầu thương một trời.
Sầu thương quyến lấy hồn tôi,
Đêm qua ngồi đọc thơ người xa xăm.
Một ngàn năm, một vạn năm,
Con tầm vãn kiếp con tầm vương tơ.
Tặng người gọi một vãn thơ,
Hay là dòng nước mắt thừa đêm qua.
Đường vào Thanh-hóa bao xa ?
Bao giờ ra nhớ rủ ta với, chàng !
Bảo rằng quan chưởng cho sang,
Ai đời quan cấm đò ngang bao giờ !
Vườn Thanh qua đây năm xưa,

Trọ nhờ đêm ấy trời mưa tối trời.
Quanh lò sưởi ấm, bên tôi,
Bên người lão bộc đường ngồi quay tơ.
Tuổi nàng năm ấy còn thơ,
Còn bao lời hứa đợi chờ một mai.
(Rồi đây bao gió bụi đời.
Tôi quên sao được con đường vườn Thanh.
Lạnh lùng canh lại sang canh,
Lòng tôi thao thức với tình băng quơ,
Bởi sinh lạc kiếp giang hồ,
Dám đâu toan tính xe tơ giữa đường.
Thu sang, rồi lại thu sang,
Cúc bao lần nở lá vàng bao rơi ?
Bao nhiêu vật đổi sao dời ?
Đường bao dặm thẳng, hỏi người bốn phương ?
Trọ bao nhiêu quán bên đường
Nhưng không lần nữa qua vườn Thanh xưa.
Cô nàng năm ấy quay tơ,
(Tôi quên sao được !) Hẳn chưa lầy chồng.
Một hôm lòng lại nhủ lòng :
Nơi đây giáp với cánh đồng vườn Thanh.
Rồi tôi len lén một mình,
Ra đi với một tấm tình hay hay,
Đường mòn tràn ngập bông may,
Gió heo báo trước một ngày thu sang.
Dừng chân trước cửa nhà nàng.
Thấy hoa vàng với bướm vàng hôn nhau.
Tìm nàng chẳng thấy nàng đâu,
Lá rơi lá tả bên lầu như mưa...

Chợt người lão bộc năm xưa,
Từ đâu mang mảnh gương tơ lại nhà.
Một hai xin phép ông già,
Trọ nhờ đêm ấy nữa là hai đêm.
Ông già nể khách người quen.
Ngậm ngùi kể lại một thiên hận tình.
Rồi ông kết : (giọng bất bình)
- « Trời cay nghiệt thế cho đành.
Thưa ông...
Cô tôi nhạt cả môi hồng,
Cô tôi chết cả tấm lòng ngây thơ.
Đâu còn sống lại trong mơ ?
Đâu còn sống lại bên bờ sông yêu ?
Buồng the sầu sớm thương chiều
Khóc thầm biết có bao nhiêu lệ rồi.
Tơ duyên đến thế là thôi !
Thế là uổng cả một đời tài hoa.
Đêm đêm bên cạnh chồng già,
Và bên cạnh bóng người xa hiện về... »
Rùng mình, tôi vội gạt đi :
« Già ơi ! Thảm lắm ! Kể chi dài dòng ?
Cháu từ mắc số long đong.
Yêu đương chìm tận đáy lòng đã lâu.
Đau thương qua mấy nhịp cầu,
Cạn dòng nước mắt còn đâu khóc người.
Dối già một chút mà thôi,
Nghe lời già kể cháu mười đêm luôn,
Chợt thương, chợt khóc, chợt buồn,
Cháu như một kẻ mất hồn, già ơi ! »

Truyện xưa hồ lãng quên rồi,
Bỗng đâu xem được thơ người vườn Thanh.
Bao nhiêu oan khổ vì tình,
Cớ sao giống hệt truyện mình gặp xưa ?
Phải chăng ? Mình có nên ngờ
Rằng người năm ngoái bây giờ là đây ?
(Lỡ bước sang ngang)

Hôn nhau lần cuối

Cầm tay, anh khẽ nói :
Khóc lóc mà làm chi ?
Hôn nhau một lần cuối,
Em về đi, anh đi.

Rồi một, hai, ba năm,
Danh thành anh trở lại.
Với em, anh chẵn tầm,
Với em, anh dẹt vải.

Ta sẽ là vợ chồng
Sẽ yêu nhau mãi mãi.
Sẽ xe sợi chỉ hồng,
Sẽ hát ca ân ái.

Anh và em sẽ sống
Trong một mái nhà tranh
Lấy trúc thưa làm cổng
Lấy tơ liễu làm màn.

Nghe lời anh, em hỡi !
Khóc lóc mà làm chi ?
Hôn nhau một lần cuối,

Em về đi, anh đi...
(Lỡ bước sang ngang)

Rượu xuân

*Cao tay nâng chén rượu nồng,
Mừng em : em sắp lấy chồng xuân nay.
Uống đi ! Em uống cho say !
Để trong mơ, sống những ngày xuân qua
Thấy tình duyên của đôi ta,
Đến đây là... đến đây là... là thôi !
Em đi dệt mộng cùng người,
Lẻ loi xuân một góc trời riêng anh.
(Lỡ bước sang ngang)*

Thoi tơ

*Em lo gì trời gió,
Em sợ gì trời mưa,
Em buồn gì mùa hạ,
Em tiếc gì mùa thu ?
Em cứ yêu đời đi !
Yêu đời như thưở nhỏ.
Rồi để anh làm thơ,
Và để anh dệt lụa.
Lụa dệt xong may áo
Áo anh và áo em
May áo nên thiếu lụa,
Xe tơ, em dệt thêm.
Thơ làm xong anh đọc*

Bên anh, em lắng nghe,
Và để lòng anh thổn thức,
Theo vùn âu yếm kia.

Mộng đẹp theo ngày tháng,
Đi êm đềm như thơ
Khác nào trên khung cử,
Qua lại chiếc thoi tơ.
(Lỡ bước sang ngang)

Khăn hồng

(Gửi chị)

Chị cho em chiếc khăn thêu,
Ý chị thương em khóc đã nhiều.
Khóc chị ngày xưa, giờ lại khóc,
Cho mình khi tắt một tình yêu.

Em nhớ mùa xuân năm ngoái đây,
Em sang thăm chị, ở hai ngày.
Vắng người, em có thư cùng chị :
- Em đã yêu và đã đắm say.

Đưa ảnh người yêu cho chị xem,
(Cả thư người ấy gửi cho em)
Chị cười : « Đáng sợ là đôi mắt,
Chưa khóc đêm nào đến trắng đêm,
Em cứ yêu đi ! Thực thủy chung,
Yêu đi ! Rồi chị tặng khăn hồng.
Bao giờ... vui nhĩ ! Về ăn cưới !
Chắc chẳng như khi chị lấy chồng. »

Em đi theo đuổi mãi tơ duyên,

Dò mãi lòng sông, sắm mãi thuyền.
Cho đến một hôm em mới nhớ :
« Lòng người... Chị Trúc nhớ hay quên ? »

Người ta đi lấy cái giàu sang,
Bỏ cả keo sơn, bỏ đá vàng.
Mới nửa đời thôi, mẹ phải khóc.
Hai lần, hai chuyển bước sang ngang.

Em đi mất tích một mùa xuân,
Đi để chôn vùi hận ái ân.
Không hiểu nghe ai mà chị biết,
Em về chị gửi một vuông khăn !

Em đã dùng khăn chị để lau
Bao nhiêu nước mắt của u sầu.
Em còn sợ nữa mùa thu tới.
Người ấy còn đan áo nữa đâu !

Em vẫn nghe lời chị : « ...Thủy chung »
Cho nên khăn chị vẫn phai hồng.
Đem thân về ở vườn dâu cũ.
Buồn cũng như khi chị lấy chồng,
(Lỡ bước sang ngang)

Lòng mẹ

Gái lớn ai không phải lấy chồng
Can gì mà khóc, nín đi không !
Nín đi ! Mặc áo ra chào họ ;
Rõ quý con tôi các chị trông.
Ương ương dở dở quá đi thôi.
Cô có còn thương đến chúng tôi.

Thì đứng lên, vào lau nước mắt.
Mình cô làm khổ bấy nhiêu người.
Này áo đồng lành, quần lĩnh tía,
Này hương này lược, này hoa tai.
Muốn gì tôi sắm cho cô đủ,
Nào đã thua ai ? đã kém ai ?
Tôi già, tôi chết... Khiến cô thương ?
Nuôi đại em cô, tôi đảm đương,
Nhà cửa tôi coi, tôi giả nợ.
Ai nhờ gái góa, việc quân vương.
Đưa con ra đến cửa buồng thôi
Mẹ phải xa con khổ mấy mươi !
Con ạ ! Đêm nay mình mẹ khóc,
Đêm đêm, mình mẹ lại đưa thoi.
(Lỡ bước sang ngang)

Vâng

Lạ quá ! Làm sao tôi cứ buồn ?
Làm sao tôi cứ khổ luôn luôn ?
Làm sao tôi cứ tương tư mãi
Người đã cùng tôi phụ rất tròn ?
Thì ra chỉ có thế mà thôi !
Yêu đấy, không yêu đấy, để rồi
Mắc hăn đường tơ sang cử khác,
Dệt từng tấm mạng để dăng ai.
Khuyên mãi sơn cho chữ « Ái tình » !
Mộng lòng trang điểm mãi cho xinh
Có người, đêm ấy, khoe chồng mới :

« Em chữa yêu ai, mới có mình ».

Có người trong gió rét mùa đông,
Chăm chỉ đan cho trọn áo chồng.
Còn bảo ! « Đường len đan vụng quá !
Lần đầu đan áo kiểu đàn ông. »

Vâng, chính là cô chữa yêu ai,
Lần đầu đan áo kiểu con trai.
Tôi về thu cả ba đông lại,
Đốt hết cho cô khỏi thẹn lời !
(Lỡ bước sang ngang)

Lòng nào dám tưởng

Mẹ em như bóng nắng về chiều,
Sống được bao nhiêu, biết bấy nhiêu.
Em em còn trẻ người non dạ !
Há nỡ theo anh, nỡ bỏ liều... ?
Lấy ai nuôi mẹ, dạy em thơ ?
Anh có thương em hãy cố chờ.
Chưa trọn đạo con, tròn nghĩa chị,
Lòng nào dám tưởng đến duyên tơ.
(Lỡ bước sang ngang)

Giọt nến hồng

Giọt nến hồng gieo xuống án thư,
Người nhà tiếng khách mỗi dần thưa,
Dì Hai sẽ ghé tai em dặn,
« Như thế... từ nay... cháu nhớ chưa ? »
Chiều ấy dì Hai đã trở về,

Mình em ở lại với buồng the.
Buồng riêng chắn chiếu nguyên mùi mới
Đốt nến hồng lên lại tắt đi.

... ..

Ái chà ! Gió lạnh ! Gớm mùa đông
Lặng yên níu áo dì Hai lại,
Ngủ nốt đêm nay có được không ?
(Lỡ bước sang ngang)

Đối lòng

Xé bao nhiêu lụa rồi,
Em không cười một miệng.
Đốt bao nhiêu lửa rồi,
Em không lên một tiếng.
Lòng anh như lụa đây,
Tình anh như lửa đấy
Bao-Tự ngày xưa em !
Nàng dễ chiều biết mấy !
Trên đường môi nho nhỏ,
Trên màu môi hồng hồng,
Cái gì anh đã thấy,
Hình như là mùa đông ?
Hương lâu hoa chìm chìm...
Cửa lâu hoa vẫn đóng,
Có khác gì môi em !
Cơ hồ anh tuyệt vọng.
Có khác gì lòng em,
Cửa lâu hoa vẫn đóng

Nghe hồn anh chìm chìm...
Nghe buồn anh rộng rộng.
Một toán quân khát nước,
Đường đi tìm rừng mơ,
Sao em không bắt chước
Nói dối như người xưa ?
Anh dối lòng anh mãi.
Rằng đây là rừng mơ,
Anh dối lòng anh mãi
Rằng em là Nàng thơ.
Anh dối lòng anh mãi :
« Em sắp cười bây giờ ! »
(Người con gái ở lâu hoa)

My-nương

Trời không có gió
Làm sao tôi buồn ?
Người yêu không có
Sao tôi nhớ thương ?
Tôi nhớ Tây-Thì
Trong lòng Ngô-vương ?
Hay Dương quý-phi
Trong đình Trầm-hương ?
Hay là tôi nhớ
Cô bé Hằng-nga
Năm trong Cung Quảng ?
Vợ chàng Ngưu-lang
Bên bờ Ngân-hà ?

Không, không tôi nhớ
Một người rất xa
Một người con gái
Nhan sắc như... là...
Toan ví mà thôi
Vì bao nhan sắc
Xây dựng trên đời
Sánh sao nàng được.
Nàng hơn Tây-Thì,
Hơn Dương quý-phi,
Hằng-ngà, Chúc-nữ
Có ăn thua gì ?
Chao ơi ! tôi nhớ !
Và yêu mất rồi.
Nhưng người xa ấy
Nhớ thương gì tôi !
(Người con gái ở lâu hoa)

Áo đẹp

Em muốn anh cười đi !
Mẹ em may áo đẹp
Cho xem xong rồi kia.
Lạy trời tết này tạnh,
Mặc, em đi lễ chùa
Khỏi lấm và khỏi lạnh.
À, con Bích, con Phương.
Nó rủ em ngoài tết.
Đi trẩy hội chùa Hương.

Ấy đã từ thừa bé,
Em chưa đi chùa Hương.
Đi với em, anh nhé !
(Người con gái ở lầu hoa)

Người con gái ở lầu hoa

Nhà nàng ở gốc cây mai trắng,
Trên xóm mai vàng dưới đẽ-kinh.
Có một buổi chiều qua lối ấy,
Tôi về dệt mãi mộng ba sinh.

Tôi rót hồn tôi xuống mắt nàng.
Hồn tôi là cả một lời van.
Tôi van nàng đấy ! van nàng đấy !
Ai có yêu đương chả vội vàng ?

Tôi rót hồn tôi xuống đã nhiều,
Hồn tôi còn có được bao nhiêu ?
Tôi đi sợ cả lời tôi nói,
Sợ cả gần nàng, sợ cả yêu.

Nàng có bao giờ nghĩ đến không ?
Không, nàng đan áo suốt mùa đông.
Mùa xuân qua cửa, tôi qua cửa,
Nàng chả nhìn cho, đến nào nùng !

Tôi mĩa mai tôi, oán trách tôi
Làm sao tôi lại cứ cầm lời ?
Thì trăm con gái, nghìn con gái
Nàng cũng là người con gái thôi.

Có một nghìn đêm tôi chiêm bao,
Ba đêm nay khóc với mưa rào.

*Đêm nay mắt đỏ rồi, mưa tạnh,
Tôi khóc âm thầm dưới bóng sao.*

*Nàng ở lầu hoa ở đêm bông
Có đêm nào nhớ đến tôi không ?
Không không, chả có đêm nào cả,
Chả có đêm nào hé cửa song...
(Người con gái ở lầu hoa)*

Thanh đạm

*Nhà tranh thì sẵn đấy,
Vợ xấu có làm sao !
Cuốc kêu ngoài bãi sậy,
Hoa cúc nở đầy ao.*

*Mấy sào vườn đất mới.
Trồng dâu và trồng cam.
Không ngại xa, người tới
Thăm tôi, tôi cảm ơn,*

*Làng bên sẵn rượu ngon,
Đêm nay ta đối ẩm,
Tre nhà đương cũ ậm,
Tha hồ là măng non.*

*Đường làng không tiện xe,
Sớm mai người hãy trẩy.
Cây nguyệt năm sông mãi,
Tôi xin đàn người nghe.
(Người con gái ở lầu hoa)*

Cầu nguyện

Nàng hãy vui đi, dẫu một ngày,
Dẫu phần ba phút, góc tư giây,
Dẫu trong thoáng mắt nhìn như chớp,
Cũng đủ cho nàng quên đắng cay.

Nàng đừng nên tưởng tôi không biết
Những nỗi yêu thương những oán sầu,
Tràn ngập những đêm đầy nước mắt,
Những ngày đầy hận của nàng đâu ?

Không, không, tôi biết, nhưng nàng hỡi !
Tôi biết làm sao giữa lúc này ?
Giữa lúc nắng không tươi đẹp nữa,
Hoa không buồn thắm, bướm không bay.

Giữa lúc tâm hồn trong sáng ấy
Đương mờ như thủy mảnh gương phai.
Ngây thơ hấp hối trong nhan sắc,
Đợi hắt hơi thừa một sớm mai.

Khuyên một lời ư ? Nhưng biết đâu.
Lời khuyên không chạm đến tim đau.
Tim đau sẽ vọt ngàn tia máu,
Động lại muôn ngày vết hận sâu...

Song tôi phải nói khi oan khổ,
Đã hiện hình lên ám ảnh nàng,
Ai nữ quay đi không cứu vớt
Lấy người tri kỷ đâm dò ngang.

Nàng sống sao cho khỏi yếu hèn,
Khóc là ủy mị, chết là điên
Gây cho hoàn cảnh thêm tươi đẹp,
Lọc mãi cho hồn trong sáng lên.

Nàng nên gìn giữ lấy dung nhan,
Chớ tắt khi chưa đến độ tàn,
Chớ hết khi còn và phải mãi
Ngược dòng tàn phá của thời gian.

Và nên thương đến đứa con thơ,
Săn sóc ai người những sớm trưa.
Mùa nắng ai người may áo mỏng,
Ai người ấp ủ những đêm mưa ?

Những câu nhặt nhẽ tầm thường ấy,
Tôi viết ra đây để tặng nàng.
Mong sẽ vì tôi nàng bớt khổ.
Giờ tay cười đón ánh xuân sang
(Người con gái ở lầu hoa)

Một lần

Gặp một lần thôi nhớ chẳng quên,
Nghe đâu đường những sáu ngày thuyền,
Chao ôi ! lông ngỗng mà bay hết,
Biết lối nào lên tới xứ tiên ?

Biết lối nào lên tới xứ nàng ?
Để người Hà-nội nhớ mang mang.
Nàng đi, Hà-nội buồn như chết
Hà-nội buồn như một nhớ nhàng.

Ôi ! Lụa ! Ôi ! Đồn ! Ôi ! Tóc tơ !
Nàng làm thiên hạ muốn tương tư.
Mưa xuân bay mãi làm chi thế ?
Tôi nhớ ai nào ? xuân biết chưa ?
(Người con gái ở lầu hoa)

Lòng yêu đương

Yêu, yêu, yêu mãi thế này !
Tôi như một kẻ sa lầy trong yêu,
Cao bao nhiêu, thấp bấy nhiêu,
Một hai ba bốn năm chiều rồi... thôi.

Nơi này chán vạn hoa tươi,
Để yên tôi hái đừng mời tôi lên.
Một đi làm nở hoa sen,
Một cười làm rụng hàng nghìn hoa mai.

Hương thơm như thể hoa nhài,
Những môi tô đậm làm phai hoa đào.
Nồn nà như thể hoa cau,
Thân hình yếu điệu ra màu hoa lan.

Ai yêu như tôi yêu nàng,
Hợp nhau lại hợp thành làng cho xinh.
Chung nhau dựng một ngôi đình,
Thờ riêng một vị thần linh là Nàng.
(Người con gái ở lầu hoa)

Một nghìn cửa sổ²⁸

Một nghìn cái cửa sổ
Đều khép vào đêm qua,
Một nghìn bàn tay nga,
Đã thò ra cửa sổ.

Một nghìn cái cửa sổ
Đều khép vào đêm nay,
Lại nghìn cái bàn tay
Ấy thò ra cửa sổ.

Hỡi nghìn cái cửa sổ
Rồi khép vào bên trong
Có thấu tình ta không ?
Có thấu tình ta khổ.

Đêm qua và đêm nay
Và nghìn đêm về trước
Ta đi trên phố này,
Ta đi trên phố khác.

Để mơ những bàn tay
Của những nàng gái đẹp,
Để muốn rằng đêm nay,
Cửa ai buồn chẳng khép.

Chẳng ai buồn, chẳng khép
Cho lòng ta đêm nay
Để lòng ta đêm nay
Mất một người gái đẹp.

Cửa hàng nghìn khép lại
Tất cả một đêm nay
Có lòng ta rồ dại
Mở ra muôn ngàn ngày.

Tình giấc chiêm bao

29

Chín năm đốt đuốc soi rừng
Về đây ánh điện ngập ngừng bước chân
Cửa xưa màn trúc còn ngăn
Góc tường vẫn đọng trăng xuân thưở nào
Làng xa bản nhỏ đèo cao
Gió bay tà áo chiêm bao nửa chừng

Anh về luyến núi, thương rừng
Nhớ em đêm sáng một vùng Thủ-đô.

Bồi hồi chuyện cũ năm xưa
Gặp nhau lần cuối... trang thư lệ nhòa
Thư rằng : « Thôi nhé đôi ta
Tình sao không phụ mà ra phụ tình
Duyên nhau đã dựng Trường-đình
Mẹ em đã xé tan tành gối thêu... »

Trăng khuya sang núi gươm đeo
Anh đi, thư vẫn nằm đeo bên mình
Lửa sàn nét chữ chênh chênh
Nếp thư đến rách chưa lành vết thương.

Đầm đầm hoa sữa lên hương
Chân anh đương bước giữa đường cái đây
Nẻo hồ, song cửa, lá bay
Sáng chừng bóng dạng bao ngày yêu xưa
Trăm năm đã lỡ hẹn hò
Cây đa bến cũ con đò còn không ?

Tình cờ gặp giữa phố đông
Em đi ríu rít tay chồng tay con
Nét cười âu yếm môi son
Áo bay nhắc buổi trăng tròn sánh vai...

Chín năm bão tối mưa ngày
Nước non để có hôm nay sáng trời
Em đi hạnh phúc hồng tươi
Anh nhìn tận mắt cuộc đời đẹp thay ?
Sắc hương muôn nẻo tuôn trào
Tiếc mà chi giấc chiêm bao một mình

Anh về viết lại thơ anh
Để cho bến mát cây xanh đôi bờ
Cho sông cho nước tự giờ
Chẳng còn lỡ chuyện con đò sang ngang
Lúa đôi những bức thư vàng
Chẳng còn chữ chữ hàng hàng lệ rơi
Chim hồng chim nhạn, Em ôi
Trên nền gôi cưới đời đời yêu nhau.
(NGUYỄN-BÍNH 8-1956)

Tỳ bà truyện ³⁰

1. Ngắm xem từ trước đến giờ,
Việt đời thực biến như cờ thất tinh.
Kim năng ngữ, kiếm dục tình,
Ngán cho thế sự nhân tình bấy nhiêu !
Ngày xưa ở quận Trần-lưu,
Có nhà họ Thái ra chiều hiếm hoi.
Vợ chồng tuổi ngoại sáu mươi,
Khói hương duy được một người con trai.
Gọi tên là Thái Bá Giai,
10. Vẫn cho khuya sớm dùi mài sử kinh,
Nếp nhà vốn sẵn thông minh,
Giai còn nhỏ đã nức danh thần đồng.
Văn chương lừng lẫy khắp vùng,
Độc trôn bảy bước, thuộc lòng năm xe.
Thầy đồ gặp bạn thường khoe :
« Nó rồi ông Cống, ông Nghè nay mai.
Tài hoa nó đã hơn người,
Công danh nó hẵn gấp mười lữ ta.

Hậu sinh khả úy lắm mà,
20. Ta như qua tuổi, nó là phượng non. »
Đời tươi như những khuyển son
Thái-ông hy vọng cho con nên người,
Trước là tỏ mặt với đời,
Sau là vui hưởng phúc trời cũng hay.
Thái-bà canh cửi luôn tay,
Cơm ăn hôm sớm áo may lạnh nồng.
Đàn bà làm tướng bên trong,
Khuyên con Từ Mẫu, thờ chồng Mạnh Quang.
Đã tần tảo, lại tao khang,
30. Dưỡng sinh nghĩa cả đá vàng duyên cao.
Đêm ngày nắng xế bờ ao,
Mưa khuya vườn chuối ra vào tóc sương.
Thái-sinh mỗi buổi tan trường,
Thường về qua xóm Hiền-lương cạnh làng.
Nhà ai trúc vách rèm lan,
Thường nghe vắng vắng tiếng đàn bay ra.
Tiếng đâu thấm ngọc tươi hoa.
Tiếng đâu nắng xế, trăng tà, mưa khuya.
Tiếng đâu chấp nối chia lìa,
40. Ngựa lên ải quạnh chim về rừng xa.
Tiếng đâu, ôi ! Tiếng Tỳ-bà,
Dừng chân Chung Tử để mà vấn vương.
Thần thờ sớm nắng chiều sương,
Đàn ai trêu khách qua đường mãi đây.
Đàn không là rượu mà say,
Đàn không cay đắng mà cay đắng lòng.
Nhà ai ? Quạnh vắng vô cùng,

Thăm gieo hiên biển vàng phong ngô lười.
Tiếng oanh nhại tiếng ai cười,
50. Bóng dương bắt chước bóng người phất phơ.
Một mình năm ngấn mười ngơ,
Thái-sinh ngâm mấy vần thơ cảm hoài.
Đêm đêm trong tiếng học bài,
Dường như có lẫn một vài tiếng tơ.
Mặt đường theo nhặt lá ngô,
Bãi nằm xe cát đồ đưa lạnh chèo.

Khấp trời gió lộng vi veo,
Sương mai dưới núi, sương chiều trên sông.
Thái-sinh thắc mắc bên lòng,
60. Chờ mong nhưng biết chờ mong những gì ?

Mơ màng như ở, như đi,
Như vương kén lại, như lìa tổ ra.
Như gần thôi lại như xa,
Xót trắng đầu tháng, thương hoa cuối mùa.
Bỗng không ai đợi mà chờ,
Ai tin mà tưởng, ai ngờ mà oan ?
Chiều thu thơ thẩn bóng vàng,
Có ai xuôi bước cho chàng đi qua.

Nhà ai bật tiếng tỳ bà,
70. Trong vườn thấp thoáng bóng hoa : bóng người
Bóng người ? không, bóng hoa tươi,
Bóng hoa ? không, cả bóng người bóng hoa.
Liễu điều thua vẻ thướt tha,
Đây là đâu ? Phải đây là Đào-nguyên ?
Cõi trần mà có người tiên,
Nồn nà như huệ, dịu hiền như lan.

Thái-sinh dừng bước bên đàng,
Hồn say đắm quá tình càng đắm say.
Đàn kia âu hẩn tay này,
80. Sớm chiều trong gió bay đầy tiếng tơ.

Ngàn thu sóng vỗ vào bờ,
Ngàn thu tài tử vẫn chờ giai nhân,
Trong vườn người đẹp băng khuâng,
Nhẹ vịn cành thăm, tay ngần ngại tay,
Gió chiều thổi cánh hoa bay,
Gió chiều nhắn gửi với ngày thu sơ ?
Thốt như linh cảm bấy giờ,
Giai nhân đưa mắt qua bờ dâu thưa.
Giật mình : « Ô ! Lạ lòng chưa ?

90. Người nào đứng đó ngẩn ngơ nhìn mình ?

Người nào có vẻ thư sinh,
Mà đường đột thế ra tình bướm ong ? »
Quay đi người đẹp lạnh lùng,
Gót son nhẹ bước vào trong buồng điều.
Hoa thu rơi rụng thêm nhiều,
Gió chiều héo hắt, nắng chiều héo hon.
Thái-sinh như kẻ mất hồn,
Nắng tô mãi bóng ưu buồn dài ra.

Ngẩn ngơ quên trở lại nhà,

100. Bỗng đâu một tiếng cười xòa bên tai.

« Anh này đứng đợi chờ ai ?

Hay là định đứng học bài ở đây ? »

Thái-sinh đỏ mặt tía mày,

Ngoảnh đầu nhìn lại mới hay bạn mình.

« Đi đâu về đó ? Lưu-sinh ! »

Lưu cười một tiếng hữu tình mà thưa :
« Huynh ơi ! Đệ thật không ngờ
Từ bao mặt trăng vương mơ má hồng ! »
Hai người so bước thong dong,
110. Thái rằng : « Xin thú nổi lòng cùng anh :
Từ ngày quen mái nhà tranh,
Tiếng tơ người đẹp vô tình bay ra.
Ý lòng nghe vương tình hoa,
Nhớ nhung không biết có là tương tư ?
Đêm trường rồi cả cơn mơ,
Rút con chỉ thắm thả thơ lá điều.
Mỹ nhân vũ mộ vân triều,
Biết đâu hàn sĩ sớm chiều lại qua.
Vừa rồi tỏ mặt Hằng-nga,
120. Mây vương tóc liễu son pha má đào.
Mi dài, mắt sáng như sao,
Huynh ơi ! Đệ ngỡ lạc vào thiên thai.
Song giai nhân chẳng đoái hoài,
Hững hờ nàng rảo gót hài vào trong.
Cửa ngoài thắm rụng vàng phong,
Biết sao mà ngỏ nổi lòng bấy lâu ?
Từ nay sách ủ đèn sầu,
Một thân lẳng đẳng qua cầu nhớ thương. »
Lưu-sinh nghe nói tỏ tường :
130. « Anh xông vào chốn tình trường làm chi ?
Đã mang một tiếng nam nhi,
Trông lên còn lắm bước đi còn nhiều.
Hay gì bướm ghẹo ong trâu,
Có như Kim-Trọng, Thúy-Kiều ngày xưa.

Trâm thề quạt ước đông đưa,
Mười lăm năm lận se tơ không thành.
Ví chẳng cầu kết với tình,
Sao anh không liệu về trình song thân.
Hai nhà tính chuyện hôn nhân,
140. Để cho chỉ Tấn, tơ Tần se chung.
Nên ra nên vợ nên chồng.
Áo xanh rục rỡ má hồng đảm đang.
Sáng trắng, trái chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.
Can gì thương nhớ băng quơ,
Đắng cay cho gặp hững hờ mà chơi. »
Thái-sinh nghe chữa dứt lời,
Vội vàng bái tạ rằng : « Tôi không ngờ
Mấy lời anh dạy vừa giờ,
150. Thực như bó đuốc soi bờ ao khuya.
Làm cho tôi tỉnh giấc mê,
Làm cho tôi thấy đường đi phải đường.
Mực đen đèn sáng tỏ tường,
Một lời anh đáng làm gương muôn đời. »
Chữ rằng : « Chọn bạn mà chơi »
Bóng tà đã tắt hai người chia tay.
Độ trời mỗi cánh chim bay.
Đò đưa chuyển cuối tiền ngày sang đêm.
Nhà lan ngõ trúc êm đêm,
160. Đôi song đựng nguyệt bốn thềm đông hoa.
Giai nhân trong ngọc trắng ngà,
Vốn dòng họ Triệu, tên là Ngũ-nương,
Từ lâu kính võ cao đường,

Hai thân, nửa mái tóc sương, châu trời.
Tủi mình là gái mồ côi,
Ngã ba đường cái đầy lời bướm ong.
Vậy nên khóa chặt khuê phòng,
Đem thân liễu yếu vun trồng hoa tươi.
Lụa đào chưa lọt tay ai,
170. Mùa hoa bán cắt cho người mua buồn.
Bụi hồng chẳng ở chân son,
Xuân xanh tuổi mới trắng tròn gương nga.
Anh Mai, chị Cúc, em Trà,
Đầy vườn hồng hạnh, một nhà chi lan.
Phụ thân truyền lại ngón đàn,
Cho con từ buổi từ quan trở về.
Lời trung vua chẳng thềm nghe,
Cái thanh cao ép một bề thì thôi.
Về nhà dạy trẻ đàn chơi,
180. Vinh hoa với đám mây trôi khác gì ?
Hạc vàng đôi chiếc bay đi,
Nghìn thu trần thế có về nữa đâu.
Bỗng nhiên trời thăm đất sâu,
Khăn tang hai giải trên đầu Ngũ-nương.
Của nhà này chút lửa hương,
Bốn dây tơ héo, một vườn hoa tươi.
Ngũ-nương chẳng chút biếng lười,
Hoa đầy sớm sớm, đàn vơi chiều chiều.
Gái tơ yên phận nhà nghèo,
190. Nghĩ chi lá thăm, chỉ điều vãn vơ.
Nào hay vì mấy đường tơ,
Xui nên chấp nối giấc mơ một người.

Có không, duyên nợ bởi trời,
Thái-sinh ngay buổi được lời bạn khuyên.
Vội về trình với thông huyên,
Xin cho mình được kết duyên cùng người.
Rằng con đã lớn khôn rồi,
Chăm nghiên bút để biếng lười thần hôn.
Công cha nghĩa mẹ tày non,
Một con lỗi đạo làm con sao đành ?
Xin cho được kết duyên lành,
200. Để cho bên hiếu, bên tình vẹn đôi.
Hai thân nghe nói mỉm cười,
Rồi ra ta sẽ mượn người dò la.
Ví bằng là gái nết na,
Nhà nghèo thì chọn dâu da nhà nghèo.
Để yên cha mẹ liệu chiều,
Con còn trẻ, cố mà theo học hành,
Chớ đam vào một chữ tình,
Mà hư mà phụ công trình mẹ cha.
Hết mùa lá rụng thu qua,
210. Vườn mai bùng nở năm ba cánh gầy
Khắp trời vẫn một màu mây,
Gió trôi heo hút mưa bay lạnh lùng.
Ai mà gởi chiếc đêm đông,
Người ta lấy vợ lấy chồng ngổn ngang.
Vấn danh nọp thái huy hoàng,
Trong thôn đón rể, ngoài làng đưa dâu.
Liền liền như gió mưa màu,
Trai lành gái tốt đua nhau đá vàng.
Mặt sông băng giá chưa tan,

220. Thái-sinh đã cưới được nàng Ngũ-nương.

Động phòng tỏ sáp thêm hương,
Mắt xanh tài tử, má hường giai nhân.
Duyên tể ngộ, nghĩa châu trần,
Giữa mùa đông có mùa xuân chen vào.
Chuyên tay hợp cần rượu đào,
Trong thiên hạ dám men nào độ say ?
Lung linh cuối mắt, đầu mày,
Có tay trắng ngọc chờ tay trắng ngà.
Nồng nàn e ấp thiết tha,

230. Nửa như bạn mới, nửa là người xưa.

Sinh rằng : « Từ buổi vương tơ,
Lương duyên nào có ai ngờ đến nay,
Kiếp xưa tu hấn đã dày,
Mới xui chim Phượng về cây Ngô-đồng.
Giờ đây nên vợ nên chồng,
Trăm năm thật đã thoả lòng khát khao ».
Ngũ-nương e ấp cúi đầu,
Mặt hoa da phấn ửng màu chu sa.
« Dám thưa thân phận đàn bà,

240. Mười hai bến nước có là lênh đênh.

Được rày hương lửa ba sinh,
Se duyên quân tử gửi tình tri âm.
Trước là phụng dưỡng song thân,
Sau là sửa túi nâng khăn hầu chàng,
Mong sao trọn nghĩa đá vàng,
Lấy chồng thì gánh giang san nhà chồng.
Thiếp tôi vụng dại má hồng,
Dám xin quân tử lấy lòng mà thương. »

Sinh rằng : « Hoa đuốc phòng hương,
250. Em ơi ! Nói chuyện đường trường ấy chi ?
Chén này em hãy cạn đi,
Bóng dương xin hưởng hoa quỳ đêm nay. »
Thưa rằng : « Giai lão từ đây,
Phải chi tình nghĩa một ngày hay sao.
Vì chàng thương đến má đào,
Xin cho giải tỏ thấp cao đôi lời.
Khuyên chàng đừng lấy làm chơi,
Chăm bên tình ái, bỏ lười văn chương.
Về gì một chút phấn hương,
260. Gắng đi cho hết con đường năm xe.
Nửa mai gió lạnh hoa hòe,
Lấy đâu vốn liếng trả về kinh đô ?
Tài trai sự nghiệp là to,
Có đâu coi nặng chuyển đồ thô nhĩ !
Đã lòng vâng chữ vu quy,
Phấn son thiếp dám tiếc gì phấn son ? »
Sinh rằng : « Biển cạn non mòn,
Những lời em nói xin chôn vào lòng.
Trăm năm kết một giải đồng,
270. Đắm say duyên mới mặn nồng tình xuân. »
Ngẫm xem lời nói tân nhân,
Kính yêu giờ lại bội phần kính yêu.
Mùi trinh bạch, nét yêu kiều,
Thái-sinh chẳng dám ra chiều lả lơi.
Ngũ-nương nâng nhẹ chén mời,
Phô rằng thạch lựu, hé môi anh đào.
Tóc mây cánh phượng bông cao,

Còn giai nhân đến thế nào nữa không ?
Sinh rằng : « Non nước hằng mong,
280. Cho nghe đôi tiếng tơ đồng được chẳng ? »
« - Đã lời dạy đến xin vâng,
Chỉ e tài mọn phu quân chê cười. »
Bồ đào tửu, dạ quang bôi,
Tiếng Tỳ-bà chẳng giục người lên yên.
Một đàn năm ngón tay tiên,
Một đàn chim mộng triền miên bay về.
Đàn như tỉnh, đàn như mê,
Đàn se vội vội, đàn về dăm dăm.
Tri âm, đàn gọi tri âm,
290. Đàn ngời ánh ngọc, đàn ngâm giọng vàng.
Phải đây là khúc hợp hoan ?
Một bàn tay bốn dây đàn nở hoa.
Ngõn ngang nhưng vẫn khoan hòa,
Người nghe lắng lắng để mà đắm say.
Khôn ngăn ý đẹp tràn đầy,
Thái-sinh nắm lấy bàn tay đương đàn,
« - Như em tài sắc song toàn :
Anh thề sẽ đúc nhà vàng đón em. »
Ngấn ngơ bốn mắt trao nhìn,
300. Đôi môi hé nụ cười duyên. Nào nùng !
Bên ngoài mưa gió mùa đông,
Lò hương đã nguội sáp hồng thì với.
Màn the đôi cánh buông rồi,
Chấn hương gói phấn một trời phấn hương.
Mắt ngà men rượu yêu đương,
Thái-sinh dẫn rõ Ngũ-nương nồn nà.

Tóc nhung viền suốt thân ngà,
Nhụy hồng e ấp tình hoa đầu mùa.
Rùng mình như nếm mơ chua,
310. Cái tê tái muốn vỡ bờ hợp hoan.
Nóng sôi ý phượng tình loan,
Hỡi ơi ! bó thắt đôi làn cánh tay.
Thèm mà nín, khát mà say,
Xốn xang nhựa mạnh tuôn đầy búp tơ.
Mây cao đôi má chín như,
Tân nhân ứa lệ, hoen mờ mắt xanh.
Thoắt mà đêm đã tàn canh,
Sáng bong bóng cá, qua màn mưa bay.
Nhành hoa tươi ngai ánh ngày,
320. Tiếng gà rướn ượt, giọng đầy nước mưa.
Chàng đọc sách, thiếp se tơ,
Đêm đêm trăng sáng, làm thơ đầu giường.
Nhà thanh đắp đổi bữa thường,
Quản chi sớm nắng, chiều sương phai nhòa.
Tròn nội trợ, vẹn tề gia,
Ra đường vội vội, về nhà chăm chăm.
Trồng dâu để đợi chẵn tằm,
Dậy từ tối đất, đi năm lặn sao.
Ông bà gương sáng thêm cao,
330. Đứng ngồi phụng dưỡng, ra vào thần hôn.
Cùng chồng duyên sắt tình son,
Vợ hiền dâu thảo tiếng đồn gần xa.
Tháng ngày đầm ấm bay qua,
Sánh đôi loan phượng đã tà hai trăng.
Tháng giêng vừa tiết đầu xuân,

Xanh um lá mạ trắng ngần hoa cam.

Mưa xuân rắc bụi quanh làng,

Bà già sẫm sửa hành trang đi chùa.

Ông già vào núi đề thơ,

340. *Trai tơ đình đám, gái tơ hội hè.*

Trường-an nẩy quế đàn trì,

Nhà vua xuống chiếu mở kỳ ân khoa.

Truyền rằng sĩ tử gần xa,

Thu đèn sách lại để mà tiến kinh.

Thi hương, thi hội, thi đình,

Thơm danh kim bảng, thoả tình vũ môn.

Một ngày nghe tỏ chiếu son,

Thái-ông vội vã giục con đăng trình.

Ngậm ngùi một nỗi Thái-sinh,

350. *Thiếu niên ai chẳng nặng tình thê nhi ?*

Má đào không thuốc mà mê,

Lửa hương hai tháng bỏ đi sao đành.

Ngũ-nương hay rõ sự tình,

Nửa đêm vấn lại tóc xanh khuyên chồng.

Làm trai ở chí tang bồng,

Đền ơn cha mẹ, phu công học hành.

Bây giờ gặp bước khoa danh,

Trời cho cơ hội đầu xanh bảng vàng.

Nhờ chồng thiếp cũng vẻ vang,

360. *Võng anh đi trước, võng nàng theo sau.*

Cớ chi đắm mận, say đào,

Trượng phu giam mãi thân vào buồng hương.

Hãy xin kíp kíp lên đường,

Tài chàng ắt hẳn không nhường một ai.

Ví như chàng chẳng chịu lời,
Tội này thiếp gánh trọn đời sao xong !
Thái-sinh ý chẳng đẹp lòng,
Đưa tay gỡ rối lại vòng tóc xanh.
Ngũ-nương châu lệ hai hàng,
370. Vai non thốn thức, ướt tràn cánh tay.

« Ngũ-nương ơi ! rõ đặng cay !
Thuốc bùa chi để chồng mày say mê ?
Để chồng quẩn quít buồng khuê,
Để cho thiên hạ kẻ chê người cười.
Tàn đi nhan sắc cho rồi,
Vướng chân chồng sống ở đời làm chi ?
Mai này thiên hạ vinh quy,
Biến cờ rợp ngõ, ngựa xe đầy đường.
Ông Nghè toàn những người dưng,
380. Học trò Đức Khổng còn đương ngủ ngày.
Tưởng rằng cá nước rồng mây,
Ngờ đâu thiếp đến nỗi này hỡi ơi ! »
Thái-sinh nghe bấy nhiêu lời,
Mười phần mới quyết cả mười phần đi.
« - Thôi đừng than khóc làm chi,
Rồi xem anh sẽ vinh qui như người.
Ngặt vì đường xá xa xôi,
Tiền lưng gạo bị cậy ai bây giờ ?
Nhà ta thanh bạch từ xưa,
390. Rách lành đắp đổi, muối dưa lần hồi.
Lấy đâu bạc nén tường rờn,
Vậy nên anh mới chịu ngồi bó tay. »
Ngũ-nương nhỏ nhẹ thưa ngay :

« Ý anh đã quyết, việc này em lo.
Của riêng còn mảnh vườn hoa,
Xin đem đoạn mại ắt là phải xong.
Xin anh đừng lấy làm lòng,
Của chung : của vợ, của chồng, của ai ?
Mong sao chàng được thành tài,
400. Mẹ cha em hăn ngậm cười cõi tiên. »

Thái-sinh cảm nghĩa vợ hiền,
Cầm tay chàng mới thốt nên một lời :
« Chứng minh có đất có trời,
Cho anh đồ để đền bồi công em.
Chuyến này đầu bảng khôi nguyên,
Giàu sang bỏ lúc nghèo hèn có nhau »
Thưa rằng : « Nghĩa trọng tình sâu,
Vợ chồng ai dám mong đâu đền bồi.
Mai kia thật có như lời,

410. Phúc nhà vả cũng phúc trời cho anh.
Đền ơn đôi đức sanh thành,
Mười năm đèn sách công trình biết bao.
Phấn vua tô đến má đào,
Thơm lây được có phần nào là may. »
Vùng hồng vừa rạng ngày mai,
Ngũ-nương trình lại với hai ông bà.
Xin cho mình được về nhà,
Để lo liệu bán vườn hoa cho chồng.
Ông bà nghe nói mủi lòng,
420. Rằng : « Con hiếu thảo thật không ai bì.
Đầu xanh nào nghiệp duyên gì,
Ai xui con lấy làm chi chồng nghèo ? »

Thưa rằng : « Cha mẹ quá yêu,
Lòng con sợ hãi bao nhiêu cho vừa.
Lẻ loi chút phận trẻ thơ,
Trăm thương ngàn mến cũng nhờ mẹ cha.
Vả chẳng của cũng của nhà,
Ra gì một mảnh vườn hoa tồi tàn.
Con về vườn tược thành hoang,
430. Có không chăm được sao bằng bán đi.
Thêm vào lộ phí một ly,
Cho chồng con kịp khoa thi mai ngày. »
Ông rằng : « Thực có là may,
Ý con hợp với lòng thầy đang lo. »
Thưa rằng : « Thầy mẹ ưng cho,
Con xin về gấp để thu xếp dần. »
Bà rằng : « Phúc đức vô ngần,
Dâu tôi thực đã mười phần đảm đang.
Thôi con tùy tiện mà làm,
440. Sao cho ổn thoả mọi đàng thì thôi.
Mẹ cha giờ đã già rồi,
Lòng con hiếu thảo ắt trời đền công. »
Ba ngày thu xếp vừa xong,
Ngũ-nương sắm sửa cho chồng đi thi,
Tiểu đồng một đứa thuê đi,
Áo tơ đủ bộ ngựa kỳ một đôi.
Bút nghiên lều chiếu hẵn hoi,
Bạc thoi chẳng thiếu, tiền rời có dư.
Quá quan xin đủ giấy tờ,
450. Chọn ngày tháng tốt đợi giờ lên yên.
Nàng còn sửa lễ gia tiên,

Cầu cho chàng được bình yên dọc đường.
Lại làm một lễ tứ phương,
Cầu cho chàng được vào trường hanh thông.
Cho chàng tên chiếm bảng rồng,
Xem hoa chạy ngựa thoả lòng nam nhi.
Đến giờ lên ngựa phân ly,
Cả nhà tiễn Thái-sinh đi bâng hoàng.
Ông bà khuyên nhủ bảo ban,
460. Đưa con ba bốn dặm đường mới lui.
Thái-sinh lòng trẻ bồi hồi,
Cầm tay vợ chẳng nỡ lời mà than :
- « Từ đây cách trở quan san,
Còn đâu người ngọc trắng vàng đêm đêm.
Buồn đơn bóng chiếc, mình em
Mẹ cha tóc bạc càng thêm chạnh lòng. »
Ngũ-nương chua xót nảo nùng,
Gượng lau nước mắt cho chồng yên tâm.
- « Thừa rằng vàng đá một thân,
470. Em xin thề có quỷ thần hai vai.
Thần hồn chẳng dám đơn sai,
Buồng trong há để dặm ngoài bán khoăn.
Thiếp tôi rau tảo rau tần,
Màn the chẳng để gió xuân lọt vào.
Chàng đi dặm ngút đèo cao,
Thân ngàn vàng phải giữ sao cho toàn.
Mong chàng hai chữ bình an,
Chúc chàng bốn chữ bảng vàng đầu xanh.
Cha già, mẹ yếu, vợ lành,
480. Chàng ơi chóng chóng khoa danh mà về.

Xin đừng ong bướm si mê,
Kẻo mà bóng liễu bên đê nó dài.
Kính đô cát bụi mù trời,
Người đi chớ để lạc loài vó câu. »
Nhìn nhau rồi lại nhìn nhau,
Gió bay tà áo loạn màu thiên thanh.
Khôn ngăn vó ngựa lâm hành,
Dù muôn tơ liễu buông manh lê thê.
Người đi không bỏ người về,
490. Thương ơ ! gổ đá biệt ly cũng buồn.
Nửa là hai vợ chồng son,
Mới hai tháng chẳng chung giường hợp hoan.
Bỗng mà rẽ phượng chia loan,
Buồng sâu vò võ dậm ngàn lẻ loi.
Rừng thưa bóng ngựa khuất rồi,
Từ nay hã có hai người nhớ nhau.
Tớ thầy dong ruổi vó câu,
Hai bên dậm khách một màu xuân tươi.
Núi xa nổi bật da trời,
500. Sông gần uốn khúc nằm phơi lụa vàng.
Gieo thoi cánh én bên ngàn,
Nường dâu thấp thoáng đôi nàng gái tơ.
Đoàn trường đình dựng mau thưa,
Liễu nghiêng cành yển như chờ tay vin.
Hoa rơi nước chảy theo miền,
Buồn chẳng hời kẻ ngang thuyền với hoa.
Ngày đi đêm nghỉ dần dà,
Sương mai lác đác nắng tà chênh vênh.
Ngậm ngùi lòng kẻ thư sinh,

510. Nhớ cha nhớ mẹ nhớ tình gởi chẵn.

Vắt ngang mây trắng non tần,
Ngấn ngơ đầu ngựa mấy lần ải quan.
Cỏ bông như tóc chàng Phan,
Canh khuya quán trọ trắng vàng lẻ loi.
Đâu còn lược kép giường đôi,
Đâu còn cánh cánh tay người vợ ngoan ?
Và đâu còn nữa tiếng đàn,
Vì đâu con phượng con hoàng xa nhau ?
Sáu mươi ngày đã bao lâu.

520. Sáu mươi ngày đã với đâu ái tình ?

Vì đâu cho bóng lạc hình,
Cái khoa danh khéo cột mình lăm thay.
Thiếu quang chăm chăm với đầy,
Ngày thâu như tháng, ngày chày như năm.
Tiếng đàn để vắng tri âm,
Buồng hương để lạnh chiếu nằm cho ai.
Áo hoa chẳng nở sân Lai,
Cửa thưa đậm bóng hai người tóc sương.
Một lòng chín nhớ mười thương,

530. Cầu cao gió đón dậm trường mưa theo.

Vợ son con một nhà nghèo,
Ra đi ai chẳng ít nhiều xót xa.
Mai rồi chạy ngựa xem hoa,
Phấn vua lộ nước ấy là duyên may.
Bằng không tên chiếm bảng ngoài,
Uống công học vấn thẹn đời bút nghiên.
Mười năm tốn sách hao đèn,
Mia mai chúng bạn ưu phiền vợ con.

Nghĩ càng bối rối lòng đơn,
540. Một thầy một tớ lối sồn tịch liêu.
Này đây quán chợ về chiều,
Trại nghiêng giáng khói thành xiêu bóng cờ.
Này đây bến đợi sông chờ,
Lao đao trong gió mấy bờ hoa lau.
Này đây truông dậm đèo cao,
O o vượn khóc rào rào chim bay.
Này đây quán nước lòng mây,
Ông già hái thuốc rượu say quên về.
Này đây tửu điểm bên đê,
550. Đôi con ngựa ồm dong xe chở hàng.
Này đây rải rác xóm làng,
Tiếng nhanh dật lựa, giọng vàng ru con.
Này đây phường phố bán buôn,
Cát bu vó ngựa, bụi đồn bánh xe.
Hết thành thị đến thôn quê,
Cứ cho đầu ngựa quay về Tràng-an.
Tớ thầy vò võ chinh an,
Kể chi những nỗi gian nan dọc đường.
Thương tình nàng Triệu Ngũ-nương,
560. Giận không phá được cánh rừng trước kia.
Cánh rừng đã mọc phân ly,
Cánh rừng che mắt người đi của nàng.
Gió xuân như gió khổ hàn,
Chao ôi ! lá liễu cũng vàng tiết thu.
Gió bay đầu tóc rối bù,
Nắng phai bóng đá vọng phu nhạc đồn.
Quay về dạ vẫn băng khuâng,

Quay về hồn vẫn theo gần dặm xa.
Phòng hương đêm ấy trắng tà,
570. Nàng còn thao thức để mà nhớ nhung.
Rõ ràng chẵn vãi gối bông,
Màn the chiếu cói nhưng chồng đã xa.
Nhụy hồng khắc khoải lòng hoa,
Bỗng dừng hai cánh tay mà lẻ loi !
Mộng về bướm bướm bay đôi,
Mộng đi bướm bướm bay rồi còn đâu ?
Há xui chàng mịch phong hầu,
Tài trai ai thoát khỏi cầu công danh.
Nhớ thương cho mấy cũng đành,
580. Nặng ai khoa giáp nhẹ mình phu thê.
Cơm gạo hẩm, củi phen che,
Chuyện xưa còn đó riêng gì mình ta ?
Phương chi còn mẹ còn cha,
Con chưa danh phận, lòng già khó nguôi.
Giờ đây chàng đã vắng rồi,
Dám chẳng thương nhớ để lười thần hồn.
Một mình chiều sớm ban hôm,
Ra tay gánh vác giang sơn nhà chồng.
Khi ắp lạnh, khi quạt nồng,
590. Một thân hiếu thảo vui lòng hai thân.
Thắt lưng buộc bụng chuyên cần,
Trưa còn trèo núi, sáng ăn cơm đèn.
Hạt mưa bao quản phận hèn,
Lòng son chẳng bận chê khen miệng đời.
Lời oanh nhẹ nét xuân tươi,
Rách lành xiêm áo, ngọt bùi cơm canh.

Chong đèn dẹt lựa cho nhanh,
Một con thoi suốt ba canh đi về.
Kể từ một biệt trên đê,
600. Bốn bên hàng xóm thôi nghe tiếng đàn.

Tri âm đã vắng tai chàng,
Nhện giăng dây đứt bụi hàng phím long.
Gái trinh chỉ biết một chồng,
Vắng chàng điểm phấn trang hồng với ai ?
Điểm trang cho lắm cũng hoài,
Tổ cho ong bướm ngỗ ngoài vo ve.
Liều bõ nhớ rập thương che,
Cỏ thơm đã rụng hoa lê trắng ngần.
Hỡi ơi ! Kẻ Việt người Tần,

610. Trông ra chỉ thấy mấy lần non xanh.
Về chiều mây trắng bay nhanh,
Chuông chùa triều mộ, trống thành thu không.
Từ lâu giam cầm nỗi lòng,
Đêm nay cho thiếp nhớ chồng một phen.
Lâm râm để cỏ sâu thêm.
Bóng trắng xanh biếc hoa đèn đỏ tươi.
Nhớ xưa này ghế chàng ngồi,
Chàng vẽ bút thỏ, thiếp mài nghiên trắng.
Rồng bay phượng múa nào bằng,

620. Tiếng ngâm cao điệu mạch văn xuôi dòng.
Tay gầy khép mở cánh song,
Lược trôi hai suối gương lồng một tranh.
Cung đàn tiếng trọc tiếng thanh,
Dây văn dây vũ điệu bình điệu cao.
Đêm nay lại nhớ đêm nào,

Chồng tôi xa vắng gió vào chi đây ?

Đêm nào để đến đêm nay

Nằm vơi trăng xế nhớ đầy gối nghiêng.

Nét xuân còn để y nguyên,

630. Buồng xuân còn thoảng hương nguyên thanh tâm.

Gái xuân đem lại mùa xuân,

Nồn như hai cánh tay rần thì thôi.

Đêm nay mộng cả hai người,

Ngõ ngang hình ngọc lả lơi ý vàng.

Đêm giờ tình thiệp ngõ ngang,

Cửa thiên thai ngỡ như chàng đã xa.

Tương tư cho hết canh gà,

Nằm gan lại sợ việc nhà ai coi,

Rào thương lấp nhớ cho rồi,

640. Cha già mẹ yếu dám rời đạo con.

Nhớ chi xuân hết hay còn,

Ngày hao gió tía đêm mòn mưa pha.

Thái-sinh dong ruổi đường xa,

Vời trông trước mắt đã là Trường-an.

Tương bình phố dọc đường ngang,

Cung son rực rỡ điện vàng nguy nga.

Chật đường sĩ tử gần xa,

Mưa xuân đã héo hoa trà mới tươi.

Tổ thầy tìm chốn nghỉ ngơi,

650. Sáng sau chải chuốt ra chơi phố phường.

Kinh đô gái đẹp dị thường,

Hoa thua màu thắm liễu nhường vẻ thanh.

Vàng đeo ngọc giắt đầy mình,

Lụa điều sắc sáng, gấm xanh da trời.

Khi không cũng đắm được người,
Mắt đưa gương bén, miệng cười dao râu.
Thái-sinh dạo gót hồi lâu,
Không ai cắt cửa mà đau đón lòng.
Phồn hoa trăm tía nghìn hồng,
660. Phút giây quên kẻ phòng không đợi chờ.
Guồng đời rối rít lòng tơ,
Nước men tráng lệ phai mờ thủy chung.
Thi hương, thi hội vừa xong,
Thái-sinh thực đã thỏa lòng nam nhi.
Tên treo đầu bảng hai kỳ,
Tiếng tằm nổi dậy bốn bề đất kinh.
Tuần sau nhập điện thi đình,
Tài cao học rộng phúc lành duyên may.
Dầy thêm chữ tốt văn hay,
670. Chín lần lên chấm năm mây xuống bài.
Truyền loa kéo bảng cửa ngoài,
Trạng-nguyên là Thái Bá Giai ấp Trần.
Bổng mà rức rở phong vân,
Thái-sinh còn ngỡ mình năm chiêm bao.
Vua ban dạ yến lâu cao,
Mũ hoa giải tía áo bào đai xanh.
Trường-an mưa thuận gió lành,
Vua cho chạy ngựa cấm thành xem hoa.
Ngắm mình rạng vẻ tân khoa,
680. Cao vời lộc nước sáng lòe ơn vua.
Khi xưa áo vải anh đồ,
Ngựa hoa áo gấm bây giờ quan sang.
Trong triều khuyết chức nghị-lang,

Vua liền xuống chiếu lúc chàng tại kinh.
Thang mây đều bước công danh,
Mãng vui thành thị nhẹ tình gia hương.
Đua đòi kiêu cách quan trường,
Chọn nơi luôn cúi tìm đường giao du.
Mâm đào lý, chén tạc thù,
690. Đãng sơn buổi sớm, dạ du canh trường.
Bén mùi liễu ngô hoa tường,
Hà mô lãng hạ, Tầm-dương giang đầu.
Chưa giàu sang đã sang giàu,
Tuyệt nhiên quan Trạng hết sâu hết thương.
Nhớ gì hai mái tóc sương,
Tào khang một chút phấn hương quê mùa.
Những ai ngày tưởng đêm mơ,
Lên lầu tựa cửa đợi chờ những ai ?
Lòng người chóng đã đơn sai,
700. Má tơ lệ ứa, cửa sài bóng nghiêng.
Trắng già sao khéo vô duyên,
Chân con nhận lẽ buộc thân chỉ điều.
Có quan Thừa tướng họ Ngưu,
Quyền cao chức trọng đầu triều vẻ vang.
Thái-sư bậc nhất giàu sang,
Hiếm hoi duy được một nàng gái tơ.
Đặt tên là Ngọc tiểu thơ,
Ngọc còn đợi giá mỗi chờ giường đông.
Thái-sư lòng vẫn nhủ lòng
710. Phi tài Thám-bảng đừng hòng se duyên.
Khoa này lại có Trạng-nguyên,
Thái-sư chắc dạ : « Rể hiền là đây ! »

Truyền cho sắm sửa chọn ngày,
Nem công chả phượng đặt bày yến diên.
Thiếp sang mời Thái trạng-nguyên,
Thiếp vừa nhận được, Trạng liền đi ngay.
Thâm nghiêm cổng chẵn tường dày.
Vườn thân trực thẳng, giường mây liễu cong.

Lầu đài nguyệt, gác nghinh phong,
720. Đá mờ rêu bước hồ trong mây đào.

Hạc vàng cất tiếng xôn xao
Bâng khuâng Trạng ngỡ lọt vào Thiên-thai
Thái sư đón khách cửa ngoài,
Cùng nhau nhẹ bước lên đài chu sa.
Xuân tàn rồi, hết mùa hoa,
Chín mươi chín thống cấm trà còn tươi.
Thái-sư nhìn khách cả cười,
Bấy lâu mới tỏ mặt người văn nhân.
Gọi là đôi chén tẩy trần,

730. Muốn cùng quan trạng kết thân lâu dài.

Sinh rằng « Ngài dạy quá lời,
Dám đâu đưa mồi mà chòi mâm son.
Người tiện chức, kẻ quyền môn,
Bao dung cho được vương tròn là may. »
Rằng : « Sao Trạng nhún mình thay,
Bây giờ chức nhỏ mai này quan cao.
Ởn vua có hẹp ai nào,
Đôi ta một trước, một sau đó mà.
Ngày nay quan Trạng tân khoa,

740. Đừng quên câu chấp mới là tình thân. »

Nghe lời Thừa tướng ân cần

Thái-sinh lòng mới mười phần ung dung.
Bóng dương đã tắt lửa hồng.
Đài son này bóng chiều phong bốn bề.
Chuông chùa ràn rạn xa nghe,
Đình nghinh tân chủ khách về song song.
Trong ngoài sáp tỏ đèn chong,
Cột cao kết lá mai vàng treo hoa.
Mâm son đĩa ngọc chén ngà.
750. Đình quan Thừa-tướng quả là thần tiên.

Kẻ hầu, đầy tớ, uy nghiêm,
Sinh ca nhả nhạc nổi lên từng hồi.
Chia ngôi chủ khách cùng ngồi,
Rượu dâng mùi quế trầm khơi màu huyền.
Bắt vào câu chuyện hàn huyên,
Văn chương khách nói, uy quyền chủ khoe.
Người nghiên bút, kẻ ngựa xe,
Mọi lời mọi đẹp, mọi bề mọi hay.
Ba tuần so rượu nửa say,

760. Thái-sư ý mới giải bày chuyện riêng :
« Từ ngày nội tướng quy tiên,
Thực không biết chữ tục huyền ra sao.
Trời cho một gái má đào,
Tiện đây để gọi ra chào Trạng-nguyên. »
Thị tỳ cúi dạ lời truyền,
Thoắt thôi đã thấy thuyền quyền bước vào,
Nghiêng đầu nàng mím miệng chào,
Thái-sinh đáp lễ lòng xao xuyến lòng
Người đâu phấn ngát son nồng.
770. Lựa tư uyển chuyển luyến vòng huy sinh.

Chao ôi ! đôi mắt đa tình,
Cái môi mộng vọng, cái mình thon thon.
Rượu nồng, dê béo, gái non,
Trạng quên hết cả Trạng còn nhớ chi.
Xem tình khứ nhân lai my
Thái-sư biết đích Trạng si mất rồi.
Truyền con rót chén rượu mời,
Chúc người chức trọng, chúc người quan cao.
Tay tiên rót chén rượu đào,
780. Đồ đi thì tiệc uống vào thì say.

Phòng hoa đã trở gót hài.
Tiệc hoa đã có một người bạc đen.
Chủ rằng : « Đây chút thuyền quyên,
Ý ta muốn để kết duyên cùng người ».

Trai tài gái sắc vừa đôi,
Nên chẳng Trạng ngỏ một lời cho hay !
Thái-sinh lòng dạ ngất ngây,
Phần mê son phấn, phần say sang giàu.
Phần lo Thừa-tướng quyền cao.

790. Từ hôn rồi biết thế nào mai đây.
Hay hèn người nắm trong tay,
Dày ra khôn nhẽ mà bay đường nào ?
Vả chẳng một bước sang giàu,
Dễ xin mà được, dễ cầu mà xong,
Thế là cha mẹ hết mong,
Thế là tình nghĩa vợ chồng ra tro.
Thái-sinh làm bộ thẹn thò,
« Thừa rằng lòng trẻ dám ngờ duyên may.
Lượng trên hạ cố thân này ?

800. Tình sâu nghĩa nặng ớn dày xiết bao.

Hồ tù được tắm trắng cao.

Ba sinh biết trả thế nào cho xong ! »

Thái-sư thấy Trạng bằng lòng,

Mừng thăm công việc đã xong mười phần.

Chọn ngày làm lễ thành thân,

Để cho hai đứa thanh xuân động phòng.

Chín cây bạch lạp tỏa hồng,

Trầm hương chín chiếc lư đồng khói xanh.

Hoa tươi chín chiếc ngân bình

810. Khép xong lục trúc buồng màn lưu ly.

Hầu trong chín ả nữ tỳ,

Chín nghiêng đặt lược, chín quỳ dâng gương.

Lệnh truyền đệm trái màn buồng,

Xong rồi chín ả tìm đường lui đi.

Ngọc-nường môi mọng yên chi,

Áo xiêm tuần tự biệt ly thân ngà.

Cổ tay nồn tháo vòng ra,

Rút trâm tóc xoắn màu da thêm hồng.

Đường cong, ôi ! những đường cong.

820. Đến đông đưa, đến nảo nùng, đến hay,

Cao cao thôi lại dày dày,

Trắng trong màu tuyết tròn đầy gương nga.

Thái-sinh rộn rức tình hoa.

Ôi ! con bướm đại lân la nhụy đào.

Hoa xuân đêm mới ghen ngào,

Người đen bạc lại đắm vào phấn son.

Cành tơ nồn, búp xuân tròn,

Mây cong nét liễu môi thon hình thuyền.

Khó khăn cũng thế lên tiên,

830. Xót xa cũng thế thuyền duyên gặp chồng.

Lụa đào xé lẻ hư không,

Cái son mất mát cái hồng ngồn ngang.

Chúa xuân sao nở vội vàng,

Tình xuân gấn chặt cánh màn lan tiêu.

Chán chường gối lệch chần xiêu,

Tay non rời rã, nét kiều châu chan.

Sáp chong vẫn tỏ hồng nhan,

Trầm hương vẫn tỏ từng làn khói xanh.

Ngọc-nường thỏ thẻ lời oanh,

840. Trong câu e ấp có tình lả lơi.

Rằng : « Xin hỏi thật một lời,

Lọt trong hai cánh tay người đã ai ?

Khỏi sao trăng gió tình trai,

Thiếu chi thiên hạ hoa nhài áo xanh. »

Nghe câu hỏi bất thành linh,

Thái-sinh chợt nhớ đến tình tào khang.

Đêm nao mềm đá chảy vàng.

Đêm nao thánh thót cung đàn đuốc hoa.

Đêm nao ấp ngọc ôm ngà,

850. Đêm nao như thế, thế mà đêm nay.

Xa nhau nào đã bao ngày,

Đã phai mờ đã đổi thay không ngờ.

Khi xưa gánh nặng ai chờ,

Qua cầu ai đợi bây giờ quên nhau.

Áo ai may chữa nhạt màu,

Liều ai bẻ tặng bên cầu còn tươi.

Đã quên sao, đã phụ rồi,

Cánh tay đêm ấy cho người đêm nay.

Nhưng thôi giờ đến nước này,

860. Nhớ chi câu chuyện những ngày đã qua.

Im đi sự cửa sự nhà,

Liệu lời bướm nói cho hoa vừa lòng.

Học trò Đồng-Tử, Ôn-Công

Hết đâu câu chuyện vợ chồng ra sao,

Mà toan ướm mặt thử đào,

Lưu-lang thực quả chưa vào Thiên-thai.

Ngọc chưa giữa, đá chưa mài,

Nàng ơi ! Trai vẫn là trai nguyên lành,

Nàng rằng : « - Đừng nói dối quanh.

870. Chắc là chàng đã gửi tình cùng ai.

Cứ lòng thiệp đoán không sai,

Cổ hương hắt đã có người tử sinh. »

Tân-lang có tật giật mình,

Vội vàng bưng kín miệng bình cho yên :

« Lòng trời tác hợp cho nên,

Xe tơ chóng vánh kết duyên lâu dài.

Song song gái sắc trai tài,

Ngờ nhau chi thế cho hoài đêm xuân.

Chưa hề quen một giai nhân,

880. Chưa hề gởi cánh tay trần của ai. »

Đêm xuân ai bảo là dài,

Đã lùn bóng sấp, đã phai hương trầm.

Má hồng là đá nam châm.

Tu mi là sắt để nằm cạnh nhau.

Bình Cam lộ, ánh lưu cầu,

Trộn chung hai tuổi, một màu mây xanh.

Não người những nét đồng trinh,
Thân tơ lả lả, lửa tình xiêu xiêu.
Dâng lên như nước thủy triều,
890. Hoa nuông ý bướm, bướm chiều tình hoa.

Sáp không ai nổi nữa mà
Động phòng bỗng chốc chan hòa bóng đêm.

Tiếng xô chăn gối êm đêm,
Nhỏ to hơi ngấn, giọng mềm lả lơi.
Vợ chồng như đũa có đôi.

Hai con người ấy không rời nhau xa.

Ban ngày uống rượu xem hoa,
Đêm đêm chong sáp để mà gối chăn.

Thái-sinh kén được văn nhân.

900. Bắt chàng ở rể cho gần cha con.

Nuông chiều hai vợ chồng son,
Thái-sinh thực đã vương tròn giàu sang,

Đi lên ngọc, giẫm lên vàng,

Mặc toàn gấm vóc, ăn toàn cao lương,

Xé trăm vương lụa khi buồn,

Đóng mười cỗ ngựa chập đường khi đi.

Quả tươi mong vãi biên thùy.

Soi gương nước giếng, vẽ my tay chàng.

Thái sinh từ được giàu sang.

910. Đã quên mây núi Thái-hàng vẫn bay,

Đã quên người vợ thơ ngây,

Một thân tấm cám tự ngày hàn vi.

Quên rồi chứ nhớ làm chi,

Người ta quan Trạng thiếu gì giai nhân.

Thiếu gì ngọc chuốt vàng dăng

Nơi quyền quý, cái phong vân thiếu gì.

Quên rồi chứ nhớ làm chi,

Người ta quan Trọng thiết gì cố nhân.

Gái quê nghèo khó, ngu dần.

920. Gái quê sửa túi nâng khăn vụng về.

Chẳng thương thì mấy chẳng chê,

Tham vàng bỏ ngãi ra gì ai ơi !

Đổi thay chớp mắt tình đời,

Rượu làm đỏ mặt vàng xui đen lòng.

Thời gian đi nhẹ như không,

Mà tàn nhạt hết sắc hồng màu xanh.

Tháng ngày lần lửa bay nhanh,

Lòng ai đã bạc hết tình chồng con.

Có như nước chảy đá mòn,

930. Chỉ còn vui đấy chẳng còn thương đây.

Vầng trăng khi khuyết khi đầy,

Lòng người cứ mỗi một ngày một vơi.

Quên cho đến hết thì thôi,

Những người xa ấy là người đã xa

Nào cha mẹ, nào cửa nhà,

Người thực nữ tiếng tỳ bà trôi xuôi.

Nói lời rồi lại ăn lời,

Người như cóc chẳng bơi vôi chẳng về.

Bạc đen đã vện mọi bề,

940. Thương gì mùa hạ, tiếc gì mùa xuân.

Ngọc-nương hỏi đến song thân,

Thản nhiên Sinh đáp : « Từ trần đã lâu »

Chao ôi ! chữ hiếu là đầu,

Bạc ra cửa miệng tội cao bằng trời.

Người mà đến thế thì thôi,
Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi.
Đã qua đường ấy quên xe,
Đã qua bến ấy nhớ gì đến sông.
Ngũ-nương vẫn nhớ thương chồng.

950. Thờ hai thân vẫn một lòng dâu con.

Hỡi ơi ! Đôi mắt đã mòn,
Nhớ ai bằng gái còn son nhớ chồng ?
Rộn ràng buổi chợ đường đông.
Cỏ huyên chẳng có hoa hồng cứ bay.
Xuân thu đắp đổi từng ngày.
Kể từ xa cách đã đầy nửa năm.
Tin chồng vẫn bật hơi tăm.
Ngày trông nhận vắng đêm nằm bướm bay.
Buồn lòng lại sợ cho ai.

960. Biết đâu may rủi đường dài ra sao.

Trường-an ở mãi nơi nào,
Để cho cha mẹ ra vào bán khoăn.
Để cho thơ dại một thân.
Trắng non liễu yếu thêm phần đắng cay.
Tiếc không có cánh mà bay.
Tìm chàng góc bể chân mây cũng là.
Ra đi ? - Thân gái đường xa,
Sớm hôm cha mẹ cửa nhà cậy ai ?
Đành thôi nay lại chờ mai,

970. Đành thôi thở ngắn than dài đêm thâu.

Hay là chàng đã quên nhau,
Bỏ nơi áo vải mà cầu cao sang.
Lẽ đâu chàng nữ phụ phàng,

Còn cha mẹ đó còn làng nước đây.
Dù cho bỏ một thân này,
Bỏ quê hương, bỏ mẹ thầy hay sao !
Nhưng mà học rộng tài cao.
Nghĩ như người ấy lẽ nào bạc đen.
Mười năm theo đạo thánh hiền,

980. Một ngày dễ đã dám quên cương thường.

Hay là tai nạn dọc đường,
Tớ thầy lưu lạc về phương trời nào.
Hay là chàng đã... nhưng thôi,
Lạy trời phò hộ chồng tôi tốt lành.
Chàng ơi ! có thấu cho tình.

Trăm nghìn lo nghĩ một mình thân em.
Bóng trăng thu rải đầy thềm,
Bởi lo cha mẹ nên thêm nhớ chàng.
Tường xiêu treo mãi thân đàn,

990. Bốn dây thương nhớ một bàn tay hoa.

Chờ mong như suốt đêm qua,
Chàng ơi ! một tháng là ba mươi ngày.
Lần lần lá rụng rồi đây
Tơ đàn rã rượi, cho tay lỗi đàn.
Tiếng dâu rào rạt rộn ràng.

Ngựa ai, ai cưỡi qua ngàn lá khô ?
Tiếng đàn xao động bờ sớ,
Hẹn ai, ai đẩy ngang bờ dâu xanh.
Buồn hương bong bóng mình mình.

1000. Gió hiu hiu hắt qua màn幔 hoa :

Người về chỉ những người ta,
Gió mơ hồ gọi đường xa quên về.

Nay rồi mai lại ngày kia,
Nhớ mong chờ đợi đến khi... hồi chàng ?
Suốt trời đổ nắng chang chang,
Nắng khô sông rộng, nắng vàng rừng thưa.
Trời làm mấy tháng không mưa,
Bao nhiêu đồng đất nẻ khô như sành.
Mùa màng mất sạch sành sanh.

1010. Dân gian lo sợ mà đành bó tay.
Người sang Bắc, kẻ về Tây,
Vợ con phiêu bạt, tớ thầy biệt ly.
Bỏ nhà, bỏ cửa kéo đi,
Đò ngang vắng khách, chợ thì hết đông.
Túng vô độ, đói vô cùng,
Người ta đã biết cảm sung cháo dền :
Ngũ-nương mới thực lo phiền,
Nhà nghèo lại gặp truân chuyên thế này.
Bao nhiêu của cải riêng tây.

1020. Nàng đem bán rẻ từng ngày ăn đong.
Gắng cho cha mẹ yên lòng,
Đường xa vẫn chẳng thấy chồng về cho.
Thất thường bữa đói bữa no.
Hôm nay đã vậy lại lo mai ngày,
Nàng thì vóc liễu thêm gầy,
Mẹ cha lại mấy bữa rày không cơm.
Tảo tần thương một thân đơn,
Ngọn rau lá cỏ qua cơn đói lòng.
Thiên tai cơ cấn khắp vùng,
1030. Trời cao thăm thăm đầy đồng nắng hoe.
Triều đình xót nỗi dân quê.

Lấy lương Hà-nội chở về Hà-đông.
Huyện quan thông sức khắp vùng,
Đúng ngày ai nấy phải cùng lên nha.
Ít nhiều chi nữa cũng là,
Cái tin phát chấn đồn xa dần dần.
Nghe tin có phát chấn bản,
Ngũ-nương chẳng quản đường gần hay xa,
Canh năm vừa rạng tiếng gà.

1040. Lẻ loi thân gái bước ra ngại ngùng.

Trên trời sao hãy còn đông,
Cỏ mòn một lối đồng không bốn bề.
Cơ hàn lạnh tái lạnh tê,
Sương thu xuống gió thu về bông bênh.
Rừng gần cây mất màu xanh,
Đỉnh non trông thấy, trống thành nghe xa.
Nửa ngày vừa tới huyện nha.
Đông như kiến những người ta ngạt ngào.
Một tường rách rưới in nhau,

1050. Một tường mặc vỏ, mình sầu hom hom.

Bà bông cháu, chị dắt em,
Con thơ lạc mẹ, người chen với người.
Tiếng than tiếng khóc bởi bởi.
Ngồi trên có đến ông trời cũng đau.
Đến giờ nổi hiệu trống châu,
Người ta cứ giẫm lên nhau mà vào !
Ngọn roi vun vút mưa rào,
Tiếng van lại tiếng kêu gào điếc tai.
Ngũ-nương vóc liễu mình mai,
1060. Đối hai mắt lệ lấy vài đấu lương.

Chàng đi hoa nở đầy đường ;
Cớ hàn biết thiếp đoạn trường này chẳng ?
Vê thôi xay, giã, vắn, sàng.
Vội vàng vo gạo, vội vàng thối cơm.
Ngọt bùi lưng thảo, lưng thơm,
Mẹ cha chắc dạ là con vui lòng.
Con mà nhịn đói cũng xong,
Mẹ cha nhịn đói lòng không sao đành.
Đối rằng đã có phần mình.

1070. Bao nhiêu cơm gạo riêng dành hai thân.

Còn mình nấu cám mà ăn,
Miễn sao sống được qua lần thì thôi.
Cám không phải của ngọt bùi,
Người không là lợn nuốt trôi sao đành.
Khi xưa bác mẹ hiền lành
Mà nay cay đắng riêng mình mới oan.
Thương thân thêm nỗi nhớ chàng,
Dòng đau chín khúc, lệ tràn đôi mi.
Người đi bần bật không về.

1080. Dãi dầu đôi đức, ê chề một thân.

Nghẹn ngào vừa khóc vừa ăn,
Ông bà nhẹ bước lại gần mới hay.
« - Trời ơi ! Sao đến nỗi này !
Cám kia ai bắt tội này ? Con ơi !
Chồng con nó bỏ con rồi,
Mẹ cha làm khổ một đời con đây.
Trai ơi ! mày phụ vợ mày,
Mày đi mất mặt, không quay đầu về.
Quên tình phụ tử phụ thê.

1090. Vô nhân bạc nghĩa chết đi cho rồi.

Con đi vui thú quê người,
Để dâu gánh hết nợ đời hay sao ! »
Ngũ-nương tươi tỉnh má đào.
Rằng : « Con khoẻ mạnh thế nào cũng xong !
Mẹ cha đầu bạc răng long,
Có như thế mới yên lòng làm con.
Cho dù ngày tháng mai mòn,
Đinh vi thúc thủy lòng con dám rời.
Xin thầy mẹ cứ yên vui,

1100. Chồng con chắc chắn phải người bạc đen.

Một là đường xá chưa quen,
Hai là đất khách cạ tiền đồ giang.
Hoặc là tên chiếm bảng vàng,
Nhà vua giữ lại làm quan trong triều.
Mẹ thầy hiền đức bao nhiêu,
Chồng con ắt chẳng gặp điều không may.
Lòng con dám quản chua cay,
Sớm hôm hầu hạ mẹ thầy là vui. »
Ông bà nghe bấy nhiêu lời,

1110. Tạm ngăn giọt thảm, tạm vơi lòng sầu.

« - Ví dù còn có kiếp sau,
Mẹ xin trở lại làm dâu cho mày. »
Đói no ngày cũng qua ngày,
Lá thu khô đã rơi đầy vườn đông.
Bệnh già kéo đến như không.
Ba ngày chạy chữa Thái-ông từ trần.
Tiền không đủ một vuông khăn,
Ngũ-nương đem ít áo quần bán đi.

Cửa nhà đang lúc hàn vi,

1120 Miễn sao cho đủ lễ nghi gọi là.

Thêm thương một nỗi mẹ già,

Bóng dâu đầu bãi, nắng đà ngang sông.

Sớm khuya bà chỉ đau lòng,

Có con mà đám ma chồng không con.

Hay đâu gió tui trắng hờn.

Thái-bà lâm bệnh từng cơn ly bì.

Đói no thôi có quản gì,

Ngũ nương một dạ đình vi đã đầy.

Tiền dâu thang thuốc lúc này,

1130. Còn lo rau cháo một ngày đôi phen.

Một thân mấy nỗi lo phiền,

Nghĩ bề nào cũng chẳng yên bề nào.

Tin người vẫn bật âm hao,

Nhớ ra dặm cát, thương vào buồng the.

Úa mòn sắc liễu bên đê,

Ngựa sinh quy chẳng thấy về cố hương.

Tóc dài tui lược hờn gương.

Lòng tơ biết mấy canh trường ngổn ngang.

Đợi cho áo gấm về làng,

1140. Có khi hai chiếc lá vàng đã rơi.

Mới hay khe khắt là đời,

Đắng cay là thiếp... chao ôi ! là chàng !

Mẹ chàng chẳng thuốc chẳng thang,

Chê cơm chán cháo lòng càng đắng cay.

Nơi nào chàng hời có hay,

Ngõ ngừng sương bạc, vườn hay lá vàng.

Có người viễn khách qua làng,

Tin đồn lại đến tai nàng Ngũ-nương.

Nàng về trình mẹ tỏ tường.

1150. Rằng : « Xin dâng mẹ tin mừng mẹ vui.

Chồng con đỗ Trạng-nguyên rồi,

Làm quan ở đấy từ hồi đăng khoa. »

Thái-bà nghe nói xót xa :

« Con ơi ! đừng nói nữa mà mẹ đau.

Nó giờ thương nhớ gì đâu,

Cầm như chiếc nón qua cầu gió bay.

Mẹ giờ sống chết kề ngày,

Sâu nông cấy một thân mảy thủy chung.

Sinh con ai nỡ sinh lòng,

1160. Ngờ đâu nó cũng lộn vòng bạc đen.

Ơi ông ơi ! có linh thiêng,

Đón tôi châu chức tòa sen cho rồi !

Sống dai chỉ khổ dâu thôi ».

Ngũ-nương vội vã tìm lời khuyên can :

« Mẹ đừng lo nghĩ miên man ?

Cho hao mình hạc cho tàn bóng trắng.

Hắn là trọn đạo quân thần.

Chồng con chưa nhẽ buông thân mà về. »

Thái-bà khi tỉnh khi mê,

1170. Nghe tin vui chính là nghe tin buồn,

Thương dâu lại giận hờn con,

Ngọn đèn trước gió chẳng còn chắc chi.

Ngũ-nương khuyên giải làm gì

Lòng riêng cảm thấy điều gì không hay.

Tơ tình lỡ dở rồi đây.

Đam mê biết tính tự ngày nào chung.

Bây giờ cách mặt xa lòng,
Người ta tiếc lục tham hồng một phương.
Thái-bà sắp biệt côi dương.

1180. Gọi nàng dâu đến bên giường mà than

« - Vợ chồng kẻ Bắc người Nam,
Đầu xanh tuổi trẻ ai làm nhỡ con.
Kinh kỳ trưởng phủ quyền môn,
Bạc vàng xe ngựa phần son thiếu gì.
Sang giàu thì bỏ hàn vi,
Nó không về, nó không về nữa đâu.
Thương con mười sáu tuổi đầu,
Câu « sang đổi vợ » là câu thế thường.
Con giờ một nắng hai sương,

1190. Mẹ đi con ở giữa đường bơ vơ,

Chọn người quân tử mà thờ,
Ôm con thuyền nát đợi chờ làm chi. »
Ngũ-nương châu lệ đầm đìa :
« Chồng con dù chẳng có về cũng thôi.
Cũng đành bỏ héo xuân tươi,
Dám đâu một gái đi hai lần dò.
Mẹ còn mạnh chán chưa lo,
Rán ăn chút ít chóng cho lại người. »
Thái-bà im lặng mỉm cười,

1200. Mà trong khoé mắt sáng ngời hạt châu.

Bà nhìn cho kỹ con dâu,
Ý bà muốn nói một câu tận tình.
Dù cho lời nói không thành,
Một nhìn cũng tỏ ngọn ngành xót thương.
Thác về đôi ngả âm dương,

Nghìn thu một sớm thiên đường là đây.

Ngũ-nương chi siết đặng cay,

Nhà nghèo giờ biết ma chạy thế nào ?

Của riêng đã nhẵn như bào,

1210. *Biết tìm đâu thấy biết đào đâu ra,*

Nát lòng xẻ bảy chia ba,

Nỗi mình đơn chiếc nỗi nhà tang thương.

Lấy đâu cổ ván lưng còm,

Thoi vàng giấy nén nhang thơm phụng thờ.

Mong ai đôi mắt đã mờ,

Khóc cha khóc mẹ bây giờ ai hay.

Một mình tính đó toan đây.

Chỉ duy còn mớ tóc mây đáng tiền.

Đen như mun, óng như huyền,

1220. *Chiều dài chấm đất chất mềm như tơ :*

Cắt lòng một lưỡi dao đưa,

Than ôi ? đôi ngả tóc tơ chia lìa.

Kiểm nhà quyền quý bán đi,

Món hàng đã hiếm thiếu gì người mua.

Ít nhiều lo liệu cho vừa,

Mồ yên mả đẹp bây giờ đã xong.

Thương thay phận gái xa chồng,

Tóc xanh đã ngắn má hồng lại phai.

Đau lòng thiếp lắm chàng ơi !

1230. *Thần hôn thiếp dám đơn sai đâu mà,*

Theo nhau cha mẹ về già,

Chàng đi nước thăm non xa chẳng về.

Nỡ nào nghĩa cắt tình chia,

Nỡ nào được Sở quên Tề cho đang,

Thiếp như áo rách giầy tàn,
Vinh hoa rồi đấy biết chàng tính sao ?
Thương thay liễu yếu thơ đào.
Một thân mang nặng biết bao nhiêu tình.
Ma chay mồ mã đã đành,

1240. Tìm chồng xem cái duyên mình ra sao ?

Ngũ-nường cửa đóng ngõ rào,
Đem hai bảo vật tìm vào Trường-an.
Bức tranh cha mẹ bên chàng,
Tỳ bà đây một cây đàn ngày xưa.
Bức tranh hôm sớm phụng thờ,
Dù con lưu lạc bao giờ dám quên.
Tỳ bà gọi chút tài riêng.
Dọc đường đàn hát kiếm tiền độ thân.
Tuổi son sớm đã thanh bần.

1250. Trời xanh còn bắt phong trần nữa đây.

Vang người đắm, rượu người say,
Lòng này ai biết, thân này ai thương,
Trước khi từ biệt gia hương,
Nàng làm một lễ cáo tường vong linh,
Gọi là bát nước lừng canh.
Bốn bên cha mẹ thấu tình cho con
Dưỡng, sinh, tống, tử đã tròn,
Con xin lặn lội nước non tìm chồng.
Làm người có thủy có chung,

1260. Cúi không thẹn đất, ngửa không thẹn trời.

Sống đâu không thẹn với đời.
Chết đi không thẹn với người cõi âm.
Cúi đầu quì lạy bốn thân,

Gieo cầu rút đất cho gần dặm xa.
Giữa đường tai nạn thì qua,
Trường-an chả mấy chốc mà đến nơi.
Tìm chàng để gặp mà thôi,
Chắc chi đồn đại như lời người ta.
Thăm xong phần mộ hai nhà,

1270. Ngủ-nường lủi thủi bước ra khỏi làng.

Trên đầu hai nếp khăn tang,
Một tờ tranh một cây đàn tả tơi.
Mùa đông rét cắt da trời,
Gió giàn trước mặt, sương phơi đầy đồng.
Một thân sương gió nào nùng,
Bờ đê : này chỗ đưa chồng năm xưa.

Gió xe tơ liễu bơ phờ,
Nàng còn dừng lại ngẩn ngơ nỗi mình.
Bỗng nhiên dĩ vãng hiện hình,

1280. Ngày xưa - Ôi ! thuở thanh bình còn đâu.

Vườn hoa đua nở muôn màu,
Tử tiên, hồng phấn, Tú cầu Đỗ-quyên.
Cha thương mến, mẹ dịu hiền,
Bỏ con thơ dại côi tiên vội về,
Vườn nhà chăm chút sớm khuya,
Mùa đào đỏ nụ, mùa lê trắng ngầu.
Người nào đứng đó bán khoăn,
Duyên đâu chỉ tấn, tơ tằm lại se.

Cái đêm hôm ấy đêm gì ?

1290. Chén đâu hợp cần cung tỳ lương duyên,

Năng hồng đã tỏ gương sen,
Động phòng sức nhớ mùi hương động phòng,

Song song đẩy vợ đây chồng.
Say sưa đắp những đường vòng cánh tay,
Lời thề như thể hát hay
Muốn đem tài sắc dựng ngay nhà vàng,
Ái ân thiếp thiếp chàng chàng.
Đắm say đến nỗi không màng công danh,
Nửa đêm vấn lại tóc xanh.

1300. Đưa chồng đây chốn trường đình là đây,
Người đi ngót một thu nay...
Ô ! ngày xưa chỉ là ngày, ngày xưa !
Bây giờ nói đến bây giờ,
Có như cả một bài thơ nào nùng.
Nghĩ câu phận gái chữ tòng,
Đầu tang tóc rồi, tìm chồng phương xa.
Cũng liều đất khác xông pha,
Mai đây thân phận rồi ra thế nào.
Ngại ngừng bước thấp bước cao.

1310. Mắt xanh lệ ứa, má đào châu sa.
Ngổn ngang rừng khố rừng già.
So le đường khố cũng là đường cong.
Xạc xào chợ vẫn bên sông,
Tiều phu khói củi, mục đồng than trâu.
Đò nan cần lẻ bến sâu,
Chiều đông trời cũng ngã màu biệt ly.
Mái tranh khói nổi sắc chì,
Bộ hành đã tắt người đi sang cầu.
Chàng ơi ! chàng ở về đâu.

1320. Xa xôi có rõ tình nhau thế này.
Khi xưa đôi lứa sum vầy,

Bây giờ ra kẻ ăn mày ăn xin.
Đây không lẻ gạo quan tiền,
Mà trong lòng cái ưu phiền chan chan.
Vĩ mà chàng đã cao sang,
Còn thương đến kẻ cơ hàn này không ?
Nhớ chẳng tình nghĩa vợ chồng.
Nhớ chẳng lời hẹn hoa phòng đêm xưa ?
Mây dùn trời lập cơn mưa.

1330. Ngủ-nường tìm chốn ngủ nhờ qua đêm,

Năm canh gan héo ruột mềm,
Năm canh mưa rỏ nát thềm nhà ai.
Sáng sau chẳng quản đường dài,
Lại bơ vơ lại lạc loài lại đi
Thấy đâu đình đám hội hè,
Rẽ vào đàn hát dở nghề kiếm ăn.
Trường-an đâu phải đường gần.
Hong nhan còn phải phong trần bao nhiêu.
Tha hương lội suối băng đèo,

1340 Người đi chỉ bóng cùng theo với người.

Tỳ-bà ai oán vì ai,
Nước non lặn lội xa khơi tìm chồng.
Nắng mưa dầu dãi má hồng,
Đắng cay chà xát tấm lòng xuân tở.
Đường trần khăn gói gió đưa,
Tiền rơi thiên hạ cơm thừa người ta.
Suối vàng mẹ mẹ cha cha,
Ngờ đâu thân phận con ra thế này,
Thành xiêu cờ đổ bóng gầy.

1350. Bên sông gấp gấp tiếng chày giặt sa.

Mưa bay đôi núi phai nhòa,
Tiếng chuông sơn tự, canh gà ải quan.
Đôi vườn cúc nở mớ màng,
Hiu hiu giải một sắc vàng buồn tênh,
Ngang đường quán rượu chênh vênh,
Long đong vó ngựa trôi nhanh xuống đồi.
Xóm làng rải rác nơi nơi,
Lựa người người dật, con người người ru.
Thị thành cát bụi bay mù,
1360. Ngổn ngang một lũ trong tù đào sông.

Dần dà đã hết mùa đông,
Cỏ cây e ấp giữa lòng lá non,
Xuân về khắp cả giang sơn,
Đỏ hây cửa cũ xanh rờn lâu xưa.
Đón xuân thiên hạ nhớn nhỡ,
Leo đu ngoài nội đề thơ trong đình.
Xôn xao gái tốt trai lành,
Thương ôi ! tiêu tụy một mình Ngũ-nương.
Hỏi thăm từng một độ đường,
1370. Bao lâu rồi chẳng đến Trường-an cho.

Lem nhem mặt bụi mảy tro,
Mắt thơ kém biếc má thơ nhạt đào.
Đêm sương ngày nắng từ bao,
Ốm o thực nữ xanh xao liễu bờ.
Gặp kỳ nguyên đán bấy giờ
Ngũ-nương rán sắm đủ đồ hương hoa.
Treo tranh lên một gốc đa,
Lại quay về hướng quê nhà phương đông.
- « Có thương con trẻ long đong.

1380. Phù cho gặp được mặt chồng nay mai.

Dù chàng ăn ở đơn sai
Cũng xin chẳng dám nửa lời làm chi.
Hay hèn đành thói nữ nhi,
Lỡ ra thôi có tiếc gì thân còn.
Cốt sao tình hiếu vuông tròn.
Cốt sao giữ tấm lòng son vẹn toàn.
Giàu sang cũng thể nghèo nàn,
Chết đi cũng đến hai lần tay không ? »
Từ phần rõ lệ ngùi trông,

1390. Đường xa dặm thăm cỏ bông lại bay.

Lần hồi đàn hát đó đây,
Mùa xuân hết chín mươi ngày như chơi.
Nắng lên đã chói quê người,
Tiền sen đã đúc xanh tươi mặt hồ,
Nghe đồn sắp đến kinh đô,
Ngũ-nương lòng những nửa lo nửa mừng.
Phần lo duyên phận nửa chừng,
Tay nâng chén muối, đĩa gừng nhớ quên ?
Phần mừng mai một Trạng-nguyên,

1400. Tha hương gặp gỡ vợ hiền thủy chung,

Bấy lâu cách mặt xa lòng,
Mẹ cha đã khuất mà chồng chẳng hay.
Chàng nên danh phận đường này,
Mồ hai thân đã mọc đầy cỏ xanh.
Biết bao công đức sanh thành,
Làm con phải nhớ lấy tình mẹ cha.
Trống chiêng rộn rã nẻo xa
Đường như ở đó người ta hội chùa.

Ngũ-nường thân thể mỗi rừ,

1410. Lòng sông từ sáng đến giờ chưa ăn.

Tìm đường cố gắng dừng chân,

Rẽ vào đàn hát qua lần lấy no,

Đến nơi quả thực hội chùa,

Thiện nam tín nữ đông như kiến đàn.

Ngũ-nường cất nhẹ tiếng vàng,

Dạo lên một khúc đoạn tràng quen tay.

Tiếng đàn đậm nhạt mây bay,

Nhật thừa gió quyện với đầy triều âm.

Bồng không vò võ cung Hằng,

1420. Bồng không nổi sóng đất bằng cung Ngô.

Bồng không cát trắng đất Hồ,

Bồng không nước đục đôi bờ sông Ngân,

Như xa thôi lại như gần,

Cao dần lại thấp, thấp dần lại cao.

Hát rằng : « Chín chữ cù lao.

Làm con phải trả thế nào hồi ai !

Con nuôi cha mẹ kể ngày,

Mà công cha mẹ xem tày bế non.

Thiếp tôi mười sáu tuổi son,

1430. Vợ chồng sum hợp mới tròn hai trăng.

Chồng tôi ứng thí Tràng-an,

Sớm trông chiều ngóng đã tàn thu đông,

Phận nuôi cha mẹ thay chồng,

Dám đâu quỳ hoặc trái lòng hôm mai.

Đỗ xanh mọc kín bãi rồi,

Một năm đằng đẳng chồng tôi không về.

Một mình cấy mướn may thuê,

Gặp năm kém đối giữa khi thanh bần.

Lấy gì phụng dưỡng hai thân,

1440. Mẹ cha lại bỏ côi trần mà đi.

Đem lòng tử biệt sinh ly,

Mồ công cố đắp quản gì một thân.

Một tờ tranh, một cây đàn.

Đi hành khất tới Tràng-an tìm chồng.

Biết rằng có gặp nhau không.

Biết rằng gặp có một lòng như xưa.

Thôi thì thân gái hạt mưa

Vũng lầy giếng ngọt cũng chờ người ta.

Nửa năm bỏ cửa bỏ nhà,

1450. Năm gai nếm mật đường xa dặm dài.

Lòng này than thở cùng ai,

Chàng ơi ! sao chẳng đoái hoài quê hương ?

Hay gì lưu lại bốn phương,

Nhớ câu « phụ mẫu tại đường » hay quên ?

Hay là bầu rượu năm men,

Mảng vui quên hết lời em dặn dò

Dù chàng phú quý kinh đô

Mà hai thân đã yên mồ từ lâu.

Vậy thì chín chữ cù lao,

1460. Chàng ơi ! Trả đến kiếp nào cho xong ? »

Tay run giọng yếu não nùng.

Người nghe ai cũng chạnh lòng rơi châu.

Còn đường giọng ướm tỏ sâu,

Trống cờ rộn rã từ đâu tiến vào,

Mọi người nhón nhác xông vào,

Giạt ra nhường lối vồng đào kiệu hoa.

Vợ chồng quan Trạng tân khoa.
Hiệu còi dọn bước, tiếng loa dẹp đường.
Ngũ-nương đứng nép bên đường,
1470. Trông lên thật đã rõ ràng, than ôi !
Xa nhau mới một năm trời,
Người ngồi trên kiệu phải người đâu xa.
Người ngồi trên kiệu trông ra,
Giật mình nhận thấy để mà quay đi.
Vong sau vây kín nữ tỳ,
San hô cắn bánh, lưu ly buông màn.
Ngũ-nương ngờ cả mắt mình,
Hỏi người bên cạnh xem hình thực hư.
Người rằng : « Con rể Thái-sư,
1480. Vợ chồng ý hấn vào chùa hành hương. »
Nàng rằng : « Tôi kẻ viễn phương.
Xin cho được biết tổ tông họ tên ».
Người rằng : « Đệ nhứt uy quyền,
Ông này vừa đỗ Trạng-nguyên năm rồi,
Chính tên là Thái bá Giai,
Rể quan Thừa-tướng ai mà không hay ! »
Ngũ-nương nghe hết lời này.
Ruột gan thắt quặn mặt mày tối tăm.
Thôi, thôi, thôi chẳng còn nhăm,
1490. Đứng đây nào có phải nằm chiêm bao ?
Bây giờ chức trọng quyền cao,
Vợ con Thừa-tướng ai nào nhớ ai ?
Hỡi ơi ! được cá quên chài.
Được cây quên búa, được người quên ta.
Được rầy quên mẹ, quên cha,

Đến như phụ mẫu nữa là phu thê.
Khi xưa nói nói thề thề,
Bây giờ bẻ khóa trao chìa cho ai.
Duyên mình đến thế thì thôi,
1500. Cam thân nghèo khổ mặc người giàu sang.
Nhất tâm bỏ ngãi quên vàng.
Công hầu khanh tướng cũng bằng vất đi.
Đã làm một chữ vu quy,
Thân này thôi dám bận gì đến ai ?
Uống đời quần vải thoa gai ?
Qua đường hờ hững con người ăn xin.
Nàng bèn cắn ngón tay tiên,
Giở tranh cha mẹ viết lên vài dòng.
« Tôi Ngũ-nương họ Triệu,
1510. Quê ở quận Trần-lưu.
Vợ chồng hai tháng mới cùng nhau
Nam Bắc đôi nơi đã cách rẽ,
Phận là gái vì chồng nuôi bố mẹ,
Nhà thì nghèo nhiều nỗi đáng thương tâm,
Khi dưỡng sinh ăn cám để nhường cơm,
Lúc tổng tử lo ma mà cắt tóc,
Lòng thiếu phụ tơ vò chín khúc,
Mồ công cô tay đắp hai ngôi.
Khúc Tỳ-bà ai oán vì ai.
1520. Nước non lặn lội xa khơi tìm chàng. »
Nàng tìm đến chốn trai phòng,
Đưa tranh quỳ lạy sư ông cậy lời.
Từ bi người hãy vì tôi,
Dâng tranh này tới mặt người Trạng-nguyên.

Dù ngài có hỏi căn duyên,
Xin ngài đừng có nói thêm lời nào.
Trường-an xe ngựa xông xao,
Phơi đầy gấm vóc chất cao bạc vàng.
Vui rức rõ, sướng huy hoàng,
1530. Cái giàu vô tận, cái sang vô cùng.
Bỏ quên đây cái thủy chung,
Bỏ quên đây một tấm lòng bơ vơ.
Nàng đi trong bóng chiều mờ.
Nàng đi trong tiếng chuông chùa ngân nga.
Nàng đi với chiếc Tỳ-bà
Nước non trôi hết ai là tri âm.
Nàng đi từng bước âm thầm.
Đầu xanh tóc ngắn áo chàm màu tang.
Nàng đi hạt nội mây ngàn,
1540. Bóng đêm vui lấp bóng nàng rồi thôi.
Chập chờn ánh lửa ma trời,
Từ nay thực có một người bị quên,
Sang sông trót lỡ chuyển thuyền,
Tiếng Tỳ-bà có nổi lên lần nào !
Hay là huyền tuyệt diệu cao,
Nghìn thu chẳng để lọt vào giai nhân.
Từ khi lạc với cây đàn,
1548. Chẳng còn ai thấy bóng nàng Ngũ-nương.

THANH-TỊNH

THANH-TỊNH tên thật là Trần thanh Tịnh ; sinh ngày 12 tháng 2 năm 1913, tại làng Dưỡng-nỗ, tỉnh Thừa-thiên (Trung-phần). Trước học trường Đông-ba, kế đó là trường Pellerin (Huế). Sau khi đỗ bằng Thành-chung, ông dạy tư ở Huế.

Ông đã từng viết giúp cho các báo : Phong hóa, Ngày nay, Tinh hoa, Hà-nội báo, Tiểu thuyết thứ năm...

Năm 1936, ông cho xuất bản tập thơ đầu tay Hận chiến trường, gồm những vần thơ máu hận. Mặc dù thơ Thanh-Tịnh đăng rất nhiều trên các báo, nhưng sau Hận chiến trường, người ta không thấy tập thơ nào khác.

Ông chẳng những là nhà thơ mà còn là cây bút chuyên viết truyện ngắn, tiểu thuyết như :

- Quê mẹ (thuộc khuynh hướng hồn quê, Đời nay xuất bản 1941)
- Chú tôi (khuynh hướng hoạt kê)
- Ra làng (khuynh hướng phong tục)
- Ngậm ngải tìm trầm (loại truyện ký, Hà-nội tân văn 1941)
- Hải cốt của anh em Tây-Sơn hiện ở đâu (khảo cứu, Hà-nội báo, 1936)
- Bến nứa, Quê bạn, Tình trong câu hát, v.v...

Thanh-Tịnh là người chiếm giải nhất đồng hạng với thi sĩ Phạm đình Bách trong cuộc thi thơ tháng Hai số 5 ngày 5-2-1936 do Hà-nội báo tổ chức.

Cuối năm 1936, thi đàn Việt-nam nhận thêm một tác phẩm mang tên Hận chiến trường của một thi sĩ thuộc khuynh hướng tình cảm : Trần thanh Tịnh.

Cho ra đời tập thơ *Hận chiến trường*, Thanh-Tĩnh được giới hâm mộ văn thơ yêu thích qua những vần thơ đượm hương buồn, nhẹ nhàng, dịu dịu như tên Thanh-Tĩnh mà thi nhân đã chọn làm bút hiệu cho mình. *Hận chiến trường* là tập thơ chứa đựng nhiều sắc thái cho nên trong *Thi nhân Việt-nam*, Hoài-Thanh – Hoài-Chân có viết về Thanh-Tĩnh như sau :

« Xem thơ Thanh-Tĩnh, cái cảm giác trội nhất của tôi là thấy một cái gì cứ dàn trải, dàn trải hoài mà cứ lại lạc lõng. Có lẽ là một mặt hồ. Cũng chưa đúng. Hồ còn có bờ, có hình nhất định. Ở đây không có bờ, và nước – âu cũng phải gọi là nước – cứ chảy tràn lan. Những cảnh sắc in hình trên mặt nước vẫn thường thay đổi ; có khi là một cây liễu rủ, cũng có khi là một lũy tre. Nhưng cảnh sắc dầu có khác, bao giờ cũng chỉ ngăn ấy nước mà thôi. Có một lần người ta bỗng thấy trên mặt nước dựng lên một lâu đài xương máu (*Hận chiến trường*, *mấy vần thơ máu*, 1936), nhưng khi người ta tới nơi, nó lại biến đâu mất. Thì ra là một ảo ảnh. »

Chính nội dung của những thi bản mà Hoài-Thanh – Hoài-Chân nói « dựng lên một lâu đài xương máu » đã là nguyên do Thanh-Tĩnh cho thi phẩm mình mang tên *Hận chiến trường*.

Sự nhận xét của Hoài-Thanh – Hoài-Chân đã không ngoài hướng thơ « dàn trải » của Thanh-Tĩnh. Trọng tâm sáng tác của Thanh-Tĩnh không qui tụ vào chủ đề chính. Thơ Thanh-Tĩnh có nhiều sắc thái biến chuyển do ngoại vật và ngoại hình thâm nhập hồn thơ và rung lên từng nhịp điệu riêng biệt mà ít khi bị ràng buộc bởi nội tâm³¹.

Xuyên qua tiếng thơ, ta thấy cuộc đời tình ái của Thanh-Tĩnh không bị sóng gió, tránh khỏi những tiếng « sét ái tình », không như một Vũ hoàng Chương, nên Thanh-Tĩnh không có những vần thơ bi thương, thống khổ, hay tiếng nức nở của con tim tan vỡ mộng tình.

Thơ đã thế, thậm chí trong truyện dài, truyện ngắn, Thanh-Tĩnh cũng không lấy khổ đau làm đề tài cho sáng tác của mình. Khảo sát từ *Quê mẹ*,

người ta nhận thấy thi nhân đã để lòng « rung rinh, lai láng trong những đêm trăng sáng, trên những mặt sông im hay trong những buổi chiều tà, gió hiu hắt thổi. Tình trăng nước, đó là tất cả những cái làm tài liệu cho Thanh-Tịnh để xây dựng » ; qua những cái « e dè và kín đáo nhưng thấm thiết » khi một người con gái chạm phải tay một thanh niên, hay sự se thắt cõi lòng của một thiếu nữ cảm thấy trống trải khi phải chia tay cùng các bạn trai sau bao ngày cùng chung làm việc ở nhà nàng. Họ tất cả kéo nhau ra về, vì bây giờ « rơm đã thành độn, lúa đã nằm yên trong vựa... dòng sông phẳng lặng, đồng làng vắng teo... lòng thiếu nữ bơ phờ như cánh vườn hoang chờ gió lạ », hoặc trong những câu chuyện có tính cách hoạt kê như *Chú tôi* hay có khuynh hướng về phong tục như *Ra làng*, cho đến những truyện truyền kỳ... cũng thế.

Có người nhận thấy tiêu đề của những bài thơ *Lời than của đồng quê*, *Hoa giấy và hoa đồng quê*, *Tiếng gọi của đồng quê*, *Về quê*, v.v... trong tác phẩm *Đồng quê* của Thanh-Tịnh nên đã xếp Thanh-Tịnh vào khuynh hướng đồng quê. Thật ra tiếng thơ của Thanh-Tịnh không như của Bàng bá Lân, Đoàn văn Cừ hay Anh-Thơ đã đi sâu vào chi tiết đồng quê phong tục ; Thanh-Tịnh chỉ lấy đồng quê làm bối cảnh để vẽ lại những kỷ niệm ấm êm của thời non tình ; nó là những giọt lệ nóng lăn dài trên đôi má thi nhân khi hồi tưởng, ở cái không gian này, ở tiết đông thiên này, nàng thôn nữ đã đau lòng trả lại cho ai đóa sen hồng được đưa tặng như một cử chỉ thanh nhã mà không để chút lòng yêu :

*Bốn bề lạnh lẽo tiết đông qua
Nhớ phút vui xưa đã xóa nhòa,
Bờ cỏ nàng ngồi ta ngắm lại
Từ từ trên cỏ lệ tình sa.*

.....

*Sen hồng ta tặng nàng đưa lại.
Nàng để hơi tay đủ ấm rồi.*

Nó cũng là niềm băng khuâng luyến tiếc đã một thời có diễm phúc được sứ giả thần Ái-tình liếc mắt đến chàng thư sinh vừa độ tuổi trưởng thành :

*Một hôm tôi viết bức thư tình
Tạm biệt cô em đến Đẽ-kinh.
Đôi má ửng hồng cô đến nói,
Nói hoài chỉ được : « Em yêu anh. »*

Thế mà chỉ đôi năm, chàng thư sinh trở lại thăm nhà :

*...Về nhà độ ấy nhân còn non
Cách mặt cô em mấy hạ tròn,
Thốn thức bên nhà hơi hát nhẹ.
Nhẹ nhàng mới biết hát... ru con.*

Cứ thế, tình của Thanh-Tịnh thường hay chờn vờn, nhấp nhứ. Thoạt tiên vào năm 1935, người ta thấy Thanh-Tịnh dệt tiếng thơ của mình trên báo *Phong hóa* bằng những vần điệu vô tư, xa vắng :

*Vô tình thiếu nữ cùng ta ngắm
Một đoạn tơ trời lững thững bay.*

hay :

*Nghiêng nón nàng cười đôi má thắm,
Ta nhìn vợ vẫn áng mây xa.*

Thật là ngây thơ ! thật là trong trắng, hồn của chàng trai chưa ngấm chất yêu đương.

Chưa yêu không hẳn là không yêu !

Rồi có một ngày nào đó, thi nhân cũng biết đi tìm « mấy vần thơ... thần », cũng biết săn đuổi vậy, đôi khi còn bạo dạn kêu to :

Thuyền ai trôi trước,

*Cho tôi lướt đến cùng.
Chiều đã về, trời đất mung lung,
Phải duyên thì xích lại cho đỡ náo nùng tiếng sương.*

nhưng, ông thợ săn đã quá vụng về, để :

*Tình về Đại-lược,
Duyên ngược Kim-long
Đến đây là chỗ rẽ lòng,
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào.*

Tiếng thơ của Thanh-Tịnh cứ rụt rè như thế. Cho mãi sau này mấy vần thơ của Thanh-Tịnh mới phảng phất cái chất trữ tình dung dị của Thế-Lữ, rồi chịu đến ảnh hưởng lãng mạn của Xuân-Diệu nữa. Tiếng thơ của Thanh-Tịnh bắt đầu chuyển đi một tiết điệu mạnh hơn.

Đứng trước một thiếu nữ, Thanh-Tịnh không còn hờ hững hay thốt những câu bông lơn, bóng gió nữa, thi nhân cho ta biết đã có người yêu hẳn hoi rồi, lại còn tự cho mình là chàng kỵ mã đang dong ruổi ngoài muôn dặm và cả quyết người yêu hằng thấp thỏm chờ mình nơi song cửa :

*- Em ơi nhẹ cuốn bức rèm tơ
Tìm thử chân mây khói tỏa mờ
Có bóng tình quân muôn dặm ruổi
Ngựa hồng tuôn bụi cỡi xa mờ.*

nhưng lòng chinh phu còn vương bận chốn xa xăm :

*- Ô kìa ! Bên cỏi trời đông
Ngựa ai còn ruổi dặm hồng xa xa.*

Thu tàn, đông sang khiến nàng « mòn mỏi » đợi trông cho đến ngày kia nàng thấy ở chân trời thấp thoáng bóng ngựa hồng. Còn nỗi vui mừng nào hơn khi người yêu trở về chả bỏ những ngày vô võ đợi trông.

Nhưng khốn nỗi, không biết chàng đã hy sinh vì mục đích cao cả nào, hay là quá nhút nhát còn ần núp đầu đây, mặc dù vòng tay nàng đang rộng mở :

*Ngựa hồng đã đến bên hiên,
Chị ơi trên ngựa chiếc yên... vắng người.*

Thi nghiệp của Thanh-Tịnh được đánh dấu khúc quanh quan trọng qua bài thơ *Mòn mỗi* nói trên. Khách yêu thơ đã tiếp đón *Mòn mỗi* với sự ái mộ nhiệt tình.

Tuy nhiên, như phần trước đã trình bày, hồn thơ của Thanh-Tịnh cần có chất liệu của ngoại vật chi phối. Bài thơ nổi tiếng *Mòn mỗi* lại là đề tài phóng tác theo chuyện Barbe Bleue của Perrault.

Đành rằng *Mòn mỗi* không phải là sản phẩm thuần chất của Thanh-Tịnh, nhưng nó đã hòa hợp chặt chẽ với tâm hồn thi nhân. Trong những trường hợp đồng thanh tương ứng như thế hồn thơ của Thanh-Tịnh tỏ ra rất nhạy cảm.

Rồi đến bài *Lời cuối cùng* (chiếm giải nhất trong cuộc thi thơ tháng hai do *Hà-nội báo* tổ chức) thoát thai từ bài thơ *Et s'il revenait un jour* của Maurice Maeterlinck³², nhưng qua bàn tay nhào nặn tinh xảo của Thanh-Tịnh trong những lời thơ thanh thoát, tự nhiên, khiến ta không còn biết đâu là xuất xứ.

Có mấy ai bảo rằng bản dịch *Chinh phụ ngâm* của Đoàn thị Điểm không phải là xuất phẩm kỳ diệu ; chẳng những lột được thần câu thơ mà nhiều chỗ lời thơ trau chuốt, âm điệu dồn dập, bay bướm hơn nguyên bản.

Cái khó của Thanh-Tịnh là sự cấu tạo văn thơ của mình bằng chất liệu xa lạ hoàn toàn không hợp dân tộc tính Việt-nam.

Có thể nói Thanh-Tịnh có một lối phỏng dịch thơ ngoại quốc rất đặc sắc³³. Bởi thế người ta không thể phủ nhận sự thành công rực rỡ của

Thanh-Tịnh qua những tác phẩm phỏng dịch vượt bậc.

(Ấn bản kỳ nhì, 20-6-68)

THI TUYỂN

Tơ trời với tơ lòng

*Còn nhớ hôm xưa độ tháng này
Cánh đồng xào xạc gió đùa cây.
Vô tình thiếu nữ cùng ta ngắm
Một đoạn tơ trời lững thững bay.*

*Tơ trời theo gió vương mình ta,
Mỗi khắc bên nàng nhẹ bỏ qua
Nghiêng nón nàng cười, đôi má thắm,
Ta nhìn vợ vẫn áng mây xa.*

*Tìm dấu hôm xưa giữa cánh đồng.
Bên mình chỉ nhận lúa đầy bông.
Tơ trời lơ lững vương mình uốn
Đến nỗi duyên mình với... côi không.*

(Phong hóa)

Mòn mỏi

- *Em ơi nhẹ cuốn bức rèm tơ
Tìm thử chân mây khói tỏa mờ
Có bóng tình quân muôn dặm ruổi
Ngựa hồng tuôn bụi côi xa mơ.*

- *Xa nhìn bên côi trời mây,
Chị ơi em thấy một cây liễu buồn.*

- *Bên rừng em hãy lặng nhìn theo,
Có phải chẳng em ngựa xuống đèo ?
Chị ngỡ như chàng lên tiếng gọi*

Trên mình ngựa hí lạc vang reo

*- Bên rừng ngọn gió rung cây,
Chị ơi con nhận lạc bầy kêu sương.*

*- Tên chị ai gieo giữa gió chiều,
Phải chăng em hơi tiếng chàng kêu ?
Trên dòng sông lặng em nhìn thử
Có phải chăng người của chị yêu ?*

*- Sóng chiều đùa chiếc thuyền lan,
Chị ơi con sáo gọi ngàn bên sông...
Ô kìa ! bên cội trời đông
Ngựa ai còn ruổi dặm hồng xa xa ?*

*- Này lặng em ơi, lặng lặng nhìn
Phải chăng mình ngựa sắc hồng in.
Nhẹ nhàng em sẽ buông rèm xuống,
Chị sợ trong sương bóng ngựa chìm.*

*- Ngựa hồng đã đến bên hiên,
Chị ơi trên ngựa chiếc yên... vắng người.
(Báo Linh hoa)*

Lời cuối cùng

I

*- Rồi một hôm, nếu về, cha hỏi :
Mẹ ở đâu ? con biết nói sao ?
- Con hãy bảo : trông cha mòn mỏi
Mẹ từ trần sau mấy tháng đau.*

II

*- Nếu cha hỏi sao nhà vắng vẻ ?
Mẹ khuyên con hãy trả lời sao ?*

- Con lặng chỉ bình hương khói rề.
Và trên giường chỉ đĩa dầu hao !

III

- Nếu cha hỏi cặp đào trước ngõ
Sao chỉ còn một gốc ngả nghiêng ?
- Con sẽ chỉ một cây đào nhỏ
Bên cây tùng, rồi đứng lặng yên.

IV

- Còn mồ mẹ, nếu cha muốn biết,
Phải hướng nào, con nói cùng cha ?
- Con lặng chỉ bầu trời xanh biếc
Và bên trời chỉ nội cỏ xa !
(Hà-nội báo, số 5 ngày 5-2-1936)

Et s'il revenait un jour

*Et s'il revenait un jour,
Que faut-il lui dire ?
- Dites-lui qu'on l'attendit ?
Jusqu'à s'en mourir...*

*Et s'il m'interroge encore
Sans me reconnaître ?
- Parlez-lui comme une soeur
Il souffre peut-être...*

*Et s'il demande où vous êtes,
Que faut-il répondre ? ...
- Donnez-lui mon anneau d'or,
Sans rien lui répondre...*

Et s'il veut savoir pourquoi

La salle est déserte ?

- Montrez-lui la lampe éteinte,

Et la porte ouverte...

Et s'il m'interroge alors

Sur la dernière heure ?

- Dites-lui que j'ai souri

De peur qu'il ne pleure...

(Maurice Maeterlinck)

(Bản dịch Et s'il revenait un jour của Hường-Hoa)

Nếu chàng trở lại

- Nếu một ngày kia anh trở về

Chị ơi, em biết nói gì đây ?

- Bảo rằng chị giữ niềm chung thủy

Chờ đợi anh về hết phút giây.

Nếu chàng còn hỏi những gì thêm,

Vì chẳng nhìn ra được dáng em.

- Hãy nói như người em gái nhỏ ;

Chàng đau lòng lắm, biết không em...

Nếu chàng có hỏi chị về đâu

Em nói làm sao để khỏi sầu ?

- Chiếc nhẫn vàng đây em gửi lại,

Nhìn chàng, có phải nói gì đâu !

- Nếu chàng muốn hỏi tại làm sao

Phòng vắng thê lương tự buổi nào ?

- Hãy chỉ chiếc đèn tim đã lụn,

Cửa phòng mở toác, gió vào mau...

- Nếu chàng còn hỏi thêm giờ chót

*Chị đã làm sao ? Đã nói gì ?
- Hãy bảo, sợ chàng rơi lệ thảm,
Mỉm cười, chị đã khép đôi mi.*

Hoa giấy và hoa đồng quê

*Ngượng như thôn nữ mới lên Kinh
Như quả tim non đượm máu tình,
Ngơ ngác cô nhìn khen lặng lẽ
Muôn nghìn vẻ lạ sắc tươi xinh.*

*Cô đem so sánh vẻ cao sâu,
Của chốn phồn hoa với ruộng bầu
Như cảnh muôn màu cô ví với
Sắc đồng lúa chín nước ao trâu.*

*Bên hồ trong biếc nước phun rơi
Những gái Thần-kinh ghé lại ngồi,
Vui vẻ cùng nhau thi rẽ tóc
Đếm màn hoa giấy quyến hoa khô.*

*Bất giác cô em cũng chạnh lòng
Đưa tay nhẹ rẽ mớ tơ xuân
Mớ tơ ngày tháng sương trời điểm
Buồn để cô em lụy nhỏ dòng.
(Hà-nội báo số 13, 1-4-36)*

Lời than thở của đồng quê

*Nàng mãi đi đi chẳng trở về,
Nàng quên cảnh vắng giữa đồng quê,
Đồng quê bát ngát, vườn quê rộng,
Nhưng túp lều quê rộng bốn bề.*

Bốn bề lạnh lẽo tiết đông qua
Nhớ phút vui xưa đã xóa nhòa,
Bờ cỏ nàng ngồi ta ngắm lại
Từ từ trên cỏ lụy tình sa.

Muốn hỏi bờ lau núp cạnh giường
Xưa nay quyến luyến áo tình nương
Giữ gì hương vị nàng qua lại ?
Lá úa lặn tròn mấy hạt sương.

Qua cánh đồng hoang nổi gót nàng,
Khi trời dầm ẫm sắc trời lam
Đường xưa tắm nắng ta riêng bước
Khí lạnh, sắc trời : một tấm thân.

Chim đậu bờ tre khít mé hồ !
Nghe chẳng nàng nói lúc bày phô ?
Hót cho ta sống ngày vui trước
Chớ giục đêm trường tiếng lú lo.

Tập điệu nàng đi lúc đứng ngồi
Ta không buồn tiếc tháng ngày trôi
Sen hồng ta tặng nàng đưa lại.
Nàng để hơi tay đủ ấm rồi.
(Hà-nội báo, số 17, 29-4-36)

Cô láng giếng tôi

Cô láng giếng tôi đẹp mặn mà,
Môi hồng luôn điểm nụ cười hoa
Gặp tôi qua ngõ thì cô đã
thỏ thẻ : « Mời anh ghé lại nhà. »
Bên đường tôi ngắt cánh hoa lê

Bỗng gặp cô em gánh gạo về
Trên gạo cô mời tôi đến để :
Thúng này sách vở, thúng này... lê.
Tôi si giọng hát của cô em
Trong trẻo, thơ ngây giọng rĩ rền,
Gấp sách tôi ngồi vờ vẩn mộng
Giật mình canh vạc đã kêu đêm.
Một hôm tôi viết bức thư tình
Tạm biệt cô em đến Đế-kinh.
Đôi má ửng hồng cô đến nói,
Nói hoài chỉ được : « Em yêu anh. »
...Về nhà độ ấy nhẵn còn non
Cánh mặt cô em mấy hạ tròn,
Thồn thức bên nhà hơi hát nhẹ
Nhẹ nhàng mới biết hát... ru con.
(Hà-nội báo số 17, 29-4-36)

Thất vọng trên thất vọng

(Gửi M.C. Hà-nội)

Nường tử ơi ! Ta tìm gì được
Bóng vô tình trên nét tiên nga
Hay lời thừa trong giọng trầm ca
Để quên nỗi nhớ thương buổi trước.
Nường tử ơi ! Ta mong tìm mãi
Vẻ bơ phờ trên dáng điệu tiên
Để lừa ta sắc đẹp u huyền
Mà buổi ấy lòng ta tê tái.
Nường tử ơi ! Sắc trang kiều mỹ,

*Tìm đâu ra vẻ úa mình hoa
Nét thô sơ của sắc đượm đà
Mà ta muốn tầm thường vô vị.
Ác thật ! nàng ơi ! ta ác thật !
Vì quá ưa nàng kém vẻ xuân
Và luôn phai những nét sắc thần
Mà lắm phút ta quên trời đất.
Là vì, nàng ơi ta muốn đổi
Mảnh u tình tha thiết của ta.
Nhưng vết trần đầu bọn huyền nga
Nét thường tỵ, mà mong an ủi.
(Hà-nội báo số 20, 20-5-36)*

Tiếng gọi của « con tim »

I

*Lan-Anh em ở đâu ?
Trời tuôn giọt lệ sầu.
Tìm em cùng phương nẻo,
Đồng ruộng, núi, ngàn sâu.*

II

*Trong sương anh tìm em,
Sương bạc hóa sương đêm.
Sương đêm đầy lạnh lẽo,
Trời lặng, xóm làng êm.*

III

*Tên em anh lớn kêu,
Đáp anh có gió chiều.
Gió chiều đùa tơ liễu,*

Tơ liễu gọi tình yêu.

IV

*Yêu em gái giang hồ,
Đường đời thân thể cô,
Phòng xuân em khóc lạnh,
Sương lạnh lệ em khô.*

V

*Gặp em giữa chiều vàng.
Chia tay đêm ấy tan.
Đêm tan tình chưa cạn,
Lệ cạn em buồn than.*

VI

*Em than đời em mờ,
Vì em chỉ biết mơ.
Mơ tan tình nhân biệt,
Từ đây em ngẩn ngơ.*

VII

*Nhưng em, Lan-Anh ơi !
Đời em vẫn trong ngời.
Mặc dầu thân em đọa,
Con thuyền giữa biển khơi.*

VIII

*Vì tình rất thiêng liêng,
Xa cao cõi mộng huyền.
Con tim tràn máu nóng,
Tạo được cõi thần tiên.*

IX

Nhưng em chẳng nghe anh,

*Em nghe tiếng thị thành.
Thị thành đầy cát bụi,
Bỏ lại, nước, trời xanh.*

X

*Thế rồi buổi xuân tươi,
Sương rơi lệ anh rơi.
Sương rơi cành liễu đón,
Lệ anh tản giữa trời...*

XI

*Đồng ruộng, núi, ngàn sâu !
Tìm em cùng phương nẻo.
Trời tuôn giọt lệ sâu,
Lan-Anh em ở đâu ? ? ?
(Đồng quê)*

Vàng, máu

*Nào những buổi bình minh nắng gọi
Tắm góc rừng run rẩy dưới sương mai,
Thì giữa ngàn cây thác đổ rền tai
Vài cô gái trần truồng bì bõm lội.
Mấy cô dải vàng trên dòng thác
Giữa voi gầm, gió hú, hổ rình xa
Và giữa ngàn linh, rừng thăm bao la
Đàn trần lục lợm mồi trên nước bạc.
Nước lay đá, hăm hùng như say phản
Chần các cô bên mỏm đá nhám xanh,
Đoạn cuốn lôi theo gập núi loanh quanh
Vùng máu nhuộm hang sâu màu đỏ loãng !
Trong lúc ấy các ngai vàng chói lợi*

Bốn phương trời rạng rỡ ánh kim thoa
Buổi tiệc đêm trong điện các hương pha
Nghìn thanh nữ đầy thân vàng loáng ngời...

Hay thiếu phụ công con trên lưng nặng
Đãi cát vàng bên hóc núi cheo leo,
Thấy vàng trôi, nàng hớn hờ với theo
Vô ý ngã, con rơi, dòng lôi thẳng.

Nàng hốt hoảng đuổi vàng theo con đại
Thì bên chân vàng đứng, xoáy không trôi
Cúi lượm lên, nàng bỗng ngã : con ôi !
Nước lửa mẹ theo con, dòng thác chảy.

Trong lúc ấy các ngai vàng chói lọi.
Bốn phương trời rạng rỡ ánh kim thoa
Buổi tiệc đêm trong điện các hương pha
Nghìn thanh nữ đầy thân vàng loáng ngời...
(Bích-Đào Thanh-Tĩnh – Đồng quê –
Hà-nội báo, số 27, ngày 8-7-1936)

Vì đàn cầm tiếng

(Tặng B. H.)

Réo rắt tiếng tơ đồng
Nhẹ chuyển lớp sương đông
Mơ màng nghe đàn gảy
Nữ khách khóc bên sông !
Vì đông năm trước
Cùng bạn họa đàn,
Tình khách miên man
Trên thuyền mặt nước...

Dòng sông nặng...
Nước buồn trôi,
Khách lặng ngồi.
Trên bờ vắng...
Nhưng khách,
bỗng buồn !
Dòng lệ
lại tuôn !
Vi :
Đàn
Cầm
Tiếng !
(Hà-nội báo, số 25 24-4-36)

Tình yêu

Ai đi nghiêm khắc với tình yêu,
Với kẻ mơ hoa mộng gió chiều,
Ngọn gió chiều vàng lay lá rụng.
Chiều vàng thường vắng tiếng tim kêu !
Tình câm ai khiến gió im hơi.
Khí lạnh sương lam tỏa mịt trời,
Chiếc nhạn mất bầy, sương gió gọi.
Gió ngừng, sương lạnh, bóng chim rơi !
Tình yêu là giải áng mây bay,
Là nước sông trôi cuộn thác ngày,
Mây vẫn thay hình hôn gió nhẹ.
Nhẹ nhàng nước quyện bóng chim bay.
Tình yêu thường với sắc thiên nhiên.
Đào tạo ra nên cánh mộng huyền,

Như điểm son tình cô thiếu phụ
Uốn mình thôn nữ nét duyên tiên.
Tình yêu thường mượn sắc hoa tươi
Để điểm cô em mấy nụ cười,
Mượn liễu buông manh thêm mái tóc,
Mượn hồ thu nhuộm nét xuân tươi.
Nhưng, thời gian xóa vết yêu thương.
Trong quả tim tình tằm lệ sương,
Chỉ để bên lòng hương vị cũ
Của hồn hoa nhẹ lúc tà dương.
Vì tình là một bóng lan man
Theo dõi non xanh trải dặm ngàn,
Khi ẩn bên lòng cô thiếu nữ,
Êm đềm như mộng lúc mơ tan...
...Nghe lời sắc Đẹp tiếng tình kêu
Tim rụng hôm qua, một buổi chiều,
Một buổi chiều tàn sương lạnh nhẩn :
Ai đành nghiêm khắc với tình yêu...
(Đồng quê)

Về quê

Màn sương lam rây ngọc rải đồng quê
Tắm nội cỏ ngàn cây màu trắng sữa,
Nhà thi sĩ bơ phờ phen dặm nửa
Theo con đường dài dặc dưới đêm trăng,
Chàng muốn đi, đi mãi không dừng chân
Đi vào cõi sương mờ trong đêm tối,
Vì chàng muốn lánh tiếng thị thành xa gọi

Và bên trời ngọn lửa Đế-thành hoe.
Mà bao năm chàng thấy sự khắt khe
Năm im lìm dưới màn tơ tươi đẹp,
Cảnh đời ấy tưởng không bao giờ có được
Giữa cánh đồng bát ngát, dưới tre xanh.
...Đến cuối làng chàng nghe mõ cầm canh.
Và bên xóm tiếng chuông chùa xa vắng,
Chàng nhẹ trút hơi thở dài lo lắng
Như tên tù vượt ngục đến quê hương,
Vì gió chuông, canh vạc thoảng trong sương
Là tiếng bạn muôn đời không biết phản
Ai cấm chàng không sống được đời lãng mạn.
Bên bờ hồ, giữa ruộng lúa, dưới tàn cây
Và bên mình cô gái thơ ngây.
(Hà-nội số 22, 3-6-36)

Tiếng gọi của đồng quê

Đậm đậm trường giang thủy
Du du tổng khách tình
Lạc hoa tương dữ hận
Đáo địa nhất vô thanh.
(Thơ xưa)

Còn khổ gì hơn lúc xế chiều,
Em không trông thấy bóng người yêu.
Mơ màng em đợi tình quân gọi,
Khắc khoải bên đồng tiếng dế kêu.

Dế kêu ran tận chân trời
Thương anh, em gọi nhưng lời không đi,
Phương em đứng ngóng phương gì ?

Mà chiều tháng trước anh đi không về.

Mưa phùn tháng trước khắp vùng quê

Quả gánh em không quản nặng nề

Đưa tận bến thuyền em trở bước,

Đau lòng em ngắm cánh buồm lê.

Buồm lê trắng xóa phương ngàn

Chập chờn khi hiện khi tàng trong sương

Thuyền anh theo nước dòng Hương

Bơ vơ nội cỏ rừng dương, em về.

Em về nhằm buổi tối mù đen,

Leo lét hai bên ánh sáng đèn

Cuối xóm em nghe chồng cọt vợ,

Nhà em thui thủi một mình em.

Một mình em chuyển xe tơ

Gió lòn khe cửa em mơ anh về.

Ngoài hiên mưa gió dầm dề

Buồn ôm gối lạnh em kê má hồng.

Rồi đêm ấy qua, đêm khác qua,

Bao nhiêu đêm lặng bấy đêm mà,

Bên thềm trắng giải sương rơi lạnh

Mãi nhắc em hay anh vắng nhà...

(Hà-nội báo số 15, 15-4-35)

Nắng mai

Ẩn mình sau ngành dương

Trộm rây phấn vàng hương

Mặt trời ghẹo thiếu nữ

Thiêm thiếp trong phòng sương.

Nắng vàng giỡn trên má
Cô mơ tình nhân hôn
Cặp môi từ từ rã
Cô vui với mộng hồn.
Giật mình nắng chói ran
Bên hiên sáo gọi ngàn
Cô em nghiêng mình thẹn
Quàng chăn, ngủ vội vàng.
(Hà-nội báo số 19, 13-5-36)

Tiếng vọng ban đêm

(Mô phỏng theo bài *Tiếng thu* của ông Lưu trọng Lữ)

- Tôi thích nghe điệu đàn
trong sương mờ nã nuột.
-Tôi thích nghe xào xạc
tà áo của tình nương
dưới ánh trăng vàng nhạt.
- Tôi thích nghe đêm tàn
gió lay hoa đào rụng
con cá vàng đớp bóng
Gương nước lạnh lòng tan.
Thanh-Tĩnh và Ng-Anh
(Hà nội báo, số 16, 22-4-36)

Muôn bến

Sóng lựa đưa thuyền đỗ bến mơ,
Trời dồn nẻo khuất khách bơ vơ.
Thuyền trôi muôn bến tình quay lái,
Khách vọng chờ xa một bến bờ.

Miệt mài thuyền chày nổi mênh mông
Rủ nắng thu tơ dính cạnh lòng,
Khách lặng quay nhìn muôn bến khuất
Tiếc thăm như gió quyện trời không ?
Thuyền trôi không bến, tiếng không vang,
Đời chày quen sông đỡ lạ ngàn,
Nhưng một chiều thu thuyền bỗng đỗ
Bên bờ sông trắng gió lan man.
Khách ghé nhưng lòng chẳng ghé theo
Buồn vương trong bước nước sông reo,
Chiều đưa tiếng gọi giang hồ vắng
Khách trở về sông lặng thả chèo.
(Ngày nay, số 22, 17-8-1940)

Chiều về

Chiều về trên cỏ non thu,
Trắng ve nắng nhạt sầu ru lá vàng.
Hồ sâu chan chứa lệ ngàn,
Nai con lạ núi muôn vàng bờ vờ.
Chân mây mở rộng đợi chờ,
Chim nương cánh gió làm thơ lạc vờ.
Một hai sao nữ dần dần
Ngày đi lặng lẽ đêm gần gần đây,
Bàng hoàng gió gạt hương cây,
Đêm mừng lung rộng trắng mây kín trời.
(Ngày nay, số 22, 17-8-1940)

NGUYỄN VỸ

NGUYỄN VỸ sinh năm 1912 tại làng Tân-hội (sau đổi là Tân-phong, năm 1945 lại đổi là Phổ-phong), huyện Đức-phổ, tỉnh Quảng-ngãi (Trung-phần).

Ông đã từng theo học tại trường Trung-học Pháp-Việt ở Qui-nhơn 1924-1927, rồi phải gián đoạn vì tham gia các cuộc vận động chống thực dân, sau đó ông ra Bắc theo học ban tú tài tại Hà-nội.

Năm 1934, ông xuất bản tập thơ đầu tiên, gồm độ 30 bài thơ Việt và thơ Pháp. Từ đó ông cộng tác với các báo chính trị và văn nghệ ở Hà-nội. Năm 1937, Nguyễn Vỹ sáng lập tờ báo Việt Pháp lấy tên Le Cygne tức Bạch Nga. Báo này ngoài Nguyễn Vỹ còn có nhà văn tên tuổi Trương-Tửu cộng tác. Le Cygne là cơ quan cách mạng, chính trị, xã hội, văn nghệ. Trên báo này Nguyễn Vỹ có viết nhiều bài công kích Chính-phủ Bảo-hộ, chỉ trích đường lối cai trị của thực dân Pháp. Chính vì lẽ đó mà Le Cygne bị đóng cửa, rút giấy phép vĩnh viễn, Thực dân Pháp kết án ông là thành phần bất hảo, nguy hiểm cho Chính-phủ Bảo-hộ, và ghép vào tội « phá rối trị an và phá hoại nền an ninh quốc gia ». Kết quả : ông bị tòa án thực dân tuyên phạt 6 tháng tù và 3000 quan tiền phạt.

Mãn tù, năm 1939, thế chiến thứ hai bùng nổ, Pháp thất trận, quân Nhật chiếm Việt nam ; không thua gì Pháp, Nhật-bản đặt chế độ quân phiệt độc tài cai trị ; Nguyễn Vỹ quay lại tranh đấu chống Nhật, ông dùng ngòi bút – một khí giới muôn đời của kẻ sĩ – cho xuất bản hai quyển sách chống chế độ quân phiệt Nhật-bản, đó là : Kẻ thù là Nhật-bản, Cái họa Nhật-bản.

Lần này cũng như lần trước, Nguyễn Vỹ bị quân Nhật bắt giam tại ngục Trà-kê (sau này trong tạp chí Phổ thông bộ mới, Nguyễn Vỹ có kể lại những ngày sống trong ngục Trà-kê với tựa bài « Người tù 69 »).

Năm 1945, thế chiến thứ hai chấm dứt, Nguyễn Vũ ra khỏi tù, sáng lập tờ báo Tổ quốc tại Sài-gòn, trong ấy có những bài công kích chính quyền đương thời nên chỉ ít lâu sau báo Tổ quốc bị đóng cửa.

Sau đấy, Nguyễn Vũ lại cho ra đời tờ Dân chủ xuất bản ở Đà Lạt, chống chính sách quân chủ lập hiến của Bảo-Đại. Sống chẳng bao lâu, báo Dân chủ cũng chung số phận với báo Tổ quốc.

Đến năm 1952, một nhật báo khác cũng do Nguyễn Vũ chủ trương là tờ Dân ta, ra đời để rồi sống chỉ được một thời gian, cuối cùng cũng bị đóng cửa như các tờ báo trước của ông.

Mãi đến năm 1958, ông đứng ra chủ trương bán nguyệt san Phổ-thông, chú trọng về nghệ thuật và văn học, hiện nay tạp chí này được kể là có nhiều uy tín đối với làng báo miền Nam.

Năm 1963, sau khi cuộc cách mạng thành công ngày 1 tháng 11 năm 1963, nhằm lật đổ chế độ gia đình trị của Ngô-đình-Diệm, Nguyễn-Vũ được Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng mời tham gia Hội-đồng Nhân-sĩ Quốc-gia với tính cách trọng tài và cố vấn cho chính quyền đương thời, nhưng chỉ ít lâu sau ông rút lui. Trong khoảng thời gian này ông được phép tái bản nhật báo Dân ta (bộ mới) nhưng đến năm 1965 cũng lại bị đóng cửa và từ đó tới nay (1967) Nguyễn Vũ chỉ còn chủ trương tạp chí Phổ-thông mà thôi.

Vào giữa năm 1962, Nguyễn Vũ cho xuất bản tập thơ Hoang vu.

Về tác phẩm của Nguyễn Vũ gồm có :

- Tập thơ đầu (cả Việt lẫn Pháp) xuất bản năm 1934 tại Hà-nội.
- Grandeurs et servitudes de Nguyễn văn Nguyên xuất bản năm 1937, Hà Nội.
- Đứa con hoang (tiểu thuyết) xuất bản 1937, Hà-nội.
- Kẻ thù là Nhật-bản (biên khảo) xuất bản năm 1947, Hà-nội.

- Cái họa Nhật-bản (*biên khảo*) xuất bản năm 1947, Hà-nội.
- Devant le drame franco – vietnamien xuất bản năm 1947, Sài-gòn.
- Hai thiêng liêng (*tiểu thuyết*) xuất bản năm 1956, Sài-gòn.
- Chiếc áo cưới màu hồng (*tiểu thuyết*) xuất bản năm 1956.
- Giây bí rợ (*tiểu thuyết*) xuất bản năm 1956.
- Hoang-vu (*thơ*) xuất bản năm 1962.
- Mồ hôi nước mắt (*tiểu thuyết*) xuất bản năm 1966

và đang dự định xuất bản :

- Thơ lên ruột (*gồm những bài thơ trào phúng về thế sự đã đăng trên tạp chí Phổ thông và nhật báo Dân ta*),
- Lợi ngược (*tiểu thuyết*).
- Người tù 69 (*hồi ký*).
- Tuấn, chàng trai nước Việt (*biên khảo*), v.v...

Năm 1964, trong tạp chí Phổ thông, Nguyễn Vỹ mở lại mục thơ Tao đàn Bạch Nga – một lối thơ mà Nguyễn Vỹ trước đây đã bị một số người chống đối.

Ngoài ra, Nguyễn Vỹ còn viết nhiều bài báo thuộc văn học, nghệ thuật, khoa học trên tạp chí Phổ thông cũng như vài báo khác ở Thủ-đô mang nhiều bút hiệu khác nhau : Diệu-Huyền, Tân-Phong, Tân-Trí.

Nguyễn Vỹ góp mặt vào làng thơ tiền chiến từ năm 1934, thời kỳ thơ mới đang hồi phát triển mạnh mẽ.

Trong giai đoạn này, phần đông thi sĩ thường đem khung cảnh lãng mạn vào thi ca, lấy chuyện tình ái làm đề tài, hay nói cách khác, đa số thi nhân đều lấy tình yêu làm bối cảnh và nguyên động lực chính cho đường hướng sáng tác của mình. Tuy nhiên, cũng có thi nhân hướng nẻo đi của

mình về chủ đề mới lạ : một Nguyễn nhược Pháp trong sáng, dí dỏm, một Vũ đình Liên hoài vọng, tiếc thương. Cùng ngược thời gian thật xa xôi về nguyên thủy, Nguyễn nhược Pháp tự cái thuở « rừng núi còn vang um tiếng thần » ; Vũ đình Liên thưở thành quách còn kiêu hùng, vững chãi, những nếp áo châu còn ngự trị dân gian, thi nhân tìm về để khơi ngòi lại mạch thơ cũ ; một Nguyễn-Bính len lỏi trong tâm hồn của những nàng con gái mộc mạc ở thôn quê khi đứng trước cảnh khổ đau, ngăn cách, chia ly ; Bàn bá Lân, Đoàn văn Cừ, Anh-Thơ lại dẫn ta quay về nguồn cội bảo thủ những tập tục truyền thống, những cảnh trí nghìn đời của bờ tre, ruộng lúa ; hay như một Chế Lan Viên lấy cảnh đầu lâu, xương trắng, sọ người tạo ra không khí yêu ma quái đản để nhắc nhở cảnh điêu tàn của một dân tộc gặp phải bước suy vi, thì một Nguyễn Vỹ làm thơ với một tâm hồn phức tạp, kết tinh bằng những gì uất ức, căm hờn, chua chát... Có thể nói Nguyễn Vỹ là nhà thơ không lấy tình yêu làm đối tượng, vì thế Nguyễn Vỹ có đường nét độc đáo riêng biệt.

Đọc Nguyễn Vỹ người ta cảm nhận điều gì mỉa mai, chua chát hơn là ca tụng cảnh trời cao, biển rộng, sông dài. Tiếng thơ của Nguyễn Vỹ là sự tức tối như muốn phá vỡ cái gì trong hiện tại đang bị dồn ép, uất ức để nói lên nỗi thống khổ của kiếp người.

Sau tiếng gầm gừ khát máu của chiếc máy chém đã lấy đầu 13 liệt sĩ Yên-bái ngày 17-6-1930 để dập tắt phong trào cách mạng quần chúng đang quật khởi. Năm 1932, với trào lưu tư tưởng mới, tiếng ru ngủ của thần Ái-tình trong thi ca là khúc nhạc lý tưởng trong chính sách thực dân. Chế độ kiểm duyệt lúc bấy giờ nhắm mắt trước những lời ca tụng ái tình, cho tự do phát triển cao trào lãng mạn với thâm ý làm xao nhãng tâm hồn và ý chí của dân tộc thuộc địa xa dần tư tưởng cách mạng. Phong trào khoẻ do Ducoroy chủ xướng dưới thời toàn quyền Decoux vào khoảng năm 1940-1941 là ngọn đòn bỏi của thực dân cũng vì mục đích trên. Nó có tác dụng mạnh mẽ hơn súng đạn, gông cùm. Con người văn nghệ, chỉ được bỏ ngõ và phải uốn

mình chu tuần theo nàng Ly-tao Tình-ái, vì tiếng khua động đe dọa của máy chém, tiếng loảng xoảng của xiềng xích như còn vang dội đâu đây, Tuy nhiên, truyền thống bất khuất của dân tộc vẫn còn ẩn náu trong tiềm thức. Khốn thay ! Sự kiểm soát chặt chẽ văn thơ của thực dân đã bịt mồm, chẹn họng những con người muốn nói, dù là tiếng nói của sự thực. Sự khùng bố tinh thần trong văn giới đã khiến nhiều hồn thơ đành chôn chặt tiếng lòng, dù cố gắng phơi bày trên trang thơ nét chữ, rốt cuộc cũng bị coi như những mảnh giấy lộn trong sọt rác như bài *Hờn nam nhi* của Phan khắc Khoan ; Chế Lan-Viên trá hình núp lén tiếng lòng trong cái sâu vong quốc của một dân tộc Chàm bé nhỏ ; Thế-Lữ thì vẽ lên người chinh phu trường giả để che đậy ; Nguyễn văn Cồn nói lên niềm yêu nước xa xôi, kín đáo trong bài *Bèo mây*. Nguyễn Vũ cũng là hồn thơ nặng chất chứa, trong một lúc say, bạo gan phá vỡ cấm điều để nói lên niềm ẩn uất trong bài *Gửi Trương-Tửu. Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh – Hoài-Chân ở phần thi tuyển về Nguyễn Vũ đã ghi lại thi bản này, song bị cắt xén 15 câu khiến bài thơ mất ý tưởng cốt tủy. Hôm nay, chúng tôi xin bổ khuyết những gì mà thực dân đã cấm Nguyễn Vũ nói. Trong lúc say, Nguyễn Vũ muốn :

« *Chửi Đông, chửi Tây*³⁴, *chửi tất cả*.

... ..

*Cho bổ cắm hờn cái xã hội
Mà anh thường kêu mục, nát, thối ?
Cho người làm ruộng, kẻ làm công
Đều được an vui hơn hờn lòng ?
Bao giờ chúng mình gạch một chữ
Làm cho đảo điên pho Lịch-sử !
Làm cho bốn mươi thế kỷ xưa
Hất mồ ngồi dậy cười say sưa
Để xem hai chàng trai quắc thước
Quét sạch quân thù trên Đất Nước ?*

*Để cho toàn thể dân Việt-nam
Đều được Tự-do muôn muôn năm ?
Để cho muôn muôn đời dân tộc
Hết đói rét, lầm than tang tóc ? »*

Bài Gửi Trương-Tửu còn cho chúng ta biết thực trạng của nhà văn Việt-nam vào năm 1937 :

*Thời thế bây giờ vẫn thấy khó.
Nhà văn An-nam khổ như chó.
Mỗi lần cầm bút viết văn chương.
Nhìn đàn chó đói gặm trơ xương,
Rồi nhìn chúng mình hì hục viết.
Suốt mấy năm trời kiệt vẫn kiệt.
Mà thương cho tôi, thương cho anh
Đã rụng bao nhiêu mái tóc xanh.*

Hoặc tỏ ra tư tưởng khinh miệt, mỉa mai, chua chát của con người bất đắc chí phải nép mình bên chiếc áo đàn bà :

*Chứ như bây giờ là trò chơi,
Làm báo làm bung chán mới đời !
Anh đi che tàn một lũ ngốc,
Triết lý còn tù, văn chương cóc !
Còn tôi bưng thúng theo đàn bà,
Ra chợ bán văn, ngày tháng qua !
Cho nên tôi buồn không biết mấy !
Đời còn nhớ nhặng ta chịu vậy !
Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
Bực chí thành say mấy cũng vừa !
Mẹ cha cái kiếp làm thi sĩ !
Chơi nước cờ cao gặp vận bĩ !*

*Rồi đâm ra điên, đâm vẩn vơ,
Rốt cuộc chỉ còn mộng với mơ !*

Sinh nhằm một giai đoạn bi thảm của quê hương, Nguyễn Vỹ đã chứng kiến bao cảnh bất công, áp bức khiến Nguyễn Vỹ đâm ra bất mãn thời thế, muốn làm một cái gì cho nhẹ bớt nỗi uất ức. Sự muốn làm của Nguyễn Vỹ tỏ ra bằng cách chống đối, và trả giá bằng những năm tù đầy. Trong những ngày lao lung, Nguyễn Vỹ tạo nên những vần thơ tha thiết, chân thành của một con người khao khát ánh sáng vắng vặc của đêm trăng, thèm thuồng vùng vẫy trong khoảng không gian rộng lớn ; nhưng than ôi ! thực tế quá đắng cay :

*Tôi thảng tù như một mảnh hồn ma,
Trong ngục thăm nhìn qua song lưới sắt,
Nhìn mê mải, thèm thuồng, không mỏi mắt,
Nhìn khát khao, ngây ngất, ánh trăng say,
Muốn phá tung cửa ngục chạy ra ngoài.*

nhưng :

*Tôi gục xuống sàn tre nằm thốn thức...
Trăng với Chó tự do ngoài sân ngục,
Tôi bị giam sau bốn bức tường cao !
Ôi Tự do ! mi quý biết nhường nào !
Mi là cả Trăng, Sao, Trời, Thơ, Mộng !
Mi là những nụ cười vui để sống !
Mi là dòng huyết thống của Thiêng-liêng !
Có Tự do là cả Thần tiên,
Không có nó, trần duyên là ngục thăm !
Tù Trà-khê say mê trong giấc đắm,
Trên giường tù ai lệ đắm trong đêm !...*

Cùng với bài *Sương rơi*, Nguyễn Vũ đã tạo được tiếng vang sâu rộng trong lòng người ái mộ. Là thi sĩ tiền chiến khá nổi danh, nhưng thi phẩm của ông chỉ có *Tập thơ đầu* (1934) và *Hoang vu* (1962), kỳ dư sáng tác của ông hướng mạnh về loại biên khảo, hồi ký, tiểu thuyết, v.v...

Trong tập thơ đầu tiên, Nguyễn Vũ có đăng vài bài theo lối 12 chân (alexandrins), một lối thơ mới trên thi đàn Việt-nam, nhưng lại là một loại thường thấy ở Tây-phương. Tuy nhiên, trừ vài bài như *Gửi Trương-Tửu* và *Sương rơi* được giới thưởng thức yêu thích, cảm quan của những người ái mộ thơ văn đương như không thích ứng với thể điệu nhiều chân như thế, nên *Tập thơ đầu* không được sự tiếp đón nồng nhiệt. Chính vì lẽ đó, khi *Tập thơ đầu* ra đời, Nguyễn Vũ bị ông Lê-Ta (tức Thế-Lữ) và Hoài-Thanh, Hoài-Chân công kích kịch liệt.

Trong *Thi nhân Việt nam*, hai tác giả Hoài-Thanh – Hoài-Chân phê bình Nguyễn Vũ một cách gắt gao như sau :

« Nguyễn Vũ đến giữa làng thơ với chiêm trống xập xoèng inh cả tai. Chúng ta đổ nhau ra xem. Nhưng chúng ta lại từng hững trở vào vì ngoài cái lối ăn mặc và những điệu bộ lỗ lã, lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì. »

(Quý bạn hãy lưu ý câu : « ...lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì » rồi bỏ lửng để sau này hai ông nhận chân giá trị mấy vần thơ của Nguyễn Vũ trong bài *Gửi Trương-Tửu* và *Sương rơi*.)

Về phần Thế-Lữ – một nhà thơ được kể là hàng thượng thặng trong thời đại thơ mới – lại phê bình mỉa mai một cách nửa nạc nửa mỡ, cho rằng Nguyễn Vũ làm thơ là « có ý định toan loè và bịp mọi người » khi nhìn thấy dưới mắt những vần thơ 12 chân sau đây :

*Đến ngày nay cảnh non sông đã phủ mấy lớp sương mù
Mà còn rên dưới rễ cỏ những vết hận lòng lai láng.
Ta hãy bước vào se sẽ trong cái im lặng nặng nề*

*Của năm mã, của gò cây, của đèn đài lẵng miếu cũ.
Ta sẽ gõ đầu quản bút trên miếng gạch, trên cành tre.
Gợi nỗi bi tình mệnh mông của những linh hồn vô chủ.
Ta hãy ngồi ven lạch nước dò nghe những tiếng véo von
Của lòng đá, của bông cây, của những khe mờ, kẽ núi
Mà một hơi gió thoảng qua làm gãy nát bao điệu đòn,
Và động lập sóng âm ba đang gợn đùa trong nắng bụi.
(Gửi một thi sĩ của nước tôi, Hà-nội báo, số 23, 10-6-1936)*

Trên đây là những gì phê phán về Nguyễn Vỹ, nhưng người ta đã không đi đúng đường lối của những nhà phê bình đứng đắn, từ Hoài-Thanh – Hoài-Chân cho đến Thế-Lữ (bút hiệu : Lê-Ta) đều phê bình theo lối riêng của mình mà không cần biết những cái hay của người, hay nói cách khác, đó chính là lối phê bình một chiều.

Để quý bạn ý niệm được phần nào cuộc diện diễn biến của dư luận đương thời khi xuất hiện thơ 12 chân, chúng tôi xin ghi lại sau đây trường hợp ra mắt *Tập thơ đầu*. Nguyễn Vỹ, như để đánh tan những thắc mắc của luồng dư luận về lời phê bình trên và gián tiếp trả lời sự hiện diện của mình trong thời đại thi ca tiền chiến, trong bán nguyệt san *Phổ thông*, ông trình bày tất cả sự thật như sau : *Tập thơ đầu* là tập thơ của ông làm mỗi khi cao hứng, trong đó gồm cả thơ Việt lẫn Pháp, với ý định thông thường là để chơi, thể thôi. Tình cờ một hôm Lưu trọng Lự, vì còn thiếu ông một số tiền mà không có để trả, họ Lưu đề nghị với ông chủ nhà in Tân Dân, chủ nhiệm *Tiểu thuyết thứ bảy*, cho Nguyễn Vỹ in chịu, vì Nguyễn Vỹ không có tiền. Tiền in, Nguyễn Vỹ sẽ viết bài cho *Tiểu thuyết thứ bảy* rồi trừ vào tiền nhuận bút. Ông chủ Vũ đình Long ưng thuận. Thế là tác phẩm *Tập thơ đầu* của Nguyễn Vỹ được chào đời một cách bất ngờ dưới sự bảo đảm của Lưu trọng Lự.

Kể từ bài thơ thứ nhất của Nguyễn Vỹ mang tên *Đức Thánh đồng đen*
³⁵ (tượng thánh ở chùa Trấn-quốc, Bắc phần) in trong *Tập thơ đầu* với thể

thơ mới lạ 12 chân vừa tung ra liền bị ông Thế-Lữ công kích kịch liệt. Về hình thức, Thế-Lữ cho rằng 12 chân quá nặng nề ; về nội dung, ông đả kích Nguyễn Vỹ đã gieo vào văn thơ óc mê tín, dị đoan...

Còn Nguyễn Vỹ lại bảo rằng, 12 chân là thể thơ dùng để mô tả những gì to lớn, vĩ đại mà thể thơ 7, 8 chữ không sao diễn tả hết ý được, chẳng hạn, với thể 12 chân, nữ sĩ Mộng-Sơn đã áp dụng vào thi bản *Hai Bà Trưng* để diễn tả trận chiến giữa Trưng-Trắc và Mã-Viên ở Hồ Tây. Về nội dung, ông nói chỉ ghi lại hình ảnh nhận được khi ông đã cảm động thấy những thiện tín quì khấn nguyện dưới chân thánh tượng, đặt niềm tin vào thần lực như điểm tựa cho những linh hồn đang khổ đau, nghèo đói, lo âu về cuộc sống, về tình duyên vv... mà trong xã hội đương thời chưa có biện pháp gì thỏa mãn được ước mong.

Nói cách chung, đối với bất luận cái gì mới lạ, hiện tượng tất nhiên trong quần chúng là thường có dư luận nghịch và thuận. Nếu Thế-Lữ, Hoài-Thanh – Hoài-Chân chê, thì cũng có Lan-Khai trong báo *Đông-phương*, Huy-Thông trong báo *L'Annam nouveau* (của ông Nguyễn văn Vĩnh) khen.

Chúng tôi cũng xin ghi lại dưới đây một giai thoại chung quanh thơ 12 chân.

Vào khoảng năm 1936-37, trên báo *Phong hóa* của ông Nguyễn tường Tam và Thế-Lữ, người ta thấy đăng một bài thơ trào phúng nhan đề *Kinh tế khủng hoảng* như sau :

Kinh tế năm nay khủng hoảng,

Đồng tiền chạy trốn đi đâu

Ai ai cũng kêu túng rối,

Nhà nghèo cho chí nhà giàu.

...vân vân...

(dưới bài thơ ký bút hiệu tắt N.V.)

Liên đây, tòa soạn nhận được bức thư của Nguyễn Vũ đại ý như sau : « Tôi cảm ơn anh đã đăng bài thơ 12 chân của tôi trong số báo Phong hóa vừa rồi. Sở dĩ tôi phải cắt ra thành 6 chân vì tôi biết khuôn khổ báo Phong hóa không thể đăng 12 chân... »

Sau này, trong cuộc gặp gỡ Nguyễn Vũ, Thế-Lữ có nói : « Tôi và anh Tam nhận thấy bài Kinh tế khủng hoảng hay mà không ngờ là thơ 12 chân và không ngờ là của anh, »

Để quý bạn nghe thêm tiếng chuông nữa, chúng tôi xin giới thiệu lời nói quan trọng khi phong trào thơ mới đang hồi phát triển, ông Lê trảng Kiều trong Hà-nội báo số 23 ngày 10-6-1936 viết như sau :

« Kể bây giờ mà nói đến Nguyễn Vũ đã là chậm lắm rồi, người ta nói đến Nguyễn Vũ nhiều lắm, nhiều quá...

Chỉ một cái được người ta nói tới nhiều, cũng đủ vinh dự cho nhà thi sĩ, vì vô duyên nhất, đau đớn nhất cho kẻ hao tổn không biết bao tâm trí, biết bao ngày giờ để làm nên một bài thơ, in nên một cuốn sách mà không ai nói tới. Đã đành rằng những lời nói tới đó chẳng đẹp lòng ông Nguyễn Vũ, nhưng... » người ta công kích ta, chỉ chứng rằng ta sống.”

Thơ ông Nguyễn Vũ đã là một cái đầu đề cho người ta viết, một câu chuyện cho người ta bàn, thơ Nguyễn Vũ đã sống một cách đầy đủ ở trên mặt các báo...

Quyển Tập thơ đầu, mới ló đầu ra đã bị ngay ông Lê-Ta ở báo Phong hóa, công kích một cách tàn tệ... Cũng lại chỉ vì cái lẽ ông Lê-Ta (Thế-Lữ) cũng làm thơ mà ông Nguyễn Vũ cũng làm thơ đó thôi. Chứ công kích như cái kiểu ông Lê-Ta, trong cái thời văn học đang phôi thai này, có nhà văn nào, có tác phẩm nào là không đáng công kích ? Cứ theo cái phương pháp phê bình của ông Lê-Ta, thì ông Thái-Can, ông Lưu trọng Lữ, ông Huy-Thông, ông Thế-Lữ, trong những văn thơ của các ông ấy, ta cũng thấy nhan nhản những điều đáng công kích, nếu người ta muốn công kích, phê bình

mà chỉ tìm những cái kém, cái dở chưa hẳn là phê bình. Một nhà phê bình có tiếng đã nói : « Cố yêu để mà hiểu lấy tác giả... Vì lẽ rằng không có cái gì hoàn toàn ở đời này, ta hãy tìm lấy ở trong cái thiếu kém một viên gạch, một miếng vôi để mà góp vào sự xây đắp cái tòa lâu Nghệ-thuật, cái tòa lâu ấy không thể do độc lực của một người mà xây nổi, vì nó phải đầu đãi nhiều mưa gió, chịu sự vùi dập của bao thế kỷ. Cái tòa lâu ấy phải là công xây dựng của Quá-khứ, của Hiện-tại, của Tương-lai.

Ông Nguyễn Vũ chẳng hạn, đưa lại cho sự xây đắp ấy, một mảnh vôi nhỏ cũng đã nhiều lắm rồi. Ta có cầu gì hơn nữa ở họ một sự hoàn toàn không bao giờ có. »

Thế nhưng, quyển *Thi nhân Việt Nam* của Hoài-Chân – Hoài-Thanh là tác phẩm văn học duy nhất thuần túy thi ca của thời ấy còn được phổ biến đến ngày nay (nhà *Thiền quang* tái bản năm 1967) ; những lời phê bình thiên lệch ấy ảnh hưởng dai dẳng ở thế hệ sau này khi nhà văn Thế-Phong trong *Lược sử văn nghệ Việt-nam* (1957) viết về Nguyễn Vũ như sau : « *Sự nghiệp của ông (Nguyễn Vũ) chỉ được một câu thơ, trong bài gửi cho Trương-Tửu khiến cho người đời còn nhắc đến tên ông* » *Thi sĩ Việt-nam khổ như chó* ».

Các bạn sẽ hiểu ý nghĩa gì về câu nói của ông Thế-Phong khi Nguyễn Vũ đã viết : « *Nhà văn An-nam khổ như chó* » để trình bày một thực trạng xã hội lúc bấy giờ.

Chúng tôi không tin rằng xuyên qua sự đóng góp của Nguyễn Vũ vào văn học nước nhà trên mười văn phẩm, hai thi phẩm và bán nguyệt san *Phổ thông* do ông chủ trương đã phục vụ trên mười năm văn nghệ từ 5-11-1957 mà văn nghiệp chỉ có vồn vện « một câu » thiết tưởng những người làm văn nghệ khác, với năm, ba tác phẩm, họ sẽ còn lại những gì.

Nếu quả thật Nguyễn Vũ là con số không hay con số 1 (một câu), khi bàn đến « lược sử văn nghệ Việt-nam » thì hãy gạt hẳn Nguyễn Vũ ra ngoài

rià văn giới ; nhưng đây chỉ là ý kiến cá nhân, còn đối với công luận quần chúng, người ta vẫn không thể phủ nhận sự hiện diện của Nguyễn Vũ trong văn học.

Sẽ có người cho rằng chúng tôi vì Nguyễn Vũ mà bênh vực. Thật ra, trong khi tham khảo những tài liệu thời tiền chiến, chúng tôi đã thấy và hiểu, rồi cố lấy tinh thần khách quan để làm sáng tỏ một vấn đề với mục đích đem trả lại một sự thật cho một sự thật.

Ở thời kỳ sơ khởi kiến trúc lầu thơ mới Việt-nam, mọi sự đóng góp, dù một cột trụ to lớn để chống đỡ hay một nắm đất bé nhỏ để xây nền, đối với những con người cùng chung lý tưởng kiến tạo, người ta không thể gạt bỏ phủ phàng một thiện chí góp sức. Sự đề xướng thơ 12 chân của Nguyễn Vũ ta có thể coi là tiếng vang trong khoảng vắng, một sự không thành công của một ý kiến vì không được đại đa số quần chúng chấp nhận, chứ không thể là một vật đáng vứt bỏ để phải nhận những lời công kích tàn tệ.

Xuyên qua lời chỉ trích của Hoài-Thanh Hoài-Chân (xin xem lại lời phê bình của H.T-H.C ở trên), người ta thấy cá nhân của người thơ bị nói nhiều hơn là thể thơ. Thậm chí ở phần tiểu sử của Nguyễn Vũ, hai nhà phê bình đã đi sâu vào đời tư, nói đến những điều không cần thiết trong việc cấu tạo văn thơ, như : *« Đã từng cạo đầu đi tu, gánh cát ở bãi sông Cái, bán kẹo ở Hà-nội, bán báo ở Sài-gòn »*. Đây là một hiện tượng ghi chép khác thường nhất suốt 45 nhà thơ trong quyển *Thi nhân Việt-nam*.

Thơ 12 chân thì thế. Còn thơ 2 chân lại được khen khi Hoài-Thanh Hoài-Chân không thể phủ nhận :

« Một bài như bài Sương rơi rất được nhiều người thích. Người ta thấy Nguyễn Vũ đã sáng tạo ra một nhạc điệu riêng để tả một cái gì đương rơi. Cái gì đó có thể là những giọt sương, cũng có thể là những giọt lệ hay những giọt gì vẫn rơi đều đặn, chậm chậm trong lòng ta mỗi lúc vẫn vơ buồn ta đứng một mình trong lặng lẽ. »

Hai ông viết thêm : « *Những Sương rơi còn có vẻ một bài văn. Gửi Trương-Tửu mới thật là kiệt tác của Nguyễn Vỹ.* »

Với thiện ý, chúng tôi muốn nói lên một sự lệch lạc trong văn học. Chúng tôi xin dẫn chứng bằng tài liệu để quý bạn cùng nhận xét và phê phán.

Để có thêm một tiếng nói khác lạ của người đã sống cùng thời khi nền thơ mới vừa phôi thai, ông Lam-Giang (tên thật Nguyễn quang Trứ), thi sĩ và cũng là tác giả quyển *Khảo luận luật thơ mới* (xuất bản tại Hà-nội, 1940) đã có ý kiến trong quyển : *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX* (do nhà Sơn Quang xuất bản tại Sài gòn năm 1967) như sau :

« *Phê bình Nguyễn Vỹ, Hoài-Thanh phát biểu một ý kiến vô đoán : Nguyễn Vỹ chí lớn mà tài nhỏ nên hay lập dị, chứ thật sự ít có thành tích văn chương.* »

« *Tôi thiết tưởng cái công du nhập đầu tiên lối thơ nhạc vào thi đàn Việt-nam giữa lúc rất nhiều người chỉ chăm lo đả kích Luật Đường, chứ chưa sáng tạo được một thể điệu gì mới cũng đáng cho chúng ta nhìn tác giả với một nhãn quang nhiều thiện cảm hơn.* »

Gần đây, năm 1962, Nguyễn Vỹ cho xuất bản tập thơ thứ nhì của mình là *Hoang vu*. Trong thi phẩm này, ông cho đăng lại một số thơ ông đã sáng tác trong khoảng thời gian tiền thế chiến như : *Hương-giang dạ khúc* (1936), *Gửi Trương-Tửu* (1937), *Sương rơi* (1937), *Hết chơi* (1938, họa vận bài *Còn chơi* của Tản-Đà, xin xem bài xướng ở phần Tản-Đà), v.v... như để độc giả có cơ hội minh xác lại một tiếng thơ đã vì thành kiến mà nhận định lệch lạc.

Đâu riêng gì thể thơ 2 chân, 12 chân như vừa đề cập, Nguyễn Vỹ còn là người chủ xướng *Trường thơ Bạch Nga* năm 1936, sự biến chuyển của thể thơ qui định từ 2, 3, 4, 5, 6... đến 12 chân. Lịch sử xây dựng nền văn học dân tộc, ta không thể trông cậy hoàn toàn vào đôi nhân vật trọng đại,

mà phải là hành động chấp nhặt từng cánh hoa rải rác ở muôn phương. Đọc nhà thơ này, ta hãy loại bỏ ảnh hưởng của nhà thơ mà ta yêu thích, nhiên hậu mới tìm thấy ở họ những khám phá tâm tình phản ánh được do hoàn cảnh riêng biệt đã chiếu vào đời sống của họ. Cho dù là thiên tài đi nữa, một cá nhân không thể hội tụ đủ khía cạnh sinh hoạt để phản chiếu toàn diện vào văn thơ mọi hình thái của xã hội, của tâm hồn.

Thời tiền chiến, thân phận Nguyễn Vỹ đã thế ; nhưng với ý chí phục vụ văn nghệ, trung thành đường hướng vạch sẵn, Nguyễn Vỹ, một người thơ từng chịu nhiều cam go trên đường tạo lập văn nghiệp, đã kiên chí xây dựng lại *Trường thơ Bạch Nga* trong bán nguyệt san *Phổ thông* từ Trung-thu năm 1962 và được nhiều bạn đọc bốn phương hưởng ứng, chứng tỏ lời nói trước kia của ông Lê trằng Kiều là đúng : « *người ta công kích ta, chỉ chứng rằng ta sống.* » Vậy, Nguyễn Vỹ ngày nay hãy yên ổn mà sống với trường phái của mình.³⁶

Trên đây là con người Nguyễn Vỹ với *Tập thơ đầu* thời tiền chiến.

Năm 1962, tập thơ thứ nhì mang tên *Hoang vu* của Nguyễn Vỹ chào đời do *Phổ thông tùng thư* ấn hành tại Sài-gòn. Bình luận về *Hoang vu*, nhà văn Thiết-Mai trong *Sáng đội miền Nam* viết :

« Con người Nguyễn Vỹ là con người đã « sống », đã nếm mùi tân khổ, gian lao của kiếp « nhân sinh ». Kiếp « nhân sinh » ấy lại ở vào cảnh giao thời của hai thế hệ, trong một tình trạng bi đát nhất của lịch-sử nước nhà, nên Nguyễn Vỹ đã trở thành con người rần rỏi, yếm thế... để đi đến tâm trạng căm hờn, biếm nhạo, khắt khe, chua chát... gần như điên dại. Nhưng lắm lúc trở lại với bản tính thiên nhiên, trở lại với con người Nguyễn Vỹ, chúng ta lại thấy Nguyễn Vỹ hiền dịu, đa tình, đa cảm, thiết tha với một đời sống êm đềm trong đạo lý, coi đời chỉ là một cảnh hư vô, không không, sắc sắc...

« Tài làm thơ của Nguyễn Vỹ đã biểu lộ cho ta thấy trong sự cấu tạo dễ dàng, không gò ép và tách cách lưu loát của câu thơ, sự tiếp diễn liên tục của ý thơ, tài gieo vần và nhất là ý tứ thâm trầm, mai mĩ, sâu sắc, hay ý nhị, đa tình của những câu thơ.

« Chúng ta lại nhận thấy rằng Nguyễn Vỹ chịu ảnh hưởng hai văn hóa, hai làn tư tưởng Đông và Tây nên Nguyễn Vỹ đã làm được cả các lối thơ Đường, thơ cổ điển và thơ mới. Trong loại sau này, điều đáng chú ý là Vỹ như muốn đưa ra những thể mới, có tác dụng xúc cảm, có âm điệu du dương, hợp tình để gợi tình và tả chân mạnh hơn. Thể mới ấy được thấy trong các bài thơ : *Sương rơi, Mưa rào, Tiếng chuông chùa, v.v...*

« Về ý thơ, Nguyễn Vỹ quả thật đã có nhiều ý tưởng, nhiều câu văn rất táo bạo (*Hai người điên ; Hai con chó ; Trăng, chó, từ ; Đêm trinh, v.v...*) nhưng theo ý riêng tôi, những ý tưởng, những câu văn táo bạo ấy vẫn là những lời độc đáo đưa Nguyễn Vỹ ra khỏi lối thường tình và cổ điển của các nhà thơ và cũng tỏ cho ta thấy rằng Vỹ là con người có nội tâm cứng rắn, thành thật, dám biểu lộ tâm tư mình bằng những hình ảnh thiết thực do lòng mình suy tưởng. » (*Thiết-Mai*)

Thật vậy, lời phê bình trên của ông Thiết-Mai tương hợp phần lớn với khuynh hướng thi ca của Nguyễn Vỹ.

Ngoài những bài thơ trào phúng về thế sự còn mang tính chất mỉa đời (trong tập *Thơ lên ruột*), chúng tôi nhận thấy trong *Hoang vu* tiếng thơ của Nguyễn Vỹ những lúc sau này như trút bớt đi nỗi căm hờn, phẫn uất, giọng thơ không còn gay gắt, ý thơ trở nên thâm trầm, tình thơ thiên nặng về quê hương, đất nước ; đôi bài len lỏi vào địa hạt tôn giáo, tư tưởng bắt ngấm mùi đạo. Phải chăng đây là cái tâm lý chung của người đời hay dọn sẵn một khoảng đất trống cho tâm linh khi cái thân xác vật chất của mình sắp bị hủy diệt. Nguyễn Vỹ nói :

Nếu ta biết một khu trời Vạn-hạnh

Trăng không tàn mà hoa cũng không trôi...

(Đêm sâu về)

hay :

Trước sau cũng quyết một lần đi !

Đi để hồn thơ nhẹ thoát ly !

Ly cảnh hư không đời giả tạo,

Tạo tâm thanh khiết bóng Từ-bi.

(Mộng thoát ly)

Qua bao nhiêu phong ba bão táp của cuộc đời, tâm thần trở lại bình
thản, Nguyễn Vũ thích sống với cái hình nhi thượng, rồi phủ nhận :

Không, tôi không phải con người bất mãn.

Nhục và Vinh tôi có đủ cả rồi.

Thượng-đế đã cho tôi giàu muôn vạn,

Đầy một kho ánh sáng trong hồn tôi.

Trong *Hoang vu*, Nguyễn Vũ chứng tỏ là một kẻ còn yêu đời, tuy cũng
đã chán ngán với cảnh đổi thay của thế sự, của tiền tài, danh vọng làm con
người mất hẳn lương tri và trở nên giả dối, điêu ngoa, vậy thì :

Ngài bắc chi một nhịp cầu danh vọng,

Kéo tôi chi trong phù ảnh lâu đài ?

hay :

Đừng bảo tôi hát những lời ca ngợi

Các tượng thần chói lọi ánh tà huy,

Đừng chỉ tôi đâu là đường danh lợi,

Cảm ơn Ngài, danh lợi để mà chi ?

bởi vì :

Tôi không muốn gánh kho vàng thơ mộng

Đem chợ đời đổi lấy món cân đai,

*Đừng nhử tôi ngựa, xe, tàn, võng, lọng.
Ai công hầu khanh tướng, mặc ai ai.
Đừng bắt tôi mang hia, choàng áo rộng.
Và khom lưng lạy các chúa trên ngai !*

Lời thơ thật khẳng khái của một con người bất khuất, còn tha thiết với quê hương, Nguyễn Vỹ thêm :

*Tôi không phải đã « cạn bầu nhiệt huyết »,
Tấm thân hèn chưa rạn nứt phong sương.
Bao năm xưa đọa đầy trong luy tiết,
Há bây giờ hờ hững với quê hương.*

Một thảm trạng nghèo đói vì bất công, vì chiến họa được bày ra dưới mắt khiến thi nhân bất chợt kêu lên :

*Một đêm lạnh lê kiếp buồn phiêu khách
Giữa Sài-gòn tịch mịch gió âm u.
Tôi đã thấy một người cha đói rách
Ôm con ngồi trong xó tối hoang vu.*

.....

*Người run rẩy như lá cây run rẩy,
Tiếng người rên trong tiếng gió vi vu.*

Rồi cũng một đêm buồn của mùa Xuân đầy tang tóc ; xa xa vắng nghe tiếng súng cầm canh, lòng thi nhân bỗng dậy lên niềm cảm xúc :

Tiếng súng đêm xuân

*Đêm phẳng lặng, tôi đang nằm thao thức,
Phòng vắng tanh, lòng cũng vắng mông mênh.
Bỗng bên sông loạt tiếng súng bắn vang rền,
Như những mảnh tình Xuân tan tác đổ.
Kêu chan chát đạn vèo, liên tiếp nổ,*

Lửa lập lòe như những ánh ma trời.
Kế tiếp nhau ngã gục những bóng người
Lẫn tiếng súng, tiếng kêu gào : « Giết, Giết ! »
Ai say máu, chém đâm nhau ác liệt ?
Ai rên la thảm thiết, khóc kêu vang ?
Tâm hồn tôi mỏng mảnh nát tan hoang,
Hai ngón lệ ứa tràn đôi mí mắt.
Trời đất hồi, lại bao nhiêu xác chết !
Máu căm thù, ghi mãi hận giang san ?
Bao vết thương non nước vẫn chưa hàn,
Xuân tái tạo, phũ phàng, ai hấp hối ?...
Tiếng ai oán, ai gào trong đêm tối ?
Lời trời trần ai gọi gió sương khuya ?
Ai thân yêu, nhả nhủ lúc chia lìa,
Đang quặn quai rỉ rên bên vũng máu !
Trời u trệ, điều hiu sao Bắc-đẩu,
Mây chập chồng xây đắp ải sâu tang
Đêm không trăng, bưng bít cả trần hoàn,
Gà mớ gáy, kinh hoàng trong yếm mộng...
Súng đua nổ âm âm rồi im lặng
Hạt mưa xuân nặng nặng rớt trên hiên...
Ai có nghe trong đêm thăm vô biên
Tiếng gió mới gọi hồn non nước cũ ?...
Ai có thấy muôn vạn mồ vô chủ ?
Đoàn thanh niên đang tiến tới ngày mai
Đang hân hoan rèn đúc chí anh tài
Bỗng ngã gục, không một lời vĩnh biệt !
Mỗi xác chết, một linh hồn nước Việt,
Mỗi nắm mồ, là một mảnh tim ta.

*Xuân muôn màu ngào ngạt nở muôn hoa
Là mạch máu chan hòa trong mạch đất !
Mỗi nhánh lá, một hồn thiêng phảng phất,
Mỗi tim hoa, nước mắt đọng thành sương.
Cả non sông là một hận xuân trường,
Của thế hệ loạn cuồng trai đất Việt !
Ôi buồn lắm ! Lòng ta buồn da diết !
Ta xót thương những số kiếp tài ba,
Nợ phong trần đã vướng tuổi niên hoa
Còn thử thách đá vàng thêm Quốc-hận !
Một lớp trẻ chôn vùi ngoài chiến trận,
Đã đem xương đem máu đắp xây mồ.
Một lớp sau còn sống sót, bơ vơ,
Khóc cũng dở, mà cười càng thêm dở !
Đêm xuân nay, nước mắt trào nức nở,
Nghe vang rền tiếng súng nổ bên sông.
Gà gáy khuya, tỉnh giấc mộng hãi hùng,
Tôi mở cửa, gió lồng, ớn ớn lạnh.
Mưa rỉ rả, thấm tê lòng cô quạnh,
Tôi ra đi như một đứa lạc loài,
Bước âm thầm không muốn biết ngày mai.
(Nha-trang đêm xuân 1961, Hoang vu)*

Đọc xong bài thơ, người yêu thơ không khỏi bùi ngùi vì quê cha đất mẹ lại một lần đổ lệ khóc thương cho những mái đầu xanh tuổi trẻ. Nguyễn Vũ đã viết lên bài thơ với tất cả sự tủi hờn của dân tộc.

Trong *Hoang vu*, ngoài tư tưởng và tâm tình đã ký thác, chúng ta còn nhận thấy một cá tính của Nguyễn Vũ hay tìm đến những cái gì khác lạ.

Sương rơi còn là bài thơ trong trường phái *Bạch Nga* :

Sương rơi

Sương rơi
Nặng trĩu
Trên cành
Dương liễu.
Nhưng hơi
Gió bắc
Lạnh lòng
Hiu hắt,
Thấm vào,
Em ơi,
Trong lòng
Hạt sương
Thành một
Vết thương.
Rồi hạt
Sương trong
Tan tác
Trong lòng
Tả tơi,
Em ơi
Từng giọt
Thánh thót,
Từng giọt
Điêu tàn,
Trên nấm
Mồ hoang !
Rơi sương
Cành dương

*Liều ngã,
Gió mưa
Tơi tả,
Từng giọt
Thánh thót,
Từng giọt
Tơi bời
Mưa rơi,
Gió rơi
Lá rơi,
Em ơi !*

(Văn học tạp chí, 1935)

Đến những bài như *Hoàng hôn*, *Tiếng chuông chùa*, *Mưa rào...* sau đây, Nguyễn Vỹ muốn tạo cho mình một điệu nhạc riêng. Nhưng phải nói là những bài thơ mới lạ này có nặng về thể thơ tân kỳ mang tính chất tượng hình, tượng thanh nhiều hơn là chứa đựng tư tưởng.

Bài *Hoàng hôn* dưới đây, tác giả trình bày một đàn cò trắng đang vội vã bay về tổ trên nền trời của một buổi chiều vàng sắp tắt.

Hoàng hôn

*Một đàn
Cò con
Trắng nõn
Trắng non
Bay về
Sườn non
Gió giục,
Mây dồn,
Tiếng gọi*

Hoàng hôn

Buồn bã

Nỉ non

Từ giã

Cô thôn

Còn con

Cò con

Trăng non

Nào kia,

Lạc bầy,

Lại bay

Vào mây,

Ô kìa !

(1950, Hoang vu)

Và đây, bài *Tiếng chuông chùa*, qua thể thơ, tác giả cho ta thấy một buổi chiều buồn, tiếng chuông chùa ngân lên từng hồi trong bầu không khí êm lặng, dư âm vang động nơi nơi, gợi cho kẻ tha phương cảm thấy lòng băng khuâng thương nhớ :

Tiếng chuông chùa

Bốn phương trời

Sương sa,

Tiếng chuông chùa

Ngân nga...

Trời lặng êm,

Nghe rêm

Tiếng chuông

Rơi,

Thành thơ

Êm đềm...
Hồi chuông
Rơi,
Bon !
Bon !
Trong sương mới,
Véo von...
Hồi chuông
Trôi,
Êm ru.
Vô âm u
Hồn tôi...
Hồi chuông
Vang bốn phương...
Mùi trầm hương
Vang trong sương
Lòng tôi...
Nghe tiếng chuông
Trong,
Trong,
Hồi hộp
Âng khuâng...
Hồn lâng lâng
Lên vút,
Cao xanh,
Thanh,
Thanh...
Tiếng chuông chùa
Khoan thai,

Kêu ai,
Lòng nhớ thương
Quê hương...
Tiếng chuông chùa
Khoan thai,
Kêu ai,
Lòng thê lương
Tê
Mê
Trong sương...
(Hoang vu)

Ngoài những lối trên, Nguyễn Vỹ còn trình bày một thể thơ đặc biệt có dáng hình thoi : bài *Mưa rào*. Từ câu đầu một chữ, rồi hai, ba, bốn chữ v.v... tăng trưởng đến một cao độ, rồi bắt đầu giảm dần số chữ trong câu cho đến câu cuối còn một chữ để miêu tả một cơn mưa thoát đầu lác đác vài giọt, rồi đổ ào như trút, rồi thưa, thưa dần đến còn một giọt và tạnh hẳn.

Mưa rào

Mưa
Lừa thưa
Vài ba giọt...
Ai khóc tả tơi,
Giọt lệ tình đau xót ?...
Nhưng mây mù mịt, gió đưa
Cây lá rụng xào xạc giữa trưa.
Mưa đổ xuống ào ạt, mưa, mưa, mưa !
Thời gian trôi tan tác theo tiếng mưa cười !
Không gian dập vùi tan nát theo thác mưa trôi,
Đàn em thơ nhào ra đường, giỡn hớt chạy dầm mưa !

Cỏ hoa mừng nên vận hội, ngả nghiêng tắm gội say sưa !
Nhưng ta không vui, không mừng. Lòng không ca, không hát !
Ta đưa tay ra trời, xin giòng mưa thấm mát.
Tươi vết thương lòng héo hắt tự năm xưa !
Nhưng, ô kìa ! Mưa rụng chóng tàn chưa !
Trời xanh xanh, mây bay tan tác.
Ai còn ươm hạt mưa đào,
Lóng lánh trong tim Hoa ?
Ai ươm mơ sầu,
Ôi mong manh,
Trong tim
Ta !
(Sài-gòn, một chiều hè 1959)

Để kết thúc, chúng ta thấy Nguyễn Vỹ là một nhà thơ có thực tài. Ông dám trình bày một cách trung thực tư tưởng của mình, nói lên nỗi uất ức, bất công của kiếp người. Nguyễn Vỹ có cái nhìn thường xuyên vào thực trạng xã hội, theo dõi những màu sắc biến đổi của nhịp sống dân tộc đã chịu nhiều thảm họa ; hòa lẫn vào đấy tình thương yêu đồng loại, tiếng thơ của Nguyễn Vỹ là tiếng nói chân thành phát xuất tự con người còn nghĩ đến quê hương.

(Ấn bản kỳ nhì, 25-6-1968)

THI TUYỂN

Gửi Trương-Tửu

Nay ta thêm rượu nhớ mong ai...
Một mình nhấp nhém, chẳng buồn say !
Trước kia hai thằng hết một nệm,
Trò chuyện dong dài, mặt đỏ sẫm,
Nay một mình ta một be con.
Cạn rượu rồi thơ mới véo von !

Dạo ấy chúng mình nghèo xơ xác,
Mà vẫn coi tiền như cỏ rác.
Kiếm được đồng nào đem tiêu hoang.
Rủ nhau chè chén nói huênh hoang.
Xáo lộn văn chương với chả cá,
Chửi Đông, chửi Tây, chửi tất cả,
Rồi ngủ một đêm mộng với mê.
Sáng dậy nhìn nhau cười hê hê !

Bây giờ thời thế vẫn thấy khó,
Nhà văn An-nam khổ như chó !
Mỗi lần cầm bút viết văn chương,
Nhìn đàn chó đói gặm tro xương
Rồi nhìn chúng mình hì hục viết
Suốt mấy năm trời kiết vẫn kiết,
Mà thương cho tôi, thương cho anh
Đã rụng bao nhiêu mái tóc xanh.
Bao giờ chúng mình thật ngất ngưỡng ?
Tôi làm Trạng-nguyên anh Tế-tướng,

Rồi anh bên Võ tôi bên Văn,
Múa bút tung gươm hả một phen ?
Cho bổ cảm hờn cái xã hội
Mà anh thường kêu mục, nát, thối ?
Cho người làm ruộng, kẻ làm công.
Đều được an vui hớn hở lòng ?
Bao giờ chúng mình gạch một chữ
Làm cho đảo điên pho Lịch-sử !
Làm cho bốn mươi thế kỷ xưa
Hất mồ nhồm dậy cười say sưa
Để xem hai chàng trai quắc thước
Quét sạch quân thù trên Đất Nước ?
Để cho toàn thể dân Việt-nam
Đều được Tự-do muôn muôn năm ?
Để cho muôn muôn đời dân tộc
Hết đói rét, lấm than tang tóc ?
Chứ như bây giờ là trò chơi !
Làm báo làm bung chán mới đời !
Anh đi che tàn một lũ ngốc
Triết lý con tù, văn chương cóc !
Còn tôi bưng thúng theo đàn bà,
Ra chợ bán văn, ngày tháng qua !
Cho nên tôi buồn không biết mấy !
Đời còn nhố nhăng, ta chịu vậy !
Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
Bực chí, thành say mấy cũng vừa.
Mẹ cha cái kiếp làm thi sĩ !
Chơi nước cờ cao gặp vận bĩ !
Rồi đâm ra điên, đâm vẩn vơ,

Rốt cuộc chỉ còn... mộng với mơ !

Viết rồi hãy còn say

(Phụ nữ)

Hương giang dạ khúc

(Bài này đăng trong Đông tây tuần báo

Hà-nội, ký bút hiệu Lệ-Chi)

Hơi gió hiu hiu của ban đêm

Ru hồn ta trong cơn tê tái.

Nước sông Hương lặng lẽ êm đềm

Ru chiếc thuyền ta bơi êm ái.

Thuyền ta thiu thiu ngủ, lênh đênh.

Theo nhịp mái chèo bơi êm ái,

Tâm hồn ta rên rỉ, buồn tênh.

Theo cơn sóng trần duyên tê tái

Hồn ta bơi lướt qua, buồn tênh

Trên lớp sóng trần duyên tê tái,

Thuyền ta bơi lướt qua, lênh đênh

Theo nhịp mái chèo bơi, êm ái.

Trăng soi trên đỉnh núi đầu ghềnh

Nhọt như vết thương lòng tê tái,

Và trong cõi lòng ta mông mênh,

Trăng rủ một cơn buồn êm ái

Tâm hồn ta rên rỉ, buồn tênh

Ru vết thương lòng ta, êm ái,

Thuyền ta trên mặt nước, lênh đênh,

Ru tâm hồn ta thêm tê tái.

(Huế 1936, Hoang vu)

Hai con chó

*Chuồng ngục tối om, kìa bốn xó,
Bốn thằng bơ bơ như bốn chó !
Chẳng được nói năng, chẳng được cười,
Hai chân chồm hồm, ngồi co rố.*

*Lưng rít mồ hôi, không dám cọ.
Ngứa ngứa tay chân không rảy rọ.
Rệp bò lên cổ, leo lên đầu,
Muỗi bay khiêu vũ, kêu ó ó.*

*Một tên lính Nhật ngồi ngay đó ;
Nét mặt hằm hằm, tròn mắt lỏ !
Đeo chiếc gươm dài, cầm roi da,
Thỉnh thoảng quất lên bốn đầu sỏ.*

*Hắn uống rượu gì màu đỏ đỏ,
Như uống máu tươi trong cái sọ ?
Kìa nó gật gù, đầu ngả nghiêng,
Máu nhều quanh môi từng giọt nhỏ !*

*Hai mắt đỏ hoe xoay tròn, ngó
Thằng tù lim dim trong một xó,
Hắn sả ba roi lên đỉnh đầu,
Thằng tù rứt vai, mặt mếu mó !*

*Một thằng tù khác ngồi nhăn nhó,
Tay run cầm cặp, răng gõ mõ,
Sốt rét lên cơn, không dám nằm,
Đầu cúi lạy... lạy... như xin xỏ.*

*Thằng tù thứ ba ngồi nhóc mỏ,
Da mặt xanh lè, mắt tho lỏ.*

Hắn bị tra điện hồi đầu hôm,
Giờ như cái xác con ma xó !
Thằng tôi chờ chết, ngồi co rố,
Làm thơ âm thầm lấy vồn chó.
Bỗng một chó Nhật vừa đi qua,
Đứng ngoài song sắt trở mắt ngó.
Nó nhìn thằng tôi, tôi nhìn nó,
Thông cảm cùng nhau hai đứa chó !
Bỗng dừng tôi cười ! ha ! ha ! ha !
Nó cùng vẫy đuôi cười hó ! hó !
Tên lính Nhật hoàng la xí xó,
Đạp giày lên lưng xua đuổi nó,
Rồi quật roi da lên đầu tôi,
Áo ào, ạt ạt như Thần gió !
Chó Nhật ăng ăng chạy gần đó,
Quay lại vẫy đuôi đứng lấp ló,
Rồi tôi nhìn nó, nó nhìn tôi,
Thông cảm cùng nhau hai đứa chó !
Hà-nội mừng xuân năm Nhâm-ngọ,
Pháo nổ từng bừng, đèn sáng tỏ.
Chó Nhật vẫy đuôi chờ tôi ngâm.
Dăm chục câu thơ mừng kiếp chó !
Ôi tôi ôi, tôi ôi là tôi !
Ôi chó ôi, chó ôi là chó.
(1942, Hoang vu)

Trăng, chó, tù...

Ngục Trà-Khê, đoàn tù nằm trong tối.

Chỗ giường tôi đối diện với Trăng thu,
Nhưng kềm gai giăng lưới bọc âm u,
Ngoài sáng tỏ, trong mịt mù bưng bít.

Ai nấy ngủ, hai giầy sần kê khít,
Cửa nhà lao dây xích khóa ba vòng,
Một tia vàng lóng lánh lọt qua song,
Năm âu yếm bên lòng tôi, khẽ bảo :
« Đêm nay rằm, em giăng tơ huyền ảo,
Ngồi dậy xem chàng hỡi, giữa khuông xanh,
Em dệt thơ, dệt mộng, kết muôn vần,
Để em tặng người-em-yêu muôn thuở.
Ngồi dậy đi, hỡi chàng, nhìn song cửa,
Ngoài trời mây rục rờ ánh trăng lành !
Em về đây trọn hết cả năm canh,
Đem tất cả dâng chàng lòng trinh bạch. »

Trăng mủm mỉm cười duyên, rồi khẽ lách
Lưới kềm gai ngăn cách giữa tôi nàng...
Tôi giơ tay, muốn níu ánh trăng vàng,
Lòng xao xuyến, tôi vội ngồi nhồm dậy.
Sau lưới sắt tôi nhìn trăng mê mải,
Núi rừng hoang Trăng giải áo sầu bi...
Trước sân tù có con chó L'Amie,
(Con chó trắng dễ thương và ngoan ngoãn,
Chó độc nhất, và trung thành như bạn,
Lạc ngoài rừng, chúng tôi bắt về nuôi.)
Giỡn với Trăng, chó phe phẩy mừng vui.
Chó nhảy tới, nhảy lui, đùa với bóng...
Trăng tha thướt, yêu kiều trong ảo mộng,
Rải trên sân lồng lộng ánh huyền mơ.

Mỗi nét Trăng là dệt một vắn Thơ,
Mỗi sóng trắng là một đường tơ thắm,
Chó đùa bờn, chạy quanh, rồi đứng ngấm,
Mắt nhìn Trăng, lóng lánh ánh Trăng ngà...
Tôi thẳng tù như một mảnh hồn ma,
Trong ngục thăm nhìn qua song lưới sắt,
Nhìn mê mải, thèm thuồng, không mỏi mắt,
Nhìn khao khát, ngây ngất, ánh Trăng say,
Muôn phá tung cửa ngục chạy ra ngoài,
Để ngấm nó, để ngất ngây say với nó,
Để đùa bờn với bóng Trăng bóng chó,
Để dệt tình, dệt mộng với Trăng tơ...
Nhưng bỗng dừng đôi mắt lệ hoen mờ,
Tôi ngục xuống sàn tre, nằm thốn thức...
Trăng với chó tự do ngoài sân ngục,
Tôi bị giam sau bốn bức tường cao !
Ôi tự do ! mi quý biết nhường bao !
Mi là cả Trăng, Sao, Trời, Thơ, Mộng !
Mi là những nụ cười vui để sống !
Mi là dòng huyết thống của Thiêng-liêng !
Có-Tự do là có cả Thần Tiên,
Không có nó, trần duyên là ngục thăm !
Tù Trà-Khê say mê trong giấc đấm,
Trên giường tù ai lệ đẫm trong đêm !...
(1944, Hoang vu)

Cám ơn ngài

Không, tôi không phải con người bất mãn
Nhục và Vinh, tôi có đủ cả rồi.

Thượng-đế đã cho tôi giàu muôn vạn,
Đầy một kho ánh sáng trong hồn tôi,
Đầy những đêm lệ châu tràn ai oán,
Những bình minh trời dậy nhạc men cười.
Từ muôn thuở say sưa tình lai láng
Uống hương trời còn đọng cả trên môi !
Ngài bắc chi một nhịp cầu danh vọng,
Kéo tôi chi trong phù ảnh lâu đài ?
Tôi không muốn gánh kho vàng thơ mộng,
Đem chợ đời đổi lấy món cân đai.
Đừng nhử tôi ngựa, xe, tàn, võng, lọng.
Ai công hầu khánh tướng, mặc ai ai.
Đừng bắt tôi mang hia, choàng áo rộng,
Và khom lưng lạy các chúa trên ngai !
Tôi không phải đã « cặn bầu nhiệt huyết ».
Tấm thân hèn chưa rạn nứt phong sương,
Bao năm xưa đọa đầy trong lụy tiết,
Há bây giờ hờ hững với quê hương ?
Những dân tộc đã vươn mình quyết liệt,
Bao anh hùng đã điểm máu tô xương,
Họa khói lửa muôn dân còn rên xiết,
Bút mực nào ghi hết hận tang thương !
Để yên tôi bên khu trời diệu vợi,
Chớp lời Sao và nhạc Gió lâm ly,
Tiếng than thở vạn u hồn buồn rợi,
Đắm chìm trong tịch mịch vạn sầu bi !
Đừng bảo tôi hát những lời ca ngợi
Các tượng thần chói lọi ánh tà huy,
Đừng chỉ tôi đâu là đường danh lợi,

*Cảm ơn Ngài, danh lợi để mà chi ?
(1953, Hoang vu)*

Giấc mơ bom nguyên tử

*Chiều quạnh quẽ ngồi trên lưng núi,
Lánh xa đời gió bụi phù hư,
Suối đời vi vút hơi thu,
Bao la mây nước mịt mù điều hui.
Buồn man mác, năm thiu thiu ngủ,
Dưới bóng cây buông rũ lá vàng,
Chập chờn trong giấc mơ màng,
Du dương xao xuyến, khúc đàn thông reo.
Bỗng, vắng vắng tiếng kêu, tiếng khóc,
Những u buồn tang tóc, bi ai,
Rì rầm trong gió, trong mây,
Ni non vang khắp trần ai ta bà,
Mạch máu chảy chan hòa mạch đất,
Ngật tử thi chồng chất chân trời,
Lập lờn như lũ ma trời
Những luồng lửa đỏ cháy thui địa cầu.
Chìm nhân loại trong bầu máu nóng.
Lò cừ đun những đồng xương khô,
Đầu lâu không mả không mồ,
Xác người xác thú núi gò ngồn ngang.
Đại bác nổ lừng vang trái đất,
Khói lửa tràn mù mịt Đông Tây,
Đạn vèo, tóc rụng, đầu bay ;
Máu phun lên nhuộm rừng mây đỏ lòm.
Trận Đại-chiến cuối cùng bùng nổ,*

Trên năm châu ngọn gió điên cuồng,
Lên men, say máu anh hùng,
Đua nhau chém giết, mổ lòng, ăn gan.
Muôn triệu cảnh khóc than thảm thiết,
Muôn triệu người rên siết đau thương,
Thây nằm chật các nẻo đường,
Hồn bay vất vưởng sa trường máu tanh.
Cuộc tàn sát hung hăng gớm ghiếc,
Trẻ, già, cô, chém giết không tha,
Say mềm như tiệc đám ma.
Tiếng kèn vang những bài ca hãi hùng.
Bỗng sấm sét ùng ùng ghê dữ,
Trăm nghìn bom nguyên-tử nổ rơi,
Từng chùng mặt đất nứt đôi,
Vòm mây tan vỡ, biển sôi, sóng trào.
Trận đông tố ào ào nổi dậy,
Quét tan hoang như giấy côi trần,
Người người ngã chết hết dần,
Lâu đài thành quách tan tành ra tro.
Những tàu bay, tàu bò, tàu lặn,
Những gươm đao súng đạn giết người,
Rớt chìm trong đáy bể khơi
Muôn muôn triệu xác nổi trôi dạt dờ.
Hình như thể loài người chết cả ?
Khắp bao la đầy mả mồ hoang !
Tưởng như trong cảnh điêu tàn,
Hai người sống sót là nàng với ta...
Phải chăng một giấc mơ hoa ?
Trong mơ chỉ thấy còn ta với Nàng...

Trời quang đãng, bóng vàng ngả xế,
Mặt địa cầu hoang phế cô liêu.
Thoáng nghe vài tiếng chim kêu,
Trong mây, trong gió, điều hiu lạnh lòng.
Bao la thăm, một vùng lặng lẽ,
Phố phường hoang, tường bể ngói rơi,
Không trông thấy bóng một người,
Mênh mông quanh quẽ trên trời dưới ta.
Giữa hoàn vũ, tha ma tử địa,
Nhìn chung quanh vắng vẻ buồn tênh,
Nàng, tôi, hai bóng kẻ bên,
Năm tay đùng đỉnh đi trên địa cầu.
Bước sợ hãi trong bầu nắng gắt,
Lặng tai nghe quả đất vẫn xoay,
Êm êm, dịu dịu say say,
Vô biên, thăm thẳm, trời mây xanh lồng.
Cồn núi vẫn trùng trùng điệp điệp,
Suối, ao, hồ, rộn rịp sóng reo,
Hơi thu thổi lá bay vèo,
Ngõ ngang xác chết, như bèo, trôi sông,
Trôi chìm hết ra dòng sóng bể,
Gió lùa đi, không để xác ai
Còn đâu dấu vết loài người ?
Nghe đâu tiếng khóc, tiếng cười, tiếng kêu... ?
Trong vắng lặng trời chiều bát ngát,
Nàng và tôi ngơ ngác dặt nhau,
Đi... nhưng nào biết đi đâu ?
Chung quanh núi thăm, sông sâu, đất bằng...
Bỗng thấp thoáng từ đằng xa tới,

Một cụ già bạc phôi đầu râu,
Tay già chống chiếc gậy lau,
Áo xanh phất phới gợn màu xanh mây,
Nàng và tôi chấp tay chào hỏi :
- Lạy cụ già, thưa cụ là ai,
Cụ cười : - Ta xuống trần ai ?
Đổi lại mặt đất và thay giống người.
Ta đã sắp cõi đời xán lạn,
Ởn sinh thành muôn vạn triệu niên,
Tạo nhân, lập địa, khai thiên,
Gây ra giống thú, giống chim, giống người.
Riêng nhân loại tuyệt vời trí óc,
Còn chim muông ngu ngốc mê si,
Chỉ người mới có lương tri,
Có lòng để cảm để suy cuộc đời.
Nhưng đa số loài người hư hỏng,
Dùng tâm linh, trí đồng giết nhau,
Muôn ngàn kiếp trước, kiếp sau,
Không tu được đức không trau được tình.
Ta chỉ thấy chiến tranh tàn sát,
Người giết người khao khát máu tanh.
Tham tàn, ích kỷ, kiêu căng,
Giành nhau chỉ biết miếng ăn miếng mồi.
Càng tiến bộ càng đòi bại lẫm,
Càng văn minh, càng đắm truy hoan.
Càng thêm vật chất huy hoàng,
Tinh thần truy lạc, điểm đàng hơn xưa.
Ghét xã hội loài người mục nát,
Mặt đất đầy tội ác xấu xa,

Lòng người hèn nhất thói tha,
Một luồng ám khí trộn pha dương trần.
Nên ta quét tan tành cõi tục,
Xoay lại chiều cây trúc hành tinh,
Cho muôn triệu ức sinh linh,
Diệt vong trong cảnh u minh tận cùng.
Để dứt hẳn điên cuồng loạn đả,
Ta tung làn Phóng-xạ đánh tan,
Cho tiêu, cho diệt, cho tàn,
Cho bi thảm kịch hạ màn kết chung.
Ta lập lại một vùng đất mới,
Cho loài người khác với loài xưa,
Đổi thay hẳn tấn tuồng đời,
Chỉ còn trong sạch, sáng ngời, vinh quang.
Giống dân mới được toàn hạnh phúc,
Không miệt mài lục đục giết nhau,
Gió vàng không hái đầu lâu,
Đất vàng không lấp mồ sâu thối người.
Dân không bị một đời tội mọi,
Không còn đâu tù tội xích xiềng,
Hòa-bình, Hạnh-phúc liên miên,
Tự-do, Bác-ái thành tiên trên đời.
Ông cụ nói rồi cười ha hả,
Tôi bèn thưa vội vã mấy câu :
- Cụ ơi, Dân Việt còn đâu ?
Dân tôi mặt mũi mày râu Tiên Rồng
Dân ta vẫn anh hùng chí khí,
Giữ tinh thần đạo lý nêu cao.
Dù nguy dù biến thế nào,

Nghìn năm nô lệ chí cao vẫn còn.
Dân ta đã tận cùng đau khổ,
Cụ không thương sao nữ giết a ?
Cụ cười : - Con chó lo xa !
Đất Việt còn đó, Dân ta vẫn còn !
Là giòng dõi Lạc-Hồng thuở trước,
Trải nhiều phen mất nước nguy nan
Mấy lần điên đảo giang san,
Giống nòi điêu đứng dân gian khốn cùng.
Bao thế hệ anh hùng tử trận,
Chôn bấy nhiêu uất hận non sông,
Thương cho con cháu Tiên Rồng !
Bị lâm số kiếp vào vòng lao lung !
Nhưng ta đã tháo tung xiềng xích,
Kẻ hại dân, ta giết không còn,
Kìa sông, kìa núi, kìa cồn,
Đất ta còn đó, còn hồn linh thiêng.
Trên thế giới còn riêng giống Việt,
Ta còn cho sống miết muôn năm,
Dân ta kể triệu hăm lẫn,
Ta tiêu diệt bớt, còn năm vạn người.
Ta quét sạch những loài ô trược,
Kẻ buôn dân, bán nước, bán trời,
Còn năm vạn sống trên đời,
Sẽ gây giống mới loài người tương lai,
Cho tản mác Đông Tây Nam Bắc,
Giống Rồng Tiên reo rắc đó đây,
Cho đời tái tạo sau này,
Năm châu đông đúc một loài Dân ta.

Nào đàn ông, đàn bà, con trẻ,
Bóng Dân ta vui vẻ khắp nơi.
Hòa bình hạnh phúc đời đời,
Sống trên hoàn vũ giống người tự do.
Loài người mới ăn no mặc ấm,
Hết tham tàn, xâm lấn, giết nhau,
Thiên đàng cực lạc năm châu,
Muôn muôn thế hệ về sau thanh bình.

Cụ nói xong thành linh biến mất.
Nàng và tôi bốn mắt nhìn nhau.
Bỗng trời đổ trận mưa ngâu,
Nàng, tôi, hóa cặp bồ câu trắng toàn.
Tôi chắp cánh cùng nàng bay miết,
Trên non xanh nước biếc nghìn trùng.
Bay về đến cửa Thiên-cung,
Có cô Tiên đẹp, mắt nhung, đón mừng.
Tự kiếp ấy, chín từng xanh thắm,
Nàng và tôi, say đắm yêu nhau,
Muôn năm chẳng thấy bạc đầu,
Muôn năm tình chẳng hương màu bạc phai.

Gió ngào ngạt, vườn trời tươi nở,
Muôn Hoa Sao rực rỡ muôn màu,
Nàng, tôi âu yếm nhìn nhau,
Ấp trong ổ mộng mấy câu thơ tình.

Tiếng sấm nổ tan tành giấc mộng !
Bừng mắt, ôi ! dưới bóng thông reo,
Một mình ta vẫn nằm queo,
Quanh mình lá rụng, gió veo, bụi mờ.
Ngồi buồn chép lại giấc mơ...

(Đà-lạt 1954)

Chim hấp hối

Một con chim xanh,
Đang hát trên cành,
Bỗng vang tiếng súng !
Con chim xanh xanh
Lìa cành rớt xuống !...
Đôi cánh mong manh...
Thôi, chim chết rồi !
Máu chảy trên trời,
Rơi từng giọt đỏ,
Nhuộm sẫm không gian,
Rơi từng giọt nhỏ...
Loang lổ nắng vàng.
Chim con chết oan,
Chíp chíp kêu van,
Hai chân run rẩy...
Đôi mắt đục ngầu,
Đôi dòng lệ chảy...
Tìm ổ chim đâu ?
Tiếng chim lâm ly
Nhìn ta biệt ly ;
Nào nùng bi đát !
Than ôi, chim con
Chết còn muốn hát
Trên nấm cỏ non !
Ta cũng như chim,
Mang một trái tim

Đìu hiu, tan tác.
Nặng vết sầu thương
Mà ta vẫn hát,
Hết kiếp tơ vương !
Chim con véo von
Trên cành xanh non
Vui ca hớn hở,
Hồi tiếng súng vang !
Than ôi, sao nỡ... ?
Hồi người dã man !
Này đây xác chim.
Lại đây mà xem !
Chim nằm hấp hối...
Hồi ai, sao đành
Giết loài vô tội,
Giết con chim xanh ?...

Hoa phượng

THIẾU NỮ :

- Trên đường vắng ngập tràn hoa phượng đỏ
Em bùi ngùi không nỡ bước, anh ơi !
Những cánh hoa hiu hắt rụng ven trời
Chép trong gió mấy lời hoa vĩnh biệt !
Xác hoa rụng phải chăng hồn hoa chết ?
Sắc hoa tàn, tan tác một đời hoa ?
Bao mảnh tim rỉ máu, lệ chan hòa,
Là những vết thương lòng đang nức nở.
Gió tàn nhẫn trút hoa như thác đổ
Trên tóc em, ngập xuống cả làn môi,

Một giấc mơ rời rã, lững lờ, trôi,
Em muốn vớt ôm về chôn nấp áo.
Kẻo gió bụi mịt mù trong nắng ảo
Dập vùi hoa, ảo não mảnh hương trinh.
Khách qua đường vội vã, quá vô tình,
Giẫm lên cả hồn hoa trên xác máu !
Gió thổi dậy ý nhạc sầu huyền náo.
Em quay về, cô độc, gót băng khuâng...
Sao lòng em tê tái, hỡi Thi-nhân ?

THI SĨ :

- Tìm em tươi thắm một mùa xuân,
Đắp nhụy đơm hoa chỉ một lần,
Rồi đến một mùa tan tác rụng,
Nở vãn thơ lệ của Thi nhân.

Từng cánh tim em trôi giữa dòng,
Như tim phượng vỡ giữa cuồng phong.
Duyên hoa vẫn đượm màu nhung tuyết
Trong áng duyên thơ ắp ủ nồng.
Như em đã ướp, một chiều hôm,
Trong nếp nhung y một mảnh hồn,
Những cánh chim hồng tan tác gió,
Trao về Đất Mộng mãi tươi thơm !
Em buồn duyên kiếp cánh hoa trôi,
Mà ngại tình em cũng thể thôi.
Dừng bước bên đường, em thốn thức,
Lời tơ xao xuyến lúc chia phôi.
Những lớp tang thương phủ bụi trần,
Không hề vương nét bút Thi-nhân
Hương thơ muôn thuở không tàn tạ,

Hoa mộng nghìn thu một sắc xuân !

THIỆU NỮ :

- Đây một nụ hoa tàn, em đã lượm,
Để tặng Anh, còn đượm chút duyên hoa.
Em vẫn buồn, Anh ạ, mấy mùa qua,
Thấy phượng nở chói lòa trong nắng mộng.
Hồn em xanh như trời xanh lồng lộng,
Bướm và hoa rung động nở từng bùng,
Tuổi đương xuân, em muốn mãi là xuân,
Cùng lứa trẻ, em đón mừng phượng nở !
Nhưng, một chiều, em nghe hoa nức nở
Trên vĩa đường, em lỡ giẫm lên hoa !
Cả một chiều, em hối hận, thương hoa !
Rồi từ đấy, mỗi lần hoa phượng nở,
Bị gió vèo, tan tác vỡ muôn phương,
Là em nghe trong gió hận đêm trường.
Tìm em rụng âm thầm từng cánh vụn...
Và em sợ cho những tình thơ mộng,
Hết một mùa phượng nở, gió thu sang,
Chỉ còn nghe thốn thức giữa trời hoang !

THI-SĨ :

- Những xác hoa trôi, gió phụ phàng,
Lênh đênh theo gợn sóng thời gian.
Có nhà Thi-sĩ ngồi trên bến,
Lượm những màu hoa, góp phần vàng.
Cả một kho tàng Mộng với Thơ,
Đầy hương, đầy nhạc, ướp đầy mơ,
Bốn mùa ấp ủ trong men lệ,
Trôi dạt lừng vang một phím tơ.

Khúc nhạc em nghe réo rất buồn,
Lời hoa nức nở buổi hoàng hôn,
Vần thơ vĩnh biệt thù bằng máu
Của cánh phượng tàn rụng bốn phương.
Là tiếng sầu ngâm vịnh cổ hồn,
Tình thơ muôn kiếp ý tơ vương.
Đời em đã vương duyên thơ lệ,
Em gỡ làm sao mối hận trường ?
Nhưng lụy tàn hoa chẳng bẽ bàng.
Kiếp đời ngắn ngủi hợp rồi tan,
Em gom nước mắt đời đau khổ
Để ghép vần thơ của thế gian !
(Sài-gòn 1960 Hoang vu)

Đêm sầu về

Ta muốn được những cánh tay êm ấm
Ru hồn ta như đứa trẻ trong nôi,
Một quán trọ trong lòng ai êm ấm
Khi lạc loài trên nẻo vắng xa xôi.
Gót phiêu lãng còn vương thề muôn dặm,
Tình nước non chưa cạn hết ly bôi
Sao Bắc-đẩu tí mù xa thăm thẳm,
Kiếp tài hoa còn hận mãi chưa thôi.
Bao nhiêu đêm không bến bờ cô quạnh,
Ta âm thầm ôm khóc ánh sao rơi.
Nếu ta biết một khu trời Vạn-hạnh
Trăng không tàn mà hoa cũng không trôi...
Ôi giếng thăm biết bao giờ mới tạnh ?
Nắng muôn chiều đã chết lịm trên môi.

*Tìm động tuyết, rã rời tan những mảnh,
Đêm sâu về tê lạnh lắm, đêm ôi !
(1960, Hoang vu)*

Cũng thế thôi

*Lắm lúc tôi buồn tôi bảo tôi :
Nói làm chi nhĩ ? Phí lời thôi.
Kệ thầy thời thế, thời là thế.
Trống ngược kèn xuôi, cũng thế thôi !
Tả hữu xun xoe, dở lắm mò.
Cũng người xuống chó, kẻ lên voi !
Cũng phường lòi tói năm ba trự
Múa mép rùm beng, cũng thế thôi !
Bán lợi buôn danh, chật chợ trời.
Rộn ràng hôm sớm bóng ma trời.
Say sưa ngất ngểu ngày tan chợ
Phủi áo ra về, cũng thế thôi !
Cứ điếc, cứ câm, cứ mặc đời,
Mặc thời, mặc thế, để buông trôi.
Mặc người khôn dại, còn hay mất,
Ai mất, ai còn, cũng thế thôi.
(Hoang vu)*

Sài-gòn đêm khuya

*Vâng, bạn ạ, bao người đau khổ lắm.
Không cửa nhà, không một chiếc giường rơm.
Và trong lúc chúng ta đều no ấm,
Biết bao người không có một tô cơm !
Bạn có thấy hạng người nghèo khó,*

Những đàn bà, con trẻ, kẻ già nua.
Rách tàn tạ, áo quần gần không có,
Năm đầu đường, dài nắng với dầm mưa.
Những hành khất xác xơ, đầu ủ rũ,
Ngày ngồi xin góc chợ khách đi qua.
Bạn biết tối họ nằm đâu để ngủ ?
Bên bìa thành, trong những bãi tha ma !
Một đêm lạnh, lê kiếp buồn phiêu khách
Giữa Sài-gòn tịch mịch, gió âm u,
Tôi đã thấy một người cha đói rách
Ôm con ngồi trong xó tối hoang vu.
Con với bố che vài ba tấm giấy,
Nấp khe tường, chịu rét buốt tàn thu.
Người run rẩy như lá cây run rẩy,
Tiếng người rên trong gió vi vu !
Tôi dừng bước xa xa nhìn ngơ ngác,
Kía bóng ai thấp thoáng bên lùm cây ?
Một thiếu phụ cúi bươi trong đồng rác.
Khúc bánh mì còn được nửa gang tay !
Chị rảo bước vội vàng quanh nẻo vắng,
Chui đầu vô một ống cống bên mương.
Dòm vào đó, tôi thấy hai bóng trắng,
Năm chèo queo, mình mẩy ốm giơ xương !
Hai em nhỏ lạnh run ho muốn ói,
Chị nâng miu gọi dậy : « Con ơi, con !
Này miếng bánh, hai con ăn đỡ đói,
Rồi sáng mai mẹ dắt đi xin cơm. »
Tôi không dám nhìn lâu, lòng trĩu nặng,

Bước đi nhanh trong gió rít đều hiu !
Tôi đi mãi, lang thang, đường vắng lặng,
Giữa Sài-gòn leo lắt, ánh hoang liêu !
Sông mù mịt, tôi ngồi bên khóm trúc,
Nhìn lên trời, lấp lánh mấy ngôi sao,
Tôi cảm thấy cả bầu trời ô nhục,
Bởi kiếp người mang hận suốt đêm sâu !

Tôi biết lắm ai ơi, tôi biết lắm,
Nghiep trần ai, ai nhục với ai vinh :
Nhưng phải được mọi người đều no ấm,
Mỗi mái nhà cho mỗi kiếp sinh linh.

Muốn cứu nước, thương dân, đâu phải khó !
Chỉ làm sao cho hết thảy nhân dân
Mỗi bữa đầy tô cơm ai cũng có,
Và mỗi mùa, đủ mảnh áo che thân !

Phải làm sao cho hết người đói lạnh,
Phải làm sao cho hết kẻ bần hàn,
Và làm sao những tâm hồn hiu quạnh
Được niềm vui trong an ủi hân hoan.

Đâu còn có những tiếng kêu rên rỉ
Trong lòng người thành thị với thôn quê,
Nếu tất cả đều tự do hoan hỉ,
Nếu mọi người đều ấm áp no nê !

Đêm nay lạnh, ta ngồi bên khóm trúc,
Nhìn lên trời mờ mịt mấy ngôi sao,
Gió mai mĩa cả bầu trời ô nhục,
Bởi kiếp người mang hận suốt đêm sâu.

(1952, Hoang vu)

Đêm trình

*Đêm nay tôi không muốn ngồi gục bên đỉnh trầm
Nghe rượu cười trong ly,
Nhạc quay cuồng trong khói,
Thời gian động trên mi.
Tôi muốn về bên giếng tối,
Khu vườn âm u,
Quê hương hoang vu,
Không một dấu vết.
Tôi không muốn giẫm lên những mặt trời đã chết,
Không vương những nắng tơ đã kết
Vòng hoa trên cổ áo quan tài.
Đã lạnh rồi, những mùa xuân chết yếu trong thiên thai
Nhặt làm chi những phím hương đổ gãy,
Màu xám hoàng hôn,
Màu xanh rợn hoang hồn,
Hình bóng thời Homère quay cuồng trong nhạc lửa !
Thôi, vươn lên chi hình hài ảo lả nữa !
Tôi không muốn đêm nay cười nghiêng ngửa,
Tôi đập tung cánh cửa
Ngạo nghễ của Thành Sầu.
Tên lính gác nhe răng cười, rùng rợn đôi mắt sâu.
Để tôi đi !
Để tôi đi !
Trời không mây, không gió,
Tôi không áo, không chăn.
Tôi về quê hương không cửa, không ngõ.
Tôi về cô phương không lửa, không trăng
Mịt mù thăm thẳm,*

Mênh mông biên giới của Đêm-trình !
Tối đen một giếng thăm.
Rực rỡ ánh quang minh.
Tôi với tôi,
Không hình, không bóng
Tôi với tôi,
Không thơ không mộng.
Tôi với tôi,
Lồng lộng giữa Hoang-vu !...
(Đêm giao thừa Nhâm-dần 1962 Hoang vu)

Đêm giao thừa tắm biển

Bể với ta là tình Xuân vạn đại,
Trời hoa niên năm mới vẫn năm xưa.
Ta đêm nay lạc nẻo hồn hoang dại,
Mơ trùng dương vũ nhạc hội say sưa.
Cởi áo bụi, ngực trần, chân nhẹ bước,
Ta lao mình trong sóng động lao xao.
Trên mặt bể, vẫy vùng ta với nước,
Dưới màn trời lấp lánh ánh muôn sao.
Bỗng hiện lên, từ thâm cung rộn rã,
Ồ ! Thướt tha Vệ-nữ nồn nà duyên !
Nàng lướt sóng, diễm kiều và ẻo lả,
Đưa hai tay mừng đón khách tân niên.
Nàng khiêu vũ với ta trên sóng nhạc,
Ôm quay cuồng theo điệu nhạc âm ba.
Khúc hoà tấu từng bừng đêm hoan lạc,
Bọt thuỷ triều ào ạt nở muôn hoa.

Từng lớp lớp ba đào từ khơi thăm
Lô xô vào nô nức hội liên hoan.
Nàng với ta bơi nhào trong bể tắm,
Nghịch đùa nhau say đắm tiếng cười vang.
Nàng bỗng chốc biến mình trong ngân thủy,
Ta lặn tìm, gọi khắp « Mỹ nhân ơi ! »
Nàng lại hiện ra dáng hình tuyệt mỹ,
Nét ngọc ngà uốn lượn giữa chơi vơi.
Gió thổi dậy, chập chờn hai chiếc bóng
Trôi bênh bồng trên đợt sóng cheo leo,
Nàng với ta bơi đua vào bến mộng,
Ta đuổi nàng trên bãi cát hoang liêu.
Tiếng cười dội cả khu trời rực rỡ,
Nàng sa chân, vấp một mảnh sao rơi.
Ta cũng ngã trên thân mình Ngọc-nữ,
Nàng với ta ôm xiết chặt đôi môi.
Biển hồi hộp nhịp hoà cùng hơi thở,
Đêm giao thừa ngào ngạt gió hương say.
Nàng khẽ bảo :
- « Người yêu em muôn thuở !
Về Thi-sơn, sao lạc lối đêm nay ? »
Thôi đừng hỏi, hỡi nàng Thơ diễm lệ !
Ta mang đầy huyết lệ, mạch suy tư,
Mong hàn bớt những vết sâu thế hệ,
Mà than ôi, thơ mộng chỉ phù hư !
Hàn găn được những vết thương nhân loại,
Có ái tình là nghệ thuật cao siêu,
Sâu thế hệ vẫn là sâu vạn đại.

Chỉ Tình-yêu là gấn lại tình yêu.

Ta sống giữa loài người tham bạo quá,
Làm được chi với một mảnh tim đơn ?
Bao nhiêu kẻ lộng hành ngôi vương bá,
Bao nhiêu người quì sụp để xin ơn.

Ai giàu có cậy kim tiền thế lực,
Ai cúi lòn giành giật bả phù vinh.
Muôn triệu kẻ sống bần hàn cơ cực,
Muôn triệu người cam khổ kiếp ba sinh !

Chia phe đảng tranh quyền, tham lợi lộc,
Ai căm thù, cướp bóc, rửa nguyên nhau.
Ai là chúa, ai là người nô bộc,
Ai vui cười, ai khóc lóc rên đau :

Ta biết vậy chỉ ghi vài nét bút
Để muôn đời những vết hận bi thương.
Nhưng chán nản, có những giờ những phút
Muốn đắm hồn trong « khúc nhạc trùng dương. »

Giờ Giao-thừa xa xa tràng pháo nổ,
Lửa lập lòe bên cửa bể Nha-trang.
Gà sức gáy nửa đêm như mớ ngủ,
Chuông chùa ngân từng tiếng dội không gian.

Bỗng Vệ-nữ nắm tay tôi ngồi dậy,
Đột sóng vừa bờ đến vượt chân tôi.
Nàng cúi xuống hôn tôi, rồi vụt chạy,
Lướt ngọn triều, mờ mịt tím xa khơi.

Tôi bơi theo ra giữa vùng bể rộng,
Nàng biến đâu ? Ôi quạnh quẽ mông lung.
Nàng đã lặn trong ba đào xáo động ?...

Nàng đã về trong Thủy-điện thâm cung ?...
Tôi còn đứng ngẩn ngơ trong ánh bạc,
Vùng Thái-dương hé mở cửa Tân-niên.
Sóng bình minh dâng đầy mâm Hoa-nhạc,
Ngát hương sâu phảng phất mộng giao duyên !
(Trên bãi bể Nha-trang Đêm Giao thừa 1951)

Hoa lệ

Tôi không biết ngày nay tôi mấy tuổi,
Mấy đoạn trường trôi nổi kiếp hư sinh.
Giống như xưa chàng Do-thái phiêu linh
Vác Thập-ác đi hoài trong đêm tối,
Tôi cũng bị đoạ đầy, trời bắt tội
Mang trong tim một khối nặng Tình-thương.
Bóng lữ hành đây đó khắp tha phương.
Gieo trong gió, trong sương, đầy ngấn lệ.
Nhưng tuy đã trải qua hai thế hệ,
Bước phong trần còn đượm nét niên hoa.
Mạch sâu Xuân còn réo rắt chan hoà
Cùng cây cỏ vấn vương tình ưu ái.
Còn Xuân mãi, tôi vẫn còn Xuân mãi.
Trong tim tôi lồng lộng một trời Xuân.
Xuân thanh trinh bát ngát đẹp vô ngần,
Xuân huyền diệu dật toàn Hoa với Lệ.
Mộng huyền ảo nào nùng hơn thực tế.
Tìm Tình-yêu để chỉ gặp Đau-thương.
Kết duyên Xuân, như để nối hận trường.
Xây hạnh phúc ; đắp bức tường ảo vọng !
Xuân đẹp nhất không thù bằng tơ mộng,

Không rung lên những nhạc điệu huyền mơ.
Xuân rạt rào trong tĩnh mịch suy tư,
Trong nước mắt âm thầm rơi mỗi giọt...
Những thiếu nữ đêm Xuân năm trăm trọc,
Buồn cô đơn, tủi phận, khóc hờn duyên ;
Những chàng trai thất nghiệp, túi không tiền,
Đi thất thểu chiều Xuân trên vỉa phố,
Xuân là đấy, Bạn ơi ! Xuân đau khổ,
Xuân ghen ngào trong cổ, ứ trong tim...
Những đoàn người trí thức, đáng dùi hiền
Gương mặt sáng, đôi mắt ngời rực rỡ,
Phải lam lũ làm quanh năm khổ sở,
Không đủ nuôi cha, mẹ, vợ, con, em.
Những công nhân quần áo rách, cũ mèm,
Mấy ngày Tết có đâu nem với gỏi ?
Ở túp lá bị mưa dầm nắng dọi,
Ăn cà, dưa, nhiều bữa đói không cơm.
Kẻ đi xin, như những xác không hồn,
Năm hấp hối đêm Giao-thừa góc phố.
Xuân là đấy, Bạn ơi, Xuân đau khổ
Xuân âm thầm của vô số sinh linh !
Xuân đau hiu của muôn vạn gia đình,
Xuân tang tóc của những nàng quả phụ.
Xuân lạnh lẽo trên những mồ vô chủ.
Những vong linh các Tử-sĩ anh hùng.
Đem máu xương đền nợ cho Non-sông,
Không hương khói sưởi oan hồn chín tuổi !
Xuân là đấy, Bạn ơi ! Xuân buồn tủi
Xuân liên hoan nước mắt với mồ hôi

*Xuân hoa đăng của khói lửa bụi ngùi,
Xuân khiêu vũ,
Giữa kịch trường Thiên-Vạn-Hận... !
Xuân là đấy, bẽ bàng ! Xuân bất tận.
Mạch Xuân trào trên nét bút say sưa.
Hương Xuân nay còn ngào ngạt Xuân xưa.
Nửa thế kỷ vẫn một mùa Xuân ấy !
(Hoang vu 1950)*

Phổ Thông mười năm cảm nghĩ³⁷

*Mười năm, chỉ mới bước đầu thôi,
Nghiep chương đành mang hết nợ đời.
Buồn chán nhân tâm toan bỏ mặc,
Ngậm ngùi bút hận khó buông trôi.
Trời già muốn dõn, ừ cho dõn,
Sức trẻ còn bơi, vẫn cứ bơi.
Lánh bọn văn nô, phường xảo trá,
Gắng thành nhiệm vụ chín mười mười.*

THƠ TRÀO PHÚNG

Hoa hồng Việt-nam

Một tờ báo có đăng tin các bác sĩ Phi-luật-tân vừa tuyên bố một số quân nhân Phi đã bị gái điếm Việt-nam truyền cho một chứng bệnh cực kỳ nguy hiểm. Các bác sĩ Phi đặt tên chứng bệnh ấy là : « Hoa hồng Việt-nam ». Huyền giận quá, viết nguệch ngoạc vài câu gởi gắp cho ông bệnh nhân Phi-luật-tân mắc chứng ác ôn và các cô gái điếm :

Hoa hồng Việt-nam !

Hoa hồng Việt-nam !

Này các cô ơi, « Hoa hồng Việt-nam » là cái giống hoa gì.

Mà bạn Đồng-minh Ma-ní bịt mũi, trố mắt, xầm xì hoảng hốt kêu rên ?

« Hoa hồng Việt-nam », ai trồng, ai cấy, ai gieo ?

Ai vun, ai bới, ai tưới, ai xới, ai tâng tiu hời nào ?

« Hoa hồng Việt-nam » lấy giống từ đâu ?

Giống Mỹ, giống Úc, giống Tây Âu hay Nhật-bốn, Đại-hàn ?

« Hoa hồng Việt-nam » phải chẳng là « hoa » Huệ « hoa » Lan ?

« Hoa » Sương, « hoa » Tuyết, « hoa » Yến, « hoa » Loan, hoa điếm, hoa đàn.

« Hoa » Đô-la, hoa Bạc, chín mười ngàn một hoa ?

Xưa nay sao không có giống hoa ấy ở vườn nhà,

Giờ đây nó mọc trên các toà nhà bin-đỉnh ?

Trong các đồng bùn sình,

Trong các ngõ hẻm, nhà lá, hôi rình mùi « hoa » ?

« Hoa hồng Việt-nam » ối mẹ ! ối cha !

Nó là cái giống hoa gì ?

Nước Nam mình đâu có giống hoa ghê tởm kỳ lạ, Bà Nội ơi !

*Giống hoa độc địa, ai nhập cảng vào đất Việt của tôi ?
Rồi ai vu cho Việt-nam tôi sản xuất,
Úi chao ôi, tui hận, tui tức,
Tui bứt rứt,
Tui hậm hực,
Tui ậm ực,
Tui uất,
Tui uất lắm,
Ờ trời ơi là trời :
(Báo Tin sớm số 809 ngày 14-8-1967)*

Hài nhi lai Mèo vớt trôi sông...

*Báo Tin Sớm số thứ hai 4-9,
Đăng một tin ở Ấp Tân-sanh,
Một hài nhi lai Mèo sơ sanh,
Bị vớt bỏ, trôi bập bênh trên sông rạch.
Tội xác bé máu me chưa sạch,
Một đùm nhau chưa cắt, dính tùm lum !
Đồng bào ta trông thấy xót thương giùm,
Vớt xác bé đem trao cùng bệnh viện.
Rồi bác sĩ khám nghiệm.
Rồi cảnh sát truy tìm.
Ai người mẹ nhẫn tâm làm tội ác ?
Riêng Diệu-Huyền nghĩ : mấy ông Cảnh sát
Truy tìm ai ? Lục soát kiếm đâu ra ?
Hỏi biết ai nhân chứng trước quan toà ?
Chiến tranh đó mới chính là thủ phạm.
Nói ra, càng hôi hám,
Việt-nam có chán vạ đưa con lai ?*

Hăm mấy năm chinh chiến quá lâu dài,
Muôn, ức, triệu, trẻ lạc loài, vô tổ quốc !
Nào lai Mỹ, lai Phi, lai Tàu, lai Úc,
Lai Đại-hàn, lai Thái, lúc nhúc lai... và lai.
Đứa mũi cao, đứa mũi xẹp,
Đứa mình ngắn, đứa mình dài,
Đứa tóc đỏ lai rai,
Đứa tóc quăn xoây xoáy ;
Đứa trắng nõn trắng non,
Đứa đen thui như củi cháy !
Đứa oe oe dưới mái tôn.
Đứa rơi rớt trong cầu thang máy.
Muôn, ức, vạn, đứa hài nhi ấy,
Khắp nước Nam từ vĩ tuyến 17 đến Cà-mau,
Dân quốc tế đủ các sắc, các màu,
Mượn đất Việt để chôn nhau cắt rún,
Chúng đang sống hàng bà làng, hồ lớn,
Vì Chiến-tranh, cha của chúng, là tên.
Và Chiến-tranh là thủ phạm, cho nên...
« Thôi, bỏ đi tám » nói càng thêm tức giận !...
(Tạp chí Phổ thông số 200 ngày 1-10-1967)

Diệu-Huyền không hoan nghênh ông Thiệu câu cá

Sau hôm đắc cử Tổng-thống, các báo Việt và ngoại ngữ, có đăng hình Trung-tướng Thiệu đi câu cá trên bãi biển Vũng-tàu, vui mừng câu được con cá thật to.

Huyền cười : « Ông Thiệu đi câu,
Cá ăn đứt nợ, vênh râu ngồi bờ ».
Hoá ra ông Thiệu phát cờ

Về dinh Tổng-thống, thẳng mười ông kia.
Bây giờ nhẩn nhụi râu ria,
Ông Thiệu đặc cử đã « xuya » một trào.
Ông bay ra biển Vũng-tàu,
Câu xem thời vận : một xâu cá kền.
Thế là vận số ông hên,
Trời cho ông được, ông lên cầm đầu
Miền Nam một giải đất màu,
Giang sơn gấm vóc, đất giàu, dân đông.
Nhưng mà, ông hơi là ông,
Việc ông câu cá, Huyền không tán thành.
Cá với nước là duyên lành,
Cá sống trong nước, tung hoành cá bơi.
Thả mồi bắt cá, ông chơi,
Để thân cá chết ông ời, sao đành !
Cá nằm trên thớt hôi tanh,
Tội cho thân cá, khổ tình xiết bao !
Thà rằng « ông Liễu đi câu
Cá ăn đứt nhợ vênh râu ngời bờ »
Chứ ông giống trống phất cờ
Ra oai gìn giữ cõi bờ giang san.
Nỡ nào ông lại giết oan
Con tôm, con tép, con nang, con còng,
Gái Huyền tha thiết xin ông
Thương loài cá biển, cá sông, chim ngàn.
Chớ câu, chớ bắn, phũ phàng,
Kẻ sinh oán hận ngập tràn nước non.
Những loài cạp bố, hùm con,
Những loài mãnh thú, ác ôn hung tà,

Những loài cá mập, cá xà,
Những loài rúc rĩa, đục nhà khoét hang
Những loài rắn rít hổ mang,
Những loài chó sói, sài lang, chuột chù
Những loài sâu mọt kéch xù,
Những loài ruồi muỗi bay vù khắp nơi,
Thì ông cứ giết ông ơi,
Giết sao cho hết tanh hôi cửa nhà,
Giết sao cho sạch sơn hà.
Thì tôi mới phục ông là đáng khen.
Diệu-Huyền phận gái dốt hèn.
Không sức mảy, cũng hết mình hoan hô
Chứ bây giờ,
Dù ông câu được món lời to,
100 con cá chẻm, 1000 lô cá kiềm.
Hay là ông cỡi ngựa kim
Lên rừng bắn được đôi chim Đại-bàng
Thì tôi chẳng dám khen càng
Thương chim, thương cá, phũ phàng, ông ơi !
(Tạp chí Phổ thông số 200 ngày 1-10-1967)

Dâng đức Khổng-tử

(Sài-gòn : Tổng hội Khổng học Việt-nam cho phối hợp với Bộ Văn-hoá tổ chức Khánh-đản Khổng-tử vào hồi 10 giờ sáng thứ năm 28-9 tại Viện Quốc-gia Âm-nhạc, 12 đường Nguyễn Du Sài-gòn)

Diệu-Huyền cúi lạy Đức Khổng-tử
Ngài tha cho con tội « yêu thư yêu ngôn »
Nhưng niềm « lễ nghĩa » con vẫn giữ,
Rất kính phục Ngài là bậc Thánh-nhơn

Triết lý của Ngài bao la trời biển
Đạo đức của Ngài đoan chính thanh liêm
Thanh thế của Ngài ngàn thu vinh hiển,
Uy danh của Ngài vạn đại tôn nghiêm
Nay ngày Thánh-đản
Tệ nữ Diệu-Huyền
Dâng ngài điều trần một bản
Dĩ thực tế vi tiên
Huyền cúi đầu, hề, kính cụ Khổng Khâu,
Thế hệ hai mươi, hề, thời đại hoả tiễn,
Đột sống mới, hề, loạn xạ xà ngầu,
Thụ thụ rất thân, hề, nam nữ biểu diễn
Tam cang ngũ thường, hề, gió cuốn mất tiêu
Quân thần tan nát, hề, hướng chi phụ tử
Phụ phụ rời rạc, hề, như bọt như bèo,
Tứ đức tam tông, hề, kể chi khai tử
Gái « mini jupe », hề, « đẽ-con-lờ-tê »
Hở ngực hở đùi, hề, cho đàn ông ngắm,
Cỡi xe Honda, hề, chạy bay vắng tẻ,
« Xi líp, xu chieng » hề, nhảy ra biển tắm
« Xi-ti-uây » (C.T.Y.) hề, cho không tình yêu,
Gái bán Bar, hề, đeo theo ngoại kiều,
Cười toe toét, hề, đú đa đú đờn,
« Ô-kê Sa-lem » hề, tự đắc hìu hìu,
Gái 14, 15 hề, trốn nhà theo trai,
Trai 16,17 hề bất tuân phụ mẫu
Học trò cao bồi, hề, cầm dao đâm thầy
Băng hữu chi giao, hề, như mã cẩu.
Hành chánh, hề, ăn hối lộ lu bù.

Ứng cử Tổng-thống, hề, cổ động láo toét,
Lừa bịp dân chúng, hề, tưởng đâu dân ngu
Ham uy quyền, hề, để đục khoét,
Công-sản lợi dụng, hề, xã hội rối ren,
Tình hình xôi thịt, hề, thối nát, ôi thối nát,
Tuyên truyền phá rối, hề, chánh trị leng beng,
Gây khủng bố, hề, lựu đạn tàn sát.

Thế cho nên,
Huyền lay Ngài Khổng-tử,
Ước mong Ngài tái sinh,
Để ngài tề gia trị quốc thử,
Cho thiên hạ hoà bình.
Hoạ may có Ngài chỉnh huấn,
Cứu quốc cứu dân.
Mới mong đời Nghiêu, Thuấn
Hoà bình, hạnh phúc, vân vân... !
(Tạp chí Phổ thông số 201 ngày 15-10-1967)

Bà hoả viếng Bộ Văn hoá Giáo-dục

« 3 giờ chiều ngày 29-9, thành linh có lửa phát cháy dữ dội tại tầng lầu 4 của Bộ Văn-hoá Giáo-dục ở số 7, đường Thống-nhất. Một lúc sau, đội Cứu hoả đến đàn áp được ngọn lửa... »

Nghe tin trên đây đăng trong các nhật báo Sài-gòn Diệu-Huyền tức giận mắng bà Hoả :

Bá ngọc bà thần Hoả
Dám đốt Bộ Văn-hoá,
Hả ?
Đế ông Tổng Ủy-viên

Hết hồn... sợ tá hoả !

Hả ?

Đốt đâu không giỏi đốt

Lại đốt Bộ Văn-hoá,

Hả ?

Nơi óc não tài hoa,

Toàn Thi-hào, Thi-bá,

Hả ?

Nơi tụ họp tao nhã

Của các đại ký giả

Của các đại văn nhân

Và các đại học giả,

Sao dám đốt ra tro,

Láo thế, bà thần Hoả,

Hả ?

Bốn ngàn năm văn hoá

Lừng lẫy Đông-nam Á

Có người Tổng Uỷ-viên

Tài cao như Hy-mã,

Trí rộng như biển cả,

Hả ?

Đại diện nước Việt-nam,

Thật là đại danh giá,

Hả ?

Vậy mà dám đốt càn,

Xạc-cờ-rê-cu-son cái bà Hoả !

Hả ?

(Tạp chí Phổ Thông số 201 ngày 15-10-1967)

Vài nét phác hoạ về Tao-đàn Bạch Nga Của Nguyễn Vỹ

Để các bạn có một ít ý niệm về Trường thơ Bạch Nga, chúng tôi xin trình bày sơ lược sau đây :

1) *Người chủ xưởng* : Nguyễn Vỹ.

2) *Xuất xứ* : Đêm Trung-thu năm Bính-tý (30-9-36), trên một gác trọ ở Khâm-thiên (Hà-nội), Nguyễn Vỹ, Trương-Tửu, Mộng-Sơn thành lập *Tao đàn Bạch Nga*, một trường thơ có tính chất và nghệ thuật khác với thơ lúc bấy giờ.

3) *Biểu hiệu tượng trưng* : Lấy hình một loài thủy điểu, Pháp gọi Le Cygne (thiên nga). Để tránh lầm lẫn Hắc Nga, Bạch Nga, nhóm quyết định lấy tên Bạch Nga (loại toàn trắng).

4) *Ý nghĩa biểu hiệu* : Tượng trưng cho Thi-văn thuần túy, tinh khiết như màu trắng của nó, uyển chuyển như dáng điệu của nó.

5) *Tinh thần của Thơ* : Chuộng sự tự nhiên cảm xúc mà phát xuất từ tâm hồn thi nhân, như dòng suối trong vắt từ mạch nguồn tinh khiết chảy ra. Từ những tình cảm tha thiết, thầm kín trong nội tâm, chuyển qua các phù trầm của số kiếp con người, của toàn thể nhân loại, và vươn lên hoà hợp với vẻ thanh tao huyền bí của vũ trụ.

6) *Hình thức và nhạc điệu Thơ* : Hạn định từ 2 chữ đến 12 chữ. Lấy điển hình như bài : *Tiếng sáo đêm khuya, Đêm giao thừa tắm biển, Cám ơn Ngài, Gửi Trương-Tửu* trong tập thơ *Hoang vu*.

(Trích trong *Tuyên ngôn của Tao-đàn Bạch Nga* làm tại Sài-gòn, mùa thu 1962)

T.T.KH.

Đã lâu lắm rồi, suốt khoảng thời gian 30 năm qua, từ năm 1937, trên thi đàn Việt Nam đột nhiên xuất hiện một thi nhân làm chấn động dư luận không ít, người ấy mang bút hiệu T.T.Kh.

Đột hiện rồi đột biến, người ta không biết T.T.Kh là ai ?

Khốn nỗi, T.T.Kh. chỉ lưu lại có bốn bài thơ mà lại là những bài thơ tình lâm ly, chứa đựng nỗi niềm u ẩn của một cô gái đang dậy lòng yêu với một chàng nghệ sĩ, nhưng vì sự khắt khe của gia đình phong kiến, nàng phải xa cách người yêu để đi lấy một ông chồng luống tuổi. Mong đẹp dở dang, mượn mấy dòng thơ, nàng kêu lên những tiếng bi thương gợi cảm.

Thế là thiên hạ đổ xô đi tìm người con gái đáng thương ấy. Nhiều khách yêu thơ đa tình nhôn nhao lên cho rằng T.T.Kh. là người yêu của mình, rồi lên tiếng đáp lại xôn xao ; ngoài Thâm-Tâm, còn có Nguyễn-Bính (xin tham khảo bài *Giòng dư lệ* trong phần thi tuyển Nguyễn-Bính, thi nhân đã cảm hứng viết nên để tặng T.T.Kh. sau khi đọc *Bài thơ thứ nhất*), J.Leiba cũng thốn thức không kém và bao nhiêu người thích mơ màng cái hình bóng chơi vơi ấy đã gây ra một trường náo động.

Từ dạo ấy đến nay, T.T.Kh. đã làm cho nhiều người thắc mắc về thân thế của nàng. Người ta chỉ biết mơ tưởng về nàng với tên T.T.Kh. Có người cho rằng đó là *Trần Thị Khánh*, lại có người bảo rằng T.T.Kh. tên thật là : *Thâm-Tâm Khánh*.

Sở dĩ có tên Thâm-Tâm-Khánh vì một số khách yêu thơ luận cứ vào những bài thơ của Thâm-Tâm như các bài : *Gửi T.T.Kh*, *Dang dở*, *Màu máu ty-gôn* v.v... (xin xem phần nói về Thâm-Tâm) nhất là bài *Gửi T.T.Kh*, Thâm-Tâm nhắc đến tên một người con gái là Khánh, và cũng vì lẽ đó nên người ta cho rằng T.T.Kh là Khánh.

Chúng tôi xin trích ra đây một vài đoạn thơ trong bài *Gửi T.T.Kh.* để các bạn hiểu thêm :

*Miệng chồng Khánh gấn trên môi,
Hình anh mắt Khánh sáng ngời còn mơ.*

hoặc :

*Góp hai thứ tóc đôi đầu,
Sao còn đan nối những câu tâm tình,
Khánh ơi ! Còn hỏi gì anh
Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng.*

Chính bài thơ này, nhiều người đã căn cứ vào những câu của thi sĩ Thâm-Tâm nhắc đến mà người ta gán cho T.T.Kh. là Thâm-Tâm-Khánh.

Trở lại phần đầu, chúng tôi xin trình bày sự xuất hiện của T.T.Kh trong làng thơ tiền chiến.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 1937, trên tuần báo *Tiểu bầy thuyết thứ bảy* số 174 xuất bản tại Hà-nội có đăng một tiểu thuyết tựa đề : *Hoa ty-gôn*, tác giả là ông Thanh-Châu. Nội dung kể lại mối tình ngang trái giữa một chàng nghệ sĩ và nàng thiếu nữ. Câu chuyện gợi lại mối xúc cảm đến tình xưa của người thiếu phụ từng yêu một người và đã trao lời gấn bó dưới dàn hoa ti-gôn. Nhưng rồi chàng trai ra đi ; nàng ở lại nhận một cuộc hôn nhân gượng ép. Tiếng lòng của nàng được ghi lại thành tiếng thơ như để giải toả niềm tâm sự.

Sau báo phát hành chẳng bao lâu, toà soạn nhận được của người thiếu phụ trạc 20 tuổi, hình dáng bé nhỏ, vẻ thùy mị, nét mặt u buồn, mang đến một phong bì dán kín gửi cho ông chủ bút, trong ấy chỉ gọn có bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn* dưới ký tên T.T.Kh.

Khi thiếu phụ đi rồi, toà soạn xem thơ nhận thấy thi phẩm ghi lại cảnh tình đáng thương tâm, nhưng người ta chỉ nhớ lơ mờ hình ảnh thiếu phụ. Có

thể nói đây là lần thứ nhất thiếu phụ xuất hiện và cũng là lần cuối cùng. Rồi từ đó, khoá chặt tung tích của « người con gái vườn Thanh ».

Trong bài *Hai sắc hoa ty-gôn* tác giả đã thuật lại một câu chuyện tình tan vỡ giữa nàng và chàng nghệ sĩ trót đã yêu nhau, song hoàn cảnh trái ngang, nàng phải gạt nước mắt nên duyên cùng người khác – một ông chồng luống tuổi – để rồi tan nát tâm tư mỗi khi nhớ lại những kỷ niệm êm đềm của một thời quá khứ mà giờ đây không bao giờ nàng gặp lại.

Về lai lịch ông chồng luống tuổi của T.T.Kh, trong thiên hồi ký xưa ông Anh-Đào đăng trong *Nhân loại* bộ mới số 108 tháng 7 năm 1958, cho chúng ta biết như sau :

« Giờ đây, trở lại với T.T.Kh. một điều mà chúng ta cũng nên biết rõ là người *chồng bất đắc dĩ* của T.T.Kh. là *Nghiêm* (ông Thanh-Châu trong *Tiểu thuyết tuần san* số 82 ngày 12-3-1964 đã quả quyết chồng T.T.Kh tên *Nghiêm*, LNS) nên trong thơ có một vài chữ *Nghiêm* làm ta cần chú ý. Nàng dùng chữ thật là... táo bạo, nhưng lại rất đứng đắn. Ta không còn có thể đổi tiếng nào hơn và đứng đắn với lòng nàng hơn, những tiếng : *lồng Nghiêm*, *trăng Nghiêm*, *chồng Nghiêm* hay *buồng Nghiêm* nữa :

*« Ngoài trời mưa gió xôn xao,
Ai đem khóa chết chim vào lồng nghiêm ! »*

*« Từ đấy không mong, không dám hẹn,
Một lần gặp nữa dưới trăng nghiêm ».*

*« Biết đâu tôi, một tâm hồn héo
Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi ».*

(Bài thơ thứ nhất)

*« Buồng nghiêm thờ thần hồn eo hẹp,
Đi nhớ người không muốn nhớ lời. »*

(Bài thơ cuối cùng)

Bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn*³⁸ chính thức chào đời vào năm 1937. Sau khi bài thơ này được đăng báo, tòa soạn *Tiểu thuyết thứ bảy* lại nhận được bằng đường bưu cuộc các tác phẩm khác cũng mang tên T. T. Kh. đó là những bài :

- *Bài thơ thứ nhất*
- *Đan áo cho chồng* (riêng đăng ở *Phụ nữ thời đàm*)
- *Bài thơ cuối cùng*.

Từ đó về sau người ta không còn gặp thơ của T. T. Kh. nữa, và theo dư luận, người ta không hiểu sao bài *Hai sắc hoa ty-gôn* lại xuất hiện trước *Bài thơ thứ nhất*.

Sự nghiệp thi ca của T. T. Kh. vốn vẹn có 4 bài thơ, nhưng đã làm dư luận thời ấy bàn tán không ít.

Từ lúc T. T. Kh góp mặt vào làng thi ca tiền chiến, nhiều người đã bỏ bao nhiêu công phu đi tìm một sự thật về T. T. Kh. Tác giả *Hai sắc hoa ty-gôn* đã làm cho các nhà văn, nhà báo tốn hao nhiều giấy mực nhưng vẫn không biết gì hơn.

Có người đã bỏ công đi điều tra những người họ Nghiêm hoặc tên Nghiêm ở miền Bắc, có vợ họ Trần, nhưng hoài công. Chỉ là chuyện mò trăng đáy nước.

Đặt lại vấn đề của thi sĩ Thâm-Tâm, như trên đã nói, người ta chỉ căn cứ vào những bài thơ của ông mà cho rằng T. T. Kh là tình nhân của Thâm-Tâm, và cũng vin vào lý đó, mọi người tin rằng T. T. Kh là Thâm-Tâm-Khánh. Sở dĩ có vấn đề này vì sau khi bài thơ đầu tiên *Hai sắc hoa ty-gôn* và *Bài thơ thứ nhất* của T. T. Kh. ra đời, liền đó, vào ngày 4 tháng 5 năm 1940 cũng trên *Tiểu thuyết thứ bảy* số 307 người ta bắt gặp bài thơ *Gửi T.T. Kh* của Thâm-Tâm.

Bài thơ này thi sĩ Thâm-Tâm đã gián tiếp cho mọi người biết tên Kh. là Khánh. Với cái tựa *Gửi T. T. Kh* nên mọi người càng thấy rõ Thâm-Tâm nói đến Khánh – tên người con gái trong thơ – không ai khác ngoài T. T. Kh. Và lại, bài này mang một nội dung trách móc, thở than cho một câu chuyện tình :

*Tiếng xe trong vết bụi hồng.
Nàng đi thuở ấy, nhưng trong khói mờ.
Tiếng xe trong xác pháo xưa,
Nàng đi có mấy bài thơ trở về.
(Gửi T. T. Kh. – Thâm-Tâm)*

trong các bài thơ của T. T. Kh. bài *Đan áo cho chồng*, có đoạn viết :

*Vẫn còn thấy lạnh trong tim
Đan đi, đan lại, áo len cho chồng.*

... ..

*Tháng ngày miễn cưỡng em đan
Kéo dài một chiếc áo len cho chồng.*

thì trong bài *Gửi T. T. Kh*, Thâm-Tâm lại thổ lộ :

*Từ ngày đàn chia đường tơ,
Sao tôi không biết hững hờ nàng đan.
Kéo dài một chiếc áo len,
Tơ càng đứt mối, nàng càng nổi dây.
Nàng còn gỡ mãi trên tay,
Thì tơ duyên mới đã thay hăn màu.*

hoặc :

*Em về đan nốt tơ duyên
Vào tà áo mới đừng tìm duyên xưa.*

Với các điểm tương quan như thế làm sao người ta không tin cho được.

Ngoài ra không phải chỉ có một bài thơ *Gửi T. T. Kh.*, Thâm-Tâm mới nói đến câu chuyện tình của tác giả với tên Khánh – mà người ta thậm hiểu là T. T. Kh. – thật ra còn nhiều bài thơ khác, Thâm-Tâm cũng nhắc đến như trong *Màu máu ty-gôn*.

Thâm-Tâm viết :

*Quên làm sao được thuở ban đầu,
Một cánh ty-gôn dạ khắc sâu.
Một cánh hoa xưa màu hy vọng
Nay còn dư ảnh trái tim đau.*

ở phần chót của bài thơ này Thâm-Tâm lại kết thúc bằng những câu :

*Anh biết làm sao được hồi trời ?
Dứt tình bao nữ, nhớ không thôi !
Thôi em hãy giữ cành hoa úa,
Kỷ niệm ngàn năm một cuộc đời.*

Bao nhiêu điều đó càng làm cho mọi người quả quyết T. T. Kh. chính là tình nhân của thi sĩ Thâm-Tâm và tên T. T. Kh. là do hai tên Thâm-Tâm và Khánh ghép lại.

Gần đây nguyệt-san *Triều sóng xanh* xuất bản tại Cần-thơ, trong số ra mắt tháng 3 năm 1966, nơi trang 24, có đăng bài *T. T. Kh, Người là ai ?* của Thạch-Hồ, ở bài này ông Thạch-Hồ dẫn chứng bằng một bài báo khác của ông Giang-Tử (tác giả bài đăng trên nhật báo) đã xác nhận : « T. T. Kh. là nhân tình của Thâm-Tâm, và tên nàng là Khánh, Trần thị Khánh. »

Chúng tôi xin trích nguyên văn của ông Thạch Hồ :

« Gần đây hơn, trong một nhật báo (tôi không nhớ rõ tên vì đã mất tài liệu) Giang-Tử đã « thử trở lại một nghi án tao đàn giữa đôi giòng dư lệ ». Ông này (ông Giang-Tử) vẫn không làm cho chúng ta thỏa mãn vì cũng xoay quanh câu chuyện tình giữa T. T. Kh và Thâm-Tâm cùng Nguyễn-

Bính. Có điều đặc biệt là ông đã kể lại câu chuyện gặp gỡ giữa mình (ông Giang-Tử) với thi sĩ Tế-Hanh vào tháng 11 năm 1944 trong chuyến xe đi Quảng-ngãi : « *Tế-Hanh cho biết T. T. Kh chính là Trần thị Khánh, người em gái đồng tông với mình ở Thanh-hóa, và kể rõ thiên tình hận giữa nàng và thi sĩ Thâm-Tâm.* »

Một đoạn khác ông Thạch-Hồ cũng cho biết như sau : « T. T. Kh. là một nhân vật có thật đã đôi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm-Tâm tại phố Khâm-thiên lúc này cùng ở chung với Nguyễn-Bính và Trần-Huyền-Trân. »

Ngoài ra trong « Thi-tuyển I » của nhà xuất bản của Ly Tao, ở tập đầu tiên, *Những bài thơ tình hay nhất*, tác-giả là ông Y-Châu cũng có đoạn nói về T. T. Kh như sau :

« Có dư luận cho rằng T. T. Kh là một người thật đã có đôi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm-Tâm tại ngôi nhà của Thâm-Tâm ở phố Khâm-thiên. »

Những điểm này đã xác nhận được phần nào về bí ẩn chung quanh tên T. T. Kh.

Cuối cùng, một điểm khác là chúng ta còn nhớ trong bài *Màu máu ty-gôn*, Thâm-Tâm có nhắc đến tên người con gái mình yêu bằng chữ K viết tắt :

*K...hỡi ! người yêu của tôi ơi !
Nào ngờ em giết chết một đời !
Dưới mồ đau khổ anh ghi nhớ
Hình ảnh em hoài, mãi thế thôi !*

Đến đây, lại rắc rối thêm, trong báo « Chuông mai », ông Tân-Đạt-Dân cho biết sau này khi hay tin thi sĩ Thâm-Tâm qua đời, T. T. Kh lại làm bài thơ « *Trả lại cho đời cánh hoa tim* ». Bài thơ này hàm súc nhiều yêu thương lẫn nước nỡ, ghen ngào, thương tiếc cho một cuộc đời. Có đoạn T. T. Kh viết như sau :

*« T... hồi người yêu của tôi ơi !
Hồn thiêng anh ở tận phương trời.
Biết chẳng muôn thuở tình cam hận,
Tình chết em mang lại cõi đời. »*

Đọc thử hai đoạn, chúng ta sẽ thấy ngay câu đầu tiên đều viết tắt : K... T..., lời thơ chất chứa nỗi thương tiếc, u buồn. Điểm này làm cho nghi vấn Thâm-Tâm là tình nhân của T. T. Kh. càng thêm vững chắc.

Tuy nhiên, trên đây chỉ là giả thuyết, còn sự thật vẫn chưa ai xác nhận, mặc dù đã có trường hợp của ông Giang-Tử quả quyết là Tế-Hanh xác định « T. T. Kh là em gái đồng tông của mình, là nhân tình của thi sĩ Thâm-Tâm. »

*

Bây giờ chúng ta thử đi qua tâm hồn của người con gái vườn Thanh độ nọ.

Ta thấy cô gái ấy thuở đang phơi phới lòng xuân, tâm hồn đến thể chất còn giữ được bản sắc thiên nhiên ngây thơ, trong trắng, chưa vẩn tí bụi đời ; rồi cũng như mọi sinh vật tuân lệnh của định luật sinh lý, nàng đang chờ đợi để cất bước đầu tiên trên muôn dặm đường tình :

*Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn,
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đương.*

Có ngờ đâu vừa khởi hành trên đường mộng là nàng đã vấp phải hố đau thương :

*Thuở trước lòng tôi phơi phới quá,
Lòng thơ nguyên vẹn một làn hương,
Nhưng nhà nghệ sĩ từ đâu lại*

Êm ái trao tôi một vết thương.

Trong khi đôi cánh chim hồn sắp sửa tung bay trên khoảng rộng trời yêu, chàng nghệ sĩ tài hoa đã hiểu được đôi chút nghĩa đời lại tỏ ra nhiều trầm tư ; có lẽ chàng nghĩ đến sự ngăn cách bởi nho phong lễ giáo, những tập tục ngàn xưa đã dựng sẵn bức cố thành « môn đăng hộ đối », một chướng ngại vật lớn lao đối với con người nghệ sĩ nghèo nàn, cho nên đôi khi chàng thoáng lộ vẻ buồn như để che đậy một viễn ảnh đen tối của ái tình :

*Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thở dài trong lúc thấy tôi vui,
Bảo rằng : « Hoa, đáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi. »*

Đắm mình trong không khí ấm dịu, tiếp nhận được cảm xúc mới lạ của tình yêu, nàng thả tim lòng bồng nỡ vạm hương hoa. Nàng đã ngây thơ, vô tư lự :

*Thuở đó nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan tác của sinh ly.
Cho nên cười đáp : « Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy. »*

Nào hay đâu buổi gặp mặt chiều thu độ ấy là lần cuối cùng. Người nghệ sĩ cất bước lưu ly, để lại cô gái vừa ngấm chất yêu bỗng nhiên cảm thấy cô đơn, trống trải. Đây, ta hãy xem hình ảnh tro trọi thương tâm :

*Ở lại vườn Thanh có một mình,
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh ;
Yêu trăng lạnh lẽo rơi trên áo ;
Yêu cánh chim sa nắng lướt màn.*

Gió rụng. Canh tàn. Trăng lạnh. Chim sa. Cảnh vật ra chiều đổ xuống và dần tắt lịm mọi niềm hy vọng ấm êm. Ta thấy vạn vật như đồng tình bao

phủ một màu thê lương và xâm chiếm ngay tâm hồn đang trống lạnh của nàng để hòa cùng vạn vật. Có lẽ tôi đã không khéo diễn tả hết tâm trạng của người con gái vườn Thanh lúc bấy giờ ; vậy xin mượn câu thơ của thi sĩ J. Leiba để hỗ trợ : « *Cảnh cũng như người chung mối hận.* » (J. Leiba)

Đế rồi sau đó, định mệnh khắt khe đánh đổ mộng đời. Nàng không thể cưỡng nổi mệnh lệnh của gia đình nho phong, lễ giáo, cam lòng tự giết đời mình :

*Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi ! người ấy có buồn không ?
Có thềm nghĩ tới loài hoa vỡ
Tựa trái tim phai tựa máu hồng.* ³⁹

Cuộc hôn nhân gượng ép đã tạo ra một diễn tiến gò bó ; tâm hồn nàng đã trao trọn cho người yêu, thể xác chỉ còn là một món hàng đánh đổi. Cuộc miễn cưỡng hòa tấu ái tình đã khiến cho hai linh hồn tẻ nhạt, xa cách. Hạnh phúc đã vỗ cánh bay đi tự lúc nào :

*Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời.
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi.
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tâm bóng một người.
Cho nên nàng cũng không làm lạ gì :
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ...
Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.*

Sự kiện đã đưa chồng nàng tìm sinh thú mới. Nàng nghĩ đến lúc phải chịu đựng hai thứ giá lạnh trong tâm hồn và ngoài cuộc sống với chồng. Ta hãy nghe nàng kể lẽ kêu thương :

*Và một ngày kia tôi phải yêu,
Cả chồng tôi nữa lúc đi theo
Những cô áo đỏ sang nhà khác.*

Gió hồi ! Làm sao lạnh rất nhiều.

Sự tơ tưởng người xưa đã khiến chồng nàng có phản ứng trên. Đôi khi nàng cũng tỏ ra dè dặt :

*Từ đây không mong, không dám hẹn
Một lần gặp nữa dưới trăng nghiêm.*

nhưng nàng tin chắc ở chốn xa xăm vẫn có một bóng yêu đang ấp ủ tim lòng với nàng :

*Nhưng tôi vẫn chắc nơi trời lạ,
Người ấy ghi lòng ; vẫn nhớ em,*

hoặc :

*Tuy thế, tôi tin vẫn có người
Thiết tha theo đuổi nữa, than ôi !
Biết đâu tôi một : linh hồn héo,
Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi !*

Nàng đã trải qua bao sóng gió ray rức của con tim ; hồn và thể không cùng chung một nẻo ; như thế sẽ giết chết lần mòn đời nàng :

*Đẹp gì một mảnh lòng tan vỡ
Đã bọc hoa tàn dấu xác xơ !
Tóc úa giết dần đời thiếu phụ,
Thì ai trông ngóng, chả nên chờ.*

*

Nếu người ta thay đổi được tình yêu thiêng liêng trong mỗi tình đầu như một món đồ nhân tạo, tất nhiên người con gái vườn Thanh sẽ sống hạnh phúc trong duyên mới của cái « định mệnh nhân tạo » ấy thì làm gì chúng ta « thưởng thức » được tiếng lòng bi thương, gợi cảm.

Chúng ta phải thâm phục kỳ công xảo diệu của Hóa-công đã bí mật đặt vào cung lòng người phụ nữ một sự thủy chung như nhất để ràng buộc ái tình trong guồng máy màu nhiệm của định luật sinh lý. Tiếc thay ! Với cơ trí của con người, người ta cố gắng chế tạo những khuôn sáo mẫu mực để bóp méo mó đời sống thiên nhiên. Những sản phẩm xã hội : lễ giáo nho phong, tập tục, thành kiến cổ xưa nào là môn đăng hộ đối, quân bình giai cấp, tương đối giá trị v.v... đã là những áp lực tàn bạo làm tan rã bao cuộc tình duyên mộng ước.

Đành rằng tuổi trẻ vẫn có sự sai lạc khi lựa chọn ái tình. Đến khi cần, người ta chỉ biết thực hiện hôn nhân theo sự hiểu biết riêng tư mà họ cho là tốt đẹp, dường như họ đang làm một cuộc hôn nhân cho nhà cửa, cho đất đai, cho những danh từ trừu tượng bóng bẩy đáng cho họ hãnh diện mà không cần nghĩ đến khía cạnh yêu đương, chà đạp lên mọi tình cảm, để bao nhiêu mái đầu xanh cam chịu « phận gái mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu ».

Lắm lúc trong những buổi trà dư tửu hậu, hứng thú lên cao độ, người ta đã vô đoán đặt để hôn nhân một cách máy móc khi những « hình nhục » (!) vừa đủ khả năng làm ái tình, rồi gạt bỏ mọi tình yêu mà họ cho là « ấu trĩ » ; nhưng ít ai thấy họ lưu tâm chỉ dạy con cái cách thức lựa chọn ái tình. Đến khi tim lòng non trẻ rung động theo chiều hướng cảm quan thích hợp với tâm hồn thì họ vội cho là sai lạc, là không đúng cách ; họ tức tốc bẻ ngoặt ái tình theo ý muốn như người ta uốn nắn cây kiểng. Sinh vật mà họ cố ép cho sống một cách èo uột trong cái chậu con gò bó như thực vật. Đã không may giáo dục về sinh lý, chừng đụng phải việc đã rồi người ta không chịu tìm kiếm giải pháp trung dung để cứu chữa, mà chỉ giữ đúng tinh thần bảo thủ là áp dụng biện pháp mâu thuẫn, nên đã khiến bao trai gái thanh xuân đành chôn chặt kiếp đời vào ngục tối đau thương, nơi đây họ héo hắt thể xác, tàn úa tâm hồn.⁴⁰

(Ấn bản kỳ nhì, 7-1968)

THI TUYỂN

Hai sắc hoa ty-gôn

Một mùa thu trước, mỗi hoàng hôn
Nhặt cánh hoa rơi chẳng thấy buồn,
Nhuộm ánh nắng tà qua mái tóc,
Tôi chờ người đến với yêu đương.

Người ấy thường hay ngắm lạnh lòng
Dải đường xa vút bóng chiều phong,
Và phương trời thăm mờ sương, cát,
Tay vít dây hoa trắng cạnh lòng.

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,
Thở dài trong lúc thấy tôi vui,
Bảo rằng : « Hoa, đáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi ! »

Thuở đó, nào tôi đã hiểu gì
Cánh hoa tan tác của sinh ly,
Cho nên cười đáp : « Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy. »

Đâu biết lần đi một lỡ làng,
Dưới trời gian khổ chết yêu đương.
Người xa xăm quá ! – Tôi buồn lắm,
Trong một ngày vui pháo nhuộm đường...

Từ đây, thu rồi, thu lại thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ ?
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ...

Người ấy, cho nên vẫn hững hờ.
Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi,
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tim bóng « một người ».

Buồn quá ! hôm nay xem tiểu thuyết
Thấy ai cũng ví cánh hoa xưa
Nhưng hồng tựa trái tim tan vỡ.
Và đỏ như màu máu thấm pha !

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi
Một mùa thu trước rất xa xôi...
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã,
Làm lỡ tình duyên cũ mất rồi !

Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,
Chiều thu, hoa đỏ rụng. Chiều thu
Gió về lạnh lẽo chân mây vắng,
Người ấy ngang sông đứng ngóng đò.

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,
Trời ơi ! Người ấy có buồn không ?
Có thầm nghĩ tới loài hoa... vỡ
Tựa trái tim phai, tựa máu hồng ?
(Tiểu thuyết thứ bảy, số 179, 30-10-1937)

LNS. Sau này thi sĩ J. Leiba, một người thất vọng khổ đau vì tình cùng chung một tâm sự với T. T. Kh. thi sĩ chép nguyên bài *Hai sắc hoa ty-gôn* đăng trong *Ngọ báo*, dưới đó là bài thơ của J. Leiba mở đầu bằng :

Anh chép bài thơ tựa trái tim
Của người thiếu phụ lỡ làng duyên
- Lời thơ tuyệt vọng ca đau khổ.

Yên ủy anh và để tặng em.

(J. Leiba)

Bài thơ thứ nhất

*Thuở trước hồn tôi phơi phới quá,
Lòng thơ nguyên vẹn một làn hương...
Nhưng nhà nghệ sĩ từ đâu lại,
Êm ái trao tôi một vết thương.*

*Tai ác ngờ đâu gió lạ qua,
Làm kinh giấc mộng những ngày hoa,
Thối tan tâm điệu du dương trước
Và tiễn Người đi bến cát xa.*

*Ở lại vườn Thanh có một mình,
Tôi yêu gió rụng lúc tàn canh ;
Yêu trăng lặng lẽ rơi trên áo,
Yêu bóng chim xa, nắng lướt màn.*

*Và một ngày kia tôi phải yêu
Cả chồng tôi nữa lúc đi theo
Những cô áo đỏ sang nhà khác,
- Gió hơi ! làm sao lạnh rất nhiều ?*

*Từ đây không mong, không dám hẹn
Một lần gặp nữa dưới trăng nghiêm,
Nhưng tôi vẫn chắc nơi trời lạ,
Người ấy ghi lòng : « vẫn nhớ em ! »*

*Đang lúc lòng tôi muốn tạm yên,
Bỗng ai mang lại cánh hoa tim
Cho tôi ép nốt dòng dư lệ
Rỏ xuống thành thơ khóc chút duyên ?*

Đẹp gì một mảnh lòng tan vỡ
Đã bọc hoa tàn dấu xác xơ !
Tóc úa giết dần đời thiếu phụ...
Thì ai trông ngóng, chả nên chờ !

Viết đoạn thơ đầu lo ngại quá
Vì tôi còn nhớ hẹn nhau xưa :
- « Cố quên đi nhé, căm mà nín
Đừng thở than bằng những giọng thơ ! »

Tôi run sợ viết ; lặng im nghe
Tiếng lá thu khô siết mặt hè
Như tiếng chân người len lén đến.
- Song đời nào dám gặp ai về !

Tuy thế, tôi tin vẫn có người
Thiết tha theo đuổi nữa, than ôi !
Biết đâu... tôi : một tâm hồn héo,
Bên cạnh chồng nghiêm luống tuổi rồi !
(Tiểu thuyết thứ bảy, số 182, 20-11-1937)

Đan áo cho chồng

« Chị ơi ! Nếu chị đã yêu,
Đã từng lỡ hái ít nhiều đau thương,
Đã xa hẳn quãng đời hương,
Đã đem lòng gởi gió sương mịt mù.

Biết chăng chị ? Mỗi mùa đông,
Đáng thương những kẻ có chồng như em.
Vẫn còn thấy lạnh trong tim,
Đan đi đan lại áo len cho chồng.

Như con chim hót trong lồng,

Hạt mưa nó rụng bên song bờ thờ.
Tháng ngày nổi tiếng tiêu sơ,
Than ôi ! Gió đã sang bờ ly tan...
Tháng ngày miễn cưỡng em đan,
Kéo dài một chiếc áo len cho chồng.
Như con chim nhốt trong lồng,
Tháng ngày mong đợi ánh hồng năm nao !
Ngoài trời mưa gió xôn xao,
Ai đem khóa chết chim vào lồng nghiêm ?
Ai đem lễ giáo giam em ?
Sống hờ trợn kiếp trong duyên trái đời...
Lòng em khổ lắm chị ơi !
Trong bao tủi cực với lời mĩa mai.
Quang cảnh lạ, tháng năm dài,
Đêm đêm nghĩ tới ngày mai giật mình ! »
(Phụ nữ thời đàm)

Bài thơ cuối cùng

Anh hồi tháng ngày xa quá nhỉ ?
Một mùa thu cũ, một lòng đau...
Ba năm ví biết anh còn nhớ,
Em đã cầm lời, có nói đâu !
Đã lỡ, thôi rồi ! chuyện biệt ly,
Càng khơi càng thấy lụy từng khi.
Trách ai mang cánh « ty-gôn » ấy,
Mà viết tình em, được ích gì ?
Chỉ có ba người đã đọc riêng,
Bài thơ « đan áo » của chồng em.

Bài thơ « đan áo » nay rao bán,
Cho khắp người đời thốc mách xem...
Là giết đời nhau đấy, biết không ?
...Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung,
Giận anh, em viết dòng dư lệ,
Là chút dư hương : điệu cuối cùng !
Từ đây, anh hãy bán thơ anh,
Còn để yên tôi với một mình,
Những cánh hoa lòng, hừ ! đã ghét,
Thì đem mà đổi lấy hư vinh.
Ngang trái đời hoa đã úa rồi,
Từng mùa gió lạnh sắc hương rơi...
Buồng nghiêm thờ thần hồn eo hẹp,
Đi nhớ người không muốn nhớ lời !
Tôi oán hờn anh, mỗi phút giây,
Tôi run sợ viết, bởi rồi đây
Nếu không yên được thì tôi... chết
Đêm hơi ! làm sao tối thế này ?
Năm lại năm qua cứ muốn yên
Mà phương ngoài gió chẳng làm quên ;
Và người vỡ lẽ duyên thâm kín,
Lại chính là anh ? anh của em !
Tôi biết làm sao được hơi trời ?
Giận anh, không nở ! nhớ không thôi !
Mưa buồn, mưa hắt, trong lòng ướm...
Sợ quá đi, anh... « có một người » !
(Tiểu thuyết thứ bảy, số 217, 23-7-1938)

*

LNS. Ty-gôn là loài hoa « độc » thật. Với cái dáng dấp và màu sắc quyến rũ đa tình, nó đã là điềm gở báo hiệu cuộc ly tan của mối tình giữa người con gái vườn Thanh và chàng nghệ sĩ.

Đây, chúng tôi xin giới thiệu một khuôn mặt khác đã đắm đuối trong hình sắc của « linh hoa ».

Hoa ty-gôn

Bảo rằng : hoa dáng như tim vỡ

Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi !

(T. T. Kh. Mến tặng Tuyền)

Chiều xưa qua nhà anh mang cho

Chùm hoa ty-gôn xui em mơ ;

Vui cười em ôm hoa vào lòng

Và em tìm ra bao vần thơ.

Chiều nay sao lòng em vương buồn

Mong chờ anh và hoa ty-gôn

Chùm hoa trên bàn hầu như tàn

Xa anh hoa sầu, em sầu hơn.

Anh ơi ! giờ đây ngoài biên cương

Anh đang xông pha nơi sa trường.

Chiều xưa anh đi ba năm rồi,

Không lời, không thư, buồn vương vương,

Hình anh cho em đã phai màu

Em không nhìn ra anh em đâu

Bình sinh anh thường ưa hoa này

Hôm nay nhìn hoa em sầu đau.

Cầu trời cho em luôn gần anh

Nhưng trời cao hơn tầng mây xanh.

*Bên anh, em đan toàn len hồng
Bên anh, em ngồi chờ trăng thanh.*

*Bên anh, em vun hoa trong vườn
Cho nhà chen đầy, ôi muôn hương
Bên dàn tre che phòng anh nằm
Em trồng cho nhiều cây ty-gôn.*

*Trồng nhiều ty-gôn ngay bên thềm
Xây quanh phòng anh làm thành rèm
- Anh ơi sao lòng em bồn chồn
Hay là vì yêu hoa hình tim !
(Vân-Anh, *Phổ thông bán nguyệt san*)*

LNS. Đây nữa, những người thích mơ màng – không phải bóng sắc ty-gôn – mà là tiếng đồng vọng của người lụy với ty-gôn tức T. T. Kh.

Tài liệu dưới đây, chúng tôi nhật trong báo *Phổ thông*, số 16 (1959) xin cống hiến bạn đọc.

« Nhân đọc *Phổ thông* số 16, tôi được biết ông sắp cho phát hành số *Phổ thông* đặc biệt *Trung-thu*, tôi mạo muội gửi đến ông « Thu ngục thất » sau đây.

Thưa ông,

*Vì một lý do riêng, tôi không thể xưng tên và địa chỉ của tôi, nhưng xin ông tin tưởng rằng dù ở trong một hoàn cảnh chật hẹp, chúng tôi vẫn tìm hiểu ông qua báo *Phổ thông*.*

*Chúng tôi sẽ tiếp tục gửi bài vở đến quý tòa soạn, nếu được ông trả lời trên mặt báo *Phổ thông*. »*

Nay kính
T. T. Kh.

Thu ngục thất

(Gửi Tâm)

*Biệt ly nào phải quan hà.
Thu về nắng tắt, đã là biệt ly,
Xuân tàn nhớ độ xuân thì.
Nắng tàn nhớ bóng tà huy cuối trời.
Thu về lá đổ rơi... rơi.
Thu về ủ lạ men đời lòng tôi.
Nghẹn ngào nói chẳng nên lời.
Ngại ngừng thăm gọi một trời nhớ thương.
Thu đi trên vạm vỡ đường.
Tôi nhìn qua bốn bức tường tìm thu.
Tìm đâu trong cảnh thân tù.
Tìm đâu cánh nhạn mịt mù hoài mong.
Thu say cỏ nội hoa đồng
Tôi ngồi bấm đốt đếm dòng thời gian.
Gió thu trút ngọn lá vàng.
Mây thu từng lớp nhịp nhàng về đâu.
Trời thu tê tái một màu,
Trăng thu hờ hững gọi sầu cô miên.
Ngày thu ai để lỡ duyên.
Ý thu là nỗi ưu phiền đời tôi.
Tình thu nước nở thành lời.
Tiếng thu có thấu tai người hay chẳng !*

(T. T. Kh.)

Lời tòa soạn : Chúng tôi đăng bức thư và bài thơ trên đây mà không biết T. T. Kh là ai ? Vậy chúng tôi yêu cầu tác giả cho bạn đọc biết thực hơn

để tránh sự lầm lẫn với T. T. Kh. tác giả bài thơ « Hai sắc hoa ty-gôn. Xin thành thật cảm ơn. » (Phổ thông)

Và dưới đây cũng lại là một T. T. Kh. nữa (LNS)

Tan vỡ

*Một phút gần nhau cũng đủ rồi,
Nên cười đứng trước cảnh chia phôi.
Ngày về mong bạn đừng mong nhớ,
Mây ước duyên hờ có thể thôi.*

*Hợp tan thường lệ có gì đâu,
Bạn hãy quên đi chớ vướng sầu.
Đành lẽ Bắc Nam người mỗi ngả.
Xa nhau rồi nữa sẽ gần nhau.*

*Nhớ tiếc làm chi để bận lòng,
Chắc gì gặp gỡ nữa mà mong.
Quên đi bạn – Cố quên đi nhé !
Tiếng gọi xa xăm của cõi lòng,
Thôi nhé đường đời đã biết nhau,
Thà rằng quên trước khỏi quên sau.
Đa mang chi nữa tình mây nước
Để mặc sương sa bạc mái đầu.
(T. T. Kh., Trích báo Tiến thủ, 1958)*

Chúng ta không phải dẫn đo gì mà bảo ngay rằng hai T. T. Kh. trên đây không phải là T. T. Kh. ở vườn Thanh, bởi kỹ thuật và ý thơ chưa đạt đến mức độ rung cảm của cõi lòng thật sự đau thương.

THÂM-TÂM (1917-1948)

THÂM-TÂM tên thật là Nguyễn tuần Trình, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1917, tại Hải-dương (Bắc-phần). Thâm-Tâm từng viết trên các báo : Bắc Hà, Tiểu thuyết thứ bảy, Tiểu thuyết thứ năm, Truyền bá, Ngày nay qua các tác phẩm sau đây :

- Mùa đông (đoản văn, T.T.T.B số 242, 14-1-1939)
- Lời con trẻ (truyện ngắn, T.T.T.B số 283, 4-11-1939)
- Lá quạt hoa quỳnh (T.T.B.B số 416)
- Lòng ta đầy sắc tím (truyện tâm tình, T.T.T.B. số 429)
- Thiếp trông chàng (truyện ngắn, T.T.T.B. số 433, 3-10-1942)
- Người đẹp (Truyện ngắn, Tiểu thuyết thứ bảy số 440, 21-11-1942)
- Bông lan trần mộng (T.T.T.B. số 440, 441, 442, 1942)
- Tặng người yêu thơ (truyện ngắn, T.T.T.B. số 451, 6-3-1943)
- Vương một chút thương ai (truyện ngắn, T.T.T.B. số 456, 10-11-943)
- Hiếu khách (truyện ngắn, T.T.T.B. số 7, 12-1944) v.v...

Thơ của ông rất nhiều, thường đăng trên các báo hay tạp chí mà không thấy xuất bản thành sách.

Về điệu thơ, ai cũng công nhận rằng thơ của Thâm-Tâm có một âm điệu trầm buồn giống như Nguyễn-Bính, ông thường kể lể những chuyện tình man mác, băng khuâng. Tuy nhiên trong cái buồn thương nuôi tiếc đó, Thâm-Tâm pha lẫn một giọng điệu rắn rỏi chứ không như một Xuân-Diệu lãng mạn, tình tứ, hay một Huy-Cận yếu đuối, đa sầu.

Trong cuộc đời của thi sĩ Thâm-Tâm có một vấn đề trọng đại mà kẻ yêu thơ không sao quên được, đó là cuộc tình duyên nửa hư nửa thực của

Thâm-Tâm và nữ sĩ T.T.Kh., tác-giả bài thơ Hai sắc hoa ty-gôn.

Câu chuyện tình của hai nhà thơ một nam một nữ đã tạo thành một giai thoại thi ca kỳ thú và cũng nhờ đấy mà nền thi ca Việt-nam tiếp nhận được những bài thơ tình trác tuyệt còn vang dội mãi về sau.

Mà hể nhắc đến Thâm-Tâm thì người ta lại nhớ ngay đến T.T.Kh. Suốt khoảng thời gian cực thịnh của nền thi ca tiền chiến Thâm-Tâm và T.T.Kh đã là đầu đề cho dư luận và trở thành một « Vụ án Tao-đàn » mà mãi đến nay người ta vẫn không biết gì sáng tỏ hơn về câu chuyện tình bí ẩn của Thâm-Tâm và T.T.Kh.

Đến đây chúng tôi xin mạn phép đóng ngoặc về thi sĩ Thâm-Tâm và T.T.Kh. Vấn đề này sẽ được đề cập tỉ mỉ hơn ở phần khảo luận.

Thâm-Tâm chính thức góp mặt vào làng thơ tiền chiến từ năm 1938. Sau khi chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, Thâm-Tâm cũng như bao nhiêu người Việt yêu nước khác, theo tiếng gọi của quê hương, ông gia nhập kháng chiến. Đến khi chiến tranh chấm dứt, cùng chung số phận với các văn thi sĩ khác, ông bị ở lại bên kia phần đất mẹ, từ đó Nguyễn tuần Trình đành gác bút thôi kể lẽ chuyện yêu thương, mà còn có chăng cũng chỉ là những tiếng nức nở nghẹn ngào !

Theo tin gần đây được biết, thi sĩ Thâm-Tâm đã chết bên bờ sông Đuống ở đất Bắc. Như vậy phải kể là một sự mất mát không nhỏ đối với nền thi ca đất nước.

*

Vào khoảng năm 1938, khi phong trào thơ mới đang hồi cực thịnh, một thi nhân trẻ âm thầm đi vào làng thơ với những bước không rập rình, nhộn nhịp như những nhà thơ khác ; thi nhân mang tâm trạng của một khách lữ hành cô độc, đang đi trên đoạn đường tình dang dở : chàng thi nhân ấy là Thâm-Tâm Nguyễn tuần Trình.

Rồi một sự kiện ngẫu nhiên đã đưa chàng thi nhân khiêm nhường trở thành đề tài sôi nổi cho một giai đoạn thi ca lúc bấy giờ mà hai nhân vật chính là : thi sĩ Thanh-Tâm và nữ sĩ T.T.Kh.

Thực vậy, thi nghiệp của Thâm-Tâm đã dính liền với mấy vần thơ của người con gái vườn Thanh (xin xem phần T.T.Kh. ở trước).

Từ dạo những bài thơ của T.T.Kh xuất hiện trên báo *Tiểu thuyết thứ bảy* và những bài thơ trả lời của Thâm-Tâm, rồi lại những bài thơ tiếp nối của T.T.Kh. đã khiến tên tuổi của T.T.Kh. cũng như Thâm-Tâm nổi tiếng và vang vọng mãi dư âm.

Trong giai đoạn này có nhiều luồng dư luận khác biệt đối với hai nhân vật mang bút hiệu Thâm-Tâm và T.T.Kh.

Có người cho rằng chính Thâm-Tâm là người tình của T.T.Kh. ; lại có người bảo T.T.Kh. là Thâm-Tâm muốn mượn câu chuyện tình dang dở của nhân vật trong truyện ngắn *Hoa ty-gôn* của ông Thanh-Châu mà dựng nên nhân vật T.T.Kh. ; cũng lại có người cho rằng Thâm-Tâm không phải là T.T.Kh. mà cũng không phải là nhân tình nhân ngẫu gì của T.T.Kh. cả.

Bởi những dư luận trái ngược nhau nên có sự bàn tán sôi nổi về câu chuyện tình giữa hai người.

Thật ra câu chuyện tình dang dở này không có gì ly kỳ cho lắm để phải tốn hao bao nhiêu giấy mực. Nó chỉ là câu chuyện một cô gái yêu chàng nghệ sĩ mà không được toại nguyện, sau phải lấy một ông chồng luống tuổi rồi làm thơ than khóc cho kiếp hoa của mình. Chỉ thế thôi ! Một câu chuyện xảy ra cũng như trăm ngàn câu chuyện tình khác, nhưng cái điểm then chốt đã khiến xáo động dư luận là sự ẩn tích của T.T.Kh., và T.T.Kh. đã khóc than như để trút bớt nỗi niềm đau khổ trên những dòng thơ, mà lại là những dòng bi thiết, gợi cảm.

Ba mươi năm trôi qua, thời gian đằng đẵng ấy không đủ xóa đi một nghi vấn trong câu chuyện tình mang nhiều bí ẩn và ngang trái đau thương.

*

Giờ đây chúng ta hãy thoát khỏi ràng buộc của những chứng minh có tính cách sử liệu để đi sâu vào thế giới tâm tình của Thâm-Tâm.

Nếu có cái bất ngờ đã giúp người ta phát minh những tiến bộ khoa học, thì ở địa hạt thi ca cũng có nguyên do đột khởi đã tạo ra thi tài.

Người ta nói, trước khi đế chân vào làng thơ, Thâm-Tâm chỉ là một họa sĩ trình bày các báo, viết đôi chuyện ngắn tâm tình nhỏ nhặt. Thế rồi, vì một bài thơ than khóc của người thiếu phụ T.T.Kh. đã kích thích hồn thơ nhà họa sĩ xúc động mạnh, tiếng lòng bỗng bật lên thành tiếng thơ rung cảm, vén màn cho câu chuyện tình lâm ly, bi thiết.

Vượt khỏi thời kỳ chập chững của người thơ, những thi bản đầu tay của Thâm-Tâm ngang nhiên như những sáng tác lớn. Nó là tặng phẩm ân huệ của nàng Thơ đã chiếu cố người họa sĩ tài hoa trong một lúc xuất thần cấu tạo những vần thơ đau thương dễ mến, thoát thai từ câu chuyện tình như được dốc cạn từ đáy lòng, hòa hợp với sự lựa chọn âm thanh, hội tụ đủ yếu tố căn bản đòi hỏi của thi ca. Thâm-Tâm mới chỉ cất một bước chân đầu là đã trở thành thi sĩ.

*

Nhân đọc bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn* của T.T.Kh. thi nhân nhớ lại mùa thu năm nào tim lòng đã trao trọn vẹn cho người con gái vườn Thanh và từ đó thi nhân nuôi mộng yêu đương. Đến nay, bỗng nhiên nhận được tin sét đánh :

*Nếu biết rằng tôi đã có chồng,
Trời ơi ! người ấy có buồn không ?
(Hai sắc hoa ty-gôn-T.T.Kh.)*

Chỉ buồn thôi à ? – Sao không bảo là đã « giết người » ? Sự xúc động đột ngột đã khiến thi nhân như thấy cả một vũ trụ sụp đổ :

*K... hồi ! người yêu của tôi ơi !
Nào giờ em giết chết một đời !
Dưới mồ đau khổ anh ghi nhớ,
Hình ảnh em hoài, mãi thế thôi.*

Em có nhớ ngày nào anh chỉ cánh hoa ty-gôn mà...

*Bảo rằng : Hoa dáng như tim vỡ,
Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi !*

thì em vô tư lự gieo vào lòng anh niềm tin vững chắc ở ái tình :

*Cho nên cười đáp : « Màu hoa trắng
Là chút lòng trong chẳng biến suy. »
(Hai sắc hoa ty-gôn – T.T.Kh.)*

Nhớ lại hồi nào cả hai đã lấy hoa ty-gôn làm chứng vật cho lời nguyện ước trăm năm của đôi mái đầu xanh. Riêng thi nhân thì :

*Quên làm sao được thuở ban đầu,
Một cánh ty-gôn dạ khắc sâu.
Một cánh hoa xưa màu hy vọng
nhưng :*

Nay còn dư ảnh trái tim đau.

Thế rồi, ngày nay, ai kia đã « phụ lời nguyện ước », gởi trả cánh hoa xưa, màu sắc đã tàn phai. Nhìn hoa mà máu tim như rơi từng giọt :

*Người ta trả lại cánh hoa tàn,
Thôi thế tình duyên cũng dở dang.
Màu máu ty-gôn đã biến sắc,
Tìm người yêu cũ phủ màu tang.*

Nhìn lại đời mình bằng cặp mắt thất vọng vì sự thua thiệt trong tình yêu, thi nhân đã dệt nên những lời thống thiết :

*Khi biết lòng anh như đã chết,
Mây trôi hồng và lá cũng trôi xanh :
Màu hoa tươi cũng héo ở trên cành,
Và vũ trụ thấy một màu đen tối.*

rồi hồi tưởng kỷ niệm xưa :

*Anh cố giữ lòng anh không bối rối,
Để mơ màng tưởng nhớ phút giây xưa.
Em cùng anh sánh gót dưới bóng dừa,
Một đêm trăng sáng trên đường đá đỏ.*

*Em nói những gì ? Anh còn nhớ rõ,
Nhưng làm sao ? Ai hiểu tại làm sao ?
Chim muốn bay, cũng giữ chẳng được nào,
Tình đã chết có mong gì sống lại.*

Thi nhân đã chỉ thốt lên lời kêu đau của một linh hồn thống khổ :

*Anh biết làm sao được hờ trời !
Dứt tình không nở, nhớ không thôi
Thôi em hãy giữ cành hoa úa,
Kỷ niệm ngàn năm một cuộc đời.*

Thật hay ! nhưng cũng vô cùng thâm não. Thở than cho mảnh tình nay không còn nữa. Tình ái đã thay dạng đổi hình, những kỷ niệm giờ đây còn chẳng cũng chỉ là mộng ảo.

Rồi thi nhân cố thu can đảm để chấp nhận sự ra đi của người yêu, tuy cũng có cái gì lưu luyến :

*Anh không trách chi em điều ngang trái,
Anh không buồn số kiếp quá mong manh !
Có gì đâu khi bướm muốn xa cành,
Anh cứ tiếc cái gì xưa đã chết.*

Thi nhân biết lắm ! biết tình của mình rồi đây « con bướm sẽ xa cành »
nên đã mượn đôi dòng thơ để than cho mộng tình tan vỡ :

*Nhưng anh biết cái gì xưa đã chết,
Anh càng buồn, cành muốn kết thành thơ.
Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,
Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.*

Và như đã quyết định điều gì quan trọng, thi nhân vội viết thêm :

*Và thành chúc đời em luôn tươi sáng,
Như mộng kiều đầm ấm tuổi xuân xanh,
Như hương trinh bát ngát ý dịu lành,
Hòa nhạc mới triều dâng tở Hạnh-phúc.*

Gạt bỏ tình xưa, lòng người trai bỗng nhiên bừng sống mạnh. Người
quyết ý tái tạo cuộc đời, phủ nhận những ngày qua :

*Chiều nay lạnh, có nhiều sương rơi quá,
Nhưng lòng anh đã bình thản lại rồi.
Hết đau buồn và cảm thấy sục sôi
Niềm uất hận của một thời lạc lối.*

Lạc lối vì đã đem đời trai « cung phụng sóng mắt huyền ». Thi nhân tự
thú :

*Lấy nghệ thuật làm trò hề múa rối,
Đem tài hoa cung phụng sóng mắt huyền.
Để khẩn cầu xin một nụ cười duyên ;
Nàng kiều nữ chốn lầu hoa thâm kín.*

Có người cho rằng cái buồn của Thâm-Tâm là cái buồn của khách tình
si khi tình yêu tan vỡ. Điều này chưa hẳn là đúng, vì mặc dù thơ Thâm-Tâm
chứa đựng tình buồn, nhưng khi Thâm-Tâm đã làm một khúc quanh quan
trọng trong dòng đời ; bỗng nhiên khách yêu thơ như đón nhận được một

luồng gió mới từ chất thơ hùng tráng của người thi sĩ đa tình lúc đã bừng tỉnh mộng yêu đương. Thi bản *Tống biệt hành* đã nói lên ý chí chuyển hướng ấy :

*Cuộc biệt ly nào ngờ vừa đúng lúc,
Lòng băng khuâng, bối rối trước khúc quanh ;
Đi không đành, mà ở cũng không đành,
Muôn chim Việt hãy về thành Nam cũ.*

rồi người thi nhân của chúng ta bắt chước thái tử Yên-Đan đưa chàng tráng sĩ Kinh-Kha sang bờ sông Dịch :

*Bắc phong tiêu tiêu hể Dịch thủy hàn
Tráng sĩ nhất khứ hể bất phục hoàn.
(Gió đưa sông Dịch lạnh lùng,
Ra đi chiến sĩ quyết không trở về.)*

Cuộc tiễn đưa của Thâm-Tâm ta thấy nhiều hứa hẹn hơn :

*Đưa người, ta không đưa sang sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng ?
Bóng chiều không thăm, không vàng vọt.
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong.
Đưa người ta chỉ đưa người ấy,
Một già gia đình, một dửng dưng.
Ly khách, ly khách, con đường nhỏ
Chí lớn chưa về bàn tay không.
Thì không bao giờ nói trở lại,
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.*

.....

*Người đi, ờ nhĩ ! người đi thực !
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi ;*

Em thà coi như hơi rượu say.

Bài thơ *Tống biệt hành* trên của Thâm-Tâm đã được giới yêu thơ tiếp đón như những gì mới lạ và nhận thấy một sự thay đổi trong ý thơ và một biến chuyển tâm hồn của thi sĩ Thâm-Tâm.

Khác với những bài thơ *Gửi T.T.Kh*, *Màu máu ty-gôn*, *Dang dở* v.v... khóc than cho câu chuyện tình tằm thương. Ở đây, ngược lại, Thâm-Tâm trút bỏ cái vỏ ủy mị cố hữu, đổi giọng điệu rần ròi, cương quyết để nói lên cái chí khí của người trai trong thời chinh chiến.

Người con trai chỉ biết có nhiệm vụ, có tương lai, có sự nghiệp mà gạt bỏ tất cả mọi thứ tình yêu đang vướng bận sau lưng, cất cao giọng hào hùng :

*Thăng-long đất lớn chí tung hoành,
Bàng bạc gương hồ ánh mắt xanh.
Một lứa chung tình từ tứ chiến,
Hội nhau vầy một tiệc quần anh.*

Hội nhau giờ đây cũng đã muộn lắm rồi, bởi vì :

*Trong khi ấy thanh niên không bịn rịn,
Giã gia đình, trường học để ra đi.
Họa xâm lăng đe dọa ở biên thù,
Kèn gọi lính giục lòng trai cứu quốc.*

Thâm-Tâm tin tưởng sẽ thành công và nhất định phải thành công, vì :

*Sông Hồng chẳng phải xưa sông Dịch,
Ta ghét hoài câu nhất khứ hề !*

Thật vô cùng khảng khái, giọng thơ rần ròi ấy đủ chứng tỏ Thâm-Tâm không phải là một thi nhân chỉ làm thơ ẻo lả mà thôi, ngược lại ông còn là một nhà thơ hùng tráng có tài nữa.

Chúng tôi mượn mấy dòng sau này để thay lời kết luận về thi sĩ Thâm-Tâm vậy.

(Ấn bản kỳ nhì 7-1968)

THI TUYỂN

Màu máu ty-gôn

(Gửi T.T.Kh. tác giả bài thơ « Hai sắc hoa ty-gôn »)

Người ta trả lại cánh hoa tàn,
Thôi thế duyên tình cũng dở dang !
Màu máu ty-gôn đã biến sắc.
Tìm người yêu cũ phủ màu tang !
K... hỡi ! người yêu của tôi ơi !
Nào ngờ em giết chết một đời !
Dưới mồ đau khổ anh ghi nhớ
Hình ảnh em hoài, mãi thế thôi.
Quên làm sao được thuở ban đầu,
Một cánh ty-gôn dạ khắc sâu !
Một cánh hoa xưa màu hy vọng !
Nay còn dư ảnh trái tim đau.
Anh biết làm sao được hỡi trời !
Dứt tình bao nỗi, nhớ không thôi !
Thôi em hãy giữ cành hoa úa,
Kỷ niệm ngàn năm một cuộc đời !

Gửi T.T.Kh

Các anh hãy uống thật say,
Cho tôi uống những cốc đầy rồi im.
Giờ hình như quá nửa đêm,
Lòng đau mang lại cái tin cuối mùa.
Hơi đàn buồn như trời mưa,

Các anh tắt nốt âm thừa đi thôi.
Giờ hình như ở ngoài trời,
Tiếng xe đã nghiêng rã rời ra đi.
Hồn tôi lơ mờ sương khuya,
Bởi chừng tôi viết bài thi trả lời.
Vâng, tôi biết có một người,
Một đêm cố tưởng rằng tôi là chồng.
Để hôm sau khóc trong lòng,
Vâng, tôi vẫn biết cánh đồng thời gian.
Hôm nay rụng hết lá vàng,
Và tôi lỡ chuyển chiều tàn về không.
Tiếng xe trong vết bụi hồng,
Nàng đi thuở ấy nhưng trong khói mờ.
Tiếng xe trong xác pháo xưa,
Nàng đi có mấy bài thơ trở về,
Tiếng xe mở lối vu quy
Nay là tiếng khóc nàng chia cuộc đời !
Miệng chồng, Khánh gắn trên môi.
Hình anh, mắt Khánh sáng ngời còn mơ,
Từ ngày đàn chia đường tơ,
Sao tôi không biết hững hờ nàng đan.
Kéo dài một chiếc áo len,
Tơ càng đứt mối, nàng càng nổi dây.
Nàng còn gỡ mãi trên tay,
Thì tơ duyên mới đã thay h lẫn màu.
Góp hai thứ tóc đôi đầu,
Sao còn đan nối những câu tâm tình ?
Khánh ơi ! Còn hỏi gì anh ?
Lá rơi đã hết màu xanh màu vàng.

Chỉ kêu những tiếng thu tàn,
Tình anh đã chết anh càng muốn xa.
Chiều tan, chiều tắt, chiều tà,
Ngày mai, ngày mốt, vẫn là ngày nay.
Em quên mất lối chim bay,
Và em đã chán trông mây trông mờ.
Đoàn viên từng phút, từng giờ,
Sống yên lặng thế em chờ gì hơn,
Từng năm từng lứa con son,
Mỉm cười vá kín vết thương lại lành.
Khánh ơi ! còn hỏi gì anh ?
Xưa tình đã vỡ, nay tình lại nguyên.
Em về đan mối tơ duyên,
Vào tà áo mới, đừng tìm duyên xưa.
Bao nhiêu giọt lệ còn thừa,
Hãy dành mà khóc những giờ vợi vong.
Bao nhiêu những cánh hoa hồng
Hãy dâng cho trọn nghĩa chồng, hồn cha.
Nhắc làm chi chuyện đôi ta,
Cuộc đời anh đã phong ba dập vùi...
Hãy vui lên, các anh ơi
Nàng đi tôi gọi hồn tôi trở về
Tâm hồn lạnh nhạt đêm nghe,
Tiếng mùa lá chết đã xê dịch nhiều.
Giờ hình như gió thổi nhiều,
Những loài « hoa máu » đã gieo nốt đời.
Bao nhiêu nghệ sĩ nổi trôi,
Sá chi cái đẹp dưới trời mong manh.
Sá chi những chuyện tâm-tình,

*Lòng đau đem chứa trong bình rượu cay !
(Tiểu thuyết thứ bảy, số 307, 4-5-1940)*

Dang dở

(Tặng T.T.Kh)

*Khi biết lòng anh như đã chết,
Mây trôi hồng, và lá cũng trôi xanh.
Màu hoa tươi cũng héo ở trên cành
Và vũ trụ thấy một màu đen tối.*

*Anh cố giữ lòng anh không bối rối
Để mơ màng tưởng nhớ phút giây xưa.
Em cùng anh sánh gót dưới bóng dừa,
Một đêm trăng sáng trên đường đá đỏ.*

*Em nói những gì ? Anh còn nhớ rõ,
Nhưng làm sao ? Ai hiểu tại làm sao ?
Chim muốn bay, cũng giữ chẳng được nào,
Tình đã chết, có mong gì sống lại !*

*Anh không trách chi em điều ngang trái,
Anh không buồn số kiếp quá mong manh !
Có gì đâu khi bướm muốn xa cành,
Anh cứ tiếc cái gì xưa đã chết.*

*Nhưng anh biết cái gì xưa đã chết,
Anh càng buồn, càng muốn kết thành thơ ;
Mộng đang xanh, mộng hóa bơ phờ,
Đây bài thơ chót kính dâng tặng bạn.*

*Và thành chúc đời em luôn tươi sáng,
Như mộng kiều đầm ấm tuổi xuân xanh,
Như hương trinh bát ngát ý dịu lành*

Hòa nhạc mới triều dâng tơ Hạnh-phúc.

*Cuộc ly biệt ngỡ đâu vừa đúng lúc,
Lòng băng khuâng, bối rối trước khúc quanh ;
Đi không đành, mà ở cũng không đành,
Muôn chim Việt hãy về thành Nam cũ.*

*Chiều nay lạnh, có nhiều sương rơi quá,
Nhưng lòng anh đã bình thản lại rồi.
Hết đau buồn và cảm thấy sục sôi
Niềm uất hận của một thời lạc lối.*

*Lấy nghệ thuật làm trò hề múa rối
Đem tài hoa cung phụng sóng mắt huyền.
Để khẩn cầu xin một nụ cười duyên ;
Nàng kiều nữ chốn lầu hoa thâm kín.*

*Trong khi ấy, thanh niên không bịn rịn,
Giã gia đình, trường học để ra đi.
Họa xâm lăng đe dọa ở biên thù,
Kèn gọi lính giục lòng trai cứu quốc.*

*Thôi em nhé ! từ đây anh cất bước,
Em yên lòng vui hưởng cuộc đời vui.
Đừng buồn thương, nhớ, tiếc, hoặc ngậm ngùi,
Muôn việc thấy đều do nơi số kiếp.*

Tống biệt hành

*Đưa người ta không đưa sang sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng ?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đây hoàng hôn trong mắt trong ?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy*

Một già gia đình, một dừng dừng.
- Ly khách ! Ly khách ! Con đường nhỏ.
Chí lớn chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại !
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.

Ta biết người buồn chiều hôm trước,
Bây giờ mùa hạ, sen nở nốt,
Một chị, hai chị cũng như sen,
Khuyên nốt em trai dòng lệ xót.
Ta biết người buồn sáng hôm nay :
Trời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...

Người đi ? Ừ nhỉ ! Người đi thực !
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu cay.

Mây thu đầu núi, gió lên trắng,
Cơn lạnh chiều nao đổ bóng thềm.
Ly khách ven trời nghe muốn khóc,
Tiếng Đời xô động, tiếng hờn câm.
(Tiểu thuyết thứ bảy, 1940)

Vọng nhân hành

Thăng-long đất lớn chí tung hoành,
Bàng bạc gương hồ ánh mắt xanh.
Một lứa chung tình từ tứ chiếng,
Hội nhau vầy một tiệc quần anh.

Mây gương nét mác chữ nhân già,
Hàm bệnh hình đời, lưng cỗi đa.
Tay yếu dang cùng tay mạnh dắt,
Chưa ngất men trời hủ rượu cha.
Rau đất cá sông gào chẳng đủ
Nổi bùng giữa tiệc trận phong ba,
Rằng : « Đương gió bụi thì tôi tả.
Thiên hạ phải dùng thơ chúng ta ! »
Thơ ngâm dở giọng, thời chưa thuận.
Tan tiệc quần anh, người nuốt giận,
Chim nhạn, chim hồng rét mướt bay,
Vuốt cạp, chân voi còn lặn đận.
Thằng thí cho nhàm sức võ sinh,
Thằng bó văn chương đôi gối hận
Thằng thư trói buộc, thằng già quê.
Thằng phấn son nhơ... chữa một về !
Sông Hồng chẳng phải xưa sông Dịch.
Ta ghét hoài câu « nhất khứ hề ».
Ngoài phố mưa bay : xuân bốc rượu,
Tắc lòng mong mỗi cháy tê tê,
- « Ới ơi bạn tóc ngoài trôi giạt,
Chẳng đọc thơ ta, tất cũng về. »
(Tiểu thuyết thứ bảy, số 2, 7-1944)

Hoa gạo

Non tím, vì tan hết nắng tà ;
Đường buồn, bởi phố vắng người qua.
Lòng ai bầm tím, ai buồn tối,
Cũng tại rừng đời lạc lối ra.

Hoa gạo hôm nay rụng với chiều,
Đế cành khô xác nứt như kêu.
Từng cây một rách nào ai vá,
Ai vá lành cây đã rách nhiều ?
Tôi ngỡ nàng đi lượm cánh hoa,
Biểu nàng với cả một bài ca.
Nhưng hồn thi sĩ, hồn tư tưởng,
Nhuộm máu trong tôi đỏ chói lò !
Ngó giọt hoa kia ngã xuống đường ;
Chao ơi ! Tôi sợ ở nhà thương.
Bao nhiêu miệng thổ bao nhiêu huyết,
Khi những lòng đau ngã xuống giường.
(Tiểu thuyết thứ bảy, số 305, 20-4-1940)

Chết

Lâu quá chừng ư độ bảy ngày,
Mả người bạc mệnh cỏ chưa xây,
Lòng thân nhân đã nguôi thương tiếc,
Thừa cả hương thờ nhăng khói bay.
Mấy đứa em thơ miệng đã cười,
Ngày ngày đi nghịch cánh hoa tươi.
Ai đâu nữ hỏi sao nguồn lệ
Khóc chị hôm nào đã vội thôi ?
Mả lạnh không hoa hết cả hương,
Hành nhân lạnh nhạt thiếu lòng thương.
Dăm người tuổi tác qua thăm viếng
Một buổi rồi quên mất độ đường.
Cơm cúng thừa dâng bữa khuyết đầy,

Bụi mờ linh vị... Đến chiều nay,
Bỗng dưng dì ghẻ buồn vô cớ,
Thầm tính thời gian bấm đốt tay.

Rồi thản nhiên sai hóa bát nhang
Và thiêu bài vị – kéo màu tang
Càng lâu càng xúi cho gia vận.
- Từ đó mờ ai rặt cỏ vàng.

Một mảnh tình (?)

Đôi lứa phương tâm, một mảnh tình.
Như trăng, vàng mở vện gương trinh
Chén sen ráo miệng, thề pha lụy ;
Quạt trúc trao tay, ước lỗi hình.
Gió trái luống gào duyên cựu mộng,
Dây oan chi rết chí kim sinh !
Say ngủi, ta đốt tương tư thảo,
Bóng khói qua mây, lại nhớ mình...
(Trích trong truyện Lá quạt hoa quỳ,
Tiểu thuyết thứ bảy số 416, ngày 6-6-1942)

Ngậm ngùi cố sự

Lảo đảo năm năm lệ mấy hàng,
Ngậm ngùi cố sự, bóng lưu quang.
Cuối thu, mưa nát lòng dâu biển,
Ngày muộn, chuông đau chuyện đá vàng.
Chán ngán nhân tình, sầu ngất ngất,
Già teo thân thể, hận mang mang...
Hẹn cùng trời đất mòn xuôi ngược,
Chí lớn không đầy nửa tắc gang.

(Tiểu thuyết thứ bảy)

Vạn lý trường thành ⁴¹

Trăng thắm nghìn đêm lệ chữa khô,
Nghìn muôn vợ trẻ nhớ trai phu.
Đầy kinh, sương muộn mang tang tóc,
Chia khắp lòng dân oán tởa mờ...

Mưa rửa nghìn đêm máu chữa phai,
Nghìn muôn trai tráng sống còn ai ?
Trăm thân già héo, trăm triệu xế,
Lặng kiếm hồn con xuất ải dài...

Những xóm thanh bình khói bếp thừa ;
Miếng chiều thay sớm, sớm con thơ,
Nàng dâu gầy vồ nuôi thân lão,
Nhịn đói chờ lương kẻ thú phu.

Có những sơn thôn hết cả trai.
Già thường quán dịch lễ Khâm-sai.
Dăm người già trẻ ca vương ý,
Cười để thầm chôn tiếng khóc dài.

Hỡi ôi ! Huyết hãn triệu lê dân,
Chất lại ngoài biên một triệu lần,
Xây trọn Trường-thành muôn dặm vững,
Thì muôn trường hận đắp càng căm !

Ở đây, dấu vết một kỳ công
Của quốc vương này cắt núi sông.
Với quốc vương kia thời buổi đó,
Ngai vàng đúc bởi máu Trinh-trung.

Cửa ải xa xa, cửa ải gần,
Chiều soi bóng nhạt, đám tàn dân.
Trong đời sống sót còn than oán,
Kiếp vạn cô hồn kiếp vạn xuân.
Nghìn thu đi vụt có nghìn tang,
Chia với thành xưa dấu vết tàn...
Ngoại khách ngậm ngùi tìm cố cảnh ;
Mấy tầng đổ nát mấy tầng hoang !
Đất đá không bền để kỷ công,
Đến giờ thiêu hủy với non sông.
Họa ra, còn sót mười nền gạch,
Hát với Càn-khôn nằm bụi lòng !
Ta hỏi : nghìn xưa, đem máu xương
Đắp Trường-thành để vững ngai vương.
Nhà Tần cũng mất ? và sau đó,
Vô dụng, thành kiên cũng đoạn trường !
Và cả Trung-hoa vỡ tựa bình.
Đến giờ quốc hận máu còn tanh.
Mà nguồn huyết lệ sao nhân loại,
Tươi mãi không ngừng vạn chiến tranh.

Chào Hương-sơn

Thôi chào tất cả non Hương !
Thôi chào, ôi, tiếng tâm thường mà đau !
Một phen tri kỷ cùng nhau,
Khói sương trời đã nhuộm màu thời gian.
Rượu khuây, giấc tỉnh canh tàn,
Sóng sông như dội vô vàn nhớ thương...
Thôi chào tất cả non Hương !

Thôi chào, ôi, tiếng tâm thường mà đau !
Chia tay, còn vẩn bóng sâu,
Mắt xanh ai giữ được màu thời gian ?
Sóng sông róc rách khuya tàn,
Lạnh nghe thốn thức hơi đàn biệt ly...
Ngàn xuân đẹp lắm làm chi,
Quan san ngơ ngẩn đường về cho ai !
(Tiểu thuyết thứ bảy, số 416, 6-6-1942)

Tráng Ca

Sinh ta, cha ném bút rồi,
rừng nho tàn rụng cho đời sang xuân.
Nuôi ta, mẹ héo từng năm,
vắt bầu sữa cạn tê chân máu gầy.
Dạy ta, ba bảy ông thầy,
gươm dài sách rộng, biển đầy núi vơi.
Nhà ta cầm đợ tay người,
kép bông dâu áo, ngọt bụi dâu cơm ?
Chông gai đối đại làm khôn,
ba vòng, mòng sếu liệng tròn lại bay...
Bông hoa chu giáp⁴² vẫn xoay,
cánh vàng non nửa đài gầy tả tơi.
Chữ Nhân sáng rực sao trời,
đường xe mở rộng chân người bước xa...
Bọn ta một lớp lìa nhà,
cháo hàng cơm chợ ngồi ca lúa đồng,
Hây hây tóc óng từng vòng,
gió nào là gió chẳng mong thổi lùa !
Trường đình phá bỏ từ xưa,

đất này sạch khí tiền đưa cay sè.
Bốn phương tản mát bạn bè,
nhớ nhau hẹn quả mùa hè gặp nhau.
...Rầm trời chớp giạt mưa mau,
lửa đèn chấp chới, khói tàu mù u,
Bốn phương đây bạn đó thù
hiệu còi xoáy lộng bản đồ năm châu.
-À, cơn thảo muội bắt đầu,
tuổi xanh theo gió ngâm câu dậm dài :
Thét roi lộng sức ngựa tài,
coi trong cuộc rồi tìm người chờ mong...
Trai lặn đạn, gái long đong,
chờ mong khắc khoải, nản lòng dăm ba ;
Nẻo về gốc mẹ cội cha,
thuyền ai nặng chở món quà đắng cay !
Từng nơi xống áo trùng tay,
gió thu thổi bạc một ngày lòng son ;
Từng nơi cơm trấu áo rơm,
mưa xuân nhuộm tái mấy cơn mặt vàng.
Vượn kêu ruột buốt trên ngàn...
Nhưng, thôi ! Sao việc dã tràng lằm theo ?
Nặng cho vang tiếng chuông chiều,
thà đem sức sớm đánh kêu trống đình ;
Thở phù hơi rượu đua tranh,
quăng bay chén khói tan tành trời mưa.
Dậm dài bến đón bờ đưa,
thuyền ai buồm lái giúp vùa vào nhau,
Kìa kìa lũ trước dòng sau,
trăm sông rồi cũng chung đầu đại dương.

(Tiểu thuyết thứ bảy, số 6, 11-1944)

Lưu biệt

Tiệc này đêm cuối mai chia ly
Anh cố lưu tôi có ích gì
Đời người say tỉnh được bao dịp
Xin cạn chén rượu để tôi đi
Đau tình không sót bằng đau nghĩa
Tay gầy cũng nắm chén vô tri
Mắt xanh cùng gửi ngoài mưa gió
Lòng không cùng sống với cầm thi
Rượu xuân càng đượm cay mùi cũ
Cố nhân càng biết cười phân kỳ
Gió lên ! gió lên ! càng yếu tất
Con chim còn đỗ lại làm chi
Đất trời rộng quá tôi không chịu
Cắm chặt sông đây một cánh bè
Rót rượu ra anh tôi muốn uống
Cực kỳ trong sạch, cực kỳ say mê
Sáng mai qua bến Ninh-cơ lạnh
Sẽ thấy se lòng trận gió tê
Giọng đàn lưu luyến làm chi nữa
Tôi quyết đi rồi, tôi phải đi.

Ngược gió

Trời hỡi, mai ngày tôi phải đi
Thơ này rồi chẳng đọc ai nghe
Đời nhiều nhưng có dăm người bạn
Thì viễn ly không hứa hẹn về

*Tuổi lệ nhâm nuôi những nhớ thương
Lòng thành chim chích hoặc hoa đơn
Gọi hoài... Nhưng có dăm trinh nữ
Cũng đã dâng chồng hết phần hương
Ngõ cũ đôi hàng gió ngã soan
Lòng quê đợi lúc lắng giờ tan
May còn cô lão dăm đầu bạc
Xót lũ đầu xanh, lặng mắt vàng
...Mà đọc thơ già tiễn trẻ đi
Càng nghe trầm giọng, dạ càng se
Ngày mai ngược gió, tôi xin ngược
Ai có quan tâm gọi trở về.
Trời hồi, ngày mai ngày một thôi
Ngày mai cay đắng nhất ly bôi
Ngày mai có những tay tàn ác
Cướp của tôi đi hết mọi người*

Phụ Lục : NGHI ÁN T. T. KH và THÂM TÂM

Để bạn đọc rộng đường suy luận, chúng tôi xin mạn phép trình bày «
Nghi án T. T. KH. và Thâm Tâm » như sau :

- 1) Nam : Thâm Tâm Nguyễn Tuấn Trình.
- 2) Nữ : T. T. KH.

Ngày 27 tháng 9 năm 1937, *Tiểu thuyết thứ bảy* nhân đăng truyện ngắn *Hoa-ty-gôn* của ông Thanh-Châu, chẳng bao lâu, tòa soạn nhận được bài thơ *Hai-sắc-hoa-ty-gôn* dưới bút hiệu T. T. KH. Rồi sau này tiếp thêm hai bài thơ : *Bài thơ thứ nhất*, *Bài thơ cuối cùng* đều ký bút hiệu T. T. Kh.

Rồi người ta tiếp nhận được những bài thơ của thi sĩ Thâm tâm : *Màu máu ty-gôn* (gửi T. T. Kh tác giả bài thơ *Hai sắc hoa ty-gôn*) ; *Dang dở* (tặng T. T. Kh) *Gửi T. T. Kh*.

Điều làm sôi nổi dư luận là :

1) Thi phẩm của T. T. Kh, cũng như của Thâm-Tâm đều là những bài thơ gợi cảm.

2) Sự ẩn tích của T. T. Kh.

Một dấu hỏi to tướng được nêu ra : - T. T. Kh. Là ai ?

- T. T. Kh. là Thâm-Tâm ?

- T. T. Kh. là Thâm-Tâm-Khánh ?

- T. T. Kh. là Tuấn-Trình-Khánh ?

- T.T.Kh. là Trần Thị Khánh, người tình của Thâm-Tâm ?

- T.T.Kh là nhân vật do Thâm-Tâm dựng lên nhân đọc truyện *Hoa ty-gôn* của ông Thanh-Châu ?

- T.T.Kh là một đệ tam nhân nào đó, không phải Trần Thị Khánh, nhân tình của Thâm-Tâm ?

Nhân chứng :

1) Ông Giang Tử thuật lại cuộc gặp gỡ giữa ông với thi sĩ Tế-Hanh vào tháng 11 năm 1944 trong chuyến xe đi Quảng-ngãi : «*Tế-Hanh cho biết T.T.Kh. chính là Trần Thị Khánh, người em gái đồng tông với mình ở Thanh-hóa, và kể rõ thiên tình hận giữa nàng và thi-sĩ Thâm-Tâm.* »

2) Ông Thạch-Hồ cho biết : « *T.T.Kh. là một nhân vật có thật, đã đôi ba lần đến thăm thi sĩ Thâm-Tâm ở phố Khâm-thiên lúc ông này cùng ở chung với Nguyễn-Bính và Trần-Huyền-Trân.* »

3) Trong *Thi tuyển 1* của nhà xuất bản Ly Tao, ông Y-Châu nói : « *Có dư luận cho rằng T.T.Kh. là một người thật, đã có đôi ba lần đến thăm thi sĩ*

Thâm-Tâm tại ngôi nhà của Thâm-Tâm tại phố Khâm-thiên. »

4) Ông Nguyễn bá Thế tức là nhà văn Thế-Nguyên cho biết : « *T.T.Kh. không ai xa lạ, chính là Thâm-Thệ-Hà, nhà văn kiêm thi sĩ Thâm Thệ-Hà tên thật là Tạ thành Kinh. « T.T » chính là « Tạ Thành », còn « Kh » là do chữ « K » ở đầu và chữ « h » ở cuối chữ « Kinh » ghép lại. »*

Về việc này, ông Thạch-Hồ (trong *Triều sóng xanh tập 1*) như muốn giải tỏa sự thắc mắc vội kêu : « *Chúng tôi thiện nghĩ đã đến lúc ông Thâm-Thệ-Hà nên lên tiếng. »* Rồi ông nói thêm : « *Chúng tôi cũng như các bạn, những người yêu T.T.Kh., đau xót ngổ ngàng, khi biết T.T.Kh. chính là một người đàn ông ! »*

5) Một dư luận cho rằng : « *T.T.Kh. đi lấy chồng, một người giàu có mà nàng bằng lòng, rồi không thương Thâm-Tâm nữa. »*

6) Trong bài *Thâm-Tâm muốn đi theo con đường lãng mạn của Arvers* ? đăng trên tạp chí *Giáo dục phổ thông* số 49 ngày 1-11-1959, ông Lê công Tâm cho biết T.T.Kh. chính là thi sĩ Thâm-Tâm, người đã dàn cảnh một thiếu phụ bị ép duyên, khóc tình dang dở bằng *Hai sắc ty-gôn* và *Bài thơ thứ nhất*.

7) Trong mục *Bạn đọc viết, Phổ thông* số 28 ngày 15-2-1960, – để trả lời ông Phạm trọng Tuy ở Cao-lãnh –, đã phủ nhận điều trên, cho biết lúc còn ở Hà-nội, quen rất nhiều với Thâm-Tâm khi ông này ở Chợ Hôm, nhưng chưa bao giờ được nghe Thâm-Tâm nhắc đến T.T.Kh. Có lẽ Thâm-Tâm rất ngạc nhiên khi người ta gán cho mình cái tên T.T.Kh.

8) vân vân (còn nhiều tài liệu tương tự, rất tiếc bị thất lạc trong thời khói lửa) và bao nhiêu người yêu thơ hăng lưu tâm đến « Nghi án T.T.Kh. và Thâm-Tâm » đều cho rằng T.T.Kh. là Trần Thị Khánh, tình nhân của thi sĩ Thâm-tâm.

Thời gian 30 năm trôi qua, vụ án nay được đem ra « xử » lại vì có thêm một nhân chứng quan trọng, chúng tôi xin trình bày như sau :

*

Phá vỡ « Nghi án T.T.Kh. và Thâm-Tâm » ? ? ?

Khi vừa viết xong phần thi sĩ T.T.Kh. và Thâm-Tâm, chúng tôi bắt được thêm tài liệu, một thiên ký sự của ông Nguyễn-Tổ đăng trong báo « Sống » ra ngày 15-4-67 dưới nhan đề : « *Những ngày sống với thi-sĩ T.T.Kh., Hai sắc hoa ty-gôn.* »

Tác giả viết :

Năm 1936 ! Bọn chúng tôi gồm năm thanh niên, chưa tên nào quá 25 tuổi. Cả năm gã đều có máu nghệ sỹ giang hồ. Vì mang trong huyết quản dòng máu nghệ sỹ ưa tự do, nên đều bỏ cả thầy, xa bạn khi đang học chưa hết chương trình Đại-học. Gã thứ nhất, người tầm thước, da ngăm ngăm, răng vấu, ngoài các tài viết văn, làm thơ, gã ca sáu câu vọng cổ rất mùi, thêm vào đó cái tài đánh đàn nguyệt. Gã tên thực là Trần Kim, sau này gã lấy bút hiệu là Trần-Huyền-Trân thường ký dưới những bài thơ tình cảm đăng trên báo Tiểu thuyết thứ bảy và nguyệt san Ích hữu thời đó. Gã thứ hai là Vũ Trọng Can, người mảnh khảnh, cao hơn Trần Kim cái đầu, vì anh có mớ tóc bông bênh như tổ quạ, hai mắt to, tròng trắng to hơn tròng đen. Vũ Trọng Can có tài viết truyện dài xã hội. Lời văn sắc bén, châm biếm như văn Vũ Trọng Phụng. Gã thứ ba là Nguyễn Tuấn Trình, người bé nhỏ, loắt choắt, chuyên viết chuyện ngắn tâm tình, lấy bút hiệu là Thâm-Tâm, ngoài tài viết kịch, làm thơ, gã còn là một họa-sĩ trình bày báo rất cừ.

Thâm-Tâm còn mấy bài thơ dưới ký T.T.Kh. như Hai sắc hoa ty-gôn. Tại sao T.T.Kh. là Thâm-Tâm hay Tuấn-Trình và Kh. là Khánh ! Lúc đó Khánh là người mà Thâm-Tâm yêu đến say đắm. Bởi vậy tới khi Khánh đi lấy chồng thì Thâm-Tâm đau khổ gần phát điên. Lũ chúng tôi vừa riếu cợt vừa khuyên lơn, an ủi tới nửa năm trời, sau Thâm-Tâm mới khuây khỏa nỗi buồn. Chính trong thời gian thất tình Thâm-Tâm đã viết được mấy Bài Thơ giá trị lấy bút hiệu T.T.Kh.

Có lẽ sự nghiệp văn chương của Thâm-Tâm đáng kể nhất ở mấy bài thơ này ? Rồi thời gian trôi nhanh, mấy bài thơ ký T.T.Kh. được các nhà phê bình chú ý, các độc giả yêu thơ tán thưởng nhưng không mấy ai biết rõ xuất xứ. Mấy bài thơ tha thiết vì « trái tim vỡ với hoa ty-gôn » thật lâm ly, tác giả nó là ai ? Phụ nữ hay nam nhi ? Trên buổi phát thanh thi phẩm Tao Đàn, bạn Đình Hùng, cô Hồ-Điệp đã ngâm đi ngâm lại nhiều lần. Song, cũng chỉ biết tác giả là T.T.Kh.thôi.

Với thiên hồi ký ngắn này, tôi xin nói lên một sự thật, ngõ hầu làm sáng tỏ một vấn đề đã ngót hai chục năm trôi với cái xuất xứ mờ mờ. Hơn nữa để đáp lại tấm thanh tình tri kỷ giữa tôi và Nguyễn Tuấn Trình tức Thâm-Tâm từ thuở thiếu thời.

Khi tôi hồi cư về Hà Nội, sau 18 tháng trời tản cư khắp miền Việt Bắc, tôi nghe tin Thâm-Tâm cùng Trần-Huyền-Trân chạy vào khu Văn hóa của V.C. ở Phú thọ. Sức Thâm-Tâm quá yếu, lại mắc chứng đau tim nên anh đã từ trần sau mấy ngày cơn bệnh tái phát. Năm đó là năm 1948, Thâm-Tâm vừa đúng 35 tuổi ».

Thiên ký sự này còn cho biết gã thứ tư trong bọn năm người – họ cho là « ngũ hổ » – này là Nguyễn-Tổ (tác giả đoản thiên này), gã thứ năm là Bùi huy Phồn, một cây bút chuyên viết về thi ca trào phúng.

Và « con người vườn Thanh » mà trong Thi nhân Việt-Nam của Hoài-Thanh – Hoài-Chân đã đề cập, tác giả thiên ký sự đã tả miếng vườn ấy như sau :

« Cho nên, những lúc nhàn rỗi hay cần suy nghĩ, chúng tôi thường tản bộ vào vườn Thanh-giám. Nơi đây, quanh năm um tùm có bóng mát của hàng ngàn cây cổ thụ... Trong vườn Thanh-giám có chừng hai trăm tấm bia lớn, mỗi tấm đều đặt ngay ngắn trên lưng một con rùa đất. Trên tấm bia ghi tiểu sử và công nghiệp của các vị tiền bối trong giới Văn-học. Lâu ngày quá, rêu đã phủ kín, trông các tấm bia đã phẳng lì. Nhưng nếu lấy một năm

lá cây tươi lau kỹ thì các dòng chữ Hán sẽ hiện rõ. Đại khái đầu mỗi tấm bia đều có khắc Trần triều đệ ngũ niên, đệ tam nguyệt, thập lục nhật Tấn-sĩ Nguyễn v.v... Giữa vườn Thanh-giám là nhà Thái-miếu lập ra từ đời nhà Lý. Thái-miếu thờ Đức-Khổng-Phu-Tử và dưới là các vị Đại-thần khoa bảng của nước nhà từ khi lập quốc tới thời nhà Nguyễn... Và từ khi bỏ thi cử về Hán-học thì Thái-miếu mới không nhận thêm một tấm bia nào nữa. Bắt đầu Pháp thuộc thì vườn Thanh-giám bị đẩy lui vào « cổ tích. »

Nhưng theo tài liệu của ông Anh-Đào đăng trong *Nhân-loại* bộ mới số 108 tháng 7 năm 1958 (Sài-gòn) dưới tiêu đề : « Hai sắc hoa ty-gôn » như sau :

« Năm 1941... Một đêm cuối thu lạnh lẽo về trên miền Bắc-Việt, Nguyễn-Bính và Thâm-Tâm nằm đối diện với nhau trong một căn lầu nhỏ, phố Mã mây, Hà-nội.

Tôi ngồi giữa hai chàng.

Sự cố nhiên là nàng tiên nâu đón tiếp chúng tôi. Lát sau hương nâu thơm ngát cả căn phòng có vẻ ấm cúng mà hai chân tôi thì lạnh lẽo vô cùng...

Thâm-Tâm, con người bé nhỏ với đôi mắt mơ màng mà bây giờ đã hóa ra người thiên cổ, nhân một chuyện thơ nói về T.T.Kh : (lời Thâm-Tâm) « T.T.Kh. là tên một thiếu phụ mà trước kia tôi yêu. »

T.T tức là Thâm-Tâm hay Tuấn-Trình cũng thế (Thâm-Tâm có một tên nữa là Tuấn-Trình) và Kh. là Khánh, T.T.Kh. muốn đặt tên T.T. để nhớ con người cũ : Thâm-Tâm.

Thật tôi không ngờ đêm ấy tôi lại ngồi đối diện với con « người ấy » của T.T.Kh. Sau đó một « bài thơ thứ ba » của T.T.Kh. nhan đề là Bài thơ cuối cùng đã được in ra, mà lời thơ lại chua chát hơn hai bài trước.

Thâm-Tâm bỗng cất tiếng cười, hỏi tôi :

- Anh có hiểu vì sao lại có Bài thơ cuối cùng không ?

Tôi lắc đầu, Thâm-tâm nói tiếp :

- « Có một hôm Khánh (T.T.Kh.) làm xong bài thơ Đan áo cho chồng đưa cho người bạn gái thân nhất đời của nàng xem. Cô bạn gái đó tên là Tuyết. Bài thơ ấy cố nhiên là chứa một niềm cay đắng của tâm hồn nàng ! Có riêng Tuyết là hiểu cuộc đời đau đớn của chúng tôi, nên Tuyết được « hân hạnh » đọc nỗi lòng thầm kín của chúng tôi. Đọc xong bài thơ Đan áo cho chồng, Tuyết trao tôi xem. Tôi thấy bài thơ đó hay, liền đăng vào báo Phụ nữ thời đàm (hồi ấy xuất bản tại Hà-nội)...

Đột nhiên Khánh (Kh.) thấy bài thơ không định đăng báo của mình lại in trên tờ Phụ nữ thì lấy làm bất mãn và đau khổ vì lâu nay chồng Khánh đã hành hạ Khánh vì ghen tuông với « người ấy » của Khánh. Vì vậy Bài thơ cuối cùng được in ra.

Tôi nghe Thâm-Tâm nói cũng có lý, mà kể về phương diện tinh thần thì Thâm-Tâm quả là con người mơ mộng, có biệt tài làm thơ, vẽ nữa, thực là xứng đáng là « người ấy » T.T.Kh. »

Thêm vào nữa, tài liệu trên báo Chuông mai, ông Tân-Đạt-Dân còn cho biết T.T.Kh. lại có bài thơ Trả lại cho đời cánh hoa tim làm sau khi hay tin thi sĩ Thâm-Tâm qua đời :

« T... hỡi, người yêu của tôi ơi !
Hồn thiêng anh ở tận phương trời
Biết chăng muôn thuở tình cam hận
Tình chết em mang lại cõi đời. »

Tài liệu thế này, thế kia, lẫn lộn đối chọi nhau, khiến chúng ta không còn biết đâu là lai lịch của người thiếu phụ bí mật T.T.Kh. nữa. Ba mươi năm trôi qua, với thời gian dài đằng đằng ấy nghi án chẳng những đã không giải phá nổi mà còn đi đến chỗ chẳng chịt, rồi bòng.

Người ta đã không bảo : « *Cứ ôm mãi lấy mummy (Anh ngữ : xác ướp) rồi cũng có ngày hóa thành mummy* ». Vậy chúng ta hãy thoát khỏi cái không khí ngột ngạt đó.

Với mục đích thu lượm tài liệu để bổ túc vào hồ sơ « Nghi án T.T.Kh. và Thâm-Tâm » chúng tôi xin nhường quyền nhận định cho các bạn.

*

Riêng chúng tôi nghĩ :

Đối với dư luận : « *T.T.Kh. là chiết tự tên Tạ thành Kinh tức Thâm-Thệ-Hà* » của nhà văn Nguyễn bá Thế.

Sau 30 mươi năm người ta đã tốn nhiều giấy mực, lặn lội kiếm tìm người thiếu phụ T.T.Kh., rốt cuộc chỉ là công dã tràng trên bãi cát. Người ta đâm ra hoang mang vì thất vọng. Moi móc lại trong đầu óc, cho dù xa xôi ở tận miền Nam này, cố nhớ xem có người làm văn thơ nào mang cái tên hội tụ được những chữ T.T.Kh., và người ta vớ được tấm ván Tạ thành Kinh như hy vọng cuối cùng của một kẻ đang chơi với giữa dòng sông. Thế mà ông Thạch-Hồ vội than thở là đã « đau xót, ngỡ ngàng khi biết T.T.Kh. chính là một đàn ông. » chứng tỏ ông là một tâm hồn yêu chuộng vẻ đẹp huyền mơ mà hay sợ sệt một sự thật chua chát.

Rồi như muốn giải phá nỗi sầu bi vương vấn trong lòng, ông còn muốn « ông Thâm-Thệ-Hà nên lên tiếng ».

Thấy lời kêu gọi tha thiết của ông Thạch-Hồ, chúng tôi đã chịu khó đi hỏi ông Thâm-Thệ-Hà và được ông này trả lời « không thừa nhận chuyện đó » (Nhà văn kiêm thi sĩ Thâm-Thệ-Hà hiện nay dạy học tại quận lý Trảng-bàng Hậu-Nghĩa) và hàng tuần có về Sài-gòn.)

Cho nên dù chưa một ai đủ tài liệu chứng minh hay đủ thẩm quyền xác nhận T.T.Kh. là Y, X, Z, chúng tôi nghĩ thi phẩm mang tên T.T.Kh. là do một người đàn bà làm ra, vì nó là tiếng than nức nở độc đáo và tế nhị của

nữ tính xuất phát từ đáy lòng khi ta có sự nhận xét sau đây, tiếng than của nam giới thì trầm buồn, còn của nữ giới thì bi thiết.

*

Đối với dư luận « *T.T.Kh., đi lấy chồng giàu có mà nàng bằng lòng, rồi không thương Thâm-Tâm nữa* ».

Không uống rượu, không thể say ; không đắm đuối trong yêu đương, không thể dẹt nên nên những vần thơ lâm ly về tình ái. Thi phẩm của T.T.Kh. là tiếng lòng của một linh hồn đau khổ, héo hắt khi mộng tình tan vỡ, nàng kêu lên để thở than duyên phận với người đời. T.T.Kh. đâu phải là thợ thơ mà phải dối trá lòng mình (nói rằng nàng đang có người chồng vừa ý) để cấu tạo những vần thơ bi thiết. – Mà như thế để làm gì ? – Khoe danh à ? – Vô lý ? vì T.T.Kh. đâu cho ai biết hình dạng ra sao. Cả bút hiệu (hay tên viết tắt cũng thế) nàng vẫn giấu người.

Thi sĩ là phát ngôn viên tiếng nói của lòng, hay ít ra cũng phải cảm thông lòng qua lòng, nhiên hậu mới dẹt thành vần thơ chân thật và rung cảm. Nó là yếu tố bắt buộc để nâng cao giá trị sáng tác phẩm. Bằng không, bài thơ « sản xuất » chỉ là cái xác không hồn.

Bốn bài thơ của T.T.Kh là bốn dòng nước mắt trào tuôn trong những phút giây xúc động vì tan vỡ mộng tình. Trút ra được bốn dòng lệ, T.T.Kh. như đã vơi được ngọn trào lòng ; rồi nàng im bật. Mà còn biết nói gì nữa đây khi đã nói tất cả rồi. *Bài thơ cuối cùng* là một báo hiệu sự ráo lệ, một vết thương đã hãm được máu loang.

Đối với dư luận khá mạnh mẽ cho rằng : « *T.T.Kh. là Thâm-Tâm* »

- Chúng tôi nghĩ, nếu xét về yếu tố tình cảm, ta nhận thấy không một tình cảm nào phát sinh mà không có đối tượng. Hỉ, nộ, ái, cụ, ố, dục, đều phải qua một giao cảm rồi phản ứng mới nảy sinh. Nếu bản năng thi sĩ Thâm-Tâm tự tạo cho mình một mẫu người yêu để tưởng tượng thì thật mơ hồ vì đã gạt bỏ qui luật giao cảm với đối tượng. Làm sao Thâm-Tâm tạo

cho mình một tình cảm say sưa, tha thiết, một tuyệt đỉnh yêu đương mà không bị đối tượng bên ngoài kích thích ? Thâm-Tâm không thể sống cùng một lúc hai trạng thái tâm hồn đối chọi của hai giống khác biệt : nam và nữ.

Như vậy T.T.Kh. không phải là sản phẩm tưởng tượng của Thâm-Tâm, cũng không phải Thâm-Tâm, mà chính là đối tượng của Thâm-Tâm, hay nói đúng hơn, một thần tượng yêu đương của Thâm-Tâm đã đưa Thâm-Tâm vào biển mộng.

Cho nên bảo rằng T.T.Kh. là Thâm-Tâm, tức là chúng ta thừa nhận một giả tạo kỳ quái của tâm linh mà những nhà thần học không sao cắt nghĩa được.

Bởi lẽ đó, chúng tôi cho rằng dù T.T.Kh. là Trần Thị Khánh, T.T.Kh. là Thâm-Tâm, v.v... sự quyết định tách bạch ai là tác giả những bài thơ gợi cảm ; tình sử tuy có đau thương, nhưng nó mang lại cho người đọc một cảm giác lâng lâng thích thú như phủ bạn bằng một lớp sương mù mát lạnh làm dễ chịu tâm hồn ; cứ để được ngấm mình trong cái không khí chơi vơi, huyền ảo mà không bao giờ muốn tỉnh mộng đẹp để biết trên thực tế T.T.Kh. là ai ? ? ! !

Dù muốn dù không, văn học sử cũng đã ghi :

- 1) *Hai sắc hoa ty gôn,*
- 2) *Bài thơ thứ nhất,*
- 3) *Bài thơ đan áo,*
- 4) *Bài thơ cuối cùng,*

là của T.T.Kh., và

- 1) *Màu máu ty-gôn,*
- 2) *Dang dở,*
- 3) *Gửi T.T.Kh.*

là của Thâm-Tâm.

Thâm-Tâm và T.T.Kh. đều là thi nhân nổi tiếng trên thi đàn Việt-Nam. Thơ của Thâm-Tâm và T.T.Kh. có vẻ đẹp bổ túc cho nhau và cảm thông như đôi tri kỷ. Cố gắng chứng minh T.T.Kh. là Thâm-Tâm, thơ của T.T.Kh là thi phẩm của Thâm-Tâm, chúng ta vô tình xóa mất trên thi đàn Việt-nam một thi tài có những vần thơ rung cảm, dễ mến ; điều ấy là thiệt thòi cho nền văn học đất nước vốn đã hiếm kém thi nhân.

Phương chi, bạn yêu thơ đâu chỉ ái mộ Thâm-Tâm qua những bài tình cảm lâm ly, kho tàng của Thâm-Tâm còn những viên ngọc quý khác.

Cứ để những thiên tình sử còn giữ mãi tính chất đẹp đẽ, huyền ảo của nó mà đừng bao giờ phá vỡ mộng.

*

Ý nghĩ sau cùng của chúng tôi. Chúng tôi kêu gọi những người làm văn nghệ, đã trên 30 năm thử thách tài sức đã gần tàn một thế hệ, chẳng những chưa phát giác được tung tích hay điều gì chính xác về con người T.T.Kh. mà còn đưa ra lắm giả thuyết xa dần mục tiêu ; giấy mực đã tốn nhiều, và bao công lao tầm kiếm người thiếu phụ với mục đích duy nhất là tìm một tác giả cụ thể cho một tác phẩm diễm tình. Thế thôi !

Cái hình bóng người con gái vườn Thanh độ nọ dù là có mang theo vẻ đẹp sầu bi của nàng Bao-Tự, hoặc đôi nét nhăn đau đăm đỗi của nàng Tây-Thi, một phần ba thế kỷ qua, đến giờ này hình thể có còn chẳng nữa, những người thích mơ mộng bóng sắc, cũng chỉ bắt gặp một thực tế nào nề như trên con người của chàng Trương-Chi xấu xí trong giấc mộng tình mà người ta cố thực hiện trước mặt nàng My-nương.

Trong văn học sử nước nhà còn nhan nhản những sai lầm trọng đại đang mong mỏi ở công phu sưu tầm để kiểu chính hầu đóng góp lợi ích vào nền giáo dục hiện tại.

Chúng tôi đã mỏi mệt với những tài liệu tràng giang đại hải về T.T.Kh. ; người ta đã nói nhiều, nhai đi nhá lại, lần quần cũng ngần ấy chuyện,

không thoát khỏi lối bí như lạc vào mê cung khiến kẻ săn tìm đồ dẫn và người đang ngóng nghe tin tức bỗng trở thành những tín đồ của đa thần giáo.

Chúng tôi xin dừng ở đây và khép hồ sơ nghi án nói trên.

(Ấn bản kỷ niệm, 20-7-1968)

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

VŨ HOÀNG CHƯƠNG sinh ngày 5 tháng 5 năm 1916, tại tỉnh Nam-định (Bắc phần).

Năm 1930, Vũ Hoàng Chương theo học ban Trung-học Pháp tại trường Trung học Albert Sarraut Hà-nội ; bảy năm sau (1937) thi đỗ Tú-tài Pháp. Sau đó họ Vũ theo học Đại-học-Hà-nội, ngành luật khoa.

Năm 1939 Vũ Hoàng Chương thôi học, ra làm phó kiểm soát sở Hỏa-xa Đông-dương ; cũng bắt đầu năm này họ Vũ bước vào thi đàn Việt-nam.

Năm 1940, Vũ Hoàng Chương cho ra đời thi phẩm đầu tay của mình là tập Thơ say, do nhà in Cộng Lực ấn hành (Điểm đáng lưu ý là sự xuất bản tập thơ đầu tiên của Vũ Hoàng Chương cũng giống trường hợp Tập thơ đầu của thi sĩ Nguyễn-Vỹ. Ta hãy nghe Vũ-quân tâm sự với thi sĩ Bằng bá Lân về lý do sự xuất hiện tập thơ nói trên : « Thơ tôi làm khá nhiều và đã từ lâu, nhưng chưa hề có ý định in. Tại Lưu trọng Lư có nợ tôi ít tiền, y không trả được liền gán cho tôi số giấy bản mà y đã trừ tính để in thơ. Thế là bỗng tự nhiên tôi có giấy lại sẵn thơ, vì vậy Thơ Say ra đời ». (Lại Lưu trọng Lư ! Lại thiếu nợ nữa ! Sao lắm nợ thế ? Nhưng xét cho kỹ, nhờ « động cơ thiếu nợ » và thiện chí trả nợ của Lưu trọng Lư thúc đẩy khiến chúng ta sớm được thưởng thức những vần thơ của hai thi nhân tên tuổi : Vũ Hoàng Chương và Nguyễn Vỹ).

Năm 1941, Vũ hoàng Chương thôi làm sở Hỏa-xa để tiếp tục sự học, nhưng lần này họ Vũ lại theo ban Đại-học Khoa-học.

Năm 1942, lại nghỉ học, Vũ hoàng Chương xuống Hải-phòng dạy học. Trong thời gian này họ Vũ cùng với Nguyễn-Bính và Chu-Ngọc thành lập ban kịch lấy tên Hà-nội. Và Vân-Muội (của Vũ hoàng Chương) là vở kịch đầu tiên được trình diễn tại Nhà Hát Lớn Hà-nội đêm 12-12-42.

Đến năm 1943, Vũ hoàng Chương cho in thi phẩm thứ hai của mình mang tên Thơ mây, do nhà Đời Nay Hà-nội ấn hành.

Năm 1944, nhà thơ họ Vũ lại cho xuất bản kịch thơ Trương-Chi, gồm 3 kịch thơ ngắn là Trương-Chi, Vân-Muội, Hồng-Điệp.

Năm 1945, giai đoạn này chiến tranh chống Pháp của nhân dân nổi dậy quá rộng lớn, khắp nơi tràn ngập khói lửa. Vũ hoàng Chương tản cư về dạy học ở Thái-bình (1946). Mặc dù chiến cuộc đang hồi ác liệt nhưng Vũ hoàng Chương vẫn sáng tác và cho ra đời tập Thơ lửa cùng viết với nhà thơ đồng quê Đoàn văn Cừ, tập thơ này do Cơ quan Kháng-chiến khu 3 xuất bản, năm 1947.

Năm 1950, chiến tranh tạm lắng dịu, Vũ Hoàng Chương hồi cư về Nam-định dạy học và tiếp tục sáng tác thơ.

Đến năm 1951, ông cho ra đời một vở kịch thơ khác nhan đề Tâm sự kẻ sang Tần.

Năm 1952, Thăng Cuội là một vở kịch thơ khác nữa được ra mắt. Cả hai đều trình diễn trên sân khấu Hoa Quỳnh kịch xã.

Đến đây tình thế đất nước lại thay đổi, quân Pháp triệt thoái khỏi Việt-nam. Vũ hoàng Chương cùng một số văn nghệ sĩ di cư vào Nam.

Tác phẩm đầu tiên nhà thơ họ Vũ tại miền Nam là thi phẩm Rừng phong được chào đời năm 1954 do nhà Phạm Văn Tươi xuất bản.

Mãi đến năm 1959, Vũ Hoàng Chương mới cho ra đời thêm một tác phẩm khác là Hoa đăng do Văn Hữu Á-châu xuất bản ; cũng năm này Vũ Hoàng Chương được cử đi dự Hội nghị thi ca quốc tế tại Bỉ.

Năm 1960, ông cho tái bản hai tập thơ Mây và Say cùng in chung một, dưới tựa sách Mây do chính tác giả xuất bản. Đồng thời cho in tập thơ Cảm thông mà nội dung được ông Nguyễn Khang dịch ra Anh-văn và tái bản tập Vân-Muội do nhà Nguyễn Đình Vượng in và phát hành.

Năm 1961, ngoài việc sáng tác, Vũ Hoàng Chương tự tái bản kịch thơ Tâm sự kẻ sang Tần và cho in tập thơ mới được dịch ra Pháp-văn là Tâm tình người đẹp (tức tập Nhị thập bát tú, một lối thơ 4 câu 28 chữ ; tình, lời, và ý được cô đọng trong số câu, số chữ nhất định). Ông còn cộng tác với nhiều tạp chí văn-học ở thủ đô như Phổ thông, Bút hoa, Nguyệt san đại từ bi, v.v... Tập thơ sau này của Vũ Hoàng Chương là Trời một phương được xuất bản năm 1962.

Năm 1963, Vũ Hoàng Chương cho in tập Thi tuyển Vũ hoàng Chương bằng hai thứ chữ, Việt-văn được chuyển dịch sang Pháp-văn do nhà Nguyễn Khang Sài-gòn xuất bản và tập Lửa từ bi do Thanh Tăng xuất bản năm 1963.

Năm 1966, Ánh trăng đạo lý, Sài-gòn Tuyên úy Phật giáo xuất bản, Die 28 sterne (bản dịch Đức-ngữ của Les 28 étoiles, Hoppmann xuất bản)

Năm 1967, Bút nở hoa đàm (thơ, Vạn Hạnh xuất bản)

Sẽ xuất bản : Nỗi lửa từ bi (thơ)

Cành hoa trắng mộng (thơ gồm 59 bài gồm nhiều thể).

Trong khoảng thời gian huy hoàng của nền thơ mới, nhiều nhà thơ ra đời, nhiều khuynh hướng khác biệt, từ thể thơ, thi tứ cho đến những vần điệu, mỗi thi nhân đều đóng góp ít nhiều vào kho tàng thi ca đất nước bằng mọi khía cạnh độc đáo của mình, như một Nguyễn-Bính, T.T.Kh., Thâm-Tâm làm thơ thở than số phận đau khổ vì tình duyên ngang trái lỡ làng ; một Anh-Thơ, Bàng bá Lân, Đoàn văn Cừ làm thơ bằng những lời lẽ chân thật hướng về đồng quê, phong tục ; hay như một Xuân Diệu, Huy Cận, J.Leiba làm thơ ca tụng ái tình v.v... thì ngược lại, Vũ Hoàng Chương sáng tác thi ca của mình bằng một đường hướng khác biệt. Họ Vũ làm thơ không theo cái mới của Tây-phương như Xuân-Diệu mà cũng không giống cái cũ như Ưng-Bình Thúc-Gia Thi, ông đã dung hòa hai cái cũ và mới vào thơ mình. Đọc thơ của họ Vũ, có vài bài mang cái cổ kính xa xưa thì cũng có

vài vần thơ thật mới lạ của lớp người trẻ. Có thể nói, Vũ Hoàng Chương là một thi nhân tiêu biểu cho hai lớp người trong hiện tại : một lớp trẻ sống vội, yêu cuồng, một lớp khác quan niệm luân thường đạo lý, tư tưởng cổ truyền Đông phương. Vũ hoàng Chương không có cái bất mãn của một người thất chí trên đường khoa hoạn công danh, họ Vũ cũng không có cái vui đùa thái quá của những người quá lạc quan, tin tưởng vào sự thành công trên đường đời. Giọng thơ của Vũ hoàng Chương là một cái gì chua chát nhưng lại có hậu. Những cái nhìn trong thơ Vũ hoàng Chương, không bị giới hạn hay chỉ định vào đâu, nó là cái nhìn bao quát, tuy nhiên, người ta có thể thấy ở Vũ hoàng Chương, một quan niệm cổ nhiều hơn kim nếu không bảo ông là một thi sĩ trong những thi nhân có tư tưởng hoài cổ. Lời thơ của ông thường hay hướng về những diễn biến đã qua.

Trong một bài nói về văn học, tạp chí *Nghệ thuật* số 32, khi viết về Vũ hoàng Chương, Tạ-Ty, đã ghi lại tư tưởng của nhà thơ như sau :

« Vũ là tượng hình cô liêu đứng trong vòm trời quá khứ, ánh sáng của ngọn hải đăng le lói giữa đêm khuya mịt mù sóng vỗ. Vũ lắng nghe hồn mình trải rộng trên mỗi con nước đại dương và thầm ước sẽ tìm được trong sự luân lưu đó, chút hơi thở của người xưa vọng đến. Những ánh sáng của ngọn hải đăng vẫn le lói mỗi đêm và đại dương vẫn cứ luân lưu theo chu kỳ miên viễn. Hơi thở quá khứ trôi đi biền biệt không để lại vết tích gì trong vũ trụ bao la, có chăng chỉ còn lại niềm tưởng vọng giữa sự sống hôm nay gửi về sự chết hôm qua bằng môi trường suy cảm. Vũ đã suy cảm và lựa chọn khổ đau với đam mê hủy diệt. Vũ khước từ công danh phú quý mà cuộc đời đã trao tặng sau những năm đèn sách để tự dẫn thân vào thế giới thi ca, tức là mang lấy nghiệp. Sự đau thai lăm thế kỷ mà Vũ đã viết ra, đã tỏ trong cơn mê loạn của thể xác đọa đầy, trong nỗi vò xé của tâm linh trước cuộc sống khắc nghiệt, ghen lời trước cơn bi phẫn của con chim bị buông tên rã cánh, nhìn trời cao mà không vụt lên được, nhìn trái ngọt cây lành mà

không được ăn, hướng nhìn thân phận trôi đi, trôi như ảo ảnh để nuôi tiếc giấc mơ thành bướm thuở nào. »

Nhận định trên của Tạ-Tỵ có đúng như tư tưởng của nhà thơ họ Vũ không ? Chúng ta chỉ thấy trước mắt rằng trong các tác phẩm của Vũ hoàng Chương có lẽ hai tập thơ *Say* và *Mây* đã phản ánh trung thực cuộc đời tình cảm của ông nhiều nhất. Trong hai tập thơ này, Vũ hoàng Chương đã nói lên tất cả những gì u uẩn trong lòng, đó là mối tình đầu tan vỡ và sự khao khát các thú say sưa :

Trong *Thi nhân Việt-nam*, phê bình về Vũ hoàng Chương, Hoài-Thanh viết : « Ý giả Vũ Hoàng Chương định nối cái nghiệp những thi hào xưa của Đông-Á : cái nghiệp say. Người say đủ thứ : say rượu, say đàn, say ca, say tình đong đưa. Người lại còn hơn cổ nhân những thứ say mới nhập cảng : say thuốc phiện, say nhảy đầm. Bấy nhiêu say đều nuôi bằng một say sưa to hơn mọi say sưa khác : say thơ... »

Bị thất vọng náo nức về mối u tình, thi nhân đã ký thác tâm sự mình vào trang thơ nét chữ, mỗi bài thơ là một nỗi niềm, mỗi lời thơ là một tiếng bi thương. Chúng ta thử đọc các thi phẩm đó để hiểu tư tưởng của Vũ hoàng Chương.

Như bao thi nhân khác, Vũ hoàng Chương cũng đem tình yêu vào thơ của mình rất nhiều, những nguồn hy vọng yêu thương ở đó, tác giả đã nuôi sống bằng tinh thần tuyệt đối, ông không hề giấu giếm khi thổ lộ tình yêu của mình.

Đây, ta hãy bắt đầu vào thiên tình hận của họ Vũ.

Từ cái thuở ban đầu người trai khám phá ra vẻ đẹp xinh mơn chửa đứng trên cơ thể đang độ nhựa đời như men dậy :

Anh biết em từ độ

Em mới tuổi mười hai

Anh yêu em từ thuở

Em còn tóc xõa vai.

Vượt qua phút bờ ngõ đầu tiên, thế rồi họ quen nhau. Khi bắt đầu nhấp chén men tình, người ta còn quên việc trời đất đang xoay chuyển thì nhớ sao ra ranh giới thời gian nào đã ghi lại mỗi tình đầu, vì vẻ đẹp cơ hình và ái tình thấm đượm một cách lờ mờ, tiệm tiến ; nó lan tỏa nhẹ nhàng, dịu ngọt rồi đến độ ngất ngây. Họ chỉ nhớ mang máng là đã lâu lắm rồi :

*Lâu rồi không nhớ bao nhiêu năm
Từ độ trông nhau hết lạ lòng,
Từ hôm bên nhau thôi ngượng ngùng,
Từ buổi xa nhau mà nhớ nhung.
Em đã nao lòng anh mê man,
Đôi mắt đầu môi tình chứa chan.
Đêm thường mơ đêm, ngày đợi ngày,
Nhưng không hề nói cho nhau hay.*

Họ yêu trong thầm lặng. Họ còn đang giằng co chờ đợi « đối phương » chiến bại thốt lên tiếng nói trước tiên là đã « yêu ». Nhưng không, lòng họ kiêu hãnh lắm ! Thời gian qua. Đã sáu năm rồi mà cuộc « tương tranh » vẫn chưa dứt khoát :

*Tháng ngày đi mau quá
Chốc đã sáu năm trời
Tình anh vẫn chưa hiểu
« Chưa » là « không » em ơi
Em vẫn tin anh lắm
Em vẫn mến anh nhiều
Nhưng em tin em mến
Đâu phải là em yêu
Trái tim hờ hững ấy
Đâu thốn thức vì anh*

*Anh cũng không hề chịu
Van xin một ái tình.*

Không van xin ! Được rồi, nhưng ngọn trào lòng cứ dâng lên mãi. Ta hãy lắng nghe Vũ hoàng Chương kể lại hương vị dịu ngọt của ái tình :

*Mến kín thương thầm em với anh
Không hay yêu nhau từ bao giờ.
Chập chờn bến Thực hay nguồn Mơ
Hay chính băng khuâng là ái tình.
Yêu mà còn nghi lòng người yêu,
Đến cả chưa tin mình đang yêu.
Hương tình – ôi dịu nhẹ bao nhiêu !*

Trong một buổi chiều nắng nhạt, khi họ đắm đuối trong nguồn yêu, ngày giờ không còn nghĩa lý gì cả vì họ đã kiêu hãnh là chúa tể của thời gian :

*Nắng ngả còn chưa tin là chiều,
Lá đổ còn chưa là mùa thu,
Còn đợi trời phai chờ sương mù
Cãi lòng lưu luyến chưa là yêu.*

Thế thường trong tình yêu, có mấy ai tránh được đôi lúc hờn giận nhau. Vũ hoàng Chương cũng không thoát khỏi thông lệ ấy. Nhưng thương hại thay, họ Vũ lại phải hứng chịu một hậu quả quá bi đát. Nó là nỗi đau đớn xé lòng, một tuyệt vọng não ruột, mà cũng là một điển hình cho thể thái nhân tình, giúp Vũ hoàng Chương nhận chân được nghĩa yêu, nghĩa đời. Nó ảnh hưởng buồn đau dai dẳng trong đời sống tinh thần của thi nhân từ *Thơ say*, qua *Mây*, lan rộng đến *Rừng phong* và suốt cả *Hoa đăng* nữa. Đây, ta hãy xem thiên tình sử bắt đầu rạn vỡ :

*Tối qua em ngồi học,
Lơ đãng nhìn đi đâu.*

*Dưới đèn anh thoáng nhận
Nét mặt em rầu rầu.
– Em buồn ? Anh gắng hỏi
Mấy lần, em chẳng nói.
Rồi anh không biết vì sao
Đẩy ghế đứng lên em giận giỗi.
Rũ tung làn tóc, rún đôi vai
Em vùng vằng
Ôm sách vở
Sang phòng bên
Không học nữa,
Không cho ai vào nữa,
Cũng không thèm nghe nữa,
Lời thiết tha anh van gọi mái ngoài.*

Cũng tưởng câu chuyện như làn gió thoảng gợn mặt hồ thu rồi tình thu lại lai láng. Nào ngờ, sự kiện là phản ứng của nguyên do khi ái tình biến dạng. Rồi mỗi tình đầu ấy kết thúc bằng sự ra đi lấy chồng của nàng, để lại thi nhân một linh hồn dật dờ sống dờ, chết dờ. Niềm đau đớn cấu xé tâm can, rạch nát cõi lòng của tấm chân tình son sắt đã mười năm nuôi dưỡng tấc lòng yêu, nay bỗng nhiên choáng váng như bị tiếng sét đánh lật nhào từ chiếc ngai vàng tình ái rớt xuống cùng thẳm của đau thương. Mỗi tuyệt vọng này có lần Vũ hoàng Chương thổ lộ với thi sĩ Bằng bá Lân bằng một giọng chua xót :

« Khi mình định bỏ học ra làm việc sở Hỏa-xa thì « người ta » không phản đối. Đến lúc mình đi làm rồi thì « người ta » lại tuyên bố là không thích người làm ga ! Và « người ta » đi lấy chồng làm ông huyện. »

Thế là :

Giấc uyên ương liền cánh,

Mộng trăm năm lứa đôi
Êm đềm như tiếng hát
Đã tan rồi, em ơi !...

Ái tình đã phôi áo ra đi, lòng thi nhân trống trải, rét mướt như đang sống ở một tinh cầu giá lạnh. Những kỷ niệm yêu đương bấy lâu được coi như nguồn nhiệt lượng sưởi ấm tim lòng, giờ có còn sót chẳng cũng chỉ mấy cánh thư vô nghĩa. Thi nhân nhìn thư mà ngậm ngùi cho thân thế :

Hồi năm tháng hãy đưa đường giấc điệp
Yêu mê thế để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại chút này đây
Lá thư tình xưa nhớ lúc trao tay
Còn e ấp thuở duyên vừa mới bén
hay :

Yêu một khắc để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư
Mộng băng quơ hò hẹn cũng là hư
Niềm son sắt ngậm ngùi duyên mỏng mảnh.

Đọc lại những dòng thơ, thi nhân vẫn còn nghe phảng phất hương tình :

Màu mực tươi xanh ngát ý mong chờ
Tình hé nụ bừng thơm trong nếp giấy.
Nhưng, hỡi ôi !

Ôi thân mến nhắc làm chi thuở ấy
Đêm nay đây hồn xế nẻo thu tàn
Khóc chia lìa ai nín gọi than van
Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối

Giờ thì còn đâu nữa. Cánh chim đã tung trời xa thăm, để lại không gian một khoảng trống mênh mông :

*Yêu sai lỡ để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại chút này thôi
Lá thư xưa màu mực úa phai rồi
Duyên hắt hắt ở phương trời đâu đó.*

Khi tình chết, không ai không đau khổ khóc than. Vũ hoàng Chương cũng thế, tình yêu đến với thi nhân, nhưng lại ra đi quá sớm. Người con gái mới ngày nào cùng nhau nặng lời thề thốt, nguyện xây mộng trăm năm, nay nàng đã lạnh lùng cất bước sang ngang. Nàng đi thực, nhưng hình ảnh người yêu không thể xóa nhòa trong tâm tưởng thi nhân. Ngày nàng lên xe hoa là một ngày đầy kỷ niệm – những kỷ niệm xót xa – ngày ấy là ngày thi nhân phủ lên nấm mồ để chôn vùi khối u tình tuyệt vọng, ngày 12 tháng 6, thi nhân khóc :

*Tháng sáu mười hai – từ đây nhé
Chung đôi – từ đây nhé là đôi*

hay :

*Mười năm thôi thế mộng tan tành
Mười năm trắng cũ ai nguyện ước
Tổ của Hoàng ơi Tổ của Anh.
Men khói đêm nay sầu dựng mộ
Bia đề tháng sáu ghi mười hai
Tình ta ta tiếc cuồng ta khóc
Tổ của Hoàng nay Tổ của ai.*

Trong phút chốc, ái tình xưa bừng dậy, nhưng nay đã tiêu tan ; lòng thi nhân tức tưởi, ghen ngào, nỗi tiếc thương, sầu, khổ dằn dặt một hồn đau đến tê dại, điên cuồng ; ngàn đời không bao giờ quên lãng phút giây này :

Tay gõ vào bia mười ngón rập

Mười năm theo máu hận trào rơi
Học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp
Khúc Cổ Bồn Ca gõ hát chơi
Kiều Thu hề Tổ em ơi
Ta đang đốt lửa tươi bởi Mái Tây
Hàm Ca nhịp gõ khói bay
Hồ Xừ Xang Xế bàn tay điên cuồng
Kiều Thu hề trọn kiếp thương
Sầu cao ngùn ngụt mấy đường tơ khô
Xừ Xang Xế Xự Xang Hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên.

Hết than khóc, rên rỉ, kêu thương, rồi lại mĩa mai hờn trách khi linh hồn quá sa đọa trong ngục tù u tối của đau thương :

Thôi hết nhé thỏa đi niềm rạo rức
Từ cung Trăng rơi ngã xuống trần gian
Ta sắp uống bần nhơ và Sự Thực
Sẽ mai đây dày xéo Giấc Mơ tàn.

Canh khuya hầu tàn, mà tình buồn còn vương vấn, nhưng cũng phải chia tay :

Ta nhớ thuyền đây từ già em
Ái ân mờ đắp phía sau rèm
Mênh mông đâu đó ngoài vô tận
Một cánh thuyền say lạc hướng đêm.

Như ta thấy, Vũ hoàng Chương phơi bày tấm chân tình thiết thạch trong mỗi tình đầu, thi nhân đã uống cạn giọt yêu đương, dù cho tình ai kia có phụ bạc. Những kỷ niệm êm đềm xưa, nay đã đi sâu vào dĩ vãng. Bao nguồn thương mến chỉ còn trơ một sự thật phũ phàng. Khổ đau vì tình yêu dang dở, Vũ hoàng Chương làm thật nhiều thơ để khóc than mỗi tình như

hoa mộng, nhưng tình nghĩa đành giã chết một chiều xưa. Xót thương cho tình yêu, nhưng cũng chán chường cho cuộc đời đổi trắng thay đen, cố quên nhưng không làm sao quên được, người thi nhân của chúng ta bèn tìm một lối giải thoát, và không ngần ngại lao mình trong men rượu đắng cay :

*Thuyền anh đi thôi nhé
Xa nhau dần xa nhau
Tôi về trên lưng rượu
Đến đâu thì đến đâu*

Và người ta thấy thi nhân, vì thương tiếc mối tình xưa, đã âm thầm khóc, giọt lệ đã chảy tuôn rơi như muốn hòa tan trong cốc rượu đắng cay, uống cho mê liệt giác quan để quên đi một thời si dại :

*Xin dốc hết nồng cay cho đến cạn
Uống cho mê và uống nữa cho điên
Rồi dang tay theo chập gót nàng Men
Về tắm ở suối Mơ nguồn Tuyệt Đối
Hãy trộn lẫn trong men ngàn giọt lệ
Thi nhân ơi họa sĩ hồi cầm gia
Để nỗi u buồn thấm kín bao la
Lẳng trong cốc với chàng si dại dột.*

Tiến thêm một bước, thi nhân vừa muốn mượn nhiệt độ của hơi men để khuây sầu, vừa muốn quay cuồng theo nhịp chân của giai nhân. Đây, ta hãy xem hình ảnh thi nhân bên bờ sa ngã :

*Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dẻo
Lòng chót nghiêng mà bước vẫn du dương
Lòng nghiêng tràn hết yêu đương
Bước chân còn nhịp nghề thường lẳng lơ
Ánh đèn tha thướt
Lưng mềm não nuột dáng tơ*

Hàng chân lả lướt
Đê mê hồn gửi cánh tay hờ
Âm ba gờn gợn nhỏ
Ánh sáng phai phai dần.
Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi chân
Riết đôi tay, ngả đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió.
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ.
Hãy thêm say còn đó rượu chờ ta
Cổ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa
Tay mềm mại bước còn chưa chuyển choáng...
(Mời say)

Say sưa như thế nhưng vẫn thấy chưa thấy quên được nỗi niềm đau
xót, thi nhân còn muốn tăng thêm một độ :

Say cho lơ lửng ánh đèn
Cho cung bậc ngả nghiêng, điên rồ xác thịt.
Rượu, rượu nữa và quên, quên hết...
Ta quá say rồi ;
Sắc ngã màu trôi,
Gian phòng không đứng vững.
Có ai ghi hư ảnh sát kề môi ?
Chân rã rời,
Quay cuồng chi được nữa.
Gối mỗi gần rơi,
Trong men cháy giác quan vừa bén lửa.
Say không còn biết chi đời.

thế là thi-nhân định dùng men rượu để đốt cháy nỗi thống khổ còn sót
lại trong tâm tư, cố quên đi để dứt khoát với dĩ vãng, nhưng nào có được :

*Nhưng em ơi !
Đất trời nghiêng ngửa,
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ.
Đất trời nghiêng ngửa,
Thành Sầu không sụp đổ em ơi !*

vì thi nhân đã lắm, men có nồng, rượu có cay, cơ thể tuy mỏi nhừ nhưng nỗi buồn không dung thứ, niềm đau thương không nhường bước bao giờ, trái lại càng say bao nhiêu thì khổ đau nặng bấy nhiêu ; Vũ hoàng Chương than thở tuyệt vọng :

*Có ai say để quên sầu,
Lòng ta lão đảo càng sâu vết buồn.*

Có một lần, bên cạnh người đẹp, hình ảnh ái tình xưa sống dậy, thi nhân đã phơi bày nỗi lòng trong bài :

Vườn tâm sự

*Một dĩ vãng tràn thơ và đắm lệ
Những u hoài chôn kín tận thâm tâm
Anh dùng dằng mãi chiều nay mới kể
Mặc dầu em thúc dục đã bao năm
Vườn tâm sự sắc hương nào có thiếu
Nhưng hương tàn trong nhị sắc trên hoa
Đây đó ngủ âm thầm muôn cánh héo
Nụ cười tươi tan tác phấn son nhòa
Đây chiếc tổ chim không nhìn nhận nữa
Để buồn rơm mục nát giá hơi may
Kia ủ dột đôi ba mồi lá úa
Ngón ngang nằm thoi thóp dưới chân cây
Hãy nín thở đi em và rón rén*

Kéo bước chân xô giạt những hồn thơm
E tiếng nói sẽ làm kinh động đến
Của thời xưa niềm thương nhớ yêu đương
Hãy đứng lại trầm ngâm bên mộ lá
Hãy nâng niu từng cánh rụng dài sơ
Nhưng chớ hỏi bướm vàng đâu vắng cả
Cùng chim xanh thôi hót tự bao giờ
Chớ căn vặn buồn rơm sao bỏ trống
Mà duyên đi có hẹn trở về chẳng
Cũng đừng nhắc phiến gương hồ ảo mộng
Còn hay thôi ngời tỏ dấu sao băng
Hãy yên lặng nhưng trông tìm hãy khắp
Hiếu cho xa mà cảm nữa cho sâu
Rồi em sẽ thấy lòng thơ tràn ngập
Sóng buồn thương xô đến tự đâu đâu
Từng bước đã theo anh vào quá khứ
Hãy theo anh từng bước lặng ra về
Đó hết thấy em ời đời tâm sự
Vui gì đâu mà em cố đòi nghe
Trời xuân quang đãng ngoài kia
Giấu nhanh giọt lệ ra về thôi em
Lần sau muốn lại vào xem
Đừng quên khế tiếng và êm gót giày
Bước chân lời nói thơ ngây
Nếu làm sao động những ngày tháng qua
Thì anh đóng cửa vườn hoa
Thôi không kể nữa đâu mà nghe em

Nhắc chuyện xưa như khơi động lại mối u tình mà ngày nào đã chôn
sâu trong lòng dĩ vãng, giọt lệ sầu thương lại tuôn trào, niềm xót xa quặn

thất, thi nhân bỗng cảm như tình xưa quật mộ sống dậy đâu đây :

– *Tiếng mùa thu ta lắng đã quen tai
Nhưng gió tắt mà sao còn động cỏ
Hoa lung lay vật vã năm hương tàn
Hay tiếng khóc dâng lên từ đáy mộ
Của muôn đời chưa nín hận là tan.
Tiếng nước nở trên vai nhường rỏ huyết
Niềm oán hận càng nghe càng rõ rệt
Ôi trăm đau nghìn tủi quá bi thương
Chiều hôm nay ta viếng mộ một tình nương*

Và hình ảnh hiện lên càng rõ rệt hơn :

– *Sao tiếng khóc còn dâng thê thiết mãi
Bóng chiều buông đã lạnh kín tha ma
Từ cõi âm còn vắng đến lòng ta
Niềm di hấn của ai người bạc mệnh
Tay run rẩy nhưng không vì gió lạnh
Bỗng để rơi trên cỏ năm vàng hương*

và :

*Ta vừa thấy một linh hồn mỏng mảnh
Nú vai ta đòi trả lại yêu đương.*

Bị vết thương đau dày vò mãi tâm tư, muốn quên không được, mà giải sầu cũng khôn khuây. Thi nhân buồn cho kiếp hiện sinh của mình, buồn đời không dành cho mình một sự đãi ngộ nào, cho dù thật ít. Đây, chúng ta hãy nghe họ Vũ than thở :

*Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh.
bởi thế thi nhân phó thác dòng đời :
Bể vô tận sá gì phương hướng nữa.*

Thuyền ơi, thuyền ! theo gió hãy lênh đên.

Khổ đau, chán chường, cảm thấy mình quá bơ vơ, lạc lõng trên muôn nẻo chợ đời, thi nhân đã nhận định thân thế mình :

Lũ chúng ta đều thai lâm thế kỷ,

Một đôi người u uất nổi chơ vơ.

chính vì « đều thai lâm thế kỷ » cho nên :

Đời kêu bạc không dung hồn giản dị.

vậy thì còn tiếc rẻ mà chi, thôi đành nhắm mắt đưa chân, khi mà cuộc đời đầy dẫy đầy bất hạnh thì ham muốn nữa mà chi và tác giả cầu xin :

Thuyền ơi, thuyền ! xin ghé bến hoang sơ.

Thi nhân muốn thuyền ghé bến hoang sơ nào đó để chôn chặt kiếp đời của mình, nhưng thực tế vẫn là thực tế : khi tỉnh ra rồi, thi nhân nhận thấy men rượu không phải là con đường giải thoát hữu hiệu.

Nhà thơ chúng ta mới xoay ra đi tìm một liều thuốc nhiệm mầu hơn, một thứ phép lạ nào mới mong phá nổi thành sầu. Và cuối cùng người gặp một nàng tiên, nhưng lại là Nàng... Tiên Nâu ! Vậy mà được thi nhân đem hết lòng gắn bó.

Như một tín đồ tuyên thệ nhập đạo dưới chân thần tượng, thi nhân nguyện với nàng Tiên Nâu dẹp bỏ nỗi tiếc thương qua và bắt đầu đắm đuối trong duyên mới :

Quên

Đã hẹn với em rồi không tưởng tiếc

Quãng đời xưa không than khóc gì đâu

Hãy buông lại gần đây làn tóc biếc

Sát gần đây, gần nữa cặp môi nâu.

Đêm nay lạnh tìm em trên gác tối

*Trong tay em dâng cả tháng năm thừa
Có lẽ đâu tâm linh còn chọn lối
Để đi về cay đắng những thu xưa
Trên nẻo ấy tươi bởi em đã biết
Những tình phai duyên úa mộng tan tành
Trên nẻo ấy sẽ từ muôn đáy huyết
Ái ân xưa vùng dậy níu chân anh
Không, em ạ, không còn can đảm nữa
Không, nguồn yêu suốt lệ cũng khô rồi
Em hãy đốt giùm anh trong mắt lửa
Chút ưu tư còn sót ở đôi môi
Hãy buông lại gần đây làn tóc rối
Sát gần đây, gần nữa cặp môi điên
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói
Đưa hồn say về tận cuối trời quên.*

Từ khi tiếp xúc được với Nàng Tiên Nâu, quả như lời thi nhân nguyện, những vần thơ thay vì khóc than mối tình chết, chúng ta thấy thi nhân cung phụng sáng tác của mình vào chủ điểm của Nàng. Thi bản *Chết nửa vời* dưới đây ghi lại một linh hồn phiêu du trên cảnh huyền mộng, chơi vơi, thoát nhẹ khỏi vương vấn xót xa :

Chết nửa vời

*Bước đã mỏi mà trông càng đã mỏi,
Ta dừng chân nhắm mắt một đêm nay.
Thả chiếc bách không chèo trên bể khói
Mặc trôi về đâu đó nước non say.
Kìa một cõi trăm hình muôn vạn tiếng,
Đương dần phai, dần hiện, tắt rồi vang.
Ta cố gọi những giác quan lười biếng,*

*Để ghi cho hậu thế phút mơ màng.
Nhưng vũ trụ hư huyền tuy rộng mở,
Ta đê mê cảm được chút gì đâu !
Hồn với xác chỉ còn thoi thóp thở,
Trong hai bàn tay sắt bọc nhung nâu.*

Và quyền phép của Nàng còn ảnh hưởng trọn vẹn trong *Hơi tàn Đông Á*, *Nhớ quê nâu*, và rải rắc trong nhiều thi bản.

Đến *Rừng phong*, sự đau khổ cơ hồ đã lắng dịu, tư tưởng của Vũ hoàng Chương bắt đầu chuyển sang ngả rẽ, hướng về một cái gì siêu thoát, hư vô :

*Trải mấy hoang mang tìm kiếm
Lòng sao khát mãi chưa vừa ?
Hai lẽ « Có, Không » màu nhiệm
Đêm đêm ta hỏi người xưa.
Đuốc kim cổ, đây hồn ta thành kính
Hội trầm luân cùng ý thức Huyền-vi.
Mà sáu ngả hôn mê còn chữa định
Ta về đâu ? Kia Người đến làm chi ?
(Trích Bài ca siêu thoát)*

hay :

*Bào ảnh vọng lên từng dị diệu,
Khuê Ngưu tỏa xuống khúc ân tình
Hán Nguyễn hưng suy là màu trôi hoạt họa,
Gió ngủ trắng bay là nét đứng u minh
Thúy Kiều ơi ! Đêm giấc ngộ tương lai vào mộng huyền,
Nẻo hồi dương vang ngợp tiếng thần linh...
(Trích Bài ca tận tụy)*

hoặc :

Nửa giấc chiêm bao tuổi vàng Nghiêu Thuấn,

*Ta nằm nghe đời xuống bước suy vi.
Hồn kiếp trước riêng đây sầu xứ mãi,
Khóc luân hồi chưa ráo lệ tang thương.
Đêm xuân sang giữa vùng hoa cỏ dại,
Gối lên thơ, còn mộng níu thiên đường...*
(Trích Bài ca thời loạn)

Rồi đến Trời một phương, thi nhân đưa người đọc đến những chuyện bao la thế giới, vũ trụ huyền-vi của Tạo-vật :

*Cúi xuống dò thăm mạch địa từ :
La bàn kim chết đứng.
Thời-gian bước hững
Ra ngoài Hiện-hữu rồi chẳng ?
Không gian cũng vắn mình :
Cả ba chiều gãy thẳng băng.
Trượt qua « điểm uốn »
Hệ Thái-dương vừa đổi dấu Âm...*
(Xuân mới)

hay :

*Còn mưa, còn mưa, chưa ngớt đâu !
Mưa trút bề cao vào bề sâu.
Tư-duy chết đuối theo Tiềm-thức
Mờ hết thiên tâm loãng địa đầu.*
(Vũ vô kiềm tỏa)

Và chót đến là *Nhị thập bát tú* ; như chúng tôi trình bày ở phần đầu, tình, lời, và ý thơ phải cô đọng trong 4 câu 28 chữ.

Về điểm này, trong *Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại I*, ông Bàng bá Lân viết : « *Phá bỏ khuôn sáo cũ* (thể thơ tứ tuyệt, lời người soạn) để được tự do đi

tìm những gì mới lạ, chán rồi lại giam mình vào những khuôn khổ bó buộc như xưa. Âu cũng là cái vòng luẩn quẩn muôn đời của người ta vậy. »

Chúng tôi xin trích dẫn vài bài để các bạn ý niệm được về thể thơ này :

Đô-thành hoa lệ

*Trời mất bao giờ có biết đâu !
Người đi sùng bái những ngôi lầu
Văn minh từng phút lên cao mãi,
Nhân phẩm càng chôn mãi xuống sâu.
(Sài-gòn 1960)*

hay :

Lửa cháy bằng tan

*Sức Máy hàng trăm triệu tấn bằng ;
Tư duy chết cứng, bẹp Thăng-bằng.
Thơ đâu ?... Hãy thả vào Cây-sậy
Ánh lửa mười phương Nhật-nguyệt-đăng !
(Sài-gòn 1960)*

Thôi hết bản khoản

*Dấu hỏi (?) vây quanh trọn kiếp người,
Sên bò nát óc máu thềm rơi.
Chiều nay một dấu than (!) buông dứt,
Đình đóng vào sáng tiếng trả lời.
(Tháng tám 1962)*

(Bài thơ *Thôi hết bản khoản* được Vũ quân thích nhất trong thơ *Nhị thập bát tú*, in trong tập *Tâm tình người đẹp*, sáng tác ngày 4/5/61)

Tháng 1 năm 1968, thi sĩ Vũ hoàng Chương cho phát hành tập thơ *Bút nở hoa đàm* do Vạn Hạnh xuất bản. Ngoài *Bài ca dị hỏa* làm từ năm 1944, còn lại đều là sáng tác phẩm từ 1950 về sau ; nhận xét, chúng tôi thấy khuynh hướng thơ thiên nặng về tôn giáo. Quý bạn có thể tìm hiểu tư tưởng của thi nhân trong phần thi tuyển. Giờ, chúng tôi xin giới thiệu *Bút nở hoa đàm* qua lời của Đại-đức Thích Đức-Nhuận :

« Chúng tôi không làm công việc giới thiệu tác giả, vì Vũ hoàng Chương thi sĩ, với tên ông và văn nghiệp của ông đã có chỗ đứng rất vững chắc trên thi đàn Việt-nam kể từ thời tiền chiến cho đến hiện nay. Chúng tôi chỉ làm công việc nói về tập thơ *Bút nở hoa đàm*.

Phải ghi nhận thi phẩm này là tập thơ được chọn lựa như một kết tinh màu sắc thiền môn.

Nói vậy không có nghĩa *Bút nở hoa đàm* thiếu vắng những rung cảm, suy tư về thực tại Dân-tộc và Thế-giới. Mà phải nhận *Bút nở hoa đàm* là một công trình sáng tạo, trong đó thi nhân đã thể hiện bốn đặc thù chính : *Đặc thù một*, thi sĩ nói về « thân phận con người », sống trong một xã hội đầy cạm bẫy lường gạt, khóc tủi và vui gượng để quên đi thân phận đau thương :

*Cùng xót cùng thương nhau một kiếp
Phù du, may đổi nhục làm vinh.*

Chính vì chân nhận được kiếp người khổ đau bất hạnh nên *Đặc thù hai* của *Bút nở hoa đàm* là sự biểu hiện « tâm tư giải thoát » của thi sĩ. Ở đây, tâm tư ấy đã được thể chứng bằng phương pháp giáo lý Từ-bi Trí-tuệ :

*Mai đây lắng hết trần tâm,
Một dòng trôi giữa hương trầm tiếng chuông.*

Nhưng dù sao thi sĩ vẫn còn là một thực thể hiện hữu giữa một Dân-tộc đầy khổ lụy ; lý tưởng của thi sĩ là Đạo giải thoát ; thân thể của thi sĩ lại đã cũng chìm nổi nhiều phen trong dòng vận động cam go của Dân-tộc. Thế

nên *Đặc thù thứ ba* của *Bút nở hoa đàm* là « tiếng nói dân tộc » : Một dân tộc thi nhân đầy khóc loạn nhưng vẫn vững tin vào sức mạnh phục hưng của mình :

*Dân tộc ta không thể nào thua
Đạo phép ta đời đời xán lạn
Dầu trải mấy qua phân ly tán
Bị áp bức, phao vu, bội phản
Nhưng vẫn còn Núi còn Sông còn chót vót mãi ngôi Chùa.*

Trong lòng một thế giới mở rộng, thi sĩ đã tuyên dương một Hy-vọng, hy vọng về thế giới không hận thù màu da chủng tộc, dân tộc, thành kiến :

*Trái tim nhân loại sa lầy
Men kỳ thị máu pha bùn đã sặc.
Bao thành kiến với bao nguyên tắc
Ào xuống, chen nhau một chuyển đồ.*

Nếu cứ lao đầu vào những vụ tranh chấp giằng xé thì :
Địa cầu mai mốt không nhân loại...

Bởi đó trong *đặc thù thứ tư* này, thi sĩ đã nói lên một ước vọng hết sức chân thành của những « con người tình cảm », những con người muôn đời của nhân loại miên trường :

*Ôi ! mở lòng thương ra bốn biển,
Xương khô thịt héo cũng hồi sinh !*

Ngoài bốn đặc thù trên của *Bút nở hoa đàm* chúng ta còn nhận thấy thi sĩ đã dùng « Lửa » làm chất liệu xây dựng tác phẩm : Từ *Trái đất ban sơ* này khối lửa y nguyên, đến *Ánh lửa mười phương, Nhật-nguyệt-đăng*. Rồi Lửa trong lòng người ; *Nối tiếp nghìn thu Lửa đoạn trường*. Lửa còn là một biểu hiện của giống nòi Việt-nam, giống nòi Hỏa-đức ; *Từng viên gạch chưa quên đã nung lò Hỏa-đức*. và đây « Thông điệp lửa » từ thân tâm Việt-

nam truyền ra giữa thời đại đổ nát, để thức dậy niềm Tin hầu như sắp tắt nơi con người :

*Ôi ! ngọn lửa huyền vi !
Thế giới ba ngàn phút giây ngơ ngác
Từ cõi vô minh
Hướng về Cực-lạc.
Vần điệu của thi nhân chỉ là rơm rác
Và chỉ nguyện được là rơm rác
Thơ cháy lên theo với lời kinh
Tụng cho nhân loại hòa bình
Trước sau bền vững tình huynh đệ này.*

Lửa Việt đã cháy bốn ngàn năm và còn Nổi-tiếp, nguyện dâng lên cho nhân loại thoát kiếp thương đau :

*Dòng máu Lửa-thiên sông lên trong ngực
Vững một niềm Tin ngàn tay giúp sức
Bèo bọt sông Mê tìm ra Lẽ-thực
Phá vỡ cô đơn thoát ly áp bức
Ruột thịt hòa vui trên đường chính trực.*

Thi nhân muôn đời bao giờ cũng là nguồn rung cảm ước muốn trung thực của con người khát vọng được sống tốt đẹp, và vươn lên không cùng.

Bút nở hoa đàm đã phản ánh trọn vẹn ý nghĩa đó. »

(Trích lời tựa của T. T Thích Đức Nhuận)

Để kết luận, chúng tôi nhận thấy thơ Vũ hoàng Chương mang nặng tính chất của một quá khứ đau buồn thường xuyên ám ảnh, và giày vò mãi tâm tư nên thi nhân đã sống rất nhiều với nội tâm. Tiếng thơ của họ Vũ là những tiếng thở dài triền miên, nỗi niềm chua xót như bị ứ đọng trong tư tưởng thi nhân.

Than cho số phận, hoài nghi thân thể mình là kẻ « đầu thai lầm thể kỷ
» thi nhân đã mượn chung rượu, làn khói để khuấy sầu.

Nhưng liệu thi nhân có được mãn nguyện không ?

Hay chỉ là những tia lửa bập bùng rồi tắt hẳn !

Qua những *Thơ say, Mây, Rừng phong, Hoa đăng, Cảm thông* và *Trời một phương*, có lẽ thi nhân đã trút cạn nỗi niềm, tinh thần trở nên thanh thoát, tư tưởng được cô đọng trong những dòng thơ *Nhị thập bát tú* rồi đến *Bút nở hoa đàm* chúng tôi tưởng rằng Vũ quân đã định được nghĩa đời và tìm được lẽ sống thanh cao.

(Ấn bản kỳ nhì, 18-7-1968)

THI TUYỂN

U tình

Anh biết em từ độ
Em mới tuổi mười hai.
Anh yêu em từ thuở
Tóc em còn xõa vai.
Tháng ngày đi mau quá,
Chốc đã sáu năm trời.
Tình anh vẫn chưa hiểu
« Chưa » là « không » em ơi !
Em vẫn tin anh lắm,
Em vẫn mến anh nhiều,
Nhưng em tin em mến
Đâu phải là em yêu.
Trái tim hờ hững ấy.
Đâu thốn thức vì anh.
Anh cũng không hề chịu
Van xin một ái tình.
Cho nên dòng lệ tủi
Thấm ướt những trang đời,
Xóa nhòa hy vọng cũ,
Hoen ố cả ngày mai.
Lòng anh dần uổng cạn
Đến giọt cuối yêu đương.
Chỉ còn của dĩ vãng
Một dư vị chán chường.
Hôm qua tình đã chết.

Anh đã chôn nó rồi.
Anh khóc vì chôn nó
Là chôn cả một đời.
Nhưng anh không đào huyệt,
Không vùi đất như ai,
Cũng không mua vải liệm,
Cũng không mua quan tài.
Anh chỉ đem chôn nó.
Với nỗi niềm chua cay.
Từng mảnh, từng mảnh một
Trong mấy vần thơ đây.
Rồi một chiều xuân thắm,
Say hạnh phúc lứa đôi,
Vô tình em có nhớ
Đến người cũ xa xôi.
Mong em thu nhật giúp,
Đôi tay dù hững hờ,
Mong em vì hân lượm
Những mảnh tình bơ vơ,
Chấp lại và thương xót
Dành cho một nấm mồ.
Ở nơi dù hẹp nhất
Của lòng em say sưa.

Hờn giỗi

Tối qua em ngồi học,
Lơ đãng nhìn đi đâu
Dưới đèn anh thoáng nhận
Nét mặt em rầu rầu.

-Em buồn ? anh gắng hỏi.
Mấy lần em chẳng nói.
Rồi anh không biết vì sao,
Đẩy ghế đứng lên, em giận giỗi.
Rũ tung làn tóc rún đôi vai,
Em vùng vằng
Ôm sách vở
Sang phòng bên,
Không học nữa,
Không cho ai vào nữa,
Cũng không thèm nghe nữa
Lời thiết tha anh van gọi mái ngoài.
Nhưng anh nghe thốn thức,
Em khóc trên gối thêu.
Nhưng anh nghe tấm tức,
Em giận hờn bao nhiêu.
Em khóc làm sao mà dễ được,
Nhưng anh còn biết làm sao ?
Gọi em, em nhất định
Không mở khóa cho vào.
Từng giây từng phút lòng anh càng bối rối nao nao.
Anh vẫn nghe tiếng khóc
Trong vạt áo len hồng.
Anh vẫn nghe tiếng nấc
Dồn dập trên gối nhung.
Sao em khóc vì đâu hờn tủi ?
Em buồn có phải lỗi anh không ?
Hỏi em, em chẳng nói,
Mặc anh xô cửa phòng,

Ngoài hiên vắng gió đưa vàng rụng đến
Ngọn tường vi xuống mãi chiếc liềm cong.
Đêm gần khuya sương đổ,
Anh thấy ướt vai áo,
Anh thấy lạnh trong lòng.

Tối tân hôn

Do dự mãi đêm nay rời xứ Mộng,
Ta chiều em bỏ cánh lại cung trăng,
Lén bước xuống thuyền mây chờ cửa động,
Vội vàng đi quên biệt giã cô Hằng.
Gió đêm lồng lộng thổi,
Thuyền mây vùn vụt trôi.
Đang băng khuâng điện biếc đã xa rồi
Giữa lúc tỏa muôn hương đàn sáo nổi.
Ngực sát ngực, môi kề môi,
Nàng cùng ta nhìn nhau cùng chẳng nói,
Ôm vai nhau cùng lắng tiếng xa xôi.
Nguyệt chẳng phải tỳ không, càng không cầm với sắt
Tai dầu quen mà lạ tiếng tre
Cung Xế lẫn cung Hồ dìu dặt,
Mình tơ réo rắt,
Hồn trúc đê mê.
Những thanh âm nhạc điệu chữa từng nghe.
Như đưa vắng tự vô cùng xanh ngắt,
Đầy nhớ thương tha thiết gọi ta về.
Gió bỗng đổi chiều trên tấp xuống.
Nặng chiu hai vai nàng cố gượng,
Thắt vòng tay ghì riết lưng ta ;

Những luồng run chạy khắp thịt da ngà,
Run vì sợ hay vì ngây ngất ?
Ta chẳng biết nhưng rời tay chóng mặt,
Toàn thân lạnh ngắt !
Thuyền chìm sâu sâu mãi bể Hư Vô,
Mà hương ngát đâu đây còn phảng phất,
Mà bên tai đàn sáo vẫn mơ hồ.
Ngửa trông lên cung Quế tím mù xa,
Dần dần khuất,
Dưới chân ta.
Thuyền mây sóng lật,
Không gian vừa sụp đổ chung quanh.
Một trời đêm siêu rùng tan tành.
Dư hưởng yếu từng giây,
Dư hương dần loãng nhạt
Trong tay níu đôi thân liền sát,
Nhè nhẹ rơi vào lớp sóng khinh thanh.
Sao lìa ngôi phương hướng ngã bên mình.
Cơn lốc nổi,
Đòn tiên thôi gọi,
Âm thầm xa bật tiếng tiêu,
Nhưng mê man say uống miệng người yêu.
Ta cũng như nàng
Cảnh mộng chốn Bồn Lai đâu nhớ tới.
Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mãi ?
Chút thơ ngây còn lại cũng vừa chôn.
Khi tỉnh dậy bùn nhơ nơi hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn.

Mười hai tháng sáu

Trăng của nhà ai trăng một phương ?
Nơi đây rượu đắng mưa đêm trường.
Ờ, đêm tháng sáu mười hai nhĩ !
Tố của Hoàng ời ! Hồi nhớ thương !
Là thế, là thôi, là thế đó !
Mười năm thôi thế mộng tan tành.
Mười năm trăng cũ ai nguyện ước ?
Tố của Hoàng ời ! Tố của Anh.
Tháng sáu mười hai – từ đây nhé
Chung đôi – từ đây nhé lìa đôi.
Em xa lạ quá đâu còn phải
Tố của Hoàng xưa, Tố của Tôi.
Men khói đêm nay sâu dựng mộ,
Bia đề tháng sáu ghi mười hai,
Tình ta ta tiếc, cuồng ta khóc.
Tố của Hoàng, nay Tố của ai !
Tay gõ vào bia mười ngón rập,
Mười năm theo máu hận trào rơi.
Học làm Trang Tử thiêu cơ nghiệp,
Khúc Cổ-Bồn-Ca gõ hát chơi.
Kiều Thu hề Tố em ời !
Ta đang lửa đốt trời bởi Mái Tây,
Hàm Ca nhịp gõ khói bay
Hồ Xừ Xang Xế bàn tay điên cuồng.
Kiều Thu hề trọn kiếp thương,
Sầu cao ngàn ngút mấy đường tơ khô.
Xừ Xang Xế Xự Xang Hồ
Bàn tay nhịp gõ điên rồ khói lên.

Kiều Thu hề Tổ hỡi em !
Nghiêng chân rốn bể mà xem lửa bùng
Xế Hồ Xang khói mờ rung
Nhịp vườn sâu tỏa năm cung ngút ngàn.

Mời say

Khúc nhạc hồng êm ái,
Điệu kèn biếc quay cuồng.
Một trời phấn hương,
Đôi người gió sương.
Đầu xanh lặn đặng, cùng xót thương, càng nhớ thương,
Hoa xưa tươi, trăng xưa ngọt, gối xưa kê, tình nay sao héo ?
Hồn ngã lâu rồi, nhưng chân còn dẻo,
Lòng chót nghiêng mà bước vẫn du dương.
Lòng nghiêng tràn hết yêu đương,
Bước chân còn nhịp Nghê Thường lắng lơ.
Ánh đèn tha thướt,
Lưng mềm não ruột đáng tơ.
Hàng chân lả lướt,
Đê mê hồn gửi cánh tay hờ.
Âm ba gờn gợn nhỏ,
Ánh sáng phai phai dần...
Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi chân,
Riết đôi tay, ngã đôi thân,
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió,
Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ,
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta !
Cổ chưa khô, đầu chưa nặng, mắt chưa hoa,

Tay mềm mại, bước còn chưa chuếch choáng
Chưa cuối xứ Mê Ly, chưa cùng trời Phóng Đãng,
Còn chưa say, hồn khát vẫn thèm men.
Say đi em ! Say đi em !
Say cho lơ lửng ánh đèn,
Cho cung bậc ngả nghiêng, điên rồ xác thịt
Rượu, rượu nữa và quên, quên hết.
Ta quá say rồi !
Sắc ngả màu trôi...
Gian phòng không đứng vững,
Có ai ghì hư ảnh sát kề môi ?
Chân rã rời,
Quay cuồng chi được nữa !
Gối mỗi gần rơi,
Trong men cháy giấc quan vừa bén lửa,
Say không còn biết chi đời !
Nhưng em ơi !
Đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ.
Đất trời nghiêng ngửa,
Thành Sầu không sụp đổ em ơi !

Phương xa

Nhổ neo rồi thuyền ơi xin mặc sóng
Xô về Đông hay giạt tới phương Đoài.
Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng,
Lòng cô đơn cay đắng họa dần vơi.
Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh.

Bế vô tận sá gì phương hướng nữa,
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đên.
Lũ chúng ta đầu thai lắm thế kỷ,
Một đôi người u uất nổi chơ vơ.
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị.
Thuyền ơi thuyền xin ghé bến hoang sơ.
Men đã ngấm, bọn ta chờ nắng tắt,
Treo buồm cao, cùng cao tiếng hồ khoan.
Gió đã nổi nhịp trăng chiều hiu hắt,
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy cho ngoan.

Buồn đêm đông

Mây bay mờ thấp lối đông sang
Hồn lạnh tương tư nẻo gió vàng
Hương cúc mong manh tà áo lụa
Tình du dài mãi chút dư vang
Hoa gầy lây lút núa cành xương
Cánh nhỏ đêm qua rụng ngập đường
Gối chiếc nằm nghe sâu bốn mặt
Đều đều mưa nhịp ý thê lương
Rượu cũ Hoàng-hoa vị đắng rồi
Men tàn thêm gợi nhớ xa xôi
Hương say nhạt với màu thu úa
Chén lẻ sâu dăng lạnh thấm môi
Buồng vắng ơ hờ chẵn chiến đơn
Phiên thừa lọt gió buốt từng cơn
Ngoài xa bàng bạc lên sương khói
Tuyết phủ chiêm bao mộng chập chờn...

Hơi tàn Đông Á

Phơi phới linh hồn lỏng khóa then,
Say nghe giọt nhựa khóc trên đèn.
Mê ly cả một trời Đông Á,
Sực tỉnh trong lòng nắm mộ đen.

Đáy cốc bao la vạn vực sâu,
Ngai vàng Mông-Cổ ngự đêm nâu
Hãy nghe bão táp trong cô tịch,
Vó ngựa dân Hồi giẫm đất Âu.

Thuyền chiến nằm mơ cuộc viễn chinh,
Buồm neo rời rạc bến U Minh.
Đâu đây oản oại trong làn khói,
Lớp lớp uy nghi Vạn Lý Thành.

Thuốc cháy âm thầm hãy lắng tai,
Phương Đông là một tiếng than dài.
Bao nhiêu năm đã từng oanh liệt,
Bốn bể quy hàng nép dưới ngai.

Nhựa chín dần trên ngọn lửa đào,
Ngược dòng năm tháng khói lên cao,
Hương thiêng rẽ lối đôi bờ mộng
Cung các vàng son một thưở nào.

Gối nệm lênh đênh xác thịt hờ.
Thuyền Say một cánh lướt giòng Thơ.
Trăng hiu hắt ngủ đêm khuya rợn,
Sương khói phù dung ngập bến bờ.

Thế kỷ huy hoàng của Á Châu
Hiện về trên gối một đêm nâu

Mây xanh cánh rộng ai mơ đó ?

Hồn có tiêu tan vạn cổ sầu ?

Bài ca siêu thoát

Trải mấy hoang mang tìm kiếm

Lòng sao khát mãi chưa vừa ?

Hai lẽ « Có, Không » mâu nhiệm

Đêm đêm ta hỏi người xưa.

Đuốc kim cổ, đây hồn ta thành kính

Hội trầm luân cùng ý thức Huyền-Vi.

Mà sáu ngả hôn mê còn chữa định

Ta về đâu ? Kia Người đến làm chi ?

Phải chăng muôn kiếp nặng nề

Từ Hư KHông tới, lại về Không Hư ?

Lẽ nào mộng cả thôi ư ?

Người ơi ! Giọt bể chứa dư tang điền.

Một sớm lòng say chợt đổ nghiêng

Trăng sao tiềm thức sáng đài thiêng

Non lam nổi dáng hư huyền

Bụi đỏ phai màu nhân sự,

Trang đạo lý thơm tho từng nét chữ

Mười ngón tay đan díu cõi Vô-Hình

Xác tục lâng lâng chờ cơn gió hiển linh.

Ai xưa quên ngày tháng hát Vọng Tình ?

Kìa phương Nam, Hoa nở vút lời Kinh !

Dằng dặc trầm luân mấy độ

Thuyền ta trôi hể ý ta bay.

Sông in bóng nguyệt không mà có ?

Hay có mà không nhĩ gã Say ?

Người vừa ôm ấp trong tay
Nhạc giợn đêm nào vạn cổ ;
Sau trước cùng chung niềm tín mộ
Đâu lẽ « có » chiều xưa mà « không » sớm nay !
Ngơ ngác luân hồi mấy thuở
Mộng ta bay hể cánh ta trôi.
Bể Nam mù mịt không mà có ?
Hay có mà không, cứ điều ời ?
Người vừa rút ngắn xa khơi
Chín vạn đêm nào mượn gió ;
Đây đây cùng chung niềm ngưỡng mộ
Đâu lẽ « có » riêng nơi mà « không » riêng nơi !
Từng thiên rộng mở say sưa
Nghĩa màu nhiệm vang vang từng nét.
Ôi Lý-Bạch, Trang-Chu đường chim nẻo nguyệt !
Từ đây nhân gian đà lạc vết người xưa.
Đáy sông chìm mãi Lầu Thơ
Giấc mơ Hồ-Điệp ai mơ được nào !
Khoảnh khắc tươi bời thế sự
Ta nghe tiềm thức trăng sao.
Trời vô tận hiển linh về nét chữ
Thuyền chiếc phiêu du hể đôi cánh tiêu dao.
Hương quen màu nhớ xôn xao
Lòng thoát ra ngoài sống chết.
Ôi Lý-Bạch, Trang-Chu đường chim nẻo nguyệt !
Đời họa còn ta là theo vết người xưa.
Đáy sông tìm dựng Lầu Thơ
Giấc mơ Hồ-Điệp chờ mơ đó hể !
Lửa nào đây soi rạng đuốc nào kia

Phấp phới tình kỳ đế khuyết.
Hồn ta giấc ngộ quay về
Khôi phục ngai vàng bất diệt.
Ôi Lý-Bạch, Trang-Chu đường chim nẻo nguyệt !
Thông cảm riêng ta nằm lẫn vết người xưa.
Đáy sông bùng dựng Lầu Thơ
Giấc mơ Hồ Điệp chẳng mơ cũng thành
(Rừng phong 1954)

Bài ca sông Dịch

Đời lắng nghe đây trầm tư hồn bể dâu
Bàng bạc trường giang lạnh khói
Đìu hiu điệp khúc ly sầu
Đã mấy thời gian nằm u hoài sông Dịch
Tiễn kẻ một đi người kiếm khách Đông-châu
Ôi sông ngát dư linh ! trải bao đời có biết
Hào khí ai xưa giờ vang bóng nơi đây,
Phải chăng người ! phải chăng kia dấu vết
Tình anh rờ rở ngàn sau.
Nước trôi đây nước trôi bờ cõi Việt
Âm u gợn tiếng ghê màu
Ai tráng sĩ bao năm mài gươm dưới nguyệt
Còn tưởng nghe hồn thép múa sông sâu
Kinh-Kha hể Kinh-Kha
Vinh cho người hể ! ba nghìn tân khách
Tiễn người đi tiếng trúc nhịp lời ca.
Biên thù trống giục
Nẻo Tần sương sa
Gió thê lương quẩn quại khói chiêu hà

Buồn xưa giờ chưa tan
« Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn »
Bạch Vân ! Bạch Vân ! Kìa ngang rừng phát phối
Ôi màu tang khăn gói lũ người Yên
Nhịp vó câu nẻo Hàm-dương tung bụi
Ta nghe, ta nghe ! này cuồng phong dấy lên.
Tám phương trời khói lửa
Một mũi dao sang Tần
Ai trách Kinh-Kha rằng việc người đã lỡ
Ai khóc Kinh-Kha rằng thêm cao táng thân
Ai tiếc đường gươm tuyệt diệu
Mà thương cho cánh tay thần
Ta chỉ thấy
Tôi bồi tướng sĩ thây ngã hai bên
Một triều rối loạn ngai vàng xô nghiêng
Áo rách thân rung hề, ghê hồn bạo chúa
Hùng khí nuốt sao Ngâu hề, nộ khí xung thiên
Một cánh tay đưa mà danh lừng vạn cổ
Hiệp sĩ Kinh-Kha hề, người thác đã nên
Ta há quan tâm gì việc thành hay bại
Thế gian ơi kìa bãi bể nương dâu
Cung điện Hàm-dương ba tháng đỏ
Thành xây cõi dựng là đâu
Nào ai khởi nghiệp đế
Nào ai diệt chư hầu
Ca trùng lửa đốt, cùng hoàn phản không hư
Dù lãng ngà hay cổ khâu
Riêng tồn tại với thời gian việc làm chính nghĩa
Tranh sáng với trăng sao tấm lòng trượng phu

Một nét dao bay ngàn thuở đẹp
Dù sai hay trúng cũng là dư.
Kìa uy dũng kẻ sang Tần không trở lại
Đã trùm lẩn Yêu-Ly hể át Chuyên-Chư.
Ôi Kinh-Kha
Hào khí người còn sang sảng
Đâu đây lò chổi giấc mơ
Nước sông Dịch còn trôi hay đã cạn
Gương anh hùng dằng dặc sáng thiên thu.
(Rừng phong)

Lá thư ngày trước

Yêu một khắc để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại mấy tờ thư
Mộng băng quơ hò hẹn cũng là hư
Niềm son sắt ngậm ngùi duyên mỏng mảnh
Rượu chẳng ấm mưa hoài chạnh chiếu lạnh
Chút hơi tàn leo lét ngọn đèn khuya
Giấc cô miên rừng rợn nẻo hôn mê
Gió âm tường bay về quanh nệm gối
Trong mạch máu chút gì nghe vướng rối
Như tơ tình thắt mắc buổi chia xa
Ngón tay run ghi nét chữ phai nhòa
Hồi năm tháng hãy đưa đường giấc điệp
Yêu mê thế để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại chút này đây
Lá thư tình xưa nhớ lúc trao tay
Còn e ấp thuở duyên vừa mới bén
Ai dám viết yêu đương và hứa hẹn

Lần đầu tiên ai dám ký « Em Anh »
Nét thon mềm run rẩy gặng đưa nhanh
Lòng tự thú giữa khi tìm trốn nấp
Mười hàng chữ đơn sơ ồ ngượng ngập
E dè sao mười hàng chữ đơn sơ
Màu mực tươi xanh ngát ý mong chờ
Tình hé nụ bừng thơm trong nếp giấy
Ôi thân mến nhắc làm chi thuở ấy
Đêm nay đây hồn xế nẻo thu tàn
Khóc chia lìa ai nín gọi than van
Ta chỉ biết nằm nghe tình hấp hối
Say đã gặng để khuây sầu lẻ gỏi
Mưa mưa hoài rượu chẳng ấm lòng đau
Gấm the nào từ buổi lạnh lùng nhau
Vàng son có thay màu đôi mắt biếc
Tình đã rời đi riêng mình tưởng tiếc
Thôi rồi đây chiều xuống giấc mơ xưa
Lá lá rơi nằm bệnh mấy tuần mưa
Say chẳng ngăn những đêm dằng dặc nhớ
Trăng nào ngọt với duyên nào thắm nở
Áo xiêm nào rức rở ngựa xe ai
Đây mưa bay mờ chậm bước đêm dài
Đêm bất tận đêm liền đêm kế tiếp
Yêu sai lỡ để mang sầu trọn kiếp
Tình mười năm còn lại chút này thôi
Lá thư xưa màu mực úa phai rồi
Duyên hắt hắt ở phương trời đâu đó.

Chậm quá rồi

Mãi hôm nay lá úa ngập lòng ta
Lệ ngâu đã bắt đầu gieo thánh thót
Sen từng cánh với sương trinh từng giọt
Bắt đầu rơi Thu đã tới lòng ta.

Mãi hôm nay ôi nửa kiếp trông chờ
Nàng mới đến tay chèo khuê nhẹ sóng
Tóc trẻ nài trên lưng còn bỏ thông
Vòng hoa đào ôm lệch trán ngây thơ

Mãi hôm nay một buổi sớm thu mờ
Nắng đã tắt nơi lòng ta lạnh lẽo
Hương đã nhạt mà hoa dần đã héo
Còn chi đâu nồng thắm để yêu mơ

Có ai đem xây đắp một ban thờ
Với những mảnh bình tan trâm gãy nát
Có ai tặng để cho người đỡ khát
Một vò không hay một trái tim khô

Bao nhiêu năm tưởng đã phí công chờ
Ta xé vụn ân tình gieo rắc mãi
Nay dầu muốn thu về khâu chắp lại
Cũng không sao toàn vẹn được như xưa

Lòng ta ơi xin trở lại bên mồ
Để thương xót những hoa tàn lá rụng
Và đôi cánh vô duyên đừng mở rộng
Đón đưa người nhan sắc đến lầu Thơ

Kìa đã thôi rún rẩy cặp vai ngà
Nàng quăng mái chèo đi rồi đấy nhé
Tay đương vẫy miệng nhưng đào sắp hé
Bốn trời sương sắp vọng bốn tên ta

Lánh đi thôi Nàng đã bước lên bờ
Dấu đi nữa cả không gian sâu muôn
Ta chẳng nở trời ơi ta chẳng muốn
Của lòng ta Nàng đến lúc thu sơ

Bạc tình

Hoa trắng đầy mờ
Não ruột tiếng ai vừa khóc
Sương vẫn đục
Khói mơ hồ
Nhìn quanh chiều xám với tha ma
Vắng tanh ôi chiều nơi tha ma
Nhưng đâu đây ai khóc... gần hay xa
Mà thảm thiết hay thu vừa nước nở
- Không không phải giọng hồn trong sắc úa
Không cũng không âm nhạc của màu phai
- Tiếng mùa thu ta lắng đã quen tai
Nhưng gió tắt mà sao còn động cỏ
Hoa lung lay vật vờ năm hương tàn
Hay tiếng khóc dâng lên từ đáy mộ
Của muôn đời chưa nín hận là tan
Ngậm ngùi u uất
Não ruột than van
Oán thương chi mà cay đắng muôn vòn
- Ta chẳng biết nhưng ai mà biết được
Chân đứng lại hồn trôi vào thuở trước
Tưởng chừng nghe thánh thót lệ người xưa
Hán Minh Phi muôn dặm đất Thuyền Vu
Tiếc cung điện Trường-An còn nước nở

Ai vụng tính để cung đàn lỡ dở
Ai quên lời sai hẹn lúc chia tay
Mắt mòn trông ải Nhạn khói mây đầy
Ngậm ngùi u uất
Não ruột chua cay
Oán thương chi mà xương máu tràn đầy
- Sao tiếng khóc còn dâng thê thiết mãi
Bóng chiều buồn đã lạnh kín tha ma
Từ cõi âm còn vắng đến lòng ta
Niềm di hận của ai người bạc mệnh
Tay run rẩy nhưng không vì gió lạnh
Bỗng để rơi trên cỏ năm vàng hương
Ta vừa thấy một linh hồn mỏng mảnh
Núi vai ta đòi trả lại yêu đương.
Lòng trơ vơ rừng rợn nổi kinh hoàng
Lời cay đắng tưởng vô cùng bất tuyệt
Ngậm ngùi thống thiết
Rầu rĩ thê lương
Tiếng nước nở trên vai nhường rỏ huyết
Niềm oán hận càng nghe càng rõ rệt
Ôi trăm đau nghìn tủi quá bi thương
Chiều hôm nay ta viếng mộ một tình thương

Lửa từ bi

Kính dâng lên Bồ Tát Quảng-Đức
Lửa ! Lửa cháy ngất Tòa Sen !
Tám chín phương nhục thể trần tâm
Hiện thành thơ, quỳ cả xuống.
Hai Vầng Sáng rừng rừng

Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chắp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc,
Ánh Đạo Vàng phơi phơi
Đang bùng lên, dâng lên...
Ôi đích thực hôm nay Trời có Mặt
Giờ là giờ Hoàng-Đạo nguy nga.
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
Nhìn nhau : tình huynh đệ bao la.
Nam mô Đức Phật Di-Đà
Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay ?
Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
Người rẽ phăng đêm tối đất dày
Bước ra, ngồi nhập định, hướng về Tây
Gọi hết Lửa vào xương da bỏ ngỏ.
Phật pháp chẳng rời tay...
Sáu ngã luân hồi đâu đó
Mang mang cùng nín thở
Tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh Xe Quay.
Không khí vượn mình theo
Khóc òa lên nổi gió,
Người siêu thăng...
Đông bão lắng từ đây.
Bóng Người vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rọi bóng cây Bồ-Đề
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc !
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi !
Chỗ người ngồi : một thiên-thu-tuyệt-tác
Trong vô hình sáng chói nét Từ-Bi.
Rồi đây, rồi mai sau, còn chi ?

Ngọc đá cũng thành tro
Lụa tre dần mục nát
Với Thời-Gian lê vết máu qua đi.
Còn mãi chứ ! Còn Trái Tim Bồ Tát
Gội hào quang xuống tận ngục A-Tỳ.
Ôi ngọn Lửa huyền vi !
Thế giới ba nghìn phút giây ngơ ngác
Từ cõi Vô-Minh
Hướng về Cực Lạc.
Văn điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác
Và chỉ nguyện được là rơm rác,
Thơ cháy lên theo với lời Kinh ;
Tụng cho nhân loại hòa bình
Trước sau bền vững tình huynh đệ này.
Thốn thức nghe lòng Trái Đất
Mong thành Quả Phúc về Cây
Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Đồng loại chúng con
Nắm tay nhau tràn nước mắt
Tình thương hiện Tháp Chín Tầng xây.
(Khởi viết từ ngày 11-6-63
xong ngày 15-7-63 tại Sài-gòn.)

Nỗi lửa từ bi

Dân tộc ta không thể nào thua !
Đạo pháp ta đời đời xán lạn !
Dầu trải mấy qua phân ly tán,
Bị áp bức, phao vu, bội phản,
Nhưng vẫn còn Núi còn Sông, còn chót vót

Mãi ngôi Chùa.
Hỡi kẻ sống không tim ! kia muôn
Người chết không mồ
Đang ngồi dậy – chẳng sức gì ngăn cản
Nối tiếp nhau trong một lời hô :
« Trả lại chúng ta ngày Phật Đản !
Chấm dứt đi mau ngày Quốc Nạn ! »
Và từng mảnh thịt xương rã rời bom đạn
Vùng đứng lên gào thét vỡ sông hồ,
Khắp bãi biển hoang liêu ;
Khắp rừng cây rách nát :
Đà-nẵng Đà-lạt
Sài-đô Huế-đô...
Vùi nông, những năm xương khô
Từng oan thác, cũng đội mồ bước lên.
Mỗi Phật tử bên kia bờ thăm sát
Dầu vong thân vẫn chí sắt son bền,
Đang trở về trong tình thương bát ngát
Theo nhịp cầu chuông mõ nối hai bên.
Hồi thanh sáu ngả vang rền !
Cuộc tranh đấu vượt ra ngoài giới hạn
Của Tử sinh... Mầu nhiệm Pháp Vô-biên !
Suối Hùng-lực mấy muôn thu chẳng cạn,
Nước càn dương tẩy xóa mọi oan khiên...
Chúng ta may còn sống
Lẽ nào chưa xúc động ?
Chưa lắng nghe tiếng gọi triền miên
Đã ngân vang Sáng Tối cả hai miền ?
Ôi, từ Phật mở kỷ nguyên,

Tháng Tư nguyệt chẳng đoàn viên, có gì ?
Tiếng niệm Phật cháy dài trang lịch sử,
Mười phương tín đồ tăng ni.
Trái tim thầy Quảng-Đức
Vừa rung lên phơi phới Đạo kỳ.
Ức triệu người hôm nay lòng sáng rực
Sau ba năm nguyện nối Lửa Từ Bi...
Dòng trôi mưa nắng kể chi ;
Lửa dâng cao, gió huyền vi sang mùa !
Lẽ thường : ngôi chúa ngôi Vua
Dựng trên súng phải tiêu vong dưới đạn.
Chỉ còn lại tinh thần Nhân-bản
Vẳng vặc Núi Sông chót vót Ngôi Chùa.
Nên dầu bị qua phân ly tán,
Bị áp bức, phao vu, bội phản,
Đạo Phật ta vẫn đòi đòi xán lạn !
Dân Việt ta vẫn không thể nào thua !
(Sài-đô Phật lịch 2.510)

Người với người

(Thông điệp của Một gửi cho Tất Cả)

Chúng ta đều là người
Đều thế đứng cao sang
Đều sắc máu đỏ tươi
Đều hãnh diện trên muôn loài ngự trị,
Nhưng buồn thay... một phút nào kia
Nếu không gian chẳng còn dưỡng khí ;
Cũng đều ngã ra chấm hết cuộc đời.
Sao các bạn, các anh, các chị,

Ở nơi đây và tất cả những nơi đâu
Lại quên được – sao mà quên được nhỉ ?
Rằng « thịt da ai cũng là Người »
Nhân loại đã từng rên xiết
Đói rữ xương và khát cháy thiêu môi,
Quần quại với nhu cầu khẩn thiết
Qua bao thế kỷ nay rồi
Tật bệnh, tai ương, điêu tàn, hủy diệt,
Biến mất ư ? – Máu, lệ, mồ hôi !
Chính các chị, các anh, các bạn
Cũng có lửa khắc sâu trên trán
Từ sơ sinh hai chữ con Người
Cũng mang nặng bùn nhơ kết khối phàm thai,
Cũng giương mắt bao phen
Giữa vòng sao thác loạn
Cũng lê chân qua mờ mịt đêm dài,
Cũng da thịt biết đau từng vết rạn
Ở mỗi tế bào phân tán
Khi nắng đốt trên đầu gió quất trên vai.
Nhìn nhau, đây đây một loài ;
Xót xa nhau chút hình hài với nao !
Nhớ xưa Nhạc, Huệ
Cùng tranh ngôi cao
Một lời thống thiết
Muôn đời gởi trao :
« Nồi da nấu thịt
Lòng em nở nào ? »
Một con ngựa đau cả tàu nhịn cỏ,
Loài vật kia chẳng cũng dạy Người sao ?

Búa nện xương kêu, gậy đập máu gào
Đáng lẽ phải vang rền tim óc bạn,
Và chát chúa hồi thanh trong huyết quản
Dựng gươm dao cắt chín thịt da mình ;
Lẽ đâu các bạn làm thình
Nhìn Con Người hiện nguyên hình
Đau thương
Các chị các anh còn biết khóc
Mỗi xa người thân, chia uýên ương,
Còn biết những canh dài trần trọc
Nhớ quê nhà chìm trong khói sương,
Còn trang sử ông cha mở đọc
Biết rừng rừng sôi chí quật cường,
Hắn còn tim còn óc
Còn nhân luân còn linh tính
Còn thiên lương ;
Sao có thể đeo vết nơ làm ngọc ?
Xức mùi tanh làm hương ?
Kìa máu, máu !
Vết nơ ấy lột da đi không tróc
Mùi tanh ấy quyện vào hơi vào tóc
Như mọc lên như sờ thấy trong gương ;
Bóng mình chẳng ? Hay đó Quỷ Vô-Thường ?
Không, ngàn lần không ;
Chúng ta không phải Quỷ !
Mà hết thấy các anh các chị
Với tôi cùng một loài Người,
Tuổi ý thức đã hàng trăm thế kỷ
Dù, nói cho khiêm nhượng, mới Hai Mươi

Đau khổ đã cắt ngang vào não tủy
Nghĩa Từ Bi xây dựng cứu đời ;
Thì tin rằng mai đây và khắp nơi
Bóng Hoạt Phật lung linh dài Tử Sĩ ;
Muôn ngọn hải đăng
Tĩnh hồn cơ khí,
Bằng ánh sáng « vô chung vô thủy »
Soi đường khoa học giữa mù khơi.
Những mầm mống Tương-Tàn, Kỳ-Thị
Như lá mùa thu phải rụng rơi.
Nhân loại hiển chân thân
Cũng tìm ra chân lý :
Đức Hiếu Sinh văng vặc ngôi Trời...
Vững lòng tin ở xa vời,
Bàn tay nhuộm máu Người, giơ lên !
(13-8-1963)

Bánh xe Diệu Pháp

Đàn chim kêu thương
Cánh nặng trĩu một trời oan khuất
Ngóng về Nam,
Về Bắc,
Cả hai phương sừng sững dựng mây thành.
Sân chùa cây bật gốc
Triền miên tử khí vây quanh.
Giờ cúng trái hải hùng mưa gió,
Từng tiếng kêu bé nhỏ
Rào kềm gai xé nát hồi thanh.
Cá dưới khe vọng về Đông, khắc khoải.

Sao lắng nghe vào màu xanh
Của sông phiêu lưu
Của biển tung hoành
Chỉ thấy nước như nước hồ ao
Nằm trong tù độc thoai ?
Muôn trùng cửa khóa
Hơi bốc lên mùi máu còn tanh...
Biển có chừng bao nhiêu góc ?
Sông chia làm mấy mươi ngành ?
Bọc trong gai, nghẹn lời kinh
Giạt về đâu, phút lâm hình nửa khuya ?
Nhưng đá núi kia
Và lá rừng đây
Cắm thù gan héo nát
Mồ hôi nước mắt tháng năm đầy ;
Thoắt đã cùng chim cá
Vùng lên tất cả
Niệm mười phương Phật hướng về Tây
Là có hôm nay
Những người tu hành
Cản tay bạo ngược liều bom đạn
Nổi lửa Từ Bi giải sắt đanh.
Tháp chín tầng cao đường dài sáu tháng
Năm màu Cờ phất tương lai xanh.
Phật hiển hiện ; muôn loài vững bước
Ào lên, xiềng xích tan tành.
Trời quay mặt lại,
Sông núi hò reo cười sáng khoái,
Kìa xem ; Ác quỷ đã rơi nanh !

Ôi niềm ngây ngất
Khói dăng mây lành !
Trang sử Việt
Cũng là trang sử Phật
Trải bao độ hưng suy
Dẫu nguy mà chẳng mất
Lại giờ đây sáng ngời uy danh.
Hàng chữ số : 2507
Khắc bằng lửa vào lòng đây lòng đây
Nơi Trái-tim Bồ-tát truyền sang tinh anh...
Cỏ cây nhập hội
Chim cá đồng thanh
Vần thơ sóng nổi
Dư âm nhiệt thành.
Rằng : Xe Diệu Pháp ba ngàn cõi
Một cõi này thơm vết dấu tranh.
(11-1963)

Nguyện cầu

Ta còn để lại gì không ?
Kìa non đá lở, này sông cát bồi...
Lang thang từ độ luân hồi,
U minh nẻo trước, xa xôi dặm về.
Trông ra bến Hoặc bờ Mê,
Ngàn thu nửa chớp, bốn bề một phương.
Ta van cát bụi trên đường
Dù nhớ dù sạch, đừng vương gót này.
Để ta tròn một kiếp say,
Cao xanh liêu một cánh tay níu trời.

Thơ ta chẳng viết cho đời,
Không vang nhịp khóc đây cười nào đâu !
Tâm hương đốt nén linh sâu
Nhớ quê dằng dặc ta cầu đó thôi,
Đêm nào ta trở về ngôi,
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian.
Một phen đã nín cung đàn,
Nghĩ chi còn mất hơi tàn thanh âm.
(Hà Nội 1950)

XUÂN-DIỆU

XUÂN-DIỆU tên thật là Ngô xuân Diệu, sinh ngày 2 tháng 2 năm 1917, (con cụ tú Ngô xuân Thọ, giáo sư Hán văn trường Collège Qui-nhơn) người làng Can-lộc, huyện Trảo nha, tỉnh Hà-tĩnh (Trung-phần).

Xuân-Diệu trước học ở Qui-nhơn, sau ra Huế, rồi Hà-nội, có bằng Tú-tài Pháp và làm Tham-tá sở Thương-chánh Mỹ-tho (Nam phần).

Ông có chân trong Tự lực văn đoàn, từng viết cho các báo Phong hóa (1935), Ngày nay, Tinh hoa, Tri tân.

Các tác phẩm được xuất bản sau đây :

- Thơ thơ (Đời nay, Hà-nội, 1938)
- Phấn thông vàng (tiểu thuyết, Đời nay xuất bản, 1930)
- Gửi hương cho gió (Thời đại, Hà-nội 1994)
- Trường ca (Thời đại, Hà-nội, 1994)

Tư tưởng trong thi ca :

Trong Lược sử văn nghệ Việt-nam, ông Thế-Phong đã chia khuynh hướng thi ca của Xuân-Diệu ra hai thời kỳ :

- 1) Trước 1945, thiên về lãng mạn tâm lý (Thơ thơ, Gửi hương cho gió).
- 2) Sau 1945, thiên về lãng mạn cách mạng (sự hòa đồng của tình yêu và tranh đấu).

*

KHOẢNG thời gian từ 1938 đến 1942 có thể nói là thời đại vàng son của nền thơ mới, Xuân-Diệu chiếm hảnh địa vị độc tôn trên thi đàn Việt-nam. Tiếng thơ của Xuân-Diệu như luồng gió mới thổi mát tâm hồn tuổi trẻ, như giải thoát một nếp sống quá câu thúc của luân lý xưa, mà ngày nay ta

có thể nói Xuân-Diệu là nhà thơ đầu tiên ở Việt-nam đã áp dụng thuyết hiện sinh vào thi ca lúc bấy giờ.

Tư tưởng mới mẻ này bị đả kích rất nhiều mà hưởng ứng cũng không ít.

Sau khi chiến tranh Việt-Pháp chấm dứt, bao người đã ra đi, nhưng Xuân-Diệu vẫn còn lưu luyến bên kia dòng Bến-hải. Từ ấy nhẵn nay, ta không còn nghe tiếng thơ của Xuân-Diệu, một hương hoa tình ái ngày nào nay đành đóng dấu ngoặc để kết thúc một giai đoạn đời của nhà thơ đất Can-lộc.

*

Dư luận thuận và nghịch về sự xuất hiện thơ Xuân-Diệu

Trong những năm còn tranh luận về thơ cũ thơ mới, tiếng thơ của Xuân-Diệu vừa chào đời là gây luồng dư luận khá sôi nổi.

Phái xưa coi đó như cái gì khả ố cần phải tiêu diệt vì nó quá sỗ sàng, trắng trợn. Người ta chê nào là « ngây ngô », nào « tây » quá, « thơ đâu lại có thứ thơ quái gở như thế. »

Người ta đả kích cái tư tưởng « kém lành mạnh » một cách gắt gao. Họ viện những lý lẽ sau đây :

- « *Xuân-Diệu làm thơ quá mới mẻ đối với nền học thuật Việt-nam từ trước tới nay, những tư-tưởng của ông thường quá táo bạo, không ngại ngùng, e dè, ngần ngại, chỉ thích nói lên những gì mình cần nói mà thôi.* »

- « *Xuân-Diệu thường làm thơ theo một thể mới khó hợp với lớp người cũ, có nhiều bài thơ của Xuân-Diệu mang hẳn tính chất thơ tự do hoàn toàn chẳng hạn như bài thơ Riêng tây trong tập Gửi hương cho gió sau đây :*

Riêng tây

Trời mưa gió hôm nay ta đóng cửa,

Nằm riêng tây trong nỗi nhớ ngàn đời.
Gối âm thầm nâng đỡ tóc buông rơi,
Chân im lặng phủ trùm vai rã rượi.
Chiều chi vậy, để lòng ta chết đuối
Giữa lòng ta thương tiếc nỗi mệnh mang.
Ngó ra : rung rinh lệ ngọc hai hàng,
Biển nước mắt của lòng thương bát ngát.
Trên trần lạnh thẩn thơ dăm bóng nhạt.
Gợn làn không, sâu lớp lớp đi qua.
Ta nằm đây như một ải quan xa
Suốt năm tháng chẳng có người tiếp nối.
Viên tướng trẻ đêm đêm nằm bó gối
Chăn giá đơn vang dội rét biên thùy ;
Cho đến như con ngựa phận truy tùy
Cũng nhớ nước, thẩn thờ nhai miếng cỏ.
Ta buồn bã riêng tây như đứa nhỏ
Mẹ bỏ đi, vò võ kiếm đồ chơi.
Không ai thương nên chẳng dám hé lời,
Biết thân phận ghì môi không muốn khóc
Cây rung, nước lạnh, ai kẻ xông pha.
Đội một trời để tưởng tới lòng ta.
Ai ghé đến ?
- Thôi ta gài thêm cửa
Chẳng mong ai có thắp đèn chi nữa.
Lặng mà nghe thời khắc xuống êm êm,
Hững hờ trông ngày tranh thờ với đêm,
Chiều xa vắng một mình ta ở giữa.
Nhớ hương xưa, gọi là thêm chút lửa
Đắp thêm chăn im lặng cho ấm...

- Ngủ đi, ngủ đi, sâu hận muôn năm.

(Gửi hương cho gió)

- « Xuân-Diệu không theo những cổ lệ cũ từ trước tới nay đã có mà ông chỉ thích làm thơ theo lối tự do của mình, những chữ dùng trong bài cũng như lời đặt câu đều hoàn toàn theo mới, nhất là những tư tưởng của Xuân-Diệu là những tư tưởng tình cảm thật nồng nàn, không nằm trong khuôn thước cũ, lấy lễ giáo làm trọng tâm mà chỉ lấy những sự nồng nàn, say đắm của tình yêu mà thôi. Xuân-Diệu cũng không giấu diếm những đoạn tả tình yêu của trai và gái, những chữ được dùng thật táo bạo vô cùng, diễn tả những tâm sự nồng cháy, những nỗi lo lắng hấp tấp, những ý kiến muốn hưởng thụ cuộc đời trong hiện tại. Chẳng hạn như bài Sầu sau đây :

Sầu

Người về đây, lò xo lê áo cũ
Hồi sầu tư che giấu mặt âm u !
Coi, tội chưa, đau chất bụi thiên thu
Không ngẩng được, và tóc thì quét đất
Buồn thế hệ ta cũng đang u uất
Chúng ta đau, thôi em tới đây mà !
Mơ man nào, em đừng khóc, đôi ta
Thế, riết thế, hãy vòng tay chặt nữa
Cho em hút những chút hồn đã rửa,
Cho em chuyền hơi độc rất tê ngon
Em, rán êm, moi những vụn tim mòn
Đùn khói ngạt về đây, em, gió lạ !
Khí lạnh như thu, hồn ngây ngất quá
Rơi, rơi, rơi... chìm lặng xuống hư không
Riết thêm em, em riết nữa... gởi bông

*Cho ta mượn, kéo đầu tàn sắp rụng.
Ta có quán để vui vầy ngậm nước,
Ta có chân để huy hoàng cất bước,
Ta có lời để kêu dậy gần xa
Và có lòng tin tưởng để ngâm ca
Không muốn biết màu nâu hay sắc thắm.*

*Hình óng ả cũng mê như nét vạm
Nói cùng ta nghìn thưở mộng hoa hương
Và lòng ta như ngựa trẻ không cương
Con ngựa trẻ ngất ngây đường viên viễn
Chân nổi gió, cứ mặt trời thẳng đến
Quên lắng nghe bờ bụi tỉ tê nhau
Và tha hồ chó sủa ở đằng sau. »
(Gửi hương cho gió)*

Đó là những lý do mà Xuân-Diệu bị đả kích nặng nề đối với lớp người cũ.

Vào tháng 4 năm 1936, ông Thái-Phỉ, một nhà báo khá nổi tiếng thời ấy, đã công kích thơ mới kịch liệt trong báo *Tin văn* xuất bản tại Hà-nội, ông viết về Xuân-Diệu như sau :

« Trong những năm gần đây, một phong trào thi ca mới xuất hiện, nhóm này gồm nhiều người trẻ tuổi như : Thế-Lữ tức Nguyễn thứ Lễ tự là Lê-Ta, Lưu trọng Lữ, Xuân-Diệu, Huy-Cận, v.v... Nhóm này ra đời đã hô hào huênh hoang tự cho mình là làm thơ theo mới, tư tưởng tự do cởi mở, là tiến bộ, là văn minh. Nhưng thật tình có văn minh tiến bộ không ? Khi mà người hôm nay đọc thơ của họ không sao tránh được những cái tầm thường, lối bạch, gàn dở không chỗ nói được. Những bài thơ bất kể văn, bất kể niêm luật cứ thay phiên ra đời nhưng nó chẳng làm được một cái gì gọi là mới cả. Chẳng hạn như thơ của Xuân-Diệu, ông này được coi như là một

tay kiện tướng của phong trào này, thơ của ông ta được kể là khá nhất đám nhưng cũng chẳng ra gì. Thơ với thần, đọc qua nhiều bài của ông chúng ta phải bắt cười vì thơ thì chẳng ra thơ, Tây chẳng phải Tây mà Tàu lại cũng chẳng phải là Tàu ».

Về điểm này, trong phần *Thảo luận luật thơ mới* của ông Lam-Giang xuất bản ở Hà-nội năm 1940 gồm những bài luận về luật quân bình đăng trong phụ trương văn chương báo *Tân-tiến* ở Sài-gòn⁴³ cho biết ông có tiếp được của một nhà thơ cũ nào đó bài thơ bát cú chề thơ mới, xin trích như sau :

*Nghĩa lý vợ vợ rồi vẫn vẫn
Thanh âm ngẩn ngẩn lại ngơ ngơ
So với Á-học như dưa đắng
Sánh với Âu-văn tựa mít xơ...*

Để dẫn chứng, ông Thái Phỉ viết thêm :

« Thử đọc một bài thơ của ông Xuân-Diệu chúng ta sẽ thấy điều đó, tôi xin trình bày một vài thí dụ qua mấy bài thơ của ông này :

Tương tư chiều

*Bữa nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm.
Anh nhớ em, em hồi ! anh nhớ em.
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm,
Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rồi ;
Đêm băng khuâng đôi miếng lẩn trong cành :
Mây theo chim về dãy núi xa xanh
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.
Thôi hết rồi ! còn chi nữa đâu em !*

Thôi hết rồi, gió gác với trăng thềm.
Với sương lá rụng trên đầu gần gũi
Thôi đã hết hồn ghen và giận dữ,
(Được giận hờn nhau ! sung sướng bao nhiêu)
Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh
Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.
Anh nhớ em, anh nhớ lắm, em ơi !
Anh nhớ anh của ngày tháng xa khơi,
Nhớ đôi môi đương cười ở phương trời ;
Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đắm đắm.
Em ! xích lại ! và đưa tay anh nắm !
Gió bao lần, từng trận nhớ thương đi,
- Mà kỷ niệm ôi, còn gọi ta chi... »
(Thơ thơ)

Và đây là một bài khác. Bài Hoa đêm :

Hoa đêm

« Chen lá lục, những búp nhả mở cửa,
Hóp bóng trắng, đầy miệng nở xinh xinh.
Vì gió im, và đêm cứ làm thình,
Đoạn giây phút cũng lân khân nghĩ đã.
Trăng ở đó ; đất vườn thêu bóng lá ;
Trời trên kia vàng mạ sáng như băng ;
Lá lim dim trên mấy ngọn bàng bằng ;
Cành lá lả tưởng chờ ai đón đấy.
Ôi vắng lặng !
Trong giờ mơ ngủ ấy,
Bỗng hoa nhài thức dậy, sánh từng đôi ;

Hoa nhài xanh, dưới ánh nguyệt tuôn trời.

Ánh nguyệt trắng trên hoa nhài đúc sữa

Sao họ khéo nồn nà mà bở ngỡ,

Những nàng hoa chờ đợi gió phong lưu ;

Chiều khả liên áo mới, khẽ nghiêng đầu

Mỗi cánh bướm yêu, yêu thân tuyết bạch.

Nguyệt lác đác tiếng nổ dòn lách tách ;

Lòng phơi phơi chừng đợi cái ong châm ;

Miếng thở ra hương, hương tỏa tình ngấm,

Hoa Kỹ-nữ đã mở lời trêu ghẹo.

Chàng gió lại đi khuya, ngoài khuất nẻo,

Nghe tiếng thơm, liều liếu đến tìm hương.

Cánh du lang tha thướt phất qua tường.

Áo công tử giải là vương não nuốt,

Này hoa ngọc đã giật mình trắng muốt,

Thoảng tay tình gió vượt bổng lao đao :

-Hương hiu hiu, nên gió cũng ngọt ngào,

Hôn nhỏ nhỏ mà đầu hoa nặng trĩu.

Là màu sắc hay chỉ là âm điệu ?

Là hương say hay chính ấy rượu thơm ?

Gió canh khuya hay nghìn ngón tay ôm ?

Trăng mỗi lái phủ màng tơ ảo mộng...

Gió chấp cánh cho hương càng tỏa rộng,

Xốc nhau đi vào khắp cõi xa này

Và hương bay, thì hoa tưởng hoa bay... »

« Thơ mới là thế đó. Thật tình mà nói, đọc hết hai bài thơ trên của một « kiện tướng » thơ mới tôi vẫn không tìm được một chút cảm hứng nào cả. Một khi thơ không còn gây được cảm hứng thì tốt hơn đừng làm thơ. Nếu làm thơ thì phải có hồn và điệu, thế thì mới đáng gọi là thơ... »

Đó là một vài lời công kích của một số người không ưa chuộng cái mới, những người này luôn đả phá những tư tưởng của Xuân-Diệu cũng như hầu hết những nhà thơ mới trong khoảng thời gian 1932-1936.

Tiếng thơ Xuân-Diệu cũng nằm trong số những nhà thơ mới và bị đả kích nặng nề không kém mà trường hợp trên của ông Thái-Phi công kích trên tạp chí *Tin văn* là một trường hợp điển hình nhất.

Lớp người cũ thì mặt sát như thế, trái lại giới trẻ tuổi lại đón tiếp Xuân-Diệu với tất cả nhiệt tình. Họ tôn thờ như một thần tượng và quyết tâm bảo vệ cho kỳ được cái tư tưởng mới lạ, phóng khoáng, cởi mở ấy.

Trong bầu không khí tranh luận sôi nổi của tân và cựu, Hoài-Thanh Nguyễn đức Nguyên, thoát tiên cũng có vẻ hoài nghi đối với sự xuất hiện của Xuân-Diệu, ông viết :

« Bây giờ mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt-nam hồi Xuân-Diệu đến. Người đã tới giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần. Vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng. »

Và ông hơi xem thường sự diễn đạt ý tứ tân kỳ của Xuân-Diệu :

« Ngay lời văn Xuân-Diệu cũng có vẻ chơi vơi. Xuân-Diệu viết văn tựa trẻ con học nói hay như người ngoại quốc mới võ vẽ tiếng Nam. Câu văn tuồng bỡ ngỡ ấy chính là chỗ Xuân-Diệu hơn người. Dòng tư tưởng quá sôi nổi không thể đi theo những đường có sẵn. Ý văn xô đẩy, khôn khổ câu văn phải lung lay. »

Tư tưởng quá mới mẻ của Xuân-Diệu đến với ông một cách đột ngột khiến ông không tránh khỏi sự dăng co, trì kéo của hai luồng tư tưởng tân cựu chi phối ; nhưng phải nhìn nhận ông là nhà phê bình có cặp mắt tinh tế và nhận xét khách quan, ông thêm :

« Sau khi đọc lại nhà thơ có tâm hồn phức tạp này, sau khi đã tìm kiếm Xuân-Diệu hoài, tôi thấy đây mới thực là Xuân-Diệu. Thơ Xuân-Diệu chẳng những diễn đạt được cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Vả chẳng tinh thần một nòi giống có cần gì phải bất di bất dịch. Sao lại bắt ngày mai phải giống hết ngày hôm qua ? Nếu ra một mớ tính tình, tư tưởng, tục lệ, rồi bảo : người Việt-nam phải như thế là một điều rất tối vô lý. Thơ Xuân-Diệu còn là một nguồn sống rạt rào chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. »

Những gì mà Hoài-Thanh suy tư sau khi đọc đi đọc lại về Xuân-Diệu ?

Những gì mà Hoài-Thanh đã phát hiện sau khi phân tích thực chất thơ Xuân-Diệu ?

Đây chúng tôi xin nhường lời cho Hoài-Thanh :

« Nhưng xét rộng ra, cái nao nức, cái xôn xao của Xuân-Diệu là cái nao nức, cái xôn xao của thanh niên Việt-nam bây giờ. Sự đụng chạm với phương Tây đã làm tan rã bao nhiêu bức thành kiên cố. Người thanh niên Việt-nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người. Họ tưởng có thể nhắm mắt làm liều, lấy cá nhân làm cứu cánh cho cá nhân, lấy sự sống làm mục đích cho sự sống. Song đó chỉ là một cách dối mình. «Chớ để riêng em phải gập lòng em », lời khẩn cầu của người kỹ nữ cũng là lời khẩn cầu của con người muôn thưở. Đời sống của cá nhân cần phải vịn vào một cái gì thiêng liêng hơn sự sống. »

« Bởi Xuân-Diệu đã gửi trong thơ của người lẫn với một chút hương xưa của đất nước, bao nhiêu nỗi niềm riêng của thanh niên bây giờ – Xuân-Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới – nên chỉ những người lòng còn trẻ mới thích đọc Xuân-Diệu, mà đã thích thì phải mê. Xuân-Diệu không như Huy-Cận, vừa bước vào làng thơ đã được người ta dành ngay một chỗ ngồi yên ổn, Xuân-Diệu đến giữa chúng ta tới nay đã ngót năm năm mà những tiếng khen chê vẫn chưa ngớt, người khen, khen hết sức, người chê, chê

không tiếc lời. Song những ai chê Xuân-Diệu, tưởng Xuân-Diệu có thể trả lời theo lối Lamartine ngày trước : « Đã có những thiếu niên, thiếu nữ hoan nghênh tôi. » Với một nhà thơ còn gì quý cho bằng sự hoan nghênh của tuổi trẻ ».

Đọc lời phê bình trên của Hoài-Thanh ta thấy dường như ông có trách vụ trọng tài trong cuộc tranh chấp ý thức hệ. Ông đã thông đạt tư tưởng của lớp người cũ và cảm thông cái nao nức của lớp người mới, ông chủ trương thuyết trung dung, đừng cuồng nhiệt cũng đừng hòa hoãn quá. Hãy bắt kịp trào lưu của nhịp sống vì nó là bước tiến của văn minh xã hội, song, như ông nhận xét, sự thâm nhập của luồng gió mới có cái lợi cho « người thanh niên Việt-nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người ».

Và ông không quên nhắc nhở : *« Đời sống của cá nhân cần phải vịn vào một cái gì thiêng liêng hơn sự sống. »* Có thể nói đây là lời « tiên tri » đã ứng vào cuộc đời tình ái mà chính Xuân-Diệu là miếng đất thí nghiệm. (Chúng tôi sẽ diễn dẫn sau.)

Trước khi bước sang phần khảo luận thi ca của Xuân-Diệu, thiết tưởng chúng tôi cũng nên ghi thêm vài nhận định của nhà phê bình văn học Vũ ngọc Phan. Ông đã tỏ ra hòa dịu, dung thứ và chấp nhận sau khi bòn dãi sạn cát trong chất thơ của Xuân-Diệu. Ông đã bỏ công lục lạo trong trí não của lớp người trẻ để hiểu họ hơn, ông viết :

« Nhưng muốn cho công bình (một cách phân bua phải trái, lời người soạn), ta phải phê bình tập Thơ thơ trong hoàn cảnh mới của nó, nghĩa là hãy hiểu lấy nguồn hứng của Xuân-Diệu và những ý tưởng rất mới của ông ; ta cũng lại phải chú ý đến những chữ, những câu, những vần, những điệu trong những bài thơ mới ấy, để hiểu lấy cái nhạc điệu mới nữa ».

« Dù là thơ mới hay thơ cũ, nếu là thơ hay, cũng không qua được hai điều này : ý nghĩa và âm điệu. Ý nghĩa được khoái hoạt, hùng hồn và thú vị,

mới là những ý nghĩa phát ra bởi những tư tưởng thâm trầm ; âm điệu được du dương là nhờ cả ở cú pháp phân minh, chữ dùng tề chỉnh và quán xuyên. Thơ đã không có âm điệu thì thơ không còn phải là thơ và thơ đã vô nghĩa thì cũng không còn kể là thơ được ».

« Xuân-Diệu là người đã đem đến cho thi ca Việt-nam nhiều cái mới nhất. Hồi xưa, người ta chỉ tìm trong thơ ông rất những cái dở, không kể đến cái hay, nên mới chỉ có rất những lời chỉ trích ».

« Ta hãy thử đọc mấy câu thơ mà ý và lời đều thật mới của Xuân-Diệu : »

Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc
Ngọt ngào than gọi thưở xa khơi...
Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im,
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ run hoài như chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm.
(Huyền diệu, Thơ thơ)

« Mới đọc, ai cũng tưởng như « ngô nghê » và « tây » một cách sống sượng. Nhưng nếu suy nghĩ một chút, ta không thể dùng hai chữ « ngô nghê » mà phê bình được. Thật ra nếu ngũ quan bị kích thích, thì nhân chứa chan tình cảm mà phát ra lời thơ, thì trong trí tưởng tượng, những cái vô hình cũng có thể hóa ra hữu hình : thơ có thể ví như những thỏi nước đá mát lạnh và cảm đến não cân người ta, còn nhạc có thể ví như một thứ rượu mùi, tuy ngọt, tuy đậm đà, thơm tho, mà có thể làm cho người ta say lúy túy. »

« Dùng chữ, dùng lời một lối « cách mệnh » như thế, mới đầu có sự khó hiểu là thường ; nhưng rồi với thời gian người ta sẽ hiểu. »

« Bây giờ người ta đã hiểu thơ Xuân-Diệu. Người ta thấy thơ Xuân-Diệu đậm thắm, nồng nàn nhất trong tất cả thơ mới. Cả ý lẫn lời đều thiết

tha, làm cho nhiều người thanh niên ngây ngất. Hãy nghe :

...Không gì buồn bằng những buổi chiều êm
Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rỗi ;
Đêm băng khuâng đôi miếng lẫn trong cảnh :
Mây theo chim về dãy núi xa xanh
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.
Thôi hết rồi ! còn chi nữa đâu em !
Thôi hết rồi, gió gác với trăng thêm.
Với sương lá rụng trên đầu gần gũi
Thôi đã hết hờn ghen và giận dỗi,
(Được giận hờn nhau ! sung sướng bao nhiêu)
Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh
Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.
Anh nhớ em, anh nhớ lắm, em ơi !
(Tương tư chiều, Thơ thơ)

« Những lời say sưa tha thiết như thế, nếu thi sĩ không rất nồng nàn với cuộc sống thì không tài nào diễn ra được »

Qua hai nhà phê bình văn học đầy thiện cảm nói trên, mặc nhiên Xuân-Diệu được thừa nhận sự hiện diện của mình trên giải đất văn nghệ này.

Ba mươi năm trôi qua. Sự thử thách đã lắng dịu.

Ngày nay, trào lưu diễn tiến mãi. Tiếng thơ của Xuân-Diệu không còn là những gì khó chịu cho lớp người lớn, và vẫn mãi còn là những rung cảm thiết thực của lòng trẻ.

Đó là về thi ca. Trên bình diện văn chương, Xuân-Diệu cũng đã thành công thật nhiều, số tác phẩm của ông góp mặt rất ít ỏi, chỉ vồn vện có hai

tập truyện : *Trường ca* (gồm mười hai bài bút ký, Thời Đại Hà-nội xuất bản 1945) và *Phấn thông vàng*.

Tập truyện *Trường ca* được coi là xuất phẩm giá trị của Xuân-Diệu, chúng tôi nói thế vì những lẽ sau :

1) Nó là tập truyện ngắn được chọn lọc kỹ và ưng ý nhất của họ Ngô.

2) Nó giá trị vì sự hiếm hoi : in vốn vẹn 1.000 bản ; ra đời chỉ mấy hôm liền bị hủy diệt vì chiến họa, số lượng còn lại không đầy phân nửa. Từ đó đến nay người ta không thấy *Trường ca* tái bản.

Vì lẽ trên, *Trường ca* bỗng trở thành tác phẩm giá trị cả hai phương diện nghệ thuật văn học và sự hy hãn của nó.

Trong tập *Trường ca*, Xuân Diệu đã chứng tỏ khả năng viết văn tình cảm của mình. Những truyện được góp mặt đều mang một sắc thái tình yêu qua lời kể chuyện của một cánh phượng chiều hè, một tâm sự chiều thu hay nỗi lòng của những người trai gái yêu nhau nhưng tình dang dở. Với tập *Trường ca* Xuân Diệu tỏ ra chững chạc, nhàn nhã hơn, mới thì vẫn mới nhưng kín đáo, không sỗ sàng, lộ bịch. Có những đoạn văn, Xuân Diệu viết thật hay, dùng chữ thông thường, không kiểu cách để diễn tả tâm trạng của nhân vật, khiến câu chuyện nổi hần và được lồng vào đó nhiều câu văn thật tế nhị, êm đềm.

Để dẫn chứng cho lời phê bình trên, chúng tôi xin trích một đoạn văn trong tác phẩm *Trường ca* khi Xuân Diệu trình bày hình ảnh của một mùa thu :

« Lá không vàng, lá không rụng, lá lại thêm xanh ; ấy là mùa thu đã về ; mùa thu mới về, yếu điệu thực nữ. Trời bớt nóng và thêm mát. Có ai thổi cơm mà khói nhẹ mờ hồ đâu đây...

Chưa có sương mù chưa có hần sương mờ ; chỉ là đôi thoáng sương mờ, mỏng như chiêm bao. Mặt trời nhạt vừa khuất mây, thì khói lá biếc hơi

nhòa ; mặt trời vừa ló lại ánh vàng, thì khối lá lại hiện nguyên sắc biếc, không biết có phải sương thu mới nhóm, hay đó chỉ là sự huyền ảo của chính hồn tôi ?

Mùa thu đến với cõi đời như một cô gái xưa đi về nhà chồng ; nàng thu bước rất khoan thai, tà áo thướt tha, chân không có tiếng. Thân hình nàng uốn éo rất thanh quý, mặt ngọc của nàng che sau cánh quạt mở, thỉnh thoảng cánh quạt khẽ chệch, để lộ đôi mắt êm như trời xanh buổi chiều.

Mặc dầu bên tây cũng có mùa thu, thiên hạ vẫn cứ thấy mùa thu là ở bên Tàu. Mùa thu cũng đồng một quê quán với Tây-Thì với nàng Tây-Thì quá xưa cho nên quá đẹp, và cũng vì quá xưa cho nên không ai nhớ hình ảnh, không ai nhớ tưởng tượng nàng Tây-Thì với má hồng môi son, mà chỉ cảm nàng Tây-Thì như một áng mơ không màu sắc, chỉ có êm đềm tuyệt diệu mơ màng, cũng như mùa thu.

Mùa thu là cái gì xa xôi, cái gì kín đáo, và thanh tao bình dị, và xa xôi mênh mang. Nên thu bao giờ cũng xưa, ta thấy như thu ở thời xưa mà về ; và ta cũng thấy như rất thông thả, bình yên, thu ở trên trời mà xuống.

Và cả nước Tàu cổ là một mùa thu bát ngát, bằng và rộng như một cánh hồ không có bờ bến.

Thu thủy cộng tràng thiên nhất sắc
Lạc hà dữ cô lộ tề phi.

Trái lại, mùa thu cũng là một nước Tàu cổ mênh mông, làm ta nghĩ những cảnh xa vắng ngàn đời, ở sông Tiêu-tương cũng như ở bến Hà-nội. »

*

« Nhưng tôi còn thấy mùa thu là mùa yêu. Với lòng tôi, trời đất chỉ có hai mùa : Xuân với Thu, hai mùa đặc biệt ý nhị, hai mùa có bình minh. Từ Xuân sang Hè là từ ấm sang nóng, từ Thu sang Đông, là từ mát sang lạnh, sự thay đổi làm ta bực tức mà lại không có gì thực mới cả ; Đông với Hè

chỉ là sự thoái quá của Thu với Xuân. Chứ còn từ Đông sang Xuân, sao mà sung sướng thế ! Lạnh chuyển ngược sang ấm, từ một điều rất khó chịu chuyển ngược sang một điều rất dễ chịu. Theo lệ ấy, Hè sang Thu là bao nhiêu khoái trá cho giác quan ; được rời bỏ lửa chói chang mà vào trong nước hiền hòa, mát mẻ. Xuân với Thu là hai bình minh trong một năm, sự đổi thay hệ trọng nhất cho tâm hồn. Và bởi vậy Thu cũng là một mùa Xuân...

Thu cũng là một mùa Xuân ! Tôi tìm thấy cái khoái lạc đó. Tôi nghe rất đúng. Đầu Xuân là bình minh ấm của lòng tôi ; đầu Thu là bình minh mát của lòng tôi. Và ấm hay mát, Thu hay Xuân, lòng cũng rạo rức như tiếng mùa, ái tình ghé môi gọi lời trong gió...

Mỗi lần thu sang, mắt tôi chưa thấy mờ chân trời, chưa thấy cây lá thêm xanh, mà da tôi đã nghe trước những mũi kim dịu dàng của không khí. Hơi mát kích thích, thoáng nghe lành lạnh, máu tôi vội vàng cưỡng lại, chạy hăng và khỏe lên. Sự sống trong mùa Xuân từng bừng ra ngoài, thì giữa mùa thu, sự sống lại tiềm tàng lặn vào bên trong, sắp sẵn lò sưởi ở giữa ngực. Tôi hơi buồn mơ hồ, nhưng tôi cũng sống rất phơi phới. Ôi ! Xuân ý của mùa thu, sao mà đầy một vị mặn nồng kỳ dị, có hơi gượng gạo trong niềm sung sướng, và trong nỗi tràn đầy, phải chăng có lẫn một màu đắng cay...

Thu không phải là mùa sầu. Ấy chính là mùa yêu, mùa yêu nhau bằng linh hồn, mùa những linh hồn yêu mến nhau. Tiếng nói thành ra nhỏ hơn, cổ họng hơi chùng dầy, âm nhạc của lời tình đàn theo một bậc thấp. Sự ngưng ngừng bớt rất nhiều, người ta ngoan hơn, để mười hay hai mươi ngón tay đan với nhau, và lắng nghe sắc trời xanh xuống ôm lấy lứa đôi như một tấm áo che sương. Ấy là những giờ thân mật dạo qua hai hàng cây, bước như ngờ ngợ, hồn như giao hòa ; ấy là chiếc thuyền trẽ trên hồ tàn sen, bị cảm buổi chiều tím.

Trời muốn lạnh, nên người ta cần nhau hơn. Và người nào chỉ có một thân, thì cần một người khác. Xuân, người ta vì ấm mà cần tình. Thu, người ta vì lạnh sắp đến mà cũng rất cần đôi. Cho nên không gian đầy những lời nhớ nhung, những linh hồn cô đơn thả ra những tiếng thở dài để gọi nhau, và lòng tôi nghe tất cả du dương của thứ vô-tuyến-điện ấy ».

(Trích *Trường ca* – toàn bài *Thu*)

Đọc thử đoạn văn trên chúng ta hẳn đã thấy Xuân-Diệu làm văn thật hay, hay vì ở những chỗ lựa chữ của tác giả, ông chỉ dùng những chữ nhẹ để gợi tình, gợi cảm. Kích động hình ảnh mùa thu trong tiềm thức ở xa xưa cũng như trong hiện tại. Đó chỉ là một khía cạnh mà thôi. Trong toàn tập, Xuân-Diệu còn trình bày những tâm sự khác mang dưới nhiều tiêu đề như *Lệnh* (1940), *Đẹp trai* (1942), *Hoa học trò* (1940), *Trong vườn mơn trớn* (gồm 3 phần : *Đóa hồng nhung* (1942), *Đôi bướm* (1942), *Hương la đáí* (1941) v.v. Ở mỗi bài là một mẫu chuyện khác nhau, nhưng ở mỗi tiêu đề tác giả đã khéo hướng người đọc vào một thế giới khác nhau hơn, với những tiểu luận nhỏ nhất nhưng thật ý nhị, chính những tiểu luận tầm thường ấy Xuân-Diệu càng chứng tỏ khả năng của mình trong phạm vi văn xuôi nhiều hơn là ở những bài thơ ca tụng tình yêu của ông.

*

Cuộc đời Xuân Diệu xuyên qua thi ca

Sở dĩ chúng tôi phải trình trọng đề cập vấn đề này vì chính Xuân-Diệu đã « làm một khúc quanh » cho sự chuyển mình của lớp thanh niên, thiếu nữ thời tiền chiến, họ ưỡn ngực, mở rộng vòng tay tiếp nhận luồng gió mới ; Xuân-Diệu là cái « mầm biến động » làm lay chuyển gốc rễ những gì gọi là nho phong, tập tục, lễ giáo của thế hệ cũ, gây ra cuộc chống đối dai dẳng suốt năm năm trời (từ năm 1932 đến 1937).

Người ta nói « văn tức là người ». Cái đó cũng gần đúng. Nó đúng là khi tư tưởng diễn đạt phát xuất từ tâm linh, mà không ở cơ trí. Trường hợp của Xuân-Diệu nằm ở điểm trên, chẳng thế nó còn được thực thi qua thể xác nữa.

Có cái gì chứa đựng trong đầu óc của « chàng trai trẻ hiền hậu và say mê, tóc như mây vương trên đài trán thơ ngây, mắt như bao luyến mọi người, và miệng cười mở rộng như một tấm lòng sẵn sàng ân ái » ấy ?

Nhân sinh quan ⁴⁴ của Xuân Diệu rút gọn chỉ một câu này :

« Sợ chết nên hối hả sống. »

Trong các thú sống ở đời, Xuân Diệu lại chọn Tình Yêu làm trọng tâm và lấy đó làm thí điểm.

*Nhật nguyệt thệ hỷ,
Tuế bất ngã dũ*

« Ngày giờ qua như nước chảy mà tuổi chẳng chờ ta ; biết rằng năm ngoái Tết, năm nay cũng Tết, nhưng mà Tết càng thêm tuổi chất càng cao, rồi lật bật lại tóc sương mày bạc » (Theo N.V.V.)

Một ngày trôi qua không bao giờ trở lại. Bước tiến của thời gian tuy từ từ và đều đều nhưng không bao giờ dừng bước. Nó giẫm tràn bừa lên tất cả uy quyền, bạo lực, tiền tài, danh vọng mà không từ bỏ một ai. Xuân-Diệu cũng nhận thế :

*Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.*

hay :

*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu đến nữa không phải rằng gặp lại !*

Nghĩ đến cái ngày bước đời của con người phải đặt chân nơi ngưỡng
Hư-vô, Xuân Diệu bắt rùng mình :

*Tôi run như lá, tái như đông.
Trán chảy mồ hôi, mắt lệ phồng.
Năm đấy, tháng rồi, tôi đã đến
Trước bờ lạnh lẽo của hư không.*

hay :

*Nhưng mà tôi sẽ chết ! Than ôi !
Tóc người mai một không đen nữa,
Tuổi trẻ khô đi, mặt xấu rồi.*

hoặc :

*Ngày già vội vã mang sương đến.
Tuổi chết rồi đây ! bóng lụi chân.*

còn kinh tởm hơn nữa :

*Thần chết thướt tha nương bóng héo
Bắt đầu đi nhặt những hồn thơ.*

Nhận thấy kiếp phù sinh của con người như cái bóng câu, như sương
đầu núi, thoáng đó mất đó, Xuân-Diệu đâm ra bất cần và giải thích :

*Sương với bóng, không nghĩa gì tỏ rõ.
Xin đừng cười ! Đời có nghĩa chi đâu ?*

Ý thức nghĩa đời như thế, Xuân Diệu bèn tìm cách đối phó, thi nhân
chỉ cho ta biết úp mở như sau :

*Xuân vội bước nhưng mà hương chẳng mất.
Tôi với tay giam giữ ở trong này.*

Có bừa giáp hoặc bí quyết gì thần diệu thế ? Hay chẳng lại phái người
vượt biển sang Đông để tìm thuốc trường sinh như vua Tần Thủy-hoàng độ

nọ ? – Không, người thi sĩ đa tình của chúng ta không cần tìm đâu xa, thi nhân chỉ vào thân mình và thú thật :

Nhưng nghĩ lại sống vẫn hơn là chết.

Gần hay xa, yêu mến ngọt ngào thay !

Thôi biết rồi ! Giản dị quá ! Triết lý chỉ đúc kết hai chữ : Sống và Yêu.
Tư tưởng này xuyên qua *Bài thơ tuổi nhỏ* của Xuân-Diệu :

Làm sao sống được mà không yêu,

Không nhớ, không thương một kẻ nào ?

Hãy đốt đời ta muôn thứ lửa !

Cho bùng tia mắt độ tia sao !

Xuân-Diệu quả là con người của trời đất, người đã nhận kiếp trước mình đã yêu và kiếp này ngọn lửa yêu ấy vẫn bất diệt :

Tôi đã yêu từ khi chưa có tuổi,

Lúc chưa sinh vợ vẫn giữa luân hồi.

Tôi sẽ yêu khi đã hết tuổi rồi,

Không xương xóc chỉ huyền hồ bóng dáng.

Kẻ đa tình không cần đủ thịt da,

Khi chết rồi thì tôi sẽ yêu ma.

(Đa tình)

Thi nhân nhìn thấy con chim líu lo trên cành, con bướm bay lượn nhón nhợ, hoa kia đua nở, cho đó là luật thiên nhiên của vũ trụ, thì có lý nào con người, trời lại hẹp lượng bao giờ, cho nên thi nhân cũng tuân theo luật trời đất :

Tôi réo rắt chẳng qua trời bắt vạ.

Chiếc thuyền lòng, nước đẩy phải trôi theo.

Gió đã thổi, cho nên buồm phải dật,

Hồn vu vơ, tội ấy ở mây đào !

Thi nhân buông dòng đời mình trôi như triều nước theo định luật hấp dẫn của vũ trụ, vì chàng nhận xét mình chỉ là sinh vật nhỏ bé trong cái vô cùng cao rộng của trời đất :

*- Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ,
Mà vạn vật là muôn đá nam châm ;
Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơ lả ?*

Thì cứ sống theo luật tự nhiên, tội gì mà cứ lo xa nghĩ gần cho khổ người, mòn trí, hằn cả nếp trán :

*Cảm nếp trán của người lo sáu khắc,
Thương năm canh nước mắt những ai phiền !*

Tư tưởng bất cần việc « tích cốc phòng cơ » này bị nhiều người đả kích. Họ mang cái triết lý sống của con chim én bay lượn trên trời xanh là để kiếm ăn, con bướm vàng chèo hoa là để hút nhụy, giảng giải, nhưng Xuân-Diệu cười giả lả, đáp :

*Thôi thì đây, nói cùng nhau cho thỏa,
Ai có thương thì tôi cũng cảm ơn,
Ai có ghét tôi cũng cười khuấy khuấy.*

Nhân sinh quan nói trên, Xuân-Diệu đã ký thác vào những dòng thơ ở Lời nói đầu trong tập *Gửi hương cho gió*.

Thi nhân chỉ ta xem vạn vật :
*Vườn cười bằng bướm, hót bằng chim ;
Dưới nhánh, không còn một chút đêm :
Những tiếng tung hô bằng ánh sáng
Ca đời hưng phục trẻ trung thêm.*

hay :

Hoa cúc đường như thôi ẫn dật.

Hoa hồng có vẽ bận soi gương.

hoặc :

Vàng tươi, thược được cánh hơi xòa ;

Ứng rạng, phù dung nghiêng mặt hoa.

Tư tưởng lạc quan về cuộc sống đã chiếm hầu hết thi phẩm của Xuân Diệu ; đâu đâu người ta cũng thấy một nguồn sống rạt rào. Lời yêu đương ít khi vắng bóng trong văn thơ Xuân Diệu.

Không bao giờ quên cái ngày tàn tạ, con người đa tình và ham sống ấy luôn luôn tỏ ra vội vã, vì :

Men trời sức nước, – nhưng mau tạ,

Biết trước cho nên đã « vội vàng »

Ta hãy nghe lời tự nhận của chàng thư sinh phơi phới đang tìm mảy « văn thơ » :

Khi ấy lòng xanh mới đón tình,

Rào tường ngăn giữ kín vườn xinh.

Chàng trai nhỏ nhỏ, tôi khi ấy

Đi giữa thiên nhiên để kiếm mình.

Khi lòng xuân đang rạo rực, chàng thư sinh đâu chịu giam mình trong bốn bức tường của học xá, chàng vượt rào, vượt cổng, chàng tự thú lúc bấy giờ :

Và lòng ta như ngựa trẻ không cương,

Con người trẻ ngất ngây đường viêu viễn.

Bởi vì đàn lòng của chàng có bao giờ chịu ngừng điệu để chết lạnh hay sao :

Đàn ta đâu đã chịu ngừng âm,

Cung bậc không vang, là hát thầm.

Chết được làm sao trong lạnh lẽo !

Đời ong nguyện chết giữa hoa tân.

Có những lúc vì lòng quá hăng hái của chàng trai, ra đi mà quên đem theo những gì cần thiết :

Sẵn kho xuân quên cả túi không tiền

Giày khăng khái cứ vang trên mặt đất.

Không tri kỷ, tri bỉ, cứ ngỡ tình yêu đâu đâu cũng sẵn sàng như mình, cho nên nhiều khi mang lấy thảm bại :

Có phải chàng tơ đến tuổi rồi,

Ra đường ngỡ được thấy hoa khôi.

Uống cho áo mới mừng xuân rộn !

Ai đợi chàng đâu ? chỉ nắng cười.

Bị hụt chân mãi, nên đâm ra yêu băng quơ :

Chỉ là gió nhưng lòng tôi thả bướm,

Chỉ là trăng, nhưng tôi thấy thần tiên

Như tuyết diệu : bởi hồn tôi xanh quá.

Hoặc do sự may mắn nào, bắt gặp đôi má hồng, ngọn lửa yêu đương như bùng đốt cháy tâm can :

« Ồ ! Mới nghiêng mình xem nước trong,

Vui mừng em, thấy má em hồng... »

Em tôi ăn nói vô duyên quá !

Em đốt lòng anh, em biết không ?

Đôi khi tiếp nhận được một nụ cười, một câu nói xã giao, lòng thi nhân đã ngất ngây :

Nửa câu nói, một chút cười, đôi tiếng thở

Tình cờ qua trên miệng nở quá xinh,

Ta ngây thơ vội tưởng họ yêu mình

Về dâng vôi cả ân tình thứ nhất.

Đang sống bình thản, chỉ vì chợt thấy đôi nét đẹp mong manh mà trở thành con người đi cầu cạnh, xin xỏ :

*Đương vương chủ ta bỗng thành hành khất,
Chỉ vì nghe một lời hứa như chim.*

Rồi chủ nó không biết phục thiện nhận lỗi lại đi trách móc tố :

*Ôi đôi chân ! sao mà chúng hay tìm.
Ôi cái ngực ! sao mi thường đập mạnh.
Tỏa thương nhớ để ta choàng bóng ảnh.*

Thôi đừng đổ lỗi cho ai nữa nhé ! Người ta đã bắt gặp thi nhân thấy thấp thoáng bóng giai nhân, người đã tình nguyện :

*Tôi trải yêu thương dưới gót giày,
Ôm chùng bóng lạ giữa mê say.*

Xuân Diệu cần yêu như ta cần lương thực để sống, không đắn đo, do dự, miễn sao thích ứng với khoái cảm của mình :

*Ai đem phân chất một mùi hương
Hay bản cầm ca ! Tôi chỉ thương,
Chỉ lặng chuỗi theo dòng cảm xúc,
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.*

Trong lúc lặn lội săn tìm bóng yêu, thi nhân bắt gặp cuộc đời đủ đôi của kẻ khác mà ngậm ngùi cho thân phận mình :

*Ta thấy em xinh, khẽ lắc đầu.
Bởi vì ta có được em đâu !
Tay kia sẽ ấp nhiều tay khác,
Môi ấy vì ai sẽ được màu.*

hay :

*Anh chỉ là con chim bơ vơ,
Lạnh lùng bay giữa gió, sương, mưa ;
Qua gần tổ ấm đôi chim bạn,
Bỗng thấy lòng cuồng yêu ngẩn ngơ.*

Vài khi thi nhân cũng chớp được đôi bóng yêu, và vì quá cần yêu nên nài nỉ :

*Mở miệng nàng...và hãy nói yêu tôi,
Dẫu chỉ trong một phút mà thôi.*

bởi vì :

*Gặp nhau đây, ai biết tự thời nào
Xa nhau nữa, ai đoán ngày tái ngộ.*

Chỉ cần một tiếng « yêu » thốt từ đôi vành môi bé thắm của giai nhân, dù là lời nói suông hay dối trá cũng được, chàng vẫn coi như là lời thiết thực vậy :

*Tôi lắng đợi ! Nhịp lòng tôi đứng lại ?
Tôi cần tin ! Tôi khao khát được nhằm !
Cho tôi mơ một ảo tưởng thâm trầm
Và mặc kệ, nếu đó là dối trá !*

hoặc :

*Vì, khổn nạn ! tôi vẫn còn tin mãi
Sự nhìn kia : - Tôi không thể không yêu.
Dẫu không tin, tôi càng cứ yêu nhiều :
Khi người nói, tiếng người êm ái quá...*

Nài nỉ xin cho được chữ « yêu dối trá », chàng được người đẹp làm hài lòng, vì nghĩ ra không tốn kém bao nhiêu :

*Em đáp lại : « Nói gì đau đớn vậy !
Vừa gặp anh, em cũng đã mến rồi.*

*Em phải đâu là ngọn nước trôi xuôi ;
Chưa hy vọng, sao anh liền thất vọng. »*

Nhưng đã là lời hứa gượng ép thì có bao giờ giữ đúng đâu, vì thế thi nhân mới giở giọng trách người :

*Đấy, ai bảo em làm anh mơ ước !
Lúc đầu tiên, anh có mộng gì đâu !
Trường có nhau ai ngờ vẫn xa nhau,
Em ác quá, lòng anh như tự xé...*

Sau mấy lần « hụt chân » muốn chới với, người khách tình si tỏ ra thối thía, chàng bèn tìm một công thức yêu sao cho chắc chắn hơn, quyết định từ bỏ cái lối sống sượng xin xỏ tình yêu trên đường ngoài ngõ. Đằm thắm hơn, thi nhân nhận thấy phải là một « chân tình » mới đáng quý, cho nên trong *Tình thứ nhất*, Xuân-Diệu có vẻ kỹ lưỡng hơn không bốc đồng nữa :

*Giấy phong kỹ mang thầm trong túi áo.
Mãi trăm lần viết lại mới đưa đi.*

Đó là tình yêu chân thật thứ nhất, trong trắng như buổi bình minh nên chàng thận trọng lắm :

*Hoa thứ nhất có một mùi trinh bạch,
Xuân đầu mùa trong sạch vẻ ban sơ,
Hương mới thắm bền ghi như thiết thạch,
Sương nguyên tiêu, trời đất cũng chung mờ.*

Như sẽ nói ở phần sau, tình yêu của Xuân Diệu là thứ gì quá mang mang, rộng rãi, không « định cư » một mối nào cả ; hết tình gần lại đến tình xa, xa ngoài ngàn dặm nữa, nó là một thứ tình « du mục » :

*Có những phong thư bủa trùm quang tuyến
Đáng lẽ chim đưa, nhưng chờ mấy chuyến*

Mang ra ngoài nghìn dặm kết duyên ương !

Kẻ biên thư mới sớm đã kêu thương.

Đã tham thì thâm ; sự ham hố nhiều khi khiến kẻ chủ trương đã phải chuốc lấy rắc rối và một phen hoảng hốt khi vừa nhận được thư của người tình « ngoài vạn dặm » thì bỗng nhiên một người tình khác đến kêu cửa :

Bóng áo vàng diềm tĩnh giập chuông to,

Vía lên mây, vội vã xuống thành : Ồ !

Bởi quan niệm ái tình của Xuân Diệu có khác ; nó không giống như một Vũ hoàng Chương hay một J.Leiba tôn thờ mỗi tình đầu, lấy thủy chung làm cứu cánh của tình ái, coi sự yêu đương là gắn bó keo sơn, là chung mệnh của đời mình, cho nên hễ tình tan vỡ là khóc lóc, rỉ rên. Trái lại Xuân-Diệu xem tình yêu như một quán trọ bên đường ; nó chấp chứa những tình trăm ngả của lũ khách muôn phương. Ta hãy nghe Xuân-Diệu bày tỏ :

Là thi sĩ, nghĩa là ru với gió,

Mơ theo trăng, và vợ vẫn cùng mây.

Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,

Hay chia xẻ bởi trăm tình yêu mến.

Đây là quán tha hồ muôn khách đến ;

Đây là bình thu hợp trí muôn hương ;

Đây là vườn chim nhả hạt mười phương

Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc.

Xuân-Diệu ví đời mình như một khách lữ hành mà tình yêu là lữ quán. Quán có thể là một mái tranh ở nơi hiu quạnh, người lữ khách muốn được thoải mái phải chuẩn bị hành trang mình thật đầy đủ :

Cuộc đời cũng điều hiu như dặm khách

Mà tình yêu như quán trọ bên đường.

Mái tranh tàn đờ rét một đêm sương,

Vò nước lã mắt xoàng đôi phổi nắng.

.....

*Giữa hiu quạnh, được nghỉ nhờ đã quý.
Thiên đường cũng ở trong rường hành lý :
Muốn say sưa, phải đem sẵn rượu nồng,
Muốn êm đềm phải có sẵn gối bông,
Muốn mơ mộng, phải sẵn trầm, sẵn nhạc.
Tôi vốn biết cuộc đời thường đạm bạc
Nên mang theo từng甌 rượu, nguồn tình,
Đem yêu mến làm cho cảnh thêm xinh,
Cứ phong nhã để cho người bớt tục.*

Bởi thế, Xuân Diệu bước vào đường tình là đem cả nguồn yêu lai láng ; càng nhiều càng tốt. Người ta có đôi đã cho là đủ, Xuân Diệu thì :

*Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ,
Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ,
Trắng sáng ! trắng xa, trắng rộng quá !
Hai người, nhưng chẳng bớt bơ vơ.*

Cùng nhau dưới ánh trăng, đã được người yêu trịnh trọng hứa sẽ yêu mình. Biết thế, tin thế, nhưng thi nhân vẫn lải nhải nhắc :

*Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ ?
Anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều.
Anh biết rồi, em đã nói em yêu ;
Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ.*

Vì đã thấm chất yêu, chàng đã biết thế nào là tận cùng của tình ái :

*Này lắng nghe em khúc nhạc thơ,
Say người như rượu tối tân hôn ;
Như hương thấm tận qua xương tủy ;
Âm điệu thần tiên thấm tận hồn.*

hay :

*Tóc mịn đầy tay như suối mát,
Lòng ta vui rộn thú chơi vơi.*

Những phút giây thần tiên ấy chỉ là một mảnh của thời gian ; thời gian trôi là thú vị mất, Xuân-Diệu sợ nên nảy ra ý nghĩ to lớn, muốn ghi thời gian lại :

*Tôi muốn tắt nắng đi,
Cho màu đừng nhạt mất ;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.*

để :

*Cho no nê thanh sắc của thời tươi.
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !*

Mà ác thay thời gian cứ đều đều nhịp bước, phút giây qua, qua mãi, khiến thi nhân không kịp yêu, vội hốt hoảng kêu lên :

*Hỡi năm tháng vội đi làm quá khứ !
Trở về đây ! và đem trở về đây
Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử
Gấm trong lòng và khi đứng chờ ngây.
Và nhạc phẫn dưới chân mừng sánh bước,
Và tơ giăng trong lời nhỏ khơi ngòi,
Tà áo mới cũng say mùi gió nước,
Rặng mi dài xao động ánh dương vui.*

Trong những phút cuồng si, ngoan ngoãn tuân phục mệnh lệnh của thân xác, chàng không muốn nghe những lời hỏi về lý lịch của mình, cấp bằng đậu tới đâu :

Xin đừng tìm biết rõ chàng ta,

- Nhân loại xem gần vẫn xấu xa -

Có đến mà yêu thì hãy đến,
Xem đầu mây gợn, mắt mây qua...

Nhưng cũng rán cho người yêu biết qua loa :

Hãy biết rằng anh lúc ở trường,
Rất tồi toán pháp, khá văn chương,
Chàng trai đi học nghe chim giảng,
Không thuộc bài đâu, ấy sự thường.

Dường như trời đất sinh ra Xuân-Diệu chỉ để yêu, phải có yêu mới sống, hễ thiếu thì buồn :

Hôm nay trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...

hoặc :

Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn.

hay :

Trên trần lạnh thẩn thơ dăm bóng nhạt
Gợn làn không, sầu lớp lớp đi qua...
Ta nằm đây như một ả quan xa
Suốt năm tháng chẳng có người tiếp nối ?
Viên tướng trẻ đêm đêm nằm bó gối,
Chăn giá đơn vang dội rét biên thù.

Quan niệm đời người như côi mộng, phải mau vui hưởng kiếp sống.
Trong bài Giục giã, Xuân-Diệu đã mời mọc, thúc giục người yêu :

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi.
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi !

Mau với chứ ! thời gian không đứng đợi.

Sự tham lam, khao khát yêu đương của Xuân-Diệu quả là to tát ; vượt thời gian trở về dĩ vãng xa xôi. Xuân-Diệu muốn trải tình yêu dưới gót chân của những bóng dáng yêu kiều của các nàng cung phi, mỹ nữ vua chúa thời xưa :

*Tôi yêu Bao Tự mặt sầu bi,
Tôi mê Ly Cơ hình nhíp nhàng.
Tôi tưởng tôi là Đường Minh-hoàng
Trong cung nhớ nàng Dương Quý-phi.*

Con người nhiều « yêu » thế, ta ngỡ đâu là chứa đựng cả quyền « tự diễn yêu » ; giả sử ta có hỏi : « Tình yêu là gì ? » thì Xuân Diệu chỉ mơ hồ trả lời ta :

*Làm sao cắt nghĩa được tình yêu :
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều,
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt.
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu.*

Vạn vật có chi là vĩnh viễn ; đến vũ trụ rộng lớn kia còn phải đổi thay. Con người là một điểm mong manh bé nhỏ trong cái bao la của thiên thể. Cuộc đời có lý đâu như hoa như mộng mãi. Ái tình dù có tàn tạ hay biến thay cũng là một lẽ đương nhiên.

Trong một ngày chờ đợi, người yêu vẫn bật tắt, Xuân-Diệu bắt đầu nếm cái vị đắng cay của tình ái :

*Hôm nay tôi đã chết trong người
Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi :
Với bóng hình xưa, tắt tiếng cũ,
Cách xa chôn hết nhớ thương rồi.*

và cảm thấy buồn mông mênh vì trống trải :

Tôi giấu sẵn một linh hồn hiu quạnh,
Cho nên, liền chiều đó, tôi hết vui.
Không thấy người bằng không thấy mặt trời,
Tôi ôm ngực thử tìm xem biên giới.
Của sâu tui. Nhưng, hồi người yêu hồi !
Tôi một mình đối diện với tình không
Để lắng nghe tiếng khóc mất trong lòng.

Thất vọng. Buồn tình. Thi nhân đi tìm người yêu để hỏi duyên có và đã
gặp nhau dưới ánh trăng :

Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi đêm thâu,
Tay trong tay, đầu tựa sát bên đầu,
Tình yêu bảo : « Thôi các người đừng khóc,
Các người sẽ đoàn viên trong mộng ngọc. »
Cứ nhìn nhau rồi vẫn nhìn nhau.
Hạnh phúc ngừng giữa đôi trái tim đau.

Lần gặp gỡ ấy cũng là lần vĩnh biệt để người yêu đi xây giấc mộng
vàng. Chàng chỉ còn trách ai kia hứa hẹn cùng mình. Trong bài *Dối trá*,
Xuân-Diệu tỏ ra nỗi chán chường, tuyệt vọng :

Nói chi nữa tiếng buồn ghê gớm ấy
Để lòng tôi sung sướng muốn tiêu tan.

... ..

Tôi chỉ sống để hoài hoài tưởng nhớ,
Mãi mãi yêu, nhưng giấu điếm luôn luôn ;
Mà người thì, lơ đãng, dậm trên buồn,
Bạn đi hái những cành vui xanh thắm.
Tôi biết lắm, trời ơi, tôi biết lắm !
Hồi lòng dạ sâu xa như vực thẳm !

Bây giờ biết ra thì đã muộn :

*Nghe nói tình yêu tưởng trái ngon ;
Cho lòng, không nghĩ mất hay còn.
Tay trầy, gai góc, chân đau sỏi,
Anh bám, không thôi bám tuổi tròn.*

Sở dĩ có sự dở dang, tan rã của lứa đôi vì khi yêu họ chỉ nghĩ đến thể xác mà không chú trọng những yếu tố khác ; họ không cần tìm hiểu đối tượng yêu của mình. Trong bài *Dại khờ*, Xuân-Diệu cho ta biết đầy đủ ý nghĩa :

Dại khờ

*Người ta khổ vì thương không phải cách,
Yêu sai duyên, mà mẫn chẳng nhằm người,
Có kho vàng nhưng tặng chẳng tùy nơi,
Người ta khổ vì xin không phải chỗ.*

*Đường êm quá, ai đi mà nhớ ngó !
Đến khi hay, gai nhọn đã vào xương ;
Vì thả lòng không kiềm chế dây cương,
Người ta khổ vì lui không được nữa.*

*Những mắt cạn cũng cho rằng sâu chứa,
Những tim không mà tưởng tượng tràn đầy.
Muôn nghìn đời tìm có đôi sương mây,
Dấn chân mãi để kiếm trời dưới đất.*

*Người ta khổ vì cố chen ngõ chật
Cửa đóng bưng nên càng quyết xông vào.
Rồi bị thương, người ta giữ gươm đao,
Không muốn chữa, không chịu lành thú độc !
(Gửi hương cho gió)*

Trong khi yêu họ trở thành mù quáng, nào có biết gì nhau đâu. Xuân-Diệu đã tự nhận :

*Có thể nào qua Vạn-lý Trường-thành
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.*

... ..

*- Linh hồn ta u ẩn tựa ban đêm,
Ta chưa thấu, nữa là ai thấu rõ.
Kiếm mãi, nghi hoài, hay ghen bóng gió,
Anh muốn vào dò xét giấc em mơ.
Nhưng anh giấu em những mộng không ngờ,
Cũng như em giấu những điều quá thực...*

hay :

*Kể chi chuyện trước với ngày sau ;
Quên ngó môi son với áo màu ;
Thây kệ thiên đường và địa ngục !
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.*

Đến khi tìm cạm được nghĩa « yêu » thì đã trễ tràng. Xuân-Diệu nói với ta trong bài *Muộn màng* :

*Yêu gần ngơ rồi đau xót xa,
Sống anh là khổ, phận anh là
Suốt đời nuốt lệ vào trong ngực,
Đem ái tình dâng kẻ phụ ta.*

Bị tình phụ, đau đớn ê chề, thi nhân một thân lấm lũi trong chốn sương, mưa :

*Thôi hãy để anh đi thất thố,
Mặc luồng gió lạnh, mặc mưa to
Đánh vào thân thể run như sậy.
- Tôi chẳng cần ai thương hại cho.*

Thất vọng nào nề. Tai nghe tiếng gió vi vu, lòng cảm thấy thê lương :

*Có nhiều lúc gió kêu thê thiết quá ;
Như gió đau một nỗi khổ vô hình,
Như bao điều ảo não của nhân sinh
Đã in vết ở nơi hồn của gió.
Gió vừa chạy, vừa rên vừa tắt thở,
Đem trái tim làm uất cả không gian,
Gọi bóng hình những thân thể cơ hàn,
Với môi tím, với cảnh nghèo vạc mặt.*

Nhớ lại những phút tay lồng tay, má kề má, giờ đây bị phụ bạc, thi nhân điên lên vì uất hận :

*Tôi là một kẻ điên cuồng
Yêu những ái tình ngây dại.
Tôi cứ bắt lòng tôi đau đớn mãi,
Đau vô duyên, đau không để làm gì.*

Quá đau đớn, và giận cho sự yêu không nhằm chỗ của mình, thi nhân muốn rút trái tim bỏ đi :

*Nếu bỏ được trái lòng cho gió cuốn,
Đem vứt đi, như là trái chua cay.*

Hồn thi nhân dật dờ ở giữa chợ tình, không còn biết đâu là bờ bến :

*Sương bạc lấp một mặt trời trắng sữa,
Sương mờ lung như giữa khoảng giang hà.
Mắt tuy mờ mà lòng không thấy nữa,
Hồn lạc rồi, không biết ngõ nào ra.*

hay

*Sương lan mờ, bờ sông tưởng gần nhau,
Sương lan mờ, và hồn tôi nghe đau.*

còn đau đớn thắm thía hơn nữa :
Chân hững hờ, và hồn sẽ ngạc nhiên
Không hiểu sao buồn chờ một hồn đầy...
Sương lan dần, còn biết ngõ nào đây ?
Chiều tư bề, không phá nổi trùng vây...
- Tôi là con nai bị chiều đánh lưới
Không biết đi đâu, đứng sầu bóng tối.

Nếu một Chế Lan-Viên chán đời, đã thốt lên tiếng kêu nài nùng :

« Trời hồi trời ! Hôm nay ta chán hết
Những sắc màu hình ảnh của trần gian.
Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh,
Một vì sao trơ trọi cuối trời xa
Để nơi ấy tháng ngày tôi lẫn tránh
Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo. »
(Điêu tàn)

thì Xuân Diệu vì quá đau khổ cũng muốn lánh ở phương xa nào để quên đi mối sầu dĩ vãng, chàng ước mong có một đôi hia vạm vỡ để tránh xa những cảnh huống nào nề :

Nếu ta có cặp hài tiên
Ta đi khắp xứ, khắp miền, khắp nơi.
Ta đi, đi tận phương trời,
Đi cùng phương đất, xa vời ta đi
Đi mau ! trốn nét ! trốn màu !
Trốn nơi ! trốn tiếng ! trốn nhau ! trốn mình !

Giá bây giờ có giai nhân nào mời mọc yêu đương, thi nhân cũng lắc đầu rên rĩ :

Giã từ thân thể, thôi từ già !
Ly biệt linh hồn, đã biệt ly !

*Trên giấy này đây hôn cuối chót
Nhận chẳng, môi lạnh tiễn tình đi !*

Bị những phũ phàng trong tình yêu, thi nhân chán nản, đem gởi chút tình thừa của mình cho những nàng kỹ nữ. Xuân-Diệu đã hiểu gì và đánh giá họ ra sao ? Ta hãy nghe Xuân-Diệu định nghĩa đời của những kiếp hoa ấy :⁴⁵

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thắm
Đem gửi hương cho gió phũ phàng.
Mất một đời thơm trong kẽ núi,
Không người du tử đến nhâm hương.*

hoặc :

*Hoa ngở đem hương gửi gió kiêu
Là truyền tin thắm mọi tình yêu.*

hay :

*Tản mác ngàn phương lạc gió cầm
Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm.*

Thi nhân thừa biết tình kỹ nữ phải đâu là nơi bền đỗ, nhưng cũng vì ai mà thông cảm nỗi lòng. Khi bừng mộng chiếu chăn, người khách hay đúng hơn một viễn khách, lật đặt khoác áo, vì :

*Cuộc yêu đương gay gắt vị làng chơi.
Người viễn du lòng bận nhớ xa khơi,
Gỡ tay vướng để theo lời gió nước.*

Dù cho ai kia nài nỉ :

*Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa,
Vội vàng chi, trắng sáng quá khách ơi.
Đêm nay rằm yến tiệc sáng trên trời ;*

Khách không ở, lòng em cô độc quá.

hay có tha thiết khẩn cầu, vì :

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo.

Trời đầy trăng lạnh lẽo buốt xương da,

Người giai nhân : bến đợi dưới cây già ;

Tình du khách : thuyền qua không buộc chặt.

Nhưng cái tình bến nước đó chỉ thoáng như mộng. Trước khi bình minh ló dạng ở trời Đông :

Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt.

Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi.

Du khách đi.

- Du khách đã đi rồi !

Chúng tôi xin nhắc lại phần trước lời phê bình của Hoài-Thanh : « *Đời sống cá nhân phải vin vào một cái gì thiêng liêng hơn sự sống.* » Xuân-Diệu đã cung phụng đời mình cho tình yêu, coi tình yêu là lẽ sống duy nhất và đã đánh giá quá cao :

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.

hay :

Và hãy yêu tôi một giờ cũng đủ,

Một giây cũng cam, một chút cũng đành.

hoặc :

Đời không ân ái đời vô vị ;

Kiếp sống không yêu kiếp sống thừa.

cho nên mới vấp ngã trên tình trường để cuối cùng thốt lên những lời bi đát.

Quan niệm yêu bị lằm. Tình yêu đặt không đúng chỗ. Người ta đâu chịu đem cái tính ong bướm mà đổi lấy hạnh phúc chung thân của đời mình. Triết lý sống của Xuân-Diệu là triết lý của con thiêu thân, rớt cuộc, chỉ đem lại cho mình niềm khổ đau, chua xót.

*

Nguyên nhân thành công trong thi ca của Xuân-Diệu

Có thể nói Xuân-Diệu là thi nhân có nguồn thơ phong phú nhất. Mạch thơ lai láng tuôn tràn theo luồng tư tưởng mới mẻ mà không cần giữ gìn ý tứ như đa số thi nhân khác đã bó mình trong nếp xưa.

Suốt năm năm dài, chịu bao thử thách, bao nhát búa rìu dư luận, thơ Xuân-Diệu cứ « lì lợm » tiến tới mục tiêu mà không một gì ngăn cản được. Bởi vì nó là tiếng nói của lòng trẻ. Dù không hẳn là khuôn vàng thước ngọc, nhưng nó đi đúng trào lưu nhịp sống thì ta cũng không nên tiếc rẻ làm gì đôi bức tường cổ xưa bị long lở. Có gì sống mãi với thời gian đâu ? Sớm hay muộn, với đà tiến hóa, nó cũng bị phá vỡ. Ai đoán được sẽ có những gì ở thế kỷ sau ?

Vào khoảng từ năm 1933, một luồng gió mới lạ từ phương Tây thổi tới, khiến cho những tâm hồn đang sống trên mảnh đất ngàn năm xưa cũ này như nhận được nguồn sinh khí mới.

Nếu bên địa hạt văn chương, một nhóm người trẻ như Nhất-Linh, Khái-Hưng, Hoàng-Đạo, Thạch-Lam, Thế-Lữ, Tú-Mỡ v.v... đứng ra thành lập nhóm *Tự lực văn đoàn* « chủ trương duy tân và cấp tiến. Họ muốn đả phá cái xã hội Nho phong với tập tục, lễ giáo mà thế hệ cũ gọi là quốc túy, quốc hồn, đả phá nhất là những « hủ tục » của dân quê sau lũy tre xanh, đả phá cái không khí sần bi, cái phong thái đạo mạo, những thành kiến chán đời của lớp người đứng tuổi trong xã hội khi ấy. Và để thế vào, họ đưa ra một quan niệm sống Âu hóa, cải cách phong tục dân chúng nhất là dân quê,

những tư tưởng tin theo lễ phải, tự do cá nhân, hạnh phúc vật chất, chủ nghĩa yêu đời của lớp người trẻ »⁴⁶

Thì bên thi ca, ta có thể coi Xuân-Diệu là thủ lĩnh của phái thơ mới, cũng mở « phòng tuyến » chống lại cái khuôn mòn sáo cũ của thơ Đường, vừa gò bó, chật hẹp, tù túng, niêm luật bằng trắc chiếm đoạt nhiều hồn và ý thơ đang trào dâng.

Ngọn gió Xuân-Diệu thổi qua, bao nhiêu hồn thơ đang nằm im lìm trong bóng tối choàng bừng dậy. Nhiều thi nhân theo tiếng gọi đàn của Xuân-Diệu đã cởi mở tâm tình của mình đang nặng chất chứa, được dịp bộc lộ thoải mái.

Tùy theo nhịp độ thâm nhập, có nhiều hồn thơ còn rụt rè mang một hình thức thơ mới, nhưng chưa dám thoát tư tưởng xưa hoặc có người mang bình cũ mà rượu mới. Xuân-Diệu thì mới hoàn toàn cả hình thức lẫn tư tưởng, đi đúng với trào lưu văn nghệ đất nước lúc bấy giờ cho nên Xuân-Diệu được giới trẻ tuổi ca tụng như một thần tượng.

Một vài tham khảo

Người ta không ai chối cãi thơ Xuân-Diệu đã thâm nhiễm nặng tính chất Âu-tây.

Khảo sát suốt hai thi phẩm *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* của Xuân-Diệu, chúng tôi chỉ bắt gặp một bài thơ như sau :

Hoa nở để mà tàn

Hoa nở để mà tàn ;

Trăng tròn để mà khuyết ;

Bèo hợp để chia tan ;

Người gần để ly biệt.

Hoa thu không nắng cũng phai màu ;

Trên mặt người kia in nét đau.

(Thơ thơ)

Về mặt hình thức trình bày cũng như về tư tưởng diễn đạt có điểm nán bài điệu văn của Mạc đĩnh Chi lúc đi sứ bên Tàu nhân viếng đám tang một vị công chúa :

*Thanh thiên nhất đóa vân ;
Hồng lô nhất điểm tuyết ;
Thường uyển nhất chi hoa ;
Dao trì nhất phiến nguyệt.
Y ! Vân tán !
Tuyết tiêu !
Hoa tàn !
Nguyệt khuyết !*

Dịch nghĩa :

*Trời xanh một áng mây ;
Bầu trời một hạt tuyết,
Thượng uyển một cành hoa ;
Dao trì một vòng nguyệt.
Than ôi ! Mây rã !
Tuyết tan !
Hoa tàn !
Nguyệt khuyết !*

Phải chăng đây là một sự trùng ý hoặc giả một cảm đề. Điều đó không quan trọng. Có ai đi bắt một cánh én để làm một mùa xuân đâu !

*

Ngày nay Xuân-Diệu đã rẽ sang đường hướng khác. Tư tưởng của người trai ham sống và ham yêu ấy có còn giữ được bản chất hay không ? Hay đã trở thành một guồng máy sáng tác theo những khuôn đã có sẵn.

Âu ta cũng đành trở về tìm một Xuân-Diệu của ngày xa xưa vậy.

(Ấn bản kỳ nhì, 26-7-1968)

THI TUYỂN

Cảm xúc

(Tặng Thế-Lữ)

*Là thi sĩ, nghĩa là ru với gió,
Mơ theo trăng, và vờ vẩn cùng mây,
Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,
Hay chia xẻ bởi trăm tình yêu mến.*

*Đây là quán tha hồ muôn khách đến ;
Đây là bình thu hợp trí muôn hương,
Đây là vườn chim nhả hạt mường mường ;
Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc...*

*Đôi giếng mắt đã chứa trời vạn học,
Đôi bờ vai nào ngăn cản thanh âm :
Của vu vơ nghe mãi tiếng kêu thầm...
Của xanh thẳm thấy luôn màu nói sẽ...*

*Tay ấp ngực dò xem triều máu lệ,
Nghìn trái tim mang trong một trái tim
Để hiểu vào giọng suối với lời chim.
Tiếng mưa khóc, lời reo tia nắng động.*

*Không có cánh nhưng vẫn thềm bay bổng
Đi trong sân mà nhớ chuyện trên trời ;
Trút thời gian trong một phút chơi vơi ;
Ngắm phong cảnh giữa hai bề lá cỏ...*

*- Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ.
Mà vạn vật là muôn đá nam châm ;*

*Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơ lả ?
(Thơ thơ)*

Thời gian

*Dưới thuyền nước trôi ;
Trên nước thuyền xuôi.
Và nước, và thuyền
Xuôi dòng đi xuôi.

Nước không vội vàng ;
Cũng không trễ tràng,
Thuyền không chậm chạp
Nhưng không nhẹ nhàng.

Nước trôi, vô tri
Vô tình, thuyền đi.
Nước không biết thuyền.
Thuyền biết nước chi ?

Cứ thế luôn ngày,
Trôi mà như bay,
Nước, thuyền đi mãi,
Luôn trong đêm dài.

Trăng thu gió hè,
Đổi bờ thay đê,
Nước, thuyền xuống biển :
Thuyền không trở về...

Nước cũng mất luôn...
- Nhưng nước còn nguồn ;
Thuyền chìm, trong lúc*

Đêm ngày nước tuôn.

(Thơ thơ)

Yêu

Yêu, là chết ở trong lòng một ít,

Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu ?

Cho rất nhiều, song nhận chẳng bao nhiêu,

Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết.

Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt,

Tưởng trắng tàn, hoa tạ với hồn tiêu,

Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu !

- Yêu, là chết trong lòng một ít.

Họ lạc lối giữa u sầu mù mịt,

Những người si theo dõi dấu chân yêu ;

Và cảnh đời là sa mạc vô liêu.

Và tình ái là sợi dây vãn vít.

Yêu, là chết trong lòng một ít.

(Thơ thơ)

Hẹn hò

Anh đã nói từ khi vừa gặp gỡ :

« Anh rất ngoan, anh không dám mong nhiều.

Em bằng lòng cho anh được phép yêu ;

Anh sung sướng với chút tình vụn ấy. »

Em đáp lại : « Nói gì đau đớn vậy !

Vừa gặp anh, Em cũng đã mến rồi.

Em phải đâu là ngọn nước trôi xuôi.

Chưa hy vọng, sao anh liền thất vọng ? »

Lời nói ấy về sau đem gió sóng,
Cho lòng anh đã định chỉ yêu thôi,
Anh tưởng em là của của anh rồi,
Em mắc nợ, anh đòi em cho được.

Đấy, ai bảo em làm anh mơ ước !
Lúc đầu tiên, anh có mộng gì đâu !
Tưởng có nhau ai ngờ vẫn xa nhau,
Em ác quá ! lòng anh như tự xé...
(Thơ thơ)

Vội vàng

(Tặng Vũ đình Liên)

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất ;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.

Của ong bướm, này đây tuần tháng mật,
Này đây hoa của đồng nội xanh rì,
Này đây lá của cành tơ phơ phất,
Của yến anh này đây khúc tình si ;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi.
Mỗi buổi sớm, thần Vui hàng gõ cửa,
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần.
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa :
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.
Xuân đương tới, nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.

Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu đến nữa không phải rằng gặp lại !
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời,
Mùi tháng, năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông, núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi ?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?
Chẳng bao giờ, ôi ! chẳng bao giờ nữa...
Mau đi thôi ! mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn,
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi ;
Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi ?
(Thơ thơ)

Hư vô

Nhưng mà tôi sẽ chết, than ôi !
Tôi kẻ đưa rặng bầu mặt trời,
Kẻ đựng trái tim trên màu đất

Hai tay chín mộng bám vào đời.
Kẻ uống tình yêu dập cả môi,
Nhưng mà tôi sẽ chết ! than ôi !
Tóc người mai mốt không đen nữa,
Tuổi trẻ khô đi, mặt xấu rồi.
Già nua đã bó sẵn hai tay,
Hôm ấy ta trông gương ánh ngày.
Bệnh hoạn căn xương như răn rúc,
Ta ngồi góp lực nhớ hôm nay,
Chóng chóng ngày thơ vụt đến xuân,
Mau mau ngày mạnh yếu phai dần ;
Ngày già vội vã mang sương đến,
Tuổi chết rồi đây ! bóng lụi chân.
Đêm kia ta thức một mình đau
Nghe tiếng giờ đi, náo dạ sầu.
Bạn ở bên mình duy ngọn nhỏ
Còn đèn chống chọi với đêm thâu.
Tôi run như lá, tái như đông,
Trán chảy mồ hôi, mắt lệ phòng ;
Năm đấy, tháng rồi, tôi đã đến
Trước bờ lạnh lẽo của Hư-không.
(Gửi hương cho gió)

Tặng thơ

Đây đây thơ e ấp đã lâu rồi
Chìm trong cỏ một vườn hoa bỏ vắng.
Lòng tôi đó, một vườn hoa cháy nắng,
Xin lòng người mở cửa ngó lòng tôi.

Tự ngàn xưa người ta héo, than ôi !
Vì mang phải những sắc lòng tươi quá.
Tôi không biết, không biết gì nữa cả,
Chỉ yêu nhiều là tôi biết mà thôi.

Hãy để yên tôi dệt thắm tên người
Ai lý luận với ân tình cho đáng
Trời reo nắng thì chim reo tiếng sáng,
Xuân có hồng thì tôi có tình tôi.

Tiến nhau chi, mai mối đã xa rồi
Xa là chết, hãy tặng tình lúc sống
Chớ chia rẽ – để gì ta gặp mộng !
Những dòng đời muôn kiếp đã chia trôi.

Chính hôm nay gió đại tới chân đồi,
Cây không hẹn để ngày mai sẽ mát.
Trời đã thắm, lẽ đâu vườn cứ nhạt ?
Đắn đo gì cho lỡ mộng song đôi !

Tôi gửi lòng tôi, tôi gửi hồn tôi,
Không giấu diếm, như một con đường thẳng.
Lá hơi úa, và mùi hoa hơi đắng,
Đây đây thơ tôi đã rút vì người.
(Gửi hương cho gió)

Kỷ niệm

Tặng Ngô-Nhật-Quang
Ôi ! ngần ngừ là những giờ họp mặt !
Ôi ! vội vàng là những lúc trao yêu !
Vừa nắng mai sao đã đến sương chiều ?
Em hờ hững để cho lòng anh lạnh.

Em có nhớ một buổi chiều yên tĩnh,
Chúng ta chìm trong một biển ái ân.
Chúng ta say trong chén rượu tuyệt trần,
Mà tình ái rót đầy dâng bạn mới.
Anh gọi nhỏ kề tai em : « Em hồi ! »
Trên tay anh, em bèn viết : « Anh ơi »
Rồi ngó mê nhau, ta mím mắt cười
Và lặng lẽ thấy lòng cao chín bệ.
Không cần nói. Trái tim đang mở hé,
Hoa muôn năm nghe nở tiếng thần tiên.
Trái tim ngừng trong một lúc vô biên :
Thời gian hết đất trời không có nữa...
Em lúc ấy nhìn em như lệ ứa,
Êm ái như trong gió có mùi hương.
Trong mắt em anh tưởng thấy thiên đường,
Ôi hạnh phúc, anh gục đầu nhắm mắt...
Sao ngắn ngủi là những giờ họp mặt ?
Sao vội vàng là những phút trao yêu ?
Vừa nắng mai, sao lại đến sương chiều !
Em hứa hứa để cho lòng anh lạnh.
(Gửi hương cho gió)

Hết ngày hết tháng

Hết ngày, hết tháng, hết ! em ôi !
Kính hãi không gian quặn tiếng còi.
Ánh ngóng tìm em, tuy thấy đó,
Sắp xa thôi cũng tựa xa rồi !
Đầu nghiêng, môi gượng, mắt mơn da,

Chân luyến bên chân, thế nghĩa là...

Ôi những bàn tay không dứt được

Ôi lời căn thấp giọng hò ba !

Khắc giờ tàn lụn, dạ chon von,

Không dám nhìn xa sắc núi non ;

- Hãy nhớ ngoảnh đầu khi khuất hẳn

Cho anh tưởng tượng vẫn đang còn.

Đêm qua mưa gió lạnh lòng trời,

Anh ở, em đi, lạnh lẽo người.

Còi thét như gươm, tay hoảng dứt,

Khói đèn mây bạc, lệ lên người !

Em đi : mưa phủ, khuất ân tình,

Anh ở : trời tan trên mắt anh.

Vừa đó nhìn nhau, nay tưởng ngóng

Không gian ở giữa cách hai mình.

Chiều góa không em lạnh lẽo sao !

Một mình anh lạc dưới thu cao

Sắc trời : sương đọng, non : mây tỏa

Không biết lòng đi đến chốn nào...

(Gửi hương cho gió)

Muộn màng

Anh biết yêu em đã muộn màng,

Nhưng mà ai cưỡng được tình thương !

Ngậm ngùi tặng trái tim lưu lạc,

Anh chỉ xin về một chút hương.

Một chút hương phai của ái tình

Mà em không thể gửi cùng anh ;

Để lòng ướp với tình phai ấy,
Anh tưởng từ đây bớt một mình.
Mắt ướt trông nhau lệ muốn tuôn,
Gượng cười anh phải khóc thầm luôn :
Em là người của ai ai đấy,
Lưu luyến chi anh để sót buồn.
Dầu chiếm tay em, anh vẫn hay
Rằng anh chỉ nắm cánh chim bay ;
Bao giờ có được người yêu dấu !
Chất chứa trong lòng vạn đắng cay.
Anh chỉ là con chim bơ vơ
Lạnh lùng bay giữa gió, sương, mưa,
Qua gần tổ ấm đôi chim bạn,
Bỗng thấy lòng cuồng yêu ngẩn ngơ.
Yêu ngẩn ngơ rồi đau xót xa,
Sống anh là khổ, phận anh là
Suốt đời nuốt lệ vào trong ngực,
Đem ái tình dâng kẻ phụ ta.
Chưa đi mà đã cách xa nhau,
Lúc biệt ly rồi xa đến đâu ?
Thôi hãy để anh đi hốt hoảng,
Gấp đem thương nhớ khuất mây mù.
Thôi hãy để anh đi thất thểu,
Mặc luồng gió lạnh, mặc mưa to
Đánh vào thân thể run như sậy.
- Tôi chẳng cần ai thương hại cho.
(Thơ thơ)

Trăng

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,

Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.

Tôi với người yêu qua nhè nhẹ...

Im lìm, không dám nói năng chi.

Bâng khuâng chân tiếc giậm lên vàng,

Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,

Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá,

Và làm sai lỡ nhịp trăng đang.

Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh

Cho gió du dương điệu múa cànhr ;

Cho gió đượm buồn, thôi náo động

Linh hồn yếu điệu của đêm thanh :

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ,

Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ.

Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá !

Hai người, nhưng chẳng bớt bơ vơ.

(Thơ thơ)

Phải nói

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ ?

Anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều.

Anh biết rồi, em đã nói em yêu ;

Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ ?

- Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ,

Nếu em yêu mà chỉ để trong lòng ;

Không tỏ hay, yêu mến cũng là không,

Và sắc đẹp chỉ làm bằng cẩm thạch.

Anh thèm muốn vô biên và tuyệt đích
Em biết không ? anh tìm kiếm em hoài.
Sự thật ngày nay, không thật đến ngày mai...
Thì ân ái có bao giờ lại cũ ?

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ,
Phải nói yêu trăm bận đến nghìn lần.
Phải mặn nồng cho mãi mãi đêm xuân,
Đem chim bướm thả trong vườn tình ái.

Em phải nói, phải nói, và phải nói :
Bằng lời riêng nơi cuối mắt, đầu mày,
Bằng nét vui, bằng vẻ thẹn chiều say,
Bằng đầu ngả, bằng miệng cười, tay riết.

Bằng im lặng, bằng chi em có biết !
Cốt nhất là em chớ lạnh như đồng,
Chớ thản nhiên bên một kẻ cháy lòng,
Chớ yên ổn như mặt hồ nước ngủ.
Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ.

(Thơ thơ)

Chỉ ở lòng ta

Chỉ là gió nhưng lòng tôi thả bướm
Thêm phát phơ cho hơi thở vừa hiền :
Chỉ là trăng, nhưng tôi thấy thần tiên
Như tuyệt diệu : bởi hồn tôi xanh quá.

Và người ấy vẫn như bao kẻ lạ
Cũng sắc hương, là lựa, cũng dung nhan :
Chỉ là tình, nhưng tôi rất mê man
Gồm vũ trụ gửi nơi hình cầm thạch.

Cuộc đời cũng đều hiu như dăm khách
Mà tình yêu như quán trọ bên đường
Mái tranh tàn đờ rét một đêm sương
Vò nước lã mắt xoàng đôi phôi nắng.

Nhà quê kiếng có đâu cơm gạo trắng
Thân lữ cô đừng giận quán tranh nghèo !
Ta chỉ giàu những của sẵn mang theo
Giữa hiu quạnh, được nghỉ nhờ là quý.

Thiên đường cũng ở trong rường hành lý.
Muốn say sưa, phải đem sẵn rượu nồng,
Muốn êm đêm, phải có sẵn gối bông
Muốn mơ mộng, phải sẵn trầm, sẵn nhạc.

Tôi vẫn biết cuộc đời thường đạm bạc,
Nên mang theo từng甌 rượu ngôn tình ;
Đem mến yêu làm cho cảnh thêm xinh,
Cứ phong nhã để cho người bớt tục.

Để lây lửa chuyển những lòng giá đúc,
Phải ấm lên vì bắt chước tôi nồng,
Để bừng tia trong những mắt tê đông
Và gợi nhịp khiến hồn lười phải thức ;

Để giục tiếng chim của niềm rạo rức,
Để thay cánh rụng của nỗi phai tàn,
Để tươi cười và âu yếm nhân gian.
Tôi có sẵn một mặt trời ở ngực.
(Gửi hương cho gió)

Xuân châu

(Tặng Hồ cũ)

Trời xanh thế ! hàng cây thơ biết mấy !
Vườn no sao ! đường cỏ mộng bao nhiêu
Khi Phạm-Thái gặp Quỳnh-Như thuở ấy,
Khi chàng Kim vừa thấy được nàng Kiều.
Hồi năm tháng vội đi làm quá khứ !
Trở về đây ! và đem trở về đây !
Rượu nơi mắt và khi nhìn ướm thử
Gấm trong lòng và khi đứng chờ ngây.
Và nhạc phẫn dưới chân mừng sánh bước,
Và tơ giảng trong lời nhỏ khơi ngòi,
Tà áo mới cũng say mùi gió nước,
Rặng mi dài xao động ánh dương vui.
Thiên liêng quá, những chiều không dám nói,
Những tay e, những đầu ngượng cúi mau,
Chim giữa nắng sao mà kêu đến chói !
Ôi vô cùng trong một phút nhìn nhau !
Cho ta xin, cho ta xin sắc đỏ,
Xin màu xanh về tô lại khung đời...
Trời ơi, trời ơi, đâu rồi tuổi nhỏ ?
Hôm xưa đâu rồi, trời ơi ! trời ơi !
(Gửi hương cho gió)

Ý thoáng

Ý tôi là những cảnh trinh nữ
Trong cỏ e dè lá hổ người.
Khép nép ngoài sương hoa mắc cỡ
Run run dây nhỏ thẹn tay người.
Du dương như những gái thời xưa

Động bóng chàng trai vội trốn ngựa
Ai ngỡ sau màn đang thấp thoáng
Duyên thầm se sẽ mắt lén đưa.

Hơn gió thay hơi, nước chuyển màu
Ý tôi là những thoáng qua mau :
Sao xuyên trời mộng mong manh sáng
Mặt gần nhìn cao vờ vẫn thu.

Mùa xuân bay lượn bướm như mơ
Cánh đẹp bên hoa vừa hé hờ,
Vồn vã đưa tay : đâu nữa bướm ?
Cánh vàng rơi hạt phấn lơ thơ.
(Gửi hương cho gió)

Giã từ thân thể

Giã từ thân thể muôn yêu dấu !
Người sẽ về tay ai, biết đâu !
Chớ mộng cánh tay càn chuốt ngọc,
Mơ chi con mắt lặng gieo sầu.

Thôi nhé, từ đây thôi bén hương,
Bên nhà rào giậu chắn yêu đương.
Thôi nhé, lòng ơi, thôi hết nhé,
Hết mà ! ly biệt giữa tình thương.

Người sẽ nằm êm không nhớ tôi,
Đêm đêm hoa biếc nở đôi hồi
Trong màn hoan lạc – tôi mơ thức
Ở phí trời này, không một ai.

Nhớ, nhớ làm chi ! xin ngủ yên !
Cho tôi tất cả gánh thương phiền

*Kho sâu không muốn chia đôi nữa,
Tôi giữ mình tôi – em cứ quên.*

*Giã từ thân thể, thôi từ giã !
Ly biệt linh hồn, đã biệt ly !
Trên giấy này đây hôn cuối chót
Nhận chẳng, môi lạnh, tiễn tình đi ?
(Gửi hương cho gió)*

Xuân rụng

*Sắc tàn, hương nhạt, mùa xuân rụng !
Những mặt hồng chia rẽ hết cười.
Đỡ lấy đài xiêu, nường lấy nhị,
Hồn ơ phong cảnh cũng là người !

Duyên mỏng bay theo đỡ sắc buồn,
Cho mình hoa rụng cứ xinh luôn.
Phút giây hóa bướm lìa cây đạo,
Đến đất không nghe một tiếng hồn.

Gió tuy nhiều nhúu chỉ đưa hơi,
Sương dẫu chưa buông lệ ám trời ;
Nhưng bóng chiều mau sa nặng lắm,
Mà hoa thì nhẹ : cánh rơi... rơi...

Trên đồng lỏng lẻo khói giờ cơm,
Ấy lúc sao đêm hiện mấy chòm ;
Thần chết thướt tha nương bóng héo,
Bắt đầu đi nhạt những hồn thơm.
(Gửi hương cho gió)*

Nguyệt cầm

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hồi trăng ngần !
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm !
Mỗi giọt sương tàn như lệ ngân.
Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh,
Lung linh bóng sáng bỗng rùng mình.
Vì nghe nường tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.
Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời ;
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận :
Trăng nhớ Tầm-dương, nhạc nhớ người.
Bốn bề ánh nhạc, biến pha lê ;
Chiếc đảo hồn tôi rộn bốn bề.
Sương bạc làm thình, khuya nín thở
Nghe sâu âm nhạc đến sao Khuê.
(Gửi hương cho gió)

Giục già

Mau với chứ vội vàng lên với chứ !
Em, em ơi, tình non đã già rồi.
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ ! thời gian không đứng đợi.
Tình thổi gió, màu yêu lên phấp phới :
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa
Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết !
Trong gập gờ đã có mầm ly biệt ;

Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài ;
Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai ;
Đời chôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.

Vừa xịch gối chăn, mộng vàng tan biến,
Dung nhan xê động, sắc đẹp tan tành,
Vàng son đương lộng lẫy buổi chiều xanh,
Quay mặt lại : cả lâu chiều đã vỡ,
Vì chút mây đi, theo làn vút gió
Biết thế nào mà chậm rãi em ơi ?
Sớm nay, sương xê xích cả chân trời
Giục hồng nhan thiên di về cõi bắc ;
Ai nói trước lòng anh không phản trắc.
Mà lòng em sao lại chắc trơ trơ ?

- Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ,
Đốt muôn nển sánh mặt trời chói lọi :
Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.
Em vui đi, trăng nở ánh trăng rằm
Anh hút nhụy của mỗi giờ tình tự.
Mau với chứ ! vội vàng lên với chứ !
Em, em ơi ! tình non sắp già rồi...
(Gửi hương cho gió)

Đây mùa thu tới

(Tặng Nhất-Linh)

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng ;
Đây mùa thu tới – mùa thu tới,
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

Hơn một loài hoa đã rụng cành,
Trong vườn sắc đỏ rửa màu xanh ;
Những luồng run rẩy lung linh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.
Thỉnh thoảng nàng trắng tự ngần ngợ...
Non xa khỏi sự nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vắng người sang những chuyến đò...
Mây vẫn từng không, chim bay đi.
Khí trời u uất hận chia ly.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói,
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì ?
(Thơ thơ)

Lời kỹ nữ

Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa ;
Vội vàng chi, trắng sáng qua, khách ơi !
Đêm nay rằm : yến tiệc sáng trên trời
Khách không ở, lòng em cô độc quá.
Khách ngồi lại cùng em ! đây gối lả
Tay em đây mời khách ngả đầu say,
Đây rượu nồng. Và hồn của em đây
Em cung kính đặt dưới chân hoàng tử.
Chớ đập hồn em !
Trăng từ viễn xứ
Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn ;
Gió theo trăng từ biển thổi qua non ;
Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.
Lòng kỹ nữ cũng sâu như biển lớn,

Chớ để riêng em gặp phải lòng em ;
Tay ái ân du khách hãy làm rèm,
Tóc xanh tốt em xin nguyện dệt võng.
Đầy hộ hồn em triền miên trên sóng
Trôi phiêu lưu không vọng bến hay gành,
Vì mình em không được quăn chân anh
Tóc không phải những dây tình vương váu.
Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo.
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.
Người giai nhân : bến đợi dưới cây già
Tình du khách : thuyền qua không buộc chặt.
Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt.
Cuộc yêu đương gay gắt vị làng chơi.
Người viễn du lòng bạn nhớ xa khơi
Gỡ tay vương để theo lời gió nước.
Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt.
Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi
Du khách đi.
- Du khách đã đi rồi !
(Ngày nay)

Chiều đợi chờ

Hôm nay chiều đợi chờ
Nắng nhỏ cảnh vương vấn
Sương hồng cây ước mơ
Em đến ! lòng van khẩn.
Chân thơm mang gió lại
Tay đẹp ngỡ ngang chi
Ngoảnh đầu che sắc thẹn

Nghiêng đầu ôm bóng mi.
Lòng tôi rung động như
Hoa hồng trong cốc nước.
Chim cao êm ái về
Đêm ngái triền miên bước.
Ai để bàn tay ngọc
Run run hoa lá gần
Thoảng màu đôi mắt lọc
Bên lòng vang gió ngân.
Cho lòng xin chút hương
Cho lòng xin chút lửa
Cho lòng xin chút thương
Cho lòng xin chút nữa...
(Gửi hương cho gió)

Nhị hồ

(Tặng Thạch-Lam)

Trăng vừa đủ sáng để gây mơ.
Gió nhịp theo đêm, không vội vàng ;
Khí trời quanh tôi làm bằng tơ.
Khí trời quanh tôi làm bằng thơ
Cây cỏ bình yên ; khuya tĩnh mịch.
Bỗng đâu lên khúc Lạc-âm-thiếu...
Nhị hồ để bốc niềm cô tịch.
Không khóc, nhưng mà buồn hiu hiu...
Điệu nga sang bài Mạnh-Lệ-Quân,
Thu gồm xa vắng tự muôn đời.
Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

*Tiếng đàn thầm dịu dẫn tôi đi,
Qua những sân cung rộng hải hồ.
Có phải A-phòng hay Cô-tô ?
Lá liễu dài như một nét mi.*

*...Và nàng Lộng-Ngọc lấy Tiêu-lang,
Cười hạc một đêm bay lên trời.
Vua Trần Hậu-chúa ngó trăng vàng.
Khúc Hậu-đình-hoa đương lên khơi.*

*Linh hồn lưu giữa bể du dương...
Tôi thấy xiêm nghê nổi gió lửa :
Những nàng cung nữ ước mơ vua,
Không biết bao giờ nguôi nhớ thương.*

*Tôi yêu Bao-Tự mặt sầu bi.
Tôi mê Ly-cơ hình nhịp nhàng.
Tôi tưởng tôi là Đường Minh-hoàng,
Trong cung nhớ nàng Dương Quý-phi.
(Thơ thơ)*

Viễn khách

(Tặng Nguyễn nhữc Pháp)

*Đương lúc hoàng hôn xuống,
Là giờ viễn khách đi.
Nước đượm màu ly biệt,
Trời vương hương biệt ly.
Mây lạc hình xa xôi ;
Gió than niềm trách móc.
Mây ôi và gió ôi !*

Chớ nên làm họ khóc.
Mắt ghen nhìn thấu dạ ;
Môi khô hết nín lời...
Chân dỗi, tay muộn rã...
Kẻ khuất... kẻ trông vời...
Hôm nào như hôm qua
Má kè trên gò sách ?
Anh đi, đường có hoa...
Tôi nằm trong tuổi lạnh.
Buổi chiều ra cửa sổ ;
Bóng chụp cả trời tôi !
- Ôm mặt khóc rung rức ;
Ra đi là hết rồi.
(Thơ thơ)

Một tình yêu

Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất,
Đem cho em kèm với một lá thư.
Em không lấy là tình anh đã mất,
Tình đã cho không lấy lại bao giờ.
Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo,
Tình thì buồn như tất cả chia ly,
Xếp khuôn giấy để hoài trong túi áo.
Mãi trăm lần mới gấp lại đưa đi.
Em xé như lòng non cùng giấy mới,
Mây dần trôi hôm ấy phủ sơn Khê
Thôi thôi nhé ! hoa đã sâu dưới đất.

Cười trên cành sao được nữa em ơi !

Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất,

Đem cho em là đã mất đi rồi !

Vì sao

(Tặng Đoàn phú Tứ)

Bữa trước, riêng hai dưới ánh đèn,

Nhìn tôi cô muốn hỏi « vì sao ? »

Khi tôi đến kiếm trên môi đẹp

Một thoáng cười yêu thỏa khát khao.

- Vì sao gặp mặt buổi đầu tiên,

Tôi đã đầy thân giữa xứ thiền.

Không thể vô tình qua trước cửa,

Biết rằng gặp gỡ đã vô duyên ? -

Ai đem phân chất một mùi hương

Hay bản cầm ca ! Tôi chỉ thương,

Chỉ lặng chuỗi theo dòng cảm xúc,

Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu !

Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều

Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,

Bằng mây nhẹ nhẹ, gió hiu hiu...

Cô hãy là nơi mấy khóm dừa

Dầm chân trong nước, đứng say sưa,

Để tôi là kẻ qua sa mạc

Tạm lánh hè gay ; – thế cũng vừa.

Rồi một ngày mai tôi sẽ đi.

Vì sao, ai nữ hỏi làm chi !
Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá,
Chỉ biết yêu thôi chẳng hiểu gì.
(Thơ thơ)

Vô biên

(Tặng Hoàng-Đạo)

Như kẻ hành nhân quáng nắng thiêu,
Ta cần uống ở suối thương yêu ;
Hãy tuôn âu yếm, lùa mơn trớn,
Sóng mắt, lời môi, nhiều – thật nhiều !

Chớ nên tiết kiệm, hỡi nàng tiên !
Ta được em chẳng, lại mất liền :
Với bạn ân tình hay với cảnh,
Nơi nào ta cũng kiếm Vô-biên.

Những phen reo hót, những cơn say,
Những lúc mây đen ám mặt mày,
Là lúc lời xa muôn thế giới
Đến chờn trong dạ cánh chim bay...

Trời cao trêu nhử chén xanh êm ;
Biển vắng không nguôi nỗi khát thèm
Nên lúc môi ta kề miệng thăm,
Trời ơi, ta muốn uống hồn em !
(Thơ thơ)

Giới thiệu

(Tặng Tú-Mỡ)

Xin đừng tìm biết rõ chàng ta,

- Nhân loại xem gần vẫn xấu xa -
Có đến mà yêu thì hãy đến
Xem đầu mây gợn, mắt mây qua...
Giữa người, anh rón giấu tên đi ;
Thì sĩ, thừa cô, có quý gì !
Hướng nữa người ta đều tự ái ;
Bao giờ quen thuộc cũng khinh khi.
Hãy biết rằng anh lúc ở trường
Rất tồi toán pháp, khá văn chương.
Chàng trai đi học nghe chim giảng,
Không thuộc bài đâu ; ấy sự thường.
Hết nợ thi rồi, đến nợ thi,
Than ôi khổ quá ! học làm gì
Những chồng sách nặng khô như đá !
Ruộng gió đồng trăng anh ấy đi...
Nghe nói tình yêu tưởng trái ngon ;
Cho lòng, không nghĩ mất hay còn.
Tay trầy gai góc, chân đau sỏi,
Anh bám, không thôi bám tuổi dòn.
Bạ kẻ nào đâu anh cũng mê,
Chân theo xa với, trí theo kẻ.
Si tình lắm đấy, – nhưng đôi lúc
Có gửi tình đi, chẳng có về.
Quá thực thà nên hóa đại khờ,
Bắt đầu người chỉ biết yêu lo
Nỗi đời cay cực đang giơ vuốt,
Cơm áo không đùa với khách thơ.
Nhưng thoát sao ra lối hổ hùm

Nuốt đời bao kẻ hái vãn thơm !

- Lần này lại sắp đi thi nữa :

Chắc hồng mười phân ; khẩn nguyện dùm !

(Thơ thơ)

Tiếng gió

Có nhiều lúc gió kêu thê thiết quá ;

Như gió đau một nỗi khổ vô hình,

Như bao điều áo nảo của nhân sinh

Đã in vết ở nơi hồn của gió.

Gió vừa chạy, vừa rên, vừa tắt thở,

Đem trái tim làm uất cả không gian,

Gọi bóng hình những thân thể cơ hàn,

Với môi tím, với cảnh nghèo vạc mặt.

Trong khung xám của mùa đông băng sắt,

Gió qua rồi còn lưu lại tiếng ngân :

Cây bên đường, trụi lá, đứng tần ngần,

Khắp xương nhánh chuyển một luồng tê tái ;

Và giữa vườn im, hoa rung sợ hãi,

Bao nỗi pha phôi, khô héo, rụng rời ;

Và mưa kia là nước mắt gió rơi,

Và sương ấy là mồ hôi gió rớt

Trong lúc vội vàng, trên cành thưa thốt.

Ấy nỗi buồn kêu xé của ngày qua,

Hay lời than rền rĩ của đêm xa ;

Ấy là tiếng những âm binh tán tác.

Hay là giọng những vong hồn lưu lạc ?

- Hỡi gió mờ ! người chứa cả mùa đông

Trong phổi của người u uất vô cùng.

(Thơ thơ)

Gửi hương cho gió

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm
Đem gửi hương cho gió phụng phàng !
Mất một đời thơm trong kẽ núi,
Không người du tử đến nhâm hương !*

*Hoa ngở đem hương gửi gió kiêu,
Là truyền tin thắm mọi tình yêu ;
Song le hoa đợi càng thêm tủi,
Gió mặc hồn hương nhạt với chiều.*

*Tản mát ngàn phương lạc gió cầm
Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm ;
Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá,
Lặng lẽ hoàng hôn phủ trước thềm.*

*Tình yêu muôn thuở vẫn là hương,
Biết mấy lòng thơm mở giữa đường ;
Đã mất tình yêu trong gió rui,
Không người thấu rõ đến nguồn thương !*

*Thiên hạ vô tình nhận ước mơ,
Nhận rồi không hiểu mộng hay thơ...
Người si muôn kiếp là hoa núi
Uống nhụy lòng tươi tặng khách hờ.*

Đẹp

*Mai yếu đuối, sao bằng thông mạnh mẽ
Dáng yêu kiều, sao bằng vẻ hùng anh
Những chàng trai đương sức lực tươi xanh*

Bước vạm vỡ như là đi chinh phục.

Em đẹp khi em phồng nét ngực
Hít không gian và ngó thẳng trời xa,
Khi cánh tay dang ôm cả sơn hà
Chân vút thẳng sắp lên đường vượt trái.

Em đẹp quá khi mà em nhú lại
Cặp mày xanh như rừng biếc chen cây
Em thanh thoi như buổi sáng đầu ngày
Em mạnh mẽ như buổi chiều giữa hạ.

Mười chín tuổi ! mặt trời đang óng ả
Ánh sáng ca, lạnh lạnh tiếng đời ngân :
Bông hạnh cười : mười chín tuổi thanh tân
Gánh nhẹ nhõm trên thân hình măng mọc !

Mười chín tuổi, hỡi những nàng má ngọc
Ríu rít chim, là tuổi ước mơ hoa !
Hỡi chàng trai kiêu diễm mãi vui ca
Mười chín tuổi ! Chẳng hai lần hoa nở !
(Gửi hương cho gió)

Thanh niên

Thanh niên, người đang ở cùng ta
Rộn tiếng mưa, và thay đổi cười hoa
Người ríu rít như một vùng chim núi
Người xôn xao như một vạt cây rừng
Nao lòng ta bằng muôn cánh yêu đương
Làm rộn ngợp như phát cờ trẻ mạnh
Ở trong máu thắm vì xuân rộn ánh
Suối người đi róc rách như giọng hồng vàng

Xui chân vòng thành những bước nghênh ngang
Và gót nhịp, theo một lời hứa hẹn
Miệng thổi sáo, mày nghiêng đưa mắt bén
Ta liếc đời bằng những khóe ham mê
Người treo thêm, người mở nhạc, tung huê
Và ta đóng lại những vòng tay thật chặt.

Thế mà cũng có một ngày khe khắt
Ta ở đây mà người bỏ người đi
Ôi Thanh-niên : người mang hết xuân thì
Hình ngực nở, nụ cười tươi, màu tóc lóng
Già sẽ đến, giờ tay xua ánh sáng
Đuổi bướm chim, làm sợ cả hoa hương
Và dần dà càng rõ rệt bộ xương
Mà bạn hữu sẽ đặt nằm dưới đất,
Không có người, thôi cái gì cũng mất :
Tài năng chi, danh vọng để làm chi
Kể chi tiền với một kẻ mê si
Chỉ thấy nghĩa trong Ái-tình vĩnh viễn
Chèo năm tháng vội đưa ta tới bến
Thuyền mộng hoa không cho kẻ tàn xuân
Hồn thần tiên rầu rĩ bóng tà huân
Ta đau đón bước lên bờ thực sự
Cô đơn quá, bởi không còn người nữa !

Người đi rồi, thôi khổ sở biết bao nhiêu :
Thấy sao đành sắc lợt với hình xiêu
Chịu sao nổi với ngày giờ lạnh lẽo
Thời gian rót từng giọt buồn khô héo
Sự sống đi như hương bỏ hoa chiều
Ngục đời người không có một trời yêu.

Và anh yến chẳng thăm vườn nhật tẻ...
Nhìn tuổi trẻ cười ta xưa đã trẻ
Họ được yêu mà ta chỉ được thương :
Ta nài tình mà giá ngắt vì sương
Của lãnh đạo, thôi khắc nào đã chết
Người đã mất, thôi cái gì cũng hết...
Người đương ở cùng ta, ôi Thanh-niên !
Ta ôm choàng, ôm riết bánh thần tiên
Ta ôm bó, cánh tay ta làm rắn
Làm dây da quấn quít cả mình xuân
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần
Chân hút rễ để hút mùn dưới đất
Thanh niên hỡi ! lòng người thơm quá mất !
Ta uống mê vào hơi thở của người
Ta bầu răng vào da thịt của đời
Ngoài sự sống để làm êm đói khát
Muôn nỗi ấm, với ngàn muôn nỗi mát
Ta đều ăn, nhắm nhía rất ngon lành
Ngực thở trời, mình hút nắng tươi xanh
Ta góp hết những vòng hoa mới lạ
Người đang ở ! Ta vội vàng dũ quá
Sống toàn tim, toàn trí, toàn hồn !
Sống toàn thân ! và thức nhọn giác quan
Và thức cả trong giấc nồng phải ngủ
Sống, tất cả sống, chẳng bao giờ đủ
Chắc chen kho mộng chắc với tình bền
Để đến ngày Thanh-niên vội lên yên
Nghe nhạc vàng, còn tưởng mãi Thanh-niên !
(Gửi hương cho gió)

Những kẻ đợi chờ

Hỡi các anh đi đáng hững hờ,
Đầu cao, tóc ngược, mắt theo mơ,
Để dành một phút thương ai với !
Ôi biết bao nhiêu kẻ đợi chờ.

Họ chưa hề đẹp ; lúc xuân sang
Đem sắc, đem duyên điểm mọi nàng,
Đôi chút hồng đào lên má nở,
Rồi thôi ; – họ chẳng dám nhìn gương...

Son phấn bao giờ đủ tốt tươi
Sắc màu đẹp lắm : áo hơn người.
Thư tình không lạc trong tay mỗi
Đã nắn thù thừa, kim chỉ ời !

Mỗi ngày trông những thiếu niên qua,
Gót vịn kêu nhanh trước cửa nhà,
Họ chứa nhớ thương và mỗi tối
Ấy là sa mạc của buồng hoa...

Mùa đông trên gối rét tê bông ;
Máu giữa lòng đơn uống ấm nồng ;
Hồn ước chung đôi ; thân lặng lẽ
Vào năm chia lạnh với chẵn không.

Họ nói : thôi, mong gặp gỡ gì !
Xuân mình tất cả đã trôi đi...
- Thế rồi họ khóc không nghe tiếng,
Trong lúc trăng tàn bạt gió khuya.
(Ngày nay, số 153, 18-3-1939)

Buồn trắng

*Gió sáng bay về, thi sĩ nhớ,
Thương ai không biết, đứng buồn trăng :
Huy hoàng trăng rộng, nguy nga gió,
Xanh biếc trời cao, bạt đất bằng.*

*Mây trắng ngang hàng tự thuở xưa,
Bao giờ viễn vọng đến bây giờ...
Sao vàng lẻ một, trăng riêng chiếc ;
Đêm ngọc tê ngời men với tơ...*

*Chỉ biển trời xanh, chẳng bến trời,
Mắt tìm thêm rộn ánh khô vơi.
Trăng ngà lặng lẽ như bông tuyết,
Trong suốt không gian tịch mịch đời.*

*Gió nọ mà bay lên nguyệt kia,
Thêm đem sương lạnh xuống đầm đìa.
Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ,
Hoa bưởi thơm rồi : đêm đã khuya.*
(Ngày nay, số 155,1-4-1939)

Tình trai

*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine,
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men,
Say thơ xa lạ, mê tình bạn,
Khinh rẻ khuôn mòn, bỏ lối quen.*

*Những bước song song xéo dẫm trường,
Đôi hồn tươi đậm ngát hoa hương,
Họ đi, tay yếu trong tay mạnh,
Nghe hát ân tình giữa gió sương.*

Kể chi chuyện trước với ngày sau ;

Quên ngó môi son với áo màu ;
Thây kệ thiên đường và địa ngục !
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.
(Thơ thơ)

Ý thu

Tặng Nguyễn lương Ngọc
Những chút hồn buồn trong lá rụng
Bị nhàu ai tưởng dưới trâm chân.
Bông hoa rút cánh, rơi không tiếng ;
Chẳng hái mà hoa cũng hết dần.

Dưới gốc, nào đâu thấy xác ve,
Thế mà ve đã tắt theo hè.
Chắc rằng gió cũng đau thương chứ ;
Gió vỗ ngoài kia, thu có nghe ?

Hôm nay tôi đã chết trong người
Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi ;
Với bóng hình xưa, tấm tiếng cũ,
Cách xa chôn hết nhớ thương rồi.

Yên vui xây dựng bởi nguôi quên.
Muốn bước trong đời, phải giậm trên
Muôn tiếng kêu than thầm lặng lặng.
Nhưng hoa có thể cứ lâu bền.

Ờ nhỉ ! Sao hoa lại phải rơi ?
Đã xa, sao lại hứa yêu hoài ?
Thực là dị quá. – Mà tôi nữa !
Sao nghĩ làm chi chuyện nhạt phai ?
(Thơ thơ)

Lạc quan

Vườn cười bằng bướm, hót bằng chim ;
Dưới nhành, không còn một chút đêm ;
Những tiếng tung hô bằng ánh sáng
Ca đời hưng phục trẻ trung thêm.

Gió qua ; như một khách thừa lương,
Lay nắng trên mình lá loáng sương,
Hoa cúc dường như thôi ẩn dật,
Hoa hồng có vẻ bận soi gương.

Vàng tươi, thược được cánh hơi xòa ;
Ứng rạng, phù dung nghiêng mặt hoa ;
Nhánh vút làm cho lan choáng ngợp ;
Lòng trinh giữ lại nửa bông trà.

Hình eo, dáng lá, sắc xinh xinh
Phối phối cùng nhau thở thái bình
Của nỗi yêu trùm không giới hạn
Dịu dàng tỏa xuống tự trời xanh.

Hạnh phúc vờn trong buổi sớm mai,
Vừa tầm với bắt của tay người ;
Ái tình đem máu lên hoa diện :
- Thi sĩ đi đâu cũng thấy cười.
(Thơ thơ)

Chiều

(Tặng Nguyễn khắc Hiếu)

Hôm nay, trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...
Lá hồng rơi lặng ngõ thôn,

Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.
Phất phơ hồn của bông hường,
Trong hơi phiêu bạt còn vương máu hồng.
Nghe chùng gió ý qua sông,
E bên lau lách thuyền không vắng bờ.
Không gian như có dây tơ,
Bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tiêu.
Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn...
(Thơ thơ)

Bài thơ tuổi nhỏ

Giơ tay muốn ôm cả trái đất ;
Ghì trước trái tim, ghì trước ngực,
Cho đầy trước mắt khoảng cô đơn
Bao la muôn trời, sâu vạn vực.
Làm sao sống được mà không yêu,
Không nhớ, không thương một kẻ nào ?
Hãy đốt đời ta muôn thứ lửa !
Cho bùng tia mắt độ tia sao !
(Qui-nhơn 1933, trích *Thơ thơ*)

Giờ tàn

Khi mai dậy sớm, trời êm ái,
Cửa sổ thênh thang mở gió hồ :
Hơi mát đưa hòa theo ánh nắng ;
Cành gần, chim rộn tiếng đùa nô.

Chủ nhật còn nguyên, còn trọn vẹn ;
Tôi chưa tiêu mất một giờ nào.

Như đứa trẻ con ôm cái bánh,
E dè tôi muốn giữ cho lâu.

Nhưng ngày cứ thoát đi từng chút ;
Rồi mặt trời cao. Nắng cháy tràn.
Trưa đến : thôi rồi ! bình đã vỡ !
Nửa ngày xinh đẹp đã tiêu tan !

Thong thả, chiều vàng thong thả lại...
Rồi đi... Đêm xám tối dần dần...
Cứ thế mà bay cho đến hết
Những ngày, những tháng, những mùa xuân.

Vừa mới khi mai tôi cảm thấy
Trong tay ôm một bó hoa cười.
Ngọn gió thời gian không ngớt thổi :
Giờ tàn như những cánh hoa rơi...
(Thơ thơ)

Biệt ly êm ái

(Tặng Nguyễn xuân Khoát)

Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi trăng thâu,
Sương bám hồn ; gió cắn mặt buồn rầu
Giờ biệt ly cứ đứng gần từng phút.
Chúng tôi thấy đã xa nhau một chút...
Người lặng im, và tôi nói băng quơ,
Chúng tôi ngồi ở giữa một bài thơ.
Một bài thơ mênh mông như vũ trụ,
Đầy khói hương xưa, tràn ân ái cũ.
Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi trăng thâu,

Tay trong tay, đầu dựa sát bên đầu.

Tình yêu bảo : « Thôi các người đừng khóc,
Các người sẽ đoàn viên trong mộng ngọc »

Cứ nhìn nhau rồi lại vẫn nhìn nhau.

Hạnh phúc ngừng giữa đôi trái tim đau.

(Thơ thơ)

Cặp hài vạn dặm

Nếu ta có gặp hài tiên,

Ta đi khắp xứ, khắp miền, khắp nơi.

Ta đi, đi tận phương trời,

Đi cùng phương đất, xa vời ta đi.

In như chiếc chén lưu ly,

In như chiếc lá hết thì tươi xanh,

Ta theo gió mạnh, gió nhanh

Gió hung dữ, gió sát sanh, gió cuồng !

Đi say và cứ đi sông,

Ta đi mau lại hờn luồng gió mau.

Đi mau ! trốn nét ! trốn màu !

Trốn hơi ! trốn tiếng ! trốn nhau ! trốn mình !

(Thơ thơ)

Bên ấy bên này

Lòng ta trống lăm, lòng ta sụp

Như túp nhà không bốn vách xiêu ;

Em chẳng cứu giùm, em bỏ mặc

Mưa đưa ta đến bến Đìu-hiu.

Em ở bên mình : ta ngó say ;

Song le bên ấy với bên này
Cũng xa như những bờ xa cách,
Không có thuyền qua, không cánh bay.

Ta thấy em xinh, khẽ lắc đầu.
Bởi vì ta có được em đâu !
Tay kia sẽ ắp nhiều tay khác,
Môi ấy vì ai sẽ đượm màu.

Họ sẽ ôm em với cánh tay ;
Và em yêu họ đến muôn ngày ;
Thôi rồi ! em chẳng thờ ơ nữa
Như đối cùng ta tự bấy nay.

- Như đối cùng ta giữa cảnh mưa
Mà lòng không hiểu trán bơ vơ,
Không tặng âu yếm trong câu nói,
Trong mắt còn nguyên vẻ hững hờ.

(Thơ thơ)

Thở than

Tôi là một kẻ điên cuồng
Yêu những ái tình ngây dại
Tôi cứ bắt lòng tôi đau đớn mãi,
Đau vô duyên, đau không để làm gì.
Ôi ! tình si
Không có một giờ yên ổn !
Nếu bỏ được trái lòng cho gió cuốn,
Đem vứt đi, như là trái chua cay !
Nếu một chiều có thể rải tung bay
Tất cả linh hồn thốn thức !

Nhưng mỗi lần đưa tay lên nén ngực,
Lại nghe tình nhiều hơn số ngón tay
Với mi kia, mắt nọ, với môi này,
Với chuỗi tên người liên tiếp...

Yêu với mến ! mến và yêu ! tiếng điệp
Của khúc ca nào vừa cắt, vừa say ?
Lòng tôi lạnh lẽo, đêm nay,
Theo một con đường mấy nẻo.

Và đêm nay, lòng tôi lạnh lẽo...
Như sáng trăng trên mặt nước thu lờ.
Tôi là một kẻ bơ vơ ;
Yêu những ái tình quạnh quẽ.
(Thơ thơ)

Ca tụng

Trăng, vú mộng đã muôn đời thi sĩ
Giơ hai tay mơn trớn vẽ tròn đầy,
Trăng, hoa vàng lay lắt cạnh bờ mây ;
Trăng, đĩa ngọc giữa mâm trời huyền bí ;

Trăng, vú mộng đã muôn đời thi sĩ
Giơ hai tay mơn trớn vẽ tròn đầy :

Trăng, nguồn sương làm ướt cả Gió hây,
Trăng, vông rượu khiến Đêm mờ chuẩn choáng !
Người ám ảnh hương thơm bằng ánh sáng,
Ru màu êm, mà gọi thức lòng ngay ;
Trăng, nguồn sương làm ướt cả Gió hây,
Trăng, vông rượu khiến Đêm mờ chuẩn choáng !
Trăng thánh thót, hoạ đàn tơ lấp lánh,

Trăng nghiêng nghiêng, tư tưởng chuyện ưu phiền,
Người làm ma, rồi người lại làm tiên :
Người tạo lập những đèn đài mỏng thoáng ;
Trăng thánh thót, hoa đàn tơ lất loáng.
Trăng nghiêng nghiêng, tư tưởng chuyện ưu phiền...
Người là trăng, hồi trăng đẹp bình yên ;
Hồi trăng đẹp, người là trăng náo nức ;
Người hay khóc, người không cần sự thực,
Nhớ thương luôn, nên mắt có quầng viền ;
Người là trăng, hồi trăng đẹp bình yên,
Hồi trăng đẹp, người là trăng náo nức !

Rừng xoã tóc để người thành chiếc lược ;
Biển nhờn người thành ức triệu vòng khuyên ;
Gió căng người trên những cánh buồm thuyền ;
Người định nhịp cho sóng triều xuôi ngược ;
Rừng xoã tóc để người thành chiếc lược,
Biển nhờn người thành ức triệu vòng khuyên...
Trăng của xa xôi, trăng của hão huyền,
Người vĩnh viễn như lòng trăng ý gió ;
Trăng của mắt, trăng của hồn rạn vỡ,
(Trăng rất trắng là trăng của tình duyên)
Trăng của xa xôi, trăng của hão huyền,
Người vĩnh viễn như lòng trăng ý gió...
(Thơ thơ)

Trở về⁴⁷

Cũng bởi vì tôi nhớ, tôi mong,
Một sớm mai hồng, tôi sẽ lên đường trở lại
Giữa vũ trụ nhân gian, trong gia đình xã hội

Giữa quốc gia nhân loại, trong thế giới gia đình

Một sớm mai hồng, dâng một bình minh

Xanh mắt trẻ con

Hồng môi thiếu nữ

Tôi sẽ trở về chân vui rón rén

Như hướng đi những xuân hò hẹn

Như mắt yêu len lén

Như tay vuốt quen quen

Như đưa trẻ con nhay vú mẹ hiền

Trong lòng đời, tôi lại về náo động

Bà mẹ đời du dương tay mở rộng

Tôi nằm tròn làm một giấc sương hoa

Hỡi cỏ cây : mình có nhớ thương ta

Ta rất nhớ thương mình nên trở lại

- Vì đang sống, tôi vẫn còn sống mãi

Vì còn yêu, tôi lại muốn yêu thêm

Vì mắt tôi no đủ bóng ngày đêm

Tôi đẩy tiếng hay môi mềm cảm giác

Hôm nay vẫn nghĩ đến đời bữa khác

Như đứa con vừa bú mẹ một bên

Một bên kia vẫn mơn vú mẹ hiền

Tôi phải về vì quá đói thương yêu

Những con người làm bằng máu và xương

Vì thắc mắc sau khi mình đã chết

Hội vui quá thế mà mình không biết

Tôi lại về vì khúc nhạc sau đây

Đập vang trời, mời cả nước cùng mây.

Ai muốn ngủ, cũng thế nào ngủ được !

Như một sớm trên đường vang tiếng guốc

Như một trưa chim chóc réo mùa hè
Tiếng giũa rèn đập nặng nhẩy vang hoe
Tiếng tia sáng múa vờn quanh chiếc búa
Những bánh xe quay, những guồng máy lựa
Những bàn chân dậm, những cánh tay nhanh
Tiếng cất nhà ! Trời đất gồ lạnh canh
Kêu thán thót trong khi thành cửa sổ
Những toa máy phì phì đang tập thở
Những con tàu đầy sức rúc huyền thiên
Tôi phải về nghe dự nhạc đoàn viên
Nhân loại mới nói cười như trẻ nhỏ
Việt-nam sau một thời lao khổ,
Bây giờ cười như hoa nở
Cô gái Việt gánh gồng xinh xinh,
Đâu cũng là những cô gái Bắc-ninh
Hội loài người đông vui luyện ái
Cô hạnh phúc đợi chờ cô mãi
Gây dựng cô sút mẻ những bàn tay
Trật bả vai rỏ máu những lông mày
Nhưng cô đến cả huy hoàng trên trán
Dầu đã muộn rồi hãy còn sớm chán
Hội loài người vui vẻ lắm ngày mai
Tôi sẽ xin đời về một sớm mai
(Tháng 8, 1945)

TIỂU LUẬN

Giã từ tuổi nhỏ⁴⁸

GIÃ TỪ

Không biết anh em tôi bỏ đi lúc nào ; nhưng bây giờ em đã đi rồi. Tôi nghiệp cho em tôi ! Thịnh thoảng em còn về thăm, nhưng chúng tôi không dám ở cùng nhau lâu ; và dường như tôi có ý xua đuổi. Bây giờ thì em còn thương tình mà trở lại thăm viếng, chứ mười năm, hai mươi năm nữa ! tôi có gọi có van rất cố, vỡ tiếng, em tôi cũng chẳng trở về.

Ồ ! Em tuổi Nhỏ của tôi, ta nhớ mừng tượng như một lần nào đây, ta đẩy em lên đường ; mắt em hôm ấy xanh quá, miệng em cười gượng, môi thăm hơi buồn ; em rón rập một lần cuối cùng, để ta nhìn em mà sau này mãi mãi nhớ thương. Ta thì ghen ngào, lệ phồng cả mắt, khế lắt đầu ; trán ta ưu tư, lòng ta bị cuộc đời giầy xéo, ta còn gan ruột nào để giữ em lại ! Ta yêu em nhưng muốn cho em đi, vì đã tới giờ rồi !

Trái sắp đậu thì hoa phải tàn, nếu hạt thóc không chết đi, thì cây lúa cũng không sống ; em cũng biết rằng ta muốn ôm em lại mãi, nhưng có thể như thế được đâu. Thế là em đi, còn ta thui thủi về một mình, con đường thơ mộng đã thành con đường đời, ta bước từng bước đau thương, vì lòng ta trống cả em ! Ta không muốn quay đầu lại nhìn ; em đi rồi, ta phải thành một người lớn, phải siêng năng chứ, nào là công việc, nào là cuộc sống, nào là cái đời...

Còn em, Tuổi Nhỏ ơi, ta không cần thì em cũng không ở ; em đi chậm chậm, lưng quay lại cho ta. Em mang theo mặt đẹp của em, hai má trai tơ, đậm như mặt trời sắp mọc ; trán em tinh khiết, chưa hề oán hận ; lòng em

ngây thơ chỉ thích đùa cười. Từ bấy đến nay, em vào trong Thời-gian, con đường mờ mịt không em ?

Thôi, đường của em về chỉ là khói sương thôi, chẳng bao lâu em sẽ lẫn với chân trời, anh chỉ nhìn đằng xa, tưởng em là mộng. Anh không dám giơ tay đón bắt ; bắt sao được mà dám bắt em sao ? Em sẽ không đến với khuôn mặt tạc trong thịt đời, khắc khổ gập ghềnh, chín khô như một trái mùa hạ.

*

Có phải đêm nay em về đó không ? Ngày nghỉ, đêm thanh, chiếc hoa sao tạt bay qua cửa ; trăng lành, gió dịu, ta soi trộm vào gương, thoáng thấy hình ta, thoáng thấy hình em. Tuổi Nhỏ đó ư ? Hai ta còn một đêm dài, ngồi đây em, nằm đây em, dựa đây em, ở lại đây, em đừng đi nữa nhé !

Tội nghiệp cho em tôi, một tiếng động cũng làm em sợ ; em mỏng manh, em đẹp dễ quá, nên xe chạy ồn, đời làm dữ, là em muốn biến đi ngay. Ngựa xe chạy làm chi mà ồn ào ! Cuộc trùng phùng nào chắc gì đâu, sao đường phố còn rộn tiếng đời, không cho tôi tha hồ tâm sự ? – Cửa trước đã đóng, còn cửa sổ sau ; mặt trăng từ mẫu cho mượn bóng xanh, hiện tại đã xa xa, quá khứ đã gần gần ; gió thổi má về, gió đưa thơ lại... Thôi chính là em tôi, chính là tôi xưa, nét măng nhụy, vẻ huy hoàng, chiều duyên dáng, cách ngây thơ, tâm này và hồn này là của tuổi nhỏ. Hồn xuân phấp phới ở đầu lá, cây cỏ đơm ra một làn hơi biếc, trời đất triền miên...

- Em đó ư ? Anh nhìn rõ quá.

- Anh đây ư ? Em nhận không ra...

Em của tôi đã bờ ngõ với tôi rồi. Tuổi Nhỏ ơi, ngày trước đây chúng ta là một đó. Em đi, giữ lấy tinh túy ; ta ở, cuộc thế khinh mạn, thời gian lần lữa ; xa em rồi, thì còn gì thực vui, còn gì thực đẹp nữa đâu ! Chỉ có mắt em, lông tơ bao bọc ; chỉ ở tuổi em, cuộc đời bông loa.

Nói làm chi phải không em ? Nằm trên ngực anh đây, con chim ân ái ; đưa tôi bông ru chút nào, cậu trai măng tơ ; em của tôi đây, tôi đây, thực là yêu quá. Mới đi độ chừng một năm, mà bây giờ đã bờ ngõ nhau. Em có biết nhiều khi em thổi về như một làn gió, nổi bận bịu của anh bỗng mát thơm như rừng núi xuống gần ; ta vội vàng tưới nở mau mau, nhưng Tuổi Nhỏ ơi, em đến không nhằm giờ, lắm khi lại quá phiền nhiễu. Ta than thầm : « Xứ ấy đẹp sao ! », rồi ta phải đuổi em và chim bướm của em ngay. Mắt lại nhìn cho cái cuộc đời thực kỹ, tay lại nắm giữ sự đời cho thực chặt, để mà sống chứ, nực cười thay ! Và trong lúc làm người lớn, ta thừa biết rằng chiều nay, ta sẽ khóc em, hỏi em đâu, đòi em cho được ; nhưng than ôi, trẻ con làm nũng với mẹ, chứ ai đâu làm nũng với đời !

Kể chi những cái bụi đó, em nhỉ ! Đêm đã khuya, trăng thêm ngà. Tuổi Nhỏ mỉm cười đi, cho ta được vui. Ôm em trên lòng ; trái tim quá khứ của em nhịp nhàng với lòng ta chạy chậm, ta rửa linh hồn cho sạch, để em đừng chê...

*

Tôi ru em nhỏ của tôi, tưởng tôi còn nhỏ. Bóng trăng phập phồng trên ngực. Năm canh lơ mơ quanh mình. Tôi nằm giữa tuổi xưa, thấy mình mười sáu, mười tám đôi mươi, tay chân bằng mềm, mắt bằng hồ, lòng bằng lửa, miệng bằng hoa...

Đêm thanh suốt đêm, ai có ngờ đâu trời cũng sáng !

Mặt trời sắp mọc, đất thành thị sắp chuyển tiếng chân, xe tàu sắp rúng cả cửa nhà, cái máy đời sắp mở toàn tốc độ. Dậy, dậy, tôi ơi ! Kỷ niệm chực biến ! Hình bóng em nhỏ sắp tan ! Thôi, em đi, ta ở, ta dậy, em về ; thà xa nhau trong chút bóng trăng tàn, để phút ly biệt còn đượm phần xanh, chứ không chịu chia phôi giữa bụi bặm ồn ào, làm mất thiêng liêng của nỗi luyến tiếc. Hỡi em tuổi Nhỏ, già từ, từ già ! Ly biệt, biệt ly ! Níu em nói chưa dứt lời, em đã đi mất !

Mặt trời đỏ rực, đời chiếm cả mọi nơi rồi. Tôi sắp vào cho cái máy cuốn lô, chân bước đi, lòng còn ngoảnh lại. Em tuổi Nhỏ ! Xa nhau rồi giờ lại xa nhau, chẳng nữa ? Bao giờ mới đến lần sau ? Em chịu về thăm anh chẳng ? Ngày mai soi gương, có tình cờ thấy hai ta chung một bóng ?

Ta ở lại một mình. Thời gian đẩy sau lưng, cuộc đời kéo trước mặt, chân trái, rời xa thời nhỏ, chân mặt bước vào thời nào đây ? Ta nuốt đắng cay, cười gượng mà để cho hoa tàn, mà mong cho trái đậu ; hôm nay ta xua Tuổi Nhỏ để khỏi giậm chân trong cuộc thế ; một may sự đời dầu dãi, lúa gặt, việc xong, chạy đi tìm em, em tan mất rồi !

Thời gian lạnh lắm, cái gì vào đó mà còn được đâu ! Hôm nay còn gặp tuổi nhỏ năm ngoái ; năm sau tuổi nhỏ chắc đã mờ bóng ; vài năm sau nữa, ôi thôi em tôi chết thực rồi ! Nhớ mà tỉnh thoảng về thăm anh, em nghe ; chớ vội tan trong thời giờ, mà để anh già cỗi. Giã từ ! Biệt ly ! Quá nửa lòng ta đã mất với em ! Bệnh tê liệt sẽ chiếm dần trái tim ; ta đứng đây nặng nề, vững chãi, chen chúc, ganh tỵ, để mà sống với đời...

Giã từ ! Từ giã ! Ly biệt, biệt ly ! Các bạn ơi, có gặp tuổi nhỏ của tôi ở trên đường cái ?

*

GIAO LẠI

Người tướng xông pha trăm trận không buồn vì da ngựa bọc thây mà đau vì sau mình, không ai đi dẹp giặc. Giang sơn tuổi nhỏ, tôi buông ra mà không dám buông hẳn ; lòng băn khoăn không biết những vưu vật của tạo hóa, bạn sau tôi có biết giữ gìn chẳng ? Ta đi rồi, ai đến đây ? Ai đến có phụ phàng những ngày biếc ?

Này gã trai tơ, sách chật năm ngăn, mộng ử rương hòm, tôi xin giao lại cái giang sơn thơ mộng cho người. Mà gọi làm chi cho khách tình vậ nhĩ ! Ở trong tuổi đẹp, chúng ta đều là bầu bạn ; giang sơn tuổi nhỏ, này anh giao lại cho em.

Hai tay em đan đầy hoa lộc của đời, những hoa lộc phong một lớp sương mờ, như một trái quý phong màng lá xanh. Em mở ra cho trân trọng ! Em có mười sáu tuổi chỉ một lần ; em không có đến hai lần cái tuổi hai mươi, em chẳng bao giờ có lại cái tuổi mười tám. Em chỉ có một tuổi vui, em sẽ có một trăm năm buồn ; tất cả đều tùy em đó, xấu đẹp ở tại lòng em.

Buổi sáng hái hoa, buổi trưa chăm cây, buổi chiều gặt trái. Em chẳng sớm liệu, để qua mất cái thời độc nhất để vui sướng, thì khi trời nắng chang chang, mồ hôi nhỏ giọt, cái lúc phải tay làm hàm nhai, đang kiếm cơm tìm gạo, em có thể trở lại hái hoa được sao ? Tội thay cho bao nhiêu đàn ông, con đeo trước mặt, vợ bám bên lưng, suốt kiếp làm một người đời, mà chưa làm gã con trai. Họ đã để qua cái tuổi nụ hoa mà không biết hưởng. Chỉ có một tuổi đó tha hồ vui đẹp, họ đã lững lờ quên mất, thành ra suốt đời chẳng được biết một làn sương xanh !

Ở tuổi giác quan mới mẻ, rất hèn ngu là một kẻ chích chích chi chi. Trời cho em một buổi mai, đâu lẽ lấy con mắt vô tình mà ngó. Thiên đường không biết ở đâu cả, họa chẳng thiên đường ở trong tuổi nhỏ, đó em. Ở tuổi em, vườn trần mà biết ngấm thì là vườn trời ; lòng còn nguyên cả vốn mà trải lên cảnh sắc, tự nhiên tất cả đều lộ lẩy ; mắt xanh trong vắt, cứ nhìn muôn vật, muôn vật rực rỡ hào quang. Mỗi sớm mai, tung chăn đã nghe rạo rạo tiếng mùa ; chim hót trên cành gần cửa ; máu reo khắp cả tứ chi. Bừng mắt dậy, mà cả trời đất cũng bừng mắt dậy ; lòng bắt đầu, nên thấy như thượng đế cũng vừa mới tạo thiên lập địa đâu đây ! Thiên đường ở khắp mọi nơi, giữa đồng hái hoa hay trên đường đi học ; thiên đường luôn luôn, khi nắng hạ đốt người một cách cực lạc, khi rét đông khóa vào da thịt, làm dậy cả máu xương !

Em mười lăm tuổi, em tuổi hai mươi ! Đừng để mất một cái gì mà không hưởng. Em tưởng sau này em lớn, đi chơi bời là hưởng sao ? Những cái ấy cho bọn giác quan què quặt, tâm trí ngu đần, ta, thiên niên, có thể không mất một xu mà hưởng hết của trời. « Say là say nghĩa say nhân, say

chung Lý Bạch, say đòn Bá Nha », chứ há có say thứ rượu tồi tệ của Lưu Linh ! Gấp đi em, mau đi em, hoa ở tuổi em mới thật là hoa, để nâng niu hôn hít ; thêm dăm tuổi nữa, thì hoa chỉ trồng cho đẹp nhà, hãnh diện với khách qua đường. Song ở tuổi em thì óng ả như cô gái xuân, chảy đầy cái lòng dồi dào của tạo vật ; thêm dăm tuổi nữa, sông chỉ để cho thuyền bè qua lại, hay là nơi tải ký tùy ba. Núi ở tuổi em hùng vĩ tận chân trời, như mộng kiêu kỳ của tuổi trẻ ; thêm dăm tuổi nữa, thì đó chỉ là một mớ đá chồng chất với nhau. Mau đi em, gấp đi em, cái vốn ngây thơ, trời cho chỉ mấy năm trời ; cái tuổi mơ mộng, chẳng mấy lúc mà nguồn khô cạn. Thế nào việc đời cũng đến, muốn không lo cũng chẳng được nào. Gấp đi em, hãy chuyện trò cùng tạo hóa ; mau đi em ; mau đi em, vợ vẫn cho nhiều.

Giang sơn tuổi nhỏ, kể làm sao xiết ái ân ! Anh giao cho em trường học thân yêu, cái tổ ấm cho hồn ta lấy sức ; anh giao cho em phòng học sáng sủa, hiên trường có tiếng guốc vang, nhà chơi đầm ấm những chiều mưa, mảnh sân rộn ràng khi ong vỡ tổ. Anh giao cho em phòng ngủ trên lầu, cửa sổ mở trong khung xanh ; anh giao cho em chiếc giường riêng chiếc như tấm thân trai, cái màn tâm sự bịt bùng, ngọn đèn canh đêm thâu, ánh vàng thao thức. Anh giao cho em những đêm xuân trăng mọc, muốn ngủ không đành ; những đêm đông lạnh lùng, giấc ngon ấm áp, anh giao cho em hai hàng cây xanh, bóng rớt mát như tóc chảy ; anh giao cho em khoảng vườn hoang dại, để những chiều hồn bạn, ra ngồi đó mà tủi thương. Đây là đóa hoa, thơm như tình ái ; đây là hạt sương, đây là con bướm, đây nữa đàn chim. Anh giao cho em bụi chuối sau trường, hạt trắng văng rơi lách tách ; khóm dứa trước cổng tóc gió chảy qua những chiếc lược xanh. Anh giao cho em mây sớm an lành ; anh giao cho em nắng vàng thương nhớ. Và giao cho em cả gió, cả trăng...

Yêu đi em, hưởng đi em ! Đó là tất cả cái kho của tuổi xuân ; mở ra mà thưởng thức. Biết bao nhiêu là của cải, bỏ đi chẳng phụ lòng trời ! Chúa Xuân đâu có phải vị thần nào vu vơ ở phương đông ; Chúa Xuân, chính là

vị thần hiển hiện trong phấn dương vàng, cái đầu cao, cái mũi thẳng, ngực nở, vai ngang, và cánh tay chỉ có hai mà sức muốn, sức mạnh thì nhiều như vị thần trăm tay của tôn giáo, Chúa Xuân sẽ chính là em, là tất cả những chàng trai đem sức yêu dấu mà trị muôn loài, ánh sáng chỉ đẹp vì ta biết đẹp, cuộc đời chỉ vui nhờ ta không thêm buồn ; hồng nhan có quý chi, nếu Chúa Xuân không đoái tới ! Giang sơn tuổi nhỏ, chính là tấm lòng thăm dò ở giữa ngực em...

Và đây, anh bước qua, nhường chỗ cho em đi đến ; khỏi sao bịn rịn bụi ngùi. Của riêng thêm tặng, ấy là một mảnh lòng anh... Anh yêu tất cả các em, hiện thân của anh xưa qua muôn đời nghìn kiếp ; cái mạng nọ của lòng anh khi tuổi nhỏ, chính nó đã thành lòng tơ trên má các em.

Thôi, anh bước qua, giao lại cho các em ; chúc các em muôn nghìn tươi đẹp !

(Trích *Trường ca* – Xuân-Diệu)

*

Chú lái khờ (1939)

Đời xưa có một chàng phú thương đi khắp thiên hạ. Nước Tàu cổ giàu lắm ; chàng đi buôn găm vóc ngọc vàng. Dưới nước thì chở thuyền to ; trên bộ thì dùng ngựa quý. Người ta gọi chàng là Chú Lái, và văn nhân đời sau, ghi câu truyện hào hoa mặc khách, riêng gọi chàng là Chú Lái khờ.

Khờ bởi vì không biết giữ của.

Chàng phú thương giàu không biết bao nhiêu mà kể. Ngọc vàng sai khiến ở mười ngón tay. Mỗi bước chân đi có thể bỏ rơi từng mớ châu báu. Không cần mảnh khốe ; có cái số thiên kim như số Chú Lái, thì cần gì quý quyet như mọi lái buôn ; trời đã chọn bàn tay kia mà gửi kho vàng và chọn cái trán kia gửi niềm tao nhã.

Của cải bốn phương chạy về Chú Lái, nên Chú Lái cũng vung tay hào phóng, cho sự giàu sang có được tản ra bốn phương. Chú Lái không tiếc với đời ; lượng rộng hải hà, Chú Lái vờ làm đại dật...

Với tính phong lưu như vậy, một đêm kia khách ghé chơi ở Hồng Lâu, bụi đường đã trắng áo quàng. Bước chân hồ mòn đá sỏi. Nỗi buồn của sông núi đã vào trong lòng khách. Dạo xem thế giới, Chú Lái khờ sầu chuyện cổ kim. Khách muốn say sưa, để chìm trong quên lãng.

Chú Lái vào trước, những hòm vàng ngọc vào sau. Âm nhạc đã nổi lên, phòng vui chơi hương thơm sức nước. Bọn con hát múa nhịp Nghê thường. Cánh tay nở hoa, hình người hóa bướm. Sáo ngọc thốn thức, những cặp môi anh đào chúm lại và run. Những ngón tay hồng đón đau, vì nắn mạnh trên dây cầm sắt. Dần dần không gian nức nở ; không ai khóc cả, mà nước mắt ghen ngào trong thanh âm. Chàng phú thương tựa gối lim dim, mê trong sâu thẳm ; chàng khoan khoái thấy lòng mình loãng ra từng phút, sắp tan... Sắc đẹp hiện hình : những đào nương trắng như hoa lài nghiêng đầu thỏ thẻ. Không phải cuộc vui đây là cuộc mê.

Nhạc này buồn như khúc sông cong, nơi khách gặp sương chiều bạc xóa ; tiếng sáo này hắt hiu như gió trên đường cái ; tiếng nhị hồ này âm u như đám mây đèo. Sao ở trong thanh âm, người khách thương lại gặp cái vô cùng của cảnh vật ; tưởng như ai mang tới bên chàng cả hơi thở của nước tràng giang, cả nét mặt buồn của đồng nội vắng, cả dáng cô đơn của đỉnh núi găm trời. Giang sơn đang trải trong hồn chàng có mù sương như một buổi hoàng hôn thu. Khách có phải là lái buôn đâu ; khách là một tấm lòng thơ, trời đem dạo giữa phong trần, cho đầy thêm cái đáy sâu nào...

Chú Lái nghe đàn mà càng thêm khổ ; có ai chữa được cái hận vô lý mà bọn đa tình truyền cho nhau mang tự cổ kim ! Rượu đã dâng bên môi. Chú Lái khờ vợ lấy uống ; môi mềm chết điếng trong nước bồ đào. Triều đàn dâng đến cổ, khách mặc cho hồn giạt trôi bập bênh trong sóng nhẹ của

nhạc, rượu, trầm, hương. Mỹ sắc nở nhiều trong khu vườn lạc : mấy mươi hoa điệu lững lơ. Giai nhân mềm dẻo như những cành hoa, thay đổi trong tay du khách. Ngón tay các em vuốt hộ tấm lòng anh, em đàn đi trên phím người của ta cho điệu cảm giác vô cùng mơn trớn ! Khách không nhớ gì nữa ; mấy hòm châu ngọc mang cẩn thận để bên góc phòng, khách đều mặc kệ, không đoái trông nom. Rượu ấm và thơm, Chú Lái khờ uống hoài không nghỉ, nhạc chậm chậm lại, nển bỏ bớt đi, hương ngây ngất thêm, người lơ lả nữa... Chú Lái nhắm mắt, mím miệng cười cời hồn. Chú Lái khờ đã ngủ...

Nhưng mê ly của đàn địch không được ngừng lại ; không khí vẫn ấm êm quanh khách như một lớp nệm tiên. Chú Lái đã mê kia kìa ; anh chàng này đi đường hàng tháng, hàng năm, ngủ thật say như một chú lái. Áo thêu trễ biếng ở trên ngực, hở cả túi trong ; sợi xích bạch kim lộ ra ngoài xiêm, ngơ ngác một chùm khóa vàng. Bó người hoa đang xúm quanh khách, thấy mà động tâm. Bó khóa này sẽ mở cánh cửa hào quang của phú quý.

Giai nhân lẫn sát vào du khách, thử xem Chú Lái thực say chưa. Và Chú Lái đang say khờ cả người, nằm rất mê để tiện chìm vào tịch mịch. Bọn hồng phấn đã sờ tay vào khóa vàng, mỗi người đã cầm một chìa khóa. Nhẹ nhàng rón rén ; nhưng tha hồ lấy, khi các kho đã mở ra. Đây là the, mỏng như ánh sáng ; đây là gấm, đẹp như vườn hoa ; đây là trầm, đây là xạ. Đây là mã não, hổ phách. Đây là ngọc, ngọc bích, bạch ngọc, ngọc huyền, ngọc trai. Và đây là vàng, lá vàng ! Và đây là bạch kim ? Và đây là vàng nữa. Biết bao là giàu, là đẹp ! Ngà trau chuốt, ngọc giắt thêu, mời giai nhân chọn thứ quý nhất mà lấy...

Và giai nhân thấy được dễ dàng, khúc khích cười. Chú Lái thực là một anh khờ, không biết phòng ngừa, không chịu cẩn thận ; ngọc trai đã mất, bao giờ về Hợp-phố nữa đâu !

Chú Lái còn say, – Chú Lái tự say, chứ rượu làm say sao được. Chú Lái ! Chú vẫn tỉnh, nhưng chú muốn khờ.Ồ lòng khách vui cười biết bao khi hé mắt vừa cho vài sợi ánh xanh lọt vào, và xem các em bé thơ ngây diễn trò hỗn độn ! Khách sung sướng như có ai đánh, nhắm mắt, rồi lại hé xem, tiếc thầ m : « Giá họ lấy được hết ! »

Người đẹp đã thu kỹ lưỡng, khóa vàng lại buộc vào bên xiêm. Những đóa tay hồng lại vuốt ve trang hoàng tử. Chú Lái bỗng bừng mắt và gọi rượu. Chén thơm rốc cạn, môi đầy tê mê, rốc cạn chén thơm, hồn như oán thán ; say, điên, vui, dại, hòa lẫn trong lòng ngây ngất của người khờ. Chàng cười như một bậc vua, đưa tay lên ngực, lần vào lớp áo sát da người, nơi chỗ trái tim, và rút một bao gấm nhỏ : đây là kim cương ! Chàng ra hiệu bảo thêm rượu thêm đàn, thêm hương. Rồi lấy cho mỗi người một ngôi sao đọ ng. Của trân bảo ấp iu trên ngực, Chú Lái Khờ trong một cơn yêu dấu, đã thả cho lũ người.

Sớm mai, Chú Lái Khờ đi, nhưng không biết chuyện gì cả, mím miệng hân hoan như một vị Phật. Hòm rương tuy nhẹ, nhưng tài trí không vơi thì Chú Lái còn buồn nỗi chi ?

Người thi sĩ cũng khờ như Chú Lái, không hề giấu kho vàng ngọc với đời. Để mắt trời xanh, nên người phải tìm uống trong mắt biếc. Người đời cười là ngu dại : kẻ mắt của có khôn bao giờ ! Thi sĩ ghé vào nhân gian, trọ một vài đêm, tìm đôi an ủi. Lòng để ở ngoài ngực, tay thờ ơ hay là tay ham hố, tay nào đến cũng lấy được ít nhiều ngọc châu. Và họ lấy chưa vừa ư, thì người thi sĩ sẽ tự tay lấy vào cái lối sống còn của mình, để mà phân phát.

(trích *Trường ca* – Xuân Diệu)

*

Lệnh

Lệnh đã truyền ra.

Đất vâng trước nhất.

Suốt một đêm trường, đất không sao ngủ được. Cả mình sóng chuyển ; cái ngực của đất phồng lên. Không muốn ngủ, mà ngủ làm chi ! Đất cựa mình vì xoắn xang trong da thịt. Lệnh đã truyền. Ngày mai đây, tháng sau đây, biết có xong công trình hay chẳng. Thật tấm lòng của đất dạt dào, tính toan ngay từ phút đông vừa bớt lạnh.

Đất mẹ đã nghe muôn con đòi nở, muốn vượt chồi lên trên đất, thờ ánh sáng trời. Hàng triệu mầm hé ra khép vào, đầu ngửng lên, chân mạnh căng thẳng, ngửa cả mình đất. Vi trùng sáng tạo lên men dưới da. Từ đáy sâu, đưa lên bao sức lực để đỡ nâng ; đất mẹ sung sướng, đất mẹ lo âu, đất mẹ nằm sinh và làm việc.

Mẹ bao la chạy chia nghìn ngã, này núi, này rừng, này đồng, này ruộng, lại còn linh tinh muôn vạn vú đồi nữa, làm sao đủ sữa căng lên ? Lệnh đã truyền, đất lãnh lấy công đầu. Đất nghìn năm, đất triệu năm, đậm đà chắc chắn, càng già càng dai. Máu cũ biến mới, sục sục quang tuyến, mạch chạy đầm đìa. Máu đen kể máu đỏ, nhựa nâu đến ngã ba cùng với nhựa xanh ; những con đường xéo lẫn nhau, chớ chất chua, chất ngọt, chất mát, chất nồng, theo rễ muôn cây, lên cho mặt trời hòa hợp. Trên mặt đất vẫn chưa lộ gì cả, nhưng dưới nhà hầm, biết bao là vôi vàng ! Thì giờ trễ rồi ! Thời gian tính từng phút một, ngón tay nghiêm nghị không bao giờ đếm nhầm. Cho nên Đất mẹ làm việc không nghỉ. Không lẽ năm nay lại trễ hơn mọi năm !

Ánh Sáng vâng lệnh thứ hai, có cô em Sức Nóng đi kèm. Nàng tiên quyền cao phép cả, chẳng ai dám đương ! Khi hứng thú nồng nàn, ánh sáng lấp át cả không gian, ôm chầm vũ trụ, đè bẹp bóng tối dưới triệu móng chân. Mi của ánh sáng thật dài, tia của ánh sáng thật đượm. Ánh sáng bắn tin truyền hịch, đưa lệnh khắp hang cùng núi hẻm, bảo rằng : sắp sửa tin vui !

Ánh sáng nhún nhảy tươi cười, không chút lo lắng ! Tài lực của nàng nhiệm mầu nhanh chóng ; nàng có thể giấu mình suốt tháng, vờ như không hay gì cả ; nhưng mảnh khoe tinh anh sao ! Nàng làm việc ngấm ngấm. Chỉ một ngày, chỉ một sớm mai nàng đến, là cả bầu không đã treo ngọc, giăng tơ, cả mặt đất đã trải vóc gấm, thêu thùa trong gió, lẳng lú qua cây. Ánh sáng đứng một chỗ mà ở khắp nơi, con mắt điện quang thấu suốt muôn trùng, chăm nom từng nụ mầm non, từng vỏ sâu bọ. Nàng ôm những thân cây giá lạnh, sưởi những luống đất ấm iu. Nàng lách vào kẽ lá, cho màu thanh non biến thành lục đậm. Cho nên những cội tùng già yếu, nàng cũng gõ mãi ngoài vỏ, đến nỗi một ngày kia bật ra mầm xanh.

Và Ánh Sáng ngồi kéo muôn triệu chỉ vàng, tiếp theo muôn triệu chỉ vàng, cuộn tròn vào bánh xe hay mắc ngang khung cửi, giấu diếm khắp nơi. Để đến lúc cần dùng, sợi ngày vàng sẽ lộ ra chi chút.

Công thứ ba, Nước nhận lấy phần. Nước đi theo Ánh Sáng làm cặp uyên ương kỳ dị. Rẽ nhau một lần, là đồng khô cỏ cháy. Nước mát êm cho nắng tựa vào.

Nước cũng chảy chia nghìn ngả, chạy vào làm máu cho đất, chạy ra làm lời cho suối, độn thổ, dâng vùn. Ánh sáng loăng xoăng trong mình. Âm điệu róc rách giữa lòng. Nước lấy ôn nhu vỗ về nuôi nấng cho muôn vật phát sinh. Mà cái liếc mắt đưa dài nghìn lý.

Nàng chen vào búp hoa này, lẫn vào nhánh cây kia. Trái uổng nàng vào bụng, mây giữ nàng trong mình. Nụ hút nàng vào tim ; cây kiếm nàng làm nhựa. Ôi nước ngọt ngào, mát mẻ, thanh thoi !

*

Công thứ tư không ai tranh, nên về phần Gió. Phải xem đáng điệu nàng thu gọn, mới biết nàng khéo giấu sức phá hoại của mình. Chỉ còn là một làn phớt qua. Áo nàng tha thiết phiêu phiêu. Hồn nàng xuất trần. Nàng lên tinh tú. Gió bay, gió lượn, gió phất phơ như hơi thở ân tình. Gió đưa duyên

bướm, gió làm mối lái cho hoa. Gió múa điệu lẳng lơ, nói lời cợt ghẹo. Vạn vật nghe gió mà rộn tình.

Gió phẩy móng tay búng muôn đầu lá ; gió rào rào rung động ngàn cây. Âm nhạc theo nàng mà vào không gian ; nàng là những sợi dây sắt cầm lượn bay ; không khí tự say, vang tiếng tơ đồng.

Miền xa lại gần. Gió mới tỏ tình, hương đà theo hút. Gió có cần vội vã đâu ; chỉ thoáng lên xe đi thúc giục các chồi, các nụ. Đến hôm ấy, gió chỉ việc dịu dàng bay chơi, là cuốn theo muôn lòng đắm say.

*

Lệnh được vâng

Tất cả đều làm việc. Tất cả giao hòa, giúp sức lẫn nhau. Tất cả cũng đều một niềm yêu thương quảng đại ; tất cả cũng đồng một ý trau chuốt điểm trang.

Ngày ấy, lệnh dứt tiếng pháo đầu. Muôn tiên đã nấp sau màn. Chim chóc cũng lên đầy cổ họng. Mặt trời xé làn sương mỏng, xé màng mơ mộng còn ủ ấp non sông. Nhạc vang reo, hương nồng tỏa ; công chúa Xuân-Nương hiện hình !

Sương đeo một triệu hoa tai cho nàng nàng cười một nghìn điệu hoa, nàng mặc chín triệu lá non ; má nàng điểm đôi chút sương hồng, tóc nàng gió xuân tỏa tỏa. Muôn lời của vũ trụ đồng tấm tắc khen nàng công chúa con chung.

Xuân-Nương ! Xuân-Nương ! hội mừng nàng, hội của nàng sẽ lâu chín mươi ngày, gấp thêm chín mươi đêm vui suốt sáng. Nàng ra đời ! Nàng lại về ! Nàng không mỗi tái sinh !

Trời ơi, Xuân-Nương cười. Trông thấy công chúa, Phụ hoàng đôi mắt sáng ngời đáp lại bà nụ cười thái dương.

Âm nhạc khởi lên. Chín mươi ngày đêm bắt đầu bằng một buổi sớm.

(Trích *Trường ca* – Xuân Diệu)

*

Đóa hồng nhung

Có những cặp môi đáp hẳn vào mặt ta, không để ta kịp đề phòng ; hai cánh thăm mà không tô son, mềm mà lại giòn, hai cánh thịt tươi nhuần, dày mà nhẹ, đầy nhựa mà không thô ; hai khóe môi rất mạnh, rồi hai lúm đồng tiền như hai ngôi sao ; và hai hàm răng trắng nõn, làm cái nhụy kinh hồng !

Đóa hôn ngan ngát màu hơn hớn,

Là đóa hồng nhung vườn mơn trớn.

Đóa hồng trên người, ong chết vì mật, bướm chết vì màu ; đóa hồng say sưa, lòng ngấm mà ngây ! Vườn mơn bát ngát không biết đâu là bờ, chỉ có đóa hôn là hoa nở. Gió trong vườn mơn rợn ngợp, nước trong vườn mơn mát rượi như ngâm ; những hoa trong vườn mơn thì hoa ghen thua đượm, rượu hờn kém men, yến diên là vị, xạ lan ấy mùi.

Trong đêm nhung, hoa trống cách vời hoa mái, gọi nhau bằng chút niềm bối rối trong không khí, chỉ gần nhau bằng mảnh phấn hương. Còn những đóa hoa của mặt người, ứng nhau thì được đến tầm nhau, gần thành đóa hoa cảm giác. Thời gian đương đi qua, đôi cặp môi người đóng dấu vào nhau để lấy một phút giây cực lạc, cùng khấn ép một quãng nhỏ không gian ; và từ ấy, trong kỷ niệm trăm năm, còn mãi một điểm hồng.

Điểm hồng trong trí nhớ, làn điện tê buốt ở đầu môi.

Đóa hôn như hoa lan, thích tỏa hương nơi im lặng ; đóa hôn như hoa quỳnh, thích nở vừa lúc đêm thanh. Phải cho đất ngủ dưới lời ru của muôn trời, sao xanh nhấp nháy cầm canh, vũ trụ mơ màng như lại sơ khai, bấy giờ đóa hôn đẹp nhất mới nở. Đóa hôn đẹp nở thì người lặng, máu ngừng, hồn

điếng vì yêu : chứ đâu có phải như những cái hôn nở ngày, nở trưa, nở xó chợ đầu đường, là cái thứ hoa tạp nham vật dục ! Hôn không đẹp dễ, thì người được đóa hồng nhung hay sao ! Hồng cũng là sắc hồng của tâm, nhưng còn là vẻ nhung của hôn, có dễ bạ ai cũng hái được bất kỳ ở đâu ! Mà khi được hái đóa hôn, thì đất trời cũng sẽ ngừng lại cho ta sung sướng, chúa đời như bà mẹ thương mến các con, hương rừng qua mũi, suối ngọt vào lòng ; tình ái muôn nghìn năm, lấy môi đóng triện !

Là đóa hồng nhung vườn mơn trớn...

Đóa hồng gồm ghê, thiêng liêng, mê mẩn, nở sắc từ màu hồng đậm đến màu tím nhạt, trải qua màu xanh xà, màu vàng buồn !

Người con trai mới lớn lên, không phân biệt cận kề. Có cái hôn ấm, thơm, và giòn, nhai được thành tiếng ; ấm như vừa đang nắng, thơm như cây mới ra hương. Có cái hôn nhẹ, nhẹ quá, lâng lâng đi như chỉ đụng vào bóng trắng, vừa động tới đã tan đường tuyết đọng. Có cái hôn ngọt ngào, như êm ái khát ngàn năm ; có cái hôn mê ly, như đã chết một kiếp.

Có cái hôn mơ màng : để môi nghỉ tê tái trên môi, và hôn tự nhiên vẫn vơ ở đâu trong những truyện thần tiên. Có cái hôn chờ đợi lâu hàng năm, đến khi được thì sức ào đến quá mạnh, tưởng hôn văng ra ngoài đầu. Có cái hôn tủi tủi, nước mắt sắp rơi, môi có thể òa ra khóc được ; hôn mà bạn nhớ cái sâu người yêu dấu đã chất nặng vào lòng ta.

Nhưng hôn tê điếng hay hôn quặn cong, những cái hôn khoái lạc không bao giờ bị được cái hôn yêu đương ; cái hôn khi thân thể đã dậy rồi sao bằng cái hôn trăm vị lẫn chen, nửa ta ngậm ngùi, nửa ta sướng vui, nửa ta oán than !

*

Cái hôn thiêng liêng làm vậy, sao xưa người Á-đông ta không biết tới ?
Lẽ nào !

Nghe nói có Đắc-Kỷ, nghe nói có Tây-Thi. Những môi đời xưa không nổi nhau ư ? Vô tình mà bỏ quên ư ? Cớ sao cái hôn lại thất truyền ? Đến nỗi sau này chúng ta mới khám phá ra cái của quý thất lạc giữa lơ lửng, cái kho vàng chìm mất trong biển thán ngày.

Tiếc cho những môi nhỏ xinh xinh, tô màu cánh sen, nói ra những tiếng uốn éo thanh tao ; tiếc cho những môi xưa, chết đi mà chưa được dùng ! Những đoá môi nghìn đời ấy đã như hoa lan trong rừng, không ai biết rằng chúng thơm ; vô lý thực ! lẽ nào người tình nhân đời xưa lại bỏ sót đoá hồng nhung to nhất trong vườn mơn trớn ?

Các em môi xưa, muôn nghìn ức triệu cánh môi, bé bỏng đáng yêu, dịu dàng mảnh khảnh ! hôn các em, khác nào hôn các hoa. Cánh môi chắc là nhẹ nhàng, vừa động tới đã run rẩy như tan ; song le thỉnh thoảng hoa cũng biết cắn... Khách tầm xuân ngụ gì mà không thấy các em hơi hớ, khiến cho các em có thể đẹp mà không có thể ngon ; chỉ có được sắc màu mà không được có hương vị. Bao nhiêu môi hồng đã mất đi như thế ! Phí mất bao nhiêu miệng thăm, uống công trình tạo hóa lắm thay ! khác nào mặc trai dưới biển, quên ngọc trên rừng, làm nhụy môi chưa ai hút ra, mặt răng không người nếm tới. Thế rồi tàn héo ; rã rời ở trong tấm sáng !

Người con trai lòng rạo những thèm muốn, chắc đã hơn một lần nghĩ đến những trăm triệu môi non bỏ phí dưới đáy thời giờ, và như vậy trong mấy mươi thế kỷ. Ta muốn có một đạo bùa phục sinh những đoá môi xưa, sống lại đây, với màu tươi, sắc ướm, vẻ ngọt, mùi thơm, cho con trai đời xúm lại mà hôn, rồi bấy giờ sẽ tan tành, như thế cho khỏi ân hận !

(Trích *Trường ca* – Xuân-Diệu)

*

Tâm sự của cái giường hư

1. Tôi là một cái giường hư bỏ trong nhà chứa đồ cũ. Tôi buồn lắm. Cái nhà nhỏ như một cái hộp lớn, tòi tàn dơ bẩn, bụi đầu cứ rơi chầm chậm xuống mình tôi. Và mạng nhện ! Chúng giăng qua sườn tôi tự do quá.

Nhất là không ai bén mảng. Lâu lắm họa chăng một người đầy tớ mở cửa để đẩy vào một cái ghế rách hay một cái đèn tòi, rồi vội vàng đóng ngay, dáng khinh khỉnh vì sợ bụi. Trời ơi, chịu sao nổi cảnh hiu quạnh đường này ! Dầu gầy, dầu hư, tôi vẫn mong được loài người đụng chạm. Tôi xưa kia đã từng nâng da, đỡ thịt, đã nhận sự sống của loài người lây qua mình tôi. Mà bây giờ không có sự gần gũi của loài người. Thực cô đơn vắng vẻ !

2. Tôi vào nhà này đã lâu lắm. Mười bốn năm !

Tính thử xem, việc đời biết bao thay đổi. Mười bốn năm trời đời của tôi chẳng mấy chốc mà già với đời của người. Mọi vật đều thay bậc đổi ngôi, sự dâu bể của cuộc đời cho đến gỗ cũng phải chịu.

Xưa kia, tôi đẹp, tôi mới. Bây giờ tôi cũ, tôi xấu, tôi hư. Nhưng hình dáng thưở trước tân thời, bây giờ lại cổ hủ. Tôi đã thấy những chiếc chiếu dần dà rách, những cái gối dần dà mềm nhũn, những cái chăn dần dà mòn thủng, những cái màn hư hỏng từng miếng một, để lọt muỗi vào. Chiếu, chăn, màn, gối lần lượt tiếp nhau vào cõi tan nát. Cái giường ở lại làm sân khấu cho sự đổi thay.

Hai người chủ càng năm càng phát đạt, sự giàu sang đến rất đều nhịp, lòng người bởi thế cũng đều nhịp mà tùy thời.

Người ta thấy mười lần bắt tôi đổi chỗ, mang từ phòng này sang phòng khác, đặt hết lối dọc đến lối ngang. Ban đầu tôi là chỗ nằm của ông chủ, bà chủ. Rồi sang năm sau, một cái giường nguy nga tráng lệ đến làm bật hẳn sự hèn kém của tôi. Tôi thành chỗ nằm của những người khách đến ở vài ngày. Rồi được thành chỗ nằm của bọn trẻ con, mình chúng nhẹ song những

cách tàn phá của chúng thì rất nặng. Chúng trèo lên mình tôi, và đi guốc lên, và nhảy nhót, dùng dùng và đánh lộn nhau ầm ỉ.

Tôi càng cũ đi, sự hư hỏng càng đến gấp, cũng như một người càng già, những sự yếu đuối càng rủ nhau ùa đến thật nhanh. Đoạn sau này mỗi tháng đem lại một sự xiêu vẹo ; mỗi ngày một sự mòn mỏi, rồi bỗng chốc hiện ra nào mộng hư, nào chột gãy, nào là ván thủng, chân què. Rồi tôi run lên như một kẻ già, gõ kêu răng rắc như một ông cụ rũ xương ; tôi lòng không yếu đuối, mọt ăn đến tôi cọt kẹt suốt đêm ngày...

Từ nhà trên tôi đã xuống nhà giữa, rồi tôi lại xuống nhà dưới, rồi cuối cùng tôi xuống nhà bếp, hứng lấy khói bụi, mồ hóng, làm chỗ ngủ cho đầy tớ. Rồi thì đầy tớ cũng không thêm tôi nữa : tôi thì quá già, họ thì giàu thêm.

Cuối cùng họ đẩy tôi vào đây, tôi sẩy vào đây. Khi họ mang tôi lên vai, vứt ra khỏi cuộc đời, bao nhiêu xương xóc của tôi đã kêu to lên một lần cuối cùng và tôi biết rằng tôi đã hết.

3. ...Bụi trên mái rơi xuống hay chỉ là bụi của tháng ngày dần dà lấp chôn mọi vật ? Cái giường không còn mong gì nữa : xưa nay cái giường để cho thiên hạ nằm, bây giờ đến lượt nó, cái giường, muốn nằm. Nằm nghỉ trên cái gì đây ? Lửa đâu ? Lửa đâu ? Sao không thiêu đốt mình ta cho ta được thành ra khói, ra hơi, để bay lên trời thăm, để chuyển lưu trong kiếp luân hồi.

(Phần thông vàng)

*

LNS. Dưới đây là văn nghị luận của Xuân Diệu :

Quan niệm văn chương sáng tác của XUÂN DIỆU

Trong văn chương ta, hiện nay có cái phong trào phục hưng sự « dịch ».

Dịch văn các nước là sự cần cho chúng ta. Đã là cần, thì đáng lẽ đến năm nay, 1944, hầu hết các tác phẩm chính của văn hào trên trái đất đã dịch cả rồi. Sự ấy cần ngay từ bốn năm chục năm nay là ít.

Tạp chí Nam Phong là lúc sinh thời, cũng đã ra công dịch. Nay ta thấy dịch như thế còn chưa đủ, thì ta cứ dịch thêm. Nhưng tôi rất ngạc nhiên, là cái sự dịch văn, đáng lý là lúc nào cũng chỉ ở hạng nhì, hạng ba trong văn chương, nay muốn lên đứng vào bậc nhất, và trên các mặt báo, văn dịch xuất hiện có vẻ hiên ngang ! Cho đến nỗi, em của nó là văn mượn, văn bắt chước, văn thuộc sách cũng được vinh diệu như hồi các cụ xưa còn sống.

Sân khấu văn chương kéo màn lên, thì văn dịch hay là văn mượn ra hoa tay múa chân, còn văn của ta thì nhượng bộ ! Công chúng thì chịu phần thụ động. Chẳng qua cũng một chữ « thời ».

Cái thời từ 1933 đến 1940, thì người nước ta để đầu tiên cái văn sáng tác của nước ta. Chúng ta trầm trồ những bông hoa của vườn chúng ta gây dựng. Cho nên văn dịch phải xao lãng, và văn mượn, văn thuộc sách thì chúng ta xua đi như xua kẻ nhác lười ! Văn Âu văn Mỹ hay đã đành, nhưng ta cứ trọng văn sáng tác của ta. Tất cả đều vào thứ hạng, đều mờ nhạt trước sự *sáng tạo*.

*

Nay thì văn dịch muốn lấn át hẳn văn Sinh. Văn mượn muốn giành cái ngôi ưu đãi của văn viết cho đến cả văn kim của Tàu mà cũng muốn đóng cái vai đàn anh văn kim của ta.

Viết bài này, tôi muốn dựng lại cái thang giá trị, muốn lập lại các ngôi thứ, muốn dành bậc nhất cho văn sáng tạo. Tôi muốn nhắc cho công chúng nhớ rằng chỉ có những văn ở đầu óc ta nghĩ ra, còn mang vết máu tủy của ta, mới là đáng kể. Tất cả những cái khác chỉ có giá trị của những tài liệu.

Những văn mượn, văn dịch chỉ là những món phân để vun bón cho những lá, những hoa của văn nước nhà. Trong sự sáng tác, óc của ta có thể chịu ảnh hưởng của văn ngoại quốc, nhưng chịu ảnh hưởng mà đã tiêu hóa đi, thì cũng như ta hút hoa người để làm mật mình, và sự bắt chước không phải là sự nô lệ.

Chúng ta tha hồ dịch, dịch tất cả văn hay ngoại quốc, thu thập rất nhiều của lạ, nhưng trí sáng suốt của ta không lằm lẩn bao giờ, không xao lãng sự sáng tạo của chúng ta.

Sự sáng tác có chăng là chỉ mờ ám đi ít lâu mà thôi ! Rồi những cây bút trẻ, những cây bút tìm tòi, những văn tài tự lập sẽ lại phải giữ phần vinh dự.

*

Nay chúng ta cho những thơ văn học đòi một cái giá trị hơn là nó có. Dưới cái cờ giả mạo là quay về chốn cũ, chúng ta quay hẳn về cái sáo, cái quá thời, cái đã bỏ, cái chết. Thậm chí nay người ta còn dọa in ra những tiểu thuyết tình hận dịch của Từ-Trẫm Á, cái nhà văn suốt mướt và ho lao của Tàu, thì không biết người ta tưởng thời này là thời Tuyết-Hồng Lệ Sử hay sao ? Xin tha cho nền văn học Việt-Nam sự đòi một nhà văn chẳng hay ho gì của ngoại quốc.

Có thể mà thôi đâu, ngày nay lại còn có kẻ dám hãnh diện với cái tài bắt chước của họ nữa. Tài đó chỉ tóm lại được hai điều : thuộc sách và khéo tay. Tất cả gồm trong sự chơi chữ. Chính cái thứ tài ấy, than ôi ! đã xui nên trong văn học ta, nhan nhản những câu đối, chan chát những bài thơ thủ vĩ ngâm, song điệp, vĩ tam thanh, và thuận nghịch đọc ; nhan nhản những cái khéo chân khéo tay của bác thợ, cái nhào lộn của con hát xiếc, mà rất ít cái văn tài thực, cái tư tưởng lạ, cái tình tứ sâu xa !

Cái khéo tay thuộc sách ấy bằng sao được một câu sáng tác ra từ miệng một chị gánh thuê hay một bác cày ruộng, hay một câu ca dao tự nhiên mà

ta nhận thấy cả cái thiên tài của xứ sở. Huống chi so với cái văn đầu có chịu ảnh hưởng của người chẳng nữa, mà thực là đầy tâm tư, máu óc của mình thì cái văn giả Đường, giả Tống có kể vào đâu ?

Bạn thanh niên chúng ta không nên ăn cắp « trời bến Phong-kiều » hay « thu sông Xích Bích » như những người lớp trước nữa mà phải đào, phải cuốc ở cái miếng đất riêng biệt của chính tâm hồn mình, để đem cái không khí sáng tạo cho văn chương Việt-Nam.

XUÂN-DIỆU (Trích tạp chí *Tri tân*)

BÀNG BÁ LÂN

BÀNG BÁ LÂN sinh năm 1912 tại Phú-lạng-thường (Bắc phần), nhưng chính quán của ông làng Đôn-thư, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam (Bắc phần).

Ông từng cộng tác với nhiều nhật báo, tuần san, bán nguyệt san tại Hà-nội và Sài-gòn như các báo : Đàn bà năm 1939, báo Hạnh phúc, Tia-sáng và Văn nghệ năm 1955. Năm 1959, ông viết trên bán nguyệt san Tân phong trong mục thơ, sau đó là bán nguyệt san Phổ thông của nhà thơ Nguyễn Vỹ trong mục Những áng thơ hay.

Ngoài việc sáng tác thơ, hiện nay ông còn là một giáo sư Việt-văn tên tuổi tại nhiều trường trung học ở Thủ-đô.

Thi sĩ Bàng bá Lân là một nhà thơ đồng quê nổi tiếng, thường ghi lại những nếp sinh hoạt của người dân miền thôn dã. Một buổi chiều mùa hạ, cảnh hoàng hôn vào độ cuối thu, một miền đất Cà-mau trù phú, một đế đô Hà-nội mến yêu v.v... là đề tài chính của thi sĩ nên được giới yêu thơ tặng cho danh hiệu là « nhà thơ đồng áng » ; thiết tưởng không có gì quá đáng.

Các tác phẩm của ông được chào đời trước và sau đệ nhị thế chiến như sau :

- Tiếng thông reo, xuất bản năm 1934 Thanh-hóa tùng-thư ấn hành tại Hà-nội.

- Xưa, hợp soạn cùng nữ sĩ Anh-Thơ, Sông Thương xuất bản tại Hà-nội năm 1941.

- Tiếng sáo diều, xuất bản năm 1939-1945.

- Thơ Bàng bá Lân, do nhà xuất bản Nguyễn hiến Lê ấn hành năm 1957 tại Sài-gòn.

- Tiếng võng đưa, cũng do nhà xuất bản Nguyễn hiến Lê ấn hành năm 1957 tại Sài-gòn.

Ngoài ra, ông còn cho xuất-bản hai quyển sách Kỷ niệm văn, thi sĩ hiện đại. Nội dung tập sách này viết theo thể ký ức, ghi lại những kỷ niệm của ông cùng các văn nghệ sĩ.

Gần đây, ông cho in một số sách giáo khoa Việt-văn cho các lớp đệ Thất, Lục, Ngũ, Tứ viết theo thể giảng văn. Từ đó đến nay, người ta không thấy tác phẩm nào thêm nữa có lẽ thi-sĩ không còn rồi rãi như trước cũng nên.

*

Chúng tôi sắp giới thiệu với quý bạn một tiếng thơ xuất sắc nhất trong khuynh hướng đồng quê : Bàn bá Lân. Lẽ dĩ nhiên, chúng tôi sẽ có đôi lời khen ngợi, không phải vì khách sáo mà vì chân giá trị của người thơ.

Đọc thơ đồng quê của Bàn bá Lân mà quý bạn dễ cảm quan rung động theo như nhịp điệu của những vần thơ trữ tình, ắt quý bạn sẽ cho chúng tôi là công kênh thái quá. Nhưng làm sao bây giờ ? Chúng tôi không thể phủ nhận những nét nhìn quá tế nhị và quá sống trong những câu thơ tả cái tịch mịch của buổi trưa hè. Hãy đọc :

*Trong nhà lá tối tăm lặng lẽ
Tiếng ngáy đều nhẹ nhàng bay ra
Võng đay chậm chạp khẽ đưa
Ru hai bà cháu say sưa mộng dài...
Cháu bỗng chợt, rầy hoài khóc đói,
Tỉnh giấc mơ, bà vội hát lên :
« A ời... » mấy tiếng. Rồi im.
Nhện tường ôm trứng nằm yên mơ màng.
Ruồi bay thong thả nhẹ nhàng
Muỗi vo ve khóc bên màn thiết tha.*

Trong cái lặng lẽ chìm ngập, Bàng bá Lân đã cho gọn lên đôi chao động ; từ tiếng rầy khóc của cháu bé, bà vội « ọ ời... » đôi tiếng rồi im bật. Ruồi muỗi là sinh vật nhỏ bé gây được tiếng động là bao đối với cái không gian to rộng, thế mà chúng cũng thận trọng nhẹ nhàng bay, hoặc chỉ vo ve khóc thầm như tôn trọng cái tịch mịch của buổi trưa hè. Ta thấy chỉ có con nhện là giữ được tinh thần tuyệt đối vì chính nó cũng đang mơ màng say sưa giữa cảnh êm ả vắng lặng.

Nhện tường ôm trứng nằm yên mơ màng.

Bài Vườn cũ nào dâu, cô hái dâu cho ta thấy cảnh đời biến đổi sau khi tác giả chỉ đôi năm xa vắng làng xưa ; nay thần thờ về chốn quê, ngạc nhiên trước nếp sống cũ bị hủy tan, len lỏi đâu đây những nét xa lạ của sinh hoạt mới ; cả tiếng chuông cũng kêu khác hẳn xưa. Với một câu hỏi nhuốm màu triết lý về nhân sinh và vũ trụ quan :

- Hỡi cô yếm thắm hái dâu ơi !

Người cũ này đây, sắc cũ phai !

Tuổi trẻ đã qua, xuân đã hết,

Người xưa, thôi ! đã khác xưa rồi !

Tôi mãi đọc tập thơ *Bàng bá Lân*, từng trang rồi từng trang, tôi thấy đâu đâu cũng phảng phất một ít hồn dân tộc, đã khiến tâm hồn tôi lắng đọng, thanh thản như vừa được gột rửa cát bụi của vật chất phồn hoa khi hồi đầu về đồng nội.

Dẫn mình vào thế giới *Thơ Bàng bá Lân* tôi cảm giác như thâm nhập được kho tàng tập tục cổ truyền của dân tộc, cái nếp sống nghìn đời của dân quê. Mỗi bài thơ là một hình ảnh gợi lại cho ta niềm băng khuâng tưởng nhớ cái giản dị, mộc mạc, chất phác của người quê ; họ lam lũ, quần quật trên ruộng lúa bờ dâu ; bản chất thuần túy của họ chưa bị hình thức sinh hoạt mới biến đổi.

Đó là cái nét độc đáo của Bàng bá Lân, và cũng chỉ Bàng bá Lân mới đi sâu vào tâm hồn, vào cuộc sống cổ truyền của dân tộc. Cho nên ta không lạ gì những lời phê bình của văn thi sĩ đương thời khi tập thơ đầu *Tiếng thông reo* của Bàng bá Lân xuất hiện. Thế-Lữ đã có những lời sau đây :

« Tác giả thực có tâm hồn thơ. Ông biết nhìn những cảnh thường có ở trước mắt mọi người, nhưng chỉ có người làm thơ là chú ý tới. Ông biết ghi những nét ánh trắng lóng lánh trong nước chậu thau rửa mặt, biết thấy cái buồn ngao ngán tịch mịch của lớp nhà tranh bên khóm chuối, bên rặng cau lúc trưa hè. Ông tìm vẽ những cảnh êm đềm : bà dừng kim khâu, cháu thôi nghịch đến bên bà, con mèo vờn cuộn chỉ, con vện nằm ngoài hiên...

...Ông thấy lòng rung động khi nghe tiếng ve mùa hạ kêu gào, làm rung rinh ánh nắng gay gắt, làm thổi dài làn gió trong cành sấu mốc rêu...

...Lời thơ tha thiết, êm ái và thành thực, dầu tôi chẳng phải là thi sĩ⁴⁹ mà cũng thấy lòng rung động một cách nhẹ nhàng... »

Lê-Ta (Phong hóa, 25-2-1935)

*

Thêm nữa :

« Tiếng thông reo đượm một mối sầu băng khuâng, kín đáo, dịu dàng, một vẻ buồn lành mạnh và diễm đạm.

Nàng Thơ của Bàng bá Lân không phải – như ta rắp tưởng – người ông yêu dấu mà là cánh đồng quê với lũy tre xanh.

Bàng bá Lân có thể tự hào là nhà thơ Việt-nam thứ nhất biết hưởng thú quê...

Tóm lại, Tiếng thông reo là một tập thơ hay, có nhiều hình ảnh thiệt đẹp... »

Nguyễn nhước Pháp (Annam nouveau, 11-4-1935)

*

Đâu đã hết :

« Đồng quê xứ Bắc đã gây cảm hứng cho nhiều nhà thơ. Nhưng mỗi nhà thơ xúc cảm một cách riêng...

Thơ Bàng bá Lân và Bức tranh quê⁵⁰ đều là những bông hoa khả ái từ xa mới đưa về, nhưng bông hoa Bàng bá Lân ra chiều đã thuộc thủy thổ hơn. Cho nên sắc hương nó cũng khác.

...tả cảnh trưa hè trong một gian nhà tranh tịch mịch, người viết :

Bụi năm lâu chán xà nhà

Nhẹ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiu.

Mười bốn chữ, chữ nào cũng mang nặng một chút hồn ! Thiết tưởng người ta không thể đi sâu vào cảnh vật xứ quê hơn nữa... »

Hoài-Thanh và Hoài-Chân (Thi nhân Việt-nam)

*

BÀNG BÁ LÂN chính thức đóng góp vào nền văn học nước nhà bằng tác phẩm *Tiếng thông reo*, xuất bản 1934.

Bàng bá Lân là một nhà thơ đồng quê. Nếu về phái nữ có Anh-Thơ là một cây bút đại diện cho lối thơ trên thì Bàng bá Lân là một nhà thơ nam giới lỗi lạc về lối thơ tả tình và tả cảnh đồng quê độc đáo.

Thật thế, từ khi phong trào thơ mới thịnh hành cho đến khi đại chiến thứ hai bùng nổ trên mảnh đất này, trong phạm vi thi ca đất nước, chưa có một thi nhân nào làm thơ về phong tục, đồng quê và tả cảnh xuất sắc như Bàng bá Lân.

Bàng bá Lân là một thi nhân tiên phong mở đầu cho lối thơ đồng quê, sau Bàng bá Lân, Đoàn văn Cừ đã nối tiếp lối thơ ấy qua thi-phẩm *Ngày*

nay nhưng nhà thơ họ Đoàn vẫn không hơn được những nét đặc sắc của Bàng bá Lân.

Bàng bá Lân đi vào thế-giới của hồn quê bằng giọng thơ ngọt ngào, êm dịu và ý thơ thật hàm xúc. Các thi phẩm của nhà thơ đất Bắc-giang như *Tiếng thông reo*, *Xưa*, *Tiếng sáo diều*, *Thơ Bàng bá Lân*, *Tiếng vông đưa* đã xác nhận tài nghệ của họ Bàng trong lĩnh vực thi ca đồng quê và phong tục một cách vững chắc. Họ Bàng làm thơ theo đúng cảm nghĩ của mình mà không gọt giũa từng chữ, từng câu như Vũ hoàng Chương, cũng không dùng điển tích cầu kỳ như Quách Tấn, lời thơ của họ Bàng thật hiền lành – một bản tính của người nông thôn – chất phác, nhẹ nhàng nhưng không vì đó mà khiến cho thơ của họ Bàng bị lạt lẽo. Trái lại, Bàng bá Lân đã tạo cho thơ mình một âm thanh, một suy tưởng riêng biệt. Thơ của Bàng bá Lân là một lối thơ cổ được thay đổi theo âm điệu để thành thơ mới. Tư tưởng của Bàng bá Lân không lãng mạn ; dù là tả tình cũng vẫn giữ được nét kín đáo – một bản tính của người phương Đông. Có đôi lúc, đọc thơ của Bàng bá Lân ta cứ tưởng như đọc lại những vần thơ của một thi nhân nào thời xưa cũ.

Như trên vừa nói, Bàng bá Lân không chủ trương tán dương tình yêu nồng cháy, dồn dập, cho nên cũng như Anh-Thơ, tác giả *Tiếng vông đưa* không được những người trẻ ưa thích, tên tuổi của ông vì thế ít được giới phê bình văn học nhắc nhở. Tuy nhiên, dù sao chúng ta cũng phải nhận rằng Bàng bá Lân vẫn là một thi nhân giàu khả-năng và thiện chí đối với nền thi ca dân tộc.

Trong lời Tựa của tập thơ *Tiếng vông đưa*, ông Lê văn Siêu đã viết về Bàng bá Lân như sau :

« Giữa sự tràn ngập của văn minh cơ khí vào xã hội ta, giữa những đèn pha xe hơi như đôi mắt của những con vật lạnh lùng nhào tới để như muốn nghiền nát ta ra, giữa những tiếng máy chạy đều đều của một thành

phố kỹ nghệ, ta vẫn còn trông thấy hình bóng người mẹ Việt-nam bỗng con nằm trên võng, và ta vẫn còn nghe văng vẳng tiếng võng ấy kéo kẹt để làm nhịp cho tiếng hát ru.

*Cái cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao*

... ..

Tiếng võng đưa kéo kẹt ấy, vẫn là tiếng ngân dài của năm ngàn năm lịch sử trong lòng người con dân đất Việt.

Tiếng võng đưa ấy của Bàng bá Lân, ngày hôm nay lại vang lên giữa cái rầm rầm của máy móc, cái ồn ào của chợ búa và giữa cái xôn xao của lòng người đương bị dao động bởi mọi luồng sóng văn minh trên thế giới.

Bàng bá Lân, giữa cơn mưa gió náo nùng, đã đưa cánh tay khẳng khiu ra chống đỡ cây cột nhà đương bị lung lay bởi bao những hơi thơ xa lạ.

Anh không bí hiểm, không siêu nhiên, không lập dị, không bảo thủ, không xu thời, không hiện thực, không tả chân, không tượng trưng... anh chỉ thuần nhiên, nhẹ nhàng, nhũn nhặn trong đồng ruộng ngoài cái chộn rộn của đương thời. »

Thật vậy, Bàng bá Lân là nhà thơ có nhiệt tình với dân tộc. Ba chữ Tiếng võng đưa đề tựa cho tập thơ của thi nhân đã cho ta hình dung một trẻ thơ nằm trên chiếc võng đang tìm một giấc ngủ yên lành nơi miền thôn dã. Thi nhân đã gợi cho ta một rung động mãnh liệt khi tưởng nghĩ đến cái đơn vị căn bản của dân tộc từ lúc phôi thai.

Có lẽ không ai đã một lần không thấy :

*Nắng lửa rung rinh,
Xóm tre lặng lẽ.
Tiếng võng nhà ai ru trẻ
Nặng nề chậm chạp đong đưa.*

... ..

Ta say sưa

Nghe tiếng vông đưa

Ru hồn mơ

Trong lời thơ

Dân tộc

Mơ màng lắng nghe tiếng khóc

Của thời măng sữa xa xôi.

Hương thơ của Bằng bá Lân nhằm vào nông thôn, tư tưởng của thi nhân bắt nguồn từ dân tộc. Từ hình ảnh của một buổi chợ chiều Đông tiêu điều, một tiếng chuông chùa xa xa ngân lên như khóc một ngày tàn, đến những buổi đầu xuân êm ấm hay bất chợt bắt gặp :

Chiều quê trong lúa xanh non,

Vẫn cô yếm thắm xinh tròn ngậy thơ...

Những hình ảnh đẹp ngàn đời ấy đã kết hợp thành tiếng thơ của thi sĩ họ Bằng.

Nếu một Chế Lan-Viên mang nặng mối sầu vong quốc, người chỉ thích mùa thu :

Ô hay, tôi lại nhớ thu rồi...

Mùa thu rớm máu rơi từng chút

Trong lá bàng thu ngập đỏ trời.

Đường về thu trước xa lăm lăm

Mà kẻ đi về chỉ một tôi.

(Điêu tàn – Chế Lan-Viên)

Và ghét mùa xuân :

Tôi có chờ đâu, có đợi đâu !

Đem chi Xuân lại gọi thêm sầu ?

- Với tôi tất cả như vô nghĩa

Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau.

(Điêu tàn – Chế Lan-Viên)

thì trái lại Bàng bá Lân yêu cả bốn mùa :

Ta yêu mưa bốn mùa,

Nghe nhạc trùng rên rĩ.

Giun khóc chân tường, dế than dưới cỏ,

Nhạc sầu dăng buồn bã suốt năm canh.

Ta thích, đêm mưa, nằm sát cửa sau màn

Nghe gió rít từng hồi qua kẽ hở,

Nghe gió đập tàu tiêu, mưa nước nở...

Nghe hồn mưa than thở với hồn ta !

Thậm chí mùa Đông của người cũng yêu :

Ta yêu mưa Đông

Mưa phùn cam lặng.

Mưa xóa mờ rặng cây trên đường vắng,

Mưa đem trời nắng nặng xuống gần ta.

Có lẽ các bạn cũng tự hỏi : Tình yêu gì mà lắm thế ? Xin thưa : – Với một tâm hồn mang nặng tình quê ; cảnh trí bốn mùa tuy có đơn sơ, đạm bạc nhưng nó mãi diễn biến trên đất mẹ.

Tình yêu quê của Bàng bá Lân bàng bạc nơi nơi trong đồng nội. Từ những đàn cò trắng bay trong ráng chiều, cây đa tròn xoe tán bên cạnh mái đình, cho đến những tiếng sáo diều vi vu, những câu hò của miền thôn dã, hay nụ cười hồn nhiên của cô thôn nữ v.v... Tất cả hình ảnh êm đềm, đẹp đẽ của quê hương được thi nhân ghi lại trong bài *Quê tôi* sau đây :

Quê tôi

Quê tôi có lúa, có dâu,

Có đàn cò trắng, có câu huê tình.

Có cây đa, có mái đình,
Có bầy thôn nữ xinh xinh dịu dàng.
Mùa thu có những hội làng,
Có cây đu buổi xuân sang dập dìu.
Gió vi vu tiếng sáo diều,
Ru hồn mục tử chiều chiều trên dê.
Chợ làng có lắm quà quê ;
Bánh đa, bánh đúc, bánh kê, bánh dày...
Đầu thôn có túp quán gầy :
Tinh quê như bát nước đầy chè tươi.
Ngõ tre khúc khích gió cười.
Vườn quê thơm mát hương nhài hương cau
Tháng tư chanh cốm gọi đầu.
Hương sen ngát cả vườn rau ao bèo.
Tháng hai hoa bưởi rơi nhiều
Ong ong, bướm bướm dập dìu tìm hoa.
Khum khum giàn mướp ao nhà,
Cầu tre lũ trẻ vui đùa tập bơi.
Tiếng gà trưa lắng chơi vơi,
Tiếng chim cu gáy : Buồn ôi là buồn !
Ngày ngâu gió kếp mưa đơn
Mái tranh rỏ những lệ buồn vu vơ.
Đêm dài, nhịp tiếng võng đưa
Lời ru ời ợi ngàn xưa vọng về...
Nhớ nhung, sầu mắc lê thê,
Xa xôi, nghe dậy hồn quê nào nùng !
(Miền Nam, tháng tám 1957)

Bằng những vần điệu nhẹ nhàng, không gò bó, Bằng bá Lân có cái nhìn thấu suốt cảnh quê, chỉ trong 28 câu thơ, thi nhân đã cô đọng được

toàn cảnh thanh bình của dân quê, rồi gởi vào đấy một ít hồn của mình. Cho nên ta thường thấy trong mỗi bài thơ của Bàng bá Lân đều có mang tính chất nội tâm và ngoại cảnh.

Sở dĩ Bàng bá Lân có khác Anh-Thơ, là ở chỗ đó và cái hay của Bàng bá Lân cũng ở đó.

Không phải chỉ riêng một bài thơ nào người ta mới thấy cái khởi sắc của Bàng bá Lân, trái lại, thi sĩ họ Bàng đã chứng tỏ tài nghệ của mình trong nhiều bài thơ, hay có thể nói bằng cả sự nghiệp văn chương của chính mình cũng thế ; trong mấy tập thơ của thi sĩ Bàng bá Lân cho ra mắt, người đọc ít thấy nhiều bài dưới mức trung bình.

Có thể nói, Bàng bá Lân có khả năng sáng tác thơ rất đều tay. Tuy nhiên, cái hay, cái dở còn tùy theo người đọc, nếu thấy thích thì cho là hay, ngược lại, là dở. Còn sự thật đối với những ai có một nhận định tinh tế và khách quan về thi ca dân tộc, phải nhận rằng Bàng bá Lân là một nhà thơ có chân tài, nhất là trong loại thơ tả cảnh và sinh hoạt đồng quê.

Để chứng minh cho nhận định vừa nêu, chúng tôi xin trích dẫn ra đây một ít vần thơ khác của ông thuộc loại đồng quê để làm điển hình về thực tài của tác giả *Tiếng võng đưa*.

Ta hãy nghe thi nhân kể câu chuyện của đôi lứa xảy ra :

Hẹn nhau bên bờ giếng

Chờ nhau lúc rạng trăng.

.....

Nhìn nhau mà chẳng nói

Bốn mắt đọng trăng rằm.

rồi lại hẹn nhau nữa. Nhưng có một đêm nàng không đến, nghe nói nàng đã đi theo một người đội khăn đen nào đó ở làng khác, khiến chàng đến nơi hẹn hò, buồn đăm đăm nhìn vào khoảng không, tự hỏi :

*Ai cúi mình trên giếng ?
Ai thả gầu múc trắng ?
Ai cười yêu nửa miệng ?
Tan rồi mộng gối chăn !*

... ...

*Giếng trắng, nơi hò hẹn
Giếng trắng, nơi hẹn hò
Từ xưa xưa đến bây giờ
Giếng làng ghi dấu bao trò hợp tan !*

Bàng bá Lân là nhà thơ nhiều tình cảm, đó là bản tính của thi nhân.

Và đây, ta hãy nghe tâm tình cảm xúc của thi nhân đứng trước nỗi khổ cực cơ hàn của người dân quê được trải lên những dòng thơ rớm máu trong bài :

Người trâu

*Trời xám thấp. Rặng tre già trút lá
Đầy ngô thôn hun hút gió chiều đông
Sương mù bay phơ phớt tỏa đầy đồng,
Hơi lạnh cắn vào làn da cóng buốt
Trong thửa ruộng chân dê tràn ngập nước
Đôi bóng người đang chậm bước đi đi...
Người đàn ông cúi rạp bước lẫm lẫm,
Người vợ cố đẩy bừa theo sát gót.
Họ là những nông phu nghèo bậc chót,
Không có trâu nên người phải làm... trâu.
Họ bừa ngằm một thửa ruộng chiêm sâu.
Nước đến bụng, ôi, rét càng thêm rét !
Áo rách tướp, hở ra từng mảng thịt
Tím bầm đen trong gió lạnh căm căm.*

*Hì hục làm, thỉnh thoảng lại dừng chân
Véo và ném lên mặt đường từng vốc...
- Nhác trông ngờ là nắm bùn hay đất -
Nhìn lại xem ! Ô, đồng đĩa đen sì !...
Ta rùng mình, quay mặt bước chân đi,
Lòng tê tái một mối sầu u ám,
Trời càng thấp. Tầng mây chì càng xám,
Mưa phùn gieo ảm đạm khắp đồng quê.
Gió chiều nay sao lạnh buốt, lê thê ?
(Đôn thư, 1954)*

thật là những vần thơ tả chân linh động nói lên một thực trạng đau thương thống khổ của kiếp người gần như không còn là con người nữa.

Nhưng đó chỉ là một cảnh thương tâm của đôi vợ chồng nghèo khổ mà thôi. Còn một cảnh tượng bi đát nhất trong lịch sử, đau đớn gấp trăm ngàn lần mà dân tộc Việt nam ta phải gánh chịu : đó là nạn đói năm Ất-dậu. (1945)

Vận dụng giác quan đến cao độ, hòa hợp với con tim tựa hồ tan vỡ, lý trí không còn len lỏi trong địa hạt này ; ở đây chỉ có thấy, nghe rung động một cách tế nhị, Bằng bá Lân đã ghi lại những hình ảnh đau thương của hàng loạt con người đang sờ soạng trước ngưỡng cửa Chết.

Sự cơ cực của cảnh nghèo, sự tan vỡ của tình yêu, sự chán nản của con người bất đắc chí, v.v... nó không còn nghĩa lý gì trước cảnh Đói. Nó chỉ là sự đau đớn có ranh giới, nếu đem so sánh với những cảnh :

*Khắp đường xa những xác đói rên nằm
Trong nắng lửa, trong bụi lầy co quắp.
Giữa đồng rẻ chỉ còn đôi hố mắt
Động chút hồn sắp tắt của thân ma.
Những cánh tay gầy quờ quạng khoa*

*Như muốn bắt những gì trong vô ảnh.
Dưới mớ tóc rối bù và kết bánh,
Một làn da đen xám bọc xương đầu
Răng nhe ra như những chiếc đầu lâu.
Má hóp lại, răng hằn sâu gớm ghiếc.
Già, trẻ, gái, trai không còn phân biệt,
Họ giống nhau như là những thân ma,
Như những bộ xương còn dính chút da,
Chưa chết đã bốc xa mùi tử khí !*

hay :

*Xác chồng chất lù lù như đồng rác,
Đó đây thò khô đét một bàn chân
Hay cánh tay gãy tím ngắt teo răn
Giơ chơi với như núm làn không khí.*

hoặc :

*Họ ra đi, hy vọng có ngày về !
Nhưng chẳng bao giờ về nữa, hỡi người quê.
Dần là gục khắp đầu đường xó chợ.*

Có nghĩa gì đâu những cảnh khổ đau thường xuyên của nhân loại đã khóc và khóc mãi đã khiến đức Thích-Ca sánh nước mắt của chúng sinh như bể cả.

Ở đây (cảnh đói) trong tình trạng quá bi đát, những con người không còn kêu gào khóc lóc được nữa vì nước mắt họ đã khô, không đau đớn vì thân xác đã đói lả tê dại. Đến đây chúng tôi nhớ lại cảnh rừng rợn của chiến tranh khi trái bom nguyên tử đầu tiên rơi trên đất Nhật. Một bác sĩ Nhật còn sống sót và chứng kiến, đã thuật : « ...Một thứ ánh sáng kỳ lạ loé lên, tiếp theo là tiếng nổ, thành phố bỗng nhiên chìm vào cõi chết, một sự vắng lặng ghê rợn bao trùm, không một tiếng động. Tôi ngạc nhiên bỗng thấy một

bóng người đi tới, xem lại mình mấy đẫm máu, da thịt nát bét, nhưng vẫn đi... »

Nhắc chuyện trên để các bạn hình dung con người khi đã chịu đến tột cùng của đau đớn, thân xác trở nên tê dại giác quan không còn bén nhạy nữa. Họ (những người sắp chết vì đói) không còn đủ lệ để trào tuôn, chỉ còn đủ chút hơi tàn :

*Những thân đó cứ xỉu dần, tắt thở,
Năm còng queo, mắt vẫn mở trừng trừng.
Tròng con người còn đọng lệ rưng rưng,
Miệng méo xệch như khóc còn dang dở*

Bằng một giọng thơ bi thảm, Bằng bá Lân ghi lại hình ảnh tang thương ấy trong suốt bài thơ gồm 100 câu mà khi đọc xong ta cảm thấy tâm hồn ta như bàng hoàng cơn ác mộng, cổ ta nghèn nghẹn như một niềm căm phẫn trào dâng.

Phần trình bày ở trên là một khía cạnh độc đáo nhất của nhà thơ họ Bằng – loại thơ đồng quê. Đến đây chúng tôi xin nói đến phần khác : thi ca tình yêu.

Về loại này, Bằng bá Lân không có nhiều, nếu không bảo đó chỉ là phụ thuộc trong đường lối sáng tác của tác giả *Tiếng vông đưa*. Tuy nhiên trong số ít đó, Bằng bá Lân cũng tỏ ra có một giọng thơ « mượt » khi tỏ tình yêu nhưng là thứ tình yêu nhẹ nhàng của người Á-đông. Theo ông chủ trương, trong thi ca tình cảm, tình yêu là một trạng thái thuộc tâm linh của hai kẻ yêu nhau, nhưng không bao giờ vượt quá cái phong tục cổ truyền là « nam nữ thọ thọ bất thân », cái tình yêu được bảo vệ trong vòng luân lý, dù yêu thương tha thiết cũng không bộc lộ sỗ sàng, nó phải là thứ « tình trong như đã mặt ngoài còn e ».

Vì thế, những bài thơ tình của Bằng bá Lân thường rất đẹp và có tính cách nội tâm nhiều hơn. Như một chàng trai đi yêu một cô con gái nhưng

không bao giờ dám nói thẳng, chỉ thốt những lời vu vơ :

Ta về ta nhớ đêm qua...

Nhớ ai, nhớ cả món quà Đồng-nai,

Món quà ai gửi cho ai,

Kèm theo thăm hỏi đôi lời thương thương

và yêu thương « người ấy » nhiều đến nỗi :

Yêu em, yêu cả con đường

Đưa ta về chốn ruộng vườn phì nhiêu :

Cần-thơ, Rạch-giá, Bạc liêu...

Rằng thương, rằng nhớ, rằng thương lạ lùng !

yêu nhưng không dám nói để rồi cứ đặt câu hỏi thăm dò người yêu :

Cô em má đỏ hồng hồng,

Buôn xuôi bán ngược, có chồng hay chưa ?

Xe dò ai đón ai đưa ?

Mà em đi sớm về trưa một mình !

Đây, ta hãy nghe Bàng bá Lân tả lại một cảnh đi tìm nhà người yêu, nó vất vả làm sao :

Nhà em ngõ hẻm hang cùng,

Lối đi góc ngách, số chồng lên nhau.

Tìm em vừa khó vừa lâu,

Số không thứ tự biết đâu mà lần !

Bà con cô bác bình-dân,

Phần nhiều lao-động đồng lần như nhau.

(Ngõ hẻm)

Thật là khó khăn, nhưng vì « yêu nhau tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua ».

Ngoài địa hạt tình cảm trữ tình, đôi lúc Bằng bá Lân có một giọng nói ồm ồm như Hồ Xuân-Hương :

*Rung rinh núm vú trên cành,
Mỗi năm mỗi vụ dâng tình thủy chung.
Em như cô gái yêu chồng,
Tình em như sữa trong lòng thơm tho.*
(Trái vú sữa)

Thật là chơi khăm, khi tác giả nói đến trái vú sữa mà lại nhân cách hóa là « em như cô gái yêu chồng », để rồi « tình em như sữa trong lòng thơm tho » thì quả là Bằng bá Lân có một giọng thơ ác độc đối với bọn đàn ông vậy.

Sau khi Hiệp-định Genève phân chia đất nước, Bằng bá Lân di cư vào Nam. Cảnh lạ, quê xa, con người thơ tưởng đâu sẽ bờ ngỡ, ngại ngần, nào ngờ tâm hồn dân tộc của Bằng bá Lân bàng bạc khắp sông núi thân yêu này, cảm thông ngay tâm hồn hòa dịu và cởi mở của người miền Nam ; Bằng bá Lân trút nhẹ được mặc cảm lẻ loi, đã hứng thú sáng tác bài *Tôi yêu* để đánh dấu cái tình thắm thiết như đã gắn bó nhau từ muôn ngàn thế kỷ :

Tôi yêu

*Tôi yêu tiếng Việt miền Nam,
Yêu con sông rộng, yêu hàng dừa cao.
Yêu xe thổ mộ xôn xao
Trên đường khúc khuỷu đi vào miền quê.
Tôi yêu đồng cỏ nắng se,
Nhà rơm trống trải, chiếc ghe dập dềnh.
Tôi yêu nắng lóa châu thành,
Trận mưa ngăn ngủi gió lành hiu hiu.
Nơi đây tôi mến thương nhiều,*

*Miền Nam nước Việt mỹ miều làm sao !
Xa xôi hằng vẫn ước ao,
Vào thăm vựa lúa xem sao, hồi mình !
Chừ đây tình đã gặp tình,
Tưởng như trong đại gia đình đâu xa.
Người xem tôi tựa người nhà.
Người kêu thân mật tôi là : Thầy Hai !
Đồng bào Nam-Việt ơi !
Tôi yêu cặp mắt làn môi thiết tha.
Nước non vẫn nước non nhà,
Bắc Nam xa mấy vẫn là anh em !
(Sài gòn, 1954)*

Vì cảm tình ngay với quê hương thứ hai này, thi sĩ Bằng bá Lân liền hăng say bắt tay xây dựng lại cuộc đời đã hai lần di cư, một lần cháy nhà, chịu đựng gánh nặng gia đình trên mười miệng ăn, mọi việc đều trông cậy một thân người thi sĩ kiên cường ý chí. Như thế mới chứng minh sức mạnh của tình thương tái tạo được nguồn sinh lực mới đã khiến Bằng bá Lân yêu đời và ham sống.

Ở giai đoạn này, người thi nhân chúng ta xa vắng Nàng Thơ ; vì phải bảo tồn gia đình, lại thêm quá bận với thiên chức, một trách vụ thi nhân tự cho là cao đẹp, tận tụy trong việc đào tạo, trui luyện những tâm hồn trẻ cho thế hệ ngày mai. Ta hãy nghe thi nhân nhắn nhủ :

Đôi lời tâm sự

(Riêng gửi các em học sinh những lớp Đệ Tứ, Tam, Nhị các trường trung học Cộng-hòa và Khai-trí Sài-gòn.)

*Ta đến trường đây với các em ;
Nửa năm hơi tiếng đã vừa quen,*

Ta yêu những mái đầu chăm chú
Cúi xuống bàn nghiêng mãi tập rèn.

Nhiều lúc ta cao giọng giảng hoài,
Không hề biết mệt, bốn giờ trôi.
Các em ngoan ngoãn và chăm chỉ
Là ấy lòng ta thỏa mãn rồi.

Đôi lúc ta buồn bực chẳng vui,
Chỉ vì có kẻ mãi ham chơi,
Bàì không nghe giảng còn hay chuyện !
Giận đấy, rồi ta lại mỉm cười...

Không hiểu ai bằng hiểu các em,
Nơi em, ta đặt hết niềm tin.
Các em là cả nguồn sinh lực
Thế hệ vươn mình đang chuyển lên ;

Nhiệm vụ ta đâu có nhẹ nhàng ;
Dẫn em vào các nẻo văn chương.
Người yêu tiếng mẹ là yêu nước,
Tiếng mẹ hiền, ôi ! rất dịu dàng !

Lãng mạn tài hoa Chu mạnh Trinh ;
Xuân-Hương hóm hỉnh giọng đa tình.
Thanh-Quan chững chạc, lời trang nhã ;
Yên-Đỗ gieo vần, ô rất xinh.

Ta cảm thông cùng đôi họ Cao ;
Ngông nghênh Bá Quát giọng văn hào.
Xót thay Bá-Nhạ oan trùm đất,
Trời cũng buồn thương rõ lệ sao !

Tú-Xương chót nhả thế mà vui ;
Mặn, chát, chua, cay đủ mọi mùi...

*Công-Trứ hào hùng ai dễ sánh ;
Nguyễn-Du đệ nhất đại thi tài...
Bốn bức tường cao thế giới riêng !
Ta hằng lo sợ nhắc đừng quên :
Học, nhưng phải tránh lẫn xe cũ,
Cái họa từ chương đã nhờn tiền !
Học biết rồi đây phải nghĩ hành,
Quốc gia đang đợi những đầu xanh,
Lớp người lành mạnh xây đời mới,
Và dẹp cho tan những bất bình !
(Tháng giêng 1957)*

*

Nói chung, chúng ta phải công tâm nhận rằng Bàn bá Lân là thi sĩ có chân tài. Ông là người tiên phong của phái thơ đồng quê, một hướng đi dị biệt, một lối thơ ít người làm theo và cũng ít người thành công trong lãnh vực này mà ông đã thành công quả là một điều quan trọng. Sự hiện diện của Bàn bá Lân trong nền văn học đất nước là một sự hữu ích. Thi phẩm của Bàn bá Lân có tác dụng mạnh trong nền giáo dục thiếu nhi. Tiếng thơ của Bàn bá Lân là những hồi chuông cảnh tỉnh những linh hồn đang sống bám víu vào nền văn minh cơ khí như nhắc nhở họ cái tình quê, cái nếp sống trung thực của một dân tộc.

*« Em ơi ! Vui thú phồn hoa mãi,
Có biết đồng quê đang nhớ mong, »*

(Ấn bản kỳ nhì, tháng 8-1968)

THI TUYỂN

Tịch tịch

Lửa hè đốt bụi tre vàng,
Trưa hè ru ngủ xóm làng say sữa.
Khóm chuối lá bơ phờ nghĩ ngợi,
Rặng cau gầy nghển với trời cao.
Trong nhà, ngoài ngõ quanh hiu,
Đầu thêm con Vện thìn thiêu giấc năm,
Trong nhà lá tối tăm lặng lẽ,
Tiếng ngáy đều nhẹ nhàng bay ra.
Vỗng đay chậm chạp khẽ đưa
Ru hai bà cháu say sữa mộng dài...
Cháu bỗng chợt, rầy hoài khóc đói,
Tỉnh giấc mơ, bà vội hát lên :
« A ời... » mấy tiếng. Rồi im.
Nhện tường ôm trứng năm yên mơ màng ;
Ruồi bay thong thả nhẹ nhàng.
Muỗi vo ve khóc bên màn thiết tha,
Hơi thở nóng lượn qua khe liếp,
Làm rùng mình mấy chiếc diềm sô.
Bụi năm lâu chán xà nhà
Nhẹ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiêu...

Vườn cũ nào đâu, cô hái dâu ?

Mười hai năm trước tuổi còn thơ
- Nếp óc còn in dấu chữa mờ -
Tôi sống quãng đời êm đẹp quá

Trong làng nhỏ nhỏ nghệ tầm tơ.
Một làng xinh xắn dưới trung châu
Lặng lẽ nằm yên giữa bãi dâu.
Những buổi sớm chiều trong sóng lá,
Tôi thường theo bạn đến bên cầu.
Bên cầu nhẹ hái lá dâu tơ
Cùng bạn tôi là những gái thơ
Xinh đẹp, vô tư như lũ bướm,
Dắt tôi cười, nói, chạy, bông đùa...
Xa xôi nay trở lại thăm quê,
Dấu cũ mờ rêu khác lối về.
Mà lạ ! Nương dâu đâu mất nhỉ ?
Quanh làng xanh rợn bãi cà phê !
Thần thơ đứng lại bên đường,
Trong gió chiều xa vắng tiếng chuông.
Nhưng lạ ! Tiếng kia sao chẳng phải
Tiếng từ bi êm ái du dương !
Than ôi ! Chính giữa chốn này đây
Là chỗ ông cha đã đắp xây
Một cảnh chùa chiền, di tích cũ,
Ngàn năm đứng vững với trời mây.
Thế mà xa cách có bao lâu !
Nào mái rêu đâu ? Cổ thụ đâu ?
Còn lại trơ trơ bên giậu mới
Gốc đa căn cối, lẻ loi sầu !
Mất hết ! Không còn một dấu xưa !
Nào đâu cô gái đẹp ngây thơ ?
Nào đâu những tối trăng trong sáng

Dệt vải bên song ánh bạc lửa ?

- Hồi cô yếm thăm hái dâu ơi !

Người cũ này đây, sắc cũ phai !

Tuổi trẻ đã qua, xuân đã hết,

Người xưa thôi đã khác xưa rồi !

Còn nhớ năm xưa bóng xế đầu,

Thì nhau ta hái lá bên cầu,

Mà nay người vắng, cầu đâu mất ?

Vườn cũ nào đâu, cô hái dâu ?

Kiếp ve

Im lặng. Cánh đồng quê yên ngủ

Giấc say sưa dưới ánh mặt trời chì,

Trên vòm xanh mây uể oải không đi,

Nắng lửa trút nặng nề như bạc chảy.

Bỗng trong khóm lá xanh gần đấy,

Tiếng ve kêu ran rỉ đưa ra

Khi khoan thai, khi rộn rã như mưa

Làm rung động khí trời lặng lẽ.

Biển lúa xanh gợn làn sóng nhẹ,

Nắng rung rinh theo giọng ve kêu,

Gió thổi dài trong cành sấu đầy râu,

Cảnh thức giấc dưới bầu trời yên lặng

Ve hút gió, ăn sương, uống nắng,

Rồi thanh thoi ngâm khúc trường ca.

Đem sóng lòng ve tưới cho cỏ hoa,

Cho lá bụi, lúa vàng, đất khô, nắng lửa...

Rồi thu sang. Giọng nỉ non không còn nữa.

Ve im hơi. Nhưng nào có ai hay !

*Gió vẫn thổi dài đuôi lá vàng bay...
Mà trên cành, thân ve ! chỉ còn là cái xácl
Đời thi sĩ, than ôi ! nào khác
Kiếp ve kia rút ruột hiến ai ai
Khúc đàn tâm lựa gảy để người vui,
Mà riêng chịu thất vọng, đau thương, cùng chế bác...
Rồi mực cạn, bút cùn, tơ lòng tan nát,
Với thời gian đời sẽ dần quên !
Lòng khách thơ lại đau đốn ôm thêm
Mối hận cuối cùng ! Ôi, nghề đen bạc !*

Trưa hè

*Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,
Nằm mát đàn trâu ngẫm nghĩ nhai.
Ve ve rung cánh ruồi say nắng ;
Gà gáy trong thôn những tiếng dài.
Trời lơ cao vút không buông gió,
Đồng cỏ cào phô cánh lược hồng.
Êm đềm sóng lựa trôi trên lúa ;
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.
Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,
Bà hàng thừa khách ngả thiu thiu,
Nghe mồ hôi chảy đầm như tắm...
Đứng lặng trong mây một cánh diều.
Cành thừa nắng tưới chim không đứng,
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè
Vài cô về chợ buông quang thúng,
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.*

Thời gian dừng bước trên đồng vắng ;
Lá ngập ngừng sa nhẹ lướt ao.
Như mơ đường khói lên trời nắng ;
Trường học làng kia tiếng trống vào.

Cổng làng

Chiều hôm, đón mát cổng làng ;
Gió hiu hiu đẩy mây vàng êm trôi.
Đồng quê vờn lượn chân trời,
Đường quê quanh quất bao người về thôn.

Sáng hồng lơ lửng mây son,
Mặt trời thức giấc, véo von chim chào.
Cổng làng rộn mở ồn ào,
Nông phu lững thững đi vào nắng mai.

Trưa hè bóng lặng nắng oi,
Mái gà cục cục tìm mồi dất con.
Cổng làng vài chị gái non
Dừng chân uể oải chờ cơn gió nồm.

Những khi gió lạnh mưa buồn,
Cổng làng im ỉm bên đường lội trơn.
Những khi trăng sáng chập chờn,
Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt tha.

Ngày mùa lúa chín thơm đưa,
Rồi Đông gầy chết, Xuân chưa vội vàng ;
Mừng xuân ngày hội cổng làng
Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ.

Ngày nay dù ở nơi xa
Thăm quê, về đến cây đa đầu làng

*Thì bao nhiêu cảnh mơ màng
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.*

Tiếng mưa đêm

(O le chant de la pluie ! Paul Verlaine !)

*Đêm sâu tịch mịch,
Ta rơi rả rích
Gieo buồn lang thang
Trên muôn đường làng
Gặp anh lữ khách vội vàng,
Ta nương vai áo xem chàng về đâu ?
Sa đồng sâu.
Rụng mái lâu,
Vai sành đợi nước chân cau,
Chị nọ xấu hổ thì mau lặn vào !
Trên hàng rào,
Gió lay gào.
Chị em riu riu lách vào bên song.
Cô kia ủ dột cô phòng,
Nghe ta thốn thức trong lòng rầu tiêu.
Gió ngừng reo,
Cây buồn thiu.
Hàng tre lướt thướt tiêu điều,
Kìa đôi cò nọ ra chiều bắn khoăn.
Lăn tăn
Qua sân,
Ta hỏi rêu rằng :
- Nơi rêu ở có lạnh lòng không rêu ?
Buồn như khêu*

Cho cô gái đẹp ngừng thêu,
Bâng khuâng nghe nhóm tình yêu trong lòng.
Trong ao ta gợn muôn vòng
Cho con cá lượn mơ màng đớp sương.
Mái lâu ta buông
Mành bạc.
Ta khua xào xạc
Lá rơi bên rèm.
Nhà khuya le lói ánh đèn,
Có ai nằm thức trong mền nghe mưa ?

Ngủ trông về Bắc

Dừng bước nơi đây, lòng ngổn ngang,
Ngủ trông về Bắc nhớ tre làng,
Nhớ cây đa cổ bên chùa vắng,
Nhớ mảnh ao bèo gió lạnh sang.
Nhớ giải đê cao lũ mực đồng
Trong chiều nắng nhạt bước thong dong.
Nhớ cô thôn nữ khăn to hó,
Môi thắm trầu thơm, má ửng hồng.
Nhớ tiếng xì xòm tát nước đêm,
Tiếng chày giã gạo rất bình yên,
Tiếng chim cu gáy trong trưa lặng,
Tiếng vông trưa hè ru ngủ êm.
- « A ời ! Em ngủ đi em !
Mẹ còn đi chợ làng bên chưa về.
Cha còn tát nước trong khe,
Anh bữa, chị cấy ngoài kia... A ời ! »

Đồng quê Bắc Việt ơi !
Người quê Bắc Việt ơi !
Hôm nay trời trở rét rồi phải không ?
Hôm nay cơn gió giải đồng,
Lay bông lúa sớm hương nồng thơm đưa.
Bây giờ, ôi ! biết bao giờ
Cho ta lại đứng trên bờ đê cao ?
Thả hồn lưu luyến thôn xao
Rung theo tiếng sáo diều cao lững lờ !
(Sài-gòn, cuối thu 1954)

Mùa gặt

Gà vừa gáy. Trời mai còn ẩm ướt
Đường trong thôn rậm rạp bước chân đi.
Tiếng gọi, thưa ẩm ới động sương khuya,
Tiếng sát gạo trên cầu ao sền sệt.
Rồi lửa đỏ bập bùng trong các bếp,
Rồi tiếng mâm va bát động lanh canh
Tiếng cười đùa xen tiếng đũa và nhanh,
Người vội vội. Trống tàn canh gấp gấp...
Trời tang tảng. Sương đào bay lớp lớp,
Cánh đồng quê mờ ngợp khói sương mờ,
Từ cổng làng từng bọn kéo nhau ra,
Tiếng quang cặp, đòn càn và lách cách.
Họ vui vẻ đi nhanh trên đường đất,
Rồi tạt ngang, tản mát khắp đồng quê.
Họ dừng chân bên ruộng ướt sương khuya
Lúa rạp rạp ngả theo chiều gió thổi.
Thợ đàn ông xắn quần lên quá gối,

Thợ đàn bà cao váy xéch hai bên
Đẽ lộ ra những cặp bắp chân đen,
Rồi kẻ hái người liềm xô xuống ruộng.
Lúa thức giấc xạc xào trong hỗn độn,
Lúa run run lìa cuống ngã trên tay...
Lũ cào cào châu chấu sợ tung bay,
Nhưng chớp mắt lại nặng nề rơi xuống.
Liềm hái gặt. Lúa thi nhau lìa cuống,
Nằm ngổn ngang trên ruộng hỏ màu đen.
Phía trời đông quạt lửa rộng xoè lên,
Cánh đồng bỗng rực tươi màu đỏ ối.
Sương mỏng mỏng nhẹ tan như làn khói
Lúa thơm thơm, rơm mới cũng thơm thơm.
Không khí thơm tho, gió chạy rập rờn,
Làm gợn gợn sóng vàng trên biển lúa.
Thửa ruộng kia, tiếng ai vừa hát đó.
Giọng thanh thanh theo gió vắng đưa xa.
Rồi đồng quê vang rộn tiếng dân ca,
Tình thấm thiết ngụ trong lời thấm thiết.
Miệng cứ hát, tay cứ làm mãi miết,
Làm say mê như quý tiếc thời gian.
Họ như quên không thấy nắng hanh vàng
Dần gay gắt rêu ròn trên nón lá,
Và người họ mồ hôi ra tầm tã
Dán lưng vào manh áo bạc màu nâu...
Mặt trời lên... lên chót vót từ lâu,
Bóng đã đã thu tròn như chiếc tán.
Thợ dừng tay, lên bờ ăn bữa sáng.
Cơm muối vùng sần sần thế mà ngon,

Vài quả cà, dưa muối với tương om,
Nước vối loãng chuyên tay... là hết bữa !
Thợ đàn ông thổi mùi rơm lấy lửa.
Vê thuốc Lào, rịt điếu, rít vài hơi,
Thở khói phào cuộn cuộn tựa mây trôi,
Vẻ khoan khoái trong tiếng cười dễ dãi.
Thợ đàn bà cũng thông dong mở giải
Yếm, lấy ra vôi vỏ với trầu cau,
Rồi cười cười nói nói thết mời nhau,
Quết trầu thăm tô vành môi cắn chỉ.
Trầu thuốc đoạn, sau nửa giờ tạm nghỉ,
Lại hò nhau hối hả xuống đồng trưa.
Kẻ cắt khoai, kẻ lượm... rất say sưa.
Không nhọc mệt – (ngày mùa ai cũng khỏe !)
Lúa đã lượm, họ kê vai rất nhẹ,
Gánh xăm xăm về phía cổng làng xa
Trên đường quê lũ bảy, lũ năm ba,
Gánh gánh mãi, về, ra, coi tập nập.
Chiều càng xuống, người đi càng hấp tấp
Như đàn cò gấp gấp ruồi theo mây,
Gió lạnh lùng, xương bột rắc rây rây,
Chùa đâu đó rõ hồi chuông lạnh lạnh.
Đồng quê xám mênh mông và vắng lạnh,
Nhưng khắp làng rộn rịp hội hoa đăng.
Tất cả đèn to nhỏ cháy dăng dăng
Không soi sáng đủ hết sân gạch rộng.
Từng cầu lúa dài cao nằm song song
Đội thợ về chất đống xếp từng ô...
Rồi néo tre kẹp chặt lấy thân don,

Tay dang thẳng đập ròn trên cối đá.
Ôi sung sướng ! Mưa ra vàng ! Mưa lúa !
Mưa rào rào. Giọt thóc nặng nề rơi,
Thóc mọng thơm căng sữa ngọt nuôi người,
Nét hoan hỉ trên miệng cười đen nhánh.
Tiếng đập lúa ròn vang trong gió lạnh,
Chen tiếng cười, giọng hát lạnh ngân ngân,
Đem tình xa se lại với duyên gần...
Trăng nhón nhoẻn cười thâm trên ngọn trúc.
Ôi vui thú là những giờ hót thóc :
Kẻ trang, cào ; kẻ xúc, quét lia lia
Vai chen vai, người nọ vương người kia,
Tiếng mắng khẽ xen tiếng cười khúc khích...
Rơm lên đống. Thóc đã nằm trong bịch,
Đội nhần nha ngày nắng sẽ đem phơi.
Thợ dừng tay, rũ bụi phấn trên người,
Đoạn rửa ráy, rồi vào ăn bữa tối.
Dưới ánh lửa đèn ba dây đỏ ối,
Họ lại cười, lại nói, lại bông lơn...
Bóng cau gầy đã ngả suốt sân rơm,
Họ mới chịu xoa chân, vào ổ rạ.
Thôn xóm lặng, thiu thiu trong bóng lá,
Trăng phương đoàn uể oải cũng lim dim.
Sương rơi rơi, nhạc đế lắng chìm chìm,
Chó từng lúc nghe nhìn trăng sữa rỗng...
Ta về đây suốt một ngày vui sống
Cùng người quê mãi miết với thành công.
Suối mờ mờ năm tháng chảy trên đồng
Đúc thành sữa nơi đầu bông nặng trĩu.

Đồng quê ơi ! Hỡi Nông-phu ! Người chịu
Bao dãi dầu mưa nắng để nuôi ta
- Nuôi giống nòi không một tiếng kêu ca
Sống tấm tối như tre già nấp bụi.
Ta tha thiết cầu mong sao gần gũi
Mãi Người Quê, nơi làng mạc thân yêu,
Mà hôm nay ta cảm mến thương nhiều !
(Bắc-Việt một mùa gặt thanh bình)

Tiếng võng đưa

Nắng lửa rung rinh,
Xóm tre lặng lẽ.
Tiếng võng nhà ai ru trẻ
Nặng nề chậm chạp đong đưa...
Nặng nề chậm chạp đong đưa...
Cót ca cóc kết nhịp thơ muôn đời.
Bồng bóng bông... A ời ời...
Cót ca cóc kết muôn đời nhịp thơ.
Ta say sữa
Nghe tiếng võng đưa
Ru hồn mơ
Trong lời thơ
Dân tộc.
Mơ màng lắng nghe tiếng khóc
Của thời măng sữa xa xôi.
A ơi ơi...
A ời ời...
Cót ca cóc kết

Muôn đời

Nhịp thơ...

Tiếng võng đưa

Cót ca cốt kết...

Trưa hè nắng khét

Bà ru cháu say sữa...

Tiếng võng đưa

Cót ca cốt kết

Mẹ đi biển biệt

Chị ru em ời ời...

Tiếng võng đưa

Cót ca cốt kết

Đêm dài mưa rét

Mẹ ru con mơ màng...

Dân tộc Việt-nam

Lớn trong tiếng võng.

Dân tộc Việt-nam

Già trong lời ru.

Êm đềm thay tiếng võng đưa.

Nhịp thơ

Dân tộc.

Mơ màng ta nghe tiếng khóc

Của thời măng sữa xa xôi.

À ời ời...

À ời ời...

Cót ca cốt kết

Muôn đời

Nhịp thơ.

Và đây những vần thơ
Nhịp theo tiếng võng đong đưa.
Nhịp theo lời ru êm ái.
Tình quê hương vời vợi,
Hồn dân tộc mang mang...
Bao giờ nổi lại giang san
Mà nghe tiếng võng mơ màng đó đây.
(Tháng sáu 1957)

Dặn dò

Một đàn con dại,
Nửa mái lều tranh.
Mưa lửa ướm giại,
Mòn mỗi ngày xanh.
Cha già, mẹ yếu,
Trú cư đầu đình.
Nhìn nhau là mếu...
Trời ơi ! Chiến-tranh !
Bao nhiêu nhà cửa
Bỗng chốc tan tành.
Bao nhiêu tiền của
Làm giàu lưu manh.
Trông chừng mệt bún nôi canh,
Đôi bàn tay vợ mưu sinh lần hồi !
Bàn tay mềm yếu em ơi !...
Quấn quanh ra đứng vào ngời,
Lòng u ám tựa một trời mưa ngâu !
Còn gì đâu !
Ôi, sâu rừng rúc,

Có gì tấm tức,
Có gì hậm hực,
Làm đau lồng ngực,
Làm nhức làn da ?

Buông rơi tờ báo nhìn xa,
Giận ta mà lại thương ta, ôi buồn !...
Bên lòng ba bốn tình thương :
Thương nhà, thương nước và thương đồng bào.
Thương cơ hội lỡ làm sao !
Lòng son ắp ủ biết bao nhiêu buồn !

Buồn đã lên men,
Ta điên, ta cuồng.
Ta không thể sống nhìn sông.
Đời ta tàn tạ, nước non đã rời !
Nhủ em, em hãy chịu lời,
Mẹ già con dại, anh thời cậy em.
Ra đi, anh quyết một phen.
Vẫy vùng ngang dọc, ngả nghiêng với đời...

Em đừng khóc nữa, em ơi !
Nước rồi rạn vỡ, ta rồi gặp nhau.
(Những ngày tản cư ; năm 1951)

Tình trong mưa

Chiều ấy, mưa rào ở xóm Đông,
Cho người ử dật đứng bên sông,
Xa nhìn đăm đuối tìm trong gió...
Chỉ thấy màn mưa trắng ngập đồng.

Ai biết mưa rơi nói những gì ?

Lá buồn gieo lệ khóc lâm ly.
Lòng băng khuâng quá, xôn xao nhớ
Cả một tình yêu buổi ấu thì,
Buổi một nàng qua dưới mái hiên,
Đường mưa in nuột gót chân tiên.
Ta nhìn theo bước đi ren rén.
Bỗng cả lòng yêu náo nức liền !
Từ ấy trên đường loang loáng mưa.
Tìm hoài đâu thấy gót chân xưa !
Đường mưa bao gót chân mưa bước,
Gọi mãi tình yêu buổi đại khờ !
(1942)

Đêm ở làng

Chùa xa chuông khóc ngày tàn,
Chiều như muện giải lụa vàng thướt tha.
Lưng trâu mục tử vang ca,
Lời thơ tự mấy đời qua lưu truyền.
Vừa nghe tắt giọng êm đêm,
Ngọn tre treo mảnh trăng liềm mới lên.
Mấy cô hàng xén về đêm
Dưới cây đòn gánh cong mềm bước mau.
Làng tre cổng kín từ lâu,
Trong sương chó sủa bớt mau. Im dần...
Trời khuya trăng thức tần ngần,
Lòng tơ bao gái cũng gần như trắng !
(1940)

Bốn mùa mưa

*Ta yêu mưa xuân
Phơi phới gieo trên vườn mận nở,
Trên cánh hoa đào rục rỡ,
Trên áo quần diêm dúa hội mừng xuân.
Mưa rơi rơi...*

*Cho cánh xuân căng nhựa,
Cho má em tươi hồng.*

*Ta yêu mưa hè
Ào ào như thác đổ.
Lá tre rơi đầy ngõ,
Nước đồng dâng trắng xóa mênh mông.
Cây xanh màu mới.
Người vui giải nổi.*

*Ta yêu mưa thu,
Mưa dăng sâu ly biệt,
Mưa nhắc mãi mối hận tình bất diệt
Của chàng Ngưu ả Chúc bên sông Ngân.*

*Ta yêu mưa đông,
Mưa phùn cam lạnh.
Mưa xóa mờ rặng cây trên đường vắng,
Mưa đem trời nắng nặng xuống gần ta.
Ta yêu mưa bốn mùa,
Nghe nhạc trùng rên rĩ,
Giun khóc chân tường, dế than dưới cỏ,
Nhạc sầu dâng buồn bã suốt năm canh.
Ta thích, đêm mưa, nằm sát cửa sau màn
Nghe gió rít từng hồi qua kẽ hở,*

*Nghe gió đập tàu tiêu, mưa nước nở...
Nghe hồn mưa than thở với hồn ta !
Ta yêu mưa bốn mùa,
Vì lòng ta gió mưa chẳng ngớt !
Ta muốn đêm dài mưa không ngừng hạt,
Cứ mưa hoài, mưa mãi... Mưa, mưa, mưa...
(Sài-gòn, 5-1957)*

Mưa sông

*Gió bỗng thổi ào, mây thấp tối,
Buồm căng muốn rách, nước trôi nhanh,
Trên đường cát bụi vùng theo gió,
Nón mới cô kia lật nửa vành.

Ếch gọi nhau hoài tự mấy ao,
Trên bờ cây hoảng hốt lao xao.
Đò ngang vội vã chèo vô bến,
Lớp lớp tràn sông đợt sóng rào.

Buồm rơi, trơ lại cột tre gãy,
Loang loáng chân trời chớp xé mây.
Chim lẻ vội vàng bay nhón nhác,
Mưa gieo nặng hạt xuống sông đầy.
(1942)*

Lạc loài

*Kiếp trước chừng ta là cánh bướm ?
Bốn mùa thi đẹp với muôn hoa.
Lượn lờ qua lại trong hơi gió,
Đôi cánh phiêu linh chẳng có nhà !*

Kiếp trước chừng ta là cánh hoa ?
Đêm đêm rỏ lệ dưới trăng ngà
Nàng trăng buồn nhớ ai trên đó ?
Hoa nhớ tình yêu một bướm qua.
Hoa bướm muôn đời ai cũng yêu,
Nhưng ai có biết những ban chiều
Hoa thường đầm lệ buồn như khóc,
Bướm ngủ nơi nào đêm hiu hiu ?
Trong lốt phàm thai hồn vẫn vương
Mong manh, xa lạ nhớ ngàn phương.
Tương tư không chỉ, sao mà rối ?
Sống lạc trên đời ôm nhớ thương !
(1941)

Mơ về Hà-nội

Cảnh đã xưa rồi, tình chưa xưa,
Nâng niu chuốt lại chút danh thừa.
Bao giờ đến hội tao phùng nhĩ ?
Xem nước hồ soi bóng liễu mơ.
Liễu có gãy chẳng ? Tóc có thưa ?
Chao ôi ! Lòng nặng mãi thương hờ !
Kiểu nhà xưa đã thay hình mới,
Hay vẫn còn nguyên dáng cũ xưa ?
Nghiên đá đền Sơn có sẫm rêu ?
Kính thiên bút nọ đã lên meo ?
Muốn về nâng bút đàm nghiên đá
Pha nước hồ Gươm viết thật nhiều.
Giấy lụa : Trời xanh trải phẳng ra,

Bao nhiêu tứ đẹp đợi chờ ta.
Phen này thơ múa trên Hà-nội.
Vang rộn kinh kỳ khúc lạc ca.
(Việt Bắc 14-3-51)

Xóm chợ chiều đông

Gió lạnh ùa vô chợ vắng teo.
Dây lều rách rưới đứng tiêu điều
Mái gà dất chuối còn nghe ngóng,
Vàng cột tre rêu ngả bóng chiều.
Nắng tắt, sương mờ ôm ngọn cây,
Co ro góc quán mụ ăn mày
Buồn trông vội vã người phu chợ
Vung chổi lia dài nhả bụi bay.
Khói bếp vườn mình nhẹ nhẹ lên...
Nhà nhà quanh chợ đã loe đèn.
Lá bàng trong gió rơi từng loạt,
Ếch nhái xa gần mở nhạc đêm.
(Mùa đông 1946)

Vườn dừa

Vườn dừa có trái dừa xinh,
Có cô con gái hiền lành dễ thương.
Có nhiều gió dịu vương vương,
Xanh xanh bóng lá, rờn rờn tình quê.
Có ai về miệt Bến-tre
Hỏi thăm nàng ấy vườn kia vài lời.
Vườn em gây tự bao đời
Mà cao bóng rợp che trời trong xanh.

Dừa bao nhiêu gốc, cô mình ?
Cây bao nhiêu đốt ? Trái lành bao nhiêu ?
Hanh về cỏ rạc nắng thiêu,
Vườn dừa xanh mướt, hiu hiu gió cười.
Êm êm luôn ngỡ chiều rơi,
Đường thôn bóng đổ, rạch ngòi quanh co.
Nước dừa mát rượi thơm tho,
Cùi dừa dịu ngọt... kẻ cho người mời.
Ở đây quên cả nắng lười,
Quên tình tráo trở, quên đời bạc đen.
Ở đây dừa mọc liền chen
Đổ muôn bóng rợp đầu hiên cuối hè.
Chân thành một tấm tình quê
Sớm chiều đơn đả đi về đón đưa...
Xa xôi nhớ mãi vườn dừa,
Thương về nàng ấy bây giờ thương ai ?
(Miền Nam, tháng sáu 1954)

Giếng làng

Hẹn nhau bên bờ giếng,
Chờ nhau lúc rạng trăng,
Nàng vâng về giải yếm,
Chàng sửa nắn vành khăn.
Dưới trăng nàng bối rối,
Dưới trăng chàng băn khoăn,
Nhìn nhau mà chẳng nói,
Bốn mắt đọng trăng rằm...
Hẹn nhau bên bờ giếng,

Chờ nhau lúc rạng trăng.
Trăng đến, nàng không đến,
Chàng lo buồn dăm dăm...
Nàng đã đi làng khác,
Theo một người khăn đen,
Không còn nghe giọng hát,
Bên đình lúc nguyệt lên.
Ai cúi mình trên giếng ?
Ai thả gầu múc trăng ?
Ai cười yêu nửa miệng ?
Tan rồi mộng gối chăn !
Không hẹn bên bờ giếng,
Không chờ lúc rạng trăng,
Đêm đêm chàng vẫn đến
Bên giếng khóc âm thầm...
Đêm nay chàng lại đến
Bên giếng khóc âm thầm,
Bỗng gặp bên bờ giếng
Đôi bóng người dưới trăng :
Nàng cũng về giải yếm
Chàng cũng nắn vành khăn.
Cũng nhìn nhau âu yếm,
Bốn mắt đọng trăng rằm.
Giếng trăng, nơi hò hẹn,
Giếng trăng, nơi hẹn hò,
Từ xa xưa đến bây giờ
Giếng làng ghi dấu bao trò hợp tan !
(1942)

Trở lại đồng quê

*Hôm nay về trại gió hiu hiu,
Nhìn lớp mây qua nhuộm máu chiều,
Nhớ lại lược xưa màu đỏ thắm
Cài trong tóc lụa xõa liu diu.*

*Nhớ lại năm xưa còn ở quê,
Chiều bên đường cỏ đợi trâu về :
Em nhìn chim vút lên trời thắm
Anh lắng điều than trong tiếng tre.*

*Năm năm vội vã thoáng đi nhanh,
Em nhãng quên quê luyện thị thành.
Lược đỏ không cài trên tóc búi,
Cỏ đường chẳng vương gót chân xinh.*

*Em biếng về quê, cây nhớ nhung,
Lúa đồng rướn ngọn đứng như mong
Đất đường luyện tiếc bàn chân ngọc,
Cỏ rạc ven bờ mãi ngóng trông,*

*Lòng rối như là cỏ rối bong,
Tương tư ! Trại vắng rộng hơn đồng.
Em ơi ! Vui thú phần hoa mãi,
Có biết đồng quê đang nhớ mong ?
(1942)*

Đói

*Vũ vũ thùi gia tử
Y phá, lạp bất hoàn,
Thúc tông nam phương lai
Hương ngã tiền đầu than...*

(Cao-Bá-Quát – Đạo phùng nga phu)

Năm Ất-dậu tháng ba, còn nhớ mãi
Giống Lạc-Hồng cực trải lắm đau thương !
Những thầy ma thất thểu đầy đường,
Rồi ngã gục không đứng lên vì... đói !
Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

Khắp đường xa những xác đói rên nằm
Trong nắng lửa, trong bụi lấm co quắp
Giữa đồng rẻ chỉ còn đôi hố mắt
Động chút hồn sắp tắt của thầy ma ;
Những cánh tay quờ quạng khua khoa
Như muốn bắt những gì vô ảnh.
Dưới mớ tóc rối bù và kết bánh,
Một làn da đen xạm bọc xương đầu.
Răng nhe ra như những chiếc đầu lâu,
Má hóp lại, răng hằn sâu gớm ghiếc,
Già, trẻ, gái, trai, không còn phân biệt,
Họ giống nhau như là những thầy ma,
Như những bộ xương còn dính chút da,
Chưa chết đã bốc xa mùi tử khí !
Mùi nhạt nhẽo, nặng nề, kỳ dị.
Một mùi tanh lộn mửa thoảng mà kinh.
(Mùi tanh hôi ám ảnh mãi bên mình
Khiến cả tháng ăn không còn ngon bữa !)
Những thầy đó cứ xiủ dần, tắt thở,
Năm càng queo, mắt vẫn mở trừng trừng.
Tròng con người còn đọng lệ rưng rưng,
Miệng méo xệch như khóc còn dang dở.

Có thầy chết ba hôm còn nằm đó,
Ruồi tám phương bầu lại khóc vo vo...
Rồi ven đường đôi nhát cuốc hững hờ
Đắp điểm vùi những nấm mồ nông dãi !
Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.
Rải ven đường những nấm mộ âm thầm
Được đánh dấu bằng ruồi xanh cỏ tốt.
Có nấm mộ quá nông, trơ hài cốt.
Mùi hôi tanh nồng nặc khắp không gian.
Sau vài trận mưa nước xối chan chan.
Ôi, thịt rửa xương tàn phơi rải rác !
Tại Hà-nội cũng như bao tỉnh khác,
Những thầy ma ngày lết đến càng đông,
Đem ruồi theo cùng hơi hớm tanh nồng,
Rồi ngã gục khắp đầu đường cuối ngõ.
Thường sớm sớm cửa mỗi nhà hé ngỏ
Rút rè xem có xác chết nào chẳng !
Từng chiếc xe bò bánh rít khô khan
Mỗi sáng dạo khắp nẻo đường nhật xác.
Xác chồng chất lù lù như đồng rác,
Đó đây thò khô đét một bàn chân
Hay cánh tay gãy tím ngắt teo răn,
Giơ chơi vơi như núu làn không khí
Như cầu cứu, như vẫy người chú ý...
Có hơi thở tàn thoi thóp chưa thôi,
Có tiếng cựa mình, tiếng nấc... Những tròng người
Nhìn đắm lệ người chôn người chửa chết !
Bốn ngoại ô mở ra từng dãy huyết

Được lấp đầy bằng xác chết... thường xuyên.

Ruồi như mây bay rợp cả một miền...

Chết ! Chết ! Chết ! Hai triệu người đã chết !

Họ là những người quê non nước Việt,

Sống cần lao bên ruộng lúa, đồng khoai.

Lúa xanh rờn nhờ họ đổ mồ hôi,

Nước Việt sống vì mồ hôi họ đổ.

Năm ấy, thuở Nhật Tây cùng đô hộ,

Chúng thi nhau cướp lúa của dân ta.

Hết lúa rồi, hết sạch cả khoai ngô,

Hết củ chuối, hết nhẵn khô cả sắn !

Ngày giáp hạt, không còn chi gặm nhấm,

Đói cháy lòng, đành nhá cả mo cau,

Nhai cả bèo và nuốt cả khô dầu !

Đói ! Đói ! Đói ! Người nhao lên vì đói !

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,

Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

Tạm biệt quê hương, lê gót âm thầm

Trên rải rắc mọi nẻo đường đất nước.

Từng gia đình dắt díu nhau lê bước

Đi lang thang mong sống tạm qua ngày.

Đợi lúa lên hương, bông trĩu đầu cây,

Hơn tháng nữa sẽ hồi cư, sẽ sống !

Nhưng đau đớn, hồi ời là ảo mộng !

Họ ra đi hi vọng có ngày về !

Nhưng chẳng bao giờ về nữa, hồi người quê !

Dần lả gục khắp đầu đường xó chợ !

Cùng lúc ấy, cũng trên đường rộn rã,

Từng đoàn xe chuyên chở thóc vàng tươi.

Thóc của dân đen, thóc của những người
Đang chết đói vì thực dân cướp thóc !
Thóc chúng cướp phần vung xài huy hoắc,
Phần chúng đem để mục nát trong kho !
Ôi, đau thương, chưa từng thấy bao giờ...
Trong lịch sử chưa bao giờ từng có !
Hai triệu người, vì thực dân, lìa bỏ
Nước thân yêu, oan uổng chết đau thương,
Trong lúc đầy đồng bát ngát, ở quê hương
Lúa mơn mớn đang ra đồng trĩu trái.
Lúa trầu hạt vàng tươi say gập bội,
Ngạt ngào thơm báo hiệu ấm no vui.
Nhưng người đi không về nữa, than ôi !
Lúa chín gục, chẳng còn ai gặt hái !...

Ta nhớ mãi cái thời kỳ đen tối !
Quên làm sao tội lỗi kẻ xâm lăng !
Quên làm sao mối thù hận khôn cùng !
Quên sao được hai triệu người chết đói !
Năm Ất-dậu tháng ba, còn nhớ mãi
Giống Lạc-Hồng cực trái lăm đau thương !
Những cây ma thất thế đầy đường,
Rồi ngã gục không đứng lên vì... đói !

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

(Tháng năm 1957)

ANH-THƠ

ANH-THƠ tên thật là Vương kiều Ân (Vương là họ cha, Kiều là họ mẹ) sinh năm 1919 tại tỉnh Ninh-giang (Bắc-phần).

Cha là một công chức, làm Đề-lại Hành-chánh Nam-triều. Anh-Thơ học chưa quá cấp tiểu học mà đã phải thay đổi trường ba lần, Hải-dương, Thái-bình, rồi Bắc-giang. Bỏ học rất sớm, lại thích văn-chương, Anh-Thơ bước vào làng thơ tiền-chiến khoảng năm 1936, giai đoạn thơ mới đang thời kỳ vàng son.

Lúc đầu Anh-Thơ lấy bút hiệu Tuyết-Anh (thơ đăng trong báo Phương đông của Lan-Khai 1936), rồi Hồng-Anh, sau đổi lại là Anh-Thơ và cũng là bút hiệu chính thức và cuối cùng của tác giả Bức tranh quê.

Anh-Thơ đã từng cộng tác trên nhiều tạp chí xuất bản tại Hà-nội trong khoảng thời gian từ năm 1938 đến 1943, như : Tiểu thuyết thứ năm, Ngày nay, Hà-nội báo, Phụ nữ, Bạn đường v.v...

Về thi-ca, Anh-Thơ chỉ có hai tập thơ được xuất bản, đó là : Bức tranh quê và Xưa. Tập Bức tranh quê do nhà Đời Nay Hà-nội ấn hành năm 1941, tập thơ Xưa là tập thứ hai, Anh-Thơ cùng soạn với Bàn bá Lân, do nhà xuất bản Sông Thương Bắc-giang ấn hành vào cuối năm 1941.

Ngoài hai tập thơ trên, nữ sĩ Anh-Thơ còn viết một quyển tiểu thuyết thuộc loại đồng quê lấy tên Răng đen, do nhà xuất bản Nguyễn-Du ấn hành tại Hà-nội năm 1942.

Với hai tập thơ và một tiểu thuyết là sự nghiệp văn chương của nữ sĩ Anh-Thơ, vì từ đó đến nay, không ai thấy Anh-Thơ cộng tác cho tạp chí nào, cũng như không hề có tác phẩm nào khác.

Điểm đáng ghi nhất đối với thi nghiệp của nhà thơ đất Ninh-giang là năm 1939, trong một cuộc thi sáng tác văn chương do nhóm Tự lực văn

đoàn tổ chức gồm nhiều bộ môn như kịch, thơ, truyện ngắn, truyện dài, hồi ký, phóng sự v.v... tập thơ Bức tranh quê, nữ-sĩ Anh-Thơ đã đoạt giải khuyến khích về bộ môn thi ca cùng với tập thơ Nghẹn ngào của Tế-Hanh, một nhà thơ miền Trung khá nổi tiếng trong phái mới.

Về khuynh hướng thơ, nữ sĩ Anh-Thơ không giống như hầu hết các nhà thơ đương thời lấy tình yêu làm động lực chính, lấy sự ủy mị của tình cảm, sự gào thét của dục vọng làm yếu tố, ngược lại Anh-Thơ đã tạo thơ mình bằng một sắc thái riêng biệt, độc đáo : lấy thiên nhiên làm bối cảnh, lấy nếp sống nông thôn làm đề tài chính và lấy phong tục của miền thôn dã làm nguồn sáng tác.

Chính vì những điểm khác biệt ấy mà Anh-Thơ đã chiếm một chỗ ngồi khá vững trên thi đàn.

Ngày xưa, khi Anh-Thơ vừa góp mặt vào làng thơ tiền chiến bằng những bài thơ ghi lại nếp sống nông thôn, tả những hình ảnh thiên nhiên, những sinh hoạt sống thực của miền thôn dã thì đã có một số người chỉ trích, cho rằng thơ của Anh-Thơ không hợp với đường lối của số người trẻ đương thời. Tuy nhiên, đối với lập luận ấy, Anh-Thơ vẫn coi thường và không thay đổi ý định trong đường lối sáng tác của mình, bằng chứng cụ thể là sau đó không bao lâu tập thơ Xưa (viết chung với Bằng bá Lân) được chào đời trong sự âm thầm gần như hờ hững của giới trẻ theo Âu-học. Những người yêu thơ lúc bấy giờ thích những tiếng kêu gào ái tình, sự thèm muốn yêu đương của những nhà thơ Xuân-Diệu, Lưu-trọng-Lư, Hồ-Dzếnh, v.v... Bởi thế, Anh-Thơ cũng như những nhà thơ ít ca tụng hoặc không ca tụng ái tình đều được ít người biết đến như một Minh-Tuyền, một Trần-Huyền-Trân v.v...

Ngày nay, thời gian đã khá lâu, người ta không còn nghe giọng thơ của nhà thơ đất Ninh-giang nữa và cũng không hiểu vì sao Anh-Thơ lại im tiếng

; sự sống còn của nhà thơ này cũng không được ai nhắc nhở nếu không bảo là đã bị lãng quên trong tiềm thức.

Tuy nhiên, dù sao ta cũng phải nhận rằng Anh-Thơ đã có một cái gì để hãnh diện trong sự nghiệp thi ca của mình.

THÁNG 11, năm 1942, từ khi Hoài-Thanh và Hoài-Chân, hai nhà phê bình văn học đất Thần-kinh – cho ra đời tập phê bình văn học *Thi nhân Việt-nam*, trong đó hai ông đã giới thiệu Anh-Thơ và phê-bình nhà thơ này một cách đơn sơ. Từ dạo ấy đến nay, các nhà phê bình văn học ở đây gần như quên lãng Anh-Thơ, không mấy ai nhắc nhở đến nữ thi sĩ đồng quê độc nhất của phái thơ mới tiền-chiến nữa, có chăng cũng chỉ trích một vài bài thơ tiêu biểu hay chỉ một vài câu lấy lệ mà thôi.

Ba mươi năm trôi qua, sự có mặt Anh-Thơ trên thi đàn Việt-nam làm cho nền thi ca dân tộc được thêm phần nào phong phú.

Vì lẽ đó, chúng tôi thấy cần trình bày cùng quý vị vài nét độc đáo của nhà thơ đồng áng : Anh-Thơ.

Những ai am tường về thi ca dân tộc phải công nhận rằng những vần thơ của Anh-Thơ là cái gạch nối liền về dĩ vãng ngàn xưa để tìm hiểu thế nào là đời sống cổ truyền của người dân Việt. Mỗi bài thơ của Anh-Thơ là một hình ảnh sống thực của đất nước, một phong tục của quê hương.

Anh-Thơ là tượng trưng cho tình non, tình nước, cho quê hương xứ sở, cho đồng ruộng bao la, bát ngát. Anh-Thơ ca tụng cảnh núi đồi hùng vĩ của đất mẹ, mùi thơm của cánh đồng lúa chín, niềm vui của phiên chợ cuối năm ; những điều đó chúng ta có thể tìm được trong thi phẩm của Anh-Thơ.

Đọc *Bức tranh quê* mà ngay cả tập thơ *Xưa* cũng thế, đâu đây người ta cũng thấy những hình ảnh của nếp sống nông thôn : từ những phiên chợ chiều ba mươi ồn ào nhộn nhịp, đến ngày Tết vui vẻ của đàn trẻ ngây thơ vô tư lự, nô đùa chào mừng mùa xuân mới ; rồi một hình ảnh chúc Tết, cảnh cười nói của một gia đình cùng nhau đi chúc thọ những người trong

họ, một phong tục ngàn đời của người Á-đông ; hay cảnh một chiều mùa gặt, khi người quê đã làm xong việc đồng áng vác liềm hái trở về, miệng vui vẻ hát bản ca thanh bình ; rồi đến hình ảnh của một buổi trưa hè oi ả, những chiếc quạt phe phẩy cố tình xua đuổi cái nóng nhiệt bên ngoài ; hay một sáng sang thu, cảnh trời mát mẻ, những câu hò giọng hát vang vang, rồi đến cảnh mùa mưa nước dâng sấm chớp, cảnh bão lụt tàn phá quê hương, những giọt nước mắt vẫn dài thi nhau tuôn tràn trên đôi gò má hốc hác của những người lâm nạn, v.v... tất cả những hình ảnh đó đều được Anh-Thơ ghi lại đầy đủ bằng những nét linh động.

Để quý vị có một ý niệm rõ rệt, chúng tôi xin trình bày những nét độc đáo của nhà thơ Vương kiều Ân một cách tỉ mỉ hơn.

Như bài *Đêm trăng xuân*, ngay phần đầu Anh-Thơ cho thấy cảnh một đêm mênh mông, huyền ảo, trên cánh đồng im lặng, sương mù rơi khắp đó đây, chị Hằng bủa ánh sáng huyền diệu xuống trần gian bằng một màu vàng óng ả.

*Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,
Ao âm thầm mây tối ngập mênh mang.
Gió im vắng, từ từng không man mác,
Mưa bay trắng nhẹ nhẹ dệt tơ vàng.*

Lỗi tả cảnh khéo léo, không dùng sáo ngữ, chỉ những chữ thông thường, nhưng thật hợp cảnh trí, Anh-Thơ thêm :

*Và nhẹ nhẹ trong tơ trắng phơ phất,
Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn.*

Trong ánh trăng thanh, từng làn gió thoảng qua làm cho những thân tre chao mình theo ngọn gió uốn cong như chiếc đàn (đây là loại đàn bầu, khi gió thổi cây tre nghiêng cong vòng cung như cây đàn bầu).

Và trong khi đó thì :

*Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,
Những hương đào, hương lý dậy miên man.*

Cảnh vật càng đi sâu vào đêm, mọi người đều yên giấc. Trong không khí êm ả của đêm trăng gió thoảng làm cho những loài thảo mộc như hoa đào, hoa lý tỏa một mùi thơm dễ chịu. Ý thơ rất tế nhị, hay ở chỗ tác giả đã làm một cuộc « nhân cách hóa đảo lộn » thật khéo léo, nhưng chữ : *Làng xóm* (người) *say đi trong giấc ngát* mà *Những hương đào hương lý* (vật bất động) *dậy miên man*.

Đó là hình ảnh một đêm xuân, sau đây là một buổi trưa hè dưới mắt Anh-Thơ :

*Nắng đã nực, cây vườn im hơi thở,
Ngõ đầy ruồi vắng bóng bướm ong qua.*

Khác hẳn với cảnh trí của đêm trăng xuân nhẹ nhàng im mát, một buổi trưa hè vào tiết tháng hai, cây vườn đứng im như bất động, trong không khí oi bức ngột ngạt của buổi trưa hè như muốn thiêu đốt mọi người lẫn cảnh vật chung quanh, trừ loài ruồi đang say nắng, ong bướm chẳng buồn qua lại.

Nhưng dù có oi ả, khó chịu thế mấy, một việc quan trọng cần phải làm là :

*Các đình chùa đã bắt đầu dựng rạp,
Những vàng hương, mũ mã chắt như non.
Người từng lũ kéo nhau đi cầu mát.
Mấy đêm ngày chuông trống xập xoèng luôn.*

Một tập tục thôn quê, vào những ngày đầu mùa hạ, dù cho không khí oi bức nặng nề, đã là những người ở thôn quê quanh năm sống nhờ vào mảnh đất, khoảnh ruộng, đều đổ xô đến các đình chùa vái van cầu khẩn cho chóng mưa. Thật là náo nhiệt trong cái sinh hoạt tập thể ấy. Mà họ không lo âu sao được, khi :

*Trong đồng lúa cũng bắt đầu khát nước,
Lũ gái tơ uể oải kéo dây gàu.*

Trong cảnh nóng bức như thế mọi công việc tiến hành quá chậm chạp, đồng ruộng thì « khát nước » mà lũ gái tơ lại uể oải, thậm chí việc lên tiếng chào nhau họ cũng lười biếng :

*Đã hết cả những hội hè đám rước,
Vào việc làm họ chán cả chào nhau.*

Thật là hai hình ảnh khác biệt, một mùa xuân dễ chịu với gió thoảng, mây lành, trắng trong, cảnh đẹp ; ngược lại, hè sang thì bầu không khí trở nên nặng nề, oi bức ; người vật đều uể oải.

Qua hai hình ảnh trên, chúng ta thấy Anh-Thơ tỏ ra xuất sắc trong lối tả cảnh mà lại là những cảnh đối chọi nhau nhưng vẫn luôn luôn bám vào đề tài đã gợi ra.

Cái hay của Anh-Thơ là đã khéo đem những hình ảnh sống thực vào thơ của mình. Mỗi bài hay mỗi câu thơ đều phản ánh trung thực cho ngoại cảnh trong mọi khía cạnh mà tác giả muốn trình bày.

Nhà tiểu thuyết gia lừng danh của Pháp, Guy de Maupassant đã nhận định về nghệ thuật viết văn như sau :

« Làm văn, thi sĩ không phải là khó, mà chính cái khó nhất là phải làm thế nào nói lên được tất cả sự thật những gì mình muốn nói, tránh cho kỳ được những gượng ép giả tạo, không phải nói lên bằng văn mà đủ, trái lại phải nói lên bằng những hình ảnh, chúng ta thừa hiểu những người viết văn, làm thơ hay là những người đã khéo chọn những hình ảnh sống thực, độc đáo để làm hình ảnh đem vào thơ và văn của mình. Chỉ có thế, nếu làm được như thế, chắc chắn người đó sẽ thành công không khó trên địa hạt văn chương. »

Lời nói đó đã được chứng minh một cách cụ thể qua thơ văn của Anh-Thơ và chính Anh-Thơ đã thành công trong thơ văn của mình cũng là thế.

Đây, chúng ta thử đi vào thế giới của Anh-Thơ một cách rộng rãi hơn, ta hãy nghe Anh-Thơ tả lại cảnh nhộn nhịp của một ngày xuân :

Lũ con gái rộn ràng cười, nói nói...
Khoe hàm răng đen nhánh, mắt đa tình.

hay :

Trong vườn đào đã nhiều bông nở đỏ,
Và đã nhiều nêu dựng khánh khoa thi.

Đó là cảnh nhà nhà vui trong ngày giáp Tết, và đây cảnh dọn dẹp sửa sang để đón mừng xuân :

Và rất nhiều ông già ngồi lau quét,
Trước bàn thờ thành kính thắp tuần nhang.
Trong khi ấy tiếng lợn kêu eng éc,
Khắp xóm làng lẫn tiếng chưởi nhau vang.

Thật là xôn xao ! ai ai cũng đều lo trang hoàng nhà cửa để đón chào năm mới, cảnh sinh hoạt thật bất thường. Và nhìn xa hơn nữa :

Trên sông nước trong khoang thuyền chở vôi,
Giữa những người về tết chuyện ba hoa.
Một lũ khách lạnh lùng ôm chần gối,
Mắt mơ màng nhìn tiếng pháo xa xa.

Hình ảnh thật nhẹ nhàng nhưng nổi bật khung cảnh rộn ràng của ngày tết. Từ cảnh trên sông nước những chiếc thuyền chở khách vôi vàng về hưởng ba ngày xuân, họ bông đùa, cười cợt như trút bỏ những lo âu khổ cực sau bao ngày lưu lạc. Chúng ta hãy lưu ý đoạn thơ này : trong cái vôi vàng hối hả, nói cười nhộn nhịp cả lên ở hai câu đầu (*Trên sông nước trong khoang thuyền chở vôi. Giữa những người về tết chuyện ba hoa*), Anh Thơ cho

chen vào một hình ảnh tương phản (*Một lửa khách lạnh lòng ôm khăn gối. Mắt mơ màng nhìn tiếng pháo xa xa*) mà không ngượng ngập, lại còn gợi một niềm băng khuâng là khác.

Thêm một khung cảnh đặc biệt về Tết trong một đêm giao thừa trang nghiêm, đầy vẻ trọng đại :

*Trời tối quá, bên ngoài trời tối quá,
Những cây nêu tiếng khánh khẽ khua thầm.
Những cung vôi trong sân như mờ xóa
Những giấy điều trước cửa dán đen thâm.*

« *Trời tối quá, bên ngoài trời tối quá* », những điệp tự được lặp lại cho chúng ta thấy cái đêm cuối năm tối một cách khác thường ; nêu đã được dựng lên, tiếng khánh khẽ khua theo nhịp gió đông đưa. Những cung vôi, những giấy điều dán làm phép lành trong dịp Tết, chỉ có bốn câu, Anh-Thơ đã khéo léo trình bày một tập tục ngày xưa, đầy đủ nêu cao, khánh đồng, cung vôi, tên cỏ tượng trưng cho sự tiến thân trên đường công danh, theo đúng câu tang bồng hồ thủy. Và đây, cảnh nôn nao của mọi người từ trước giờ giao thừa :

*Quanh bếp ấm nôi bánh chưng sùng sục,
Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn.
Đĩ nhón mơ chiếc váy sồi đen rút,
Bà lão năm tính tuổi sắp thêm năm.*

trong khi đó :

*Bỗng tiếng pháo đẹt ùng xa nổ báo,
Ngoài đình trung làng đã tế giao thừa.
Cả nhà vội giật mình không ai bảo,
Cùng đứng lên thăm bánh chín hay chưa.*

Đọc hết những đoạn thơ trên, chúng ta thấy Anh-Thơ có con mắt quan sát khác thường. Với những câu :

*Những cây nêu tiếng khánh khẽ khua thầm,
Những cung vôi trong sân mờ xóa.
Những giấy điều trước cửa dán đen thâm.*

và những chữ : *Nồi bánh chưng sùng sục ; Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn ; Bà lão năm tính tuổi sắp thêm năm ; Bỗng tiếng pháo đẹt đùng v.v...* là những chữ nổi bật nhất trong bài thi, Anh-Thơ đã có cái nhìn thấu đáo, tinh vi khiến người đọc cảm thấy sự vật đang diễn biến trước mắt và đập mạnh vào tiềm thức.

Như chúng ta thừa hiểu người dân nông thôn có cái lo âu thường xuyên là thiên tai tàn phá, những cảnh lụt lội, đông bão, hạn hán. Ở đây Anh-Thơ trình bày một hình ảnh của một mùa đại hạn qua bài thơ :

*Nắng, nắng, suốt trời vàng giải nắng,
Gió theo mây không biết trốn phương nào.
Vườn chuối rũ héo dần trong im lặng,
Những rau bèo chết cạn ở trong ao.*

Với bốn câu mở đề, cảnh « *vườn chuối rũ héo dần trong im lặng* », « *những rau bèo chết cạn ở trong ao* » cho ta hình ảnh cái nắng nung người, khiến ta có cảm tưởng như mình đang sống trong một lò lửa.

Phần thứ hai, Anh-Thơ thêm :

*Ngoài đồng ruộng lúa vàng khô cháy xác,
Nắng chang chang không một bóng râm chừa.
Chó điên dại chạy rong tìm chỗ mát,
Trâu buồn rầu nằm đợi vũng tràn mưa.*

Trình bày một cảnh nắng cháy xác lúa, chó điên rong chạy, cho đến « *trâu buồn rầu nằm đợi vũng tràn mưa* », đã cho ta sự liên tưởng đến cái hậu quả tai hại của ngày đại hạn.

Và đây cảnh của một vụ lụt :

*Đê đã vỡ một đêm mưa tầm tã.
Nước băng xô ồ ạt chảy trôi đồng.
Làng xóm lụt chìm đi trong mái rạ,
Bao cây vườn mất tích giữa mênh mông.*

hay :

*Nhưng dưới nước lững lờ theo tiếng quạ,
Bao thây người vợ vẫn giữa dòng sông.*

Một thảm cảnh đau thương ! Nạn lụt tàn phá, nhà cửa bị chôn vùi trong lòng nước đổ, những người xấu số bị nước cuốn trôi. Sau khi nạn lụt qua, cảnh vật thật tiêu điều xơ xác, thi hài kẻ bạc mạng còn phơi bày khắp đó đây, những đàn quạ bay luôn trên không để tìm thịt rĩa. Thật không còn gì đau xót cho bằng ! Dưới ngòi bút của Anh-Thơ, cảnh vật được thể hiện tuần tự và đầy đủ. Nét nhìn tinh tường đó đã khiến cho ta thầm phục mắt quan sát của Anh-Thơ.

Xuyên qua tập thơ *Bức tranh quê*, không ai phủ nhận sự nhận xét tinh tế của Anh-Thơ ; nhưng có nhiều người chê Anh-Thơ làm thơ như ta chụp ảnh, những bức ảnh khô khan.

Về điểm này, trong *Kỷ niệm văn thi sĩ hiện đại* quyển 1 của Bàn bá Lân có ghi : « *Vâng, thì chụp ảnh, nhưng chụp ảnh mà được những tác phẩm như trên đây thì tưởng trong văn chương Việt-nam cũng nên – hơn nữa – cũng cần có những nhà thơ chụp ảnh như vậy.* »

Bàn quân thêm : « *Với những người ấy, tôi xin đứng trên cương vị của một nhiếp ảnh gia có một đôi chút kinh nghiệm mà thưa rằng : Chụp ảnh không phải chỉ làm một việc có tính cách máy móc. Phải là một nghệ sĩ thực tài mới khám phá được những cái hỗn độn tầm thường của sự vật, những dáng hình khêu gợi và truyền cảm. Khám phá được rồi, lại phải lẹ mắt lanh tay mới có thể ghi kịp, nếu là một cảnh hoạt động. Và lại phải có kỹ thuật và nghệ thuật vững chắc già giặn mới có thể, trong chớp mắt, vừa*

bố cục vừa điều khiển ánh sáng để làm cho ảnh linh động có tinh thần. Ấy là chỉ mới nói có việc thu hình, phải làm bao nhiêu công việc phải làm trong buồng tối đòi hỏi – ngoài kỹ thuật vững vàng – một nghệ thuật sâu sắc, một khiếu thẩm mỹ tế nhị mới tạo nên được một tác phẩm mỹ thuật khả dĩ làm đẹp mắt và rung cảm được người xem. Trái lại thế, người chụp ảnh chỉ sản xuất được những « tấm hình chết », vụn vặt, không hồn. »

Riêng chúng tôi xin mạn phép góp một ít ý kiến về nhà thơ đất Ninh-giang :

Về thể thơ, Anh-Thơ thường làm theo lối 8 chữ, 3 đoạn, mỗi đoạn 4 câu ; hầu hết mỗi bài đều trong vòng 12 câu, có bài vượt quá số đó, tuy nhiên ta có thể đếm trên đầu ngón tay.

Khác với những nhà thơ chỉ hay khóc cho mối tình tan vỡ, cảnh biệt ly hoặc ca ngợi tình yêu nồng cháy v.v... Anh-Thơ chỉ nhằm một chủ đề chính là đồng quê và phong tục. Đọc Anh-Thơ, người thành thị sẽ có ý niệm rõ rệt về nếp sinh hoạt sau những lũy tre và cảm thấy thích thú về sự tăng bổ hiểu biết của mình, nó tương tự mỗi khoái cảm của những trẻ con ở trong thành phố kỹ nghệ quanh năm chỉ thấy ống khói và khói mù, hân hạnh khi được người ta trình trọng tổ chức cho chúng lần đầu tiên gặp mặt... một con bò bằng xương bằng thịt vậy.

Những vần thơ của Anh-Thơ là những bức tranh tả chân trong sáng, rõ rệt và linh động như cảnh thật ; nó không phải là những bức « ảnh chụp » mà là một chuỗi hình ảnh linh động như một cuộn phim về hoạt cảnh được quay liên tục trước mắt ta. Mà đạt đến trình độ này đâu phải bất cứ ai cũng làm được.

Có điều, tác giả *Bức tranh quê* đã dệt những vần thơ đơn sơ, tuy gói ghém được cả nếp sống của dân tộc nhưng vì quá tôn trọng tinh thần cảnh vật cũng như hoạt cảnh mà không hòa hợp sự rung động phải có của một thi nhân, nên đọc Anh-Thơ chúng ta « thấy » nhiều hơn là « cảm ».

Điểm nữa, Anh-Thơ ít khi dùng đến nội tâm. Khảo sát suốt mấy chục bài thơ, chúng tôi chỉ bắt gặp được có một chữ « Ta » (một đối tượng có khả năng rung động trước cảnh), nhưng rất tiếc cái « Ta » của Anh-Thơ lại rung động vì một cái trù tượng : « *Ta nhớ Nàng Thơ xưa yêu mến.* »

Giả sử Anh-Thơ chịu gởi hồn thơ, hay nói đúng hơn, cái cảm xúc vào tiếng thơ của mình, có lẽ Anh-Thơ sẽ tạo được hơn những gì hiện có.

Cũng cùng một khuynh hướng thi ca đồng quê, nhưng chúng tôi lại thích thú được rung cảm theo tiếng thơ của Bàng bá Lân hơn.

Xin trích dẫn hai bài thơ của hai tác giả đồng quê cùng đứng trước một cảnh như nhau, mặc dù đề tài của Anh-Thơ dễ gợi cảm hơn :

Vườn xưa

(của Anh-Thơ)

Kính tặng hương hồn Bác tôi
Đây một giàn lan che bóng lan,
Dăm thân tùng trúc đứng nghiêm hàng.
Vài hòn non bộ, nhiều đêm vắng.
Biển cạn đầy trăng, cá đớp vàng.

Và khi vườn chủ tóc như sương
Gậy trúc lang thang dạo khắp vườn.
Là lúc hồn thơ say ý rượu,
Tìm hồn hoa lạc dưới trăng sông.

Rồi cả vườn cây nghe tiếng ngâm,
Nâng cao hồn mộng quện hương trầm.
Sau khi gót hạc dừng hiên nguyệt,
Chén rượu hòa trăng rót mãi vần.

Nhưng nay lạnh lẽo bóng trăng sang,

Lan héo lòng hoa, trúc võ vàng.
Cá chẳng đùa trăng, trong biển cạn
Vài hòn non bộ đứng cư tang.

Vì chường vườn chủ tóc như sương,
Gậy trúc chiều qua đã dặt đường
Thơ rượu say về tiên giới ấy,
Vườn xưa để lạnh bóng trăng sông !
(Xưa)

Trở lại đồng quê

(của Bàng bá Lân)

Hôm nay về trại gió hiu hiu,
Nhìn lớp mây qua nhuộm máu chiều,
Nhớ lại lược xưa màu đỏ thắm
Cài trong tóc lụa xõa liu diu.

Nhớ lại năm xưa còn ở quê,
Chiều bên đường cỏ đợi trâu về :
Em nhìn chim vút lên trời thắm
Anh lắng điệu than trong tiếng tre.

Năm năm vội vã thoáng đi nhanh,
Em chẳng quên quê luyện thị thành.
Lược đỏ không cài trên búi tóc,
Cỏ đường chẳng vướng gót chân xinh.

Em biếng về quê, cây nhớ nhung,
Lúa đồng rướn ngọn đứng như mong
Đất đường luyện tiếc bàn chân ngọc,
Cỏ rạc ven bờ mãi ngóng trông,
Lòng rồi như là cỏ rồi bong,

Tương tư ! Trại vắng rộng hơn đồng.

Em ơi ! Vui thú phần hoa mãi,

Có biết đồng quê đang nhớ mong ?

(Tiếng võng đưa)

Có phải các bạn cảm thấy một tình cảm lâng lâng không ?

Bàng bá Lân hơn Anh-Thơ là ở đó.

Chúng tôi không có ý so sánh để phân đẳng cấp mà để trình bày các bạn thấy sự đòi hỏi một tình cảm cần thiết trong thơ.

Và đây, chúng tôi xin nêu thêm một thí dụ để chứng minh cho lập luận trên trong một bài thơ dịch mà chúng tôi mang máng nhớ tựa đề :

Viếng nhà tổ phụ

Mấy năm chẵn nợ trần đeo đuổi

Nơi xứ người tạm gởi tấm thân.

Về thăm tổ quán một lần,

Đoái xem quê cũ tấm lòng xót xa.

Dạng xa xa thấy nhà tổ phụ

Dưới chòm cây bao phủ chung quanh,

Cây sao cây lại rũ nhành

Hay là sầu chủ, lòng thành của người.

Bước một bước càng khơi tắc dạ ;

Nẻo vô nhà đầy lá héo khô,

Xưa kia xe ngựa ra vô,

Dập dìu những khách rượu Tô thi thần.

Nay dấu ngựa về rong đã đóng,

Khách thi thần đâu vắng ai ơi !

Trớ trêu chi lắm, bớ trời !

Đổi xoay, xoay đổi khiến người châu sa

Kìa trước mắt vườn hoa chốn cũ,
Mấy nhành hường lá ú, bông khô.
Hường ơi, có biết có ngờ,
Có hay tiểu chủ bây giờ về thăm.
Bước vô cửa, nhà sao lạnh ngắt,
Nhìn vật xưa như cắt tấm lòng.
Tư bề lưới nhện bủa giăng,
Lòng ta bi thảm vui chằng, bớ trời !
Lau giọt lệ, vào nơi viển khách,
Thơ xưa đề trên vách ở mô ?
Đây là chỗ ngủ năm xưa.
Này nơi mẹ thác, chỗ đưa em nằm.
Chân rảo bước ra thăm phần mộ,
Thấy xanh vàng ngọn cỏ phất phơ.
Mẹ ơi ! Chín tuổi có ngờ
Con nay khôn lớn dật dờ về thăm.
Nghe tiếng đế đờn Nam lãnh lót,
Hay vì ta người khóc đế ời,
Hay vì chích bạn lẻ đôi,
Hay vì lạc ổ, ngụ nơi mộ phần ?
Ôi cảnh thảm ruột trăm chiều rồi !
Nghĩ năm xưa thêm tủi tấm lòng.
Càng xem càng giận Hóa-công
Sanh chi trên thế khiến phần gian nan.
Đang tức tử ngùi than ngậm thở,
Tiếng thu không tỏ mở bên làng
Ngước lên xem thấy bóng trăng,
Khăn lau nước mắt lui chân ra về.

Đọc xong, các bạn có cảm thấy rung động đến một cao độ hơn ?

Chúng tôi cũng biết thật không phải khi nhận xét một nhà thơ này mà lại đem một nhà thơ khác để so đo.

Sự nghiệp thi ca của Anh-Thơ là tập *Bức tranh quê* đã được giải khuyến khích về bộ môn này cùng với tập *Nghẹn ngào* của nhà thơ Tế-Hanh cho ta thấy Anh-Thơ chỉ giữ một địa vị khiêm nhường trên thi đàn Việt-nam thời tiền chiến.

Để giúp quý bạn hiểu rõ thêm trong hoàn cảnh nào đã tạo ra nhà thơ đất Ninh-giang, chúng tôi xin nhường lời cho Hoài Thanh :

« Một hôm tôi nhận được bức thư đến : M. Hoài-Thanh, Professeur, l'Institutur Thuận-hóa. Tôi đã không dám khinh thường người viết thư mà lại còn kính phục thêm nữa. Vì tôi biết người viết thư là một nữ thi sĩ có danh : Anh-Thơ. Đã đành hay thơ Việt không cần phải giỏi tiếng Pháp. Nhưng trong tình thế nước ta bây giờ một người thiếu niên muốn có một nền học vấn vừa vừa mà không cần đến tiếng Pháp quả là một thiên nan vạn nan. Cứ xem văn của Anh Thơ ai cũng bảo là người có học. Thế mà cái lỗi viết rõ ràng và chắc chắn ấy, Anh-Thơ không từng học được tiếng Pháp. Càng kính phục người, ta càng mừng cho nền quốc văn. Quốc văn ta ngày một thêm phong phú và hiện nay đã có thể làm lợi khí đào luyện tinh thần cho một người như Anh-Thơ ».

Như vậy chứng tỏ Anh-Thơ là một thi tài kết tinh bằng một sự cố gắng vượt bậc, một sự trui rèn tinh thực trong loại thi ca đồng quê và phong tục, gợi cho ta ý niệm được nếp sống cổ truyền, những hình ảnh sống động từ ngàn xưa đã và đang diễn biến trên đất nước này.

(Ấn bản kỳ nhì, 8-1968)

THI TUYỂN

Đại hạn

*Nắng, nắng, suốt trời vàng giãi nắng,
Gió theo mây không biết trốn phương nào.
Vườn chuối rủ héo dần trong im lặng,
Những rau bèo chết cạn cả trong ao.
Ngoài đồng ruộng lúa vàng khô cháy xác,
Nắng chang chang không một bóng râm chừa.
Chó điên dại chạy rong tìm chỗ mát,
Trâu buồn rầu nằm đợi vũng tràn mưa.
Rồi chiều đến khi mặt trời lặn đỏ,
Mây phương đoàn tằm rục một bên sông.
Các cô gái đưa nhau thăm ruộng nở,
Cuộn dây gàu chán nản tát đồng không.*

Chiếc nón quai thao

*Tua óng tơ ngà tha thướt gió,
Vành vàng lá lụa nắng tươi xinh
Khuôn hoa e lệ trong khuôn nón,
Say mắt chàng trai liếc gửi tình.
Nhưng dếp cong nghiêm bước thẳng đường,
Đâu ngờ tơ nón gió vương vương.
Chàng về, mắt đắm sâu xa vắng...
- Cả một trời xuân nhạt nắng hường !*

Rằm tháng bảy

*Gió hiu hắt gieo vàng muôn cành lá,
Trời âm u mây xám bóng sương chiều.
Làng xóm ngập nhà nhà trong khói tỏa,
Vẳng đưa lời khóc mả lạnh hiu hiu.*

*Trong chùa, điện hương đèn nghi ngút sáng,
Tiếng mõ, chuông hòa nhịp trống bên đình.
Lời cầu cúng truyền theo làn khói thoảng.
Quyến cô hồn nương gió lại nghe kinh.*

*Ngoài đê rộng bờ dài nghiêng đổ cháo,
Lễ chúng sinh từng bọ một ăn mảy,
Cũng lẳng lẳng như bóng ma buồn nảo,
Dắt nhau tìm nơi cúng để xin may.*

Vào hè

*Nắng đã nức, cây vườn im thở gió,
Ngõ đầy ruồi, vẳng bóng bướm ong qua.
Tiếng cuốc gọi chiều chiều vang bụi cỏ.
Và chiều chiều đom đóm rủ nhau ra.*

*Các đình chùa đã bắt đầu dựng rạp,
Những vàng hương, mũ mã chất như non,
Người từng lũ kéo nhau vào cầu mát,
Mấy đêm ngày chiêm trống chập choeng luôn.*

*Trong đồng lúa cũng bắt đầu khát nước.
Lũ gái tơ uể oải kéo dây gàu.
Đã hết cả những hội hè đám rước,
Vào việc làm. Họ chán cả chào nhau.*

Đêm đông tố

Mưa ồ ạt suốt trời tuôn đổ thác,
Gió gầm gào khắp đất quật cây lên.
Sấm náo động cả trời mây tan tác,
Thoảng ánh lòe tia chớp vụt soi đêm.
Đêm bí mật bỗng bừng trong sợ hãi,
Những tà ma luống cuống chạy quanh đồng.
Sét thịnh nộ từ trời cao giáng lại,
Và mưa cầm, và gió giật cây rung.
Khắp làng xóm nhà nhà xiêu tốc mái,
Mưa như tên vun vút bắn tung hoành,
Từng hồi ốc rú dài trong sợ hãi,
Trong gió gầm riu rít lũy tre xanh.

Chiều ba mươi tết

Trời lún phún mưa xuân, đường các ngõ
Lấm những bùn và đầy những người đi.
Trong vườn đào đã nhiều bông nở đỏ,
Và đã nhiều nêu dựng khánh khua thi.
Và rất nhiều ông già ngồi lau quét,
Trước bàn thờ thành kính thắp tuần nhang.
Trong khi ấy tiếng lợn kêu eng éc,
Khắp xóm làng lẫn tiếng chửi nhau vang.
Trên sông nước, trong khoang thuyền chở vội,
Giữa bọn người về tết chuyện ba hoa.
Một lũ khách lạnh lùng ôm khăn gói,
Mắt mơ màng theo tiếng pháo xa xa.

Đêm ba mươi tết

Trời tối quá, bên ngoài trời tối quá,
Những cây nêu tiếng khánh khẽ khua thầm.
Những cung vôi trong sân như mờ xóa,
Những giấy điều trước cửa dán đen thâm.
Quanh bếp ấm nồi bánh chưng sùng sục,
Thằng cu con dụi mắt cố chờ ăn.
Đã nhón mớ chiếc váy sồi đen rức,
Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm.
Bỗng tiếng pháo đẹt ùng xa nổ, báo,
Ngoài đình trung làng đã tế giao thừa.
Cả nhà vội giật mình không ai bảo,
Cùng đứng lên thăm bánh chín hay chưa.

Ngày tết

Trước cổng làng chòm nêu vừa thức gió,
Bụi mưa phùn đã đổ xuống sân vôi.
Tràng pháo chuột đua nhau đi đẹt nổ,
Xác giấy hồng bắn cả cánh hoa rơi.
Trong nhà đỏ bàn thờ nghi ngút khói.
Những đàn bà tíu tít chạy bưng mâm.
Lũ con trẻ vui mừng thay áo mới,
Bên ông già hương nển quá chuyên tâm.
Ngoài đường ngô bùn lằm theo nước chảy,
Thằng cu con quần đỏ cười lưng bà.
Các cô gái đội vàng hương ôm váy,
Miệng tươi cười mừng tuổi những người qua.

Bến dò ngày phiên chợ

Trời mới sáng, sông còn yên nước lắng,
Mấy vì sao thưa thớt đứng soi hình.
Tiếng hò ì ò đã vang trên bến lặng,
Trong sương mù chèo động sóng lung linh.
Thuyền ghé bến người người chen chúc xuống,
Tiếng chó kêu, lợn hét nổi vang lừng.
Với tiếng người ồn lên trong luống cuống,
Đặt gánh gồng bồ bịch đổ lung tung.
Và cứ thế, ò ò đầy rời khỏi bến,
Bác lái thuyền điềm tĩnh ngắm sương tan.
Sốt ruột nhất những người đi lỡ chuyến,
Đứng xếp hàng ngong ngóng đợi ò sang.

Chợ mùa hè

Trời lóa nắng, chợ vào đầy những nắng,
Đầy những người chen chúc họp... mờ hôi.
Các mẹt bún bày ruồi không hờ trắng,
Các sàng dưa bán nặng kín xanh tươi,
Đây, góc quán bà già ngồi rũ nóng,
Kìa cửa lều ông lão quạt khăn tay.
Chó le lưỡi ngồi thờ nhìn củi đóng,
Lợn trối nằm hồng hộc thở căng dây.
Trong khi ấy tiếng reo hò nhộn nhác,
Những hàng chè, hàng nước chạy va nhau.
Nhưng đắt nhất có chị hàng bán quạt.
Ngồi trước đình, không kịp đếm tiền râu.

Chiếc cáng thơ

(Kính tặng Bà Huyện Thanh-Quan)

Núi chập chùng cao nước uốn quanh,
Bãi dâu ngăn ngắt giải màu xanh.
Nhìn xa non nước chiều thu vắng,
Một mảnh tình riêng với một mình.

Ta nhớ Nàng Thơ xưa mến yêu,
Chiều xuân đứng đỉnh cánh yêu kiều.
Trao hồn man mác tình non nước,
Những vần thơ vàng phơi phới gieo.

Nào buổi Đèo Ngang bóng xế tà ;
Hoàng hôn theo mỗi cánh chim xa.
Thăng-Long dừng bước trông hoài cổ,
Trần-Võ trầm bay trước Phật tòa,

Non nước giờ đây dậy ý thơ,
Mà người non nước gió sương mờ.
Ta nhìn xa vắng còn như thấy.
Đứng đỉnh nàng đi chiếc cánh thơ.

Đêm trăng xuân

Đồng lặng lẽ sương mù buông bát ngát,
Ao âm thầm mây tối ngập mênh mang.
Gió im vắng, tự từng không man mác,
Mưa bay trắng nhẹ nhẹ dệt tơ vàng.
Và nhẹ nhẹ trong tơ trăng phơ phất,
Khóm tre xanh lướt gió uốn cung đàn,
Làng xóm lặng say đi trong giấc ngát,
Những hương đào hương lý dậy miên man.
Ngoài sông nước, thuyền im về đỗ ngủ,

Mưa mênh mông, trắng xuống, gió tươi bồi,
Bến bỗng nổi một dịp cười như rú
Sông rùng mình, nước rợn bóng ma bơi.

Buổi gặt chiều

Mặt trời lặn, mây còn tươi ráng đỏ,
Cò từng đàn bay trắng cánh đồng xa.
Tiếng diều sáo véo von cùng tiếng gió,
Hòa nhịp nhàn giọng ả hái dâu ca.
Trong đồng lúa tươi vàng bông rủ chín,
Những trai tơ từng bọn gặt vui cười.
Cùng trong lúc ông già che nón kín
Ngồi đầu bờ hút thuốc thổi từng hơi.
Trên đê trắng, chòm đầu phơ phất gió,
Lũ cu con mê mãi chạy theo diều.
Bỏ mặc cả trâu bò nằm vệ cỏ,
Mắt mơ màng trong gợn gió hiu hiu.
(Bức tranh quê)

Chiều xuân

Mưa đổ bụi êm đềm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi.
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng,
Bên chòm xoan hoa tím rụng tươi bồi.
Ngoài đường đê cỏ non xanh biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ.
Mấy cánh bướm rập rờn bay trước gió,
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra.
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm,
Cúi cuộc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.
(Bức tranh quê)

Bến dò ngày xưa

Tre rũ rượi ven bờ chen ướt át,
Chuối bơ phờ đầu bến đứng dầm mưa.
Và dầm mưa dòng sông trôi dào dạt,
Mặc con thuyền cắm lái đứng trơ vơ.
Trên bến vắng dăm mình trong lạnh lẽo ?
Vài quán hàng không khách đứng xo ro.
Một bác lái ghé buồm vào hút điếu,
Mặc bà hàng xù xụ sặc hơi, ho.
Ngoài đường lội họa hoãn người đến chợ,
Thúng đội đầu như đội cả trời mưa.
Và họa hoãn một con thuyền ghé chờ,
Rồi âm thầm bến lại lặng trong mưa.
(Bức tranh quê)

Sáng hè

Gió man mát bờ tre rung tiếng sẻ,
Trời hồng hồng đáy nước lửng son mây ;
Làn khói xám từ nóc nhà lặng lẽ
Vươn mình lên như tỉnh giấc mơ say.
Người dậy cả, bà già lần thối bếp,
Thằng cu con dụi mắt quét quàng sân,

*Cùng trong lúc gà lồng kêu chiếp chiếp,
Và lợn chuồng ỉ ỉ giục cho ăn.*

*Trong ao nước bèo chen rau muống nổi ?
Mẹ rồi con xắn váy chống mông, và
Người vớt bèo, người khều rau hái vội,
Vì trên đường lên chợ đã người qua.
(Ngày nay, số 219, 3-8-1940)*

Trưa hè

*Trời trong biếc không gian mây gợn trắng,
Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa ;
Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng,
Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.*

*Trong thôn xóm tiếng gà thưa thốt gáy,
Các bà già nằm võng hát, thiu thiu.
Những dĩ con ngồi buồn lê bắt chấy,
Bên đàn ruồi rạc nắng hết hơi kêu.*

*Ngoài đồng lúa, vừa ngang tay tát nước,
Bọn đàn ông lên quán quạt luân hồi,
Cùng trong lúc trên đường vòng phía trước,
Những đàn bà về chợ tắm mồ hôi
(Ngày nay, số 219, 3-8-1940)*

Xuân quê

*Lúa mướt đồng xanh nổi trắng cò,
Đưa dài sông lụa dệt mưa tơ
Làng xa trong lũy làng biêng biếc
Nên lắng xuân về khánh lừng lơ.*

Trời ửng hoa đào, đất sáng mai,
Vàng trong hoa cải bướm bay dài
Vườn bên dây táo xôn xao nắng
Thấy thoáng bay hồng giải yếm ai.
Pháo rúng còn vương ngô hững hờ,
Bên rào loáng thoáng khói bay mơ
Có người qua xóm nhìn ngon mắt,
Xuân chín trên cành cam lắng lơ.
(Hương xuân, 1943)

Đêm ba mươi tết gửi Ai Mai

Đêm ba mươi tết một năm xưa,
Để mặc mình mẹ dọn án thờ
Chị rửa em ra gương thử áo,
Cùng cười sung sướng với ngậy thơ.
Khi thầy mẹ kêu : rõ gái lười,
Chỉ chăm trang điểm để đi chơi.
Nhưng mẹ vẫn phải nhìn âu yếm,
Con gái mẹ cùng lớn cả đôi.
Đêm nay cũng lại đêm ba mươi
Chị đã cùng em lặng ngậm ngùi
Dọn án thờ mẹ và chỉ nhớ
Đôi đầu khăn trắng thắt ngang thôi !
Đêm ba mươi tết một năm xưa,
Chị đã cùng em dọn án thờ
Chị đã cùng em ngồi khóc mẹ,
Khóc ngày êm ấm buổi ngậy thơ,
Đêm nay cũng lại đêm ba mươi,

*Trước án thờ me chị ngậm ngùi,
Hương khói một mình, em sớm đã
Theo chồng xum họp chốn xa xôi !
(Hương xuân, 1943)*

Nàng tiên

*Đó là một hình dung trang kiều diễm
Của trần gian mơ tưởng tự ngàn xưa.
Khi bình minh sương trấu cánh hoa tơ
Nghìn sông suối tràn tuôn dòng ánh sáng.
Khói đã cuốn những mảnh hồn lơ lửng
Gió đem về tất cả áng hương xa.
Khi hoàng hôn sương lấp loáng dương tà.
Trăng lệ bóng bên màn tơ liễu biếc
Lá úa rụng đầy quăng đường nhớ tiếc
Với lòng hồ tràn ngập ý băng khuâng.
Họ đợi nàng đem tiếng trúc cao nâng
Những cảm giác nhiệm màu lên phôi phối.
Tiếng trúc ấy khi lừng lơ bên sườn núi
Nương gió chiều xa lướt những thanh âm.
Khi chơi vơi trên những áng mây vờn
Và trầm lắng trong tâm hồn thương nhớ.
Nhưng gặp nàng riêng có người nghèo khổ
Những tiêu phu mục tử chốn hoang vu
Những đêm buồn theo rồi ánh trăng lơ
Cùng chán nản trở về lều trống trải ;
Họ thường được nghe những lời từ ái
Của lòng thương tha thiết tặng cơ hàn*

Mà người đời đem kể trong văn chương
Như những chuyện tình duyên trong diễm tưởng.
Tuy họ biết trong khoảng trời vô lượng
Với muôn nghìn thanh sắc quyến mê say.
Tâm tình nàng man mác như gió mây
Vượt qua hết muôn cõi lòng rộng rãi.
(Hương xuân, 1943)

Sớm hè

Chuông dậy reo vang gác giáo đường,
Rặng đèn ngơ ngác tắt trong sương
Vài ba xe sớm qua như gió
Đường rạng dần lên mỗi quãng đường.

Nhà mở dần ra các cửa then,
Hàng hàng tủ kính nhạt tia đèn.
Những nàng con gái chưa son phấn,
Uể oải ra ngồi giữa lũ em.

Chim chóc bay truyền sau phố vắng,
Chòm cây lấp lánh nắng pha sương.
Từng anh, tù trọc đầu soi nắng,
Nhát chối dài theo dọc vệ đường.

(Trích trong tập *Thị thành*)

Trong lúc đường lên bao rộn rã,
Sen hồng từng gánh mát hương tươi.
Có cô trò nhỏ đi thông thả,
Nhớ một ao quê ngập nắng trời.

Nắng

Phố rãi trang trang nhựa chảy đường,
Từng làn bụi trắng tỏa như sương.
Ngựa xe rộn rịp vào chen nắng,
Tủ kính hàng ai chói bóng gương.

Ve núp cành xanh ngốt tiếng kêu
Liều xa không chút gió buông chiều
Chòm xoan ngùn ngụt rời hoa lửa,
Khấp mái nhà cao nắng lợp điều.

Hồ thăm trời xanh nước loáng gương
Mây xa, dây thép đứng chằng đường
Êm êm phố vắng cây đan lưới,
Nắng lọt cành thưa nháy nhót tường.

Ga vắng mênh mông chẳng bóng người
Chân trời vương chút khói xa xôi
Từng con đường sắt dài trong nắng
Mơ một toa tàu chở gió khơi.

(Hương xuân, 1943)

Nhớ dài

Tàu đi trong bóng hoàng hôn,
Đường dài sương tối, khói đồn mây đen,
Gió bay sầm sập máy rền,
Hoa than phấp phới, hoa đèn ai trông ?
Này đây cầu lạnh lòng sông,
Này đây quán vắng giữa đồng mênh mang...
Trông không dãy chợ bên đàng,
Âm u vài lũy tre làng xa xa...
Dặm dài... ga lại rồi ga,

Ánh đèn điện trắng, hay là bình minh ?

Nhớ ai ai có nhớ mình ?

Trăng cao một mảnh chung tình đưa nhau.

Một đêm trên tàu Nam

(Tuần báo Thanh niên, số 26, ngày 26-2-1944)

NGUYỄN GIANG

CHÚNG tôi không có tài liệu nào chứng minh ngày sinh của Nguyễn Giang, chỉ biết ông sinh vào khoảng trên dưới năm 1910. Ông là con của nhà văn hào Nguyễn văn Vĩnh, từng du học bên Pháp. Khi về nước ông chủ trương Âu tây tư tưởng và Đông Dương tạp chí. Ông có biệt tài về họa và thơ.

Tác phẩm xuất bản được kể như sau :

Trời xanh thăm (thơ, Nguyễn-Dương, Hà-nội, 1935).

Danh văn Âu Mỹ (tức Âu tây tư tưởng) là quyển sách dịch thơ Tây.

Ông còn dịch nhiều vở kịch Anh, Pháp ra Việt-văn như sau :

Giấc mộng hè, 1937 (Le songe d'une nuit d'été) ; Mặc-Biệt, 1938 (Macbeth) ; Hâm-Liệt, 1938 (Hamlet). Ba tác phẩm này của văn hào Anh William Shakespeare.

- Andromaque, 1939 của Racine (Pháp).

- Hernani, 1939 của Victor Hugo (Pháp).

Tất cả vở kịch trên đều đăng trong Âu tây tư tưởng.

Dịch thơ cũng như kịch, ông không gây được tiếng vang mong muốn. Nó vấp phải cái mà người ta gọi là : Dịch là Diệt. Có điểm khác lạ là ông hay lấy cảnh trí ở trời Tây mà lồng vào những câu thơ cũ.

Trong lời tựa của tập Trời xanh thăm, ông cho chúng ta biết quan niệm của ông về thơ cũng như về họa như sau :

« ...trong một bức tranh, cái Đẹp chẳng phải là ở riêng một vật nào, mà là ở cái cách ta để cái vật này gần cái vật khác để cho cái hình nọ với cái hình kia nó cân đối nhau, thì trong văn Thơ, cái Đẹp cũng chẳng phải là ở

một vật riêng nào, một chữ, một câu nào, mà là ở cái toàn thể cả bài thơ, ở cái cách tình cảnh tương đối và hòa hợp với nhau... »

(Ấn bản kỷ nhĩ, 8-1968)

THI TUYỂN

Con đường nắng

(La route des Baux près St-Rémy de Provence)

Xào xạc đường trưa vắng bóng người

Bốn bề nắng hạ phẳng bằng soi

Lơ thơ dưới núi hàng thông cỗi

Trắng xóa bên trời tảng đá vôi

Một bước ngạt ngào trăm thức cỏ

Trước sau thăm thẳm một màu trời

Dừng chân ngắm cảnh bên bờ đá

Kìa cảnh hoa vàng tường nhớ ai.

(Trời xanh thẳm)

Mẹ

(St-Cirq Lapopie)

Chiều hôm đàn quạ lượn bên sông

Chi chít càng cao tiếng náo nùng

Non biếc rừng thưa thu lạnh lẽo

Sông chiều một dải tối mênh mông

Ngắm chim rộn rã trăm âu yếm

Nhớ mẹ ngày đêm một tấm lòng

Xã hội còn mong khi rạng mặt

Mà con thơ thẩn đứng nhìn trông.

(Trời xanh thẳm)

Xuân

(Vườn Luxembourg, Paris)

*Gió xuân phơ phất thổi trong cành
Lớp lớp bên đường bóng lá xanh
Cây cỏ cười tươi hoa mĩm mĩm
Học sinh qua lại áo phong phanh
Chim non ngoài nắng, bay chí chít
Đàn sáo trong cây văng khúc tình
Bờ suối chờ ai chưa thấy lại
Nhìn cô áo đẹp bước đi nhanh.
(Trời xanh thăm)*

Thu ngâm⁵¹

*Chẳng mấy nổi trời xanh đối xám
Cảnh non sông thê thảm lạnh lùng
Còn đâu ánh nắng từng bừng
Ngày hè ấm áp như chùng đã qua
Cảnh ấy đã xót xa rơi gầy
Tiếng rơi kêu khơi chảy mạch sầu
Rồi đây trắng xóa mạch sầu
Ngày đông cửa đóng trên lầu ngòi sông
Ngồi co đó khóc cùng tâm sự
Nỗi bực mình với nỗi lao sinh
Lòng này như áng bình minh
Trên vùng thái cực rung rinh đỏ nhòe
Mỗi một tiếng cây kia rơi gầy
Nghe âm u sồn gáy rụng rời
Như ai dựng máy chém người
Máy kia đã dựng, sắp mời ta lên
Thành trì nọ dấu bèn cũng đổ*

Sức cây đu đủ sộ đập hoài...
Lặng nghe tiếng đập bên ngoài
Biết rằng ai đóng quan tài cho ai...
Chỉ biết có hôm nay là hết
Cảnh thu đà đánh chết ngày vui !
Tiếng kia ai oán bụi ngùi
Như đưa ngày hạ về trời hôm nay.

II

Yêu em con mắt biếc như mây,
Tiếc rằng tâm sự nhiều đắng cay
Chữ tình êm ái anh không thiết,
Hương hoa son phấn chẳng vui vầy.
Lặng nhìn mặt biển trời tây,
Lòng anh riêng chỉ mê say bóng chiều.
Bóng chiều chói lói cảnh mênh mông
Nhìn trông anh luống ngẩn ngơ lòng.
Quên em, em cũng đừng nên giận,
Vô tình bạc ngãi cũng coi không.
Thương anh một buổi chiều cùng
Như vừng tà nhật đỏ bừng trời tây.
Trời tây óng ả chẳng bao lâu,
Lòng này phút chốc như chôn sâu,
Ngày hè vui vẻ đâu còn nữa
Cho anh trên gối sẽ dựa đầu,
Dựa đầu ngắm một phút sau,
Vàng vàng giải nắng đang mau mau tàn.
(NGUYỄN GIANG, Trời xanh thăm)

Chant d'automne

*Bientôt nous plongerons dans les froides ténèbres ;
Adieu, vive clarté de nos étés trop courts !
J'entends déjà tomber avec des chocs funèbres
Le bois retentissant sur le pavé des cours
Tout l'hier va rentrer dans mon être ; colère
Haine, frissons, horreur, labeur dur et forcé
Et comme le soleil dans son enfer polaire
Mon coeur ne sera plus qu'un bloc rouge et glacé !
J'écoute en frémissant chaque buche qui tombe ;
L'échafaud qu'on bâtit n'a pas d'écho plus sourd.
Mon esprit est pareil à la cour qui succombe
Sous le coups du bélier infatigable et lourd.
Il me semble bercé par ce choc monotone.
Qu'on cloue en grande hâte en cerceuil quelque part...
Pour qui ? – C'était hier l'été ; voici l'automne !
Ce bruit mystérieux sonne comme un départ.*

II

*J'aime de vos longs yeux la lumière verdâtre,
Douce beauté, mais tout aujourd'hui m'est amer
Et rien ni votre amour, ni le boudoir, ni l'âtre
Ne me vaut le soleil rayonnant sur la mer.
Et pourtant, aimez moi, tendre coeur ! Soyer mère.
Même pour un ingrat, même pour un méchant,
Amante ou soeur, soyez la douce éphémère
D'un glorieux automne ou d'un soleil couchant.
Coute tâche ! La tombe attend ; elle est avide !
Ah ! Laissez moi, mon front posé sur vos genoux,
Goute, en regeant l'été blanc et torride*

De l'arrière saison le rayon jaune et doux !
(CHARLE BAUDELAIRE)

PHẠM ĐÌNH TÂN

PHẠM ĐÌNH TÂN sinh năm 1913 tại làng Bảo-long, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định (Bắc-phần).

Ông từng cộng tác với các báo Phụ nữ thời đàm, Thanh nghị, Thanh niên tại Hà nội và báo Phụng sự, Tinh thần tại Sài-gòn.

Hiện nay ông chủ trương Tinh Việt văn đoàn, và làm chủ nhiệm Tuần san Văn đàn.

Năm 1952, ông cho xuất bản tập thơ đầu tay Tiếng thầm. Một thi phẩm dự định xuất bản cách đây 10 năm (1942), có lời tựa của Thế-Lữ, nhưng mãi sau này mới có cơ hội ra mắt bạn đọc,

Nội dung Tiếng thầm được tác giả tự giới thiệu như sau : « Đây chỉ là những tiếng u trầm của người và vật mà tác giả, trong yên lặng, đã ghi được bằng ngòi bút chưa quen trên hai mươi năm nay. Đây cũng những bông hoa đầu mùa của đời văn tự. »

Năm 1960 Tiếng thầm được nhà Văn đàn tái bản cùng in chung với Lời thiêng, toàn tập gồm 46 bài thơ. Riêng tập Lời thiêng hầu hết dành cho thi ca tôn giáo.

Giữa lúc trên khung trời nghệ thuật thi ca ở đất này, ta vẫn thấy sự sáng chói của những ngôi sao Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân-Diệu, Huy-Cận, Nguyễn-Bính, Chế Lan-Viên v.v..., có một tiếng thơ bắt đầu xuất hiện và gia nhập vào đại gia đình thơ mới, người đó là Phạm đình Tân.

Ra đời trước những thần tượng thi ca, tiếng thơ của Phạm đình Tân bỗng nhiên trở thành nhỏ bé ; nhưng không phải vì thế mà ta phủ nhận giá trị của những vần thơ mang một màu sắc khác biệt. Nếu Xuân-Diệu chứa đựng một tình yêu lãng mạn, Huy-Cận mang nỗi buồn mệnh mang, Nguyễn-Bính khóc than duyên phận bể bàng, Chế Lan-Viên chôn chặt một

niềm sâu vong quốc ; tiếng thơ Phạm đình Tân lại mang cung điệu trầm buồn, một thứ buồn mơ màng, mung lung, xa vắng, rung lên như hòa hồn thơ vào vạn vật, rồi vạn vật mới thủ thủ cùng ta.

Đường nét khác biệt này đã tách rời Phạm đình Tân ra ngoài mọi khuynh hướng thi ca lúc bấy giờ. Đại đa số thi nhân réo rắt tiếng thơ của mình qua sự rung động của tâm cơ, hoặc dùng thị giác ghi lại hình sắc như phái thơ đồng quê, tả cảnh, thì tác giả *Tiếng thầm* lại xử dụng mẫn nhuệ thính quan mà thi nhân tự nhận mình đã được « phú bẩm một tâm hồn biết nghe những tiếng thầm lặng ». Đây ta hãy nghe những tiếng động nhẹ qua hồn thi nhân :

*Buồn lay hiu hắt cỏ vàng,
Nghe trong tịch mịch mơ màng hồn lên.
Đất se mộ nứt mặt nền.
Có hơi thở nhẹ dài rên đáy mồ.
Hai cây chụm ngọn nghiêng xô,
Lắc lư thầm truyện âm u ngày tàn.
(Bãi tha ma)*

Tiếng lắng đọng của hạt sương, tiếng gió thì thầm cùng nhau :

*Cây nghe sương lắng bên chiều
Gió thì thầm gọi đìu hiu gió về.
(Chiều)*

đến cái e lệ, thẹn thùng :

*Đêm vắng nghe trăng gọi gió về,
Nghe sâu tư ủ cảnh đồng quê,
Nghe cây bên lữn trao lời nhỏ,
Nghe tối không đi ngủ nặng nề.
(Đêm vắng)*

Đối với nhà thơ họ Phạm, cây, cỏ, hoa, lá đều biết nghe, biết nói, đi xa hơn, biết sầu, thương, buồn, giận. Ta hãy nghe Phạm đình Tân nhân cách hóa những vật vô tri :

*Cây ngàn thầm lặng mơ màng,
Rừng hoang ôm ấp bóng nàng lẻ loi.
Suối than thở dưới chân đồi,
Mây buồn ngơ ngẩn bên trời say mê.*
(Đá vọng phu)

Gió kênh cống mọt, hồn xưa lách về.
(Thành xưa)

*Nắng yếu nằm dài giữa lối đi,
Bóng cây mệt mỏi ngả sườn đồi.*
(Yên lặng)

*Hồn mê mãi vội lẫn vào tận suối,
Uống say sưa nguồn trắng ẩn rừng sâu.*
(Tỏ thông)

*Đón lửa trời, cây đa già kiêu hãnh,
Vườn càn khôn nặng trĩu những thời gian.*
(Mơ trâu)

*Tiếng động nơi đâu, tận phía xa,
Chân mơ siết cuội dưới dàn hoa.
Ghế trống, nhìn nhau lặng lẽ buồn
Tủ bàn trò chuyện lời yên lặng,
Một gãi nâng cao giọng mĩ mai !*
(Buồn nản)

Quý bạn vừa lược qua hình ảnh và tiếng động do thị giác và thính giác thu nhận được. Dưới đây, chúng tôi xin mời quý bạn đi vào tâm tình của người thơ Phạm đình Tân.

Xét về khía cạnh ái tình, chúng tôi nhận thấy cái tình của thi nhân quá rụt rè, nhút nhát, đôi khi còn coi như đã phạm phải tội lỗi trước những cuộc tiếp xúc với phái yếu. Tiếng thơ tình tuy giữ phần khiêm nhượng trong địa hạt này, nhưng cũng tỏ ra chiều lưu luyến lắm. Đây, chúng ta hãy hình dung con người thơ nhỏ nhẹ, e lệ đến trình bày tấm tình si của mình một cách bóng bẩy, xa vời :

*Tôi tới dăng người mấy ý thơ,
Nhưng nhiều hồn, trí với tâm tư,
Thân tuy riêng sống trong yên lặng,
Lòng gửi mệnh mang những bến bờ...*

Định « sống riêng trong yên lặng » nhưng không xong ; lòng thi nhân bỗng dưng thấy vương vấn một thứ gì đây, hồn thể cảm giác như bị bắt rồi tha, bị dôi dập trên mặt sóng nghe chừng êm êm như nhung lụa, thoang thoảng hương vị ngây ngất nhẹ nhàng của hoa xuân. Đến khi biết ra thì đã lọt vào lưới tình :

*Những chút gì đây quẩn quít mình,
Êm êm ràng buộc cả không xanh.
Bao dây thân ái thiêng liêng quá
Vây kẻ ra đi vạn lưới tình !*

Bắt đầu cất chân trên muôn dặm đường tình, thế mà thi nhân vẫn còn nghĩ chừng đến sự giữ gìn « sữa thơm trinh » :

*Từ buổi đầu tiên kết xác, hình,
Bình lòng chứa đựng sữa thơm trinh.*

nhưng :

*Đã nghe rung động trong dòng máu,
Hai mạch nguồn yêu nở đáng sinh.*

Con người trai biết đâu sự dậy tình là biến thái tất nhiên của mọi sinh vật trong định luật sinh lý để bảo tồn. Con đường dẫn đến mục tiêu tình ái tưởng đâu sẽ vắng vẻ, lẻ loi, nào ngờ đến khi hợp mặt mới hay mình là một kẻ trẻ tràn và « lạc hậu » :

*Đã tưởng liên miên có thể thôi,
Nào ngờ chợ hợp quá đông người.
Hồn trao mắt đổi bao tình tứ,
Tay vẫy theo nhau gửi ý mời...*

Sự giao tình đã đi đến hôn nhân. Nhưng, như đã nói, thi nhân mang sẵn tâm tính e dè, sợ sệt, coi ái tình là điều gì phạm lỗi đáng tiếc. Sau cái đêm đầu tiên đắm mình trong hạnh phúc ái ân ; sáng ra cảm thấy tâm hồn mình đã bình tĩnh trở lại ; hồi tưởng việc qua, thi nhân thoáng đượm vẻ buồn. Đây, ta hãy nghe « phút buồn thương » của Phạm đình Tân :

*Sương mai treo ngọc trên mầm mới,
Vườn thoảng đầu hương mở cửa lòng.
Sáng nay tình khiết quá. Hồn tôi
Thêm thẹn tình riêng những ngậm ngùi ;
Ân ái tân hôn vừa thoáng đượm,
Tủi buồn đã lắng đọng trên môi !*

Người trai đã nghĩ gì mà « tủi buồn » đến thế ? Chỉ người nội cuộc mới giải nổi. Vậy thì cứ thổ lộ đi ! e thẹn nỗi gì :

*Say đắm đêm qua lúc vội vàng,
Tôi không nường nhẹ phút mênh mang
Của bao mong mỏi. Bên nhan sắc,
Mộng đẹp hoen trên gối trẻ tràn.*

Người buồn tủi và hối tiếc vì đã « hủy hoại » một tuyệt tác của Hóa-công :

Một áng công trình của Hóa-công

*Một niềm cao quý chốn thanh trong ;
Chút gì màu nhiệm thiêng liêng quá,
Tôi đã xô tan với dục lòng.*

Ở giai đoạn sau, tiếng thơ Phạm đình Tân thiên nặng về màu sắc tôn giáo. *Lời thiêng* là tập thơ dành gần trọn vẹn cho địa hạt này. Đây ta hãy nghe thi nhân bắt đầu lợm giọng thú xác thịt của trần gian sau một thời lác lối đang hướng vọng đấng Cao Cả :

*Nước mắt bỗng trào ra trên chiếu rượu,
Lòng trên trơ run rẩy giữa cười ca,
Gió lạnh thổi giục tâm tư bừng dậy,
Chút tơ tình chưa ám khói yên hoa.
Ôi xác thịt ! Ôi say mê trơ tráo !
Ôi hương gậy, phấn bạc ; mật giang hồ !
Còn gì nữa ? Trong phút giây ảo não,
Hồn chán chường đầy lợm thú tanh nhơ !*

Đây ta hãy nghe thi nhân trong những lời xưng tội :

*Ôi Mẹ ơi ! Thánh Tâm lân tuất mãi !
Con về đây, lòng rầu rĩ kêu van ;
Mẹ cho con ngược nhìn lên Tình ái
Của Mẹ hiền trào đổ xuống trần gian !
(Trở về)*

*Thế giới ngậm màu tang trong khốn khó,
Xác trần truồng hư thối vệ đường tanh !
Kẻ ngơ ngác, từng đàn lê gót gió
Những vong hồn lưu lạc buổi sơ sinh !
Đau đớn quá, Mẹ ơi, đau đớn quá !
Xác hồn con kiệt nhược bởi vì đâu ?
Mẹ thương con, Mẹ thương con, Mẹ nhé !*

Mẹ thương con ấp ủ trái tim sâu !

Bằng một giọng buồn nản, chán chường, thi nhân còn cho ta biết rõ hơn trong bài thơ dưới đây :

Cầu nguyện I

Lạy Chúa, sương đêm xuống trầu cành,

Xin thương lận đận kẻ điêu linh,

Con : người thi sĩ cô đơn quá,

Đời đã qua xuân vẫn khát tình !

Ân ái trần gian nóng lửa rơm.

Lửa tàn, tro lạnh dậy u buồn !

Miệng chưa phai vị hương yêu dấu,

Mắt đã rưng rưng mộng lệ hờn !

Đời gian giảo lăm, lại tham lam,

Lòng mẩn say sưa giấc mộng phàm.

Thắm, nhạt màu thay ngàn sắc mặt,

Đòi nhiều, cho ít, vẫn chưa cam.

Dâng mãi lòng son, ý nhiệm thơ,

Con theo người bước : vẫn bơ vơ !

Bao lần than thở trong canh vắng ;

- Người vẫn đi qua, chẳng đợi chờ !

Lạy Chúa, xin thương kẻ một mình,

Nửa đời đếm mãi bước điêu linh,

Cho con, thi sĩ trong tay Chúa,

Ca hát đêm nay mỗi Thánh-tình.

Với cái nhìn của đôi mắt chan chứa dung tình của đấng Mẹ hiền, lòng con như bừng nở muôn ánh hào quang. Một khúc nhạc thiên cung rộn rã tấu

lên như tiếp nhận một linh hồn hoang dã bao lâu lạc lõng ở chợ Trần nay bỗng trở về nẻo Đạo.

Con nhìn Mẹ, Mẹ nhìn con : thỏa mãn !

Lòng trần gian họa nhịp ý thiên cung !

Ôi phút giây, ôi phút giây xán lạn !

Ôi phút giây thanh thoát tưởng không cùng !

Để kết luận, đứng trước phong trào thơ mới, Phạm đình Tân không rung lên được những dây lãng mạn trữ tình, lại tỏ ra rụt rè, e lệ, nên tiếng thơ không chiếm được cảm tình nồng nhiệt của tuổi trẻ ; thi nhân chỉ khiêm nhượng tiếp nhận những tâm hồn trầm lặng, thích cô tịch để lắng nghe tiếng thì thầm của vạn vật. Vả lại, tiếng thơ của Phạm đình Tân hay vương phải cái lập dị dùng những chữ đảo ngược (trên trơ, phạt hình, mọn hèn v.v...) đã là nguyên nhân làm giảm sự rung động liên tục của dòng cảm xúc. Song Phạm đình Tân lại có cái thính giác, thị giác mẫn nhuệ khác thường mà không nhà thơ nào giống. Đó là khía cạnh đặc biệt của làng thơ Việt-nam mà mỗi khi đề cập người ta không thể quên Phạm đình Tân.

(Ấn bản kỳ nhì, 8-1968)

THI TUYỂN

Mẹ và con

Nàng mỗi một thiếp mơ trong hoan hỷ,
Thân thể còn ê ẩm phút giây qua.
Giờ sinh nở nhiệm màu phong giá quý :
- Một hồn non lìa tách tự hồn ta !

Hai tín cần nòng nân chung góp lại,
Hai tình yêu hợp gửi một lòng son.
Bao đăm mê, bao khắc giây ân ái,
Bao tháng ngày xây đắp mộng sinh con.

Tiếng trẻ khóc : lời chung đôi đau đớn
Của chính mình chào ánh sáng đầu tiên.
Trí mơ màng tới hy sinh to lớn :
Nàng ra đời lần nữa, một lần thêm !
Người hộ sinh bước vào vui vẻ hỏi :

- Đâu con nàng trong hai trẻ này đây !
Nàng chưa rõ mặt con không dám nói,
Lòng ân iu theo máu gọi đưa tay...

Một chút thiêng liêng trí, xác mình
Đã rời ra bước cõi điêu linh.
Một dây mỏng mảnh trong trần thế,
Ràng buộc hồn nhau giữa sắc, hình !

Một phút lành thôi

Một phút lành thôi có nghĩa gì ?
Mắt mừng, miệng nở lựa lời đi,

Tay nhanh nhẩu đón, dâng âu yếm,
Hồn giận còn đâu dấu vết chi ?

Một buổi chiều xưa bên mé ao,
Hai người ân ái đón hương đào.
Cùng nhau ca hát trong giây phút,
Rồi rẽ duyên nhau, biết tại sao !

Người ở bên đây, kẻ đứng kia,
Cách nhau không hiểu bởi gì chia.
Nhìn nhau mắt lặng đầy kiêu hãnh,
Lòng muốn chân qua : bước nặng nề.

Tường khó hơn là vượt núi sông,
Bao nhiêu lưỡng lự chất bên lòng,
Bao nhiêu tự ái, bao tơ rối,
Để lỡ đời nhau cuộc tái phùng.

Một phút lành thôi có nghĩa gì ?
Từng ngàn duyên kiếp đã phân ly.
Bao hồn đang dở ôm hiu quạnh,
Lệ chảy canh tàn mộng khóe mi.

Dâng thơ

Tôi tới dâng người mấy ý thơ.
Nhưng nhiều hồn, trí với tâm tư,
Thân tuy riêng sống trong yên lặng,
Lòng gửi mệnh mang những bến bờ...

Những chút gì đây quẩn quít mình,
Êm êm ràng buộc cả không xanh.
Bao dây thân ái thiêng liêng quá
Vây kẻ ra đi vạn lưới tình !

Từ buổi đầu tiên kết xác, hình
Bình lòng chứa đựng sữa thơm trinh,
Đã nghe rung động trong dòng máu,
Hai mạch nguồn yêu nở đáng sinh.

Tôi nổi tương lai với những thời
Xa xăm lụi mãi biết bao thôi.
Một tay cố giữ ngày không đứng,
Tay khác dâng hoa góp chợ đời.

Đã tưởng liên miên có thể thôi.
Nào ngờ chợ họp quá đông người.
Hồn trao mắt đổi bao tình tứ,
Tay vẫy theo nhau gửi ý mời...

Xô đẩy muôn phương giữa sóng dồn,
Tôi thừa, gọi mãi, hướng chiều luôn.
Hôm nay xuân nở trong hương pháo,
Còn có gì đâu để ủ hồn !

Tôi tới dâng người mấy ý thơ,
Và nhiều hồn trí với tâm tư,
Người ơi ! nhận lấy lòng yên lặng
Từng gửi mệnh mang những bến bờ...

Đau đớn

(Kính tặng L.M. Nguyễn Văn Thính)

Đau đớn là đường lên ánh sáng !
Tự thuở nào, Người trụt xuống trần gian,
Tổ tiên xưa, con cháu, cả nhân hoàn,
Vì một tội mà trầm luân muôn kiếp.
Đầu muốn ngừng : xác thịt dè liên tiếp !

Mắt trông lên : mi nặng cúi nhìn chân !
Một chút gì của Chúa liễm vào thân
Hằng nhớ tưởng tuyệt vời nơi Thiên-quốc.
Nhưng than ôi ! tội vẫn hồn kiệt nhược,
(Sức mọn hèn chống đỡ được là bao !)
Nên từ lâu cho tới ngày nào
Cả nhân loại đắm mình trong bóng tối !
Một tội tổ dẫu theo ngàn giống tội,
Một phạt hình u ám cả muôn năm !
Nguồn bùn dơ lan chảy khắp trần phàm,
Ngọn lửa phạt thiêu sâu muôn thế kỷ.
Đã bao năm, đã bao năm rền rĩ,
Tiếng khóc than không ngớt, không ngừng thôi.
Biết bao giờ hồn thảm thoát lò sôi
Ra khỏi chốn tối tăm và yên lặng ?
Đau đớn là đường lên ánh sáng !
Chúa nhân loài thương nhớ một đàn con.
Vì tổ tiên chìm đắm cả linh hồn
Và xác thịt bày mồi cho quỷ dữ.
Khắp đây đó, Chúa trông nhìn vũ trụ,
Đâu oai quyền xứng đáng cứu trần gian ?
Đâu ơn thiêng rẩy tưới đất khô khan ?
Đâu công nghiệp rõ ràng soi bóng tối ?
Trong vực thẳm, ai dám cao tiếng gọi
Đấng nhân lành tha thứ tội ngàn xưa ?
Không, cả trần gian hư thối đen mù,
Hồn dầu dãi không còn... thật không còn đáng kể !
Chúa buồn bã thầm rơi ánh lệ,
Biết vì ai nhẹ giảm tội hình sâu

Cho con đàn con lữu lạc chốn ưu sầu
Được ngẩng mặt trông lên Cha sáng láng ?
Đau đớn là đường lên ánh sáng ?
Cha vì con phải hạ xuống trần gian,
Bỏ ngay vàng cao quý chốn Vinh Quang,
Bỏ rực rỡ triều thiên ngàn ánh lạ,
Bỏ bày tôi trung thành nơi cao cả,
Từ giã trời, cung điện tối uy linh,
Xuống trần gian sống giữa chốn hôi tanh
Để hàn gắn những vết thương đang rộng mở,
Ôi ! lòng nhân từ vô độ !
Ôi ! tình yêu tuyệt đối không cùng !
Tay công bằng thẳng phạt kẻ kiêu căng,
Tay nhân đức vuốt ve hồn tội lỗi,
Từ hôm ấy trong hang lừa u tối,
Chúa bắt đầu nhận lấy chuỗi lao lung
Để người ta được thấy phút vui mừng.
Trên thiên quốc từng bừng hương sáng.
Đau đớn là đường lên ánh sáng !
Chúa hiến mình làm bia bắn đau thương.
Tay nâng niu ôm ấp mỗi sâu trường.
Tim khắc khoải trong muôn nghìn cay đắng.
Cây thập giá trên xác trần đê nặng,
Đường đau thương sỏi đá buốt thịt xương !
Nước bọt dơ quân dữ nhổ chán chường
Trên mặt Thánh máu me nhễ nhại !
Cả mình Thánh ê chề tê tái,
Triều thiên gai : đau đớn mĩa mai sao !
Giờ trông mong sắp tắt mọi ưu sầu,

Chúa kêu khát. Và giãm đưa thay nước.

*- Ta nuốt hết đau thương và tủi cực
Để mở đường hạnh phúc cho trần gian.
Phút sau cùng quân độc dữ hung tàn
Còn cầm máu đâm thêm dấu nữa.*

*- Đây giọt máu cuối cùng của lòng ta chan chứa
Yêu trần gian làm của lễ dâng Trời.*

*Bao đau thương, bao tủi cực, bao tơi bời,
Ta đã nếm. đã uống, và đã chịu.*

*Ô ! Hỡi trần gian tội trữu,
Từ giờ đây đường hạnh phúc thênh thang.
Hãy theo ta, theo dõi bước đau thương
Để tiến tới nơi đầy ánh sáng.*

Đau đớn là đường lên Ánh Sáng !

Chúa muôn loài đã sống lại hôm nay.

Tiếng mừng ca vang dậy khắp đó đây,

Vẻ đắc thắng từng bừng trên các mặt.

Thiên thần hát, nhạc thiêng lừng ánh ngát,

Hoa tung dài, nở nhị vượt muôn hương.

Cả trần gian đứng dậy. Khắp ngàn phương.

Lòng hớn hở reo theo lời cảm tạ.

Chúa bằng lòng, mỉm cười từ giã

Và oai nghiêm trở lại chốn Vinh Quang

Là nơi từ ngàn xưa trong chốn đền vàng.

Chúa ngự trị và nhận lòng cung kính

.....

Đau đớn là đường lên Ánh Sáng

Chúa muôn loài vạn tuế ! Sáng muôn năm !

Trở về

Nước mắt bỗng trào ra trên chiếu rượu,
Lòng trên trơ run rẩy giữa cười ca,
Gió lạnh thổi giục tâm tư bừng dậy,
Chút tơ tình chưa ám khói yên hoa.

Ôi xác thịt ! Ôi say mê trơ tráo !
Ôi hương gầy, phấn bạc ; mật giang hồ !
Còn gì nữa ? Trong phút giây ảo não,
Hồn chán chường đầy lợm thú tanh nhơ !

Bao sắc thắm ánh tươi màu chế diểu,
Cung dịch đàn mai mĩ lệ tình si.

- Hãy can đảm ! Lòng trung còn thảo hiếu
Giật tung màn, sập cửa bước ra đi !

Đây mẹ hiền hằng trông con mong đợi,
Bước chân thơ dại đẩy gót lưu ly,
Đã bao lâu trên tòa cao trơ trọi,
Mắt nhân lành ảm đạm ánh sầu bi !

Ôi Mẹ ơi ! Thánh Tâm lân tuất mãi !
Con về đây, lòng rầu rĩ kêu van :
Mẹ cho con ngược nhìn lên Tình ái
Của Mẹ hiền trào đổ xuống trần gian !

Đau đớn quá, Mẹ ơi, đau đớn quá !
Xác, hồn con kiệt nhược bởi vì đâu ?
Mẹ thương con, Mẹ thương con, Mẹ nhé !
Mẹ thương con ấp ủ trái tim sầu !

Con nhìn Mẹ, Mẹ nhìn con : thỏa mãn !
Lòng trần gian hòa nhịp ý thiên cung !

Ôi phút giây, ôi phút giây xán lạn !
Ôi phút giây thanh thoát tưởng không cùng !

Tìm bình an

Lạy nữ vương muôn đời cao sáng mãi !
Lạy Mẹ hiền ngàn thế kỷ hân hoan !
Cho hồn con đắm chìm trong tình ái,
Giữa lòng Người say hưởng sự bình an !
Thế giới ngậm màu tang trong khốn khó,
Xác trần trường hư thối vệ đường tanh !
Kéo ngơ ngác, từng đàn lê gót gió
Những vong hồn lưu lạc buổi sơ sinh !
Con bước mãi : gối mòn chân rã mỏi.
Cảnh đau thương lần lượt hiện không thôi !
Giọng rên rỉ, tiếng kêu than khát đói
Đuối theo con quẩn quít mãi không rời.
Con lẩn tránh, nhưng nơi đâu tươi đẹp ?
Muốn nghỉ ngơi, nhưng yên lặng chốn nào ?
Lòng buồn nản thầm trông mong tha thiết
Những khắc giờ vắng lịm vẻ xôn xao !
Lạy Nữ vương muôn đời cao sáng mãi !
Lạy Mẹ hiền ngàn thế kỷ hân hoan !
Cho hồn con đắm chìm trong tình ái,
Giữa lòng Người say hưởng sự bình an.

Phút buồn thương

(Tặng Hoan yêu dấu)

Nắng sớm đưa tin đến ngọn hồng,

Nụ cười hé nở ý tươi trong.
Sương mai treo ngọc trên mầm mới,
Vườn thoáng đầu hương mở cửa lòng.
Sáng nay tinh khiết quá hồn tôi,
Thêm thẹn tình riêng những ngậm ngùi :
Ân ái tâm hồn vừa thoáng đượm,
Tuổi buồn đã lắng đọng trên môi !
Say đắm đêm qua lúc vội vàng,
Tôi không nường nhẹ phút mệnh mang
Của bao mong mỏi. Bên nhan sắc
Mộng đẹp hoen trên gối trẽ tràng.
Một áng công trình của hóa công
Một niềm cao quý chốn thanh trong :
Chút gì màu nhiệm thiêng liêng quá
Tôi đã xô tan với dục lòng !
Ánh sáng tràn thơm dưới mái hiên,
Ngậm ngùi tình ghen giữa bình yên,
Hồn nghe ai bước ngừng trong cửa
Mắt đắm yêu đương ngại ngẩng nhìn !

Đá vọng phu

(Kính tặng hương hồn cô tôi : Bà Phạm Thị Năng)

Năng chiều soi đá ra vàng,
Trên non còn một mình nàng trơ vơ.
Ấm con nhìn côi mịt mờ,
Mong chồng biết đến bao giờ mới thôi !
Đợi trông đứng mãi chân trời,
Gió mưa mơn giũa thân người rêu leo.

Ta đi tìm tấm tình yêu,
Tới đây thấu nhận thêm chiều thương đau.
Cây ngàn thăm lặng mơ màng,
Rừng hoang ôm ấp bóng nàng lẻ loi,
Suối than thở dưới chân đồi,
Mây buồn ngơ ngẩn bên trời say mê.
Ta còn cảm động lâm ly,
Lệ châu điểm ngọc trên mi mắt nàng.
Lòng thơ phút chốc mệnh mang,
Hồn thơ thổn thức với hàng lau sậy.
Gió theo chân bước thẩn thờ,
Mắt hoa mờ lệ người xưa lạnh lùng.
- Không, không, giọt nước sương trong
Vô tình đọng cạnh má hồng đỏ thôi.
Lòng mong mỏi đã lâu rồi,
Đến nay mắt đã bao đời đã khô.
Còn đây tiếng gọi mơ hồ
Vẫn vờ với gió chiều thu trên ngàn !

U trầm

Mưa rơi tịch mịch quanh nhà
Đêm nằm lắng tiếng giờ qua lạnh lùng.
Buồn đưa hơi lọt vào song,
Lòng thêm trống trải như phòng vắng im.
Mênh mông nổi dậy nổi niềm,
Người trơ, cảnh đứng trong đêm mịt mờ !
Cảnh không thương cảm trơ vơ,
Hồn người bé đậu bên bờ tối tăm
Hồ sâu ngậm kín âm thầm,

Lòng nường những tiếng u trầm không vang !

Thành xưa

*Trời xanh lạnh lẽo ánh sao,
Đêm nghe bình tịch trôi vào hư vô.
Thành khuya mơ tưởng bóng cờ,
Gió kênh cống mọt, hồn xưa lách về.
Cỏ cao gầy nép bên hè,
Chân mơ rén nhẹ lần đi trong phòng.
Bụi dày phủ mốc, gươm cong,
Tường xiêu, nón tướng dây thòng buông lơ.
Mùi xưa ẩm ướt tắm hơi,
Bây giờ oanh liệt một thời ngủ yên
Đêm nay chuột dậy đi tìm,
Nước rêu trong đá rùa im lặng châu.
Thờ ơ mây cuốn về đâu ?
Nào nùng cú rúc trên lầu gác canh.*

Bãi tha ma

*Chiều thu trời lạnh, mây mờ,
Tha ma bãi vắng trơ vơ đầu làng,
Buồn lay hiu hắt cỏ vàng,
Nghe trong tịch mịch mơ màng hồn lên.
Đất se mộ nứt mặt nền.
Có hơi thở nhẹ dài rên đáy mồ.
Hai cây chụm ngọn nghiêng xô,
Lắc lư thầm truyện âm u ngày tàn.
Bia rêu ngả gió mơn man,
Nhện tơ bé nhỏ chằng màn lượn quanh.*

Phất phơ vương lướt đầu cành,
Những lời than thở phận mình buổi xưa.
Hương khuya rung bóng mơ hồ,
Hồn ai ngời rũ bên gò đọi trông.
Đêm về tối xuống mịt mù,
Tha ma lạng sống nảo nùng trong sương.

Ý đêm

Tường đứng lẳng nghe thời khắc vắng.
Mưa rơi trầm nhịp suốt canh thâu.
Bâng khuâng hồn trống mơ gieo nặng,
Chân trượt đường trơn khách dãi dầu !

Tỏ thông

Rượu tiếp mãi môi mềm chưa nóng mặt,
Thuốc tiêm tràn khói đượm vẫn chưa say.
Chén ngọc bích chè thơm thôi giọng ngát,
Ái ân lòng tìm vắng phút mê say.

Rồ dại quá ! Chim non vừa lìa tổ,
Theo gió vàng vội đuổi ánh hồng thiêng,
Sớm cất bước, chân tơ còn bờ ngõ.
Đã từng bừng chạy rồi cánh chim điên.

Hồn mê mãi vội lặn vào tận suối,
Uống say sưa nguồn trắng ẩn rừng sâu.
Ôi ! Mầu nhiệm còn đâu nơi đăm đuổi ?
- Lòng tỏ thông lòng thế đã từ lâu !

Chiều nay ta rảo qua cầu,
Ngẩn ngơ em lặng trên lầu rồi theo.

*Ta toan dưng tấm tình yêu,
Nhưng lòng trơ trẽn đã nhiều không rung.
Nhìn em, nhìn cảnh, nghe lòng,
Rồi đành lại lẩn vào trong sóng người.*



Notes

[← 1]

Không phải ông Tân-Việt báo Phong hóa.

[← 2]

Muốn hiểu rõ chi tiết sự diễn biến thi ca, xin các bạn hãy đọc quyển *Khuynh hướng thi ca tiền chiến*.

[← 3]

Sau khi bị thi trượt, Tản-Đà nhận định chua chát : « *Các sự bấn trong đời không có cái gì bấn bằng văn sách hỏi mọo.* »

Thiên lương gồm ba chất :

- 1) *Lương tri* là cái trí thức người ta vốn biết, không cần phải suy nghĩ và học tập.
- 2) *Lương tâm* là cái thiện tâm của người ta sẵn có.
- 3) *Lương năng* là cái tài năng người ta không học mà có.

Thiên lương nằm trong học thuyết Vương dương Minh.

Tản-Đà chủ trương : muốn cho nước tiến bộ phải cải thiện xã hội ; muốn cải thiện xã hội phải cải thiện con người ; muốn cải thiện con người phải phát triển thiên lương.

Đây là khía cạnh yêu nước của nhà thơ họ Nguyễn.

[← 5]

Bác sĩ Cadet, người Pháp, giám đốc Bệnh-viện Phan-thiết hồi 1916.

[← 6]

Sau khi bà chấp nối với ông Tuần-phủ Phạm khắc Thành, người làng Kim-thanh, huyện Ý-yên, tỉnh Nam-định, bà trút nỗi lòng trong thi bản *Tái tiểu sầu ngâm* với lời thơ bi thiết.

[← 7]

Áo xanh rêu màu đại tang, và cũng ngụ ý tấm áo trẻ trung của người đương tuổi thanh xuân rực rỡ.

[← 8]

Anh sang Pháp hồi Âu-châu đại chiến 1914-1918.

[← 9]

Phong dao : Con có cha như nhà có nóc. Con không cha như cóc man tường.

[← 10]

Sông Hương-giang và núi Ngự-bình.

[← 11]

Thế xác ngàn năm còn chôn được, chớ không bao giờ lấp được tiếng xấu xa.

[← 12]

Travaillez vous pour rendre utile,
Rendez vous utile pour être aimé.
Soyez aimé pour être heureux
(Charles NODIER)

[← 13]

Bài này sáng tác vào năm 1930, nhân buồn bực, Phan Khôi cùng người bạn bơi xuống chơi trên sông Tân-bình thuộc vùng Cà-mau.

[← 14]

Ba bài thơ ngắn trích trong *Giai phẩm mùa thu* tập III của Phan Khôi.

[← 15]

Ba bài thơ ngắn trích trong *Giai phẩm mùa thu* tập III của Phan Khôi.

[← 16]

Ba bài thơ ngắn trích trong *Giai phẩm mùa thu* tập III của Phan Khôi.

[← 17]

Trong *Thi nhân Việt-nam* của Hoài-Thanh Hoài-Chân có đăng bài *Văng khách thơ* nhưng chữa lại nhan đề là *Xuân về*.

[← 18]

Hai bức thư ấy đăng ở *Tiểu thuyết thứ bảy* số 29 ngày 15-12-1931 và số 34 ngày 19-1-1935.

[← 19]

Lưu kỳ Linh thấy đôi câu khiếm lễ với hai vị Tiên-bối và vài vắn chưa ổn đáng nên sửa đổi lại như sau :

Thần thơ thơ thần mấy ông đồ

Múa bút Tao-đàn khéo điểm tô

Lộng nguyệt, say thừa men cụ Lý (a)

Ngâm phong, nhai lại bã cô Hồ (b)

Chai to chai nhỏ con cây béo

Câu thánh câu thần đĩa mực khô

Nắn nét sao cho thành bốn vế

Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ.

(Lưu kỳ Linh)

a) Lý Bạch – b) Hồ xuân Hương

[← 20]

Những thi bản sau đây trích trong tập *Tiếng thu*.

[← 21]

Đây là bài thơ chuyển hướng của Lưu Trọng Lư vào khoảng bắt đầu cuộc chiến tranh Việt-Pháp.

[← 22]

Các bạn lưu ý đến điệu thơ và cách trình bày.

[← 23]

Xin tham khảo thêm ở phần thi tuyển bài diễn văn của nữ sĩ Manh-Manh nói về vấn đề Nữ-lưu và Văn học.

[← 24]

Quý bạn lưu ý cách trình bày thi bản dưới đây.

Sau một thời gian hô hào cổ vũ thơ mới, Nguyễn thị Manh-Manh xoay qua hoạt động trong lãnh vực phụ nữ, tiếng thơ vì đó mà im hơi. Phái chống đối thơ mới cho đây là Nguyễn thị Manh-Manh đã « xù ». Dưới đây là bài thơ « tái xuất giang hồ » của nữ sĩ để trả lời dư luận trên.

[← 26]

Thay Tú-Mỡ trả lời một bạn đọc.

[← 27]

Xin xem ở phần *Cuộc đời của Nguyễn-Bính đi trong khói lửa chiến chinh*.

[← 28]

Bài thơ này Nguyễn-Bính sáng tác trong thời kỳ Nam-bộ kháng chiến. Bản sao do Văn tàng trữ.

[← 29]

Trích báo « Trăm hoa » xuất bản tại Hà-nội ngày 9-12-1956.

[← 30]

Vì sự nhu cầu của sinh viên, chúng tôi mạn phép ghi lại toàn bài *Tỳ bà truyện* để các em có đầy đủ tài liệu tham khảo về Nguyễn-Bính.

[← 31]

Mời quý bạn tham khảo bài *Vàng, Máu*, cũng là khía cạnh khác lạ của Thanh-Tĩnh.

Maurice Maeterlinck sinh năm 1862 tại Gand. Ông là văn sĩ người Bỉ nổi tiếng khắp Âu-châu và làm bài thơ *Et s'il revenait un jour* năm 1897, chúng tôi xin trích nguyên tác trong phần Thi tuyển.

[← 33]

Thanh-Tĩnh còn mô phỏng theo nhạc điệu bài *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư. Xin xem ở phần Thi tuyển bài *Tiếng động ban đêm*.

[← 34]

Vì hai chữ « *chửi Tây* », Nguyễn Vỹ bị sở kiểm duyệt của mật thám Pháp kêu lên hỏi : « Ông chửi Tây là chửi ai ? ».

[← 35]

Xin đọc tiếp quyển *Khuyñh hướng thi ca tiền chiến*.

Tao đàn Bạch Nga hoạt động trở lại với một số thi sĩ tên tuổi như Công tôn nữ Thanh-Nhung, Nguyễn văn Cồn, Công tôn nữ Hỷ-Khương, Tuệ Mai v.v... *Tao đàn* có mở một giải thưởng gọi là « *Giải Tao đàn Bạch Nga 1964* », có ba nhà thơ trẻ trúng giải trong đó có hai sinh viên Đại-học, cử nhân Triết-học và Văn chương. Rất tiếc, tình hình chiến tranh mỗi ngày mỗi căng thẳng, và gây khá nhiều xáo trộn trong đời sống của dân-tộc, nên *Tao đàn* tạm ngưng hoạt động từ 1966.

[← 37]

Bài thơ trên đây Nguyễn Vỹ cảm tác nhân ngày kỷ niệm *Phố Thông tạp chí* năm thứ 10 (5-11-1967).

Hoa ty-gôn (phiên âm danh từ Pháp : Antigone) là loại hoa dây đẹp, không thơm, có hình quả tim vỡ làm mấy mảnh, màu trắng và hồng, ở miền Nam người ta gọi là hoa nho vì lá giống như lá nho. Nàng mượn ý màu trắng là màu trinh bạch, ngây thơ khi nàng còn nhỏ dại, và hồng là màu mà nàng phải trải qua những sự đau khổ trong tình trường khi con tim nàng tan vỡ...

[← 39]

Để trả lời bốn câu thơ này của T. T. Kh, Hồ Dzếnh có làm bốn câu sau đây đăng trong *Trung Bắc tân văn* :

Rồi một ngày mai em lấy chồng

Anh về lấy vợ thế là xong

Vợ anh không giống em là mấy

Anh lấy cho anh đỡ lạnh lòng.

[← 40]

Chúng tôi đưa quan điểm trên đây theo thời gian và sự kiện lúc bấy giờ nhân đọc mỗi duyên tình bể bàng của nàng T. T. Kh.

[← 41]

Đây là bài thơ trình bày quan niệm nhân đạo, yêu chuộng hòa bình và chống bất công áp bức.

[← 42]

Chu giáp là một vòng tròn 60 năm.

[← 43]

Tác giả Lam-Giang cho biết như trên trong *Hồn thơ nước Việt thế kỷ XX* tập I do nhà *Song Quang* xuất bản tại Sài-gòn năm 1967.

[← 44]

Xin tham khảo thêm ở hai bài *Đẹp* và *Thanh niên* ở phần thi tuyển.

Có lẽ đây là bước chót đường tình của Xuân-Diệu. Cảm thương những cánh hoa rừng mang sứ mệnh « gửi hương cho gió » ngàn phương, thi nhân đã vì họ nói lên nỗi niềm trong bài *Gửi hương cho gió* mà Xuân-Diệu đã chọn làm tên cho tập thơ thứ nhì và là thi phẩm chót.

[← 46]

Việt-nam văn học sử quyển III trang 434, Phạm thế Ngũ.

Để các bạn ý niệm được sự chuyển hướng tư tưởng của Xuân-Diệu về lối thơ lãng mạn cách mạng như ông Thế-Phong đã chia khuynh hướng thi ca của nhà thơ này trong quyển *Lược sử Văn nghệ Việt-nam*. Chúng tôi xin trích dẫn bài *Trở về* của Xuân-Diệu sáng tác sau 1945 làm điển hình cho các bạn tiện việc tham khảo.

[← 48]

Gồm hai phần : *Giã từ* (1930), *Giao lại* (1942).

[← 49]

Thi sĩ nói đùa, chứ ai không biết Lê-Ta là thi sĩ Thế-Lữ.

[← 50]

Thi phẩm của Anh-Thơ do Đời Nay xuất bản.

[← 51]

Đây là điển hình cho lối thơ dịch của Nguyễn Giang. Chúng tôi kèm bản Pháp văn để các bạn đối chiếu.